

THẠCH LÂM TUYỂN TẬP



NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI

TUYỂN TẬP THẠCH LAM

TUYỂN TẬP
THẠCH LAM

NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI

SƠ LƯỢC TIỂU SỬ

Sinh ngày 7-7-1910, tên thật là Nguyễn Tường Vinh, sau đổi là Nguyễn Tường Lân. Bút danh chính là Thạch Lam. Ngoài ra, ông còn có các bút danh khác như Việt Sinh, Thiện Sỹ.

Thạch Lam sinh ra tại ấp Thái Hà, Hà Nội. Bố là công chức quê gốc ở Quảng Nam, làm việc tại Lào. Sau khi bố mất, mẹ theo ông nội ra làm tri huyện ở Cẩm Giàng (Hải Dương), vì vậy Thạch Lam có nhiều kỷ niệm tại quê hương mới này. Ông là anh ruột với Nhất Linh (Nguyễn Tường Tam), Hoàng Đạo (Nguyễn Tường Long).

Sau khi thi đỗ trường cao đẳng tiểu học, Thạch Lam học trường canh nông một thời gian, sau học trường Anbe Xarô (Hà Nội), đỗ tú tài phần thứ nhất, rồi ra làm báo với các anh của mình.

Năm 1932 tham gia ban biên tập tuần báo "Phong hóa", sau đó tham gia thành lập tổ chức Tự lực văn đoàn. Hầu hết các tác phẩm của Thạch Lam đều in tải trên báo "Phong hóa", "Ngày nay", sau đó mới in thành sách.

Tuy là cùng tham gia báo "Phong hóa", Tự lực văn đoàn, nhưng khác với Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo, ông có khuynh hướng tiến gần tới chủ nghĩa hiện thực và tình cảm nghiêng hoàn toàn về người nghèo khổ, thông cảm chân thành với các cảnh ngộ éo le. Nhiều sáng tác của Thạch Lam có xu hướng tiến bộ tiêu biểu cho văn xuôi lãng mạn trong thời kỳ mặt trận dân chủ...

Thạch Lam mắc bệnh lao và mất tại Yên Phụ (Hà Nội) ngày 28-6-1942, khi vừa 32 tuổi.

Các tác phẩm chính; "Gió đầu mùa" (Tập truyện ngắn, 1937); "Nắng trong vườn" (Tập truyện ngắn, 1938); "Ngày mới" (Truyện dài, 1939); "Theo dòng" (Bình luận văn học, 1941); "Sợi tóc" (Tập truyện ngắn, 1942); "Hà Nội băm sáu phố phường" (Bút ký, 1943) và một số truyện ngắn thiếu nhi khác.

I - TRUYỆN NGẮN

ĐƯA CON ĐẦU LÒNG

Tân nhớ lại một cách rõ ràng những giờ chàng chờ đợi trong căn phòng ở hộ sinh viện. Thì giờ lúc ấy sao hình như đi chậm thế! Tân tưởng cái buổi ấy kéo dài ra mãi không bao giờ hết. Chàng nóng ruột như lửa đốt, đi đi lại lại trong phòng, ngồi xuống chiếc ghế ở bên tường một lát rồi đứng dậy. Chàng đưa mắt nhìn qua những bàn ghế giản dị và sơn trắng, xếp đặt một cách gọn ghẽ. Rồi chàng chăm chú nhìn cái cánh cửa đóng ở góc phòng. Bên kia cánh cửa, vợ chàng đang chờ đợi cái bí mật lạ lùng của sự sinh nở. Thỉnh thoảng cửa phòng hé mở, một cô đỡ mặc áo trắng rón rén bước ra.

Tân thoáng nghe thấy những tiếng kêu khe khẽ và đau đớn. Chàng để ý dò xét nét mặt của cô đỡ nhưng vẫn thấy cô ta bình tĩnh như thường, nhẹ nhàng đi ra ngoài lấy chai nước hoặc cái khăn mặt.

Rồi cuộc chờ đợi khó chịu ấy hết. Tân nghe thấy mấy tiếng kêu thét trong phòng bên đưa sang, tiếp đến tiếng trẻ con khóc. Một lát, cánh cửa phòng mở rộng, một cô đỡ ghé đầu ra ngoài mỉm cười.

- Mời ông vào. Xong cả rồi.

Tân theo cô ta bước vào trong phòng. Chàng thấy mấy cô đỡ xúm xít chung quanh cái nôi mây và thoáng nhìn thấy giữa đống vải trắng một vật gì đỏ nõn đang động đậy. Tân đến gần bên giường. Vợ chàng nằm ngả đầu trên gối trắng, nét mặt xanh xao và mệt nhọc. Nhưng hai con mắt sáng lên như vui mừng khi nhận thấy chàng.

Trong gian phòng yên lặng vẫn phảng phất cái không khí của một sự bí mật gì quan trọng. Các cô đỡ nói với nhau khe khẽ. Tân ngồi xuống cái ghế đầu giường, cầm lấy tay vợ. Chàng thấy bàn tay lạnh và ướt đầm mồ hôi.

Bà đỡ chính đã lót xong cho đứa bé, đưa đến trước mặt Tân, vui vẻ nói:

- Ông xem cô bé có khỏe mạnh không? Được hơn ba cân rưỡi đấy.

Trong khi vợ chàng giơ tay ra đón lấy đứa con một cách âu yếm và nâng niu, Tân tò mò ngắm nhìn cái đầu bé phủ tóc đen và mượt. Chàng thấy một cảm tưởng lạ,

không rõ rệt, nảy nở trong lòng. Nhưng cái dúm thịt động đậy, cái mầm sống nhỏ mọn và yếu ớt kia hình như không có một chút liên lạc gì với chàng cả. Tân không thấy cảm động như chàng tưởng, và cũng không thấy có một tình cảm gì đối với đứa con mới đẻ.

Một tuần lễ sau ở nhà, Tân thấy vợ và vú em bận rộn, rối rít như mỗi khi sắp đến ngày giỗ. Hai người suốt cả buổi chỉ ngồi cắt và khâu những cái áo con con, đan những đôi tất xinh xinh và sửa soạn cái nội mây. Những công việc đó, Tân thấy hay hay, nhưng chàng không để tâm đến. Thỉnh thoảng chàng mới thoáng chú ý một chút đến đứa bé mà chàng thấy lúc nào cũng quấn kín trong miếng vải trắng và nhắm mắt ngủ kỹ.

Một buổi sáng khi sắp sửa đi làm, Tân thấy vợ gọi:

- Này cậu lại mà xem, hay quá.

Tân cúi xuống giường vợ chàng đang ngồi, và hai tay giữ chân đứa bé đặt nằm trước mặt. Hai bàn tay nhỏ nhắn của đứa bé đang cọ quạy, giơ lên giơ xuống, hai con mắt bé lơ lơ, như hơi ngạc nhiên nhìn.

Vợ chàng sung sướng hỏi:

- Có phải nó nhón hơn hôm nọ nhiều không?

Nàng giơ ngón tay cho đứa bé nắm rồi tiếp:

- Này cậu xem nó nắm chặt chưa này!

Tân cũng cầm lấy tay đứa bé đáp:

- Ừ, nhưng sao cái đầu nó dài thế nhỉ. Tôi trông nó thế nào ấy.

- Nó còn bé thì nó thế chứ sao.

- Mà hình như một mắt to, một mắt nhỏ.

Vợ Tân ra ý không bằng lòng, cãi lại:

- Không, hai mắt nó bằng nhau đấy chứ. Cậu chỉ hay chê nó thôi.

Rồi nàng bế đứa con lên lòng, âu yếm cho nó bú.

Dần dần Tân cũng quen với đứa trẻ lặng lẽ sống bên mình. Mỗi lần đi về Tân lại đến cạnh cái nôi, vén tấm màn trắng lên và nhìn một lát đứa bé nằm trong đó. Vẫn hai tay cọ quay và con mắt lơ dờ nhìn mọi vật. Tuy vậy, Tân không nhận thấy rõ rệt có cái liên lạc gì với đứa trẻ. Và lại chàng cũng không nghĩ sâu xa gì về sự đó, chỉ thoáng qua trong trí mà thôi.

Một lần, chàng đang ngồi làm việc ở bàn giấy thì nghe tiếng vợ tắm cho đứa bé ở trong buồng. Vợ chàng gọi:

- Cậu vào đây hộ tôi một tí.

Tân quay mặt vào phía buồng, đáp:

- Con sen đâu, sao không gọi nó?

- Nó còn bận giặt ngoài kia. Thì cậu vào hộ tôi một tí có làm sao. Giữ hộ tôi cái đầu để tôi tắm cho nó thôi mà.

Tân ngần ngại bỏ dở công việc:

- Nào thì vào!

Rồi chàng vào trong buồng ngồi xuống bên cái chậu, hai tay giữ lấy đầu đứa bé. Vợ chàng nói lấy lòng:

- Cậu chỉ cầm một tí thôi. Tôi tắm cho nó xong ngay bây giờ đây.

Tân nhìn đứa bé, không thích một chút nào. Cái thân hình ngắn ngủn và chân tay ngằng nghiu của nó làm chàng khó chịu không muốn để ý đến. Chàng cầu nhàu máng đứa bé:

- Nằm im! Mày cứ cọ quay bắn cả nước lên tao đây này.

Cái đầu đứa bé bơi dấy xà phòng nên càng trơn khó giữ. Tân đã thấy mỗi tay. Chàng bảo vợ:

- Thôi, giữ lấy nó, tôi mỗi tay lắm rồi.

Vợ chàng hơi gắt:

- Hãy giữ một chút nữa. Mới có một tí thế đã kêu mỗi!

Cái giọng nói ấy làm cho Tân không bằng lòng. Chàng buông đứa bé đứng dậy, trả lời xẵng:

- Không phải công việc của tôi. Với lại tôi trông nó khó chịu lắm.

Tân không nhận thấy nét ngạc nhiên và buồn rầu của vợ, bước ra ngoài. Một chút hối hận, đến cửa, làm chàng quay mặt lại: vợ chàng đang ôm đứa bé trong lòng, khóc nức nở.

Ra ngoài, Tân mới nhận thấy cái cử chỉ vô lý của mình. Một tấm tình thương nẩy nở trong lòng chàng. Tân muốn trở vào an ủi vợ, xin lỗi nàng vì đã làm nàng phải buồn rầu. Chàng dừng lại, định quay vào, nhưng không biết cái gì vẫn giữ chàng lại. Tân đến ngồi bên bàn, nghĩ ngợi.

Từ khi hai vợ chồng lấy nhau, những cuộc cãi cọ nhỏ mọn, không có nghĩa lý gì, vẫn thường xảy ra luôn. Vì

một câu nói, vì một cố không đâu, hai vợ chồng lại giận nhau. Mà cũng như lần này, Tân cảm thấy chàng chỉ nói một lời nói dịu ngọt êm ái là đủ cho hai bên lại hòa hợp như cũ. Nhưng những câu ấy tan đi trên miệng trước khi nói ra lời. Một ý xấu khiến chàng yên lặng, và xui chàng giận dữ thêm lên để lấy phần phải về mình.

Khi Tân trở lại phòng, chàng thấy vợ đang ngồi cho con bú. Đứa bé tắm rửa sạch sẽ trông hồng hào như đánh phấn. Cái bàn tay mập mạp xinh xắn của nó nắm chặt lấy tay mẹ như để cầu sự âu yếm và che chở. Thỉnh thoảng nó ậm ừ trong miệng có vẻ rất bằng lòng.

Tân lại gần, cúi nhìn đứa bé. Chàng thấy trong lòng một cảm động êm đềm và phiền phức. Nhìn đứa trẻ ngây thơ nằm trong lòng mẹ, Tân cảm thấy lần đầu cái thiêng liêng sâu xa của sự sống, và nhận thấy chính những cái bé nhỏ, hèn mọn hằng ngày nó phá hoại cuộc đời.

*

* *

Từ đây, đứa con như cái dây giữ sự hòa hợp trong hai vợ chồng. Tân và vợ chàng không cãi nhau nữa. Mà nếu có xảy ra cuộc hờn giận, hai người chỉ cùng trông đứa trẻ mũm mĩm là lại hòa hảo như cũ.

Thỉnh thoảng, vợ chàng bỗng con đưa đến trước mặt Tân, chỉ cho chàng biết những cái thay đổi trong đứa bé.

- Này cậu trông, cái thóp bây giờ đã nhỏ đi rồi đấy.

Tân cũng chăm chú xem, rồi nói chuyện với con. Lúc chàng ngừng lên nhìn, chàng thấy vợ ngượng nghịu muốn giấu sự vui mừng làm ửng hồng đôi gò má. Tân cũng thấy trong tâm can một sự vui vẻ khác thường.

Buổi sáng nay, vừa bước chân vào trong nhà, Tân đã hỏi vợ:

- Em đâu?

- Nó ngủ. Cái gì thế?

- Tôi có cái này hay lắm.

Tân giờ lên cho vợ xem một đôi bút tất len trắng xinh đẹp. Chàng bước lại bên cạnh cái nôi rủ màu trắng sạch sẽ.

Vợ chàng vội nói:

- Ấy, khê chứ cậu, để nó ngủ. Tôi vừa mới đặt xong.

Tân rón rén, khe khẽ giở tấm màn tuyn nhìn thấy đứa trẻ nằm gọn gàng trong vải trắng. Chàng cúi mình xuống, yên lặng đợi trên cặp môi nhỏ bé một nụ cười.

Và Tân thấy trong lòng rung động khê như cánh bướm non, một tình cảm sâu xa và mới mẻ chàng chưa từng thấy.

Gió đầu mùa

NXB Đời nay, 1937

NHÀ MẸ LÊ

Đoàn Thôn là một cái phố chợ tồi tàn gần ngay một huyện lỵ nhỏ ở trung châu. Hai dãy nhà lụp xụp, mái tranh xuống thấp gần đến thêm, che nửa những cái gai nửa đã mục nát. Gần đây là những quán chợ xiêu vẹo đứng bao bọc một căn nhà gạch có gác, bung bít như một cái tổ chim, nhà của một người giàu trong làng làm ra để bán hàng.

Người ở phố chợ là bảy, tám gia đình nghèo khổ không biết quê quán ở đâu, mà người dân trong huyện vẫn gọi một cách khinh bỉ: những kẻ ngụ cư. Họ ở những đầu đến đây kiếm ăn trong mấy năm trời làm đôi kém, làm những nghề lật vặt: người thì kéo xe, người thì đánh dậm hay làm thuê, ở mướn cho những nhà giàu có trong làng. Người ta gọi mỗi gia đình bằng tên người mẹ: nhà mẹ Hiền, nhà mẹ Đối, nhà mẹ Lê. Những gia đình này đều giống nhau ở chỗ cùng nghèo nàn như nhau cả.

Nhà mẹ Lê là một gia đình có người mẹ với mười

một người con. Bác Lê là một người đàn bà quê chắc chắn và thấp bé, da mặt và chân tay dãn deo như một quả trám khô. Khi bác mới đến phố, ai ai cũng chú ý đến đám con của bác: mười một đứa, mà đứa nhớn mới có mười bảy tuổi, đứa bé nhất hãy còn phải bế trên tay.

Mẹ con bác ta ở một căn nhà cuối phố, một căn nhà cũng lụp xụp như những căn nhà khác. Chừng ấy người chen chúc trong một khoảng rộng độ bằng hai chiếc chiếu, có mỗi một chiếc giường nan đã gãy nát. Mùa rét thì giải ổ rơm đầy nhà, mẹ con cùng nằm ngủ trên đó, trông như một cái ổ chó, chó mẹ và chó con lúc nhúc. Đối với những người nghèo như bác, một chỗ ở như thế cũng tương tất lắm rồi. Nhưng còn cách kiếm ăn. Bác Lê chắt vật, khó khăn suốt ngày cũng không đủ nuôi chừng ấy đứa con. Từ buổi sáng tinh sương, mùa nực cũng như mùa rét, bác ta đã phải trở dậy để đi làm mướn cho những người có ruộng trong làng. Những ngày có người mướn ấy, tuy bác phải làm vất vả, nhưng chắc chắn buổi tối được mấy bát gạo và mấy đồng xu về nuôi lũ con đói đợi ở nhà. Đó là những ngày sung sướng. Nhưng đến mùa rét, khi các ruộng kia đã gặt rồi, cánh đồng chỉ còn trơ cuống ra dưới gió bắc lạnh như lưỡi dao sắc khía vào da, bác Lê lo sợ; vì không ai mướn bác làm việc gì nữa. Thế là cả nhà nhịn đói. Mấy đứa nhỏ nhất, con Tý, con Phún, thằng Hi mà con chị nó bế, chúng nó khóc lả đi mà không có cái ăn. Dưới manh áo rách nát, thịt chúng nó thâm tím lại vì rét, như thịt con trâu

chết. Bác Lê ôm ấp lấy con trong ổ rơm để mong lấy cái hơi ấm của mình ấp ủ cho nó. Thằng con nhón nhất thì từ sáng đã cùng thằng Ba ra cánh đồng kiếm con cua con ốc, hay sau mùa gặt, đi mót những bông lúa còn sót lại trong khe ruộng. Thật là sung sướng, nếu chúng mang về được một lượm, trong những ngày may mắn. Vội vàng, bác Lê đẩy con ra vợ lấy bó lúa, đem để xuống dưới chân vò nát, vét hột thóc, giã lấy gạo. Rồi là một bữa cơm nóng lúc buổi tối giá rét mẹ con ngồi xúm quanh nồi cơm bốc hơi, trong khi bên ngoài gió lạnh rít qua mái tranh.

*
* *
*

Cuộc đời của gia đình bác Lê cứ như thế mà lặng lẽ qua, ngày no rồi lại ngày đói. Tuy vậy, cũng có những ngày vui vẻ. Những ngày nắng ấm trong năm, hay những buổi chiều mùa hạ, mẹ con bác Lê cùng nhau ngồi chơi ở trước cửa nhà. Các người hàng xóm cũng làm như thế. Các bà mẹ ngồi rủ rủ với nhau những câu chuyện kín đáo, các trẻ con nô đùa dưới quán chợ, còn các bà già thì ngồi rũ tóc tìm chấy ngoài bóng nắng. Bác Lê đem thằng Hí, con Phún ra gọt tóc cho chúng nó bằng một cái mảnh chai sắc. Thằng cả ngồi đan lại cái lò, còn những đứa khác chơi quanh gần đấy. Trong ngày hè nóng nực, con bác Lê đứa nào cũng lở đầu - bác ta

bảo là một cái bệnh gia truyền từ đời ông tam đại - nên bác lấy phẩm xanh bôi cho chúng nó. Trông mẹ con bác lại giống một mẹ con đàn gà, mà những con gà con người ta bôi xanh lên đầu cho khỏi lẫn. Người phố chợ vẫn thường nói đùa bác Lê về đàn con đông đúc ấy. Bác Đồi, kéo xe, người vui tính nhất xóm, không lần nào đi qua nhà bác Lê mà không bảo:

- Bác phải nhớ thỉnh thoảng đếm lại con không quên mất.

Bác Lê bao giờ cũng trả lời một câu:

- Mất bớt đi cho nó đỡ tội!

Nhưng mọi người biết bác Lê quý con lắm. Tuy bác hết sức công bằng, người ta cũng thấy bác yêu thằng Hi hơn cả, nó là con thứ chín, và ốm yếu xanh xao nhất nhà. Bác thường bế nó lên lòng, hôn hít, rồi khoe với hàng xóm: nội cả nhà chỉ có nó là giống thầy cháu như đúc. Rồi bác ôm con ngồi lặng yên một lát, như để nhớ lại chuyện gì đã lâu lắm.

Những đêm sáng trăng, mùa hạ, cả phố bắc chống ngói ngoài đường vì trong nhà nào cũng nóng như một cái lò và hàng vạn con muỗi vo ve. Dưới bóng trăng, những đá rải đường trông đẹp và lấp lánh sáng. Đất hãy còn giữ cái nóng buổi trưa và bốc lên một cái mùi riêng lẫn mùi rác bẩn và mùi cát. Mọi người họp nhau nói chuyện, trẻ con nghịch chạy quanh các bà mẹ. Hình như quên cái cảnh khổ sở, hèn mọn, ai ai cũng vui vẻ chuyện trò, tiếng cười to và dài của người lớn xen lẫn

với tiếng khúc khích của các cô gái chúm chụm sát nhau trong bóng tối. Người ta thấy tiếng bác Hiền nói vang, tiếng bác Đồi thuật lại buổi xe kiếm may mắn. Trong một căn nhà đưa ra tiếng võng và tiếng hát lạnh lạnh của bác Đồi gái, đã đem hết tiền buổi xe kiếm được của chồng vào hiệu khách mua một cân táo tàu rồi nằm võng vừa nhai vừa hát bài trống quân:

"Ngày xưa, có anh Trương Chi..."

*
* *
*

Mấy năm sau, sự kiếm ăn ngày một thêm khó khăn. Buổi chợ họp không đông đúc như trước và vãn sớm. Những tiếng nói chuyện trong sương lúc mờ sáng của các người hàng xáo gánh gạo kiu kịt trên đê để đem xuống huyện bán, người ta không nghe thấy nữa. Cái đói kém đến chen lấn trong phố chợ. Bác Hiền ngày nào cũng gánh hàng đi rồi lại gánh hàng về; còn thường thấy bác Đồi kéo cái xe không lảng vảng trong huyện và vợ bác cũng không hay nằm võng hát trống quân nữa. Bác Lê trong lúc ấy, đi khắp các nhà trong làng xin làm mướn, nhưng các nhà có ruộng không ai mướn; bác có làm không công, người ta cũng chỉ cho có nửa bát gạo, đùm bọc về không đủ cho ba đứa con ăn. Những ngày nhịn đói dần dần liên tiếp nhau luôn. Bác Lê thấy đàn con ngày một gầy còm; buổi chiều, bác mệt nhọc chán

nản trở về, hỏi thằng cả xem có đánh được ít cá nào không, thì nó buồn rầu khẽ lắc đầu, trả lời rằng các hồ ao người ta đã cấm không cho nó thả lờ nữa.

Mùa rét năm ấy đến, giá lạnh và gió mưa lay lộn. Đàn con bác Lê ôm chặt lấy nhau, rét run trong căn nhà ẩm ướt và tối tăm, vì đèn đóm không có nữa. Mấy gia đình ở phố chợ đều đói rét, khổ sở. Nhưng mỗi nhà đều lặng lẽ, âm thầm mà chịu khổ một mình, không than thở với láng giềng hàng xóm, bởi vì ai nấy đều biết cũng nghèo khốn như nhau.

*
* *
*

Một buổi chiều, mà đàn con nhịn đói đã suốt buổi, bác Lê vá lại manh áo rét, gọi đứa con cả đến rồi bảo:

- Ở nhà trông các em, tao vào ông Bá xem có xin được ít gạo nào không.

- Ban sáng u đã vào mà người ta có cho đâu; cậu Phúc lại còn bảo hễ u vào nữa thì cậu ấy thả chó ra cắn.

Bác Lê đáp:

- Nhưng biết làm thế nào! Không có thì lấy gạo đâu ra mà ăn? Thôi, tao cứ liều vào lần nữa xem sao.

Nói xong, bác Lê mở cửa liếp ra đi. Trong lòng bác vẫn có chút hy vọng, tuy buổi sáng, lúc vào xin gạo, ông Bá đã đuổi mắng không cho. Bác nhớ lại cái cảnh sang trọng ấm cúng trong nhà ông Bá: những chậu sứ, câu

đôi thiệp vàng sáng chói. Không lẽ ông Bá giàu có thế mà không thí cho mẹ con bác được bát gạo hay sao?

Ở nhà, đàn con bác ngồi nhìn nhau, đợi trong ổ rơm. Bác đi đã lâu mà không thấy về. Thằng Hi lắng tai nghe tiếng chó cắn trong làng, rồi bảo chị nó:

- Hình như u về đấy, chị ạ.

Thằng Lê đi lại bên cửa liếp nhìn ra ngoài.

Bỗng có tiếng chân người rầm rập, đến tiếng gọi, rồi lũ trẻ thấy bác Đồi và một người nữa khiêng bác Lê vào trong nhà. Trên bắp chân người mẹ, máu đỏ chảy ròng ròng.

Thằng Lê hiểu ngay mẹ nó bị chó nhà ông Bá cắn. Bác Đồi đặt người bị thương xuống chiếu rồi ra đi, sau khi dặn:

- Bây giờ bác lấy lá lốt mà rịt cho nó cầm máu. Chó Tây cắn thì độc lắm đấy.

Khi bác đi khỏi, lũ trẻ xúm quanh lấy mẹ. Thằng Hi vừa mếu máo vừa hỏi:

- U làm sao thế u?

Bác Lê nén cái đau, giảng cho con biết:

- Thật cậu Phúc ác quá! Đã không cho thì thôi, lại còn thả chó ra đuổi; tao đã chạy mà không kịp, nên nó cắn phải. May gặp bác Đồi, chứ không biết bao giờ mới về được về đến nhà.

Bác ngừng lại nhìn đàn con ốm yếu, rồi thở dài:

- Thế là mẹ con biết lấy gì mà ăn cho đỡ đói bây giờ?

Thằng Hi òa lên khóc, con Tý cũng khóc theo. Bác

Lê giờ tay ra ôm chúng nó vào lòng, rồi nghĩ thương thân phận mình, bác cũng ứa nước mắt.

Đêm ấy, bác Lê lên cơn sốt. Những cái rùng mình lạnh lẽo nối nhau lướt trên da bác, mạnh chiếu rách không đủ đắp ấm thân. Trong lúc mê sảng, bác Lê tưởng nhớ lại cả cuộc đời mình, từ lúc còn bé đến bây giờ, chỉ toàn những ngày khổ sở, nhọc nhằn. Cái nghèo nàn không biết tự bao giờ đã vào nhà bác, lúc sinh ra bác đã thấy nó rồi; và từ đấy, nó cứ theo liền bác mãi. Nhưng giá cứ có người muốn làm thì cũng không đến nỗi. Bác nhớ lại những buổi đi làm khó nhọc, những lúc vui vẻ được lĩnh gạo về cho con, những bữa cơm nóng mùa rét, những lúc thằng Hi và con Tý vui đùa giăng co chiếc bánh bác mua cho chúng.

Rồi đến những ngày đi mót lúa mỗi lưng trên cánh đồng, nhặt những bông lúa thơm, những lúc vò lúa dưới chân... Bác Lê nhớ lại cái cảm giác vui mừng khi thấy cạnh bông lúa sắc xát vào da thịt. Đấy còn là những ngày no đủ. Rồi đến những buổi chợ vắng, những ngày nhịn đói như hôm nay. Bác mơ màng thấy vàng son chói lọi trong nhà ông Bá, thấy nét mặt gian ác và tình nghịch của cậu Phúc, con chó Tây nhe nanh chồm lên...

- Trời ơi! Sao tôi khổ thế này...

Tiếng kêu thất thanh của bác làm giật mình lũ trẻ, chúng nó ngồi dậy đưa mắt sợ hãi nhìn người mẹ.

Hai hôm sau, bác Lê lại lên cơn mê sảng rồi chết.

Người trong phố chợ gom góp nhau mua cho bác một

cổ ván một, rồi đưa giúp bác ra cánh đồng, chôn vào bãi tha ma nhỏ ở đầu làng.

Khi trở về, qua căn nhà lạnh lẽo âm u, họ thấy mấy đứa con nhỏ bác Lê ngồi ở vỉa hè, con Tý đang dỗ cho thằng Hi nín khóc, nói dối rằng mẹ nó đi một lát sẽ về. Nhưng họ biết rằng bác Lê không trở về nữa. Và họ thấy một cái cảm giác lo sợ đè nén lấy tâm can họ, những người ở lại, những người còn sống mà cái nghèo khổ cứ đeo đuổi mãi không biết bao giờ dứt.

Gió đầu mùa

NXB Đời nay, 1937

TRỞ VỀ

Mùa hè năm nay, Tâm và vợ chàng về nghỉ mát ở nhà một người bạn ở vùng thôn quê. Khi người bạn mời thì Tâm nhận lời ngay, và chàng tính được chỗ nghỉ mát suốt một tháng hè không phải mất tiền, vả lại tiện hơn nữa, chàng có dịp về thăm nhà cũng ở gần đó.

Hôm ấy trời nắng mà có gió. Buổi sáng, ăn điểm tâm xong, hai vợ chồng Tâm bắc ghế ngồi ngoài hiên hưởng gió mát. Người bạn Tâm vì có việc đã ra tỉnh từ sớm. Tâm sực nhớ đến việc về thăm nhà, mà từ khi về nghỉ đến giờ, chàng cứ để lần lữa mãi. Chàng nói với vợ:

- Hôm nay thế nào tôi cũng phải về thăm nhà mới được.

Vợ chàng đáp:

- Thế còn tôi, tôi làm gì cho hết ngày hôm nay? Ngồi đây mãi thì chán chết.

- Độ năm giờ chiều tôi đã về đây rồi.

Vợ Tâm nũng nịu:

- Thế thành ra suốt ngày tôi ở đây một mình à? Cậu ích kỷ lắm, chỉ biết nghĩ đến công việc của cậu mà không biết nghĩ gì đến tôi cả.

Tâm ngẫm nghĩ. Muốn chiều vợ, chàng bàn:

- Hay là thế này thì tiện nhất. Mẹ cùng đi với tôi. Đến ga, chúng ta rẽ vào cao lầu ăn cơm sáng. Rồi mẹ đợi tôi ở đây, tôi về thăm nhà độ một giờ, rồi tôi lại ra ngay.

Vợ chàng bằng lòng. Hai người đánh xe ô tô nhà đi đến ga xe hỏa cách đây độ một chục cây số. Đến nơi, hai người dạo chơi phố, rồi vào hàng cơm nghỉ.

Tâm bảo:

- Bây giờ mẹ đợi tôi ở đây, tôi về thăm bà cụ.

- Phải đấy, nhưng đừng có ở lâu nhé. Cậu chớ có quên rằng tôi đợi cậu ở đây đấy.

Tâm mặc áo đi ra, để vợ ngồi trong căn phòng mát mẻ ở hàng cơm. Chàng đi theo một con đường đất đỏ, hai bên toàn cây râm bụi lá xanh thắm.

Có đến năm, sáu năm nay, Tâm không về thăm quê nhà. Trong thời gian ấy, ở Hà Nội, Tâm gắng sức làm việc để giành một cái địa vị trong xã hội. Chàng lấy vợ, con một nhà giàu có, cũng không cho mẹ biết. Thỉnh thoảng chàng nhận được ở nhà quê gửi ra một bức thư mà chữ viết non nớt nguệch ngoạc và lời lẽ quê kệch. Tâm chỉ đọc thoáng qua rồi không để ý đến. Sống trong cảnh giàu sang chắc chắn, Tâm không bao giờ nghĩ đến quê nhà nữa. Hoặc có nghĩ đến, chỉ để lại tự chế giễu mình. Khi còn nhỏ, đã cho cái đời ở thôn quê là giản dị

và sung sướng. Chàng mơ màng yêu một cô thôn nữ, và ước mong cùng nhau sống trong cảnh thanh bình dưới một túp lều tranh. Cái mộng ấy, bây giờ làm chàng khi nghĩ đến mỉm cười.

Không còn một cái liên lạc gì ràng buộc Tâm với thôn quê nữa. Những người họ hàng ở làng chỉ làm chàng sinh ghét, vì những sự đi lại nhờ vả lồi thối. Còn đối với mẹ chàng, Tâm tin rằng đã làm đủ bốn phận khi mỗi tháng gửi về giúp bà cụ một số tiền. Chàng lại càng tin như vậy lắm, khi nghĩ đến những cái khó khăn chàng phải vượt qua để có số tiền ấy. Bao nhiêu sự dối trá chàng phải cần đến để giấu không cho vợ biết!

Tuy vậy khi chàng đến đầu làng, Tâm trong lòng cũng thấy cảm động. Hai bên cánh đồng lúa xanh gió đưa như nổi sóng. Trên đường rải đá, mặt đất khô rắn lại và nứt nẻ nhiều chỗ. Tâm nhớ lại cái đất ấy đã làm đau đớn bàn chân non nớt của chàng khi còn nhỏ ngày ngày cắp sách đi học.

Một cái cảm giác mát lạnh bỗng trùm lên hai vai: Tâm ngẩng đầu lên nhìn; chàng vừa đi vào dưới vòm tre xanh trong ngõ. Mấy đứa trẻ nhà quê trần truồng và đen sạm đương chơi khăng ở vệ đường. Khi thấy chàng đi qua, chúng đưa những cặp mắt bẩn thỉu nhấp nháy nhìn, và chùi tay giày bùn vào bắp chân. Nghĩ đến thuở nhỏ, chàng cũng chỉ là một đứa bẩn thỉu như những đứa trẻ này, Tâm thấy tự phụ vì mình đã vượt hẳn được cái nghèo hèn ấy.

Khi vừa đến sân nhà. Tâm thấy bốn bề yên lặng, không có bóng người. Cái nhà cũ vẫn như trước, không thay đổi, chỉ có xúp thấp hơn một chút và mái tranh xơ xác hơn. Tâm bước qua sân rồi đẩy cái liếp bước vào. Vẫn cái gian nhà mà chàng đã sống từ thuở nhỏ. Tâm cất tiếng gọi. Chàng nghe thấy tiếng guốc đi, vẫn cái tiếng guốc ấy thông thả và chậm hơn trước, rồi mẹ Tâm bước vào. Bà cụ già đi nhiều; nhưng vẫn mặc cái bộ quần áo cũ kỹ như mấy năm về trước.

Khi nhận ra con, bà cụ ứa nước mắt:

- Con đã về đấy ư?

- Vâng, chính tôi đây; bà vẫn được mạnh khỏe đấy chứ?

Câu nói khó khăn mới ra khỏi miệng được.

- Bà ở đây có một mình thôi à?

Bà cụ cảm động đến nỗi không nói được.

Một lát bà mới đáp:

- Vẫn có con Trinh nó ở đây với tôi.

- Cô Trinh nào? Có phải cô Trinh con bác cả không?

Tâm nhớ mang máng cái cô con gái bé nhỏ ngày trước vẫn hay chơi với chàng.

- Tôi tưởng cô ta đi lấy chồng rồi.

Bà cụ ngồi xuống chiếc phản gỗ đáp:

- Đã lấy ai đâu. Con bé dở hơi chết đi ấy mà. Cũng đã có mấy đám hỏi, mà nó không chịu lấy.

Bà cụ lặng yên một lát.

- Thình thoảng nó vẫn nhắc đến cậu đấy.

Tâm nhún vai, không trả lời. Tuy ngoài trời nắng mà Tâm thấy bên trong cái ẩm thấp hình như ở khắp tường lan xuống, thấm vào người.

Bà cụ âu yếm nhìn con, sẵn sóc hỏi:

- Năm ngoái bác cả lên tỉnh về bảo cậu ốm. Tôi lo quá, nhưng quê mùa chả biết tình thế nào mà đi, thành ra không dám lên thăm. Bây giờ cậu đã khỏe hẳn chưa?

Tâm nhìn ra ngoài đáp:

- Như thường rồi.

Rồi lảng sang chuyện khác, Tâm hỏi:

- Ở làng có chuyện gì lạ không?

Bà cụ trả lời:

- Chả có việc gì lạ sất, ngày nào cũng như ngày nào, nhưng được có con Trinh sang đây ở với tôi nên cũng đỡ buồn. Nó thường vẫn làm giúp tôi nhiều công việc, con bé thế mà đảm đang tháo vát, đã chịu khó lại hay làm.

Có tiếng người đi ở ngoài vườn. Bà cụ ngừng lại:

- Có lẽ nó về đấy.

Rồi bà cụ cất tiếng gọi:

- Trinh đấy phải không, con? Vào đây, có cậu Tâm vừa về chơi.

Một thiếu nữ lách cửa liếp bước vào. Tâm trông thấy một cô gái quê ăn mặc giản dị, nhưng sạch sẽ. Đôi mắt Tâm gặp đôi mắt cô ta, đen láy, mở to nhìn chằm.

- Cậu Tâm đấy, con không nhớ ư?

Cô Trinh mỉm cười:

- Thưa, có ạ, ai chứ cậu Tâm thì quen thế nào được.



Hình như lơ lửng, cô thiếu nữ cúi mặt, hơi e lệ. Cái cử chỉ ấy, và lời nói đã không làm cho Tâm cảm động, lại làm cho chàng hơi ghét. Cô gái quê mùa tưởng chàng để ý đến chăng? Vì vậy, Tâm cất tiếng hỏi hơi xẵng:

- Thế nào, cô Trinh còn đợi gì mà không lấy chồng đi cho tôi ăn mừng?

Thấy thiếu nữ không trả lời, Tâm để ý nhìn. Chàng thấy cô ta không thay đổi, tuy có nhớn lên mà vẫn là cái cô bé chơi đùa với chàng thuở còn nhỏ. Tâm nhận thấy, ở thôn quê, người ta không thay đổi mấy, và tính tình vẫn giữ được y nguyên. Nhưng chàng, thì chàng thay đổi khác hẳn rồi. Những kỷ niệm cũ đối với chàng bây giờ thành ra trẻ con và vô vị. Tâm không thấy có sự tha thiết giữa chàng và cảnh cũ nữa. Bây giờ chàng không khi nào có cái ý tưởng điên rồ đi lấy một cô gái quê như Trinh để sống một cái đời tối tăm, nghèo khổ.

Tâm lơ đãng nghe lời mẹ kể về những công việc và cách làm ăn ngày một khó khăn ở làng. Chàng đứng đưng không để ý đến. Con cả bác Sinh lấy vợ, hay chú bác ta chết thì có quan hệ gì đến chàng? Cái đời ở thôn quê với cái đời chàng, chắc chắn, giàu sang không có liên lạc gì với nhau cả.

Câu chuyện nhạt dần. Những câu hỏi và sự săn sóc của bà cụ về việc của chàng chỉ làm cho Tâm khó chịu. Chàng trả lời qua loa lấy lệ.

Nghĩ đến vợ đợi, Tâm vội vàng đứng dậy. Bà cụ nhìn theo khản khản:

- Cậu hãy ở đây ăn cơm đã. Đến chiều hãy ra.

- Thôi, bà để tôi về. Độ này bận công việc lắm.

Tâm lại an ủi:

- Nhưng thế nào có dịp tôi cũng về.

Rồi Tâm mở ví lấy ra bốn tấm giấy bạc năm đồng đưa cho mẹ. Tâm hơi kiêu ngạo, trước mặt cô Trinh, chàng nói:

- Đúng hai chục: bà cầm lấy mà tiêu, có thiếu, tôi lại gửi về cho.

Bà cụ run tay đỡ gói giấy bạc, rơm rớm nước mắt.

Tâm làm như không thấy gì, vội vàng bước ra:

- Thôi, bà ở lại. Chào cô Trinh nhé. Bảo tôi có nhờ hỏi thăm tất cả họ hàng.

Ra đến ngoài, Tâm nhẹ hẫng mình. Chàng tự cho đã làm xong bốn phận.

Khi Tâm bước vào hàng cơm, vợ chàng vui mừng lộ ra nét mặt, vì không ngờ chàng về chóng thế. Trời hãy còn sớm. Hai vợ chồng rủ nhau đi ngắm cảnh đợi đến chiều mát sẽ đi ô tô về hướng gió.

Hai người đi quanh quán trong phố, nhìn những cửa hàng nước tiêu tụy của ta và những hiệu lớn của người Khách^(*). Mặt trời xế ngang chiếu ánh nắng lóe vào mắt, và giải vàng lên trên những mái nhà tranh. Chợ

(*) Người khách: Người Tàu

đã vãn: những người đàn bà gồng gánh sắp ra về, trên mặt đất đầy rẫy những rác bẩn, những vỏ dưa, những lá gói. Một cái mùi ẩm thấp bốc lên, cái mùi đặc biệt, hình như lẫn mùi đất, mùi ẩm và mùi rác đốt. Tâm nhớ lại rõ rệt những ngày còn trẻ.

Bỗng nhiên, Tâm giật mình lùi lại: một bà cụ già khom lưng dựa bên một cô gái, đi ra phía ga. Tâm nhận ra bà mẹ. Có lẽ bà cụ muốn được trông thấy con lần nữa. Chắc bà tưởng Tâm đi xe hỏa. Chàng lộ vẻ khó chịu - Bà cụ còn ra đây làm gì? Tâm sợ lúc bà cụ lại khóc lóc, để cố giữ chàng lại hay nắm lấy áo chàng mà kể lể giữa chỗ đông người. Chàng tưởng nghe thấy những câu bình phẩm to nhỏ, và trông thấy những cái mím cười chế giễu của mọi người. Vợ chàng sẽ nói thế nào?

- Thôi, chúng ta về ngay đi.

Tâm nói như người sốt ruột, giật cánh tay vợ rào bước mau.

Đội bà cụ đi khuất đầu phố, Tâm và vợ trở lại nhà hàng trả tiền, rồi đánh xe ra ngoài. Máy chạy đều, cái xe êm như ru bắt đầu lướt nhanh trên đất.

Khi đến chỗ quặt quá ga, bỗng nhiên Tâm thoáng thấy đứng bên cạnh đường, một bà cụ già khom lưng dựa vào một cô con gái. Chiếc xe chạy bắn vọt bùn lên quần áo hai người. Trong một giây, Tâm thấy cặp mắt đen láy của cô gái quē mở to ngạc nhiên nhìn mình.

Tâm không ngoảnh lại - chàng nghĩ đến bà mẹ, đến cô Trinh vẫn chơi đùa với chàng từ thuở nhỏ. Song

những hình ảnh ấy như xa xăm lắm, và Tâm vẫn thấy
dửng dưng không bận tâm trí. Giữa những kỷ niệm ấy
với Tâm, như có một cái bờ ngăn cản: xe ô tô, vợ chàng,
cái đời sang trọng, sung sướng của chàng hiện giờ.

Phong cảnh đồng ruộng hai bên đường vùn vụt trốn
lại sau lưng càng làm xa cách chàng với cảnh thôn quê
cũ.

Gió đầu mùa

NXB Đời nay, 1937

MỘT CƠN GIẬN

Một buổi tối mùa đông, chúng tôi ngồi trước lò sưởi, trong một căn buồng ấm áp. Tự nhiên trong câu chuyện, một người nói đến những cơn giận tự nhiên đến tràn ngập cả tâm hồn ta và có khi gây nên nhiều cái kết quả không hay. Rồi mỗi người đều bày tỏ ý kiến riêng của mình.

Anh Thanh từ nãy đến giờ vẫn lặng yên có vẻ trầm ngâm, cất tiếng nói:

- Sự giận dữ có thể sai khiến ta làm những việc nhỏ nhen không ai ngờ. Tôi biết hơn ai biết, vì chính tôi đã trải qua sự đó. Tôi sẽ kể các anh nghe một câu chuyện mà cái kỷ niệm còn in sâu trong trí nhớ tôi.

Cũng một buổi chiều mùa đông như hôm nay, tôi ở tòa báo ra về, trong lòng chán nản và buồn bực. Có những ngày mà tự nhiên, không hiểu tại sao, ta thấy khó chịu và hay gắt gỏng, không muốn làm việc gì. Tôi đang ở vào một ngày như thế mà chiều trời hôm ấy lại ảm đạm và rét mướt càng khiến cho cái cảm giác đó rõ rệt hơn.

Tôi đi vài bước trên con phố vắng người. Một cái xe tay đàng xa đi lại, anh phu xe co ro vì rét, hai tay giấu dưới manh áo tôi tàn. Theo lệ như mọi khi tôi mặc cả:

- Xe đi không? Bốn xu về gần nhà bò Yên Phụ.

- Thấy cho sáu xu.

- Không, bốn xu là đúng giá rồi.

Tôi vừa nói vừa bước đi. Người phu xe đã có tuổi cứ kéo cái xe theo sau tôi mà lẩm bẩm: "Bốn đồng xu từ đây về nhà bò". Cái tiếng nhà bò anh ta nhắc đi nhắc lại làm cho tôi khó chịu. Tôi biết đó là một cách của các phu xe cứ đi theo sau khách để làm cho người ta bực tức, tôi lại càng ghét và quay lại gắt:

- Có đi hay không thì thôi! Đừng có theo sau mà lải nhải.

Thấy tôi gắt, người phu xe dừng lại, không dám theo nữa. Nhưng để tôi đi một quãng xa, anh ta mới gọi:

- Lại đây mà đi.

Rồi anh ta hạ càn xe xuống, cứ dừng nguyên chỗ ấy đợi chứ không kéo lại phía tôi. Cái cử chỉ ấy làm tôi sinh ghét thêm, đã toan không đi, nhưng lúc ấy không có cái xe nào khác. Tôi giận dữ bước mạnh lên xe, vừa mắng:

- Anh thật là lẩm chuyện, không đi ngay lại còn vẽ.

Anh xe cãi lại:

- Từ đây về đây thầy cho được bốn đồng xu thật rẻ quá!

- Thì ai bảo anh đi? Không có tôi đã gọi xe khác.

Người phu xe khẽ thở dài, yên lặng nhấc xe lên. Lúc bấy giờ tôi mới ngả mình ra phía sau, nhưng thấy cái đệm cứng như gỗ đập vào lưng, tôi cúi xuống bên nhìn cái tay xe.

*
* * *

Tôi đoán không sai, chính là một cái xe hiệu "con lợn" - cái tên hiệu cũng xứng đáng, - một hạng xe tàng tàng ở ngoại ô mà tôi vẫn phải đi. Anh xe này đã vào đây kéo trộm, vì xe ngoại không được phép vào thành phố đón khách, nếu không tuân lệnh thì bị phạt từ ba đến bốn đồng bạc. Sự tồi tàn của cái xe làm cho tôi càng ghét anh xe nữa:

- Xe khổ thế này mà anh lại còn đòi cao giá.

- Xe thế mà thầy chê thì còn thế nào nữa!

Người xe bướng bỉnh cũng không chịu kém. Tôi nói câu gì là anh ta đối lại liền. Sau cùng, giận quá, tôi dậm mạnh chân xuống sàn xe gát:

- Thôi, cầm họng đi, đừng lải nhải nữa.

Sự giận dữ làm cho tôi quên rằng anh xe cũng chỉ có trả lời những câu mắng của tôi mà thôi, và chính tại tôi gắt với anh ta nhiều quá. Nhưng lúc bấy giờ tôi chỉ thấy tức người xe ấy đến cực điểm, vì hắn đã dám cãi lại tôi mà không sợ.

Xe đi khỏi nhà máy nước thì gặp một người đội xếp tây đi xe đạp lại, theo sau một người đội xếp ta. Tôi

nhận thấy anh xe kéo tôi có ý luống cuống và sợ hãi. Có lẽ vì thế mà người cảnh sát để ý, đi giáp vào cái xe kéo để xem dấu hiệu.

- Ê! Đứng lại!

Người kéo xe dừng chân... Anh ta quay lại tôi, hớt hải van xin:

- Lạy thầy... thầy nói giúp con... thầy làm ơn...

Dưới ánh đèn tôi thấy mặt anh xe tái mét. Những vết nhăn in sâu xuống trên mặt già nua hốc hác; chân tay người khốn nạn ấy run bật lên và tôi thấy cái rung động chuyển cả vào chiếc thân xe.

Người cảnh sát tây đến, nói bằng tiếng ta hơi sôi:

- Mày chết nhé! Mày sẽ bị phạt!

Người phu xe ấp úng nói thì ông ta khoát tay bảo im, rồi quay lại hỏi tôi, lần này bằng tiếng Pháp:

- Người này kéo ông từ trong phố ra hay ông đi khứ hồi?

Tôi liếc mắt nhìn anh xe kéo. Trong bóng tối của vành nón qua ngang mặt, tôi thấy hai mắt anh long lanh nhìn tôi, như cầu khẩn van xin yên lặng. Tôi biết lời nói của tôi làm anh bị bắt hay không. Những khi nói chuyện với các phu xe khác, tôi được biết rằng nếu người khách nói là đi khứ hồi từ ngoại ô, thì người xe không việc gì. Nhưng lúc ấy, lời van xin của anh xe kia không làm cho tôi động lòng, mà lại làm cho tôi ghét anh thêm. Tôi trả lời người đội xép:

- Tôi đi từ phố Hàng Bún.

- Vậy thì phiên ông xuống.

Rồi ông ta nhìn anh phu xe, cười một cách tinh quái:

- Allez! Đi về bóp!

Khi anh phu xe run sợ và hai người cảnh sát đã khuất đầu phố, tôi mới quay đi thông thả trên bờ hè. Con giận của tôi đã hết rồi. Sự hối hận dần thấm thía vào lòng tôi; tôi thấy một cái chán nản bức tức rung động trong người.

Tôi rùng mình nghĩ đến số phận của anh xe khốn nạn. Ba đồng bạc phạt! Anh ta sẽ phải vay trả cai xe để nộp phạt; nhưng ba đồng bạc nợ ấy, bao giờ anh trả xong, sau những ngày nhịn đói, bị cai xe hành hạ, đánh đập vì thù hằn?

Tôi càng nghĩ đến bao nhiêu lại càng khinh bỉ tôi bấy nhiêu. Qua ô Yên Phụ, nhìn thấy những thợ thuyền tấp nập làm việc dưới ánh đèn trong những căn nhà lá lụp xụp, tôi vội bước đi mau, hình như trông thấy tôi họ sẽ biết cái hành vi khốn nạn, và nhỏ nhen đáng bỉ của tôi ban nãy.

*

* *

Những ngày hôm sau thực là những ngày khổ sở cho tôi. Lòng hối hận không để tôi yên. Hình như có một cái gì nặng nề đè nén trên ngực làm cho tôi khó thở, và lúc nào hình ảnh anh phu xe cũng biểu hiện ra trước mắt.

Tôi nhất định đem tiền đến cho người xe kia để chuộc tội lỗi của mình. Đến phố Hàng Bọt hỏi dò những người chung quanh xưởng xe, tôi biết được anh xe bị phạt đêm ấy là Dư, và ở trong một dãy nhà quá ngả tư Khâm Thiên.

Lần ấy là lần đầu tôi bước vào một chỗ nghèo nàn khổ sở như thế. Các anh thử tưởng tượng một dãy nhà lụp xụp và thấp lè tè, xiêu vẹo trên bờ một cái đầm mà nước đen và hôi hám tràn cả vào đến thềm nhà. Trong cái hang tối tăm bẩn thỉu ấy, sống một đời khốn nạn những người gầy gò, rách rưới như những người trong một cơn mê.

Người phu xe Dư ở trong ấy. Một bà cụ già gầy gò xương ngồi cấn chấy ở vệ hè chỉ cho tôi một cái cửa thấp bé ở đầu nhà. Tôi cúi mình bước vào, chỉ thấy tối như bưng lầy mắt và hơi ẩm lạnh thấm vào tận trong mình. Có tiếng người đàn bà sẽ hỏi:

- Bẩm thầy muốn gì?

Khi mắt đã quen tối, tôi nhận thấy người đàn bà vừa hỏi, một bà già ngồi ở mép một chiếc giường tre mục nát kê ở sát tường. Sau lưng bà này, một người đàn bà nữa ngồi ôm trong lòng một vật gì hơi động đậy. Cả hai cùng ngược mắt lên nhìn tôi một cách ngạc nhiên và đầu họ chạm vào mái nhà thấp, đầy những mảnh giẻ rách nát vắt trên xà.

- Bác Dư có nhà không?

- Bẩm, chú nó đi về quê vắng từ hôm nọ.

Một vẻ sợ hãi thoáng qua trên mặt đủ tỏ cho tôi biết họ không nói thật, tôi giảng giải:

- Không, cụ cứ nói thật cho tôi biết. Tôi đến để giúp bác ta chứ không có ý gì khác.

Bà cụ nhìn tôi nghĩ ngợi một lát rồi nói:

- Thế thầy đã biết việc chú nó bị bắt xe hôm nọ?

Tôi gật đầu ra hiệu cho bà cụ cứ nói.

- Hôm ấy cai nó bắt phải đem tiền lên nộp phạt để chuộc xe về. Chú nó đã xin khất với cai để rồi trả dần số tiền đó. Nhưng nó nhất định không nghe, bắt phải trả một nửa ngay. Khốn nạn, thì lấy đâu ra mà trả. Thế là bị nó lột quần áo đánh một trận thừa sống thiếu chết thấy Ạ. Khi về đây lê đi không được nữa. Thế mà nó còn bắt mai phải trả ngay.

Người đàn bà ngồi trong cát tiếng ồm yếu nói theo:

- Nó còn bảo hể không trả nó sẽ bắt lấy thế.

- Thế giờ bác ta đâu?

Bà cụ trả lời:

- Đi ngay từ hôm ấy, mà không biết đi đâu. Đã ba hôm nay chúng tôi dò mà không thấy. Chắc là sợ cai không dám về nữa, dù có về mà không có tiền cũng chết với nó. - Thật cũng là cái vạ; nghe đâu chú nó nói hôm ấy tại người khách đi xe không biết nói với người đội xếp thế nào mới bị bắt, chớ không cũng chẳng việc gì.

Tôi yên lặng, trong lòng nao nức.

Bà cụ chép miệng, chỉ người đàn bà ngồi sau:

- Tội nghiệp cho vợ con chú đây, ốm đã mấy ngày

hôm nay không có thuốc. Đứa cháu không biết có qua khỏi được không.

Tôi đứng lại gần xem. Trên cánh tay người mẹ, chỉ còn là một dúm thịt con đã răn reo; đứa bé há hốc cái miệng thở ra mặt xám nhợt. Người mẹ thỉnh thoảng lấy cái lông gà dúng vào chén mật ong để bên cạnh, phết lên lưỡi đứa bé.

Cháu nó sai đã hơn một tháng nay. Hôm nọ đã đỡ. Mấy hôm nay vì không có tiền mua thuốc nên bệnh lại tăng. Ông lang bảo cháu khó qua khỏi được.

Người mẹ nói xong nấc lên một tiếng rồi nức nở khóc. Bà cụ già lê nhích lại gần, cúi xuống khe khẽ kéo lại những cái tả rách như xơ mướp.

Cái cảnh đau thương ấy làm tôi rơm rớm nước mắt. Một cảm giác ghen ngào đưa lên chẹn lấy cổ. Tôi lấy tờ giấy bạc năm đồng đưa cho người mẹ, rồi vội vàng bước ra cửa, để mặc hai người nhìn theo ngỡ vực.

Qua ngưỡng cửa, tôi va phải một người đàn ông ôm yếu tay cắp một cái áo quan con bằng gỗ mới. Đến bên đường, tôi nghe thấy trong căn nhà lụp xụp đưa ra tiếng khóc của hai người đàn bà.

Đứa bé con đã chết.

*
* * *

Anh Thanh lặng yên một lát nghĩ ngợi, rồi nói tiếp:

- Cái kỷ niệm buồn rầu ấy cứ theo đuổi tôi mãi mãi đến bây giờ, rõ rệt như các việc mới xảy ra hôm qua. Sự đó nhắc cho tôi nhớ rằng người ta có thể tàn ác một cách rất dễ dàng. Và mỗi lần tôi nghĩ đến anh phu xe ngoại ô kia, tôi lại thấy đau đớn trong lòng như có một vết thương chưa khỏi.

Gió đầu mùa

NXB Đời nay, 1937

TIẾNG CHIM KÊU

Một đêm mưa phùn ẩm ướt và tối tăm về cuối tháng chạp, hai anh em chúng tôi đi nghỉ sớm. Nằm trên giường, trằm chằm đến tận cảm, chúng tôi cùng nhau nói chuyện phiếm để đợi giấc ngủ.

Trong căn phòng yên lặng, chỉ nghe rõ tiếng tí tách thông thả và đều đều của chiếc đồng hồ treo trên tường. Nhưng thỉnh thoảng một cơn gió đưa đến vẳng những tiếng nhái kêu ở cánh đồng quê chung quanh nhà.

Ngon đèn hoa kỳ vắn nhỏ để ở dưới đất chiếu lên trần và tường nhà những bóng tối kỳ dị, hơi lung lay. Còn chiếc màn đỏ rộng treo ở giữa nhà thì tối sẫm lại, rủ những nếp vải mỏng manh và tha thướt. Bên kia chiếc màn ấy là giường của ba tôi và chị tôi nằm.

Vào hồi nửa đêm, chúng tôi sức thức dậy, gió thổi ào ào trong các lá cây và đập mạnh các tàu lá chuối; từng luồng chớp loáng qua cửa sổ. Một loáng thì mưa rào rào đổ xuống mái nhà.

Anh tôi bảo:

- Có lẽ là một trận bão to.

- Bão thì càng thích.

Mà thích thật. Tưởng tượng không có cái khoan khoái êm ấm nào bằng cái thú đắp chăn nằm ngủ mà nghe mưa gió ở ngoài. Đêm lúc bấy giờ lạnh hơn, lại càng làm cho mình thấy cái ấm trong chăn là dễ chịu. Tiếng mưa reo và gió thổi như một thứ âm nhạc vui vui, ru ngủ người ta dần dần.

Hai anh em chúng tôi vừa cuộn kín trong chăn cho ấm vừa nói chuyện. Chúng tôi nghĩ đến, rồi thương hại những người lữ khách vào giờ này hãy còn đi trên con đường vắng, ướt như chuột lột và run như cây sậy, đi vội vàng để tìm một chỗ trú chân. Chúng tôi lại ái ngại cho những nhà nghèo bên hàng xóm, giờ này vợ chồng con cái đều phải dậy để chống cái nhà lá mà mỗi cơn gió mạnh làm lung lay và để đem các chậu thau hứng những chỗ dột nước.

Khi người ta được yên ấm trong một căn phòng nhà gạch chắc chắn, không sợ mưa gió về phần mình, thì người ta dễ có lòng thương đối với những người xấu số hơn.

Chúng tôi đang ở vào cái tâm tình tốt đẹp ấy, bỗng nhiên anh sẽ thích tay vào tôi bảo im rồi nói khẽ:

- Có nghe thấy gì không?

Tôi lắng tai: qua tiếng gió, tiếng mưa ở ngoài, tôi nghe thấy có tiếng chiêm chiêm như tiếng chim kêu. Tôi bảo anh tôi:

- Tiếng chiêm chiêm như tiếng chim kêu phải không?
- Phải rồi. Tôi nghe thấy từ lúc nãy.

Hai chúng tôi lại chăm chú nghe: tiếng kêu chiêm chiêm khe khẽ và yếu ớt hình như ở chiếc cửa sổ phía đầu cái màn đỏ đưa lại. Tôi hỏi anh tôi:

- Quái, không biết con chim nó đến đây kêu làm gì nhỉ?

Anh tôi chợt nghĩ ra:

- Thôi phải rồi, chắc chắn là một con chim bị mưa gió đánh bật đến đây trú.
- Tôi nghiệp, chắc ở ngoài ấy nó bị rét lắm.

Chúng tôi tưởng tượng ngay ra một con chim ướt át, xù lông ra vì rét, đến chỗ cửa sổ dò vào vì nó thấy ánh sáng trong phòng ấm áp chiếu ra. Câu chuyện con chim gáy một hôm tránh bão tuyết, đến gõ cửa nhà vợ chồng người cày ruộng, được hai vợ chồng này nâng niu và rắc bánh cho ăn, câu chuyện mà hồi nhỏ chúng tôi đã đọc trong quyển “Bài tập đọc” bây giờ lại thoáng qua trong trí nhớ, làm chúng tôi đem lòng thương con chim kia vô hạn, và muốn cứu vớt nó.

Tôi bảo anh tôi:

- Hay là chúng ta mang nó vào trong này cho nó ấm.
- Mang thế nào được?
- Sao lại không được! Ta cứ việc mở cửa rồi dụ nó vào có khó gì. Chứ nếu để nó ở ngoài ấy thì nó chết mất.
- Ừ, phải đấy.

Tuy nói thế, nhưng chúng tôi cũng chưa dậy, người

nọ có ý đợi người kia, vì trời lạnh mà ra ngoài chần kẻ cũng hơi ngại. Còn lưỡng lự thì bỗng ở bên kia tấm màn treo, chỗ phía chị tôi nằm, có tiếng người ú ớ. Tôi bảo anh tôi:

- Chị Hai lại mê hẩn.

Nói dứt câu lại thấy tiếng ú ớ càng to lên và càng rõ rệt. Chị tôi như định nói cái gì mà không nói được. Anh tôi phân nản:

- Chị ấy độ này cứ hay mê nói lảm nhảm luôn, chắc chị ấy yếu.

Tôi cũng nghĩ thế. Hai chúng tôi yên lặng một lát để xem chị Hai có nói mê nữa không. Nhưng chắc chị tôi lại ngủ rồi. Chúng tôi lại nghe thấy cái tiếng chiêm chiêm ban nầy bây giờ hình như yếu ớt hơn. Anh tôi bảo:

- Thôi, chú dậy đem con chim vào đi.

Tôi ngần ngại:

- Dậy bây giờ rét lắm, anh ạ.

- Rét gì mà rét. Chú cứ bước mạnh bạo ra thì không rét đâu.

Hình như để trái với lời anh tôi nói, một cơn gió lạnh lọt vào phòng làm lay động chiếc màn. Tôi rùng mình nói:

- Brrr! Rét lắm, ra bây giờ thì chết cóng.

Rồi tôi kéo chăn trùm kín cổ. Anh tôi cũng kéo chăn lên rồi bảo tôi:

- Chú lười lắm. Có ra kia mở cánh cửa sổ mà cũng không chịu khó.

- Thế anh ra có được không?

Bên kia màn, tiếng ú ớ của chị Hai lại nổi lên thành thử tôi không biết câu trả lời của anh tôi ra thế nào. Một lát mới thấy anh tôi nói:

- Chú có thương nó, bảo mang nó vào thì ra mở cửa chú.

Tôi lúc bấy giờ đã buồn ngủ lắm, mắt đã díp lại bèn quay mặt vào trong rồi bảo:

- Thôi mặc kệ nó anh ạ.

Anh tôi gắt:

- Thế thì còn nói chuyện!

Rồi anh tôi quay lưng về phía tôi, kéo chăn trùm kín đầu, co chân ngủ, không nói gì nữa. Tôi còn lắng tai nghe tiếng chiêm chiếp của con chim như thiết tha gọi. Rồi một lát tôi cũng ngủ nốt.

*

* * *

Sáng hôm sau, khi chúng tôi tỉnh dậy, đã thấy chị Hai tôi đứng pha nước ở đầu bàn. Khi thấy chúng tôi ngồi dậy, chị nhìn chúng tôi mỉm cười hỏi:

- Có phải tối qua, hai chú cãi nhau về con chim không?

Chúng tôi nhìn nhau ngạc nhiên. Tôi hỏi:

- Chị cũng biết à? Lúc bấy giờ chúng tôi thấy chị nói mê mãi kia mà.

Chị Hai phá lên cười, đầu ngả về đằng sau, hai bàn tay che miệng, vì chị mới nhuộm răng. Chị cười như nắc nẻ, khiến chúng tôi không hiểu ra sao. Sau chị vừa cố nén cười vừa nói:

- Hai chú có biết cái tiếng chiêm chiếp ấy ở đâu ra không? Đó là tiếng cây tre ở đầu nhà bị gió lay đấy. Tôi nằm ở gần nên nghe rõ. Đến khi thấy hai chú thương hại con chim, định mang nó vào sưởi, tôi buồn cười suýt nữa bị sặc. Mà định nói bảo cho hai chú biết thì không phải thì lại vướng thuốc nhuộm răng trong mồm, không nói được. Thành ra ú ớ như người nói mê vậy.

Chị tôi kể xong lại cười. Chúng tôi nghĩ cái nhảm tưởng hôm qua, cũng buồn cười nốt. Ba chúng tôi cười mãi chảy cả nước mắt.

Sau anh tôi ngừng lại vui vẻ nói:

- Thế mà chúng em cứ tưởng có một con chim đáng thương nó đến gọi cửa.

Gió đầu mùa

NXB Đời nay, 1937

NGƯỜI BẠN TRẺ

- Anh Bình!
Tôi đang mãi ngắm một cửa hàng, vội vàng quay lại, ngơ ngác nhìn xem ai gọi. Trên bờ hè phía bên kia, một người nhỏ bé, bận quần áo ta, miệng cười và giơ tay vẫy. Tôi chưa nhận rõ là ai. Người đó, đợi cho mấy chiếc xe tay di khỏi, rồi tất tả chạy qua đường đến gần tôi, tay giơ ra vui vẻ.

- À anh Bào.

Chúng tôi mừng rỡ, Bào nắm chặt lấy tay tôi, lay đi lay lại:

- Anh chưa quên tôi cơ à?

Tôi đáp:

- Quên thế nào được một người bạn học cũ. Nhất là anh thì tôi lại càng nhớ lắm.

Một tia vui thoáng qua trong mắt Bào. Anh thông thả nói:

- Lâu lắm rồi anh nhỉ. Thấm thoát thế mà đã hơn bảy, tám năm đấy. Anh trông tôi có khác trước lắm không?

Ngưng một lát, anh Bào tiếp:

- Tôi về nhà không chịu được. Thấy tôi cứ uống rượu say, rồi chửi mắng tôi là đứa con bất hiếu phụ công cha mẹ, không nghĩ gì đến nhà cửa, chỉ đua đòi anh em đến nỗi bị đuổi. Thấy tôi bắt ra Hà Nội tìm việc làm, bảo nếu không được thì đừng về trông thấy mặt nữa.

Anh Bào khẽ thở dài:

- Nếu không có công việc thì thật tôi cũng không dám về. Thấy tôi nghiêm lắm anh ạ.

- Sao anh không đi làm?

- Không được.

Anh Bào trở nên yên lặng. Một lát, tôi hỏi:

- Còn các nhà buôn? Các sở tư?

- Ấy, tôi cũng chỉ còn hy vọng ở những chỗ ấy. Với lại tôi cũng không có các giấy chứng chỉ, vì có đi làm bao giờ.

Chúng tôi thôi nói, lặng đi rảo bước trên hè phố. Đến chợ Cửa Nam, Bào giằng tay tôi ra bảo:

- Tàu điện đến rồi, tôi phải về nhà không họ đợi.

- Anh ở đâu?

Bào nở một nụ cười buồn trên miệng trả lời:

- Tôi ở trọ một hàng cơm nhỏ ở dưới ô Cầu Giấy.

Không dám mời anh xuống chơi.

- Thì anh đến chơi đặng tôi. Anh nhớ số nhà rồi chứ?

Bào nhảy vội lên xe điện, giơ tay chào. Tôi nói thêm:

- Thế nào anh cũng đến chơi nhé.

- Xe chạy khuất vào chỗ rẽ phố Hàng Dẫy.

Tôi thông thả trở bước về nhà, trong óc miên man nghĩ ngợi.

Sự gặp gỡ này với bao nhiêu kỷ niệm về quãng đời học sinh của tôi ở tỉnh Thái. Những nét mặt bạn cũ đã quên lại hiện ra trong trí nhớ, với những buổi học vui vẻ, những cuộc nô đùa vô tư lự. Bao nhiêu ngày sung sướng của tuổi trẻ!

Nghĩ đến Bào tôi đem lòng thương hại. Cậu bé con xinh xinh giống con gái ấy, với cái vẻ ngây thơ, hồn ấy làm cho chúng bạn yêu mến. Tôi thường theo anh đến nhà chơi, một căn nhà lá ở đầu tỉnh. Hai người ngồi trên chiếc chõng tre nói chuyện, bên cạnh, bà mẹ anh Bào tráng bánh trứng và thổi xôi để đem bán. Thỉnh thoảng tôi mới gặp thầy anh ta: ông có vẻ nghiêm nghị lắm, và hình như lúc nào cũng ung dung không làm gì.

*
* *
*

Không nhớ là mấy tháng sau, anh Bào đến chơi tôi. Trông anh khác hẳn, người gầy đi một chút, và xanh xao như ốm. Anh hình như đã đi bộ nhiều ơ ngoài đường, nên quần áo và giày đầy những bụi.

Tôi mời anh ngồi, ân cần hỏi:

- Anh đã tìm được công việc làm chưa?

Bào lắc đầu:

- Chưa, anh ạ, suốt trong mấy tháng nay, tôi đi khắp các nơi ở Hà Nội, mà chẳng tìm được việc gì. Đến

đâu người ta cũng từ chối.

Anh nghĩ một lát, rồi nói thêm:

- Người ta thật là vô lý quá.

Lời nói ghen ngào trong cổ họng anh. Anh ngồi thờ người ra, không buồn uống chén nước chè của tôi mời. Tôi cũng yên lặng, không biết nói gì. Những lời an ủi lúc bấy giờ, tôi thấy hình như vô ích.

- Anh cứ chịu khó đợi ít lâu nữa xem.

- Cũng đành phải chờ, chứ biết làm thế nào. Nhưng cũng phải có tiền để trả tiền trọ chứ.

Anh Bào cố mỉm cười. Cái cười thật đáng thương và ái ngại. Tôi nhìn kỹ anh: chiếc áo lương anh mặc đã cũ bạc, vá kín đáo một vài chỗ. Trên mặt anh có bao nhiêu nốt lấm chấm đỏ dày đặc cả hai má. Vô tình, tôi hỏi:

- Anh bị muỗi đốt dày cả mặt kia kìa.

Anh Bào có vẻ thẹn:

- Chỗ tôi ở không có màn và không được thoáng. Có khi muỗi đốt cả đêm không sao ngủ được.

Thấy người nhà tôi sửa soạn dọn cơm, anh đứng cáo từ. Tôi tiễn anh ra ngoài cửa. Con đường về ô Cầu Giấy thẳng tắp tấp và bụi mù. Anh bắt tay tôi, toan quay đi thì tôi hỏi:

- Anh không đợi xe điện mà về à?

Bào lắc đầu, vỗ vào túi:

- Không, hết cả tiền rồi.

Tôi ái ngại, giữ anh lại: "Anh hãy đợi tôi một chút". Rồi tôi vào nhà lấy mấy hào chỉ còn lại trong túi áo,

ngượng ngịu đưa cho anh: "Anh cầm tạm mà đi xe".

Bào không nhìn đến tiền, bỏ vào túi rồi khẽ nắm chặt lấy tay tôi khẽ nói:

- Cám ơn anh.

Anh quay ra. Tôi nhìn theo cho đến khi anh lẫn vào đám người đi làm về.

Một tuần sau, tôi đang qua chợ Cửa Nam, bỗng nghe thấy tiếng gọi. Một chiếc xe tay dừng lại sát hè. Tôi nhận thấy anh Bào, nằm ngay trên xe, bên cạnh có một người đàn bà đã đứng tuổi. Anh cố ngóc đầu dậy bảo tôi:

- Tôi về Thái đây, anh Bình.

Tiếng nói phều phào như người hết hơi. Mặt anh đỏ gay, hai mắt sáng lên một cách khác thường. Tôi sợ hãi hỏi:

- Chết chữa, anh làm sao thế?

- Tôi ốm, anh ạ. Bà chủ trọ sợ tôi chết ở nhà bà nên nhờ bà này đưa tôi về. Xin chào anh nhớ.

Tôi sững sốt yên lặng. Người đàn bà nhìn tôi nói như định phân trần:

- Cậu ấy sốt đã bảy tám hôm nay rồi. Bà Hai cũng đã sắc cho cậu ấy mấy chén thuốc bệnh nhưng không đỡ, nên mới nhờ tôi đưa cậu ấy về vậy. Ông cũng biết, nhà người ta làm ăn buôn bán, cần phải kiêng giữ.

- Nhưng anh đương ốm thế này thì về làm sao?

Anh Bào nhìn tôi không trả lời, có vẻ mệt nhọc lắm. Tiếng còi xe hỏa bỗng vang động ở phía ga. Người đàn bà giục anh xe:

- Thôi đi nhanh lên kéo nhõ.

Tôi nắm tay anh Bào. Bàn tay anh nóng rực như lửa. Tôi thấy lòng tôi thất lại khi xe anh quay đi.

*

* *

Hơn một năm đã qua. Từ hôm ấy tôi không được tin tức gì về anh Bào nữa. Hình ảnh anh mờ dần trong trí nhớ tôi.

Rồi một buổi chiều, tôi đang ngồi xem báo dưới bóng đèn thì cửa bỗng mở. Hai cậu bé mặc áo thâm thập thò ở ngoài rồi rụt rè bước vào. Tôi ngạc nhiên. Cậu nhớn úp cái mũ trắng lên ngực lễ phép hỏi:

- Thưa ông, có phải đây là nhà ông Bình không ạ?

- Phải, tôi đây. Hai cậu hỏi gì?

Cậu bé yên lặng thò tay vào trong người lấy ra một cái gói con bọc giấy để trên bàn trước mặt tôi rồi nói:

- Thưa ông, chúng tôi là em anh Bào.

- À... Thế anh Bào đâu?

Cậu bé sẽ trả lời:

- Anh chúng tôi tự tử rồi ạ.

Tôi bàng hoàng cả người, nhìn hai cậu bé. Tôi nhận thấy hai cái mũ trắng đều có quán băng tang. Thế ra thực ư, anh Bào tự tử? Cái chán nản, đau khổ gì đã xui anh chết trong lúc còn trẻ trung chưa đầy hai mươi tuổi?

Hỏi chuyện, tôi mới biết anh Bào ở trên này về cứ ốm liên miên mãi. Rồi anh ở nhà không đi đâu nữa. Một

buổi chiều đầu tháng vừa rồi, bà mẹ đi chợ về đến ruộng thì đã thấy anh treo cổ trên xà. Người nhà vội khiêng đến nhà thương cứu chữa. Anh tỉnh lại một chốc rồi đến mười một giờ đêm thì mất.

Cậu bé kể xong tiếp thêm:

- Trước khi chết, anh tôi có gọi hai chúng tôi lại bảo: "Anh chỉ có một người bạn tốt là ông Bình. Các em nhớ đem cái giấy này đưa lên cho ông ấy".

Tôi giở ra thấy có hai cái ảnh đã cũ. Một bức chụp chung cả lớp học, hồi tôi còn học ở Thái. Tôi nhận thấy tôi đứng bên cạnh Bào. Còn bức kia là tấm ảnh nửa người của anh. Nhìn thấy cái vẽ xinh trai và ngây thơ của người bạn cũ, lòng tôi thấy nao nao thương tiếc. Nước mắt tràn lên mi, tôi thấy nghẹn ngào như muốn khóc.

Hai cậu bé cũng lặng lẽ, buồn rầu, đưa mắt nhìn tôi. Hai đứa trông giống anh Bào quá, cũng đôi mắt thông minh và cái vẻ kháu khỉnh ngây thơ như thế. Tôi chợt nghĩ đến sự nghèo nàn của nhà anh, đến hai đứa trẻ kia không chỗ nương tựa để ăn học, thật đáng thương.

Tôi xếp hai cái ảnh lại rồi ngọt ngào bảo hai đứa ngồi xuống ghế. Tôi khẽ hỏi:

- Hai em có thương anh ấy không?

Hai cậu cùng yên lặng. Cậu bé nhất bỗng ôm mặt khóc, hai vai nấc lên dưới tấm áo vải thâm đã cũ.

Gió đầu mùa

NXB Đời nay, 1937

CÁI CHÂN QUÈ

Cuộc đời có nhiều cái chế giễu đắng cay và đau đớn làm cho chúng ta đột nhiên hiểu ra cái ý nghĩa chua chát và sâu xa. Tôi sẽ kể câu chuyện dưới đây làm chứng cho sự ấy.

Tôi có một người bạn tên là Minh. Anh ta là một thiếu niên linh lợi, đảm đang và rất có nghị lực. Nhà anh vốn nghèo. Cũng vì cái nghèo ấy, mà từ thuở nhỏ, anh Minh đã phải chịu bao nhiêu nỗi khổ sở, thiếu thốn không kể những nỗi bị ức hiếp mà những người nghèo ở thời nào cũng phải chịu. Vì vậy, khi lớn lên, Minh chỉ có một chủ đích: làm giàu. Anh ta vẫn thường nói với tôi: "Đời bây giờ chỉ có một sức mạnh, là đồng tiền. Nếu anh có tiền, anh làm gì cũng được". Tôi mỉm cười hoài nghi trả lời rằng sự đó không chắc lắm, rằng tuy đồng tiền là một sức mạnh đáng quý thật - vì ai dám chê bai nó? - nhưng không phải là mục đích cốt yếu ở đời và đồng tiền không đem lại cho ta sự sung sướng bao giờ cả. Minh nhún vai, cho tôi là một thi sĩ viễn vông, chỉ biết

mơ màng hão mà không biết đến những sự thiết thực khác cần hơn nữa.

Nhưng anh Minh hình như bị cái không may nó ám ảnh. Những công việc anh hằng hái làm đều bị thất bại cả. Những lúc anh tưởng được thành công, tưởng sẽ nắm trong tay được món tiền, thì lại là những lúc anh sắp được tin công việc hỏng. Cái không may ấy làm cho anh trở nên một người tâm tức, và càng ngày đồng tiền lại càng là cái ám ảnh độc nhất của trí não anh, cho đến ngày một cái không may lớn nữa đến làm anh khổ sở.

Hôm ấy anh ta đương đi trong phố, thì bị một cái ô tô tự nhiên bỏ đường nhảy lên hè cán phải. Minh chỉ kịp thoáng nghĩ đến cái sự không may ấy nữa, rồi anh đau quá ngất đi.

Khi tỉnh dậy, Minh thấy mình nằm trên một chiếc giường trong nhà thương. Anh chỉ mang máng nhớ lại hình như sau tai nạn, họ có mang anh lên bàn mổ, vì lúc bấy giờ anh thoáng ngửi thấy mùi thuốc mê. Nhưng rồi sau Minh mê đi không biết gì nữa.

Anh khe khẽ cử động chân tay, thì thấy chân bên phải như bị tê liệt. Chợt nghĩ đến sự cưa chân, Minh toát mồ hôi trán, quả tim đập mạnh.

Vừa lúc ấy, một người khán hộ bước vào phòng, tay cầm một chai thuốc. Cái câu Minh muốn hỏi người này, không ra khỏi được miệng anh ta. Minh sợ sự thực, sợ cái đã rồi, không bao giờ chữa được. Nhưng anh muốn biết.

Người khán hộ đặt chai thuốc trên bàn nói với Minh:

- Cứ hai giờ ông lại uống một thìa. Đây là thuốc cầm máu.

Minh hỏi lảng:

- Tôi ngất đi có lâu không ông?

- Lúc mang vào đây thì ông mê man không biết gì cả. Còn lúc lên bàn mổ thì ông hơi tỉnh lại một chút. Nhưng mà lại bị đánh thuốc mê ngay.

Minh hỏi hộp đưa lưỡi liếm đôi môi khô ráo ấp úng nói:

- Thế... thế... mổ có lâu không?

Thầy khán hộ không phải là người biết tâm lý. Thầy ta đáng lẽ phải trông thấy đôi mắt của Minh sáng lên, và cái vẻ lo sợ của Minh hiện trên nét mặt. Thầy ta trả lời:

- Chỉ độ mười phút. Cưa xoẹt một cái là xong.

Và thầy ta đưa ngón trở vệt qua bàn tay trái, với một dáng điệu rất rõ rệt. Minh ngất đi.

★

★ ★

Minh sống những ngày chán nản ghê gớm trên giường bệnh. Cụt chân! Bây giờ anh đã cụt chân thì còn làm gì được nữa. Nghĩ đến lúc phải lê cái chân gỗ như những người què anh thường vẫn gặp, Minh thấy rùng

mình lạnh giá. Một người tàn tật như anh thì còn bao giờ mong đạt được cái chủ đích anh vẫn theo đuổi xưa nay nữa. Còn mong gì có tiền! Đến mong cái chân lại lành như cũ cũng không thể nào được rồi. Mình chỉ muốn tự tử.

Nhưng bốn tháng sau, khi ra khỏi nhà thương, Minh cũng quen dần với cái số phận của mình. Anh đành chịu vậy với một chân què. Đây là một sự an phận buồn rầu và khổ não, tràn lấp hết cả những sở ước của đời anh.

Nhưng, - đó là một cái may hay không may?

Minh lại hy vọng khi người thầy kiện của anh đến bảo cho anh biết có thể kiện hãng ô tô để xin đòi một số tiền bồi thường rất lớn. Anh ta, từ đấy, hồi hộp mong đợi từng ngày cái kết quả của vụ kiện trên tòa án. Anh nghĩ đến số tiền mà anh sẽ có, nghĩ đến cái sức mạnh mà tiền sẽ mang đến cho anh. Tôi thấy anh ta lại vui vẻ, huyết sáo miệng, và toan tính thực hành những cái mộng tưởng mà anh ta theo đuổi bấy lâu nay.

Quả nhiên anh được kiện. Ngày lĩnh tiền Minh rủ tôi cùng đi. Anh mân mê những tờ giấy bạc - một vạn bạc - một cách thiết tha và khoan khoái. Mắt anh sáng lên, nhưng lần này vì vui mừng; anh giữ chặt vào ngực tập giấy bạc yêu quý, như ôm một người tình nhân.

Tuy vậy, lúc cùng đi xe trở về nhà, một mối buồn lại đến ám ảnh anh. Minh buồn rầu, chỉ vào cái chân gồ của anh, nói:

- Giá không què chân mà được số bạc này có phải sướng biết bao không!

Rồi anh tấm tức thở dài, mắt đăm đăm nhìn thẳng ra xa như đang suy nghĩ lung lăm.

*
* *

Được ít lâu, tôi gặp Minh luôn luôn ở những chốn ăn chơi trong thành phố. Đồng tiền của anh làm cho anh đạt được mọi ý muốn. Anh lấy tiền bù đắp vào cái chỗ chân què của anh; cái sức mạnh đồng tiền làm cho anh say sưa. Muốn tận hưởng những cái khoái lạc cũng như người khác, anh Minh vùng tiền ra không tiếc.

Tôi đã có lần khuyên anh nên dè dặt, thì Minh có vẻ tấm tức trả lời:

- Anh bảo tội gì mà không tiêu cho sướng? Mà tôi còn giữ tiền làm gì cơ chứ?

Anh trầm ngâm một lát rồi nói tiếp:

- Anh không biết, tôi chơi bởi để khuây khỏa nỗi buồn và để quên đi.

Tôi đưa mắt nhìn cái chân gỗ của anh không trả lời.

Mà thực, trong những cách hành động của Minh người ta nhận thấy như một cái chua chát, một nỗi căm hờn... Có lẽ anh Minh không tha thứ cho số mệnh đã oái oăm với anh như thế, chỉ cho anh có tiền sau khi anh đã bị cụt một chân. Những cuộc chơi bởi của anh kịch liệt

như một sự phản động mà chán nản như một vụ tự tử.

Hai năm qua. Điều mà người ta có thể đoán trước được đã đến. Phung phí trong hai năm, số tiền một vạn của anh Minh không còn một xu nhỏ. Anh lại trở lại với cái nghèo nàn như cũ, với những cái thiếu thốn của kẻ không tiền. Nhưng tâm anh đã róm máu bị thương; lòng anh bây giờ không như trước nữa. Bây giờ trong lòng anh đầy những sự chua chát và chán nản. Cái chán nản sau những cuộc chơi bời, cái chua chát khi nhận thấy sự thay đổi của lòng người đối với kẻ có tiền và không có tiền.

Tôi đến tìm anh Minh trong một căn nhà ở ngoại ô. Ôn lại chuyện cũ, tôi hỏi anh một cách thân mật:

- Thế nào, bây giờ anh đã quên chưa?

Minh buồn rầu, giơ cái chân cụt ra ánh sáng, thông thả trả lời.

- Không, nó ở đây, không quên được.

Anh nói cả vết thương ở ngoài hình thể và trong tâm hồn.

Gió đầu mùa
NXB Đời nay, 1937

ĐÔI

Một cơn gió lọt vào làm Sinh tỉnh giấc. Anh ta thấy cái hơi lạnh của mùa đông thấm qua lần chăn mỏng, và thấy người mệt mỏi vì suốt đêm đã co quắp trên chiếc phản gỗ cứng.

Sinh cuộn chân ngồi dậy. Thế là, cũng như những buổi sáng khác, một cái buồn rầu chán nản, nặng nề ở đâu đến đè nén lấy tâm hồn.

Những đồ vật quanh mình ẩn hiện trong bóng tối mờ mờ khiến Sinh lại nghĩ đến cái cảnh nghèo nàn khốn khổ của chàng. Một cái bàn con xiêu vẹo bên góc tường, một cái chõng tre đã gãy dằm ba nan, một cái ấm tích mất bông và mấy cái chén mẻ, nước cáu vàng... Trong cùng, một cái hòm da, dấu vết còn lại, của cái đời phong lưu độ trước...

Tất cả đồ đạc trong căn phòng chỉ có thế. Mà đã lâu lắm, quanh mình Sinh vẫn chỉ có những thứ đồ tồi tàn ấy, đã lâu lắm chàng đến ở cái căn phòng tối tăm, ẩm thấp này... Những ngày đói rét không thể đếm được

nữa. Tiếng gió vi vút qua khe cửa ban đêm chàng nghe đã quen, cả đến cái mệt mỏi lả đi vì đói, chàng cũng đã chịu qua nhiều lần rồi.

Sinh thở dài. Chàng nhớ lại cái ngày bị thải ở sở chàng làm, cái giọng nói quả quyết và lạnh lùng của ông chủ, cái nét mặt chán nản, thất vọng của mấy người anh em cùng một cảnh ngộ với chàng... Từ lúc đó, bắt đầu những sự thiếu thốn, khổ sở, cho đến giờ...

Một tiếng guốc ngoài hè làm cho Sinh ngừng lên trông ra phía cửa: vợ chàng về. Nàng vén cái màn đỏ treo ở cửa bước vào. Sinh thoáng trông cái thân hình của vợ in rõ trên nền sáng, một cái thân thể mảnh dẻ, gầy gò trong chiếc áo the mỏng phong phanh. Cảnh tượng ấy làm cho chàng xót thương...

Vợ chàng đi lại cạnh giường, yên lặng nhìn Sinh không nói gì.

Sinh với lấy tay nàng kéo xuống bên mình, âu yếm hỏi :

- Em đi đâu mà sớm thế?
- Em lại đăng bà Ba ở cuối phố vay tiền.

Thế có được không?

Vợ Sinh nhìn chồng, thở dài lắc đầu:

- Ai cho chúng mình vay bây giờ. Bà ấy còn nhớ đâu đến khi trước vẫn nhờ vả mình.

Sinh buồn rầu, nói một cách chán nản:

- Thối đời vẫn thế, trách làm gì. Nhưng bây giờ làm thế nào?

Chàng nghĩ đến cái thạp gạo đã hết, mà trong túi không còn được một đồng xu nhỏ... Đã hai hôm nay, chàng và vợ chàng thối ăn bữa gạo cuối cùng, đã hai hôm, cái đói làm cho chàng khốn khổ...

- Làm thế nào?

Vợ chàng nhắc lại câu hỏi ấy, rồi cúi mặt khóc. Một mối tình thương tràn ngập vào trái tim chàng như một làn sóng mạnh. Sinh nắm chặt lấy tay vợ ôm vào lòng, đấm đuôi, thiết tha. Chàng chỉ muốn chết ngay lúc bấy giờ để tránh khỏi cái nghèo khốn khó, nặng nề quá, đè ở trên vai...



Buổi chiều đến đem theo những cơn gió lạnh lùng. Sinh bắc ghế ra cái hiên nhỏ trước cửa phòng, tựa vào bao lơn nhìn xuống nhà... Chỗ chàng thuê ở là một căn nhà hẹp và dài, chia làm nhiều phòng. Mỗi gian phòng là một gia đình che chúc ở, toàn là những người nghèo buôn bán ở các nơi.

Giờ này là giờ họ làm cơm. Trông thấy họ tấp nập làm lụng, Sinh lại nghĩ đến cái bếp nhà mình bây giờ vẫn còn tro lạnh, chàng lại lo không biết vợ đi từ sáng đến giờ sao mãi không thấy về, mà về không biết có đem cái gì không, hay lại chỉ một mối thất vọng như nhiều lần...

Nghĩ đến, Sinh lại đem lòng thương, thương người

dàn bà xưa nay vẫn quen thói đòi các phong lưu, mà bây giờ phải chịu khổ vì chàng... Hai bên gặp gỡ nhau trong một tiệc rượu dưới xóm cô đầu. Hồi ấy, chàng còn là một người có việc làm, còn là một người có lăm tiền. Quen biết nhau, rồi yêu mến nhau, chàng đã chẳng quản sự ngăn trở của nhà lấy nàng về. Đôi vợ chồng đã cùng nhau sống những ngày sung sướng, ái ân, những ngày còn để lại trong trí chàng một kỷ niệm êm đềm, mà mỗi khi nghĩ tới, chàng không khỏi bồi hồi. Rồi sự nghèo nàn đến, đem theo những cái nhục nhằn, khổ sở, đem theo những ngày đói rét.

Tuy vậy, sự khổ sở chàng nhận thấy không làm cho vợ chàng bớt tình yêu đối với chàng. Cũng vẫn nồng nàn, đắm thắm như xưa, cái ái tình của đôi bên chỉ có thêm màu cay đắng vì xót thương nhau.

Cái hình ảnh một thân thể yếu đuối, mảnh dẻ in trên nền trời sáng buổi sớm mai lại thoáng hiện ra trước mắt Sinh. Chàng nhớ lại cái thất vọng không vay được tiền, đôi con mắt buồn rầu, đăm đăm nhìn chàng như ngụ biết bao nhiêu âu yếm, bao hy sinh.

Một cơn gió đến làm cho Sinh thấy lạnh buốt tới xương. Chàng thấy đói, một sự đói vô cùng như trong đời chàng chưa thấy bao giờ. Đói như cào ruột, làm người chàng mệt lả đi, mắt hoa lên, trông vật gì cũng lơ mơ như lay động.

Khi có đủ ăn, đủ mặc, chàng không hề để ý đến cái đói, không bao giờ nghĩ đến. Bây giờ chàng mới được

hiếu biết cái đói như thế nào. Chàng rùng mình khi nghĩ đến trước cái mãnh liệt của sự đói, chàng cảm thấy sự cần dùng của thân thể tràn áp được hết cả những lệ luật của tinh thần. Mùi xào nấu đồ ăn ở dưới sân nhà đưa lên làm cho chàng khó chịu vô cùng. Sinh cúi đầu trên bao lơn nhìn xuống xem họ làm bữa cơm chiều. Các thức ăn tuy tầm thường, nhưng Sinh lấy làm lạ rằng chàng chưa bao giờ thèm muốn những cái đó như chàng thèm muốn bây giờ. Mấy miếng đậu vàng trong chảo mỡ phồng dầu trên ngọn lửa, mấy con cá rán bắt đầu cong lại làm cho chàng ao ước đến rung động cả người...

Không bao giờ chàng thèm muốn như bây giờ cái miếng ăn kia.

Trước kia, khi nghe chuyện người ta tranh giành nhau vì miếng ăn, chàng vẫn mỉm cười khinh bỉ. Chàng cho rằng miếng ăn là một sự không đáng kể, chỉ có cái thanh cao trong sạch của linh hồn mới là cần. Nhưng bây giờ, trong cái phút đói này, chàng mới thấy rõ cái cần mạnh mẽ của miếng ăn là thế nào.

Và chàng, trước kia phong lưu trưởng giả, trước kia khi đi qua đám bình dân bản thổ và nghèo nàn này, chàng vẫn khinh và tự hỏi không biết họ sống để làm gì, sống để mà khổ sở, để mà đói rét, không biết sống đối với họ có ý nghĩa gì mà còn ham mê quyến luyến. Bây giờ chàng lại ao ước được một miếng ăn như họ để sống qua cái rét mướt bây giờ...



Một bàn tay nhẹ nhàng để trên vai. Sinh quay lại; vợ chàng tươi cười, giơ ra trước mặt mấy cái gói giấy bóng gọn gàng, sạch sẽ, và thoáng trông, Sinh nhận biết ngay là những thức ăn được, mà rất ngon, ở các cửa hiệu tây mới có. Mùi thịt ướp và mùi giò thoang thoang đưa qua. Sinh rung động cả tay khi lần cởi những dây buộc chung quanh. Chàng sung sướng hỏi:

- Ô! Ở đâu thế này? Em Mai lấy tiền đâu mà mua thế?

Mai nghe Sinh hỏi:

- Anh cứ ăn đi đã! Ăn đi cho đỡ đói rồi em kể chuyện cho anh nghe. Thật là may quá, mà cái bà ấy thực phúc đức quá, anh ạ.

- Ai thế? Kể đi cho anh nghe.

Mai âu yếm nhìn chồng:

- Không, anh cứ ăn đi đã kia. Vừa ăn, em sẽ vừa nói chuyện...

Rồi nàng nhanh nhẹn đặt mấy gói giấy lên bàn, mở những tờ giấy bóng bọc ngoài. Sinh nhìn thấy mấy miếng thịt ướp hồng hào, mỡ trắng và trong như thủy tinh, mấy khoanh giò nạc mịn màng, mấy cái bánh tây vàng đỏ... Mai cất tiếng vui vẻ:

- Thế này nhé, em ở nhà đi cũng là đi liều chứ thật không biết đến nhờ vả ai được. Anh còn lạ gì các bạn

hữu bây giờ: họ thấy mình nghèo khổ, thì ai người ta giúp, vì có mong gì mình trả lại người ta được. Vì thế em mới lang thang ngoài phố, nghĩ lúc bấy giờ cực thân quá anh ạ, chỉ muốn đâm đầu xuống sông cho rảnh... Nhưng nghĩ đến anh, em lại không đành lòng... May quá, vừa lúc ấy, lại gặp ngay bà Hiếu, một người quen biết từ trước. Bà trông thấy em, vốn vả hỏi han như người bắt được của...

Mai nói nhanh, liến thoắng:

- Bà tử tế quá. Cho em vay tiền, lại còn hứa giúp vốn để em buôn bán nữa. Rồi nay mai, em đi buôn cau, anh nhớ. Thật không ngờ có bà biết thương người đến như thế.

Sinh sung sướng nói:

- Nếu không thì chúng ta đành nhịn đói ngày hôm nay. Nhưng sao em mua hoang thế này?

Mai cúi đầu cười, hai má đỏ hồng, mấy sợi tóc rối tung trên trán nàng càng tăng thêm vẻ kiều mị của nàng.

- Anh không lo. Em còn nhiều tiền. Đây anh xem.

Nàng thò tay vào trong túi áo, rút ra một tập giấy bạc, vút ra trước mặt Sinh, rồi nhanh nhẹn vui vẻ bước vào trong nhà.

- Anh đợi em một lát, em đi lấy dao cắt bánh.

Nàng quay lưng đi, Sinh chợt trông thấy trên mặt đất một mảnh giấy gấp rơi xuống đất. Chàng vô tình cúi xuống nhặt lên mở ra đọc:

"Em Mai.

Đây, anh đưa em số tiền anh đã hẹn. Em muốn lấy nữa, anh sẽ cho em nốt: nhưng thế nào tới nay em cũng phải đúng hẹn đến đấy, anh đợi..."

Tờ giấy trên tay Sinh rơi lúc nào chàng cũng không biết. Một cái sức nặng nề như đè nén lấy quả tim, làm cho chàng ngừng thở. Hình như một giây phút, bao nhiêu cái hy vọng sung sướng của đời chàng tan đi mất.

Sinh tưởng có thể chết ngay trong lúc ấy, cái đau đớn chàng cảm thấy thấm thía và sâu xa quá.

Còn mong gì đó là một sự không thật, một giấc mộng nữa. Không còn ngờ vực gì cái số tiền kia chính là cái số tiền biên trong thư này. Ai cho vay mới được chứ! Sinh nhớ lại những ngày đi hỏi tiền, những buổi trở về thất vọng và buồn rầu, những lời tha thiết và oán hờn của vợ chàng kể lại về cái lãnh đạm, hững hờ của người nàng quen biết. Bà Hiếu là bà nào! Chẳng qua là một sự bịa đặt ra để che mắt chàng.

Sinh thấy cơn giận dữ nổi lên mãnh liệt trong lòng; đôi môi chàng tự nhiên nhách lên một cách khinh bỉ, chàng run người lên, khế rần từng tiếng:

- Đồ khốn nạn.

Quả tim buốt như có kim đâm. Sinh nắm chặt lấy thành ghế, nhìn cuốn bạc giấy để trên bàn, nhìn gói đồ ăn đang mở dở rồi cúi mình xuống nhặt tờ giấy gấp lên.

Một lát, yên lặng. Rồi Sinh nghe rõ tiếng tấm màn vải ở cửa vất lên trước gió, tiếng dép đi nhẹ nhàng, gần đến, gần đến bên chàng. Sinh cố hết sức cắn môi để nén

cơn giận dữ đang sôi nổi trong lòng, nắm chặt tay hơn nữa cho khỏi rung động cả người.

Tay vuốt nhẹ nhàng trên tóc Sinh, vợ chàng đứng sát hẳn ngay bên người. Nàng giở giấy ra, lấy dao cắt bánh, vui vẻ:

- Anh xem bánh này có ngon không? Em mua ở hàng Trống kia đấy. Miếng thịt ướp này là hạng ngon nhất, em phải trả đến năm hào đấy anh ạ. Để em cắt cho anh ăn nhé. Hình như anh đói lắm thì phải. Em cũng thế. Thôi chúng ta hãy ăn cho no đã, rồi sẽ liệu sau...

Nàng cắt xong miếng thịt ướp, xếp lên đĩa, tươi cười nói tiếp:

- Kia, anh ăn đi chứ? Thật là may cho chúng mình quá. Nếu hôm nay em không gặp bà Hiếu thì không biết chúng ta làm thế nào nhỉ?

Nàng vỗ vào vai Sinh, lay chồng:

- Làm thế nào? Lại nhìn như mọi hôm, chứ còn làm thế nào nữa, anh Sinh nhỉ! Anh nên cảm ơn bà ta đi. Bà thật là một người tốt, hiền hậu, biết thương người. Em vừa mở miệng hỏi thì bà đã lần ruột tượng đưa ngay cho em 15 đồng tất cả đấy, anh ạ... Cuốn giấy bạc anh chưa đếm à? Em không nói dối anh đâu...

Cái giận của Sinh lên đến cực điểm: chàng không nén nổi nữa. Cái tên bà Hiếu làm chàng uất ức, vì chàng rõ những nhời giả dối của vợ chàng, giả dối một cách khôn khéo, tự nhiên như thật vậy... Mai lại đến

nổi thế ư? Đôi mắt trong, cái khuôn mặt hiền hậu thế kia không ngờ lại có thể giấu được những sự tối tăm như bây giờ...

Vùng mạnh cánh tay, Sinh hất Mai ra xa như người ta hất một con vật đáng ghê sợ. Mai lảo đảo lùi lại sau ngả dúi vào tường, vành khăn tung, tóc xõ:

- Ô hay, anh làm sao thế?

Sinh cất tiếng cười, hai hàm răng rít lên, cái tiếng cười ghê gớm như tiếng cười của một người điên:

- Làm sao à? Cô lại còn hỏi tôi tại làm sao nữa... Thôi, đừng vờ đi, đừng giả dối nữa...

Sinh mở bàn tay gơ ra tờ giấy gấp đã nát nhàu:

- Thế cái giấy gì đây mới được chứ?

Mai trông thấy mặt xám đi, hai tay ôm lấy đầu, người run lấy bầy. Giọng nói của Sinh càng tăng thêm vẻ chế giễu, mỉa mai, chua chát:

- Bà Hiếu tử tể đấy! Ủi chà! Nào là bà ấy tử tể, nào là bà ấy thương người, nào là hiền hậu... Sao không nói bà ấy hẹn đêm nay lại đến nữa...

Mai cúi đầu ôm mặt khóc nức nở. Cái tiếng khóc ấy không làm cho Sinh bớt giận, lại chỉ làm tăng thêm lên, như ngọn lửa đổ thêm dầu. Càng nói Sinh lại càng thấy cái giận như sôi nổi, bùng bột trong lòng. Mai sợ hãi nép vào tường, thốn thức, ngập ngừng, khẽ gọi:

- Anh Sinh...anh...

Sinh như không nghe thấy tiếng, nói luôn:

- Cô còn khóc làm gì nữa... Cô đi ngay đi, đi ra khỏi

cái nhà này, tôi không muốn thấy mặt cô một phút nào nữa. Cô cầm lấy cái này...

Sinh giờ tay vợ cuốn giấy bạc trên bàn, ném mạnh vào người Mai; giấy bạc tung ra, rơi lả tả trên thêm. Chàng hất cả mấy gói đồ ăn xuống đất, những mẩu bánh, miếng thịt bắn tung tóe dưới bàn...

- Không ai thèm ăn những thứ khốn nạn này!

Rồi chàng mệt nhọc ngã người trên ghế, hai tay giơ mở ôm lấy trán, không để ý đến Mai sợ hãi giờ hai tay về phía chàng cầu khẩn, van xin. Rồi nàng nấc lên khóc, kéo vạt áo che mặt, đi ra phía ngoài.

Sinh cúi đầu ngẫm nghĩ: cái giận dữ đã tan đi, để lại một nỗi buồn rầu chán nản vô cùng. Sinh thấy trong lòng nguội lạnh, một cảm giác lạnh lùng như thất lấy ruột gan. Nghĩ đến những ngày đói rét, khổ sở đã qua, đến mấy năm sống trong cảnh nghèo nàn, Sinh uất ức, căm giận cho cái số phận của mình. Nhưng tại sao lại có thêm một sự đau đớn nữa? Tại sao Mai trước kia đã từng bao phen khổ sở cùng chàng, đến bây giờ đem thân bán đi lấy một vài đồng bạc, tại sao Mai lại làm sự khốn nạn ấy như giờ...

Bao nhiêu đau đớn trong tâm can làm Sinh thổn thức, ghen ngào. Quả tim không đủ chứa nỗi nỗi đau thương, Sinh gục xuống bàn.

Một cơn gió hắt hiu thổi đến làm cho chàng rùng mình. Bỗng nhiên tất cả người chàng chuyển động: chàng vừa thoáng ngửi thấy cái mùi thơm và béo của

những miếng thịt ướp mà mỡ còn dính ở tay.

Cơn đối lại sôi nổi dậy như cào ruột, xé gan, mãnh liệt, át hẳn cả nỗi buồn. Chàng muốn chống cự lại, muốn quên đi, nhưng không được, cái cảm giác đối đã lấn khắp người như nước triều tràn lên bãi cát. Mỗi lần cơn gió, mỗi lần chàng ngửi thấy mùi béo ngậy của miếng thịt ướp, mùi thơm của chiếc bánh vàng. Mũi Sinh tự nhiên nở ra, hút mạnh vào, cái mùi thơm thấu tận ruột, gan, như thấm nhuần vào xương tủy.

Sinh cúi xuống nhìn gói đồ ăn tung tóe dưới bàn: chàng lăm lét đưa mắt nhìn quanh, không thấy Mai đứng đấy nữa... Khẽ đưa tay ngập ngừng, sợ hãi, Sinh vớ lấy miếng thịt hồng hào.

Sinh ăn vội vàng, không kịp nhai, kịp nuốt. Chàng nắm chặt miếng thịt trong tay, nhây nhóp mỡ, không nghĩ ngợi gì, luôn luôn đưa vào miệng...

Trong gói giấy, đồ ăn đã hết, chỉ còn những vụn nhỏ dính trên mặt giấy bóng mỡ. Sinh thấy nóng ran trong bụng. Chàng uốn người ra đằng sau, khoan khoái thở dài. Nhưng chàng nhớ lại bức thư, cuốn giấy bạc, nhớ lại tiếng khóc thốn thức của Mai nép bên tường, nhớ lại những lời khinh bỉ, mỉa mai chua xót. Chàng nhớ lại nỗi uất ức, đau đớn của mình...

Một cái chán nản mênh mông tràn ngập cả người, Sinh lấy hai tay ôm mặt, cúi đầu khóc nức nở.

Gió đầu mùa

NXB Đời nay, 1937

MỘT ĐỜI NGƯỜI

Tiếng còi tan việc nổi lên vang động trong không khí. Lập tức các công việc trong xưởng đều ngừng lại. Bọn thợ đàn ông với lấy áo mũ trên mắc rồi hấp tấp dồn nhau đi ra phía cửa như một lớp sóng người.

Liên cùng mấy chị em bạn gái thông thả hơn, vì công việc họ làm xong đã lâu rồi. Nhìn lại một lần nữa cái thùng giặt đầy quần áo sạch sẽ - họ làm trong một xưởng se tay - bọn thợ con gái ra đến cửa sau hết mọi người. Họ vui vẻ nói chuyện luôn miệng như những con chim sẻ ngày mùa. Nhưng Liên không thể giữ được cái rung mình sẽ rung chuyển thân thể nàng mỗi lần đến trước mặt chú tây đen cao lớn ngồi canh cổng và kham các người làm công. Toàn thân Liên cứng lại dưới hai bàn tay mập mập đen đui. Nàng nhắm mắt như không muốn trông thấy cái cười khả ố của người gác và hai con mắt sâu hoắm của hắn ta long lanh ham muốn.

Ra đến ngoài, Liên nhẹ hẫng người. Cảnh tấp nập ở ngoài phố làm nàng vui vẻ. Mấy chị em bạn cùng rảo

bước trên vỉa hè, vừa đi vừa nói những câu chuyện trong sổ, thỉnh thoảng làm cho một cô bật lên tiếng cười trong trẻo, ròn rã như tiếng cười con trẻ. Liên và mấy cô bạn gái của nàng khi có đến hàng nghìn lần, mà lần nào ở trong xưởng ra về, cũng thấy vui vẻ trong lòng như một người vừa làm xong công việc của mình. Cái vui giản dị ấy làm cho nàng quên trong chốc lát những nỗi khó nhọc và các ý nghĩ lo buồn.

Đến chỗ rẽ sắp phải chia tay, tất cả bọn đứng dừng lại dưới gốc cây bàng. Liên sẽ bảo các bạn:

- Các chị bây giờ về nhà, chắc chồng con vui vẻ lắm. Chỉ có em là khổ thôi.

Mọi người nhìn Liên không nói gì. Vì họ biết Liên lấy phải người chồng vũ phu ác nghiệt, hay đánh đập nàng. Lại thêm mẹ chồng cũng ác nghiệt chẳng vừa, hơi một tí là day nghiêng nàng thậm tệ, đến nỗi cấm cả không cho các bạn lại vắng đến nhà nàng nữa.

Khi Liên quay đi, mấy người bạn nhìn theo thương hại:

- Chị Liên thật là khổ. Đi làm cầm cạp suốt ngày để nuôi cả nhà chồng, về nhà lại bị chồng nó hành hạ.

Cô Sinh, nhiều tuổi nhất trong bọn, giọng nói đầy vẻ tức giận:

- Tôi mà như chị ấy thì thôi bỏ quách đi lấy người khác. Mình làm kiếm được nuôi thân, có phải nhờ vả gì nhà chồng đâu mà sợ.

Một người khác chép miệng thở dài:

- Chẳng qua cũng là tại cái số chị ấy vất vả nên mới gặp người như thế.



Liên một mình thong thả bước đi. Nàng không còn vui vẻ nữa vì sắp về tới nhà. Nàng buồn rầu nghĩ đến cái cảnh êm thấm trong gia đình của các bạn, khi đi làm về được chồng con chăm sóc. Về phần nàng, không phải một cái gia đình mà nàng lui tới nữa, chính là một cái địa ngục. Liên không hiểu tại sao chồng nàng và mẹ chồng nàng lại ác nghiệt, ghét nàng như thế. Có lẽ vì xưa kia cha mẹ nàng đã bắt người ta phải dẫn cưới nhiều chàng? Nàng đoán có lẽ vì thế vì mỗi lần chửi mắng bà mẹ chồng lại nhắc đến chuyện ấy mà day nghiến nàng.

Liên thơ dai nhớ lại quãng đời nàng từ lúc đi lấy chồng. Bảy tám năm qua, mà Liên tưởng hình như lâu lắm, hình như đã hết nửa đời người. Nàng về nhà chồng từ năm mười bảy tuổi: Tại sao nàng lại lấy người chàng này mà không lấy Tâm, người nàng quý mến từ thuở nhỏ và bây giờ cùng làm một sở với nàng, Liên cũng không rõ nữa. Khi cha mẹ nàng ngỏ ý gả cho Tích, lấy cớ rằng hai nhà vẫn quen biết nhau, Liên tuy không bằng lòng nhưng nàng cũng không từ chối. Mà nàng cũng không dám từ chối cái gì. Nàng tưởng rằng mình

sinh ra chỉ để chịu sai khiến mà thôi, không dám phản kháng bao giờ cả.

Trong bảy năm ở nhà chồng, nàng chịu bao nhiêu nỗi khổ sở, hành hạ mà không dám kêu ca. Liên chỉ âm thầm đau đớn. Nàng thương hại cho Tâm đã khổ vì nàng. Khi được tin nàng đi lấy chồng. Tâm bỏ nhà trốn đi. Cách đây một năm, sự tình cờ lại khiến cho nàng với người cũ gặp nhau cùng một sở; Tâm vẫn yêu cầu nàng bỏ chồng cũ để lấy chàng.

Liên nhiều khi sung sướng tưởng đến cái đời dễ chịu của nàng nếu lấy Tâm. Nhưng Liên vẫn từ chối. Chính nàng cũng không hiểu tại sao mình từ chối. Hình như có những cái lẽ tối tăm làm cho nàng sợ hãi, không dám nhận lời. Liên lơ mơ thấy rằng nàng không đủ can đảm làm một việc như thế, không đủ quả quyết với mình để chống lại những cái cay nghiệt gây nên chung quanh nàng. Không phải vì nàng quyến luyến đứa con lên sáu: nàng không yêu nó vì nó cũng xác lác như bố. Nhưng bỏ chồng bỏ con để lấy Tâm, để được sung sướng riêng lấy mình nàng. Liên cho như là một việc không bao giờ có thể làm được.

Sáng nay, vào đến sở, nàng thấy Tâm khác mọi ngày thường. Chàng gọi nàng ra một chỗ và ứa nước mắt nói:

- Liên ạ, mai tôi phải đi Sài Gòn, mà đi chưa biết đến bao giờ mới được về. Liên nghĩ thế nào? Nếu Liên còn yêu tôi, xin Liên đi hẳn với tôi. Chúng ta sẽ xa hẳn

chỗ này. Tôi cam đoan làm cho đời Liên được sung sướng. Liên bằng lòng đi, Liên!

Nàng chỉ cúi mặt khóc. Khi thấy Tâm thất vọng quay đi, nàng đau đớn, uất ức như đứt từng khúc ruột. Hình như từ đây có cái gì gãy nát không phương vớt lại được trong cả đời nàng.

Bước chân vào nhà, tự nhiên Liên thấy lo sợ. Không khí trong nhà nặng nề như sắp có tai nạn gì xảy ra. Tích và bà mẹ đương ngồi bàn tán, thấy nàng về ngừng lại, mỗi người ra ngồi một chỗ, nhưng thỉnh thoảng đưa mắt nhìn nàng. Liên lặng lẽ vào buồng xem con ngủ rồi ngồi bên mâm cơm nguội để phân. Nàng và vôi vàng mấy miếng cơm, cố nuốt cho xong bữa.

Bỗng nhiên bà mẹ chồng lại gần, giọng dịu dàng làm nàng ghê sợ:

- Này cô Liên, thế cô định theo cậu Tâm vào Sài Gòn thật đấy chứ?

Liên giật mình, hoảng hốt đáp:

- Thưa mẹ, ai bảo mẹ thế?

- Lại còn ai bảo nữa. Mà cần gì phải có ai bảo tôi mới biết. Thôi, cô có đi thì cứ thu xếp mà đi đi, đừng ở đây nữa. Phải, cô thiết gì cái nhà này...

Liên thưa:

- Mẹ nói oan cho con, chứ con đâu dám thế.

Bà mẹ chồng lồng lộn lên, xửa nói:

- Đừng già mồm nữa, con kia! Có người rõ ràng trông thấy mày dùng nói chuyện với nó buổi sáng nay, còn chối gì nữa, đồ khốn nạn! Này tao bảo thật: Mày

tưởng mày đi thoát được cái nhà này à?

Bà cụ day nghiêng và diếc móc nằng bằng những lời chua cay. Tích vẫn ngồi trên ghế, yên lặng không nói gì. Liên ứa nước mắt, đặt bát cơm ăn dở xuống chiếu, phàn nàn:

- Mẹ cứ đặt điều cho con mãi. Thật là ác, không cho người ta nuốt trôi miếng cơm nữa.

Nàng ghen ngào buông dũa đứng dậy toan bước xuống dưới nhà. Nhưng có tiếng xô ghế, rồi một bàn tay nắm chặt lấy cổ nàng:

- Mày bảo mẹ tao ác à? Không ác để cho mày tự tiện đi theo trai phải không?

Bàn tay như sắt bóp chặt xoay nàng lại. Liên thấy giáp mặt mình, cái mặt ghê sợ của Tích, hai mắt đỏ ngầu. Cái giận dữ làm tiếng hân run lên:

- Con đi!

Liên thoáng nghĩ đến nét mặt thanh tao của Tâm ban sáng. Nàng khinh bỉ nhìn chồng:

- Buông tôi ra!

Rồi nàng gục xuống dưới những cái đấm đá nặng nề. Lòng ghen ghét làm Tích khỏe thêm lên. Hắn nghiêng rặng lại đánh túi bụi. Hắn thấy ghét nàng cực điểm. Không phải vì nàng không yêu mà hắn căm tức. Nhưng nàng lại đi yêu một người khác, như đâm vào lòng tự ái của hắn. Sự ấy không bao giờ hắn tha thứ được.

*

* *

Liên thấy tiếng nói, tỉnh lại thì đã chiều. Mở mắt, nàng thấy đứa con đứng bên cạnh sợ hãi nhìn nàng. Liên vùng ngồi dậy, lo sợ, vì sức nhớ đã mất buổi làm. Nhưng khi cử động, nàng thấy khắp người đau đớn như dần, và cái quang cảnh buổi trưa hiện ra trong trí.

Một sự căm hờn nổi dậy trong lòng nàng; Liên nhớ ra ngày mai Tâm phải đổi đi Sài Gòn. Sao nàng lại không đi với Tâm được? Ai cấm? Mà tội gì nàng ở đây để chịu những nỗi khổ sở như thế này? Phải đi, đi để thoát nơi địa ngục, đi để hưởng chút hạnh phúc mà nàng có quyền được hưởng ở đời.

Nhưng đến ngày mai, những điều dự định của Liên tiêu tán cả. Nàng ôm con ra tiễn Tâm ngoài ga, rồi để Tâm một mình bước lên xe hỏa, mang theo đi cái hy vọng cuối cùng của đời nàng. Khi đoàn xe đã khuất, Liên thấy bao nhiêu nỗi đau khổ trở dậy ngập lòng. Nàng gục đầu vào chiếc cột sắt rồi òa lên khóc.

Ngày nọ nối tiếp ngày kia, Liên lại vẫn chịu cái đời khổ sở, đau đớn mọi ngày. Cái mộng cuộc đời sung sướng với Tâm, Liên buồn rầu cho như là những vật tốt đẹp mà nàng thấy bấy trong tủ kính các cửa hàng, những vật quý giá mà nàng tưởng không bao giờ có thể về nàng được.

Gió đầu mùa

NXB Đời nay, 1937

NGƯỜI LÍNH CŨ

Một buổi tối về tháng chạp, tôi cùng với một người bạn có việc cần phải về quê. Khi ở tàu xuống một cái ga nhỏ thì đã gần mười giờ đêm. Chúng tôi còn phải đi qua một quãng đồng vắng đến bảy, tám cây số nữa.

Trời rét như cắt ruột, mà gió lại thổi mạnh. Chúng tôi vừa cúi lom khom đi, vừa run cầm cập, tuy đã mặc rất nhiều áo: bộ quần áo tây bằng dạ, ngoài khoác áo bađờxuy, ngoài nữa lại khoác một cái áo tơi đi mưa. Một chiếc khăn quàng bằng len quấn kín lấy cổ và mặt lên đến mang tai.

Cánh đồng chúng tôi đi qua là một cánh đồng mầu, bấy giờ chỉ còn trơ cuống rạ trên đất nẻ khô. Làng mạc đã ngủ yên lặng trong đêm tối, không còn một bóng lửa nào. Thỉnh thoảng, bên con đường khúc khuỷu chúng tôi đang đi, hiện ra cái vùng đen thẫm của một cây nhãn, nổi lên nền trời đen nhạt hơn.

Hai chúng tôi cầm đầu rảo bước mau chỉ mong

chóng về tới nhà. Đi được một quãng khá dài, chân đã thấy mỏi, bỗng người bạn tôi chỉ tay về phía trước, nói:

- Sắp đến quán đa rồi, đến đây ta hãy nghỉ một chút đã rồi hãy đi.

Tôi gạt đầu biểu đồng tình. Quán đa là một cái nhà nhỏ xiêu vẹo, sắp đổ nát; ban ngày, có một bà cụ già dọn hàng nước bán ở đây cho những người đi làm đồng, nhưng đến tối bà cụ lại dọn hàng về. Những khi về quê chúng tôi vẫn thường ghé vào đây uống chén chè tươi, và nói dăm ba câu chuyện với những người nhà quê vào nghỉ ở đó.

Gần đến nơi, tôi đã nghe tiếng ào ào của lá đa giạt gió, một cây đa cổ, mà vùng đây, người ta bảo là đã sống lâu lắm. Chúng tôi cúi mình bước vào quán, tới cái bục bằng đất, phủ một manh chiếu của bà hàng trải lên đất thay ghế cho khách ngồi.

Vừa ngồi xuống, chúng tôi đã ngạc nhiên nghe thấy tự trong óc tôi đưa ra một tiếng rên khừ khừ như tiếng rên của người ốm.

Bạn tôi nghe thấy tiếng hỏi:

- Ai đó?

Chúng tôi nghe thấy tiếng người cự mình, tiếng chiếu sột soạt; hình như người đó ngồi dậy. Rồi một tiếng nói khàn khàn trả lời, tiếp theo mấy tiếng ho rũ rượi:

- Tôi. Các thầy đi đâu bây giờ?

- Chúng tôi về Sơn.

Tuy có nghe tiếng, nhưng chúng tôi không thấy gì cả, vì trong quán tối như mực. Bạn tôi lại hỏi:

- Ai đó? Sao lại ra đây mà ngủ, có rét chết không?

- Các thầy tính không nhà không cửa thì phải ra đây vậy chứ biết làm thế nào.

- Làng bác có gần đây không? Sao không ngủ nhờ người trong làng?

Người ấy lại ho rũ một hồi nữa mới trả lời được:

- Tôi ở ăn ngay đây. Nhưng mình nghèo khổ ai người ta cho ngủ nhờ. Và người ta khinh trọng tôi cũng không thích. Ấy, thà rằng ra ở nhờ bà cụ hàng nước đây lại còn hơn, bà ta tử tế.

Lời nói khí khái đó làm chúng tôi ngạc nhiên. Người đàn ông lại hỏi:

- Thầy có thuốc lao cho tôi xin...

- Có. Nhưng mà không có điều.

- Điều đây.

Tôi nghe thấy anh ta sờ soạn trong bóng tối. Chúng tôi nhích lại gần. Tôi cho tay vào túi lấy thuốc, rồi nói với bạn tôi một câu bằng tiếng Pháp:

- Thật rét quá nhỉ.

Tức thì người đàn ông trả lời:

- Vâng, rét thật.

Tôi sững sốt hỏi:

- Bác cũng biết tiếng tây à?

- Thưa, gọi là biết qua loa một vài chữ. Hồi trước chúng tôi cũng có đi lính sang Pháp.

Que diêm đánh lên, thoáng ánh lửa sáng, tôi nhận ra một người đã đứng tuổi, gầy còm, hốc hác, ngồi co ro trên cái bục đất sứt vách. Quần áo bác ta rách nát, trên vai phủ một cái bao gạo đã thủng nhiều chỗ.

Không đợi cho chúng tôi hỏi, bác ta hấp tấp kể chuyện về thân thế bác, như hể hả vì được kể lại với người lạ cái đời gian truân của mình:

- Hai thầy nghe, tôi cũng đã có lúc sung sướng, chứ có phải khổ như bây giờ đâu. Lúc bấy giờ tôi đăng lính sang Tây mới có ngoài hai mươi tuổi. Ở bên ấy bốn năm được lon bếp. Tôi lại có cả vợ đầm, nó thương yêu tôi lắm. Nhưng từ khi về nước đến giờ, lo việc làm ăn, nên tôi cũng chẳng gửi tin tức gì sang cả. Không biết ở bên ấy nó ra sao.

Rồi anh ta thuật lại cho chúng tôi nghe cái đời anh đã được sống ở bên Pháp. Những khi khoác tay vợ đi xem chớp ảnh, trong túi có ba, bốn trăm quan, vào hàng cà phê uống rượu rồi đi tiệm khiêu vũ. Những khi theo vợ về quê ở miền Provence, ra cánh đồng hái nho, rồi cùng đoàn kéo nhau về nhảy hát vui vẻ quanh cái giếng rượu nho ở giữa làng. Anh ta nhắc lại những tên tỉnh đã ở qua, bây giờ xa xôi mù mịt: Tuolouse, Bordeaux, những tên làng nhỏ anh ta qua chơi: Militry, Saint-Etreuil.

- Bác đã qua Paris chưa?

- Có, tôi được ở Paris năm tháng. Montmartre, Bois de Boulogne tôi đã đi xem cả.

Chúng tôi yên lặng nghe anh kể - không khỏi buồn

cười khi tưởng đến những cảnh tượng xán lạn ánh sáng ở thành phố Paris, lại nghĩ đến bác lính này, bây giờ là một anh nhà quê An Nam nghèo khổ ngồi bó gối hút thuốc lào trong một cái quán vắng giữa chốn đồng không mông quạnh.

Bạn tôi hỏi:

- Thế làm sao mà bây giờ bác như thế này?

Bác lính thở dài, như trút bao điều uất ức ra hơi thở, chép miệng đáp:

- Cũng là cái vận mình như thế, hai thầy ạ. Khi tôi mãn về, nhà cũng có trâu, ruộng cây cấy đủ dư dật. Một năm sâu ăn, mấy năm lúa mất mùa, nước lụt, thành hết sạch cả. Lại thêm một vài cái kiện vì rắc rối trong họ, thế là gia tài khánh kiệt. Đến bây giờ thì thật là một thân, một mình, không nhà, không cửa.

- Thế sao bác không tìm việc làm, hay là xin nhà nước giúp?

- Có, tôi đã đi làm ở tòa sứ được hơn một năm, thì ông quan thấy tôi về Pháp, tôi cũng bỏ việc. Từ độ ấy, người ta cũng có giúp kỳ được mười đồng, kỳ năm đồng. Nhưng hai thầy tính sao đủ: tôi lại bị bệnh ho ra máu và lóa mắt nữa, bao nhiêu tiền thuốc men hết cả.

Bác ta nói đến đây lại vớ cái điếu cày đánh diêm châm hút. Tôi thấy mặt bác hốc hác thêm; bác hút xong, đặt điếu, ho rũ rượi một hồi rồi lại ngồi yên lặng trong bóng tối.

Chúng tôi không biết nói gì để an ủi bác, sửa soạn

dứng dậy đi. Bác ta xin vài chiếc diêm và mấy điều thuốc lã. Khi que diêm sau cùng sáng lên, tôi thấy bác nhìn chúng tôi ngập ngừng như muốn nói gì mà không dám nói. Tôi ngờ bác ta muốn xin tiền mà không dám xin chẳng? Đã toan đãi bác mấy hào chỉ, nhưng tôi lại lưỡng lự không đưa, sợ làm tủi bác ta quá. Tôi thấy bác khẽ thở dài.

Ra khỏi quán, gió thổi mạnh làm tung tà áo. Trời lấm tấm mưa, rét buốt cả chân tay. Chúng tôi đi yên lặng, nghĩ đến người lính khốn nạn kia, bây giờ lại đắp manh chiếu rách không đủ che thân, nằm nhớ lại những lúc khoác tay vợ đầm bước vào tiệm nhiều ánh sáng, tận bên kia Trái Đất. Những kỷ niệm sung sướng ấy bây giờ đối với anh ta chưa xót biết bao.

Như cùng một ý nghĩ, người bạn tôi thông thả nói:

- Chắc anh ta bây giờ đang mơ mộng nhiều cái đẹp lắm thì phải.

Tôi yên lặng, không trả lời. Chung quanh chúng tôi, cái đen tối của đêm khuya dày đặc.

Gió đầu mùa
NXB Đời nay, 1937

NGƯỜI BẠN CŨ

Tôi với Khanh - người bạn duyên nợ trăm năm - đang ngồi cùng bàn câu chuyện làm ăn, ấm nước chè giải khát pha đã hầu nhặt. Chuông đồng hồ điểm mười một giờ; ngọn đèn lụi dần, dầu hỏa trong bầu do một tay rót có điều độ chỉ cháy được đến thế là hết. Cảnh tịch mịch một đêm khuya ở tỉnh nhỏ thật buồn bã, khiến tôi lại nhớ đến những đêm náo nhiệt, đầy ánh sáng ở Hà Nội.

Khanh sửa soạn sắp ẵm con đi nghỉ, thì bỗng có tiếng gõ cửa rồi vú già vào.

- Thưa cậu, có người đàn bà nào hỏi cậu.

Tôi thất ý bảo:

- Sao vú không nói tôi vắng, bảo người ta lúc khác hãy đến có được không?

- Thưa, người ấy có việc cần, con không dám tự ý.

Tôi ngạc nhiên ngừng lên nhìn vợ, thì Khanh cũng đang ngạc nhiên nhìn tôi, đôi lông mày lá liễu đã bắt đầu dúi lại. Tôi bảo vú già:

- Vú ra hỏi ai đã.

Người vú vừa quay đi thì Khanh đã sầm ngay mặt lại lườm tôi mà rằng:

- Đàn bà, con gái, nửa đêm còn hỏi với han gì? Sao cậu không sai vú già tổng khứ đi cho rồi.

Ngay lúc ấy, người vú trở vào:

- Thưa cô Lê Minh đấy, cậu ạ.

Tôi ngăn người ra. Lê Minh, người bạn đồng chí gặp gỡ ở Hà thành ba năm về trước, sao nay cô lại về đây? Cô đến bí mật thực. Không biết cô đến tìm tôi có việc gì trong lúc đêm khuya khoắt này? Đến nhà tránh nạn chăng? Trong một buổi mà tấm lòng nhiệt huyết còn sôi nổi, tôi đã hứa lúc nào cũng sẵn lòng giúp cô trong bước khó khăn. Lời hứa đó, và cái kỷ niệm một thời thiếu niên hăng hái thoáng qua trí nhớ khiến tôi băn khoăn; một mối lo ngại bỗng nhiên đến ám ảnh tâm trí làm tan nát cái yên tĩnh tôi đã giữ gìn trong mấy năm nay.

Vú già vẫn đứng đợi. Tôi bảo Khanh:

- Mẹ vào trông em nó ngủ trước. Tôi phải ra có việc.

Rồi vội bước để tránh câu bác chỉ mà tôi có thể đoán được, tôi ra ngoài tiếp khách. Trông khách mà kinh ngạc, không biết có phải Lê Minh người cũ không. Áo sa chùng ngoài áo cánh trắng càng làm rõ cảnh nghèo khổ ẩn ở trong; hai túi nhét đầy những thứ lạ gì, há hốc miệng như kêu đói; một giải lưng lụa đã ám màu xơ xác thoáng qua sợi sa thưa. Tôi lại nhớ đến Lê Minh ngày xưa, ông ả biết bao trong chiếc áo vải rộng, đi đâu cũng cố động dùng nội hóa mà chính cô hiển cái gương diễm lệ.

Ngay đến dung nhan cô xét cũng khác xưa, đôi mắt tinh nhanh buổi trước bây giờ lơ đãng như bị ám sau cái màn lo nghi; đôi gò má hây hây nay không biết vì tuổi hay vì phiền não ở đời, đôi má kia đã thành ra hóp lại, hai gò má nổi cao, phải chăng như để tiêu biểu cho kẻ số phận vất vả long đong. Tôi ngại ngần, lâu chưa nói được câu hỏi han, cô cũng ra vẻ sượng sùng, e lệ; một lát, cô khẽ nói:

- Mạnh Quân chắc thấy em khác trước lắm.

Nào tôi có trách gì cô! Trong một phút nhìn sự thực, tôi hiểu chính tôi thay đổi nhiều lắm, mà tự thẹn với người nữ đồng chí. Cái thân trưởng giả nửa mùa tôi nay đã nghiệm nhiên thành một người tòng sự công sở, họa chăng có lo lắng cho vợ con đủ ấm no là mãn nguyện. Cái đời nghĩa hiệp lãng mạn đã thuộc về thời quá khứ, cô đến đây thật là tiếng sét trong quăng bình minh. Rồi không biết tự nhủ mình hay nhủ ai, tôi đáp:

- Vâng, đời người ta mỗi lúc một khác.

Lệ Minh như không để ý đến câu triết lý ngớ ngẩn ấy:

- Em đến đây muốn phiền ông anh một việc, chả biết ông anh có sẵn lòng không?

Tôi hơi chột dạ. Không hiểu nhà nữ đồng chí này lại muốn bày ra chuyện gì. Song cũng gượng đáp:

- Việc gì, cô cứ cho biết.

Lệ Minh bắt đầu thuật lại quăng đời vừa qua:

- Anh em bây giờ mỗi người một nơi, người nào lo

phận người ấy. Còn em thế cô, một thân lang thang nay đây mai đó, chẳng làm được việc gì, rồi một buổi chán nản, yếu hèn, em đã đem thân gửi một nhà lái buôn.

Nghe thấy cô có chồng tôi như đổ được một gánh nặng, dần lòng nghe nốt câu chuyện. Chuyện cô cũng giống như chuyện trăm nghìn gia đình éo le khác. Gã lái buôn đã dối cô: gã đã có vợ cả. Cả, lẽ ghen tuông, cô vốn người học thức, không chịu được phận tôi đòi, một hôm cô ẵm con lên đường tìm phương tự lập. Cô đến nhờ tôi tìm cho một chỗ dạy tư, nhất được nhà nào chịu nuôi thầy dạy con ở nhà thì càng hay, vì cô chỉ mong được một chỗ "yên thân" là quý.

Cô nói xong, cúi nhìn đi chỗ khác, như tự lấy làm xấu hổ vì cái điều mong mỗi tâm thường ấy. Yên thân! Bây giờ chúng tôi chỉ cầu có thể thôi ư? Tự nhiên tôi thấy khó chịu trong bộ quần áo lụa, trong căn phòng của tôi bày biện nào đỉnh đồng, tủ chè, sập gụ, những thứ đồ đạc làm nẩy vẻ thêm muốn trong con mắt những người đồng sự ở cái tỉnh nhỏ này. Tôi không giấu được cái môi thẹn thùng đưa lên làm nóng mặt. Tôi quay lại phía Lệ Minh vừa gặp lúc nàng cũng đưa mắt nhìn tôi. Hai chúng tôi nhìn nhau ngượng ngịu.

Cô khẩn khoản thêm:

- Thế nào anh cũng cố giúp hộ tôi nhé.

Tôi nhận lời cho qua chuyện. Song tôi cũng thừa hiểu, trước cái hoạn nạn không xứng đáng kia, một lời hứa xoàng chẳng cũng quá ư nhạt nhẽo. Không tìm

được phương cứu giúp cô một cách kiên hiệu hơn, tôi tự thấy mình hèn nhất. Nhưng biết làm thế nào? Mời cô ở lại đây ư? Tôi nghĩ đến cái giận dữ của Khanh mà sợ: nàng chẳng sẽ làm tan hoang nhà cửa ra mất?

- Hỏi thế này khi không phải, cô sao không đến chơi sớm hơn một chút?

Lệ Minh như mới hiểu mình đến vào giờ vô lý. Cô bối rối xin lỗi:

- Em chỉ còn nhớ chỗ ở ngô huynh biên cho trước. Đến hỏi từ sáu giờ tối, họ chỉ quanh quẩn, và em không thuộc phố tỉnh này thành ra cứ đi vơ vẩn mãi. Và khi còn ở trên Hà Nội anh hay thức khuya lắm cơ mà. Anh thường vẫn nói, đêm là ngày của bọn trí thức, em vẫn tưởng thế nên mới dám đường đột đến đây.

Tìm công việc hộ cô, giới thiệu một thiếu nữ như cô vào một gia đình nền nếp cũ, tôi cho là khó khăn, mà nghĩ không có can đảm làm. Giúp cô cái vốn nhỏ để cô tìm cách tự lập, tôi vẫn cho là phận sự của tôi. Song mẹ cháu giữ chìa khóa, mà Khanh đâu có phải là người có thể lấy nghĩa khí mà chuyển được lòng. Muốn tìm câu khuyên giải cô, song tôi thấy chính cần phải khuyên giải cho tôi nhiều hơn, nên tác cổ không nói được nên lời.

Đồng hồ đánh mười hai tiếng lạnh lạnh trong đêm khuya. Tôi giật mình nhìn Lệ Minh, lo sợ. Đã một giờ đồng hồ ở nhà ngoài rồi, chắc Khanh ngủ vực, mà từ nãy đến giờ tôi chắc đã lắm bầm chán.

Lệ Minh như biết ý, đứng dậy xin cáo từ.

Tôi mở cửa tiễn cô ra ngoài. Trông cô đi khuất vào

bóng tối, tôi lại nhớ đến những ngày nào hồi còn trẻ vẫn cùng nhau hội họp khuya trong một căn phố tối tăm ở ngoại ô Hà Nội.

Tôi đóng cửa trở vào, thấy Khanh vẫn còn giọng đèn ảm con ngồi đợi trên ghế. Tôi vào, nàng kể lể lồi thối, trách móc nào là không biết thương vợ thương con, nào là đã ngán ấy tuổi - (tuổi mới có ba mươi!) - mà còn toan tính những ai. Giọng Khanh tấm tức như bị điều gì khổ sở lắm, rồi nàng cúi mặt tỉ tê khóc. Tôi phải liệu nhờ khuyên giải mãi, nàng mới nín.

Khi nàng đã ẵm con vào màn đi nghỉ, khi cái yên lặng tịch mịch của đêm khuya đã trở lại trong phòng, tôi cúi đầu suy nghĩ.

Từ cái dĩ vãng xa xôi thăm thẳm, tôi thấy hiện lên một hình ảnh rõ ràng, hình ảnh tôi trong lúc còn niên thiếu, một thanh niên hăng hái, nhiệt thành, bông bột những điều hay, sự đẹp, lúc nào cũng mơ màng những việc thành công to tát, một thanh niên chưa biết đến cái sự thực chua chát của cuộc đời.

Tôi lại nghĩ đến cái thân thế tôi bây giờ, một viên chức ở tỉnh nhỏ, sống cái đời yên lặng, trưởng giả, một đời ăn no mặc ấm, không phải lo lắng cái gì. Tôi hình như cảm thấy một sự ỷ hợp hơn.

Rồi tôi băn khoăn tự hỏi xem trong hai cái hình ảnh ấy, hình ảnh người thiếu niên hăng hái và hình ảnh người trưởng giả an nhàn, cái hình ảnh nào thật của tôi?

Tôi không dám trả lời.

Gió đầu mùa

NXB Đời nay, 1937

HAI LẦN CHẾT

Dung là con thứ bốn. Vì vậy khi nàng ra đời, không được cha mẹ hoan nghênh lắm. Thực ra, không phải cha mẹ nàng hắt hủi con, vẫn coi người con như một cái phúc trời ban cho, nhưng lúc bấy giờ cha mẹ nàng đã nghèo rồi. Với ba người con trước, hai trai, một gái, cha mẹ Dung đã thấy khó nhọc, vất vả làm lụng mới lo cho đàn con đủ ăn, và hai con trai được đi học. Sau Dung lại còn con bé út nữa, nên cảnh nhà càng thêm túng bấn.

Khi sinh ra Dung, mẹ nàng vì bận buôn bán, giao phó nàng cho người u già trông nom. Người u già này ở nhà Dung đã lâu lắm, đã nuôi và săn sóc tất cả anh chị Dung từ lúc bé. Nhưng, không biết vì có phải thấy Dung ra đời trong sự lạnh nhạt, mà u già đem bụng thương yêu Dung lắm. U săn sóc, bế ẵm nàng, và chăm chút nàng quý như con đẻ vậy, tuy Dung lúc bé ốm yếu khó nuôi lại ghẻ lở bẩn thỉu nữa.

Cha Dung chẳng làm gì cả. Từ xưa đến nay vẫn thế.

Hình như ông ta sinh ra trên đời là chỉ để ngồi ở nhà cho lúc nào cũng có người và để những ngày giỗ tết trong họ, khăn áo chỉnh tề đi ăn cỗ mà thôi. Không ai thấy ông ta làm một việc gì, mà cũng không ai nghĩ đến sự ông ta phải làm một việc gì.

Ông lúc nào cũng ngồi rung đùi bên cạnh cái điều ồng mà sửa chữa rất kêu, thỉnh thoảng hút một điều, rồi ngồi trầm ngâm như đang nghĩ ngợi một sự gì quan trọng. Những lúc ấy u già biết là ông chẳng nghĩ sự gì quan trọng cả, bèn đem Dung đến cho ông bế. Ông giữ hai tay ấm Dung vào lòng hôn hít, cố xốc Dung lên đùi, ngoáy bụng cho nó cười, rồi lại trịnh trọng đưa trả u già. Xong ông lại ngồi nghĩ ngợi.

Có lẽ ông nghĩ tình cảnh nhà ông, hồi còn ông cụ đi làm việc quan, rất giàu có và hách dịch suốt một vùng này. Từ khi cụ cố mất đi, cơ nghiệp ăn tiêu dần, cảnh nhà thành ra sa sút, chỉ còn cái danh không.

★

★ ★

Cha mẹ Dung cũng không nghĩ đến sự bắt nàng đi học như anh chị nàng, có lẽ vì nghĩ rằng lo cho hai người cũng đã đủ.

Dung càng nhón càng gầy gò đi. Suốt ngày nàng chỉ chạy đánh kháng đánh đáo với lũ trẻ con nhà "hạ lưu" - cha nàng gọi thế, những người nghèo khổ trú ngụ ở

chung quanh xóm chợ. Nhiều khi đi đâu về trông thấy, cha nàng gọi về, đánh cho mấy roi mây và cấm từ đây không được chơi với lũ trẻ ấy. Nhưng trận đòn xong, Dung lại mon men chơi với lũ trẻ, và thấy hình như cha nàng cũng chỉ cấm lấy lệ chứ không thiết gì đến, nàng lại vững tâm nhập vào bọn "hạ lưu" suốt ngày đông dài ở ngoài chợ.

Một đôi khi, mẹ nàng có dịp về đến nhà, trông thấy nàng quần áo lôi thôi lếch thếch và chân tay lấm bùn, chỉ chép miệng thở dài nói:

- Con này rồi sau đến hồng mắt thôi.

Rồi bà lại quay đi buôn bán như thường, sau khi đã để lại cho chồng một món tiền tiêu pha trong nhà, và sau khi anh chị Dung mỗi người đã nung nấu đòi được một hào để ăn quà.

Dung thấy thế cũng chẳng ganh tị, vì nàng xưa nay đối với các anh chị cũng không thân thiết lắm. Những khi đang chơi thấy đói, nàng lại chạy về xin u già bát cơm nguội hay thức ăn gì khác - thế nào u già cũng đã để phần - rồi lại chạy nhảy như một con vật non không biết lo nghĩ gì.

Những sự ấy đã làm cho Dung có một cái tính an phận và nhẫn nại lạ lùng. Ngày trong nhà có tết nhất, các anh chị em nàng được mặc quần áo mới vui chơi, còn nàng vẫn cứ phải áo cũ lấm lụng dưới bếp, Dung cũng không ca thán hay kêu ca gì. Mà nàng biết kêu ca cũng không được. Nhiều lần nàng đã nghe thấy u già nói với mẹ nàng may cho cái áo, thì mẹ nàng trả lời:

- May cho con nặc nô ấy làm gì. Để nó làm rách nát ra à?

Còn nói với cha thì Dung biết là vô công hiệu, vì cha nàng không dám tự ý cái gì bao giờ cả.

*
* * *

Cuộc đời cứ đi như thế trong cái xó chợ còn con ấy. Thấm thoát Dung đã mười bốn tuổi, nhưng ai cũng tưởng là hãy còn trẻ con, mà tính tình nàng như đứa trẻ con thật. U già đã có khi phải gắt lên với nàng:

- Bây giờ cô phải đứng đắn lên một tí chứ. Nhiều tuổi rồi còn gì nữa.

Dung ngây thơ hỏi:

- Đứng đắn là thế nào cơ, u?

- Đứng đắn là đứng đắn chứ còn là thế nào nữa, cô hỏi lẩn thẩn lắm. Cô không có vẻ người nhớn một tí nào cả.

- Ừ thì tôi không người nhớn. Nhưng không người nhớn thì làm sao hở u?

U già vác quạt đánh; Dung chạy lại ôm lấy, rồi âu yếm ghé tai u già nói khẽ:

- Tôi có người nhớn, cậu, mẹ cũng không yêu hơn cơ mà.

Thế là hai u cháu lại lặng yên không nói gì nữa.

Một hôm mẹ Dung đưa một bà ở tỉnh về chơi. Thấy

người lạ, nhất là cách ăn mặc thị thành của bà khách, Dung cứ đứng dán mắt lên nhìn. Mà lạ thay, lần này Dung không thấy mẹ quát mắng bảo lui đi như mọi bận có khách khác. Mà bà khách lạ cũng chăm chú nhìn Dung từ đầu đến chân, lại hỏi han Dung nữa.

Sau hai bà thì thăm với nhau mãi. Mẹ Dung mời bà khách ở lại ăn cơm, rồi thân hành tiễn bà ra ga.

Băng được ít lâu, một hôm mẹ Dung đổ hàng về, gọi Dung lại gần, lấy ra một gói bọc giấy mà bảo:

- Đây, áo mới của cô đây. Lấy ra mà thay, chứ ai lại ăn mặc rách rưới như thế kia bao giờ.

Dung se sẽ cầm gói giấy mở ra, thấy hoa cả mắt: nào áo nhiễu trắng, bom bay hồng, áo lụa màu hoa lý. Lại còn mấy chiếc quần lụa cạp đỏ, mấy cái áo cánh vải phin, mấy cái cổ yếm máy và mấy chục thước vải. Dung cất tiếng run run hỏi:

- Của những ai đấy, mẹ?

- Không, riêng của con đây thôi.

Dung sung sướng mân mê các cúc áo. U già cũng lại gần xuýt xoa khen.

Từ hôm ấy, mẹ Dung chiều chuộng Dung lắm, không ghét bỏ như trước. Bà bắt Dung ăn mặc chỉnh tề, tập đi giày - (nhưng vắng mặt mẹ, Dung lại vứt giày đi chơi, vì nàng không quen đi) - bắt vấn tóc, và nhuộm răng.

Cuối tháng tám năm ấy, bà khách lại xuống chơi và ở lại ăn cơm. Mẹ Dung gọi Dung vào buồng, đóng cửa rồi thì thảo với con đến hơn một tiếng đồng hồ.

Sau cửa mở, thấy Dung bước ra mắt đỏ hoe như mới khóc, và bên lên không dám trông bà khách. Nhưng u già đỡ dành ít lâu, Dung lại vui vẻ và cười đùa như cũ. Hễ trẻ láng giềng có chế nhạo, Dung chỉ mỉm cười.

*

* *

Thế là Dung đi lấy chồng.

Nàng đi lấy chồng cũng ngỡ và lạ lùng như người nhà quê lên tỉnh. Dung coi đi lấy chồng như một dịp đi chơi xa, một dịp rời bỏ được cái gia đình lạnh lẽo và cái xóm chợ quen mắt quá của nàng. Đi lấy chồng đối với nàng là hưởng một sự mới.

Vì thế, khi bước chân lên ô tô về nhà chồng, Dung không buồn bã, khóc lóc gì cả. Nàng còn chú ý đến những sự lạ mắt, lạ tai của nhà giai, không nghe thấy những lời chúc hơi mát mẻ và ganh tị của hai chị và em bé nàng nữa.

Về đến nhà chồng, Dung mới biết chồng là một anh học lớp nhì, vừa lẩn thẩn vừa ngu dốt. Nàng đã bé mà chồng nàng lại choắt hơn. Nhưng bà mẹ chồng với các em chồng nàng thì to lớn, ác nghiệt lắm.

Qua ngày nhị hỉ, Dung đã phải tháo bỏ đôi vòng trâm mẹ chồng, ăn mặc nâu sồng như khi còn ở nhà, rồi theo các em chồng ra đồng làm ruộng. Nhà chồng nàng giàu, nhưng bà mẹ rất kiệt, không chịu nuôi người làm và bắt con dâu làm.

Khốn nạn cho Dung từ bé đến nay không phải làm công việc nặng nhọc, bây giờ tát nước, nhổ cỏ, làm lụng đầu tắt mặt tối suốt ngày. Đã thế lại không có người an ủi! Chồng nàng thì cả ngày thả diều, chả biết cái gì mà cũng không dám cãi lại bà cụ. Còn hai em chồng nàng thì ghê gớm lắm, thi nhau làm cho nàng bị mất thêm.

Những lúc Dung cực nhọc quá ngồi khóc thì bà mẹ chồng lại dạy dỗ:

- Làm đi chứ, đừng ngồi đấy mà xụi xụi đi cô. Nhà tôi không có người ăn chơi, không có người cả ngày ôm lấy chồng đâu.

Rồi bà kể thêm:

- Bây giờ là người nhà tao rồi thì phải làm. Máy trăm bạc dẫn cưới, chứ tao có lấy không đâu.

Dung chỉ khóc, không dám nói gì. Nàng đã viết ba bốn lá giấy về kể nỗi khổ sở của nàng nhưng không thấy cha mẹ ở nhà trả lời.

Một hôm tình cờ cả nhà đi vắng, Dung vội ăn cắp mấy đồng bạc trình lên ra ga lấy vé tàu về quê. Đến nơi, mẹ nàng ngạc nhiên hỏi:

- Kìa, con về bao giờ thế? Đi có một mình thôi à?

Dung sợ hãi không dám nói rằng trốn về, phải tìm cơ nói dối. Nhưng đến chiều tối, nàng lo sợ quá, biết rằng thế nào ngày mai mẹ chồng nàng cũng xuống tìm. Nàng đánh bạo kể hết tình đầu đuôi cho cha mẹ nghe, những nỗi hành hạ nàng phải chịu, và xin phép cho nàng ở lại nhà.

Cha nàng hút một điếu thuốc trong cái ống điếu khảm bạc rồi trầm ngâm như nghĩ ngợi. Còn mẹ nàng thì dùng dùng nổi giận mắng lầy mắng để:

- Lấy chồng mà còn đòi ở nhà! Sao cô ngu thế? Cô phải biết cô làm ăn thế đã thấm vào đâu mà phải kể. Ngày trước tôi về nhà này còn khó nhọc bằng mười chứ chả được như cô bây giờ đâu, cô ạ.

Sớm mai, bà mẹ chồng Dung xuống. Vừa thấy thông gia, bà đã nói mát:

- Nhà tôi không có phúc nuôi nổi dâu đấy. Thôi thì con bà tôi xin trả bà chứ không dám giữ.

Mẹ Dung cãi lại:

- Ô hay, sao bà ăn nói lạ! Bây giờ nó đã là con dâu bà, tôi không biết đến. Mặc bà muốn xử thế nào thì xử. Chỉ biết nó không phải là con tôi nữa mà thôi.

Bà nọ nhường bà kia, rút cục Dung được lệnh của mẹ phải sửa soạn để đi với mẹ chồng.

Bị khổ quá, nàng không khóc được nữa. Nàng không còn hy vọng gì ở nhà cha mẹ nữa. Nghĩ đến những lời day nghiến, những nổi hành hạ nàng sẽ phải chịu, Dung thấy lạnh người đi như bị sốt. Nàng hoa mắt lên, đầu óc rối bời, Dung ước ao cái chết như một sự thoát nạn.

Nàng không nhớ rõ gì cả. Ra đến sông lúc nào nàng cũng không biết. Như trong một giấc mơ, Dung lơ mơ thấy cái thành cầu, thấy dòng nước chảy. Trí nàng sắc lại khi nước lạnh đập vào mặt, nàng uất ức lịm đi, thấy

máu đỏ trào lên, rồi một cái màng đen tối đến che lấp cả.

*
* *

Bỗng mơ màng nghe thấy tiếng nhiều người, tiếng gọi tên nàng, một làn nước nóng đi vào cổ. Dung ú ớ chợt mình muốn trả lời.

- Tỉnh rồi, tỉnh rồi, không lo sợ gì nữa. Bây giờ chỉ đắp chăn cho ấm rồi sắc nước gừng đặc cho uống là khỏi.

Dung dần dần nhớ lại. Khi nàng mở mắt nhìn, thấy mình nằm trong buồng, người u già cầm cây đèn con đứng đầu giường, nhìn nàng mỉm cười một cách buồn rầu:

- Cô đã tỉnh hẳn chưa?

Dung gật: "Tỉnh rồi". Một lát nàng lại hỏi: "Tôi làm sao thế nhỉ... Bà cả đâu u? Bà ấy về chưa?"

U già để tay lên trán Dung, không trả lời câu hỏi.

- Con hãy còn mệt. Ngủ đi.

Hai hôm sau, Dung mạnh khỏe hẳn. Bà mẹ chồng vẫn chờ nàng, hỏi có vẻ gay gắt thêm:

- Cô định tự tử để đeo cái tiếng xấu cho tôi à? Nhưng đời nào! Trời có mắt chứ! Đã dễ mà chết được. Thế bây giờ cô định thế nào? Định ở hay định về?

Dung buồn bã trả lời:

- Con xin về.

Khi theo bà cả ra ga, Dung thấy người hai bên đường nhìn nàng bàn tán thì thảo. Nàng biết người ta tò mò chú ý đến nàng.

Trông thấy dòng sông chảy xa xa, Dung ngậm ngùi nghĩ đến cái chết của mình. Lần này về nhà chồng, nàng mới hẳn là chết đuối, chết không bấu víu vào đâu được, chết không còn mong có ai cứu vớt nàng ra nữa.

Dung thấy một cảm giác chán nản và lạnh lẽo. Khi bà cả lần ruột tượng, gọi nàng lại đưa tiền lấy vé, Dung phải vội quay mặt đi để giấu mấy giọt nước mắt.

Gió đầu mùa

NXB Đời nay, 1937

GIÓ LẠNH ĐẦU MÙA

Buổi sáng hôm nay, mùa đông đột nhiên đến, không báo cho biết trước. Vừa mới ngày hôm qua giới hây còn nắng ấm và hanh, cái nắng về cuối tháng mười làm nứt nẻ đất ruộng và làm giòn khô những chiếc lá rơi. Sơn và chị chơi cò gà ở ngoài cánh đồng còn thấy nóng bức, chảy mồ hôi.

Thế mà qua một đêm mưa rào, trời bỗng đổi gió bắc, rồi cái lạnh ở đâu đến làm cho người ta tưởng đang ở giữa mùa đông rét mướt. Sơn tung chăn tỉnh dậy, nhưng không bước xuống giường ngay như mọi khi, còn ngồi thu tay vào trong bọc, bên cạnh đứa em bé vẫn nắm tay ngủ kỹ. Chị Sơn và mẹ Sơn đã trở dậy, đang ngồi quạt hỏa lò để pha nước chè uống. Sơn nhận thấy mọi người đã mặc áo rét cả rồi.

Nhìn ra ngoài sân, Sơn thấy đất khô trắng, luôn luôn cơn gió vi vu làm bốc lên những màn bụi nhỏ, thổi lẫn những cái lá khô lạo sạo. Trời không u ám, toàn một màu trắng đục. Những cây lan trong chậu, lá rung động và hình như sắp lại vì rét.

Sơn cũng thấy lạnh, vội vợ lấy cái chăn trùm lên đầu rồi cất tiếng gọi chị. Mẹ Sơn nghe thấy, đặt chén nước chè xuống, bảo chị Lan:

- Con vào buồng lấy thùng áo ra mẹ mặc cho em đi.

Rồi quay lại bảo Sơn:

- Con sang đây mà ngồi cho ấm. Bước khéo để cho em bé ngủ.

Sơn kéo chăn lên đắp cho em, rồi co ro đứng dậy sang phần bên này, ngồi xếp bằng bên khay nước. Mẹ Sơn rót cho một chén. Sơn cầm lấy chén chè nóng áp vào mặt, và má cho ấm, rồi để mắt vào miệng chén cho hơi bốc lên. Bà Sơn thường vẫn bảo làm thế cho chóng tỉnh mắt.

Người vú già sù sù cái áo bông cánh rách, xách siêu nước từ dưới nhà lên, vừa xuýt xoa vừa nói:

- Rét quá! Múc nước cống cả tay.

Vú giờ tay hơ trên hỏa lò. Mẹ Sơn hỏi:

- Năm nay rét sớm hơn mọi năm vú nhỉ?

Người vú già ra vẻ nhớ lại, đáp:

- Cũng chả bằng cái năm mợ đi cân gạo bên sông. Gớm, mới rét làm sao! Sáng tôi dậy, bà sai đi chợ, cứ run lên cầm cập.

Sơn cũng nhớ cái rét năm ấy rõ rệt lắm, như mới đây thôi. Buổi sớm hôm ấy, mẹ Sơn cũng ngồi uống nước chè như sáng hôm nay và cũng lấy áo rét ra mặc.

Chị Lan tự trong buồng đi ra, khệ nệ ôm cái thùng quần áo đặt lên đầu phần. Mẹ Sơn lật cái vĩ buồm, lục

đồng quần áo rét. Sơn nhận ra cũng những cái áo Sơn đã mặc năm ngoái, năm kia, một cái áo vệ sinh màu nâu xẫm với một cái áo dạ khâu chỉ đỏ. Sơn cầm giờ những cái áo lên, thấy mát lạnh cả tay. Từ bộ quần áo thoáng ra hơi mốc của vải gấp lâu trong hòm, làm Sơn lại nhớ lại những buổi đầu mùa rét từ bao giờ, lâu lắm, ngày Sơn còn nhỏ.

Mẹ Sơn giờ lên một cái áo bông cánh đã cũ nhưng còn lành lặn, nói:

- Đây là áo của cô Duyên đây.

Duyên là đứa em gái bé của Sơn, chết từ năm lên bốn tuổi. Mẹ Sơn nhắc đến làm Sơn nhớ em, cảm động và thương em quá. Vú già là người đã nuôi Duyên từ lúc mới đẻ, với lấy cái áo lật đi lật lại ngắm nghía, tay mân mê các đường chỉ:

- Giá bây giờ em nó có còn cũng chả mặc được.

Mẹ Sơn yên lặng không nói gì. Nhưng đến lúc với Sơn lại gần để mặc áo, Sơn thấy mẹ hơi rơm rớm nước mắt.

*

* *

Sơn đã mặc xong áo ấm áp: cả cái áo dạ chỉ đỏ lẫn áo vệ sinh, ngoài lại mặc phủ cái áo vải thâm dài. Sơn đứng trên giường trước mặt mẹ, đã quay đi quay lại ba, bốn lần để mẹ Sơn ngắm áo. Sau cùng mẹ Sơn vuốt các tà áo cho phẳng phiu, rồi đẩy Sơn ra, bảo:

- Thôi, con đi chơi.

Sơn xúng xính rủ chị ra chợ chơi. Nhà Sơn ở quay lưng vào chợ cạnh một dãy nhà lá của những người nghèo khổ mà Sơn quen biết cả vì họ vẫn vào vay mượn ở nhà Sơn. Sơn biết lũ trẻ con các gia đình ấy chắc bây giờ đương đợi mình ở cuối chợ để đánh khăng, đánh đáo.

Không phải ngày phiên nên chợ vắng không. Mấy cái quán chợ vỡ lộng gió, rác bẩn rải rác lẫn với lá rụng của cây đề. Gió thổi mạnh làm Sơn thấy lạnh, và cay mắt. Nhưng chân trời trong hơn mọi hôm, những làng ở xa, Sơn thấy rõ như gần. Mặt đất rắn lại và nứt nẻ những đường nho nhỏ, kêu vang lên tanh tách dưới nhịp guốc của hai chị em.

Đến cuối chợ đã thấy lũ trẻ đang quây quần chơi nghịch. Chúng nó thấy chị em Sơn đến đều lộ vẻ vui mừng, nhưng chúng vẫn đứng xa, không dám vồ vập. Chúng như biết cái phận nghèo hèn của chúng vậy, tuy Sơn và chị vẫn thân mật chơi đùa với, chứ không kiêu kỳ và khinh khỉnh như các em họ của Sơn.

Thằng Cúc, thằng Xuân, con Tý, con Túc sán gần giương mắt ngắm bộ quần áo mới của Sơn. Sơn nhận thấy chúng ăn mặc không khác ngày thường, vẫn những bộ quần áo nâu bạc đã rách vá nhiều chỗ. Nhưng hôm nay, môi chúng nó tím lại và, qua những áo chỗ rách, da thịt thâm đi. Mỗi cơn gió đến, chúng nó lại run lên, hàm răng đập vào nhau.

Thằng Xuân đến mó vào chiếc áo của Sơn, nó chưa

thấy cái áo như thế bao giờ. Sơn lật vạt áo thâm, chìa áo vệ sinh và áo dạ cho cả bọn xem. Một đứa tắc lưỡi, nói:

- Cái áo này mặc thì nóng lắm. Chắc mua phải đến một đồng bạc chứ không ít, chúng mày nhỉ?

Đứa khác nói:

- Ngày trước thấy tao, cũng có một cái áo như thế, về sau bán cho ông lý mất.

Con Túc ngây ngô giương mắt lên hỏi Sơn:

- Cái này cậu mua tận Hà Nội phải không?

Sơn ưỡn ngực đáp:

- Ở Hà Nội, chứ ở đây làm gì có. Mẹ tôi còn hẹn mua cho tôi một cái áo len nhiều tiền hơn nữa kia.

Chị Lan bỗng giơ tay vẫy một con bé, từ nãy vẫn đứng dựa vào cột quán, gọi:

- Sao không lại đây, Hiên? Lại đây chơi với tôi.

Hiên là đứa con gái bên hàng xóm, bạn chơi với Lan và Duyên. Sơn thấy chị gọi nó không lại, bước đến gần, trông thấy con bé co ro đứng bên cột quán, chỉ mặc có manh áo rách tả tơi, hở cả lưng và tay. Chị Lan cũng đến hỏi:

- Sao áo mày rách thế, Hiên? Áo lành đâu không mặc?

Con bé bịu xịu nói:

- Hết áo rồi, chỉ còn cái này.

- Sao không bảo u mày may cho?

Sơn bấy giờ mới chợt nhớ ra là mẹ cái Hiên rất nghèo, chỉ có nghề đi mò cua bắt ốc thì còn lấy đâu ra tiền mà sắm áo cho con nữa. Sơn thấy động lòng thương

cũng như ban sáng Sơn đã nhớ thương đến em Duyên ngày trước vẫn chơi cùng với Hiên, đùa nghịch ở vườn nhà. Một ý nghĩ tốt bỗng thoáng qua trong trí, Sơn lại gần chị thì thầm:

- Hay là chúng ta đem cho nó cái áo bông cũ, chị ạ.
- Ừ, phải đấy. Để chị về lấy.

Với lòng ngây thơ của tuổi trẻ, chị Lan hăm hở chạy về nhà lấy áo. Sơn đứng lặng yên đợi, trong lòng tự nhiên thấy ấm áp vui vui.

*
* *

Nhưng cái vui của Sơn không được bao lâu. Bữa cơm về tới nhà, Sơn không thấy mẹ đâu cả, hỏi vú già:

- Mẹ tôi đâu hả vú?
- Chị Lan và cậu cứ ăn cơm trước đi. Mẹ còn đi ăn cỗ đến trưa mới về.

Rồi vú già nhìn rõ vào mặt Sơn hỏi:

- Có phải cậu đem cho con Hiên cái áo bông cũ phải không?

Sơn ngạc nhiên đáp:

- Phải. Nhưng sao vú biết?
- Con Sinh nó nói với tôi đấy. (Sinh là đứa em họ Sơn, vẫn hay nói hỗn với vú già nên vú ấy ghét). Nó lại còn bảo hễ mẹ về nó sẽ sang mách mẹ cho cậu phải đòn.

Sơn lo quá, sắp ăn, bỏ đĩa đứng dậy, van:

- Thế bây giờ làm thế nào, hở vú? Mẹ tôi biết thì chết.

- Ai bảo cậu đại dột đem cho nó áo? Bây giờ cậu sang bảo cái Hiền trả lại thì không việc gì.

Sơn vội vàng đi ra chợ tìm Hiền nhưng không thấy con bé ở đó, đến nhà cũng không thấy ai, mẹ nó cũng không có nhà. Hai chị em lo sợ, đi ra cánh đồng tìm cũng không gặp. Gần đến buổi chiều, Sơn và chị chưa đòi được áo. Lan trách em:

- Sao em lại nghĩ đem cho nó cái áo ấy, có phải bây giờ mẹ mắng chết không.

- Ai bảo chị về lấy? Nếu chị không về lấy thì em biết đâu?

Chị Lan đầu dụi:

- Thôi, bây giờ phải về nhà vậy chứ biết làm thế nào.

- Nhưng mà em sợ lắm.

Chị Lan thở dài, nắm chặt lấy tay em, an ủi:

- Đằng nào cũng phải về cơ mà. May ra có lẽ mẹ không mắng đâu.

Hai chị em lo lắng, dắt nhau lên về nhà. Đến cửa, Sơn nghe thấy tiếng mẹ nói ở trong với tiếng một người đàn bà khác nữa, nghe quen quen. Lan dắt tay Sơn khép nép bước vào; hai chị em ngạc nhiên đứng sững ra khi thấy mẹ con Hiền đang ngồi ở cái ghế con trên đất trước mặt mẹ, tay cầm cái áo bông cũ.

Thấy hai con về, mẹ Sơn ngừng lên nhìn rồi nghiêm nghị bảo:

- Kia, hai cô cậu đã về kia. Thế áo bông của tôi đâu mà tự tiện đem cho đấy?

Sơn sợ hãi, cúi đầu lặng im, nép vào sau lưng chị. Bác Hiên vừa cười vừa nói:

- Tôi về thấy cháu nó mặc cái áo bông tôi hỏi ngay. Nó bảo của cậu Sơn cho nó. Tôi biết cậu ở đây đùa nên tôi phải vội vàng đem lại đây trả nợ. Thôi, bây giờ, xin phép mẹ tôi về.

Mẹ Sơn hỏi:

- Con Hiên nó không có áo à?

- Bẩm nhà cháu độ này khổ lắm, chẳng để dành ra được đồng nào may áo cho con cả. Thành thử vẫn cái áo từ năm ngoài nó mặc mãi.

Mẹ Sơn với cái âu đồng lấy tiền đưa cho bác Hiên:

- Đây, tôi cho mượn năm hào cầm về mà may áo cho con.

Khi bác Hiên bước ra khỏi cửa, mẹ Sơn vẫy hai con lại gần, rồi âu yếm ôm vào lòng mà bảo:

- Hai con tôi quý quá, dám tự do lấy áo đem cho người ta không sợ mẹ mắng ư?

Gió đầu mùa

NXB Đời nay, 1937

NHỮNG NGÀY MỚI

Những bông lúa vàng mới cắt xong đều xếp rải rác từng hàng trên bờ ruộng, trong đám cỏ xanh mà dày. Mỗi khi gặp được vài lượm lúa người thợ hái ôm sát bó lúa thơm vào người đem ra xếp vào chỗ lúa trước. Rồi họ lại trở vào ruộng đứng theo hàng với những người bạn gặt. Tiếng hái đưa vào gốc lúa soàn soạt như tiếng trâu bò ăn cỏ.

Chăm chú vào công việc làm, Tân không để ý gì đến cảnh vật chung quanh. Chàng cũng không thấy mệt nữa, tuy ánh nắng chiếu trên lưng nóng rát, và mồ hôi từng giọt rỏ trên trán xuống. Tân chú ý đưa cái hái cho nhanh nhẹn; mỗi lần bông lúa rung động chạm vào mặt, vào người, mùi lúa chín thơm lại phảng phất lẫn với mùi rạ ướt mới cắt. Mùi thơm đó làm chàng say sưa như men rượu. Tân lại cố hết sức gặt, chỉ lo không theo kịp hàng những người thợ khác.

Buổi sáng, khi Tân ngỏ ý muốn cầm hái xuống gặt, bọn thợ hái chàng mượn đã mấy hôm nay đều trông

chàng mà cười. Một cô gái trong bọn, cặp mắt đen nhí nhảnh dưới vành khăn vuông che kín đầu, nói đùa:

- Ông để mặc chúng tôi, bộ ông thế kia thì gặt được độ ba nện lúa.

Mọi người vui vẻ cười làm Tân cũng cười theo.

Người già nhất trong bọn, một cụ râu tóc đã bạc, nhưng da sém đen và khỏe mạnh lẳng lẳng đem một cây hái ra mài trên bờ ruộng. Khi mọi người sửa soạn xong, ông cụ đưa cho Tân cây hái, lưỡi sáng loáng, nói:

- Lưỡi sắc thế này thì cắt cứ ngọt như cắt cỏ.

Cắt được mấy đơm lúa, Tân thấy cánh tay mỏi rã rời. Chàng tưởng không thể nào gặt được nữa. Tuy vậy, cố hết sức, chàng cũng theo kịp bọn thợ gặt. Nhưng, được vài bước, Tân lại phải dừng lại để thở. Chàng nhận thấy cô gái ban nãy, tuy tay đưa hái thoăn thoắt nhưng vẫn để ý nhìn chàng. Còn ông cụ già cứ điem dặm gặt, bên cạnh ông ta những bông lúa đã xếp thành đống.

Tân lại cúi xuống làm việc. Dần dần, cánh tay mềm dẻo, Tân đã thấy dễ chịu. Chàng luôn đưa lưỡi hái, vui vẻ mỗi khi thấy những bông lúa chắc, vàng ngả vào sát người. Tân thấy tâm hồn khoan khoái như không bận một ý nghĩ gì.

Từ bờ ruộng đằng xa đi lại, một người đàn bà gánh hai gánh đầy. Ông cụ già thẳng người đứng lên, nói với bạn gặt:

- Thôi, hãy nghỉ tay ăn quả đã.

Tân cũng ngừng tay lại. Chàng đang thích làm việc

nói: “Đã nghỉ rồi cơ à? Sao chóng thế?”. Chàng quên rằng bọn thợ đã gặt luôn bốn giờ đồng hồ chưa nghỉ, họ làm việc từ buổi sáng sớm, trong lúc chàng còn ngủ.

Bọn thợ gặt tìm chỗ có bóng mát ở chân đồi ngồi nghỉ. Chung quanh đây ở các ruộng khác, những thợ hái cũng đều nghỉ cả. Mỗi người chọn một chỗ dưới gốc cây, tay cầm bát cơm nếp ăn ngon lành. Đây là bữa quà buổi trưa, vì sáng sớm trước khi ra đồng, người nào cũng ăn cơm cả rồi.

Mấy người thợ Tân mượn nhìn chàng ra dáng cảm ơn lắm. Vì Tân rộng rãi, bữa cơm sáng đã cho họ ăn một ít cá vụn mà em chàng mua của bọn đánh dậm. Đến lúc đổi đồng, chàng lại cho phép họ được đem lúa đổi lấy một ít chả để ăn với xôi và bao diêm, gói thuốc cho mọi người. Bởi vậy, họ rất sung sướng vì ngày công tám xu của họ còn nguyên không phải tiêu dùng đến.

Thấy Tân dễ dãi và vui tính họ cũng vui vẻ trò chuyện trước mặt chàng, không còn ngượng nghịu hay giữ gìn gì nữa. Ông cụ già gọi chàng đến bên cạnh mời hút thuốc Lào và uống nước. Cụ rót trong các vò sành ra một bát nước đỏ thắm đưa cho Tân:

- Cậu uống thử bát nọ với này mà xem. Không có thứ nước nào ngon hơn nữa.

Thật đúng như vậy, Tân chưa uống bát nước nào ngon hơn bát nước vôi của ông cụ. Chàng nghĩ đến khi còn ở Hà Nội, uống rượu bia và nước chanh ngâm đá, nhưng chưa thấy bao giờ khoan khoái người như bây giờ.

*
* *

Ăn xong, trên ven đồi, bọn thợ gặt nằm dài trên cỏ ngủ. Các thợ đàn bà họp nhau lại một chỗ, ăn trầu và nói chuyện mùa màng, còn ông cụ thì loay hoay buộc lại mấy cái hái để dùng đến cuối buổi gặt chiều.

Cánh đồng lúa chín lóe vàng dưới mặt trời buổi trưa. Từng chỗ, ở thửa ruộng nào đã gặt rồi, gốc rạ lấp lánh như giát bạc. Phía xa, làng mạc ở chân trời rung động trong ánh nắng.

Tân nằm trên thảm cỏ, nhìn lên. Qua khe lá lung lay, chàng thấy trời xanh trong và mát. Mùi cỏ và mùi lúa thơm bốc lên xung quanh. Tân cảm thấy cái sung sướng của một người làm xong công việc. Chàng thấy vui vẻ: một mối cảm tình nảy nở giữa tâm hồn Tân với những người thợ gặt giản dị và mộc mạc chung quanh chàng.

Họ làm việc xong cũng vui vẻ, sung sướng, tuy những lúa gặt không phải của họ. Tân cũng vậy: chàng biết rằng những bó lúa kia đem bán đi thì có lẽ không đủ tiền trả công người làm. Song những bông lúa ấy đối với Tân quý lắm và như có một ý nghĩa thiêng liêng; đấy là kết quả của cả một năm làm lụng khó nhọc và vất vả.

Tân nhìn xuống đồi, ngắm nghía mấy giải mây trắng lững thững ở phía xa. Từ khi trở về quê, chàng

quen nhìn những đám mây mà trước kia ở tỉnh chàng không bao giờ để ý đến.

Tân nhớ lại tất cả quãng niên thiếu của mình đã qua ở tỉnh thành. Ngay từ khi còn nhỏ tuổi, cha mẹ chàng đã gửi chàng ở nhà ông chú làm việc trên Hà Nội. Nhà chàng cũng không lấy gì làm giàu có, nhưng cũng vào bậc nhất nhì ở trong làng. Quanh năm cày cấy mười mẫu ruộng ở ven đồi và chăm nom mấy nương chè, sản cũng thừa đủ chi dùng trong nhà.

Cũng như tất cả những nhà giàu khác ở trong làng, cái hy vọng của cha mẹ Tân là cho chàng đi học để trở nên thầy thông hay thầy ký. Mà lúc bấy giờ, chí nguyện của Tân cũng chỉ có thế; chàng hết sức chăm học, nên năm mười tám tuổi đã đạt được cái hy vọng của gia đình.

Tân mỉm cười khi nghĩ đến cái tâm trạng của mình lúc mới đi làm, nghĩ đến cái anh chàng lúc nào cũng ăn vận chải chuốt như một cô gái, lúc nào cũng nghĩ đến cái quan trọng của mình, hình như mỗi cử chỉ của thầy ký trẻ tuổi đều có ảnh hưởng đến mọi người.

Khi có nạn kinh tế, chàng mất việc. Cái chán nản của Tân và của cha mẹ chàng lúc bấy giờ thực đến cực điểm. Cha chàng buồn rầu từ trần. Còn chàng cứ lang thang ở Hà Nội mấy tháng trời, sống cái đời vất vưởng của anh thất nghiệp. Chàng đã biết cái thất vọng của những lúc đợi chờ, cái khổ sở của những đêm không có chỗ trọ. Vì trong lúc ấy ở nhà quê có mình bà mẹ trông

nom ruộng nương không xuể và giá thóc hơn, nên không có tiền gửi cho chàng. Nhưng một hôm rét mướt, một ý nghĩ bỗng nảy ra trong trí: nếu ở đây không đủ sống, tại sao không trở về quê sống cái đời giản dị của người làm ruộng?

Thế là hôm sau, Tân xách khăn gói về. Rồi từ đấy, chàng hoàn toàn là một người nhà quê dễ dãi. Mới đầu, Tân cũng thấy nhiều sự thiếu thốn, khổ sở. Nhưng dần dần chàng nghiệm ra rằng những cái thiếu thốn đó không phải là những cái cần dùng cho cuộc đời, mà là những cái thừa. Sự cần dùng là ăn với mặc, chàng đã có đủ. Dần dần chàng mới thấy cái đời chàng sống trước ở tỉnh thành là một cuộc đời phức tạp và vô vị, không có nghĩa lý gì. Chỉ việc có ăn ở theo mọi người, nghĩ ngợi theo mọi người, và đi tìm cái vui chốc lát trong những cuộc hành lạc để mua lấy cái chán nản về sau.

Tân tiếc hồi thuở nhỏ không ở thôn quê để được gần gũi với cảnh vật, chàng thích sống bên cạnh những người nhà quê chất phác và mộc mạc. Bây giờ chàng mới biết đến trời đất đến thời tiết, đến sự thay đổi của mùa nọ sang mùa kia. Một cơn gió hay một cái mầm cỏ non, đối với chàng đều có ý nghĩa riêng.

Tân không đứng dưng như trước với những cái chung quanh mình. Tâm hồn chàng có liên lạc và rung động cùng với cảnh vật, chàng có cái cảm giác rằng mình sống...



Buổi chiều, thửa ruộng của Tân đã gặt xong. Cả một cánh đồng chỉ còn trơ cuống rạ. Bọn thợ gặt đều thu xếp liềm hái để trở về. Trên con đường vào làng, các lực điền gánh những gánh lúa vàng nặng trĩu.

Mặt trời đã xế phía bên kia đồi. Ở dưới thung lũng, sương mù lạnh trắng xóa lan ra, lẫn với làn khói tỏa ở chung quanh các làng. Cỏ bên đường đi đã ướt. Về phía xa có ngọn lửa của ai đốt trên sườn rặng núi mờ ở chân trời.

Tân với bọn thợ bước đều trở về nhà, ai nấy yên lặng không nói gì, như cùng kính trọng cái thời khắc của một ngày tàn. Trong cái giờ khắc này, Tân như thấy cảnh vật đều có một tâm hồn, mà lớp sương mù kia là tâm hồn của đất mầu đã nuôi hạt thóc cần cho sự sống của loài người.

Khi vào đến con đường khuất khúc trong làng, trời nhá nhem tối. Qua hàng rào cây, Tân thấy lấp lánh đèn ở sân các nhà, tiếng néo đập lúa trên cối đá, tiếng hạt thóc bắn vào nia cốt như mưa rào. Đâu đâu cũng thấy tiếng cười nói vui vẻ: cảnh đêm trong làng thôn quê vẫn yên lặng, âm thầm thì chiều nay hoạt động vô cùng. Mùi lúa thơm vương lại trong các bụi cây hòa lẫn với mùi đầm ấm của phân, cỏ, bốc lên khắp cả.

Về đến sân nhà, mọi người ăn xong lại bắt đầu làm

việc. Đàn bà vừa đập lúa vừa hát, còn bọn thợ hái ngồi quây quần bên chiếc đèn con nói chuyện. Ai cũng cười đùa tự nhiên. Họ đã tận tâm làm việc suốt ngày. Những lượm lúa vàng xẫm đem đến cho họ cái vui của ngày được mùa, cái hình ảnh của sự no ấm trong đời.

Tân thấy mình cũng sung sướng như họ, chàng thấy tấm lòng mình rộng rãi ra, tâm hồn thân thiết, và yêu mến với cả mọi người.

Sau khi hẹn thưởng cho bọn thợ nổi cơm nếp mới, Tân bước ra ngõ, nhìn xuống dưới đồi. Trên trời, ngàn sao lấp lánh. Gió dưới ruộng đưa lên mùi rạ ướt và hơi sương lạnh. Cả một vùng đêm rộng rãi và bình tĩnh trên cánh đồng yên lặng.

Tân chợt thấy ở chân phía trời xa, cái khoảng ánh sáng mờ của tỉnh thành Hà Nội... Chàng sung sướng nghĩ đến những ngày đầy đủ của mình ở chốn thôn quê này. Một cuộc đời mới đang đợi chờ chàng...

DUYÊN SỐ

Ăn cơm xong, chúng tôi bắc ghế ngồi trong vườn. Anh Vân, chủ nhà, đang loay hoay pha mấy chén cà phê.

Đã hai năm nay anh Bình và tôi mới lại gặp Vân.

Ba chúng tôi là bạn bè rất thân mật. Nhân nói tới việc anh Vân mới cưới vợ, câu chuyện cứ quanh quẩn về việc vợ con và lập gia đình.

Bình nói:

- Tôi chỉ ước sao được một người vợ tuyệt đẹp thế là đủ.

Tôi tiếp:

- Tôi cũng ước như vậy.

Vân đáp:

- Người đẹp thì vẫn hay lắm. Nhưng tôi thì tôi cho việc vợ chồng chẳng qua là duyên số.

Chúng tôi phì cười:

- Anh này bây giờ thành ông thầy tướng chắc! Duyên số là cái quái gì mới được chứ?

- Là một sự bí mật không ai hiểu, mà chính tôi cũng không hiểu. Các anh hãy lắng yên để tôi kể câu chuyện của tôi cho mà nghe.

Nói xong, Vân điềm nhiên, thông thả châm điếu thuốc hút, rồi thông thả kể như một ông cụ:

- Chắc các anh cũng rõ, trước kia, tôi cũng lãng mạn như các người trẻ tuổi khác. Nghĩa là bình sinh chỉ ao ước được một người “tuyệt thế giai nhân” như Tây Thi chẳng hạn (tuy rằng chẳng biết Tây Thi như thế nào) để sánh vai, kể gối thì mới mãn nguyện. Mà việc ấy riêng đôi với tôi thì lại có thể dễ dàng lắm, vì nhà tôi giàu, mẹ tôi lại chiều chuộng. Chỉ còn việc đi tìm người đẹp nữa là xong.

Tôi bèn đi khắp thành phố Hà Nội, trong lòng tâm tâm niệm niệm sẽ tìm được con người trong lý tưởng.

Một hôm trong hội chợ, tôi vào xem một gian hàng thêu. Lúc quay ra gặp ngay một bà cụ già tóc bạc phơ, với lại, đứng đằng sau... một cô con gái. Thoạt mới nhìn đôi mắt cô ta, tôi choáng váng như người nhấp cốc rượu mạnh. Thế rồi tôi yêu cô ta ngay, yêu tha thiết, yêu say đắm, không biết thế nào mà tả được. Tôi không biết rõ mặt mũi cô ta nữa, vì mỗi lần nhìn thì lại bị đôi mắt đen huyền ảo của cô ta làm choáng váng. Nhưng điều tôi chắc chắn, là cô ta rất đẹp. Ở hội chợ ra, tôi cứ theo rượt cô ta và bà cụ về đến tận nhà, và sau khi đi đi lại lại trước nhà cô ta cho mãi đến 9 giờ tối, tôi mới chịu bỏ ra về.

Từ đấy, không ngày nào là tôi không đến đứng ở

dầu phở hay qua nhà cô ta để mong được gặp mặt. Có khi đứng lạng hàng nửa giờ dưới mưa gió, tôi vẫn kiên gan không hề phân nản, chỉ mong được nhìn mặt cô ta một lần cho đỡ nhớ. Bảy giờ nghĩ lại độ ấy thật gian nan khó nhọc hơn một người lính.

Tuy vậy mà ba tháng đã trôi qua, tôi vẫn chưa tìm cách nào để tỏ cho cô ta biết rằng tôi yêu cô ta mà tôi cũng chưa rõ cô ta có để ý đến tôi không. Trong lúc tôi đang mê mải về cô thiếu nữ ấy, một hôm, mẹ tôi gọi đến bảo:

- Anh đã muốn lấy vợ chưa?

- Con ấy à? Rất sẵn lòng.

- Thế thì hay lắm. Tôi đã tìm được cho anh một chỗ rất môn đăng hộ đối, mà nhà lại giàu. Bà cụ là bạn cũ của tôi, còn cô ta...

Tôi không để cho mẹ tôi nói hết:

- Mẹ cứ để con chọn lựa lấy, không cần gì giàu nghèo hay sang trọng, miễn là ý hợp tâm đầu với con là được rồi.

- Nhưng anh có biết mặt cô này đâu. Cô ta ngoan ngoãn, có vốn liếng, mà cũng xinh đẹp.

Tôi nghĩ đến cái nhan sắc lộng lẫy của người vẫn mơ tưởng, nên không thiết gì bàn luận nữa. Mẹ tôi cũng chiều tôi không ép, nhưng còn tiếc:

- Không dám nào hơn đám này đâu, anh ạ. Nếu anh bằng lòng thì được ngay.

Tôi đâm gắt:

- Thì con đã xin mẹ cứ để mặc con mà lại! Con sẽ lựa chọn lấy được người hợp ý.

Trong bụng tôi định, hễ làm quen được với thiếu nữ kia, là sẽ nhờ mẹ tôi đem trầu cau sang hỏi. Cái địa vị và sự giàu có của tôi chắc sẽ cho tôi được mãn nguyện.

Mẹ tôi không nói gì nữa. Nhưng một tuần sau, bà cụ lại giở đến câu chuyện cũ:

- Thế nào anh nghĩ kỹ chưa? Cứ nghe tôi bằng lòng đám này đi, không có thì muộn mất. Vì người ta cũng đang có nhiều người hỏi lắm.

- Hỏi thì hỏi, càng hay. Mẹ cứ để mặc con.

Mẹ tôi phát đối:

- Ủ đây thì để mặc anh. Tôi không nhọc xác.

Từ đấy, mẹ tôi không đả động đến câu chuyện ấy nữa. Tôi mừng rỡ đem hết trí nghĩ để tìm cách thu phục con người đẹp đẽ kia, nhưng vẫn chưa có dịp tốt nào. Chỉ biết thêm được tên cô ta là Bảo.

Một buổi chiều về nhà, mẹ tôi chỉ mấy cái bánh chưng, bánh dày bọc lạt đỏ, mà nói:

- Đây là cái đám hôm nọ tôi nói chuyện người ta biếu. Đây, bảo anh, anh cứ lần khân không lấy, bây giờ người ta đi lấy chồng rồi. Thật đáng tiếc.

- Mẹ cứ nói vậy chứ tiếc quái gì. Thiếu gì nơi còn hơn thế nữa.

- Đành vậy. Nhưng cô Bảo này thật là được cả người lẫn nết.

Tôi sững sốt hỏi:

- Mẹ nói cái gì? Cô Bảo à? Có phải cô Bảo nhà ở ngõ Gia Hưng không?

- Chứ còn cô Bảo nào nữa! Anh cũng biết ư?

Tôi choáng váng không nghe thấy gì nữa, trống ngực đổ dồn như người bị cảm. Để mẹ tôi ngạc nhiên đứng đấy, tôi vùng chạy một mạch đến ngõ Gia Hưng, quả nhiên thấy trước nhà người vãn mơ ước, xác pháo giải đỏ cả thêm. Qua bức màn, tôi thấy trong nhà đèn nến thấp sáng và có tiếng người ăn uống.

Thì ra cô Bảo của tôi đã đi lấy chồng thật!

Từ đó, tôi thất vọng, buồn rầu không thiết gì nữa. Mẹ tôi lo sợ, vội hỏi cưới ngay cho tôi một người ở thôn quê. Lần này, khi mẹ tôi ngỏ ý, tôi nhận lời ngay, cũng không buồn đi xem mặt người con gái nữa. Thế rồi mấy tháng sau thì cưới.

Anh Vân ngừng lại. Ở trong nhà một người đàn bà mặc áo dài trắng bước ra, tay cầm cái ấm chè. Khi đến gần, sẽ cúi đầu chào chúng tôi rồi pha nước vào chén. Tôi nhìn thật kỹ, thấy người đã đứng tuổi, vẻ mặt xấu xí như những đàn bà nhà quê thường thấy. Anh Vân khẽ giới thiệu:

- Đấy, nhà tôi đấy.

Khi người đàn bà đã bước vào nhà, anh ta thở dài nói:

- Thế mới biết vợ chồng là việc duyên số, không biết thế nào mà định trước được. Tuy vậy mà tôi với nhà tôi hợp ý nhau lắm, trong gia đình rất thuận hòa. Biết đâu,

nếu tôi lấy cô Bảo kia rồi sau lại không được như thế?

Phải, biết đâu? Chúng tôi bèn đồng thanh tỏ cho anh Vân biết rằng cũng đồng ý với anh về chỗ ấy, và hết sức an ủi cho anh hiểu rằng chỉ có sự hòa thuận trong gia đình là đáng quý hơn hết.

Gió đầu mùa

NXB Đời nay, 1937

CÔ ÁO LỤA HỒNG

Hiệp đi thong thả trong phố, mũ đội lệch, miệng ngậm thuốc lá. Chàng vừa đi vừa nhìn đám người qua lại tấp nập dưới bóng nắng ấm của sáng mùa thu. Thỉnh thoảng, Hiệp đứng dừng lại trước một cửa hiệu bán đồ trang sức: anh ta sung sướng ngắm nghía những cái mũ phớt mềm mại, những dây lưng đẹp đẽ và những ca vát lụa nhiều màu rực rỡ. Tuy không có tiền để mua những thứ đó, nhưng trông ngắm không cũng đủ cho Hiệp hưởng mấy cái vui thú của những cuộc đi chơi phiếm.

Nhất là những cuộc đi chơi của Hiệp lại còn có một mục đích khác nữa. Cứ mỗi buổi sáng chủ nhật, anh ta thắng bộ, nói là đi chơi mát, nhưng chính thực ra chỉ cố để trông ngắm các thiếu nữ Hà thành. Sự kinh nghiệm đã bảo cho chàng biết rằng sáng chủ nhật là cái buổi ở trong phố có lắm các tiểu thư nhất. Giờ ấy các cô đi sắm sửa quần áo và phấn sáp, nước hoa, một công việc mà Hiệp cho là hợp với tính cách người thiếu nữ hơn cả.

Chính cái sung sướng của Hiệp là trông thấy một cô thiếu nữ xinh xắn đứng chọn các hàng màu để may áo kiểu mới, hay là chọn các thứ phấn và nước hoa đựng trong những cái hộp đẹp đẽ.

Có khi chàng đứng lặng hàng giờ, hay suốt cả một buổi sáng trước một cửa hiệu bán tơ lụa để nhìn các cô thiếu nữ vào mua hàng. Chàng nhìn những mái tóc đen nhánh che lấp vành tai hồng hồng và xinh xắn, những sợi tóc mai lơ thơ trên má phơn phớt, những tấm thân mềm mại hay những tà áo màu tha thướt. Nếu có một cô nào tươi đẹp đi ra là Hiệp đi theo liền. Đi theo xa xa thôi, mà đi theo một cách kín đáo, không cho thiếu nữ biết. Có khi cứ như thế đi hết phố nọ sang phố kia rồi đến khi thiếu nữ vào nhà, Hiệp ta còn đứng tần ngần ở ngoài hè... Nhưng rồi anh ta cũng thấy cái vô vị của sự đứng như thế không có ích lợi gì. Vì thiếu nữ có biết anh ta theo đâu, mà đâu có biết nữa, chắc cô ta cũng không để ý.

Nhiều lần, theo sau một cô thiếu nữ xinh xắn một thôi đường cũng khá mới chân, Hiệp chỉ muốn tiến lên tìm cách làm quen hay nói chuyện với thiếu nữ. Nhưng cái tính rụt rè làm cho Hiệp, khi sắp sửa nói, lại ngượng nghịu, tự thấy câu mình sắp nói không có ý nghĩa gì hết. Thành thử dưới con mắt ngạc nhiên của thiếu nữ, Hiệp lúng túng rồi lại lùi xuống giữ cái địa vị đi theo như cũ.

Đã nhiều lần Hiệp tự tức mình về cái tính rụt rè ấy.

Chàng thấy những anh bạn tự nhiên gọi chuyện với một thiếu nữ chưa từng quen biết ở ngoài phố một cách rất dễ dàng: chàng lắm bả tự cho mình là hèn, nhát, và nhất định lần sau thì sẽ can đảm và mạnh bạo hơn.

Nghĩ như vậy, Hiệp thối sáo ở giữa phố để lấy cái vẻ dung dị, không cần gì ai, mà chàng thấy các anh em bạn vẫn có, rồi rảo bước đi mạnh về phía bờ hồ. Chợt chàng đứng dừng ngay lại: một thiếu nữ rẽ đầu phố Hàng Gai ra vừa gặp Hiệp đưa mắt lên nhìn. Một luồng điện như truyền khắp từ đầu đến chân: Hiệp không nhìn thấy gì nữa, chỉ thấy đôi mắt đen nhánh của thiếu nữ và cái màu hồng của tấm áo. Thật chưa bao giờ Hiệp thấy một cô thiếu nữ xinh đẹp như thế! Anh ta cứ bàng hoàng đứng ngẩn người ra như phỗng, quên mất cả cái lễ phép tránh sang một bên để nhường lối cho thiếu nữ đi. Đến khi cô kia đưa cặp mắt ngạc nhiên nhìn anh ta lần nữa, mỉm cười như có ý chế nhạo rồi quay đi, Hiệp mới hoàn hồn, bước theo sau thiếu nữ.

Tấm áo lụa hồng phấp phới bay theo chiều gió, thiếu nữ có một cái dáng điệu mềm mại, khiến Hiệp lấy làm sung sướng rằng đã được gặp một người đẹp. Chàng nhất định lần này không để lỡ mất dịp tốt, vừa theo vừa nghĩ kế làm quen với thiếu nữ.

Có lẽ thiếu nữ cũng biết anh ta theo, nên thỉnh thoảng nàng quay lại nhìn Hiệp mỉm cười. Qua phố Hàng Ngang, Hàng Đường, chợ Đồng Xuân... thiếu nữ rẽ ra phố Hàng Lược, rồi đứng dừng lại trên hè, ngoác nhìn hai dãy phố như người tìm số nhà.

Cố thu hết can đảm trong người, Hiệp bước rảo đến trước mặt thiếu nữ. Chàng ngả mũ chào rất lễ phép:

- Thưa cô... Thưa cô...

Thiếu nữ ngừng lên nhìn Hiệp, lặng yên đứng đợi.

- Thưa cô... Thưa cô...

Tự nhiên cái can đảm của Hiệp đi đâu mất cả; Hiệp thấy bối rối, mặt nóng bừng, quên mất không nói câu gì nữa...

Thấy cái vẻ lúng túng của Hiệp, thiếu nữ như có ý thương hại. Đột ngột nàng hỏi :

- Anh Tân đấy à?

Hiệp đứng ngây người ra một lát. Nhưng một ý nghĩ thoáng qua trong óc Hiệp, một cách có thể thoát khỏi cái thời khắc ngượng nghịu, Hiệp liền liến trả lời :

- Vâng... chính tôi...

Thiếu nữ bỗng có vẻ vồn vã, ân cần, bước lại gần Hiệp, nói :

- Chết chưa! Thế mà tôi không nhận ra đấy. Trông bây giờ anh khác hẳn trước kia, nhớn hơn nhiều...

Rồi nàng cười chúm chím đôi môi đỏ :

- Mà từ độ ấy đến giờ, làm gì anh chẳng nhớn... Thưa anh, hai cụ nhà ta vẫn được mạnh giỏi đấy chứ?

Đã chót thì phải chết, Hiệp ngập ngừng trả lời:

- Vâng cảm ơn cô, thầy mẹ tôi vẫn được như thường...

Hiệp hơi lo, chỉ sợ cô ta biết là nhầm, không phải thì thực là bẽ lên. Nhưng thiếu nữ như không để ý đến cái vẻ lúng túng của Hiệp, cứ điềm nhiên nói tiếp :

- Từ độ anh thôi học trở về, bà tôi vẫn có ý nhớ, thường nhắc đến anh luôn và cứ mong anh ra chơi. Chắc anh ở nhà quê cũng bận lắm đấy nhỉ?

Lần này Hiệp không lo nữa. Anh đoán già rằng chắc cậu Tân nào đó trước có ở trọ học nhà cô này, rồi về quê nghỉ, mà nghỉ cũng lâu nên bây giờ cô ta mới nhâm được. Chàng vững dạ mỉm cười một nụ cười rất xinh rồi nói:

- Vâng, khi ở nhà quê tôi cũng bận công việc lắm, chẳng đi đến đâu được. Nhớ bà và nhớ... cô quá, lắm lúc muốn ra hỏi thăm nhưng không sao mà rút ra được...

Thiếu nữ đưa đôi mắt đen láy nhìn Hiệp rồi thân mật trách :

- Anh thật tệ quá! Lên Hà Nội mà cũng không đến thăm em. Anh không nhớ đến em sao? Hay anh quên em rồi?

Thiếu nữ cúi xuống mỉm cười. Hiệp cảm động trong lòng, âu yếm và lấy giọng dịu dàng :

- Không, tôi không quên em...à, quên cô đâu... không bao giờ tôi quên được...

Chàng cảm động thật, cảm động vì đôi mắt trong của thiếu nữ, đôi mắt tình tứ ngây thơ. Càng trông Hiệp càng thấy thiếu nữ đẹp, nhất là cái miệng xinh xắn, có duyên chúm chím như tình nghịch.

Hai người vừa đi vừa nói chuyện. Câu chuyện mỗi lúc thêm một thân mật, như hai người bạn cũ gặp nhau. Hiệp đóng vai anh Tân nào đó thật hoàn toàn, trả lời

những câu hỏi một cách kín đáo... Có khi Hiệp cũng ngập ngừng về một câu nói, nhưng thiếu nữ hình như vui mừng gặp người cũ, không để ý đến gì cả.

Đến lúc chia tay, anh ta đã biết rõ thiếu nữ là Lan, lưu học sinh trường nữ sư phạm. Anh ta lại biết cả số nhà ở hàng Lược và lại được cô hẹn đến chủ nhật sau đến cửa trường học đón cô đi chơi.

Lúc trở về, Hiệp thấy bước chân nhẹ nhàng như người bay. Anh sung sướng tự khen mình đã bỏ được cái tính rụt rè và cảm ơn thâm cái anh Tân nào đó đã cho anh cái dịp làm quen với một thiếu nữ xinh đẹp như thế.



Sau mấy bận cùng nhau đi chơi, hai người đã trở nên một đôi bạn thân thiết.

Nhưng Hiệp vẫn có một điều lo: chàng chỉ sợ Lan biết chàng không phải là Tân thì thật rầy rà, chàng lo sợ nghĩ đến lúc Lan mời đến chơi nhà, tuy trong những lúc nói chuyện, Hiệp không thấy Lan dả động gì đến việc ấy cả.

Tuy vậy, Hiệp cũng nhất định nói thật cho Lan biết, một phần vì chàng biết trước không giấu được mãi, một phần vì chàng chắc rằng Lan đối với chàng cũng sẽ tha thứ cho cái sự giả dối bất đắc dĩ ấy.

Hôm ấy gặp Lan, Hiệp cảm động hồi hộp, cầm tay Lan rồi lưỡng lự nói:

- Em Lan, anh có câu chuyện muốn nói với em...

Lan nhìn Hiệp, chớp mắt nhanh, như nghĩ ngợi một chút, rồi mỉm cười cũng nói:

- Anh Tân, em cũng có câu chuyện muốn nói với anh...

- Chuyện gì, em nói trước đi.

- Không, anh nói trước.

Hiệp lại ngập ngừng:

- Câu chuyện của anh... em tha thứ cho nhé. Hôm ấy, anh đã nói dối em, vì anh...không phải là Tân!

Lan cười giòn vui vẻ, đáp:

- Em cũng không phải là Lan!

Thấy Hiệp mở to mắt, ra dáng không hiểu, nàng tiếp thêm:

- Em không phải là Lan của Tân, mà của anh cơ! Nghĩa là... em biết anh không phải là Tân.

- Em biết?

- Vâng.

Hiệp ngơ ngác, chàng hỏi :

- Thế là làm sao? Anh không hiểu.

Lan lấy tay che miệng, giảng :

- Có gì đâu. Hôm ấy em thấy anh cứ lúng túng mãi, nên em mới giả vờ hỏi thế cho anh đỡ ngượng, chứ có anh Tân, anh Tiếc nào đâu.

Hiệp chợt hiểu, vui vẻ cười. Lan cũng cười.

Một lát, Hiệp sung sướng hỏi :

- Thế em biết anh? Em yêu anh?

- Lan đưa đôi mắt đen láy ngáy thơ nhìn Hiệp:

- Không, em chỉ biết anh theo em, chứ không quen biết anh bao giờ, nhưng em thấy anh cứ ấp úng mãi không nói được câu gì, em thương hại...

Gió đầu mùa

NXB Đời nay, 1937

BẮT ĐẦU

- Chị nhưng ơi, ra đây em bảo cái này.
Nhưng vẫn cúi nhìn trên mũi kim, không ngừng lên. Nàng chỉ bảo:

- Loan bảo gì?

- Cái này hay lắm. Chị cứ ra đây rồi em nói cho mà nghe.

- Thế thì thôi. Tôi còn bận khâu áo mới cho em Bích đây.

Loan không nghe, nhất định gọi:

- Chị cứ để đấy ra với em, câu chuyện hay lắm cơ. Đi chị!

Nhưng hơi bực mình về tính nũng nịu của em. Nàng bỏ chiếc áo mới xuống thúng, đi ra:

- Nào xem cô em nói gì mà cần thế.

Loan quay ghế lại nhìn chị, nhoẻn cười, hai mắt long lanh sáng:

Chị xuống vườn, nắng loé qua các hàng cây. Nhưng

giãmm trên cỏ mềm, đến ngồi xuống chiếc ghế mây bên cạnh em. Thấy Loan có vẻ tinh nghịch, nàng trêu ghẹo giọng bảo:

- Chuyện gì thì nói đi. Đừng có đùa mà chết với tôi đấy.

Hai mắt Loan vẫn long lanh, nàng vội làm mất nụ cười sắp nở trên môi, ghé lại sát tai chị, mà hơi đỏ vì thẹn:

- Chị... này chị, bao giờ... anh Minh xuống chơi chị nhỉ?

Nhung bật cười, tát sế vào má em:

- Thế mà ngờ gì, cô chỉ làm tôi bỏ dở công việc. Anh ấy xuống chơi bao giờ thì hỏi anh ấy chứ hỏi gì tôi.

Nhung toan đứng dậy bỏ đi, nhưng Loan vội nắm lấy áo chị, năn nỉ:

- Không, chị hãy ngồi đây một chút đã. Sáng nay em thấy mẹ nói rằng ngày mai cậu Bình sẽ xuống.

Lần này đến lượt Nhung đỏ hồng má. Chị gất với em:

- Cô chỉ hay được cái nói bốn thôi.

- Không, em nói thật đấy. Mẹ nói với thầy rằng... rằng muốn cho chóng xong việc thì bảo cậu Bình xuống, và thầy đã viết giấy rồi.

Nhung lặng yên một lát rồi hỏi em:

- Vậy cậu ta xuống một mình à?

- Chắc thế. Nhưng cậu Bình thì còn cần ai nói giúp nữa. Cậu ta cũng như người nhà rồi còn gì.

- Cô biết đâu đấy!

Loan nắm lấy tay chị cãi lại:

- Chẳng phải thế là gì, chị lại còn chối.

Nhung yên lặng không đáp.

Loan cũng thôi nói. Nàng thông thả và dịu dàng nghỉ ngơi, vì nhắc đến tên Bình nên hình ảnh Minh thân yêu – Minh của nàng - lại hiện ra trước mắt, hình ảnh một người thiếu niên tinh nhanh, hai mắt sáng, luôn luôn đưa tay vén lại mái tóc xoã trên trán. Con người đáng yêu quá, Loan e thẹn nhớ lại những lúc chàng sẽ lén cầm tay nàng, bên góc vườn. Tim nàng đập mạnh lên và một cảm giác êm dịu tràn lấn vào người.

Buổi chiều đã đến. Nắng xiên ngang sát mái nhà đến phớt trên ngọn cỏ. Cả một chùm lá cây liễu to đứng giữa sân đứng vào ánh nắng, tơ liễu buông chùng sẽ rung động vì gió nhẹ. Những lá mảnh và dài trông y như lụa mỏng và sáng như mi của các cô thiếu nữ vui tươi.

Hai chị em Loan ngồi nhìn cảnh vườn ruộng bày ra trước mặt. Cây cối xanh tươi và um tùm bao bọc lấy mấy căn nhà gạch của trại nàng. Chiều nào hai chị em cũng bắc ghế ra ngồi trên thảm cỏ trước thềm nhà xem sách hay nói chuyện để đợi cơn gió mát ngoài cánh đồng đưa vào. Nhưng buổi chiều nay đối với hai người êm dịu hơn mọi buổi chiều.

Loan đưa mắt nhìn trộm Nhung, nàng thấy chị có vẻ tư lự nghĩ ngợi; đôi lông mày dài và đen sẽ nhíu lại

một cách Loan đã trông quen, khiến nét mặt Nhung hơi nghiêm trọng. Nàng đoán chị đương nghĩ việc gì quan trọng - việc cậu Bình, chắc thế. Loan kính trọng sự suy nghĩ của chị, lặng yên hít thở mạnh không khí trong lành theo gió tràn vào: ngực nàng nở lên, sát nhẹ vào lụa mỏng và mát của tấm áo; một cảm giác ấm cúng lan dần khắp cơ thể nàng, dẫn nàng vào một sự êm du dễ chịu. Loan muốn ôm lấy một người nào một sự quán quít trong sạch và lành thôi: nàng nghĩ đến Minh rồi mỉm cười.

Bỗng nhiên Loan quay lại; mẹ nàng đã đến bao giờ mà nàng không biết, Loan nghe thấy chiếc ghế kêu rảng rắc dưới sức nặng của mẹ vì bà phán người to béo, rồi nét mặt hiền từ và quen thuộc của mẹ làm thân mật cuộc hội họp. Mắt bà phán long lanh sáng. Mẹ nàng đang rối trí lắm, Loan nghĩ thế, chắc bà có điều gì muốn nói.

- Mẹ không vào trong phố chơi à?

Bà phán để tay lên đùi, nhìn về phía nàng:

- Chả vào nữa. Hôm nào các bà ấy cũng bắt đánh tổ tôm đến sáng mệt quá.

Nhung nói chen:

- Mẹ hay thức khuya thế mệt người lắm.

Bà phán nhìn chị lặng yên. Loan muốn nói chuyện nữa, nhưng bỗng nàng hiểu rằng ngồi đây là thừa. Bà phán có vẻ đợi nàng đứng dậy đi ra chỗ khác để nói câu chuyện quan hệ hơn. Loan nhìn chị: Nhung cúi mặt

xuống chân, lông mi dài phớt bóng, má hơi ửng đỏ. Nhưng cũng đang chờ đợi câu chuyện gì quan trọng. Ô, thế ra chỉ có nàng là không quan trọng thôi ư? Loan có cảm tưởng xưa nay mẹ và chị Nhung vẫn coi nàng như con trẻ, chỉ những chuyện nhỏ nhặt và ngọt ngào thì mới để nàng nghe.

Hơi phật ý một chút, Loan thu gọn giấy ở dưới chân nói chừa ngượng:

- Gió mát quá! Ra cánh đồng chơi một tí mới được.

Nàng đứng dậy uyển chuyển trong tấm áo lụa mảnh. Đến đầu vườn, Loan quay lại: quả nhiên chị Nhung với mẹ đang chụm đầu vào nhau. Lại chuyện nhân duyên của chị Nhung chứ gì. Làm sao mà phải bí mật thế. Hai người cứ việc lấy nhau có được không? Thật là giản dị quá, mà hình như không ai nghĩ ra.

Loan vừa đi vừa bứt lá trong vườn, nghĩ ngợi. Thái độ chị Nhung khiến Loan lấy làm lạ. Ít lâu nay chị thành ra đứng đắn nghiêm trang. Chị không cười đùa luôn với Loan nữa. Chỉ tại cái việc lấy chồng thôi. Cậu Bình cũng đáng yêu đấy chứ. Lấy Nhung thì thực xứng đôi. Loan cũng biết mang máng rằng từ ngày nhà cậu Bình nghèo, thì bá phán không muốn gả Nhung cho cậu nữa, tuy có lời giao ước cũ. Loan thấy bất bình cho cậu và giận mẹ: nghèo thì nghèo chứ làm sao. Nhưng mẹ làm thế chẳng vì chị Nhung đó ư? Loan còn nhớ một hôm, nghe thấy mẹ nói với thầy:

- Bây giờ lấy nó thì con Nhung sẽ khổ. Mình làm cha mẹ thì phải liệu cách thương con chứ.

Chuyện người lớn thực rắc rối! Loan chẳng hiểu ai phải cả. Chỉ thương chị Nhung hình như chị suy nghĩ nhiều về việc ấy. Chị yêu cậu Bình lắm thì phải. Cũng như Loan yêu Minh.

Loan bước ra cổng. Cánh đồng lúa xanh rờn hiện ra trước mắt. Trên trời, dải quạt hồng tím xoè rộng từ phương đông sang phương tây. Trong sương mù xuống, tiến ech nhái vang vang từng nhịp một, nhẹ nhàng lên cao trên không. Giá có Minh ở đây, để cùng đi chơi thì Loan sung sướng quá. Loan ngồi xuống vệ cỏ bên đường, táy máy rút chiếc cỏ may. Minh cũng nghèo như Bình, chả khác gì. Loan mơ màng nghĩ; sau này mẹ cũng ngăn cấm không cho Loan lấy Minh ư?

Nhưng ý nghĩ ấy chỉ thoáng qua, Loan chỉ thấy yêu mà thôi. Tâm hồn nàng nẩy nở đón tình yêu như cái cây non đón nước mưa. Nàng yêu Minh như đứa trẻ mới bắt đầu yêu say sưa và loá mắt vì chính cái tình yêu của mình. Loan thở dài nhẹ: bao giờ Minh xuống đây. Anh ấy đã hẹn kỳ nghỉ này thế nào cũng về chơi nhà Loan. Hai người lại len lỏi trong vườn như mọi khi, dưới con mắt vui vẻ của mẹ. Loan nhớ lại nét mặt hồng hào của Minh lúc quay đưa tay vuốt lại tóc xõa trên trán. Tình yêu mền thân tiên!

Trong nhà đã lên đèn, Loan mới trở về. Nét mặt chị Nhung và mẹ làm sao ấy, khác với ngày thường. Một vẻ quan trọng còn phảng phất trong dáng điệu hai người. Loan đoán chắc có chuyện gì xảy ra. Mẹ chị Nhung hơi

đỏ, như vừa mới khóc, nhưng có một tia sáng sung sướng khi chị nhìn mọi người. Bà phán có vẻ nghĩ ngợi, ngồi thân người đến nỗi Loan đến gần bên mà cũng không biết. Loan bực tức vì bị để ra ngoài một câu chuyện quan trọng. Nàng bước đến bàn uống nước, rót nước vào chén và giơ cao vôi ấm lên cho nước kêu to, mà cũng không ai để ý.

Đến lúc mang đèn vào phòng ngủ, Loan liếc mắt nhìn chị, chờ đợi một câu nói. Nhưng Nhung không hé miệng, hai môi mím chặt một dáng quả quyết. Mặc không chú ý đến nữa, Loan lên giường nằm. Nàng kéo cái chăn mỏng lên cằm, khoan khoái duỗi chân tay trên đệm. Lần thứ hai ngực nàng căng nở dưới vải mịn mỏng manh; một cảm giác thấm thía mê mê dâng lên ngập cả người nàng vào trong đó, như lúc tắm bể. Loan ngậm miệng vào vành chăn, ruỗi hai chân thẳng ra, rồi yên lặng nhìn tấm màn trắng dịu màu sữa dưới ánh đèn. Nàng trông thấy Minh mỉm cười với nàng trên đó. Gian phòng ấm cúng trở nên tịch mịch quá... Một tiếng nấc khẽ, Loan lắng tai nghe: chị Nhung. Nàng nghiêng mình nhìn sang giường chị. Nếp màn vẫn rủ yên, và hơi thở Nhung vẫn đều đều, Loan nghe lầm chăng?

- Chị Nhung, chị Nhung...

Tiếng nàng Loan nghe lạ hẳn. Không có tiếng trả lời, hơi thở Nhung vẫn đều. Yên bụng, Loan trở lại với cái mộng xinh đẹp của mình. Sung sướng, nàng nhắm mắt, để cho bóng tối đến, mát và rục rịch, bao bọc cả tâm hồn, thân thể nàng.

Nửa đêm, Loan sực thức dậy; nàng bâng khuâng mở mắt nhìn; đèn sáng hơn và căn phòng như đầy các hoạt động kín đáo của con người. Loan nghĩ ngay đến chị Nhung, chị Nhung đâu? Nàng chống tay lên trông ra ngoài: chị Nhung ngồi cúi mình trên bàn, trước ngọn đèn. Bóng chị mênh mang chiếu trên tường; Loan tung chăn ngồi dậy. Nhung như chợt nghe thấy tiếng động, vội cúi xuống nữa, nghiêng mặt đi.

- Chị Nhung, chị làm gì thế?

Yên lặng, Loan nhô hẳn người ra ngoài màn nhìn: lạ chưa, chị Nhung... Loan tưởng lầm chăng? Nhẹ nhàng, nàng bước đến sau lưng chị, đặt hai tay lên vai Nhung, cúi đầu xuống má chị, cảm động:

- Chị, chị khóc đấy ư? Làm sao chị khóc?

Nhung không trả lời. Một lát, chị đưa khăn lên lau, đặt tay lên tay Loan, rồi ngừng lên nhìn em, một nụ cười qua nước mắt:

- Chị có làm sao đâu. Em chưa ngủ ư?...

- Em...

Loan chẳng nói nữa. Tâm sự chị Nhung, em biết sao? Nàng ngồi xuống bên chị, âu yếm:

- Chị cũng đi nghỉ đi thôi, đêm khuya rồi.

Ánh ngọn đèn trở nên êm dịu và thân mật. Mắt chị Nhung còn long lanh ướt qua mấy sợi tóc rối trên trán. Hai chị em nhìn nhau, và Loan thấy yêu kính và thương chị quá.

Chị Nhung buồn khổ cái gì? Loan nghĩ đến công

chuyện quan trọng giữa mẹ với chị Nhung ban nãy, về bản thân nghĩ ngợi của mẹ... Nàng tự nhiên mỉm cười, tưởng tượng thấy hình ảnh Minh và nói:

- Em vừa mới nằm mê xong thì chị dậy.

Nhung thở dài sế, quay mặt đi, rồi bảo em:

- Thôi, đi ngủ đi.

Hai chị em lặng bước vào màn.

Loan vừa kéo chăn lên đầu, hé trông sang bên, thấy chị Nhung đang buông nếp màn xuống, tay vẫn để yên, mắt nghĩ ngợi nhìn em. Loan vội vàng rút đầu vào, trùm chăn lên ngủ.

*

* *

Chị Nhung sắp về nhà chồng rồi.

Thế là xong, mẹ đã bằng lòng cho chị lấy cậu Bình. Hôm nhà trai dẫn đồ lễ đến, Loan thấy sung sướng quá, chạy đi tìm chị. Nhưng Nhung đang ngồi khâu áo như mọi khi ở trong buồng; Loan đến gần ngay cạnh, nhí nhảnh nói:

- Em xin mừng cho chị và cho anh Bình đấy!

Nhung bỗng em lên trên lòng, hôn vào má. Mắt nàng long lanh sáng:

- Em tôi chỉ được cái thế thôi!

Loan áp người vào chị, nói đùa:

- Từ giờ thế là chị hết khóc nữa nhé.

Nhưng nhìn ra xa, ửng đỏ hai gò má! Loan thấy trong cái vui của chị có lẫn một chút buồn, một nỗi e ngại xa xa, như một chút sương mờ lúc bình minh. Nàng biết chị Nhung sắp đi đến một tương lai gần gũi, một thế giới khác; chị sắp dự vào một cuộc đời mới, chính tay xây đắp lấy hạnh phúc hay đau khổ riêng. Hai chị em rồi sẽ xa nhau. Loan quàng tay lên vai chị âu yếm. Sự thân mật rất lâu.

Hôm nay, ngày đón dâu. Loan vui vẻ lắm, vì trong nhà tấp nập kẻ ra người vào rộn rịp. Nhà cửa trang hoàng long lẫy, dãy bàn phủ khăn dài trắng mới nguyên, đầy giỏ hoa đủ các màu. Tất cả họ hàng trong nhà đều có mặt. Loan nhanh nhẹn đi trong đám người ấy; thỉnh thoảng nàng lắng nghe các bà cụ nói đến chị Nhung, rồi thì thầm nói đến nàng, tay chỉ kín đáo.

Nhưng trong lòng Loan đang hân hoan một sự chờ đợi vô cùng: Loan đợi Minh, vì hôm nay thế nào chàng cũng về ăn cưới chị. Nàng mong đợi từng chuyến tàu. Sao Minh mãi chưa đến?

Bỗng tự nhiên đang trong câu chuyện với bà cô Loan yên hẩn người lại: chàng đã vào. Có lẽ chàng đang bỏ mũ, mớ tóc xoà trên trán, mắt đưa nhanh, hơi ngượng ngịu, lúng túng... Loan không quay lại, không nhìn ra. Nàng nghe thấy mẹ nói: "A cậu Minh, cậu đã xuống... mời cậu vào..." và tiếng Minh trả lời khe khẽ; Minh ngồi xuống ghế. "Chàng đang nhìn mình", Loan thấy thế. Nàng lại tiếp nốt câu chuyện với bà cô. Bấy

giờ trong nhà đông quá; nhưng ý nghĩ ấy không làm nàng nóng ruột, cả những người xung quanh, cả những câu thưa tiếp với bà cô. Những cái đó không làm Minh xa nàng, Loan vẫn cười nói, vẫn nghe, vẫn đôi đáp, như trong một giấc mộng: nàng thức ở lòng nàng và ở trong lòng Minh.

Sung sướng, Loan đi tìm chị Nhung ở trong buồng, má hồng trong áo mới, giữa đám các cô phù dâu. Chị Nhung trông đẹp quá, đẹp thần tiên, cao quý. Loan lại gần như nhảnh toan đùa bốn chị, nhưng nụ cười nàng dịu đi và nàng cắn môi lại, vì chị Nhung vừa mới nhìn Loan, một cái nhìn hơi nghiêm trang, thoáng buồn. Loan thấy trong lòng man mác, như lơ mơ hiểu một sự mà Loan không biết là sự gì. Nàng yên lặng đứng bên chị, nghe giọng cười nhỏ của các cô phù dâu.

Một lát bà Phán vào, Loan thấy mẹ có vẻ bằng lòng và sung sướng, cười vui vẻ trước dáng điệu lễ phép của các cô phù dâu. Mẹ nhìn chị Nhung âu yếm, hiền lành; nhìn các cô Lan, Hồng, Thu Bích, rồi nhìn Loan nói đùa:

- Còn con bé này nữa. Sang năm tôi gả chồng cho em, các chị lại về ăn cưới nhé!

Bốn cái miệng xinh thưa, bốn nụ cười tươi quá: vâng ạ.

Loan chợt nghĩ đến Minh, then quá ửng đỏ cả hai gò má, rồi chạy vội ra ngoài.



Đêm đến, trong nhà lại yên tĩnh hẳn. Chị Nhung về nhà chồng rồi... Không biết bây giờ chị đang làm gì? Loan nhìn sang bên giường chị, chiếc chiếu thường trải vẫn ngay ngắn, một cái gối cũ trơ vơ. Giường nàng ấm cúng hơn. Minh đã trông thấy chưa? Loan thử đoán xem chàng thức hay ngủ, hay ngồi xem sách bên ngọn đèn... Nàng hồi hộp. Lúc chiều, nghe thấy mẹ mời Minh ở lại, Loan mừng quá, vờ cúi xuống traps trầu. Vì thế bây giờ Minh mới ở gần bên mà nghĩ đến nàng.

Sung sương, Loan đưa mắt trong các đồ vật bày trong phòng, các đồ vật đã quen có mặt chị Nhung. Loan thấy các thứ ấy có một vẻ tươi vui và vô lý của các đồ vật mà nàng trông ngày còn nhỏ kỳ nghỉ hè. Nàng đến bên cửa sổ, nhìn ra vườn. Bóng trắng xanh rớt qua vòm mảnh lá cây, chiếu vào. Gió thổi hiu hiu mát hai bên cổ nàng, tóc phát phơ. Loan nhớ đến mái tóc xoã của Minh khi chàng quay lại gọi nàng, ngày nào, ở trong vườn. Dưới làn áo: vải êm mịn, thấm thía... Ngực Loan nở ra, nàng thở mạnh, tay nắm chặt chấn song cửa. Chị Nhung đâu? Động phòng hoa chúc, bốn tiếng ái ân, bên cậu Bình mà chị yêu: chị đang bắt đầu cuộc đời mới, đầy hoan lạc, nhưng sao mắt chị nghiêm trang?

Bóng trăng chênh soi tỏ vào trong buồng. Loan ngửi thấy mùi hương thơm ngoài vườn càng đậm thêm, man

mác, Loan cũng yêu, yêu say sưa, sung sướng. Bóng tối dưới vòm cây thân mật, như giục gọi: lối đi trong vườn quen thuộc giữa hai bên, là lối đi nhỏ ấm cúng vô cùng.

Loan sẽ thở dài. Nàng rung động, dùng dằng dưới tiếng gọi quyến rũ. Rồi Loan rón rén, vuốt lại mái tóc; nàng nhẹ nhàng đi ra, đứng lại ở cửa, nghe tim đập mạnh dưới làn áo. Một bước, một bước nữa, bậc thêm thấp xuống ngoài hiên: cỏ vương trên bàn chân hơi lạnh lạnh vì sương...

- Em Loan...

Nàng đã đến giữa vườn rồi, bàng hoàng nhìn quanh như trong mộng. Minh đã chờ ở đấy từ bao giờ... Hai cánh tay chàng sẽ ôm lấy người Loan, miệng chàng ghé lại gần, Loan sung sướng quá, nhắm mắt lại.

... Nàng tỉnh dậy bên cạnh Minh, bên người chàng, dưới bóng mát, Loan muốn nói nhưng không biết nói gì cả. Nàng mở lòng ra đón một sự hân hoan lạ, một thế giới khác nàng mới bước vào.

NGƯỜI ĐẦM

Hôm ấy ngày thứ hai, nên ít người đi xem, trước cửa rạp chớp bóng Pathé chỉ lơ thơ có dăm bảy cậu học sinh đứng nghếch đầu nhìn mấy cái quảng cáo lộn xộn dán trên tường. Một hai người lính tây đi vơ vẩn, miệng ngậm thuốc lá, tay đút túi quần, điệu bộ lơ đãng và buồn tẻ, hình như họ không có cuộc đi chơi gì nữa, nên bất đắc dĩ phải đến xem chớp bóng vậy.

Khi tôi bước vào trong rạp, giờ hãy còn sớm. Tuy vậy hàng ghế "lô" và hạng nhất cũng đã đông người ngồi, toàn là người Pháp. Tôi đi vào dãy hạng nhì, chọn một chiếc ghế ở giữa. Tất cả độ hơn một chục người ngồi rải rác cùng một hàng với tôi.

Lập tức, tôi sững sốt chú ý đến một người đầm ngồi cách tôi mấy ghế, đang quay sang phía bên nói chuyện với một cô gái nhỏ. Cái cảm tưởng tôi có trước nhất là sự ngạc nhiên. Một người Pháp, mà lại là một người đàn bà, ngồi ở hạng nhì lẫn với mọi người! Tôi tự hỏi tại sao người đầm ấy lại không lấy vé lô, hay ít ra vé hạng

nhất, để ngồi chung với những người Pháp sang trọng mà tôi thấy bệ vệ và mãn nguyện trên các dãy ghế kia? Từ xưa đến nay, chúng ta quen nhìn thấy người Pháp ngồi ở hạng trên, đến nỗi tôi không thể tưởng tượng được rằng họ có thể ngồi ở các hạng dưới. Cũng không một lúc nào tôi có cái ý nghĩ rằng người đầm kia không có đủ tiền để trả cái vé hạng nhất.

Tôi nhận thấy, cũng như tôi, những người khác ngồi chung quanh tò mò nhìn vào người đầm. Nhưng họ nhìn một cách sống sượng và chăm chú quá; trong những con mắt đó, đôi khi lại thoáng qua một tia lạnh đậm và ác cảm nữa.

Người đàn bà Pháp hình như cũng nhận thấy thế, nên bà ta cố thu hình cho nhỏ bé lại, và luôn luôn cúi mặt xuống tờ chương trình để trên lòng. Cô bé quý ở trên ghế bên cạnh, quay lưng lại màn ảnh, chơi đùa với cái mũ da của mẹ. Cô thỉnh thoảng cất tiếng cười và huýt sáo miệng; lúc ấy bà mẹ vội vàng đưa mắt nhìn quanh, rồi ra hiệu bảo con im. Và cái nhìn của bà ta rụt rè e lệ quá, khiến tự nhiên tôi ái ngại và cảm động.

Đột nhiên tôi tin chắc người đàn bà đó, và đứa con, mới ở Pháp sang bên này. Nhiều cử chỉ của bà ta đã để tôi đoán như thế. Bà ta có cái vẻ lạ lùng bơ ngỡ của người mới bước chân đến một nơi xa lạ, ngồi vào chung quanh những người khác giống không hiểu mình, và bà có cái vẻ rụt rè, nhũn nhặn mà ta không thấy ở nhiều người đầm đã sống lâu bên này.

Tôi ngắm nhìn bà ta với một cảm tình chân thật mà tôi không ngăn cấm được. Bà ăn mặc rất giản dị, toàn một màu đen. Có lẽ bà để tang. Tang cha mẹ, người thân thích hay chồng? Không biết tại sao, tôi chắc chồng bà mất, để lại cho bà cô gái bé kia. Mỗi khi cô bé quay lại phía bên này, tôi lại nhận thấy hai người - hai mẹ con - giống nhau quá: cũng cái khuôn mặt trái xoan, cũng mớ tóc vàng, và nhất là đôi con mắt to, đưa chậm chạp, lúc nào cũng như nhìn ra ngoài xa.

Một vẻ buồn lặng lẽ và trầm mặc phảng phất trên nét mặt người đàn bà đó. Thỉnh thoảng bà ôm lấy con ghì chặt vào lòng như se lại trước cái ác cảm bà đoán thấy ở chung quanh. Hai mẹ con thủ thủ với nhau những câu tôi không nghe rõ, nhưng tôi chắc là những câu đầy vẻ yêu đương đầm thắm.

Khi trong rạp tối đi, tôi cũng không nghĩ đến xem phim nữa. Bao nhiêu chú ý của tôi đều đặt vào người đàn bà đó. Trĩ tôi tưởng tượng cái đời của bà ta, một người đàn bà hạng trung lưu bên Pháp, một người làm công, có lẽ vì chồng chết nên chán nản sang thuộc địa để xa mà quên đi. Tôi cảm thấy bà ta bơ vơ quá, bơ vơ ở nơi xứ sở này. Tôi buồn và hiểu cái lạnh lẽo của bà, lúc này có lẽ bà đang mơ màng nghĩ đến quê hương ở tận bên kia phương Tây, cái làng nhỏ ở sườn đồi, cái chuồng nhà thờ cao lên trên rừng cây, cánh đồng cỏ, mấy con bò đủng đỉnh trên cái suối trong mà bọn chị em bạn cùng làng đang quay đạp quần áo trên bàn giặt. Tôi

đã đọc nhiều tiểu thuyết của người Pháp quá, nên có thể tưởng tượng được rõ rệt cái đời của người ấy. Cho nên tôi hiểu cái nỗi nhớ quê hương của bà.

Có lẽ bà quen như ở bên Pháp, nên mới lấy vé hạng nhì. Có lẽ bên ấy giá vé hạng nhì đối với bà là to rồi. Bởi thế, bà không biết ở xứ này, một người đàn bà Pháp không bao giờ lấy vé hạng ấy.

*
* *

Khi đèn bật sáng trong giờ nghỉ, bà dắt con đứng dậy, lách khe ghế đi ra. Đến trước mặt tôi, bà nhìn tôi một cách dịu dàng, và rất lễ phép:

- Xin lỗi ông.

Giọng nói của bà ngọt ngào, không có chút gì kiêu ngạo. Tôi ít khi được nghe một người đầm nói với mình lễ phép như thế. Tôi chợt nghĩ đến cái lễ độ nhã nhặn của người Pháp, của những người Pháp thật, những người chưa bị cái hoàn cảnh bên này làm xấu đi. Tôi nghĩ đến cái lòng nhân từ rộng rãi, cái tình cảm dồi dào của người đàn bà Pháp, lúc nào cũng sẵn sàng tha thứ và cúi mình trên những đau khổ của người ngoài. Và tôi thấy cái ý muốn được thân thiện hiểu biết những người đàn bà ấy.

Tôi theo ra ngoài rạp, thấy hai mẹ con bà đứng ở đầu hè, nhìn mặt nước hồ Hoàn Kiếm phẳng lặng như

tám gương. Trong đám người đi xem không ai để ý đến bà ta cả.

Một đứa bé bán kẹo, lăm lét nhìn quanh để trông cảnh sát, chạy đến gần bà, giơ hộp kẹo trước mặt cô bé. Tôi nghe thấy tiếng cô bé đòi mua, rồi bà ta chọn mấy cái kẹo trong hộp đưa cho con. Vừa mở ví lấy tiền bà vừa hỏi thằng bé bán kẹo:

- Bao nhiêu?

Đứa bé giơ ba ngón tay ra hiệu, miệng cười sung sướng:

- Ba xu, bà đầm!

Nghe câu trả lời của đứa bé, tôi thấy bà ta mỉm cười, lấy tay xoa đầu nó và hỏi bằng tiếng Pháp:

- Mày không lạnh ư, con?

Đứa bé nhe răng cười, lắc đầu vì không hiểu gì, rồi vội chạy vào chỗ tối bởi nó đã thấy bóng thầy cảnh sát ở đằng xa. Bà ta hơi ngạc nhiên nhìn theo, và nét mặt trở nên buồn như cũ.

Tôi tự nhiên đem lòng thương mến người đàn bà Pháp ấy. Cái vẻ buồn âm thầm của bà làm cho tôi cũng buồn lây. Tôi mơ màng ao ước người Pháp nào cũng tốt như bà; chúng ta sẽ yêu mến nước Pháp đẹp đẽ và rộng lượng kia bao nhiêu, và hai giống người khác nhau trên mảnh đất này sẽ hiểu biết nhau, coi nhau thân như anh em ruột một nhà.

Lúc chớp bóng tan, trời bắt đầu mưa bụi và gió lạnh. Thấy hai mẹ con bà lủi thủi đi trên con đường

vắng, tôi chỉ muốn chạy theo nói cho bà biết cái cảm tình đầm thắm của tôi, lòng kính trọng của tôi trước sự đau đớn, lòng mến yêu của tôi đối với một kẻ nhân từ. Nhưng mà tôi chỉ đứng lặng yên, đứng nhìn theo đến khi hai người khuất vào bóng tối, rồi tôi thông thả trở về, trong lòng thấy bồn khoăn, bực tức không duyên cớ.

Từ đó, tôi không bao giờ được gặp bà ta nữa. Về sau, nhiều lần đi xem chớp bóng ra về, tôi hay đi vòng bờ hồ để nhớ lại hình ảnh dịu dàng của người đàn bà đó. Bây giờ chắc bà ta đã có công việc làm rồi.

Nắng trong vườn
NXB Đời nay, 1938

HAI ĐÚA TRẺ

Tiếng trống thu không trên cái chòi của huyện nhỏ; từng tiếng một vang ra để gọi buổi chiều. Phương tây đỏ rực như lửa cháy và những đám mây ánh hồng như hòn than sắp tàn. Dãy tre làng trước mắt đen lại và cắt hình rõ rệt trên nền trời.

Chiều, chiều rồi. Một chiều êm ả như ru, văng vẳng tiếng ếch nhái kêu ran ngoài đồng ruộng theo gió nhẹ đưa vào. Trong cửa hàng hơi tối, muỗi đã bắt đầu vo ve. Liên ngồi yên lặng bên mấy quả thuốc sơn đen; đôi mắt chị bóng tối ngập đầy dần và cái buồn của buổi chiều quê thấm thía vào tâm hồn ngây thơ của chị; Liên không hiểu sao, nhưng chị thấy lòng buồn man mác trước cái giờ khắc của ngày tàn.

- Em thấp đèn lên chị Liên nhé?

Nghe tiếng An, Liên đứng dậy trả lời:

- Hăng thông thả một lát nữa cũng được. Em ra ngồi đây với chị kéo ở trong ấy muỗi đốt.

An bỏ bao diêm xuống bàn cùng chị ra ngoài chõng ngồi; chiếc chõng nan lún xuống và kêu cọt két.

- Cái chõng này sắp gãy rồi chị nhỉ?

- Ừ để rồi chị bảo mẹ mua cái khác thay vào.

Hai chị em gượng nhẹ ngồi yên nhìn ra phố. Các nhà đã lên đèn cả rồi, đèn treo trong nhà bác phở Mỹ, đèn hoa kỳ leo lét trong nhà ông Cửu, và đèn dây sáng xanh trong hiệu khách... Những nguồn ánh sáng ấy đều chiếu ra ngoài phố khiến cát lấp lánh từng chỗ và đường mấp mô thêm vì những hòn đá nhỏ một bên sáng một bên tối.

Chợ họp giữa phố vẫn từ lâu. Người về hết và tiếng ồn ào cũng mất. Trên đất chỉ còn rác rưởi, vỏ bưởi, vỏ thị, lá nhãn và bã mía. Một mùi âm ẩm bốc lên, hơi nóng của ban ngày lẫn mùi cát bụi quen thuộc quá, khiến chị em Liên tưởng là mùi riêng của đất, của quê hương này. Một vài người bán hàng về muộn đang thu xếp hàng hóa, đòn gánh đã xỏ sẵn vào quang rồi, họ còn đứng nói chuyện với nhau ít câu nữa.

Mấy đứa trẻ con nhà nghèo ở ven chợ cúi lom khom trên mặt đất đi lại tìm tòi. Chúng nhặt nhạnh thanh nứa, thanh tre, hay bất cứ cái gì có thể dùng được của các người bán hàng để lại. Liên trông thấy động lòng thương nhưng chính chị cũng không có tiền để mà cho chúng nó.

Trời nhá nhem tối, bây giờ chị em Liên mới thấy thẳng cu bé xách điếu dóm và khiêng hai cái ghế trên

lưng ở trong ngõ đi ra; chị Tý, mẹ nó, theo sau, đội cái chõng trên đầu và tay mang không biết bao nhiêu là đồ đạc: tất cả cái cửa hàng của chị.

- Sao hôm nay chị dọn hàng muộn thế?

Chị Tý để chõng xuống đất, bày biện các bát uống nước mãi rồi mới chếp miệng trả lời Liên:

- Ồi chao, sớm với muộn mà có ăn thua gì.

Ngày, chị đi mò cua bắt tép; tối đến chị mới dọn cái hàng nước này dưới gốc cây bàng, bên cạnh cái mốc gạch. Để bán cho ai? Máy người phu gạo hay phu xe, thỉnh thoảng mấy chú lính lệ trong huyện hay người nhà thầy thừa đi gọi chân tổ tôm, cao hứng vào hàng chị uống bát nước chè tươi và hút điếu thuốc lào. Chị Tý chả kiếm được bao nhiêu, nhưng chiều nào chị cũng dọn hàng, từ chập tối cho đến đêm.

Chị kê xong chõng ghế, dịch ngọn đèn hoa kỳ lại ngồi tẽm trầu, còn thằng cu thì loay hoay nhóm lửa để nấu nồi nước chè. Lúc bấy giờ chị mới ngẩng lên nói chuyện với Liên.

- Còn cô chưa dọn hàng à?

Liên giật mình, kêu khê: chết chửa!, rồi đứng dậy giúp em:

- Vào đóng cửa hàng thôi, không mẹ ra mắng chết.

An đáp:

- Hôm nay chưa chắc mẹ có ra không, chị ạ. Mẹ còn bận làm gạo cơ mà.

Ngày nào, cứ chập tối, mẹ Liên tạt ra thăm hàng

một lần, và bà dặn hễ cứ trống thu không là phải đóng cửa hàng lại. Thế mà Liên mãi ngồi nhìn phớt quên mất! Bây giờ Liên vội vàng vào thắp đèn, xếp những quả sơn đen lại, trong lúc An đi tìm then để cài cửa cho chắc chắn. Cái cửa hàng hai chị em trông coi là một cửa hàng tạp hóa nhỏ xíu, mẹ Liên dọn ngay từ khi cả nhà bỏ Hà Nội về quê ở, vì thấy Liên mất việc. Một gian hàng bé thuê lại của bà lão móm, ngăn ra bằng một tấm phen nửa dán giấy nhật trình. Mẹ Liên giao cho Liên trông coi - bà còn bận làm hàng xáo - và buổi tối thì hai chị em cùng ngủ đây để trông hàng.

Liên đếm lại những phong thuốc Lào, xếp vào hòm các bánh xà phòng còn lại, vừa lẩm nhẩm tính tiền hàng. Hôm nay ngày phiên mà bán cũng chẳng ăn thua gì.

- Có phải buổi trưa em bán cho bà Lục hai bánh xà phòng không?

An ngẫm nghĩ rồi đáp:

- Vâng, bà ta mua hai bánh còn cụ Chị lấy chịu nửa bánh nữa.

Liên với cái bàn tính để cộng số tiền. Nhưng trong hàng nóng và muỗi quá, chị ngần ngại rồi xếp hết cả tiền vào tráp, không tính nữa:

- Thôi, để mai tính một thể.

An nhìn chị chỉ đợi lúc ấy. Hai chị em cũng vội muốn đóng cửa hàng để lại ra ngoài kia, ngồi trên chõng ngắm nhìn phong cảnh ngoài phố. Liên khóa vội

tráp tiền với một chiếc khóa chị đeo vào cái dây xà tích bạc ở thắt lưng, chiếc xà tích và cái khóa chị quý mến và hãnh diện, vì nó tỏ ra chị là người con gái lớn và đảm đang.

- A, cô bé làm gì thế?

Nghe câu nói tiếp theo một tiếng cười khanh khách, chị em Liên không cần ngoảnh mặt ra cũng biết là ai đã vào hàng. Đó là cụ Thi, một bà già hơi điên. Vẫn mua rượu ở hàng Liên. Liên đã biết tính bà, chị lảng lảng rót một chút rượu ty đây đưa cho cụ; chị không dám nhìn mặt cụ, và trong lòng hơi run sợ, chị mong cho cụ chóng đi. Cụ cầm chút rượu soi lên rồi cười giòn giã nói:

- A, em Liên thảo nhỉ. Hôm nay lại rót đây cho chị đây.

Cụ ngửa cổ ra đằng sau, uống một hơi cạn sạch, rồi vừa chếp miệng vừa lần ruột tượng trả tiền - Cụ để ba đồng xu vào tay Liên, xoa đầu chị một cái rồi lão đảo bước ra ngoài. Hai chị em Liên đứng sững nhìn theo cụ đi lần vào bóng tối, tiếng cười khanh khách nhỏ dần về phía làng.

*
* *

Trời đã bắt đầu đêm, một đêm mùa hạ êm như nhung và thoảng qua gió mát. Đường phố và các ngõ con dần dần chứa đầy bóng tối. Các nhà đã đóng im ỉm,

trừ một vài cửa hàng còn thức, nhưng cửa chỉ để hé ra một khe ánh sáng. Trẻ con tụ họp nhau ở thêm hè, tiếng cười nói vui vẻ, khiến An thêm muốn nhập bọn với chúng nó để nô đùa, nhưng sợ trái lời mẹ dặn phải coi hàng, nên hai chị em đành ngồi yên trên chõng, đưa mắt theo dõi những bóng người về muộn, từ từ đi trong đêm.

Vòm trời hàng ngàn ngôi sao ganh nhau lấp lánh, lẫn với vệt sáng của những con đom đóm bay là trên mặt đất hay len vào cành cây. An và Liên lặng ngược mắt lên nhìn các vì sao để tìm sông Ngân Hà và con vịt theo sau ông Thần Nông. Vũ trụ thăm thẳm bao la đối với tâm hồn hai đứa trẻ như đầy bí mật và xa lạ và làm mỗi trí nghĩ, nên chỉ một lát hai chị em lại cúi nhìn về mặt đất, về quang sáng thân mật chung quanh ngọn đèn lay động trên chõng hàng của chị Tý. Về phía huyện, một chấm lửa khác nhỏ và vàng lơ lửng đi trong đêm tối, mất đi, rồi lại hiện ra... An trở tay bảo chị:

- Kia, hàng phở của bác Siêu đã đến kia rồi.

Tiếng đòan gánh kiêu kịt nghe rõ rệt, khói theo gió tạt lại chỗ hai chị em; bác Siêu đã tới gần, đặt gánh phở xuống đường. Bác cúi xuống nhóm lại lửa, thổi vào cái nứa con. Bóng bác mênh mang ngả xuống đất một vùng và kéo dài đến tận hàng rào hai bên ngõ. An và Liên ngừng thấy mùi phở thơm, nhưng ở cái huyện nhỏ này, quà bác Siêu bán là một thứ quà quá xa xỉ, nhiều tiền, hai chị em không bao giờ mua được. Liên nhớ lại khi ở

Hà Nội chỉ được hưởng những thức quà ngon, lạ, - bấy giờ mẹ Liên nhiều tiền, - được đi chơi Bờ Hồ uống những cốc nước lạnh xanh đỏ. Ngoài ra, kỷ niệm còn nhớ lại không rõ rệt gì, chỉ là một vùng sáng rực và lấp lánh, Hà Nội nhiều đèn quá! Từ khi nhà Liên dọn về đây, từ khi có cái cửa hàng này, đêm nào Liên và em cũng phải ngồi trên chiếc chõng tre dưới gốc bàng với cái tối của quang cảnh phố chung quanh.

Đêm tối đối với Liên quen lắm, chị không sợ nó nữa. Tối hết cả, con đường thăm thẳm ra sông, con đường qua chợ về nhà, các ngõ vào làng lại sẫm đen hơn nữa. Giờ chỉ còn ngọn đèn con của chị Tý, và cái bếp lửa của bác Siêu; chiếu sáng một vùng đất cát, trong cửa hàng, ngọn đèn của Liên, ngọn đèn vắn nhỏ, thưa thớt từng hột sáng lọt qua phên nứa. Tất cả phố xá trong huyện bây giờ đều thu nhỏ lại nơi hàng nước của chị Tý. Thêm được một gia đình bác Xẩm ngồi trên manh chiếu, cái thau sắt trắng để trước mặt, nhưng bác chưa hát vì chưa có khách nghe.

Chị Tý phe phẩy cánh chuối khô đuổi ruồi bò trên mấy thức hàng, chậm rãi nói:

- Giờ muộn thế này mà họ chưa ra nhỉ?

Chị muốn nói mấy chú lính trong huyện, mấy người nhà của cụ thừa, cụ lục là những khách hàng quen của chị. Bác Siêu đáp vắn vơ:

- Hôm nay trong ông giáo cũng có tổ tôm. Để họ không phải đi gọi đâu.

Vợ chồng bác Xẩm góp chuyện bằng mấy tiếng đàn bầu, bần bật trong yên lặng. Thằng con bò ra đất, ngoài manh chiếu, nghịch nhặt những rác bần vùi trong cát bên đường. Chừng ấy người trong bóng tối mong đợi một cái gì tươi sáng cho sự sống nghèo khổ hàng ngày của họ. An và Liên đã buồn ngủ riu cả mắt. Tuy vậy hai chị em vẫn cố gượng để thức khuya chút nữa, trước khi vào hàng đóng cửa đi ngủ. Mẹ vẫn dặn phải thức đến khi tàu xuống - đường sắt đi ngang qua ngay trước mặt phố - để bán hàng, may ra còn có một vài người mua. Nhưng cũng như mọi đêm Liên không trông mong còn ai đến mua nữa. Với lại, đêm họ chỉ mua bao diêm hay gói thuốc là cùng. Liên và em cố thức là vì cô khác, vì muốn được nhìn chuyến tàu đó là sự hoạt động cuối cùng của đêm khuya.

An đã nằm xuống gối đầu lên đùi chị, mi mắt sắp sửa rơi xuống, còn dặn với:

- Tàu đến chị đánh thức em dậy nhé.
- Ừ, em cứ ngủ đi.

Liên khẽ quạt cho An, vuốt lại mái tóc tơ. Đầu em bé nặng dần trên người Liên; chị ngồi yên không động dậy. Qua khe lá của cánh bàng ngàn sao vẫn lấp lánh; một con đom đóm bám vào dưới mặt lá, vùng sáng nhỏ xanh nhấp nháy rồi hoa rụng xuống vai Liên khe khẽ, thỉnh thoảng từng loạt một. Tâm hồn Liên yên tĩnh hẳn, có những cảm giác mơ hồ không hiểu.

Trống canh ở huyện đánh tung lên một tiếng

ngắn, khô khan, không vang động ra xa, rồi chìm ngay vào bóng tối. Người vắng mãi; trên hàng ghế chị Tý mới có hai, ba bác phu ngồi uống nước và hút thuốc lào. Nhưng một lát từ phố huyện đi ra, hai ba người cầm đèn lồng lung lay các bóng dài; mấy người làm công ở hiệu Khách đi đón bà chủ ở tỉnh về. Bác Siêu ngẩn cổ nhìn ra phía ga, lên tiếng:

- Đèn ghi đã ra kia rồi.

Liên cũng trông thấy ngọn lửa xanh biếc, sát mặt đất như ma trời. Rồi tiếng còi xe lửa ở đâu vang lại, trong đêm khuya kéo dài ra theo gió xa xôi. Liên đánh thức em:

- Dậy đi, An. Tàu đến rồi.

An nhồm dậy, lấy tay dụi mắt cho tỉnh hẳn. Hai chị em nghe thấy tiếng dồn dập, tiếng xe rít mạnh vào ghi. Một làn khói bừng sáng trắng lên đằng xa, tiếp đến tiếng hành khách ồn ào khe khẽ. Mấy năm nay buôn bán kém nên người lên xuống ít, có khi hai chị em đợi chờ chẳng thấy ai. Trước kia, ở sân ga, có mấy hàng cơm mở đón khách, đèn sáng cho đến nửa đêm. Nhưng bây giờ họ đóng cửa cả rồi, cũng im lặng tối đen như ngoài phố.

Hai chị em chờ không lâu. Tiếng còi đã rít lên, và tàu rầm rộ đi tới. Liên dắt em đứng dậy để nhìn đoàn xe vụt qua, các toa đèn sáng trưng, chiếu ánh cả xuống đường. Liên chỉ thoáng trông thấy những toa hàng trên sang trọng lố nhố những người, đồng và kền lấp lánh,

và các cửa kính sáng. Rồi chiếc tàu đi vào đêm tối, để lại những đóm than đỏ bay tung trên đường sắt. Hai chị em còn nhìn theo cái chấm nhỏ của chiếc đèn xanh treo trên toa sau cùng, xa xa mãi rồi khuất sau rặng tre.

- Tàu hôm nay không đông nhỉ, chị nhỉ.

Liên cầm tay em không đáp. Chuyến tàu đêm nay không đông như mọi khi, thưa vắng người và hình như kém sang hơn. Nhưng họ ở Hà Nội về! Liên lặng theo mơ tưởng. Hà Nội xa xăm, Hà Nội sáng rực vui vẻ và huyên náo. Con tàu như đã đem một chút thế giới khác đi qua. Một thế giới khác hẳn, đối với Liên, khác hẳn các vầng sáng ngọn đèn của chị Tý và ánh lửa của bác Siêu. Đêm tối vẫn bao bọc chung quanh, đêm của đất quê, và ngoài kia, đồng ruộng mênh mang và yên lặng.

- Thôi đi ngủ đi chị.

Liên vỗ vai em ngồi xuống chõng, An cũng ngồi xuống và ngả đầu vào vai Liên. Tiếng vang động của xe hỏa đã nhỏ rồi, và mất dần trong bóng tối, lắng tai cũng không nghe thấy nữa. Sao trên trời vẫn lấp lánh. Cả phố huyện bây giờ mới thật là hết náo động, chỉ còn đêm khuya, tiếng trống cầm canh và tiếng chó cắn. Từ phía ga, bóng đèn lồng với bóng người đi về: chị Tý đương sửa soạn đồ đạc và bác Siêu đã gánh hàng đi vào trong làng, còn vợ chồng bác Xẩm ngủ gục trên manh chiếu tự bao giờ.

Liên quay lại nhìn em, thấy An cũng đã ngủ say tay nắm chặt tà áo chị và đầu vẫn dựa vào vai. Liên nhìn

quanh đêm tối, gió đã thoáng lạnh và đom đóm không còn nữa. Chị cúi xuống vực em vào trong hàng, mắt cũng đã rúu lại. Chị gài cửa cẩn thận và vụn nhỏ ngọn đèn đặt lên trên cái quả thuốc sơn đen. Rồi Liên đến bên em nằm xuống. Chị gối đầu lên tay nhắm mắt lại. Những cảm giác ban ngày lắng đi trong tâm hồn Liên và hình ảnh của thế giới quanh mình, mờ mờ đi trong mắt chị. Liên thấy mình sống giữa bao nhiêu sự xa xôi không biết như chiếc đèn con của chị Tý chỉ chiếu sáng một vùng đất nhỏ. Nhưng Liên không nghĩ được lâu; mắt chị nặng dần, rồi sau Liên ngập vào giấc ngủ yên tĩnh, cũng yên tĩnh như đêm ở trong phố, tịch mịch và đầy bóng tối.

ĐỨA CON

Chị Sen cúi mình dưới gánh nước nặng trĩu, lách của bước vào những bước khó nhọc và chậm chạp. Cái đòn gánh cong xuống và rên rỉ trên vai, nước trong thùng sánh tóa ra mỗi bước đi. Chị cố hết sức lên khỏi mấy bậc thềm, đặt gánh nước trên đất, rồi lấy vạt áo lau mồ hôi rỏ giọt trên trán.

- Trời chiều rồi mà chị còn gánh nước cơ à?

Chị Sen thông thả một lát rồi mới trả lời:

- Con phải gánh nước nữa cho ông tắm chứ đã thôi đâu. Từ sáng đến giờ hơn mười gánh nước rồi.

Tôi ái ngại nhìn chị. Sông ở xa, từ nhà ra đến sông phải đi một quãng đường dài. Bà Cả hà tiện không chịu mua một trinh một gánh nước của người ngoài chợ chở vào bán, bà bắt chị Sen phải gánh suốt ngày. Tôi trông chị mà thương hại; người chị bé nhỏ da sạm nắng. Chân tay đã bị những công việc nặng nhọc làm thành xấu xí và cằn cỗi.

Tôi sắp nói với chị một câu an ủi, thì bỗng nhiên có

tiếng the thé, - tiếng bà Cả - từ trên nhà đưa xuống:

- Không đi mà gánh nước cho ông tắm đi còn đứng đây mà châu chuyện. Gần tối rồi còn gì nữa.

Tôi ngoảnh lại thấy bà Cả đứng ở trên thềm, mặt cau có và giận dữ. Chị Sen sợ hãi, lảng lạng tra đòn gánh vào quang, đi ra cửa. Tôi nghe thấy chị khẽ thở dài.

Chị đi rồi, tôi cũng quay về, sau lưng mang nặng cái nhìn của bà Cả: chắc bà ta không bằng lòng tôi một chút nào, nhưng vì tôi là con cháu nên bà không dám nói đấy thôi.

Chúng tôi, và tất cả mọi người trong họ không ai ưa gì bà Cả, mà còn ghét nữa. Không biết trong cái ghét ấy có lẫn chút ganh tị không, vì bà Cả giàu lắm, - nhưng hễ nói đến tên bà mọi người ai cũng bĩu môi khinh bỉ. Hai vợ chồng ông Cả trước kia cũng nghèo hèn. Sau nhờ cho vay lãi, lãi rất nặng mà trở nên giàu có. Nhưng bà kiệt ác lắm. Một tay bà Cả đã tịch ký không biết bao nhiêu ruộng nương của người ở trong vùng. Những người vay nợ, bà bắt phải biếu, xén, nên trong nhà bà lúc nào cũng có gà vịt, gạo hay chân giò. Nhưng hai ông bà hà tiện không dám ăn gà, vịt, đem bán ở chợ, còn chân giò phơi khô để dành. Bữa cơm chỉ có một ít vừng rang thật mặn, một ít thịt kho rim và một đĩa rau. Hai ông bà thường kêu rằng khó ở, luôn luôn không ăn được. Chị Sen biết nhiều về những bữa cơm ấy vì chị phải ăn cơm với muối là thường. Nhiều khi sang chơi,

tôi thấy chị ngồi trước mâm cơm chỉ có đĩa không, với bát nước mắm. Chị ăn uể oải và thông thả như người không ăn được, tuy chị đói. Chị bảo rằng, cơm với muối khó ăn lắm, nuốt vào nó nghẹn ở cổ.

Chị Sen là con một người làng có nợ ông bà Cả. Nghe đâu thầy chị vì chạy cái Nhiều, phải lên lạy van bà Cả vay được ba chục. Ngày mùa đã trả được một nửa và ít lãi, còn một nửa chưa trả được, phải đem chị Sen gán làm đứa ở không công. Nhưng mẹ chị Sen nói mãi, bà Cả rộng lượng hẹn một năm cho hai áo cánh, một cái nân dài và hai cái quần sồi. Mẹ chị Sen cảm ơn lòng tử tế cao cả của người chủ nợ. Bà dặn con ở lại hầu hạ ông bà Cả chu đáo, rồi về.

Từ đấy chị Sen quán xuyến hết cả công việc trong nhà. Nào gánh nước, bổ củi, làm cơm, đầu tắt mặt tối suốt ngày, mà vẫn bị mắng chửi. Vì bà Cả là người to tiếng và lắm điều lắm. Không lúc nào hàng xóm không nghe tiếng bà the thé và rít lên, chửi chớ, mắng mềo, hay bới móc chị Sen. Vô phúc cho chị mà hé răng nói lại. Tức thì bà Cả nhảy lên, hai hàm răng nghiến vào nhau, thét:

- Cái con chết bầm chết vằm kia! Mày ăn hại cơm của bà mà không làm việc cho bà à! Bố mày định ăn không ăn hồng của bà, thì bà mới phải nuôi báo cô mày chứ!

Chị Sen lẩm bẩm: "Thầy con chưa lo được trả bà chứ có phải định quít nợ đâu mà bà chửi", nhưng chỉ lẩm bẩm trong miệng thôi, chứ không dám nói.

Những lúc ấy, các người hàng xóm nghe tiếng bà, lại thì thầm bảo nhau: "Gớm ác nghiệt thế chả trách được không có con. Trời nào cho con những người như thế", và họ thấy hể hả trong lòng như một sự báo thù. Ông bà Cả không có con. Đó là sự phiền muộn nhất. Hai ông bà bây giờ đã có tuổi, không còn mong mỏi gì nữa. Trước kia bà Cả đã chạy thầy chạy thuốc chán, lẽ hết đèn kia phủ nọ để cầu lấy mụn con: nhưng ông càng ngày càng yếu mà bà thì cứ cằn cỗi héo hắt lại như mấy cây khô, chẳng sinh nở gì cả. Người trong họ ghét bà thường bảo: "Không biết kiệt như thế rồi giữ của để cho ai?" Những lời thị phi ấy đến tai bà Cả, có lẽ khiến cho bà tức tím ruột gan. Bà càng ghét họ hàng, và không ưa con cháu đến chơi, tuy chúng tôi đến, bà không dám ghét ra mặt. Bà dỗi với chúng tôi vẫn ngọt nhạt, vẫn dịu dàng. Thấy chúng tôi ăn mặc rách rưới, bà hay hỏi kháy:

- "Sao mẹ không may quần áo lành cho các cháu mặc, để rách rưới thế này?", và quay lại bảo chồng: "Ăn tiêu lăm vào rồi để con tôi tệ thế kia!" Rồi bà đem ra những thức của người ta biểu phân phát cho chúng tôi mỗi đứa một vài cái kẹo, nhiều khi còn phải vứt đi vì không ăn được.

*

* *

Chị Sen ở với bà Cả được ngót một năm. Bữa hôm ấy, thấy tiếng bà Cả quát tháo đã lâu, tôi chạy sang.

Chị Sen đang cúi đầu vào đồng rơm khóc. Tôi hỏi tại sao, chị nức nở đáp:

- Tôi lỡ tay đánh vỡ một cái chén, bà ấy đánh tôi đau quá.

Chị Sen thâm tím cả mình mẩy, một vết roi qua môi làm rướm máu. Chị vừa xoa bóp vừa than thở:

- Bởi thầy u tôi mắc nợ nên tôi mới phải chịu khổ thế này.

- Thế chị xin về có được không?

Chị Sen lắc đầu thở dài, không nói. Có lẽ chị nghĩ đến món nợ còn thiếu, nếu chưa trả được nhà cửa sẽ bị tịch quí.

Cách đó ít lâu, mẹ chị Sen hay lên vào hầu chuyện bà Cả. Người ta nói chị Sen sắp xin về lấy chồng. Nhưng hễ có ai hỏi là bà Cả trả lời:

- Cái đồ côm toi ấy thì ai lấy mà chồng với con.

Rồi chúng tôi thấy chị Sen càng phải chửi và phải đòn hơn trước. Hơi một tí là bà Cả nhắc đến món tiền nợ để nhiect móc chị, nói nay đuổi đi, mai đuổi đi, không nuôi chị "cái con trượng xác chỉ hay ăn" ấy nữa. Chúng tôi thấy chị khóc luôn; sang lúc nào cũng thấy chị mắt đỏ hoe, hay đang lấy muối và nước nóng đắp vào những vết thương bởi roi ông Cả.

Đầu tháng tám, tôi thấy thầy chị Sen lên hầu bà Cả lễ mễ mang một cái bu, trong có hai con gà và một con vịt; u chị Sen thì mang một nải chuối và một buồng cau nói là lấy ở vườn nhà.

Gặp ở ngõ, người vú già của tôi hỏi:

- Hai bác đi đâu mà nhiều lễ vật thế?

Thầy u chị Sen đáp:

- Chúng tôi lên xin cho con cháu nó về để lấy chồng.

Tôi chạy sang xem. Hai thầy u chị Sen hầu chuyện rất lâu ông bà Cả; chị Sen ngồi cắn rơm ở thêm nhà dưới, bên cạnh cái bu vệt. Mấy cái quần áo cũ vá rách chị đã gói ghém trong cái khăn vuông, cùng với cái lược con ba xu, một cái gương tròn nhỏ và một hộp sáp cô Ba, đó là tất cả những thứ chị có.

Đến quá trưa, thầy u chị Sen đưa chị sang chào bà tôi. Chị ôm cái gói con bên nách, vẫn mặc cái áo nâu vá hàng ngày, mà khói bếp và mồ hôi đã làm đen đi từng chỗ. Tôi nhận thấy thầy u chị vẻ mặt không được tươi như lúc đến; bấy giờ hai tay bỏ không, - lễ vật chắc đã được bà Cả nhận cho rồi - bộ dạng buồn rầu và thất vọng.

Bà tôi chúc mừng chị Sen vài câu lấy lệ, rồi hỏi:

- Bà Cả cho được bao nhiêu làm vốn?

U chị Sen đáp:

- Bẩm, chẳng được đồng nào cả. Nhà con phải vật nài mãi mà bà Cả mới thôi không đòi lãi tháng này.

Thầy chị Sen nói thêm:

- Bây giờ còn chạy tiền lo cho cháu, có đâu mà trả được

Bà tôi lại hỏi:

- Thế còn quần áo mới của nó đâu?

- Bẩm, bà Cả không cho, bảo rằng chưa ở được đúng một năm.

Giọng u chị Sen tấm tức, rồi nghẹn ngào trong nước mắt. Còn chị Sen từ nãy vẫn cứ lặng yên đứng ở góc nhà, tay ôm chặt cái gói quần áo cũ. Một lát sau, chị lẳng lẳng theo thầy u đi ra, dáng đi chậm chạp và khó nhọc, như còn đang gánh gánh nước ở trên vai.

Mãi hai năm sau tôi lại mới được thấy chị Sen. Hôm ấy, thầy u chị lại lễ mễ buồng chuối và cái bu gà lên tết ông bà Cả, vì món nợ chưa trả hết. Chị Sen đi theo sau, nhưng lần này tay chị bồng đứa con trai, đứa con của chị.

Ba người cùng vào lúc ông bà Cả đang ăn cơm.

Thầy chị Sen để bu gà và buồng chuối xuống đất, chấp tay vái:

- Lạy ông bà ạ.

Chị Sen nấp sau bố mẹ, cũng cất tiếng khẽ chào theo. Bà Cả buông đũa, gật đầu đáp lại "Tôi không dám"; rồi bảo vợ chồng bác Nhiều:

- Hai bác ngồi chơi.

Trông thấy chị Sen đứng lẩn vào xó tối, bà Cả hỏi:

- Chị Sen đây à?

Tiếng "vâng" sê của chị bị câu nói của bác Nhiều lấp đi:

- Bẩm vâng. Cháu nó xin lên chào ông bà đấy ạ.

- Có con rồi kia à? Mau nhỉ. Nào, đem cháu lại đây tôi xem nào...

Chị Sen rụt rè, sợ hãi, bế con lại gần. Bà Cả giơ tay đón đứa bé, vừa hỏi:

- Nó lên mấy?

- Băm, cháu mới được mười bốn tháng ạ.

Bà Cả xốc đứa bé trên tay rồi nhìn ông Cả, bảo: "Này, thằng bé nặng quá". Bà quay mặt đứa bé lại, nhìn nó và "tặc ầu" với nó mấy tiếng. Rồi bỗng bà vòng tay ghì chặt đứa bé vào cái sườn cần cổ của bà, khiến tấm áo lụa căng thẳng trên ngực lép và đôi vú héo hon. Đứa bé sợ khóc thét lên, ngửa cổ ra đằng sau. Bà Cả dỗ:

- Ngoan ngoan bà cho cái này.

Bà gấp một miếng đậu trong mâm đưa lên miệng đứa bé. Nhưng nó càng khóc già và giãy giụa để nhào ra với mẹ. Chị Sen lại gần:

- Thưa bà để con bế.

Bà Cả ngần ngừ nâng đứa bé trả lại mẹ.

Tôi thấy trong mắt bà sáng lên một tia sáng thêm muồn và ao ước. Bà còn nói với:

- Đứa bé trông kháu khỉnh quá nhỉ.

Chị Sen sùng sững then đỏ mặt, ẵm con lên tay hôn hít, chị nhìn đứa bé với tất cả tình âu yếm và tự kiêu của người mẹ, rồi thưa:

- Băm, cháu nó năm ngoái bị sài, cứ quặt quẹo mãi; đến bây giờ mới đỡ.

U chị Sen chép miệng nói khéo:

- Nhà thì túng, một đồng, một chữ không có, mà cứ phải lo thuốc cho con thật đến khổ.

Nhưng bà Cả hình như không nghe thấy gì nữa. Mất bà chờ ra như đang theo đuổi một ước vọng xa xôi; bà đang nghĩ rằng không bao giờ bà biết được những nỗi lo sợ ấy, bởi không bao giờ bà được bỗng đứa con trên tay, được nâng niu ấp ủ một cái mầm sống trong lòng. Không bao giờ... Giá bà đánh đổi tất cả của cải để lấy đứa con!

Tôi thấy người bà rung động, một tiếng thở dài sẽ thoát ra môi rồi đôi mắt ráo của bà bỗng mờ đi như ướt lệ. Bà lặng nhìn đứa bé đang rúc bú đôi vú căng sữa trong yếm mẹ.

Lúc ấy u chị Sen xin phép về, bà Cả nhất định không lấy lễ; bác Nhiêu sợ quá, khản khoản vật nài mãi, bà cũng không nghe, bắt phải mang về, và ôn tồn nói bà có lễ nhiều rồi, không cần lấy của hai vợ chồng nghèo bác nữa. Rồi muốn tỏ cho bác biết rằng không phải bà giận, bà Cả mở tủ lấy hai đồng bạc mới đưa cho chị Sen, bảo:

- Đây, tôi cho chị cầm về may áo cho con mặc. Rồi đến Tết bế nó lên chơi nhé!

Chị Sen e lệ đút hai đồng bạc vào ruột tượng; chị cảm động quá không cảm ơn bà Cả được.

Một lát sau, hai vợ chồng bác Nhiêu hơn hở xách bu gà và buồng chuối ra về, chị Sen vui vẻ theo sau, vừa đi vừa mừng con rồi rít.

Nắng trong vườn,
NXB Đời nay, 1938

TRONG BÓNG TỐI BUỔI CHIỀU

Diên đứng nép mình vào cửa hàng nước, nhìn sang bên kia phố: một đám thợ chen nhau trong cổng nhà máy đi ra, người nào cũng có dáng mỗi một; cái ánh sáng buổi trưa mùa đông tuy mờ sạm cũng đủ làm cho họ nhấp nháy mắt và đưa tay lên che, như những người vừa bước trong bóng tối ra.

Diên nhận kỹ từng người, đưa mắt theo bọn thợ đàn bà vừa đi vừa chuyện trò vui vẻ và nghịch ngợm. Chàng không thấy có Mai trong đám ấy. Diên đợi một lát; đến khi thấy hai cánh cửa nặng nề của nhà máy khép lại, Diên mới quay đi rảo bước theo các người thợ. Trên nét mặt chàng hiện ra vẻ băn khoăn:

- Không biết Mai đâu? Hay là đã ra từ trước mà ta không thấy?

Diên muốn nắm lấy một người thợ đàn bà mà hỏi, nhưng lại không dám. Vả lại, Diên sợ hỏi người ta thế, Mai biết sẽ không bằng lòng. Diên vừa đi vừa nghĩ ngợi. Chàng nhớ lại hết các cử chỉ của Mai đối với chàng gần

đây. Lần này không phải là lần đầu chàng đi đón Mai gặp. Trước kia, không bao giờ thế, vì Mai đã biết thế nào Diên cũng đến đón nàng.

Vậy ra Mai đã có ý lẩn tránh, Diên hỏi đoán ra nguyên cớ tại sao và một mối hờn giận nổi dậy trong lòng; chàng nghiêng chặt răng lại và nện bước mạnh trên hè phố.

Diên nhớ lại những ngày sung sướng khi còn ở quê nhà, khi chàng và Mai len lỏi đùa nghịch nhau trong những vườn sắn trên sườn đồi. Mai là một cô gái tinh nghịch và lanh lợi, hay cười nói luôn miệng. Còn Diên là một anh trai ít nói và nhút nhát, trước mặt con gái hay ấp úng và ngượng nghịu. Hai người yêu mến nhau từ thuở nhỏ với môi tình yêu mộc mạc và đậm thắm của những người nhà quê.

Rồi đến ngày cả hai gia đình nghèo. Diên và Mai theo cha mẹ ra tỉnh tìm việc. Mai được làm thợ con gái trong nhà máy, còn chàng thì học việc ở một hiệu buôn. Hai người kiếm chỉ đủ tiền sống một cuộc đời thiếu thốn và tồi tàn ở tỉnh thành. Cái tình của đôi bên, tuy vậy, vẫn không thay đổi và cứ mỗi buổi xong việc làm, Diên lại đến nhà máy đón Mai cùng về một xóm ở ngoại ô.

Diên thở dài. Bởi chàng nhận thấy ít lâu nay Mai không hay chuyện trò với chàng nữa, và hình như có ý muốn tránh mặt chàng.

Ít lâu nay, ngày nào Mai cũng đi chơi với mấy người bạn gái trong sở, mấy cô gái lẳng lơ và hay làm đóm mà

xưa kia Mai vẫn tỏ ý ghét. Trước sự thân thiết ấy, Diên một hôm đã ghen tức, nói mả bạn, thì Mai trả lời:

- Bọn họ cũng như tôi, có gì mà anh ghét?

Diên giận lắm, nói:

- Thế cô không biết tại sao mà họ có nhiều tiền ư?

Mai lặng yên không trả lời. Diên muốn cho Mai hiểu rằng những cô bạn đó trước cũng chỉ là những thợ "con gái" như mọi người thợ khác, nhưng nay được vừa mất ông chủ, nên mới có nhiều tiền tiêu. Diên toan nói nhiều nữa nhưng lại thôi, sợ làm mất lòng Mai và chàng chắc rằng Mai cũng thừa biết sự ấy.

Một hôm, Diên bắt gặp Mai đang ngắm nghía vật gì trong bàn tay. Chàng vừa đến gần thì Mai vội giấu ra sau lưng. Diên giăng ra xem, thấy một cái nhẫn mặt nhỏ bằng vàng. Chàng ngạc nhiên hỏi:

- Cô mua nhẫn đấy à? Tiền đâu thế?

Mai đáp ứng, ngượng ngịu không trả lời. Diên hỏi gặng mãi, Mai nói là của một người bạn gái cho mượn. Nhưng nhìn vào đôi mắt trong của Mai, Diên biết rằng Mai không nói thật.

Nghĩ đến đây, Diên thấy nao nao trong lòng; một điều lo sợ thấm dần vào tâm can chàng, cùng một lúc với sự chán nản. Một ý nghĩ muốn rời bỏ cái đời bụi bặm ở chốn tỉnh thành này, trở về với công việc ở thôn quê.

Đột nhiên, Diên đứng dừng ngay lại: chàng vừa thoáng thấy bóng Mai qua cửa kính một hiệu cao lâu nhỏ ở đầu phố. Diên rón rén đứng ngoài cái màn treo,

nhìn vào. Chàng thấy Mai ngồi với mấy bạn gái, đương cười đùa vui vẻ và cuối bàn có một người thợ đàn ông đang ghé tai thì thầm với một cô trong bọn.

Khi trông thấy người ấy, quả tim Diên bỗng đập mạnh như một con chim sợ hãi. Mắt chàng hoa lên và chàng lão đảo tựa vào bức tường cho khỏi ngã.

Diên mới nhận ra người đàn ông ngồi đó là một người thợ cùng làm ở nhà máy với Mai, mà tất cả đều gọi là "bà mối". Hắn ta chỉ có một công việc làm trong xưởng, là dẫn dụ các cô gái nào mà ông chủ để ý đến. Người thợ con gái được hắn vờ đến tất sẽ trở nên một bà chủ con trong xưởng, quyền hành nắm trong tay và nhất là được tiền để sắm sửa ăn mặc. Rồi một hai tháng, khi ông chủ đã chán, lại nhường chân cho kẻ khác.

Nghĩ đến Mai cũng như những cô gái ấy, Diên thấy lòng thất vọng như trước một tai nạn gì ghê gớm. Diên thấy choáng váng cả người, chàng nghiêng răng, khế lắm bầm: "Con khốn nạn!".

Chàng muốn nhảy ngay vào phía trong lò ngay Mai ra mắng cho bỏ ghét. Hai tay chàng nắm lại: nhưng cái bản tính nhút nhát vẫn thắng; chàng lưỡng lự một lát rồi lại lẳng lặng cúi mình rảo bước đi mau.

Về đến nhà, Diên nằm vật xuống giường, chán nản. Căn phòng chật hẹp, tối tăm làm chàng khó thở. Diên nhớ lại cái quang cảnh 11 ám buổi trưa: những thợ thuyền đầy bụi bặm, những bộ quần áo bẩn thỉu, cả căn

phố đen với vết than và nhất là cái nhà máy sừng sững dưới các bức tường loang lổ. Diên lại nghĩ đến cánh đồng ruộng ở quê hương, đến những rặng cây mà ánh sáng buổi ban mai làm rung động đến cái hình dáng đáng yêu của Mai khi đi bên mình chàng.

Nghĩ đến những ngày sung sướng ấy, và sự nghèo hèn của mình bây giờ Diên thấy tủi thân, rơm rớm nước mắt khóc.

*
* *

Buổi chiều. Diên sang nhà Mai, thấy nàng vừa mới đi làm về. Chàng đến gần Mai, không dám nhìn nàng, chỉ bảo:

- Cô Mai, cô ra đây tôi có câu chuyện muốn nói.

Mai bước theo sau. Hai người lặng yên đi trên con đường đất ra bãi cỏ sau nhà, chỗ mà mọi khi hai người vẫn gặp nhau nói chuyện.

Đến nơi, Mai ngồi xuống vệ hè, chờ đợi. Diên đứng yên bên cạnh không biết nói gì. Cái thương yêu mà giận dỗi rối loạn trong lòng chàng, và những câu muốn nói ngập ngừng như không ra khỏi miệng. Mai thì cứ cúi mặt xuống vôn vè dải yếm. Mãi Diên mới cất tiếng hỏi đáp:

- Em Mai, sao độ này em cứ trốn tránh anh? Em không yêu anh nữa hay sao?...

Rồi Diên không rõ mình nói gì nữa: tất cả những sự uất ức, thương yêu chàng nói ra cả.

Diên nhắc lại những ngày đắm đắm ở thôn quê, đến cái tình thân thiết của đôi bên. Tự nhiên Diên thu được những câu để bày tỏ nỗi lòng. Lời chàng dịu dàng và tha thiết như lời van xin của một người đau khổ.

Bỗng nhiên Diên ngừng lại, Mai, hai tay úp mặt xuống khóc. Diên thấy hai vai nàng nức lên. Cảm động, Diên cúi xuống để an ủi người yêu, chàng giơ tay để khẽ lên cánh tay Mai. Nhưng chàng lại đứng ngay dậy, mở to mắt ngơ ngác như người điên. Diên vừa mới nhận ra cách ăn mặc và trang điểm của Mai, nhấn ở ngón tay và hoa tai lấp lánh dưới mái tóc, sang trọng như các bà giàu có.

Và Mai đánh phấn! Đôi môi có vết son của cô gái trước kia quê mùa mộc mạc làm chàng rung mình nghĩ đến những bộ mặt trát phấn, những đôi môi đậm son như thấm máu mà chàng thường trông trước cửa những chỗ ăn chơi.

Diên bàng hoàng và lạnh lẽo cả người; chàng hình như thấy một cái sức mạnh vô cùng đến chia rẽ Mai với chàng. Một nỗi đau đón nghẹn ngào đưa lên chẹn ngang cổ họng, Diên nấc lên một tiếng rồi cúi đầu chạy trốn trong bóng tối của buổi chiều vừa xuống.

Nắng trong vườn
NXB Đời nay, 1938

CUỐN SÁCH BỎ QUÊN

Thành đi lại trên sân ga, thông thả và lơ đãng. Gió mạnh dấn chặt quần áo vào người chàng, khiến cái lạnh thêm thấm thía và ẩm ướt. Tuy trời không mưa, nhưng Thành tựa như thấy trong lòng mưa bụi, buồn rầu và chán nản, một môi buồn không sâu sắc, nhưng êm êm làm tê liệt cả tâm hồn.

Chàng không muốn nhớ lại, hình như muốn để quên đi nỗi thất vọng ấy. Câu trả lời của ông Xuân, nhà xuất bản, vẫn nhắc lại bên tai Thành một nhịp trầm và khó chịu:

- Sách của ông không được ai hoan nghênh cả.

Thành mím môi lại, giữ vẻ tự nhiên, điềm đạm như người đã thường nghĩ đến điều ấy rồi. Chàng để tay lên bản thảo cuốn "Mơ xưa", vuốt cong đầu giấy lại, không trả lời. Ông Xuân nói tiếp:

- Thật vậy. Hai nghìn cuốn "Người bạn" in ra mà bây giờ chưa bán được hai trăm. Ấy là không kể gửi đi biếu các báo đã mất non dăm chục rồi. Tôi chưa in ra cuốn sách nào khó bán như thế.

Ông chép miệng nhìn Thành, có ý bảo chàng hiểu rằng cái vốn hai trăm bạc ông bỏ ra chưa thu được hết. Tuy vậy, Thành cứ cố, chàng run run tay cầm bản thảo cuốn "Mơ xưa" lên; xóc lại hai đầu định sắp sửa cho vào cặp, khẽ hỏi:

- Thế còn cuốn này, ông...

Câu trả lời đón trước đến ngay, quả quyết không có gì lay chuyển nổi:

- Ô, ông còn định xuất bản quyển này nữa hay sao? Tôi xin chịu, ông có các vàng tôi cũng không dám in nữa.

Thành không hiểu tại sao chàng lại mỉm cười tuy chàng không muốn. Chính chàng cũng khó mà nói rõ được cái ý nghĩa của cái cười đó. Chàng cầm mũ với cặp, đứng dậy, nắm cái bàn tay mềm và uể oải của ông chủ rồi đi ra.

Đến ngoài đường, lúc bấy giờ Thành mới nhận thấy nỗi thất vọng của mình, và để nó tràn lên cả tâm hồn, không chống cự. Chàng có cái cảm giác bị hụt chân chết ngập trong môi buồn và thấy một nỗi thương thấm thía vô hạn cho chính mình.

Trong những đêm không ngủ ở nhà quê, chàng vẫn mơ tưởng một sự thành công rực rỡ xứng đáng với tài năng. Những lúc đó, Thành sung sướng như nhấp chén rượu mạnh mà hơi men làm say sưa dần dần. Chàng tưởng sách của chàng đã được thiên hạ hoan nghênh nhiệt liệt, các báo đua nhau tán thưởng, và bán chạy hết ngay trong tháng xuất bản. Ông Xuân sẽ để một tập

bạc trên bàn, tiếp chàng niềm nở và nói nịnh:

- Sách của ông bán chạy quá. Thật, tôi chưa từng thấy nhà văn nào được hoan nghênh như ông.

Thành sẽ cười nhả nhận và kín đáo, nhận lời khen ấy như một người không quan tâm đến sự nhỏ mọn về danh vọng ấy. Chàng sẽ đưa trình cuốn "Mơ xưa", sẽ được ông Xuân trân trọng đỡ lấy và vui vẻ nhận xuất bản ngay.

Nhưng sự thực... Mối Thành sẽ nhếch hơi chua chát, và chàng tự hỏi không biết có nên chế giễu mình không. Chàng không nghĩ đến đi chơi trong Hà Nội nữa, thuê ngay xe ra ga lấy vé. Thành muốn rời bỏ ngay cái tỉnh lãnh đạm này, mong lại thấy căn phòng nhỏ ấm áp của chàng, cái bàn viết có bóng cây trong vườn lung lay trên mặt, mỗi khi ánh nắng chiếu ngang.

Thành ngừng nhìn đồng hồ: ba giờ... chuyến tàu để không bao giờ đến chắc! Con đường sắt về Nam song song thẳng tắp dưới trời u ám, như làm xa vắng rộng rãi thêm nỗi buồn. Tất cả những mơ ước tha thiết của tuổi trẻ, của tâm hồn nghệ sĩ, những mộng đẹp xây lên trong lúc say văn, tất cả đều theo gió lạnh tan dần. Tâm hồn Thành tro trọi như một cánh đồng thấp mà lúa đã gặt rồi.

Khi tàu đến, chàng chỉ còn là một kẻ chán nản bước lên xe. Chàng đi xuống hạng ba, mở cửa toa bước vào. Thành dễ chịu khi thấy trong toa vắng không có ai, ngoài một người gác tàu ngồi thu mình trong một xó, không buồn ngừng lên trong khi chàng đi qua. Thành

cũng gieo mình trên chiếc ghế, kéo cổ áo lên che gáy - cái lạnh thấm thía quá! - rồi lặng yên để cho tiếng rợn rợn của chuyến tàu ru mình.

*
* *

Ngoài xa, cánh đồng chuyển lần sau làng mạc. Dòng tư tưởng của Thành cũng chảy xuôi, một sự yên tĩnh đến thay chỗ cho nỗi buồn, Thành lại thấy mình thiết tha và hy vọng. Thật ra, sách không bán chạy chưa phải chứng tỏ rằng chàng không có tài; nhiều nhà văn nổi tiếng khắp hoàn cầu lúc mới đầu chẳng bị thiên hạ bỏ quên và hờ hững là gì. Sự lãnh đạm của công chúng nhiều khi là cái dấu hiệu của một tài năng xuất chúng, không được người ta hiểu, vì vượt ra ngoài khuôn sáo thường. Thành tự an ủi khi nghĩ mình có thể là một tài năng ấy. Chàng ôn lại những quãng sách đã đọc qua, trong đó nhiều nhà văn lão luyện đã khuyên nhủ: người nghệ sĩ phải không cần đến sự hoan nghênh của công chúng, bởi tự mình đã được hưởng cái thú thần tiên của sự sáng tác; được hoan nghênh nhiều khi chỉ làm hại cho nghệ sĩ, vì khiến cho nghệ sĩ tự mãn và nô lệ cái sở thích của người đọc.

Thành thấy những tư tưởng ấy đúng là thâm thúy. Không có thứ nào say sưa và chìm đắm bằng cái thú của chàng cảm thấy mỗi khi cầm bút diễn tả lòng mình, thấy các nhân vật chàng đặt ra trở nên linh hoạt trên

trang giấy. Chàng đã có sự rung cảm ấy, đã có trời mây, ánh nắng và hoa cỏ, tất cả vạn vật đang sống chung quanh. Những đám mây thấp bay trên cánh đồng lúa xanh kia là một bài thơ bất tuyệt và đậm thắm. Thành cúi nhìn ra ngoài xe, mê mải ngắm phong cảnh qua làn khói trắng mà gió đánh tạt về bên đường. Lòng chàng dịu dần, và cảnh vật trước mắt lại thấy tươi vui, tuy lúc đó trời bắt đầu mưa bụi. Thành đứng hẳn dậy, cúi mình nhìn qua cửa kính, để gió lạnh lùa vào mái tóc và tạt vào da.

*

* *

Xe đỗ. Một cái ga nhỏ, bên máy nấp lửa tranh chờ vợ. Tiếng người lên xuống ồn ào vang động. Thành thoáng thấy bóng một thiếu nữ bước lên xe. Tự nhiên chàng quay lại: người thiếu nữ vừa lách cửa toa, một luồng gió ủa vào, manh áo dài bay lên để lộ cái áo len màu đỏ. Thiếu nữ đưa mắt nhìn khắp lượt, thấy trong xe chỗ nào cũng đã chật, hơi lưỡng lự một chút, rồi đến ngay chiếc ghế trước mặt Thành để hành lý xuống: mấy gói bọc giấy và một cái va li nhỏ bằng nan mây. Thành mỉm cười vì có sự gần gũi ấy; chàng chăm chú nhìn thiếu nữ: một khuôn mặt trái xoan, một vẻ đẹp thường thường. Quần áo ra lối nửa tỉnh, nửa quê. Học sinh? Buôn bán? Thành không thể đoán rõ được.

Thiếu nữ cũng ngừng mặt lên nhìn chàng, rồi cúi

đầu xuống, hai bàn tay xinh xắn lần mở va li với một chiếc khóa con kèn sáng. Thành không rời mắt, chàng có cái cảm giác thú vị sắp được đi vào trong đời thân mật của thiếu nữ. Nấp va li hé mở. Thành thoáng thấy mấy nếp quần áo xếp gọn ghẽ, cái khăn mặt bông trắng và bánh xà phòng thơm mới nguyên. Bỗng chàng rung động từ đầu đến chân như có luồng điện chạy; thiếu nữ vừa mới lấy ra một cuốn sách, chính là cuốn "Người bạn" của chàng. Quyển sách còn mới nguyên, hình như vừa mua chưa xem đến. Thành thấy màu xanh của bìa sách, dòng chữ tên sách và tên tác giả - chính là tên chàng - nhảy múa trước mắt khi thiếu nữ để sách trên đùi, lấy con dao con cấn thận rọc từng trang một.

Thành không thể nói rõ cái cảm giác của chàng lúc ấy thế nào. Chàng bàng hoàng, nửa như e sợ, nửa như sung sướng. Thiếu nữ đã giở sách lên trước mặt, dựa người vào thành ghế chăm chú xem. Thành ngấm nhìn cái bàn tay xinh xắn cầm lấy sách, chàng chăm chú nghe tiếng giấy mới sột soạt mỗi lần một trang giấy giở. Thành thấy như thiếu nữ một lần giở trang giấy của tâm hồn mình, gần gũi và thân mật hơn. Chàng hồi hộp nhận xét trên nét mặt người đọc, ảnh hưởng của văn chàng, tựa như thiếu nữ đang đọc những ý nghĩ sâu xa của chàng vậy. Mà chàng không có cách nào giãi giải nói thêm! Thành muốn kêu lên chính chàng là Văn Sơn, là tác giả. Chàng ước ao giá bây giờ có người bạn nào đến gặp chàng, người bạn vỗ vai hỏi: "Kìa anh Văn Sơn?

Thế nào, cuốn "Người bạn" của anh có bán chạy không?". Thành tưởng tượng sẽ nhũn nhặn trả lời: cũng khá, và thiếu nữ, ngạc nhiên, sẽ hạ quyền truyện xuống, mở to mắt nhìn chàng kính phục và sung sướng. Chàng sẽ thấy thiếu nữ áp úng. Má hơi đỏ, kiều mị, khẽ thưa: "Em xin lỗi vì sự đường đột, nhưng có phải ông là Văn Sơn không ạ?".

Ồ máy quá! Rồi nàng xin chữ ký của chàng để trên cuốn sách, sẽ vụng về lúng túng một cách đáng yêu, khen chàng là nhà văn... có tài.

Nhưng mà... không có người bạn nào cả, ngoài thiếu nữ với chàng; thiếu nữ vẫn chăm chú xem, và chàng thì nóng nảy, bứt rứt, xoay xỏa trên ghế. Chỉ một người đọc văn mình cũng đủ làm cho chàng cảm động đến thế ư? Thiếu nữ bỗng trở nên có duyên lạ, môi đỏ thắm, đôi mắt dưới làn mi cong và dài, theo từng dòng chữ, êm nhẹ như nhung, như vuốt ve trên lòng chàng. Bao nhiêu nỗi buồn bực thất vọng của Thành vì những lời nói của ông chủ nhà xuất bản đều tiêu tan mất cả. Trong cái lạnh lẽo của tâm hồn chàng, thiếu nữ kia đã đem lại sự đầm ấm, nâng niu ít ra cũng đã có một người hiểu chàng. Thành đoán chắc thiếu nữ này, khi ở thôn quê, dưới bóng đèn, hay buổi chiều dưới rặng hoa thiên lý, đã từng mơ màng những chuyện nàng đọc, và trái tim nàng đã từng rung động vì thân thể của người trong truyện.

*
* *
*

Thiếu nữ hạ quyển sách xuống, hơi nhếch mắt nhìn ra ngoài. Dãy nhà ngoại ô tỉnh Nam đã trông thấy đằng xa. Thiếu nữ lại hé mở va li thử lại ổ khóa và sửa soạn hành lý khác. Chàng thở dài: chàng biết thiếu nữ sẽ xuống ga này, còn chàng, chàng phải đi vài ga nữa mới về đến nhà. Hồi hộp, Thành thấy từ nãy đến giờ chàng chưa tìm được cách nào để thiếu nữ biết tên, hay làm quen với nàng. Nhiều lúc, chàng muốn gọi chuyện với thiếu nữ, nhưng không hiểu tại sao, mỗi lần chàng ngượng ngịu lại thôi. Những câu nói định sẵn không muốn nói ra khỏi miệng khiến chàng bực tức cho mình. Thành đứng lên, ngồi xuống, băn khoăn: thiếu nữ đưa mắt nhìn Thành, một tay để trên va li, một tay vén lại tà áo cho gọn ghẽ.

Tàu bắt đầu đi chậm vào ga. Thành luống cuống đứng dậy ra đầu toa tựa vào bên cửa nhìn xuống, như chú ý lắm đến cảnh tấp nập ở dưới đường. Khi thiếu nữ khệ nệ xách va li đi qua trước mặt, Thành nép người vào bên. Mái tóc người thiếu nữ khẽ phớt qua ngực chàng, mái tóc đen che vành tai hồng và cái cổ tròn xinh. Chàng cúi xuống nữa, ra hắt ngoài tàu, nhìn theo thiếu nữ đi lẫn vào đám đông người. Lâu chàng còn nhận thấy đôi vai mảnh và thon của thiếu nữ trong đám hành khách cho đến khi thiếu nữ khuất vào ga. Thành có cảm tưởng như đã mất một người bạn thân yêu quá.

Chàng buồn nản thong thả trở về chỗ cũ. Bỗng

nhìen Thành đứng lại, và mắt chàng mở to ra: trên ghế, chỗ thiếu nữ ngồi, cuốn "Người bạn" của nàng vừa mở nằm yên. Thành cầm vội lấy, cúi nhìn ra ngoài. Chàng tưởng còn kịp gửi trả người thiếu nữ. Nhưng tàu đã chạy rồi. Gió lạnh bắt đầu thổi mạnh lên. Thành gieo mình xuống ghế, tay mân mê cuốn sách: gỡ đi gỡ lại các trang: hình như còn một chút dầm ăm gì của người thiếu nữ ấy vương lại trong trang giấy. Nhưng đột nhiên, như có mũi kim xuyên thẳng vào tim chàng: ngộ không phải là thiếu nữ bỏ quên chăng? Biết đâu nàng chẳng bỏ lại vì cuốn truyện tồi khiến nàng không vừa lòng? Biết đâu nàng không rõ chính chàng là tác giả và cố ý bỏ sách lại để tỏ sự nhạt nhẽo của nàng?

Thành khẽ thở dài. Những ý nghĩ ngờ vực đó xôn xao trong óc chàng. Thành mân mê cuốn sách tựa như có thể tìm được trong ấy câu trả lời. Rồi thần thờ, chàng để sách xuống lòng, áp trán vào cửa kính nhìn ra ngoài. Mưa bụi đã tạnh từ lâu và nền mây xám tách ra, để lộ một tia nắng vàng dịu lướt nhẹ trên ruộng mạ xanh non, trong trẻo và mong manh quá như sắp tắt, Thành thấy cái vui trong lòng chàng cũng trong sáng và mong manh như thế, chỉ một chút nghi ngờ, một chút lạnh lẽo cũng đủ làm cho tan đi. Thành không muốn nghĩ nữa, chàng khe khẽ khép cuốn sách lại, và ngồi yên lặng như mơ màng.

Nắng trong vườn
NXB Đời nay, 1938

DƯỚI BÓNG HOÀNG LAN

Thanh lách cánh cửa gỗ để khé, nhẹ nhàng bước vào. Chàng thấy mát hẳn cả người; trên con đường gạch Bát Tràng rêu phủ, những vòng ánh sáng lọt qua vòm cây xuống nhảy múa theo chiều gió. Một mùi lá tươi non phảng phất trong không khí. Thanh rút khăn lau mồ hôi trên trán - bên ngoài trời nắng gắt - rồi thông thả đi bên bức tường hoa thấp chạy thẳng đến đầu nhà. Yên tĩnh quá, không một tiếng động nhỏ trong căn vườn, tựa như bao nhiêu sự ồn ào ở ngoài kia đều ngừng lại trên bậc cửa.

Thanh bước lên thêm, đặt vali trên chiếc trường kỷ, rồi ngó đầu nhìn vào trong nhà: bóng tối dịu và man mát loáng qua những màu sắc rực rỡ chàng đem ở ngoài trời vào; Thanh chưa nhìn rõ thấy cái gì cả; một lát, quen bóng tối, chàng mới nhận thấy cảnh tượng gian nhà cũ không có gì thay đổi, cũng y nguyên như ngày chàng đi xưa. Sự yên lặng trầm tịch đến nỗi Thanh trở nên ghen hờn; mãi mãi chàng mới cất được tiếng lên gọi khẽ:

- Bà ơi!

Một cái bóng lẹ làng từ trong vạt ra, rơi xuống mặt bàn; Thanh định rõ nhìn: con mèo của bà chàng, con mèo già vẫn chơi đùa với chàng ngày trước. Con vật nép chân vào mình khẽ phe phẩy cái đuôi, rồi hai cái mắt ngọc thạch xanh giương lên nhìn người. Thanh mỉm cười lại gần vuốt ve con mèo:

- Bà mày đâu?

Thanh bước xuống giàn thiên lý. Có tiếng người đi, rồi bà chàng, mái tóc bạc phơ, chống gậy trúc, ở ngoài vườn vào. Thanh cảm động và mừng rỡ, chạy lại gần.

- Cháu đã về đấy ư?

Bà cụ thôi nhai trầu, đôi mắt hiền từ dưới làn tóc trắng đưa lên nhìn cháu, âu yếm và mến thương.

- Đi vào trong nhà không nắng cháu.

Thanh đi bên bà, người thẳng, mạnh, cạnh bà cụ gầy còng. Tuy vậy chàng cảm thấy chính bà che chở cho chàng, cũng như những ngày chàng còn nhỏ.

- Nhà không có ai ư bà?

- Vẫn có thằng Nhân, hôm nay nó đi đóng thóc bên kia xóm. Để chốc nó về. Con đã ăn cơm chưa?

- Dạ chưa. Con ở tàu về đây ngay. Nhưng con không thấy đói.

Bà nhìn cháu, giục:

- Con rửa mặt đi, rồi đi nghỉ không mệt. Trời nắng thế này mà con không đi xe ư?

Thanh cười:

- Có một tý đường đất, cần gì phải xe. Con đi bộ hàng ngày cũng được.

Nhưng Thanh cũng vẫn theo lời bà. Chàng đến bên bể múc nước vào thau rửa mặt. Nước mát rượi và Thanh cúi nhìn bóng chàng lay động trong lòng bể với những mảnh trời xanh tan tác.

Tất cả những ngày thuở nhỏ trở lại với chàng. Thanh vắng nhà đã gần hai năm nay, vậy mà chàng có cảm giác như vẫn ở nhà tự bao giờ. Phong cảnh vẫn y nguyên, gian nhà vẫn tịch mịch và bà chàng vẫn tóc bạc phơ và hiền từ.

Trên trường kỷ, ngọn đèn con và cái điều cũ kỹ. Con mèo già tròn mình nằm bên cạnh, mắt lim dim trong sự bình yên và nhàn nhã. Thanh trông thấy cảnh ấy đã nhiều lần. Lần nào trở về với bà chàng, Thanh cũng thấy bình yên và thông thả như thế. Căn nhà với thửa vườn này đối với chàng như một nơi mát mẻ và hiền lành, ở đây bà chàng lúc nào cũng sẵn sàng chờ đợi để mếu mếu chàng.

- Ấy, bà làm gì thế? Bà để mặc cháu.

Bà cụ vẫn không thôi phẩy chiếc quạt trần lên đầu giường:

- Đã lâu không có ai nằm nên bụi bám đầy khắp cả.

Thanh phải để mặc cho bà sửa chiếu và xếp lại gối. Chàng thấy mình bé quá.

- Cháu đi nghỉ chẳng mệt. Để bà hái mấy lá rau nấu canh ăn cho mát.

Bà cụ đi ra. Thanh bỗng thấy mệt mỏi. Chàng lặng nằm xuống giường, ruỗi chân tay, khoan khoái. Ngoài khung cửa sổ, trời xanh ngắt ánh sáng; lá cây rung động dưới làn gió nhẹ. Một thân cây vút cao lên trước mặt. Cùng một lúc, chàng lẩm bẩm: "Cây hoàng lan!", mùi hương thơm thoang thoảng đưa vào. Thanh nhắm mắt ngửi mùi hương thơm và nhớ đến cái cây ấy chàng thường hay chơi dưới gốc nhật hoa. Đã từ lâu lắm, ngày mới có căn nhà này, ngày cha mẹ chàng hãy còn. Rồi đến ngày một bà một cháu quăn quýt nhau. Thanh ra tỉnh làm rồi đi về hàng năm, các ngày nghỉ. Bây giờ cây đã lớn.

Thanh thấy tâm hồn nhẹ nhõm tươi mát như vừa tắm ở suối. Chàng tắm trong cái không khí tươi mát này. Những ngày bận rộn ở tỉnh giờ xa quá. Khu vườn với các cây quen đã nhận biết chàng rồi.

Nghe tiếng bà đi vào. Thanh nằm yên giả vờ ngủ. Bà lại gần sờ sờ bụng mần, nhìn cháu và xua đuổi muỗi. Gió quạt đưa nhẹ trên mái tóc chàng. Thanh vẫn nằm yên, nhắm mắt nhưng biết bà ở bên mình. Chàng không dám động đậy, yên lặng chờ cho bà lại đi ra. Bà xuống bếp làm cơm hẩm. Tiếng dèp nhỏ dần.

Chàng cảm động gần ứa nước mắt. Bà yêu thương cháu quá, giờ chỉ có mình cháu, với mình bà. Mà bà làm bếp có một mình thôi ư? Không, hình như có tiếng người khác nữa, tiếng trong và mau hơn. Thanh lắng nghe: một tiếng cười sẽ đưa lên. Tiếng ai? Nghe quen quá mà Thanh không nhớ được.

Chàng lẳng lẳng ngồi dậy, tỳ trên cửa sổ, cúi mình nhìn ra phía ao. Bóng cây hoàng lan lay động cả một vùng. Chàng chợt nhớ, chạy vùng xuống nhà ngang, gọi vui vẻ:

- Cô Nga...

Người thiếu nữ đương nhặt rau nghe tiếng gọi vội ngừng đầu: một nụ cười, đôi mắt trong sáng lên; rồi tiếng nhẹ nhàng:

- Anh Thanh! Anh đã về đây à?

Thanh đứng tựa bên cột, chưa trả lời. Chàng nhìn cô thiếu nữ xinh xắn trong tà áo trắng, mái tóc đen lánh bóng trên cổ nhỏ, bên cạnh mái tóc bạc trắng của bà. Cô Nga, cô bé hàng xóm vẫn sang chơi với chàng trong vườn, và mỗi lần về, chàng lại gặp ở nhà như một người thân mật.

Một lát cô Nga hỏi:

- Anh Thanh độ này khác hẳn trước. Anh chóng nhớn quá.

- Tôi vẫn thế đấy chứ.

Bà cụ cúi trên rổ rau, không nhìn cháu đáp:

- Cô trông em nó có gầy đi không? Không bằng độ còn ở nhà.

Nga ngừng nhìn Thanh, cười:

- Đây em nói có sai đâu. Anh trông lại đen đi nữa.

Lá rau tươi xanh ngắt bên bàn tay trắng hồng nhỏ nhắn. Thanh cũng ngồi ghé xuống. Thế là lại như lúc còn ở nhà, ngày ngày chàng cũng vẫn với Nga xuống

bếp xem bà làm cơm. Câu chuyện vẫn vui vẻ và vẫn đậm, có lúc chàng lăm tưởng Nga chính là em gái ruột của mình.

*
* *

Lúc bác Nhân bưng cơm đặt lên bàn, bà cụ bảo cô thiếu nữ:

- Ở đây ăn cơm một thể, cháu ạ.

Thanh nhìn lên:

- Ăn cho vui, cô Nga.

- Xin phép cụ và anh thôi, em vừa mới ăn cơm xong ở nhà. Em đứng đây cũng được chứ gì.

Thanh ra vẻ không bằng lòng:

- Không, cô phải ngồi ăn cơ. Cô làm khách mãi.

Nga sợ, vén áo ngồi bên cạnh bà cụ, nhưng nàng chỉ ăn nhỏ nhẹ, cầm chừng, và buông đũa luôn để xới cơm cho Thanh. Bữa cơm vui quá. Thanh ăn rất ngon miệng, lòng thư thái và sung sướng. Thỉnh thoảng chàng nhìn đôi môi thắm của Nga, hai má hồng. Và nụ cười tươi nở, nàng nhìn lại Thanh, một chút thôi, nhưng bao nhiêu âu yếm.

Ngoài vườn, trời vẫn nắng. Giàn thiên lý pha xanh một bên tà áo trắng của Nga. Những búp hoa lý non và thơm rủ liễn trong giàn, lẫn vào đám lá. Gạch mát và phủ rêu khiến Thanh nhớ lại hai bàn chân xinh xắn của

Nga, ngày nào, đi trên đó. Hai bàn chân nhỏ, lấm tấm cát, để dấu tự ngoài ao trở về... Chàng đột nhiên mỉm cười, rồi hỏi:

- Cô Nga có còn hay đi nhặt hoàng lan rơi nữa không?

Nga cũng cười hơi thẹn:

- Vẫn nhặt đấy. Nhưng không có ai tranh nữa.

Nàng nhìn Thanh, nắng như tụ lại những hình ảnh tự bao giờ, và sẽ vuốt mấy sợi tóc mai ra một bên. Thanh thấy quả tim đập nhẹ nhàng.

Bà cụ thì mãi nhìn cháu. Bác Nhân khoanh tay đứng dựa bên cột nghe; bác cũng vui mừng vì thấy cậu về, vẫn khỏe mạnh và xinh trai như ngày trước. Còn cô Nga vẫn tươi đẹp và vui vẻ như thế. Có cô nhà cũng đỡ vắng, và bà cậu cũng đỡ buồn; hàng ngày cô chạy sang chơi giúp đỡ bà cụ già côi trầu và nói chuyện đến người đi vắng ở trên tỉnh đã lâu không về thăm nhà.

Bữa ăn xong. Thanh với Nga đã trở lại thân mật như khi còn nhỏ. Thanh dắt nàng đi thăm vườn; cây hoàng lan cao vút, cành lá rủ xuống như chào đón hai người. Có lúc gần nhau, Thanh thấy mái tóc Nga thoang thoảng thơm như cô giắt hoàng lan. Nhưng hoa lan chưa rụng, vẫn còn tươi xanh ở trên cành. Nga bảo Thanh:

- Những ngày em đến đây hái hoa, em nhớ anh quá.

Thanh chẳng biết nói gì, chàng vít một cành lan xuống giữ ở trong tay để Nga tìm hoa, rồi nhẹ nhàng

buông ra cho cành lại cong lên. Nắng soi vào vai hai người, nhưng dưới chân đất vẫn mát như xưa.

- Bao giờ anh lên tỉnh?

- Ngày mai thôi. Kỳ này được nghỉ ít. Nhưng mai kia, tôi sẽ về ở đây lâu hơn.

Lòng Thanh dịu lại. Nga đến bên bể mức nước rửa hoa, rồi xếp bày trên quả trầu. Bà cụ nhìn cô âu yếm:

- Hoa hây còn non lắm, sao hái sớm thế, con?

Nga thưa:

- "Anh con hái đầy ọ" và nàng nhìn Thanh mỉm cười.

Đêm ấy, một bà, một cháu, với một cô láng giềng chuyện trò dưới bóng đèn mãi tới khuya, khi trăng lên. Qua vườn, Thanh tiễn Nga ra đến cổng, đi qua hai bên bờ lá đã ướt sương. Mùi hoàng lan thoang thoang bay trong gió ngát. Không lường lự, Thanh cầm lấy tay Nga, để yên trong tay mình. Nga cũng đứng yên lặng. Lâu lâu, Nga rút tay sẽ nói:

- Thôi em về.

Thanh đi trở vào rất thông thả. Có cái gì dịu ngọt chẳng tở ở đâu đây, khiến chàng vương phải. Chàng đứng trờng kỷ ngời ở bên đèn.

*
* *

Sáng hôm sau, Thanh đã phải lên tỉnh. Chiếc vali chàng nặng những thức quà bà chàng đã ban cho. Thanh cầm mũ đứng nghe lời khuyên bảo ân cần của bà dưới giàn hoa lý. Chàng vẫn bé quá và lại đi xa.

Tối cố, Thanh còn đứng lại nhìn cây hoàng lan và các cây khác trong vườn. Bác Nhân nhanh nhẩu cầm đồ vali cho chàng, Thanh dặn khế:

- Bảo tôi có nhời chào cô Nga nhé.

Rồi chàng bước đi ra nửa buồn mà lại nửa vui. Thanh nghĩ đến căn nhà như một nơi mát mẻ và sung sướng để chàng thường về nghỉ sau việc làm. Và Thanh biết rằng Nga sẽ vẫn đợi chàng, vẫn nhớ mong chàng như ngày trước. Mỗi mùa cô lại giắt hoàng lan trong mái tóc để tưởng nhớ mùi hương.

Sợi tóc,

NXB Đời nay, 1942

TỐI BA MƯƠI

Đến cửa buồng số 12, Liên chuyển những đồ lễ sang bên trái, cúi nằm xuống giữ cho chặt, còn tay phải vận quả nắm. Những gói giấy chỉ chực tròng trành rơi. Liên cất tiếng khàn khàn gọi:

- Huệ ơi! Huệ!

Nàng tưởng sẽ thấy nét mặt vui vẻ của Huệ thò ra đón, vớ lấy các thức ăn mua và hỏi "Sao mày về chậm thế?". Nhưng trong phòng vẫn yên lặng. Liên mở cửa bước vào: Huệ đương cuộn chăn nằm ngủ trên giường, tóc xõa ra cả trên gối trắng. Vẻ lạnh lẽo của căn phòng đến ngay bao bọc lấy Liên, khiến cái vui trong lòng nàng mong manh sắp tắt, Liên để các gói xuống bàn, giữ bụi mưa trên áo rồi vội vàng đánh thức bạn:

- Dậy đi, Huệ!

Huệ ậm ự mở mắt lơ lơ nhìn, rồi lại định quay mặt vào trong gối. Bực mình Liên tung chăn ra bên, vừa xốc Huệ lên vừa nói:

- Gớm, ngủ cả ngày không biết chán.

Huệ đã tỉnh hẳn, vươn vai ngáp rồi ngồi dậy, kéo chăn trùm lên vai:

- Mày bảo chả ngủ thì làm gì?

Rồi nàng rùng mình:

- Lạnh quá! Kìa cô ả, vào không khép cửa lại; mà sao đi lâu thế?

Liên ra đóng cửa phòng, quay trở vào:

- Tao phải chạy vội khắp các phố đấy. Các hiệu đã sắp đóng cửa cả. Giá cứ nghe mày thì chả kịp mua bán gì, đành là nhịn đói ăn Tết.

- Thì đã chết chưa. Không ăn, ngủ cũng được.

Liên nhận thấy nét mặt mệt mỏi của bạn. Nàng nhìn quanh căn phòng bẩn thỉu. Dưới ánh ngọn đèn mờ, lổm chổm các đồ đạc quen thuộc: cái giường Hồng Kông cũ, đồng hồ và gủ xạm, cái bàn gỗ ẩm ướt ở góc tường, hai cái ghế long chân. Liên nghĩ đến sự trơ trọi của đời mình. Tết đến nơi rồi. Tết đến thăm nàng ở đây, trong cái buồng nhà "săm" này cũng như đến những nơi thơm tho ẩm ảm.

Nàng không muốn nghĩ vẩn vơ nữa. Cái buồn ghê gớm chỉ chực kéo đến giày vò nàng, Liên vội cười lên. Nàng đến cạnh bàn gỡ các gói bọc giấy nhật trình buộc bằng dây cói: những thức ăn rẻ tiền mua hấp tấp ở các hiệu khách trước giờ đóng cửa đêm ba mươi.

- Nào, xem mày mua những gì nào.

Huệ cũng trở dậy đến bên giúp Liên gỡ các gói và để thức ăn ra ngoài.

- Lạp xưởng này, bánh chưng này, giò lụa, lại cả gan kho nữa cơ à? Oai nhĩ! Còn gói gì thế này? À... cam. Tuyệt! Cam này thì phải biết!

Mấy quả cam đỏ lặn ra bàn. Huệ cầm một quả toan bóc. Liên giằng lấy:

- Con khỉ! Ăn trước à? Còn để cúng đã chứ.

- Ủ thì để mà cúng! Nhưng vàng hương đâu?

Liên đáp:

- Chỉ có hương thôi. Còn vàng không cần. Tiêm tiêm thôi cũng được.

Huệ lặng im, tự dưng thoáng nghĩ đến thân thế lưu lạc của hai chị em và lòng se lại. Huệ nhìn bạn, âu yếm. Giờ chỉ còn Liên là thân thiết với nàng.

Xếp các giấy gói sang một bên, Liên quay lại bảo Huệ:

- Chúng mình bây giờ cúng đi chứ?

- Bây làm quái gì vội. Bây giờ mấy giờ rồi?

- Không biết. Dễ gần mười một giờ rồi đấy. Sửa soạn đi thì vừa.

Huệ không đáp, đi đến cửa sổ, tì trán vào cửa kính nhìn xuống đường. Mưa bụi vẫn bay tới tả, hình như bóng tối khắp nơi dồn lại quăng phố hẹp này. Trên hè ướt át và nhộp nháp bùn, không một bóng người qua lại. Cái vắng lạnh như mệnh mông ra tận đâu đâu ở khắp cả các phố Hà Nội đêm nay. Huệ tưởng đến những căn nhà ấm cúng và sáng đèn, then cửa cài chặt, mọi người trong nhà đang tấp nập sửa soạn đón năm mới

trong sự thân mật của gia đình. Chỉ có hai chị em nàng xa cửa, xa nhà. Nhưng nàng còn nhà đâu nữa mà về? Mẹ chết rồi, cha đi lấy vợ khác không biết ở đâu. Đã bảy, tám năm nay, nàng không về đến làng. Những người quen thuộc còn ai không? Huệ nghĩ đến lại thương hại cho Liên, em họ nàng. Liên còn cha mẹ, nhưng Liên không dám về. Hai người sống cái đời trụy lạc ở Hà Nội từ lúc bỏ nhà ra đi. Hôm nay, ngày cuối năm xum họp hai người ở căn buồng này, trong một cảnh ăn Tết lạnh lẽo.

Huệ nhắm mắt lại. Vì trông mưa bụi hay vì nàng khóc thật? Hình như có chút nước mắt vừa rơm rớm ở mi nàng. Huệ chớp khê rồi nhớ đến cuộc đời mình, lúc trẻ thơ, lúc còn con gái, ở nhà quê. Một buổi sáng mông một Tết, - nàng không nhớ rõ là Tết năm nào, nhưng đã lâu lắm rồi thì phải - nàng mặc áo mới đứng trên thềm nhìn mấy bông hoa đào nở ở trước vườn. Tại sao nàng lại chỉ nhớ rõ có cái cảnh ấy? Huệ không biết, nàng chỉ mang máng cảm giác một sự gì trong mát, tươi non... Khác hẳn bây giờ. Tâm hồn Huệ u ám và nặng trĩu xuống.

Bỗng Huệ giật mình quay lại; Liên vỗ vai nàng, cười:

- Nghĩ gì mà thần người ra thế? Phải vui vẻ lên một tí chứ! Sắp giao thừa rồi đây này.

Huệ theo Liên đi vào và gặt đầu.

- Thôi, cúng đi. Chị sửa soạn xong chưa?

Trên chiếc bàn rửa mặt đầy vết bẩn, Liên đã đặt đĩa

cam quít, cái bánh chưng và thếp vàng. Mấy gói lapis xường và giò cũng để ngay bên. Các đồ cúng nghèo nàn bỗng bày lộ ra trước mặt hai người. Huệ tìm lấy thẻ hương. Nàng quay lại hỏi Liên:

- Chị có mua gạo không?

- Có, gạo đây. Nhưng đổ vào cái gì bây giờ?

Hai chị em nhìn quanh gian buồng, nghĩ ngợi. Liên bỗng reo lên:

- Đổ vào cái cốc này này. Phải đấy, rất là...

Nàng im bật dừng lại. Hình ảnh ô uế vừa đến trí nàng. Cái cốc bẩn ở góc tường, mà cả đến những khách làng chơi cũng không thêm dùng đến, nàng định làm bát hương cúng tổ tiên! Liên cúi mặt xuống, rồi đưa mắt lên trông Huệ; hai người thoáng nhìn nhau. Liên biết rằng những ý nghĩ ấy cũng vừa mới đến trong trí bạn.

Huệ cất tiếng nói trước, thản nhiên như không có gì:

- Hay cắm trên cái chai này... Không! Cắm trên tường này cũng được, mà y nhỉ.

Liên không dám trả lời, sẽ gật đầu.

Nàng đến cạnh giường lật đệm lên lấy bao diêm.

Nhưng giật mình nàng quay lại: có tiếng người gõ cửa buồng.

- Ai đấy?

- Tôi. Cô mở cửa cho tôi với.

Hai chị em luống cuống nhìn các đồ cúng trên bàn. Hai người muốn cất dọn hết, nhưng chắc không kịp.

Nhanh trí, Huệ đứng dựa bên bàn che khuất đi, trong lúc Liên ra mở cửa. Người bồi "săm" ngó đầu vào.

- À, bác Tâm. Hỏi gì thế?

- Tôi gửi cô giữ hộ chiếc chìa khóa.

- Bác về đằng nhà bây giờ à? ,

Anh bồi "săm" tươi cười:

- Vâng, phải về ăn Tết chứ. Thôi, cô làm ơn trông hộ nhà nhé. Giờ này cũng chẳng còn ai đến nữa mà sợ.

Liên thấy đằng sau, tiếng Huệ đáp:

- Đêm nay thì còn ma nào đến. Bác cứ về.

Người bồi sắp bước đi, lại quay lại:

- À, chút nữa quên, tôi xin chúc mừng trước hai cô nhé! Chúc hai cô sang năm mới được... được...

Người bồi áp úng, không biết nói thêm gì. Liên vội đỡ lời, cảm ơn, rồi đóng cửa buống lại. Một lát, tiếng cạch cổng sắt dưới nhà rít lên trong yên lặng lạnh lùng.

Giờ chỉ còn hai chị em trong căn nhà. Gian buống bỗng trở nên rộng rãi quá chừng: một cái lạnh thấm thía đến tâm hồn. Ngoài đường trời hẳn còn mưa, mưa buồn rầu và âm thầm trong tối. Trong gian buống, ẩm ướt tăng thêm. Liên và Huệ đưa mắt nhìn mọi vật chung quanh. Cái giường sắt lạnh, đệm và gối hoen bẩn, cái thau gỉ, cái xô, và cái bàn rửa mặt gỗ đã mọt... Đó là khung cảnh của cuộc đời trụy lạc đã từ lâu...

Huệ đứng dậy hỏi bạn để cho tan sự yên lặng:

- Chị đã thấp hương chưa?

Liên cũng tự nhiên gọi Huệ là chị:

- Chưa. Chị thấp đi. Bao diêm ở bên cạnh đĩa ấy.

Khói hương lên thẳng rồi tỏa ra mùi thơm ngát đem lại cho hai nàng kỷ niệm những ngày cúng giỗ ở nhà, khi hai chị em còn là những cô gái trong sạch và ngây thơ.

- Sắp đến mười hai giờ rồi đấy, Liên nhỉ?

- Có lẽ đến rồi. Năm mới.

Huệ đặt lại các đĩa trên bàn, xếp vàng cho ngay ngắn. Nàng quay lại bảo Liên:

- Chị ra khẩn đi.

Liên tiến đến trước bàn thờ, đứng yên.

- Em biết khẩn làm sao bây giờ?

Nàng bỗng nấc lên, rung động cả vai rồi gục xuống ghế, tay áp mặt. Những giọt nước mắt nóng chảy tràn mi mắt, nàng không giữ được; Liên cảm thấy một nỗi tủi cực mệnh mang tràn ngập cả người, một nỗi thương tiếc vô hạn; tất cả thân thể nàng lướt hiện qua trước mắt với những ước mong tuổi trẻ, những thất vọng chán chường.

Huệ nhìn Liên rồi nhẹ nhàng đến gần, buồn rầu vỗ vai bạn:

- Liên, khóc làm gì nữa, buồn lắm.

Tiếng nàng cũng cảm động nghẹn ngào. Dưới bàn tay thân mật của bạn, Liên càng nức nở. Hai chị em giờ này cảm thấy trơ trọi quá. Liên ngừng mặt lên nhìn Huệ, cố gượng một nụ cười héo hắt:

- Chị cũng khóc đấy ư?

Huệ gục xuống vai bạn, không trả lời. Nước mắt cũng ứ lên rồi lặng lẽ trào ra má. Nàng quàng tay ôm hết sức chặt lấy Liên.

Tiếng pháo giao thừa bỗng nổi vang gần đấy rồi từ nhà nọ sang nhà kia lan rộng mãi vào đêm tối. Liên nói sẽ như thì thầm:

- Giao thừa.

Huệ không trả lời. Hai chị em nép vào nhau, yên lặng.

Sợi tóc,

NXB Đời nay, 1942

CÔ HÀNG XÉN

Chợ Huyện một tháng sáu phiên.

Gặp cô hàng xén kết duyên Châu, Trần.

(Ca dao)

Cô Tâm bớt mệt hẳn đi khi nhìn thấy cây đa và cái quán gạch lộ ra trong sương mù. Cùng một lúc, dây tre đầu làng gần hẳn lại, cành tre nghiêng ngả dưới gió thổi và cô nghe thấy tiếng lá rào rào và tiếng thân tre cọt két. Cô sắp về đến nhà rồi, gánh hàng trên vai nhẹ đi, và những cái uốn cong của đòn gánh bây giờ dấp với chân cô bước mau. Cô thấy chắc dạ và ấm cúng trong lòng, bỏ hẳn nỗi lo sợ từ nãy vẫn quanh quẩn trong trí khi cô qua quãng đồng rộng, trơ gốc rạ dưới gió bắc vì vút từng cơn.

Qua cái cổng gạch cũ, cô vào hẳn trong làng. Ngõ tối hơn, đất mấp mô vì trâu bước, nhưng cô thuộc đường lối lắm. Chân cô dẫm lên lá tre khô và tai nghe tiếng xao xác đã quen; mùi bèo ở dưới ao và mùi rạ ươn đưa lên

ấm ướt. Đi ngang các nhà quen, cô thấy ánh sáng đèn chiếu qua hàng rào, và tiếng những người quen thuộc ở trong đưa ra: "A, bác cả Sĩ đã về rồi". Lần nào hàng bác cũng bán hết sớm, bác cũng ra về trước vì nhà có con mọn. Còn cô, cô cũng có thể về sớm được, vì chợ chiều cũng vắng người mua. Nhưng cô còn cứ vui chị vui em, lần khần ở lại. Chỉ tại con Liên nó cứ giữ mình để về một thể. Bảy giờ nó đã về đến nhà chưa ? Cô Tâm lại nghĩ đến mình, mẹ già đang mong đợi và các em đang nóng ruột vì quà. Gói kẹo bông cô đã gói cẩn thận để ở dưới thúng, mỗi đứa sẽ được hai cái. Chắc hẳn chúng sẽ vui mừng lắm...

Tâm vội vã bước mau. Trước đình, sân gạch rộng đầy bóng tối và yên lặng; con cá sấu đá vẫn phục yên trên bệ ở ngoài, hình dáng quen thuộc quá. Bỗng cô dừng lại; cô suýt va phải một người ở ngõ rẽ ra. Người kia cũng tránh sang bên, sát vào hàng rào. Nhưng Tâm nhận ra ngay:

- Bác Vỹ đấy ư ? Đi đâu mà tối thế này?

Người kia tiến một bước, nhìn tận mặt:

- Ai ? À, cô Tâm, cô đi chợ về.

Tâm đã bước xa rồi, hàng tre vì vút thêm, trời lại lấm thấm mưa lạnh rơi xuống mặt. Cô đi qua nhà bà cụ Nhiêu rồi về đến ngõ. Cánh cửa gỗ chưa đóng. Cô xoay đòn gánh đẩy cửa rồi bước vào. Tất cả cái tối tăm rét mướt, và cánh đồng hoang vắng cô để lại ở ngoài. Đây là nhà rồi. Mùi phân trâu nồng ấm sặc ngay vào cổ;

thoáng qua cô nghe tiếng chân trâu đập trong chuồng. Con Vá thấy động sữa lên, rồi chạy lại tấp vào chân, quần quýt. Trong nhà, mấy đứa em reo:

- A, a! Chị Tâm đã về!

Tâm đặt gánh ở trên thêm. Ánh đèn chiếu ra, cô thấy quần áo lấm tẩm ướt vì mưa bụi. Thằng Lân chạy ra trước nhất, suýt nữa vấp vào cửa bức bàn. Rồi thằng Ái, con Bé cũng theo ra:

- Quà của chúng em đâu, chị ?

Nó cúi xuống định lục vào gánh hàng, Tâm vội bảo em:

- Ấy chớ, để chị lấy cho, không khéo vỡ cả kính.

Cô nhìn xuống ô hàng: mưa chỉ hơi phớt trên kính, chưa việc gì. Hàng không có cái gì ướt.

- Kẹo đây, mỗi đứa hai chiếc.

Chúng nó xúm cả chung quanh chị.

- Em bé ngoan ngoan quá, đây phần riêng chị dành cho em đây này.

Bỗng tiếng dịu dàng của bà Tú ở dưới nhà đưa lên:

- Tâm con đã về đấy ư?

- Thưa u, vâng ạ.

Bà Tú đến dắt lũ con, khẽ bảo:

- Chúng mày háu ăn quá, không để cho chị vào đến nhà nữa, - rồi quay lại Tâm - Con rửa chân tay rồi đi ăn cơm kéo dỏi. Sao về muộn thế, con?

- Thưa u, hôm nay con ngồi chợ Sơn ạ.

Con ở gái từ nãy ở dưới bếp lên cứ đứng mãi góp chuyện ở trên thêm. Bà Tú quay ra bảo:

- Kìa, không cất hàng vào cho cô, còn đứng làm gì ở đấy?

Trong nhà ấm cúng, khác hẳn ở ngoài. Ngọn đèn thân mật chiếu trên án thư, những nét vàng đã cũ của câu đối hoành phi lơ mờ ánh trong bóng tối Mâm cơm đầy lồng bàn còn để ở giữa phản.

- Con ngồi đây rồi ăn cơm. Trời rét thế này thì mai nghỉ chợ thôi con ạ. Đi làm gì cho nó khổ.

Em Bé nói theo:

- Chị ở nhà với chúng em chị ạ. Mai chủ nhật chúng em được nghỉ.

Tâm mỉm cười xoa đầu em. Cô sung sướng vì thấy mẹ săn sóc, các em mến yêu. Bao nhiêu nỗi mệt nhọc cô thấy tiêu tán cả. Những lúc này khiến cô quên hết cả bao nhiêu nỗi e ngại khó khăn. Cô thấy vui vẻ và nẩy nở trong tâm tâm những ý muốn tốt đẹp cho gia đình. Bà Tú lại âu yếm giục:

- Con ăn cơm đi, không đói. Thôi, hãy để đấy rồi bảo con sen nó cất cho có được không.

Tâm đáp "vâng"; nhưng cô vẫn chưa lại ngồi ăn ngay. Cô còn thu xếp hàng đã: hai cái hộp gỗ vuông đựng các thức hàng, và những gói buộc kỹ trong thúng. Tất cả vốn liếng quý báu, bởi nó, cô kiếm lời nuôi các em, giúp đỡ cha mẹ từ ngày trong nhà sa sút đi và ông Tú ở trên tỉnh dọn về đã ba bốn năm nay rồi. Ruộng

nướng chỉ còn hơn mẩu, cấy đủ thóc ăn, và căn nhà gạch cũ này, là nhà chung cả họ. Ông Tú từ độ mắt kém cũng thôi không dạy học nữa. Tâm hỏi mẹ:

- Thầy con chưa về cơ, u?

Bà Tú chậm rãi đáp lời con, an phận:

- Thầy sang chơi bên ông chánh từ hôm qua, để thường còn ở vài ngày mới về.

Hai mẹ con biết rằng, có về nhà ông Tú cũng buồn chả biết làm gì, rồi lại đến đi chơi quanh quẩn các người trong làng.

*

* *

Bữa cơm ngon lành quá, Tâm ngồi ăn dưới con mắt hiền từ và thương mến của mẹ. Các em cô quây quần cả chung quanh, hỏi chuyện chợ búa của chị. Tâm ngấm nhìn các nét mặt xinh xẻo, những con mắt ngây thơ lóng lánh dưới mái tóc tơ của các em: cô thấy lòng đầm ấm và tự kiêu, lòng người chị chịu khó nhọc để kiếm tiền nuôi các em ăn học. Cô hỏi han sách vở của thằng Lân và thằng Ái, học lớp ba ở trường làng. Ngày trước, thời còn sung túc, cô cũng đã cấp sách đi học và về nhà lại được ông Tú dạy thêm chữ nho. Nhưng đã lâu, cô rời quyển sách, để bước chân vào cuộc đời rộng rãi hơn, khó khăn và chật chội. Buôn bán bây giờ mỗi ngày một chật vật, bởi cô ít vốn. Tất cả gánh hàng của Tâm chỉ đáng

giá hai chục bạc. Giá nàng có nhiều tiền để buôn vải bán các chợ như Liên...

- Thôi, các em đi ngủ đi, mai còn dậy sớm mà đi học chứ.

Lân cười, trả lời chị:

- Mai là chủ nhật cơ mà, chị quên rồi à ? Tối nay em thức khuya để nói chuyện với chị.

Nhưng một lát sau, trong căn nhà yên tĩnh chỉ còn Tâm và bà Tú ngồi trên phản: cô kiểm điểm và xếp đặt lại các thứ hàng để mai đi phiên chợ Bằng chính. Những thứ hàng nho nhỏ, khác nhau và xinh xắn: cuộn chỉ, bao kim, hộp bút, cúc áo, giấy lờ, một trăm thứ lật vật qua lại trên ngón tay nhỏ bé của thiếu nữ, vừa quý báu lại vừa ít ỏi. Mỗi thứ đối với Tâm có một linh hồn riêng, và cô hàng lờ mờ đoán hiểu trong thâm tâm những khó nhọc và công của đã làm thành chúng. Tâm đã thêm vào vài thứ hàng mới, bắt đầu bán được ở chợ: phấn xoa mặt, dầu bôi tóc và son thoa môi. Cô ngắm nghía trên tay cái ống sáp con bằng đồng - hào rưỡi một cái - đựng một chất đồ thơm làm thắm tươi môi các thiếu nữ ở trên tỉnh. Đôi khi trong buổi chợ Tâm đã được thấy một vài cô gái tỉnh về quê, da trắng, môi đỏ, lịch sự và sang trọng. Có lần, một đêm khuya Tâm đã lấy sáp bôi lên môi mình và ngắm trộm bóng trong chiếc gương tròn nhỏ Cô Ba. Cô hơi then thấy bóng mình trong đó, với đôi môi đỏ như sẫm máu...

- Độ này, hàng có bán được không, con?

- Thưa u, cũng khá ạ.

Chị Liên bán vải cũng chẳng đẹp bằng. Tâm biết mình xinh nhất chợ. Bọn con trai cứ hay quanh quẩn chỗ cô ngồi và buông lời chòng ghẹo. Nhưng cô không để ý: Tâm thấy vững vàng ở giá trị lòng cao quý của mình. Nàng đã đảm đang nuôi cả một nhà, với lại, trừ phi là cô gái hư không kể, còn ai ở địa vị nàng cũng phải tảo tần buôn bán như thế. Làm việc, đối với Tâm, là cái lẽ chung của người ta. Cô thấy chung quanh toàn những đàn bà chịu khó làm ăn vất vả để nuôi chồng, nuôi con. Không bao giờ Tâm có nghĩ cho mình, cho cuộc đời riêng của cô.

Nhưng Tâm cũng không khỏi thắc mắc vẫn vợ cho thân thế; Tâm ngừng lên nhìn nét mặt hiền từ của bà Tú, rồi quay đi, hơi e thẹn. Vì nàng có tâm sự kín riêng. Hình ảnh một người con trai lạnh lợi, miệng tươi như hoa, ăn nói mềm mỏng dễ nghe. Những ngày phiên chợ Bằng, Tâm thường thấy người ấy ra hàng Tâm mua kim chỉ. Nàng mặt xuống hàng, thấy cái nhìn âu yếm của người con trai ấy đè nặng trên người. Má Tâm phơn phớt đỏ. Câu chuyện ngượng nghịu và giống một, nhưng nàng thấy tâm hồn say sưa như nhấp rượu.

Người ta bảo đó là cậu giáo trường làng. Về người đúng đắn, có tư cách, chứ không chột nhả như những anh trai làng khác. Nhìn cái áo lương cũ, Tâm cũng đoán là cậu giáo nghèo thì phải. Cũng như nàng.

Lúc lên giường nằm, dưới tấm chăn mỏng và lạnh,

Tâm còn tơ tưởng mãi đến con người xinh trai ấy. Trong nhà đã ngủ yên tĩnh cả rồi. Trên án thư, bên cạnh ngọn đèn hoa kỳ, chồng sách và cái ống bút của Lân, Ái che khuất ánh sáng. Các em nàng! Những đứa em ngoan ngoan và thông minh quá. Không biết nàng có táo tợn mãi được để kiếm tiền mua giấy bút cho chúng ăn học không? Tâm mơ màng nghĩ đến sự thành công của các em sau này: đỗ đạt rồi đi làm trên tỉnh giúp thầy mẹ. Nhà nàng lại được sung túc và mát mẻ như xưa.

Tất cả những nỗi lo lắng lui đi và tâm hồn giản dị của thiếu nữ được nghỉ ngơi yên tĩnh.

★

★ ★

Sáng sớm hôm sau, trong gió bắc lạnh, Tâm đã mở cổng gánh hàng lên chợ. Sương trắng còn đầy ở các ngõ trong làng; mùi rơm rác và cỏ ướt thoang thoang bốc lên, mùi quen của quê hương và của đất màu khiến Tâm thấy dễ chịu và thêm can đảm. Nàng ráo bước cho mau chóng đến chợ.

Cái đòn gánh cong xuống vì hàng nặng, kiu kịt trên mảnh vai nhỏ bé theo nhịp điệu của bước đi. Chịu khó, chịu khó, từng tí một, hết bước nọ sang bước kia, cứ thế mà đi không nghĩ ngợi. Tâm thấy ngày nay cũng như mọi ngày, ngày mai cũng thế nữa; tất cả cuộc đời nàng lúc nào cũng chịu khó và hết sức, như tấm vải thô dệt

đều nhau. Có phải đâu chỉ một mình cô: trong những lũy tre xanh kia, bao nhiêu người cũng như cô, cũng phải chịu khó và nhọc nhằn, để kiếm tiền nuôi chồng, nuôi con, nuôi các em. Tâm không chán nản cũng không tự kiêu, chỉ thấy yên tâm chắc chắn trong nhiều người khác cũng làm việc, cũng sống như nàng. Tâm cứ bước đều chân và đến chợ hãy còn sớm. Nàng bày hàng trên khoảng đất nàng vẫn ngồi xưa nay. Ánh sáng đầu tiên của mặt trời lấp lánh trên mặt kính các ô hàng. Các màu đua nhau thắm tươi dưới ngón tay xinh xắn của Tâm: những cuộn chỉ mượt, những cái cúc xà cừ, những gương lược sáng loáng. Cái gì cũng sạch sẽ ngăn nắp, nhỏ nhắn như công việc, như ý nghĩ của cô hàng xén.

Không khí giá và trong buổi sáng làm hồng da dẻ và khiến máu chạy mạnh. Tâm thấy vui vẻ nhanh nhẹn trong người. Chị Liên với thằng nhỏ gánh vải cũng đã đến rồi. Hai chị em cười nói chuyện trò như đôi chim sẻ:

- Hôm qua mày bán được bao nhiêu? Tao ngồi mãi chỉ bán cho bà Lý có một tấm lụa.

Tâm đáp:

- Thế còn gì nữa; bằng cả ngày lãi của tao kiếm.

Chợ mỗi lúc một ồn ào. Người đến họp đã đông đúc và ồn ào khiến cho Tâm như lịm đi. Tiếng nói, tiếng cười đùa, chửi rủa tràn đầy cả mấy gian hàng. Sự hoạt động rục rờ và nhiều màu. Các hàng quà bánh, các thức hàng rẻ tiền và vụn vặt ở thôn quê, những hoa quả chưa chín hái xanh trong vườn nhà - và bên kia đường,

mùi thơm nổi cháo nóng của chị Tư bay ra ngào ngạt.

Tâm không nghĩ ngợi, lo lắng gì nữa. Sự buôn bán, mặc cả bao bọc lấy nàng như một hơi gió nóng.

Tất cả hàng tổng trong buổi phiên này. Từ những người đàn bà nghèo ăn mặc rách rưới, cho đến các bà tổng, bà lý, váy sồi, thắt lưng đũi và áo bông mền, túi nặng những tiền. Một, hai cô trên tỉnh, chừng con gái ông thừa hay ông chủ ty ở huyện, vui đùa đi lại trong chợ, răng trắng và môi đỏ. Tâm thấy họ hình như vô tâm và sung sướng lắm thì phải: các cô bá vai nhau mua hết thức này nọ, không tiếc tiền, ngây thơ như con trẻ. Tâm và Liên nhìn nhau mỉm cười.

Gần trưa, cậu giáo ra. Vẫn con người mảnh dẻ và nho nhã trong chiếc áo lương cũ. Bốn mắt nhìn nhau: Tâm má đỏ bừng, tay không biết làm gì. Cậu giáo ngượng ngịu, nửa muốn ngồi xuống bên hàng, nửa không dám. Chỉ có Liên là tỉnh nghịch, sống sượng lại hay nói đùa:

- Kia ông giáo, mời ông mua hàng của em nó đi.

Rồi cô ngả đầu ra sau cười ngật nghèo, trong lúc Tâm đưa mắt trách và cậu giáo mỉm cười.

*
* *

Vụ gặt hái xong, cậu giáo Bài nhờ người mối lái đến hỏi Tâm. Bà mối là người cô trong họ nhà bà Tú. Sau

khi khen ngợi cậu giáo là người chí thú nết na, bà mỗi bảo:

- Tôi cũng vì tình chị em nói giúp cho cháu nó nên vợ nên chồng. Cậu giáo tuy nghèo nhưng là con nhà thế gia, ông cụ trước cũng có đi dạy học. Cháu Tâm nó mà về làm dâu nhà ấy thì không còn phải quản ngại điều gì nữa.

Bà Tú cảm ơn và đáp:

- Vâng, bà để cho rồi tôi hỏi cháu xem thế nào đã.

Bà mỗi cười, vừa đứng dậy, vừa trả lời:

- Được nơi xứng đáng, mình bằng lòng thì gả, chứ còn cần gì phải hỏi nó nữa.

Sau khi bà mỗi về, bà Tú đem câu chuyện hỏi ông Tú, ông bảo:

- Bà xem chỗ nào nên gả thì gả, không phải hỏi tôi làm gì.

Rồi ông lại xách ô đi chơi sang làng khác. Bà nhìn theo ông, thở dài. Từ ngày trong nhà kém sút đến giờ, ông Tú như người mất hồn, chẳng còn để ý đến công việc gì nữa. Việc trong nhà ông để bà trông nom. Bà nghĩ đến Tâm, âu yếm. Nếu không có nó sớm hôm buôn bán thì bà cũng không biết xoay sở vào đâu. Nhà năm, sáu miệng ăn, lại hai con đi học, hơn mẩu ruộng cấy chỉ đủ thóc dùng. Bà lại chợt nghĩ: nếu Tâm đi lấy chồng thì làm thế nào?

Tuy vậy, buổi chiều hôm ấy, bà gọi Tâm vào buồng và nói cho Tâm biết. Tâm yên lặng nghe, rồi thưa:

- Con mà đi lấy chồng thì ai kiếm tiền cho các em ăn học ? Thôi u cứ để con ở nhà buôn bán và trông nom nhà cửa cho thầy u.

Bà Tú nhìn con, thương mến:

- Không được, con gái đến tuổi phải đi lấy chồng, chứ con ở nhà mãi hay sao ? U sẽ làm hàng xáo để kiếm thêm chi tiêu trong nhà. Con cứ nghe u đi.

Bà thêm:

- Với lại không dám nào hơn đám này nữa. Bà cụ dềng ấy cũng hiền lành và cậu Bài là người nết hạng đứng đắn. Con về nhà ấy thì u mừng lắm.

Tâm cúi mặt thẹn đỏ hai gò má; nàng tưởng đến cậu giáo, con người xinh trai nhã nhặn, mà mới buổi gặp lần đầu, nàng đã mến yêu ngay. Nhưng bỏ nhà đi lấy chồng? Thằng Lân và thằng Ái lấy tiền đâu mà mua sách học? Nghĩ đến mẹ già phải làm lụng vất vả, lòng Tâm lại không nỡ. Nàng khóc nói:

- Thôi, u cứ để con ở nhà hầu hạ thầy và săn sóc các em. Chúng nó còn bé dại cả, nếu con đi thì ai là người trông nom nhà cửa.

Nhưng thương con, bà Tú không ngăn ngại chút nào. Bà bằng lòng cho Tâm và nhắn tin cho bà mối biết. Bên nhà trai xin cưới ngay trước Tết.

Ngày về nhà chồng, Tâm buồn rầu không thiết gì trang điểm. Nàng gọi các em vào trong buồng để từ biệt: Lân và Ái níu lấy cổ Tâm quăn quýt, không muốn rời ra. Nàng lại âu yếm dặn dò:

- Các em ở nhà chịu khó ôn học nhé, đừng để cho thầy u phải phiền lòng. Rồi tháng tháng chị sẽ gửi tiền về cho các em tiêu.

Tâm ngừng lại, ứa nước mắt không nói được nữa. Nàng xúc em bé lên hôn rồi ra ngoài lễ tạ cha mẹ. Đám rước dâu theo con đường nhỏ trong làng đi ra cánh đồng. Hai bên ngõ, người trong làng đứng xem cô dâu chú rể mới.

Buổi chiều hôm ấy, trong nhà bà Tú trở nên lạnh lẽo và vắng không. Bữa cơm chỉ có mấy mẹ con ngồi ăn. Lúc thấp đèn, bà Tú gọi con sen lên bàn nói chuyện về Tâm cho đỡ buồn. Thằng Lân và thằng Ái cũng ngẩn ngơ nhớ chị. Không còn những buổi tối chờ đợi chị Tâm gánh hàng về, nghe tiếng cười nói vui vẻ của chị và mong đợi chia quà nữa. Chúng ngồi nghe chuyện bà Tú mãi tới khuya rồi gục trên sách ngủ.

★

★ ★

Về nhà chồng được vài hôm, Tâm lại phải đi bán hàng ngay để khỏi mất mấy phiên chợ Tết. Nhà chồng nàng cũng nghèo, nhà cửa không có gì. Cậu Bài dạy học trong làng được dăm bảy đồng bạc lương. Bao nhiêu việc chi tiêu trong nhà lại trông cả vào mình nàng.

Bây giờ gánh hàng trở nên nặng quá trên đôi vai nhỏ bé. Chiếc đòn gánh càng cong xuống và rên rỉ.

Ngoài giang sơn nhà chồng phải gánh vác, Tâm lại còn lo sao kiếm được đủ tiền để gửi thêm cho cho các em ăn học. Trong sương muối sớm xốt và giá lạnh, nàng đã phải bước ra ngõ để đi chợ rồi. Trên con đường mấp mô và đất rắn, Tâm bước những bước nhỏ và mau. Đời nàng lại như trước, chẳng khác gì. Những ngày khó nhọc và cố sức kế tiếp nhau. Có khi Tâm tưởng nàng vẫn còn ở nhà, vẫn còn con gái và buổi chiều nàng sẽ gánh hàng về căn nhà cũ, thấy các em ra đón và nghe tiếng mẹ nàng dịu dàng săn hỏi. Nhưng không, bây giờ nàng không được về nhà mẹ luôn nữa. Gia đình của chồng là gia đình của nàng; nàng phải lo tiền cho chồng vụ thuế, những lúc giỗ Tết, phải may vá cho Bà: chiếc áo lương mới chàng sắm ngày cưới bây giờ đã bắt đầu bạc và rách rồi.

Ngày phiên chợ đối với nàng kém vui. Má nàng hồng hơn, môi nàng thắm thêm, người ta bảo nàng bây giờ đẹp hơn trước. Nhưng nàng cần gì những cái đó nữa. Bọn trai làng không còn chòng ghẹo nàng và trong lòng nàng cũng không còn cái tươi vui như trước. Với nàng cái thời con gái duyên thắm và chờ mong đã hết rồi. Nàng chỉ còn là một người đàn bà tảo tần hôm sớm để nuôi chồng.

Buổi phiên chợ Bằng, Liên ngồi cạnh nàng nhí nhảnh khoe:

- Này Tâm xem, tôi mới sắm được cái này hay lắm.

Liên đưa ra một đôi khuyên tai vàng cô mới gửi

đánh ở trên tỉnh. Tâm cầm lấy ngấm nghĩa trên tay. Mắt nàng sáng lên, Tâm nghĩ đến những buổi nói chuyện với Liên khi nàng chưa lấy chồng. Hai chị em bàn về những đồ trang sức, và đôi khuyên là cái ước vọng tuyệt đích của hai cô gái quê. Hai người buổi nào cũng nhắc đến, và cùng hẹn nhau dành dụm để sắm một đôi đeo Tết...

- Đẹp quá nhỉ. Chị mua hết bao nhiêu?

Nàng ngẩn ngơ đưa trả lại Liên, yên lặng nhìn bạn mắc vào tai. Tâm nghĩ không bao giờ nàng có thứ ấy nữa. Làm sao dành dụm được chừng ấy tiền, mà nếu có số tiền ấy nữa nàng cũng còn phải để tiêu việc nhà, hay gửi cho các em. Lân đã lên học trường tỉnh, sự tốn kém lại càng tăng thêm. Đạo hè năm ngoái, nó đã lấy của nàng hơn chục bạc. Hôm qua, bà Tú lại nhấn người bảo gửi thêm cho nó để nộp giấy đi thi. Nàng lo quá. Những số tiền nàng cho em là tiền dành dụm riêng của nàng, Tâm phải đưa giấu, sợ mẹ chồng và chồng nàng biết. Nhiều lần Bài đã gắt với nàng, vì Tâm không còn tiền đưa. Và những lời của mẹ chồng nàng đã bắt đầu có vẻ day nghiêng và nghi ngờ.

Hai năm sau, Tâm để đứa con giai. Ở cũ được nửa tháng nàng phải để con cho mẹ chồng trông nom, rồi lại gánh hàng đi chợ. Mấy năm khó nhọc đã thay đổi hẳn người nàng. Tâm bây giờ không còn là cô gái xinh xắn hồi trước. Nàng già đi nhiều lắm. Đã lâu nàng không còn chú ý đến sắc đẹp của mình và cũng không biết nó

tàn lúc nào. Sắc đẹp cũng vô ích cho nàng khi đã có chồng rồi. Tâm thấy mình già và yên tâm trong sự đứng tuổi. Những ngày phiên nàng nhìn các cô gái với ý nghĩ an phận của người đã qua tuổi trẻ rồi. Bây giờ nàng còn thì giờ đâu trang điểm nữa. Cái cô hàng xén xinh đẹp trước kia nổi tiếng cả một vùng, bây giờ không còn ai nhớ đến nữa. Đã có những cô con gái khác mới lớn lên, rực rỡ và tươi tắn, cười nói có duyên với những cậu con trai khác. Nhiều khi nhìn vẻ hân hoan sung sướng của họ, Tâm lại nghĩ đến ngày trước kia, hình như đã lâu lắm, nàng còn là cô hàng xén môi hồng má đỏ, e lệ cúi mặt dưới cái nhìn âu yếm của cậu giáo Bài nho nhã và đứng đắn trong tấm áo lương. Thời ấy bây giờ đâu? Chị Liên may mắn đã lấy được chồng giàu, lên buôn bán trên tỉnh; chị ấy vẫn trẻ đẹp như xưa. Tâm khẽ thở dài: bây giờ các chị em bạn cũ không còn ai ở lại để cùng chia sẻ những nỗi khó nhọc với nàng.

*

* * *

Tâm rảo bước đi qua cánh đồng, nghĩ ngợi. Đã lâu nàng không có dịp sang thăm nhà vì bận con mọn và buôn bán. Chiều nay, Lân ở trên tỉnh về, nên nàng đến để gặp em và hỏi thăm ông Tú mệt đã mấy tháng nay.

Cây đa cổ và cái quán gạch vẫn đứng đợi nàng ở đầu làng. Đường ngõ vẫn lồi lõm vì trâu đi, hai bên vệ

đường vẫn mùi bèo và mùi rạ ướn. Trong làng chẳng có gì thay đổi. Khi nghe thấy tiếng bà Tú âu yếm đón hỏi trên thêm, tiếng thằng Ái và em bé reo lên mừng chị, lòng Tâm dịu lại như ngày nàng còn gánh hàng về. Tâm bước vào ngồi trên phản cạnh mẹ; căn nhà đối với nàng hình như rộng rãi và lặng lẽ hơn trước nhiều.

- Em Lân đâu, u?

- Nó vừa mới chạy đâu sang hàng xóm. Chả biết cần gì mà nó còn đợi con để xin tiền.

Tâm thở dài:

- Con chả có đồng nào để ra cả.

Bà Tú nhìn con ái ngại:

- Cậu giáo lại thôi dạy học, thì nhà con túng thiếu thật.

Hai mẹ con yên lặng không nói nữa. Tâm thấy mẹ già đi quá, hai mái tóc đã bạc phơ. Bỗng nhiên, nàng thấy đau xót trong lòng, thương mẹ và buồn cho cảnh nhà nghèo.

- Kìa, chị đã đến. Em chờ chị mãi từ sáng đến giờ.

Lân ở ngoài bước vào, nhanh nhẹn. Cậu lớn hẳn lên, dáng điệu mạnh mẽ và hơi xác lác, rõ ra một cậu học trò lạnh lợi trên trường tỉnh. Tâm nhìn em mừng rỡ. Mắt nàng sáng lên kiêu hãnh vì có người em như thế:

- Em đi chơi đâu về? Bao giờ lại lên tỉnh học?

Nàng ân cần săn sóc, hỏi em. Lân trả lời chị qua loa, hơi bực mình về những câu hỏi lẩn thẩn của chị. Cậu nói ngay đến câu chuyện cần:

- Em xin chị một chục bạc để mua sách học.

Tâm hoảng sợ:

- Sao nhiều thế, chị lấy đâu ra. Độ này buôn bán khó khăn lắm, một ngày vài hào chỉ lãi, em bảo chị làm thế nào được.

Thấy Lân có vẻ không bằng lòng, Tâm vội đáp:

- Hãy để thông thả chị lo rồi gửi chị Liên cho em.

- Thế thì lấy tiền đâu mà nộp đơn và mua sách bây giờ? Không có thà rằng ở nhà cho xong.

Lân vùng vằng đứng dậy bước ra ngoài thêm. Bà Tú ngược mắt trông theo, rồi lại buồn rầu nhìn xuống. Tâm nhìn mẹ rồi vội vã bước ra gọi em lại. Nàng dịu giọng ngọt ngào:

- Gớm, chưa chi em đã giận. Có phải chị tiếc em đâu, vì chị chưa có thật.

Lân yên lặng không nói gì, quay mặt đi chỗ khác. Lòng chị lại không nỡ thấy em buồn:

- Thì đây, chị có chục bạc này là tiền lấy họ cho anh ấy đây. Em cầm lấy rồi chị liệu vay sau cũng được.

Tâm lần ruột tượng lấy ra gói bạc giấy cuộn tròn. Số tiền nàng vừa lấy định trang trải các công nợ và lo sưu thuế cho Bài. Nhưng thấy vẻ mặt vui mừng của em, nàng quên mất cả những nỗi lo sợ đang chờ nàng.

Lúc Tâm ra về, trời đã tối. Nàng vội vã bước mau để về cho con bú. Sương mù xuống phủ cả cánh đồng, và gió lạnh nổi lên: Tâm thu vạt áo lại cho đỡ rét, lần theo bờ cỏ đi. Lòng nàng mệt nhọc và e ngại: lấy đâu mà bù

vào chỗ tiền đưa cho em? Tâm nhớ lại những lời dẫn vật của mẹ chồng và những câu giận dữ của Bài mỗi khi hỏi nàng không có tiền. Nàng nghĩ đến những ngày buôn bán kém gần đây, hàng họ chẳng ra gì, ngày bán được, ngày không, Tâm dần bước. Cái vòng đen của rặng tre làng Bằng bỗng vụt hiện lên trước mặt, tối tăm và dày đặc; Tâm buồn rầu nhìn thấu cả cuộc đời nàng, cuộc đời cô hàng xén từ tuổi trẻ đến tuổi già toàn khó nhọc và lo sợ, ngày nọ dẹt ngày kia như tấm vải thô sơ. Nàng cúi đầu đi mau vào trong ngõ tối.

Sợi tóc,

NXB Đời nay, 1942

TÌNH XƯA

Ngày theo học trường tỉnh Thái Bình, tôi ở trọ nhà ông Cả Vinh, một nơi quen biết của thầy mẹ tôi. Ông Cả cũng có người con trai trạc tuổi chúng tôi đi học, bởi vậy ông cho học trò đến ở, lấy cớ rằng để anh Hòe, con ông, được vui anh vui em. Thực ra, ông bà cả muốn chứa trọ để kiếm lời. Nhà ông nghèo lại đông con, và số tiền tháng của ba chúng tôi cũng đủ giúp cho bà Vinh một cái vốn nhỏ để buôn bán.

Ông Cả ở một lớp nhà cổ, một cái nhà ngói năm gian chạy dài mặt phố và một căn nhà lá rộng, đầy những hàng hóa của bà cả, rồi đến nhà dưới và bếp. Đằng sau nhà có một miếng đất trồng cây cối, ngăn với bãi cỏ hoang của tỉnh bằng một hàng rào râm bụt thấp. Ngay trước nhà gạch trông ra, có một cái sân vuông và hẹp, có bể nước lớn. Cái sân đó là giang sơn riêng của ông Cả: một cái núi non bộ nhỏ trong cái bể con bằng xi măng và hai dây chậu trồng đủ các thứ lan. Cũng như nhiều người rồi khác, ông Cả có cái ham mê những công việc tỉ

mỉ. Sớm chiều lúc nào tôi cũng thấy ông lom khom ở ngoài sân, cúi mình tĩa xén các chậu lan hay sửa sang non bộ. Thật là một dịp trọng vọng nếu chậu lan có chum một dò hoa. Phải nhìn vẻ vui sướng trên mặt ông lúc bấy giờ mới hiểu. Ông gọi chúng tôi ra xem hoa, với cái tự kiêu của một chủ nhân ông khéo léo; rồi hàng giờ ông đứng lặng ngắm chậu lan, dường như để đợi chờ bông hoa nở.

Sân gạch ngay chỗ cửa sổ buồng học chúng tôi trông ra, và lúc nào ngừng lên trên sách, chúng tôi cũng thấy bóng ông. Sự chăm chú âu yếm và cẩn trọng của ông làm chúng tôi buồn cười. Nếu không có anh Hòe cùng ngồi đấy, chúng tôi đã bàn định tình nghịch đùa ông một chuyện.

Bữa cơm họp đông đủ cả nhà: chúng tôi, anh Hòe và ông Cả ngồi ăn cơm nhà trên còn bà Cả với hai cô con gái và đứa em nhỏ ăn riêng dưới bếp. Hai mâm cơm khác nhau: bữa cơm chúng tôi ăn ngày nào cũng có thịt cá, còn bữa cơm ở dưới nhà chỉ toàn rau muống và đậu phụ. Không bao giờ chúng tôi thấy có món ăn khác, và có lúc chúng tôi thăm phần năn cho sự kham khổ của bà Cả và hai cô con gái. Vẻ xanh xao của Lan và Huệ không làm chúng tôi ngạc nhiên. Đó là hai phụ nữ lặng lẽ và kín tiếng, không lúc nào cười nói to.

Bởi vậy tuy hai cô cũng trạc tuổi với chúng tôi, tôi cũng không để ý đến. Ở trong buồng học trông ra, thỉnh thoảng tôi thấy bóng Lan đi qua sân xuống nhà dưới

hay với tay mức nước trong bể. Nhưng cách đi đứng khép nép và cách phục sức nhã nhặn của cô không gọi ý chúng tôi bao giờ.

*
* * *

Chúng tôi ở trọ nhà ông Cả đã được ngót hai năm. Tôi thích ở đấy, giữa những người giản dị, và riêng đôi với tôi, ông Cả rất có cảm tình.

Anh Hòe là một cậu học trò rất dần và dốt, chậm trí khôn; cùng vào học mà tôi lên lớp nhất, anh mới học lớp nhì. Bởi vậy ông Cả nhờ tôi rèn cặp cho anh ta, và bảo ban thêm. Tôi gắng làm công việc đó một cách chu đáo, nên ông Cả tỏ ý biết ơn. Những lúc nào anh Hòe chậm hiểu bài hay làm tính hỏng, ông Cả thường gắt bảo:

- Mày không xem cậu Bình đấy mà bắt chước. Cậu ấy sáng học bao nhiêu, mà lại chịu khó nữa.

Tôi lặng yên và tìm cơ tránh ra ngoài để anh Hòe khỏi ngượng.

Từ đấy, tôi được cả gia đình ông Cả trọng vọng và yêu quý. Số tiền trọ trả sòng phẳng, và những quà cáp mà mẹ tôi không bao giờ quên mang đến biếu ông Cả mỗi khi lên thăm con, khiến bà Cả có ý biệt đãi tôi. Tiếng bà dịu đi và trở nên êm ái mỗi khi nói với tôi: khi nào về muện, bà dành phần riêng cho tôi những món ăn ngon và một mâm cơm thơm tất. Hai bạn tôi ganh tị, thường nói mát:

- Thôi, sắp làm rể bà Cả đi thì vừa. Cho chúng tao ăn cỗ cưới với nhé!

Tôi mỉm cười không trả lời, vừa nghĩ đến cô gái cả bà chủ trọ: cô thiếu nữ ấy không làm tôi có chút ý gì. Mà thật ra, tôi cũng không biết mặt mũi cô ta thế nào cả: tôi chưa bao giờ nhìn kỹ cô ta.

Về cuối tháng tám năm ấy, sau ngày nhập trường ít lâu, một việc xảy đến làm náo loạn các học trò: một thiếu nữ, cô Bích, vào học lớp nhất lẫn với bọn con trai. Ở Thái bấy giờ trường con gái chưa có lớp trên, mà cô này đã học hai năm liền ở lớp nhì rồi. Cha mẹ cô không thể gửi cô lên Hà Nội, bèn xin cho cô vào học trường con trai. Sau khi đắn đo mãi, ông đốc trường bằng lòng để cô học lớp nhất. Ngày đầu cô đến trường, bọn học trò thăm thì bàn tán và chỉ tay về phía cô. Ngay thầy giáo chúng tôi cũng có vẻ ngượng ngịu. Nhưng chỉ có bọn học trò chúng tôi là xôn xao nhất. Chúng tôi không thể quên được có một người con gái lẫn vào trong lớp. Cô Bích lại đẹp và rất có duyên. Tất cả lớp ra công cố sức để bắt chim cô. Những bức thư tình gửi đi như bướm bướm. Chính tôi, tôi cũng yêu thầm nhớ vụng cô ta. Và vì thế mà tôi bắt đầu để ý đến các cô thiếu nữ.

Rất lâu, việc cô Bích vào học là đầu đề câu chuyện trong bữa ăn của chúng tôi. Chúng tôi thuật lại cho nhau nghe những cử chỉ của cô và của những anh em cô. Anh Hòe cục mịch quá, không biết nói gì về chuyện ấy, nhưng ông Cả, tuy ngày thường rất đạo mạo, cũng

thỉnh thoảng tự cho phép một câu nói đùa hóm hỉnh. Ông vuốt hai bên mép râu và nhìn chúng tôi cười một cách tự đắc. Tiếng ồn ào của chúng tôi đến tai bà Cả ở gian bên, và bà cũng chen vào một câu nói:

- Cô ta ở đấy thì học với hành gì được. Không khéo lại tăng tịu với anh nào thôi.

Ngưng một lát, bà lại hỏi đùa:

- Sao cậu Bình không nhân ngãi phăng với cô ta có được không?

Tôi chưa kịp trả lời, hai anh bạn tôi đã nhao nhao lên đáp:

- Có, có đấy ạ. Cô ấy để ý đến anh Bình lắm ạ, vì anh ấy học giỏi nhất lớp.

Tôi toan cãi, nhưng lại thôi, lòng cũng hơi thích vì lời nói ấy. Một lát yên lặng theo sau câu chuyện. Rồi có tiếng thanh và nhỏ của con gái bên kia. Cô Lan nói chuyện với mẹ; tôi lắng tai chú ý, nhưng tiếng nói khẽ quá, không nghe rõ gì cả.

Một hôm giờ ra chơi, anh Ngạc, người bẻm mép và láu chuyện nhất lớp, bỗng tự đứng vỗ vào vai tôi, bảo:

- Sáng nay nhân tình mây ra phố mua sắm cho mây ăn phải không?

Tôi ngỡ ngác chưa hiểu Ngạc nói gì, thì anh đã nhìn tôi nháy một bên mắt rất ý nghĩa, tiếp:

- Lại còn vờ mãi. Cô Lan con ông Cả chứ gì!

Rồi hấn quay lưng bỏ đi, để tôi sững người, yên lặng; tôi chưa kịp cãi lại điều gì.

Về đến nhà, tôi thấy trong buồng học, ngay trên bàn về phía tôi ngồi, một đĩa sắn gọt sẵn để đấy. Câu nói của Ngạc trở lại trí nhớ tôi, làm cho tôi ngạc nhiên. Làm sao hẳn ta biết được cô Lan mua sắn, và để phần cho tôi? Vừa lúc ấy, anh Chi đi học về, chạy vào. Thấy đĩa quà, anh kêu lên:

- Á sắn! Trông ngon quá.

Không lưỡng lự, anh cầm lấy ăn liền. Cử chỉ ấy khiến tôi khó chịu.

- Anh biết sắn của ai đấy mà cũng ăn?

Chi cầm miếng sắn cắn dở, quay lại phía tôi:

- Không phải sắn của anh à?

- Không. Tôi không biết của ai để đấy.

Nghe thấy tiếng chúng tôi nói, bà Cả ở ngoài sân bước vào:

- Các cậu cứ ăn đi. Sắn của em nó mua phần các cậu đấy.

Khi bà Cả ra rồi, Chi nhìn tôi với một vẻ trêu nghịch, vừa cầm miếng sắn nữa trên đĩa:

- Cô ấy phần riêng anh đấy, chúng tôi ăn có được không?

Bực mình, tôi không trả lời, yên lặng ngồi xuống ghế. Chi không nhìn tôi nữa, và anh cúi mình ăn sắn với một vẻ khoan khoái rất rõ rệt. Tôi nhìn trộm anh ta. Tự nhiên tôi nghĩ cho Chi và Hoạt đã đặt điều thù ghét về tôi với các bạn ở trường. Hai anh đều là những người lém và hay bịa chuyện lắm.



Từ hôm ấy có những cái săn sóc nho nhỏ tỏ rằng cô Lan chăm chú đến tôi. Đi học về, bao giờ tôi cũng thấy một vài thứ quà dành sẵn, để ngay trên bàn chỗ tôi vẫn ngồi. Có khi một bó hoa tươi cắm trong ống bút. Sách vở ngăn nắp và sạch sẽ khiến cho tôi biết cô Lan có vào buồng học lúc chúng tôi đi vắng. Tuy vậy, tôi cũng không dám chắc hẳn rằng Lan để ý đến tôi, tôi cũng không bao giờ cố ý giáp mặt nàng.

Một buổi chiều, chúng tôi ra vườn đằng sau nhà. Bảy giờ đầu tháng chín, hai cây hồng ở góc vườn trĩu những quả. Hai chị em Lan đang cầm quèo trái. Chúng tôi bước lại gần. Anh Chi nói:

- Nào, cô Lan cho chúng tôi mấy quả nào?

Lan lặng yên cầm quèo với một cảnh cao. Thân thể trẻ tươi và dẻo dăng của nàng vươn cong dưới bóng cây, và tấm áo mảnh căng sát để phô hẳn những đường mềm mại. Khi nàng hái chùm quả xuống, Chi và Hoạt xúm lại cướp ngay trên tay nàng những quả ngon. Tôi vẫn đứng riêng ra, và thêm muốn cái vẻ tự nhiên của hai người bạn. Nhưng sau cùng, Lan đến gần bên, đưa cho tôi một quả ngon nhất mà nàng đã giấu trong lúc các bạn tôi tranh. Tôi giơ tay đón lấy và ngón tay tôi chạm vào ngón tay nàng. Lan nói khẽ:

- Anh cầm lấy.

Đôi mắt nàng nhìn tôi, tôi bỗng rung động cả người; đôi mắt nàng phản chiếu một tình yêu mãnh liệt và tha thiết quá. Tôi hiểu ngay rằng nàng yêu tôi. Tự nhiên, một sự cảm động tràn lấn vào người; tôi cũng nhìn lại nàng. Nét mặt của Lan lúc bấy giờ tôi mới biết rõ. Nàng không đẹp, nhưng khuôn mặt dễ coi, và lúc này nàng có một vẻ xinh xắn đáng yêu, một cái duyên tươi thắm và kín đáo. Trước tôi, nàng cúi mặt xuống: một nỗi e thẹn làm ửng hồng hai gò má. Khi nàng quay đi, tôi nhìn theo khen phục cái dáng điệu uyển chuyển của nàng.

Sau buổi ấy, tôi biết chắc chắn ý tứ của nàng đối với tôi. Lan tìm hết cách làm cho tôi vừa lòng. Những sự chăm nom săn sóc riêng của nàng làm tôi tự kiêu. Đôi khi, nàng cố ý tìm cách gặp tôi. Những lúc tôi đi học về, tôi thấy nàng như tình cờ ra đứng ở ngõ. Khi tôi đi ngang, nàng khép nép vào bên tường và nhìn tôi mỉm một nụ cười sung sướng. Tôi cũng mỉm cười trả lại nàng; tôi còn trẻ và tình yêu của một cô con gái khiến tôi tự đắc.

Một đêm giữa tháng, tôi ngồi buồn trong buồng học, không biết làm gì. Cả nhà đã đi ngủ, và anh Chi với anh Hoạt đi xem tuồng vắng. Tôi ngồi gần bên cửa sổ trông ra sân. Ở ngoài, trăng rằm vàng vạc, tường vôi sáng trắng lên chói lọi. Hai dãy chậu lan cắt bóng xuống mặt sân, và các lá lan đen sẫm lấp lánh ánh trăng cong. Thời khắc rất êm dịu và thú vị. Tôi lặng yên hưởng luồng gió mát của ban đêm.

Bỗng nhiên một bóng người len vào các chậu cây, rồi tôi nghe thấy tiếng nước khê rớt xuống. Cô Lan tưới hoa. Tôi nhớ mỗi khi chậu lan có dò hoa nở, ông Cả lại bắt nàng tưới ban đêm. Có khi, khuya lắm, chúng tôi hãy còn nghe thấy tiếng cô ở ngoài vườn. Một ý ham muốn bỗng đến-chiếm lấy tâm hồn tôi. Mùi thơm nhẹ và sắc của hoa lan thoang thoảng ở ngoài. Lan vẫn cúi mình trên chậu cây, dường như không biết có tôi bên cạnh. Tuy vậy, tôi đoán rõ sự cảm động của nàng. Tôi đến bên cạnh nàng khê hỏi:

- Lan, em Lan...

Tôi để tay lên tay nàng. Lan rung động cả người, toàn thân nàng mềm mại. Nàng ngả người trên vai tôi... Tôi biết rằng từ đây Lan sẽ là một vật của tôi, và tôi muốn làm gì nàng cũng được.

Sau đó ấy, tính nết nàng hình như đổi hẳn, hay bây giờ nàng mới biểu lộ cái tính nết thực của nàng ra. Nàng không còn là cô gái lặng lẽ và kín đáo trước kia nữa. Lan nói năng luôn miệng và tiếng cười của nàng vang lên trong nhà; mắt nàng sáng lên, và hơi một chút việc cũng làm cho nàng vui sướng. Bà Cả lấy làm lạ về con và nhiều khi bà định ngăn cản cái vui tràn lan ấy:

- Ôi! Con Lan độ này làm sao ấy. Không biết có gì mà vui vẻ thế.

Hai bạn tôi hình như hiểu biết. Họ thường nhìn tôi với một vẻ trêu nghịch và cười với nhau một cách từng đàng. Tôi làm lơ như không biết gì.

Ái tình đã khiến Lan thành một người khác. Tâm hồn nàng phô bày ra rõ rệt. Nàng thành ra con trẻ và ngây thơ quá. Nàng tưởng làm tôi vừa lòng bằng những cử chỉ sẵn sóc âu yếm. Những thức quà liên tiếp nhau trên bàn học, khiến chúng tôi ăn no bỏ cả cơm. (Chỉ béo cho hai anh bạn tôi, họ được hưởng tự nhiên và lại còn có chuyện để chế giễu tôi nữa). Lúc nào nàng cũng nghĩ cách để chiều ý tôi. Những cử chỉ vụng về của nàng khiến tôi vừa cảm động lại vừa ngượng với anh em. Nhưng Lan hình như không nhận thấy.

Một buổi chủ nhật, mấy người bạn đến rủ chúng tôi đi chơi. Vừa đi qua chợ ở đầu phố, bỗng thấy Lan tất tả chạy theo, gọi. Tôi dừng lại, cau mày, không bằng lòng. Nàng trông lên, và lúc bấy giờ hình như mới biết tôi không đi một mình. Hai má đỏ bừng vì thẹn. Lan lúng túng:

- Anh... anh cầm lấy cái này mà ăn.

Nàng giở trong bọc áo mấy bẹ ngô nướng vừa mua ở chợ. Tiếng cười của các bạn tôi vang lên. Bực mình, tôi dậm gót:

- Ai bảo cô cho tôi? Tôi không dùng cái của ấy.

Lan sững người, đứng lặng nhìn. Tôi biết tôi đã làm phật ý nàng, nhưng ai lại đem cho quà giữa phố như thế. Anh Chi hỏi lơ:

- Sao, của chị ấy mua cho mà anh lại chê à?

Họ cười với nhau, rồi Hoạt giới thiệu với mấy người bạn:

- Nhân tình đẹp của anh tôi đấy.

Tôi không trả lời, khó chịu. Lúc về, tôi cố ý tránh nàng, và giữ vẻ mặt giận. Nhưng Lan vẫn trẻ con và vô lý như cũ.

Ngày mồng năm tháng năm, không biết nghĩ thế nào, Lan đưa tặng tôi một bộ bùa bằng vóc nhiễu xanh đỏ. Đó là công trình tỉ mỉ mà nàng đã thức suốt đêm để khâu. Trông thấy vật ấy rõ ràng để trên tập sách của tôi, anh Chi và Hoạt rũ ra mà cười. Họ chuyển tay nhau xem quả đào và quả ớt sắc sỡ ấy, và những câu mỉa mai lại gấp đôi lên. Xấu hổ, tôi giằng lấy và vứt ra ngoài cửa sổ. Cái bùa túi rơi ngay vào rãnh nước.

Chiều đến, khi gặp Lan, tôi thấy nàng nhìn tôi có vẻ âm thầm oán trách. Vừa bực mình cho tôi lại vừa bực mình cho nàng, tôi lặng yên giả vờ lãnh đạm rồi tránh mặt ra chỗ khác.

Ông bà Cả đã bắt đầu nghi ngờ một sự gì. Điều ấy khiến tôi lo ngại. Tôi đã nhiều lần bảo nhỏ Lan phải kín đáo. Nhưng mặc những điều khuyên nhủ cẩn thận của tôi, Lan hình như không thể giữ gìn được. Nàng có một tâm hồn giản dị và quê mùa trong tình yêu. Lan làm quà cho tôi những thức rất buồn cười và vô lý, và tỏ vẻ ngạc nhiên khi thấy tôi không bằng lòng:

- Những thứ ấy em biếu anh, anh không thích ư?

Biết không thể làm nàng hiểu được, tôi chỉ trả lời:

- Tôi không thích cô cho tôi cái gì cả.

Sự yêu mến của tôi đối với nàng có lẽ Hoạt và Chi

đã kể cho nhiều người nghe rồi. Ở trường các bạn học nhiều lần đã nói bóng gió xa xôi đến. Câu chuyện cái bùa túi ngày mồng năm họ đã biết hết. Ngạc, một hôm, tự dưng đến thò tay vạch áo tôi ra, bảo:

- Nào, xem cái bùa túi của mày đâu nào...

Tôi giật dữ gạt hấn ra, quay đi. Ngạc chế với:

- Ê, ê, nhón thế kia mà còn đeo bùa túi kìa!

Những lời chế giễu ấy làm tôi bực tức đến cực điểm. Tôi thâm trách Lan đã gây cho tôi những nỗi khó chịu ấy. Tình yêu mộc mạc của nàng bắt đầu dè nén tôi. Những cách yêu mến sẵn sốc của nàng chỉ làm tôi bận bịu.

Tôi bắt đầu tìm cách tránh nàng. Lan, trái lại, càng quấn quýt lấy tôi. Lòng ham mê khiến nàng quên hết cả giữ gìn. Hễ gặp tôi chỗ khuất là nàng nhảy đến ôm lấy, và tôi khó khăn mới gỡ được ra. Chúng tôi như thế đã suýt bị ông bà Cả bắt gặp mấy lần.

... Những vẻ chế giễu của các bạn học và những câu mỉa mai lại thoáng qua trong trí. Tôi không còn cái yên tâm để sẵn sàng hưởng tình yêu nữa. Tôi vội xa nàng. Lan không hiểu, và những câu trách móc, tuy kín đáo, với những giọt nước mắt của Lan mỗi khi thấy tôi đi, chỉ càng khiến tôi khó chịu thêm.

Một buổi chiều, cả nhà đi ăn cỗ vắng, Hoạt và Chi sang Nam Định chơi. Tôi ở ngoài về thấy mâm cơm chờ sẵn ở nhà với hai đôi đũa và hai cái bát. Lan đứng khuất một chỗ khúc khích cười. Rồi, như con chim non, nhảy nhót chạy ra nắm lấy tay tôi mừng:

- Hôm nay cậu về muộn quá! Cơm nước nguội cả rồi!

Câu trách cợt đùa, nàng cố lấy giọng đúng đắn để giống như lời người vợ trách chồng. Tôi buồn cười, nhưng cau mày không đáp.

Lan nhìn tôi như đứa trẻ dò ý người lớn:

- Gớm, làm gì mà lăm lăm cái mặt thế? Thôi, tôi xin cậu đi.

Nàng bưng miệng cười, mở lồng bàn, rình sự bằng lòng của tôi trước những món ăn khéo làm mà nàng biết là tôi vẫn thích.

Nhưng tôi không nói. Tôi uể oải vào buồng, ngồi sau bàn học giở sách ra coi. Biết nàng đang tiến lại gần, tôi cũng không quay lại.

- Anh Bình sang soi cơm.

Tôi không đáp, nàng lại mời:

- Mời cậu Bình đi soi cơm... Xin mời cậu Bình đi soi cơm ạ!

Tiếng cười nàng giòn giã reo lên sau câu nói ấy. Nàng chạy đến bên định kéo tôi dậy, nhưng nét mặt nghiêm nghị của tôi bắt nàng ngừng im.

Về sững sờ của nàng và sự oán trách buồn rầu ứa trên đôi mắt khiến tôi có ý ái ngại cho nàng, song tôi cũng nói:

- Được, cô cứ để mặc tôi, tôi chưa muốn ăn.

- Kìa, nhưng mà...

- Không, chốc nữa tôi ăn cũng được.

Nàng toan nói, nhưng sau cúi đầu im lặng, nhìn tôi một lần nữa rồi quay ra.

Tôi ăn cơm một mình, ăn rất nhanh, và không để ý đến sự giận dữ của Lan; xong bữa tôi đi chơi tức khắc.

Ở ngoài phố, tôi gặp Chi và Hoạt bên Nam về, Chi làm bộ ngạc nhiên:

- Kia sao không ở nhà tự tình?

Hoạt thêm một câu:

- Ông bà đã giận nhau chứ gì?

Rồi cả hai nắc lên cười. Tôi cau mày để đáp lại.

Đêm hôm đó tôi bực mình và trần trọc không ngủ được. Nghĩ đến tình yêu của Lan đối với tôi, nghĩ đến bữa cơm chiều, tôi hơi lấy làm hối hận, và bởi thế lại càng thấy bực thêm.

Sáng hôm sau tôi nghe thấy bà Cả hỏi:

- Lan, mày mệt đấy à?

Tiếng Lan đáp:

- Thưa để không ạ.

Khi Lan ở dưới nhà đi qua sân, tôi thấy nàng mặt rầu rầu, hai mắt quầng thâm, dáng điệu lặng lẽ và chán nản. Nàng xách cái thùng tưới đến để bên bể nước và hình như cố tình giữ lại trong lòng những tiếng thở dài.

Tôi thấy lòng nao nao vừa bực vừa buồn, như thấy một sự gì êm đẹp đang mất đi mà không còn can đảm giữ lại được nữa.

Từ hôm ấy, Lan lại yên lặng như trước. Nàng ít nói và cũng không hay gặp mặt tôi. Nàng tỏ ra một thái độ

đúng mực, lãnh đạm và lúc nào cũng buồn rầu. Sự đó để cho tôi được bình yên, nhưng cũng làm cho tôi phật ý. Tôi tưởng nàng chỉ thế trong ít bữa, chắc có buổi nàng không gan được nữa, sẽ phải tìm đến tôi, sẽ phải hỏi han tôi, và chờ đợi cái lúc nàng làm lành với tôi lại càng khiến tôi tức bực trong sự kiêu hãnh.

Cùng ở một nhà, chúng tôi như người xa lạ, và lâu dần, nghĩ đến nàng, tôi thấy lòng đứng đưng. Hơn một tháng trời thỉnh thoảng mới trông thấy nhau, Lan và tôi thân nhiên hỏi nhau hay trả lời những câu không giấu một ý tứ gì thân mật hay hờn giận.

Tôi cũng không để mắt đến dung nhan nàng nữa, và đôi khi tưởng tượng đến chuyện cũ, tôi ngạc nhiên như tìm thấy một tính tình dị kỳ.

Rồi mùa thi tới nơi. Chi, Hoạt và tôi chăm chỉ luyện tập. Sự ganh đua sốt sắng cuối năm là điều quan tâm hoàn toàn của người đi học. Ở nhà ông Cả trong những bữa cơm, chỉ nói đến chuyện thi cử và bàn bạc đến những đầu bài khó hay dễ sẽ ra trong kỳ thi này.

Lan bị xóa bỏ hẳn trong đời tôi. Không bao giờ sự lãng quên lại mau chóng như trong tâm trí tôi hồi bấy giờ, và không bao giờ cuộc tình duyên của tuổi thanh niên lại đơn bạc đến như thế. Giữa cô con gái ông chủ nhà cùng với người ở trọ học, hình như không có một tình nghĩa nào cả và cái đêm trăng ân ái trước đây dăm ba tháng chỉ là hình ảnh hờ hững của một giấc mộng thoáng qua.

Hồi ấy kỳ thi cơ thủy chưa mở ở Thái Bình. Tôi cùng các bạn hữu phải sang trường Nam và ở luôn đó bốn ngày để chờ đợi kết quả. Ngày thứ năm tôi trở về Thái với cái mừng được trúng tuyển và tức khắc nghĩ đến sự thu xếp về quê. Anh Hòe, con ông Cả, cũng may mắn như tôi, và hai anh Chi và Hoạt. Tôi để cả tâm trí vào sự vui vẻ của mọi người. Vợ chồng ông chủ làm một bữa cơm sang trọng như bữa tiệc để khao chúng tôi. Cả nhà ngồi ăn trừ cô Lan khó ở từ mấy hôm trước. Tôi hỏi thăm qua quýt lấy lệ và cười nói giảo hoạt nhất nhà. Chi thỉnh thoảng trêu tôi bằng một câu ranh mãnh khác. Một lần, rượu ngà ngà say, và nhân thấy Chi đứng làm mối xin cô Lan cho tôi, ông Cả cười thích chí:

- Cái gì chứ cái đó thì được. Nhưng ai lấy con gái tôi thì phải ở gùi rể ba năm.

Tôi "xin vâng" và cười một cách rõ ràng tỏ ra tính cách đùa cợt của câu chuyện.

Tôi không kịp có thì giờ hồi hận cho sự tàn ác vô tình có thể thấy trong câu đùa cợt. Tôi cũng không muốn nghĩ rằng Lan lúc đó có thể đau lòng vì tôi. Lan không còn liên lạc với tôi nữa.

Hôm sau tôi từ giã nhà ông chủ, lòng hớn hởi tưởng đến sự mừng rỡ của mẹ tôi lúc thấy tôi về. Trong cái thì giờ đi xe từ Thái đến bến Tân Đệ và đợi tàu ở Nam qua, tôi mãi nghĩ chuyện nghĩ hè, chuyện lên Hà Nội học ban Thành chung; không một lúc nào có một ý mẩn tiếc cô thiếu nữ con gái ông Cả.

Khi tàu Nam tới tôi đáp thuyền lên, chọn chỗ cát hành lý và vui vẻ ngó đầu ra trông một lần cuối cái bến tôi vẫn đi về trong mấy năm qua. Hai dãy nhà lá bồng bênh ở hai con đường quanh quẽ đang thông thả lùi lại và nhỏ dần. Một sự băng khuâng nhẹ nhàng diu tâm hồn người đến những tình cảm man mác, tôi bỗng thấy cả người xúc động vì nhận ra trong bọn người lác đác ở bến một cái xe đồ vôi, và trên xe bước xuống một người con gái ngơ ngác nhìn về phía tôi.

Tàu đã xa hẳn mạn sông. Mặt người trên bến không nhìn rõ. Tuy vậy, tôi không thể làm được, người thiếu nữ kia chính là con người tội nghiệp đã hờn giận tôi và thương tôi.

Chỉ một lát, bến đò Tân Đệ đã khuất hẳn ven sông. Từ đó, tôi không gặp Lan lần nào nữa.

Sợi tóc,

NXB Đời nay, 1942

SỢI TÓC

Anh Thành nhóm dậy, nghiêng mình chống khuỷu tay xuống giường rồi bắt đầu nói với một giọng trầm và thông thả khiến người nghe hiểu được hết các ý tứ của câu chuyện:

- Tôi có một người anh họ rất giàu và rất ngốc (có lẽ mình cho anh ta là ngốc, bởi vì hẳn không xử sự như mình, không có những quan niệm về cuộc đời như mình; nhưng thật ra biết đâu cách ăn ở của anh ta lại không khôn ngoan hơn, bởi vì anh ta đã giàu và sung sướng?). Tên anh ta là Bân, Bân rất phục tôi, coi tôi là một người sành sỏi, thạo đời và nhất là thạo các ngón ăn chơi. Bởi vậy, động có việc gì, hoặc là muốn mua bán cái gì, anh ta đều không quên đến hỏi tôi trước.

Hôm ấy, Bân đến rủ tôi cùng đi mua một cái đồng hồ. Anh ta muốn mua hạng thật tốt, và nhờ tôi xem hộ. Hai chúng tôi đến hiệu Chabot ở phố Tràng Tiền. Đồng hồ ở hãng này thì không còn phải nói gì nữa, thật là những đồng hồ các hiệu có tiếng, có bảo hành chắc chắn

và cố nhiên là giá đắt. Tôi chọn cho hắn ta cái đồng hồ đeo tay hiệu Movado, xuống nước hay vùi cát cũng không hề gì. Chiếc đồng hồ trông rất đẹp. Tôi thấy anh ta mân mê cầm lên ngắm nghía, xem chừng cũng muốn mua lắm. Nhưng cái tính hà tiện của anh ta lại thắng cái thích, nên rồi lưỡng lự một lát, anh ta trả lại nhà hàng, kéo tôi đi ra và bảo:

- Đẹp thì đẹp thật, nhưng mà đắt quá, anh ạ. Thôi, chúng ta lại các hiệu khác mà mua thì hơn.

Tôi yên lặng gật đầu, và theo đi, cũng chả muốn nói gì. Trong bụng nghĩ anh chàng này thật là ngốc, có tiền mà không biết chơi đồng hồ tốt. Lại kiệt nữa. Không biết hắn để tiền làm cái gì?

Vào một hiệu ở Hàng Ngang, sau khi mặc cả riết từng hào, anh ta bằng lòng mua một cái đồng hồ hiệu không mấy ai biết tiếng. Hắn có hỏi ý kiến tôi, song tôi cũng ừ hử bảo rằng được cho xong chuyện, vì hắn có mua được thứ tốt hay không, bấy giờ tôi thực không thấy quan hệ mấy.

Lúc trả tiền, tôi thấy hắn giở ra một cái ví da lớn, phồng chặt. Hắn đếm giấy bạc thông thả và cẩn thận.

Thoáng nhìn qua, tôi cũng biết trong ví nhiều tiền lắm: ngoài số tiền bạc lẻ hắn mang ra trả, tôi còn thấy gấp ở ngăn trên đến năm, sáu cái giấy bạc một trăm nữa, những giấy bạc mới, màu còn tươi nguyên - "Quái, thằng cha này làm gì mà lắm tiền thế? Mình thì chả bao giờ có đến được một trăm bạc bỏ túi!".

Tôi nghĩ thầm và so sánh thế.

Mua xong đồng hồ. Bàn rủ tôi đi ăn:

- Ta lên hiệu chén, rồi lát nữa làm một châu chứ, -
hắn vỗ vào túi - tôi có đủ tiền đây!

Chúng tôi vào hiệu. Bàn ăn vui vẻ, có lẽ hắn vừa ý vì cái đồng hồ mua rẻ. Tôi thì trong óc cứ vơ vẩn cái ý nghĩ sao một thằng ngốc như hắn - tôi thấy hắn càng ngốc - lại có lắm tiền thế, còn mình...

Tuy vậy, ý nghĩ cũng không làm tôi ăn mất ngon. Tôi tỏ mặt sành sỏi, gọi những thức ăn quý và đắt tiền, và hai chúng tôi uống rượu say sưa.

Cơm xong, Bàn đưa tôi xuống Vạn Thái, vào nhà một người nhân tình của hắn. Hình như đã lâu không được đi hát, nên hắn có vẻ tha thiết và sung sướng đến đáng ghét. Về phần tôi, không thấy hứng lắm, - đi chơi với một anh có nhiều tiền mà mình lại khinh là ngốc, không có thú vị mấy - nhưng chẳng lẽ lại bỏ hắn nửa chừng. Tôi định bụng ở chơi qua quýt đến nửa đêm thì về.

Nhà hát, ngoài cô nhân tình của Bàn, các cô em khác trông cũng khá. Tôi nằm bên bàn đèn nói vài câu chuyện tầm phơ. Còn Bàn, hắn không nghe hát hiếc gì cả. Ngồi nói chuyện với tôi một lát lấy lệ, rồi hắn cùng với cô nhân tình vào buồng trong đi nằm một chỗ. Hắn không quên - tính cẩn thận của anh kiệt! - đem cả cái áo tây trong có ví tiền vào chỗ nằm, vắt trên thành đầu giường.

Một mình tôi ở ngoài đêm chán. Nằm một lát rồi tôi cũng đứng dậy sửa soạn ra về; Bân vẫn ở trong màn, nói vọng ra giữ lại:

- Anh hãy ở chơi đã, về làm gì vội. Ngày mai chủ nhật cơ mà.

- Thôi, tôi phải về. Sáng mai còn có việc.

Vừa nói tôi vừa với cái áo tây của tôi treo trên mắc. Bỗng nhiên có cái gì chuyển mạnh qua tim: tay tôi yên hẩn lại; tôi vừa mới nhận ra rằng cái áo tôi đang cầm không phải là áo của tôi. Thì ra lúc mang áo vào giường nằm, Bân đã mang nhầm áo. Hai chúng tôi cùng mặc thứ hàng len giống màu, như vậy dễ lẫn lăm. Tôi ghé nhìn vào phía trong áo thấy cái ví tiền ở túi thò ra ngoài một ít. Cái ví tiền... mấy tờ giấy bạc...

- Ở chơi đã anh. Ở chơi sáng sớm mai về với tôi một thể.

- Ờ... ờ...

Tôi điềm nhiên treo cái áo vào chỗ cũ, quay ra. Mấy chị em cũng phụ họa vào lời mời của Bân, nài nỉ:

- Tội gì mà về bây giờ anh, khuya và lạnh chết.

Tôi chỉ thoáng nghe thấy, trong tâm trí như còn bận sự gì. Bâng khuâng tôi lại gần giường; một chị nâng chén mời:

- Anh uống chén nước nóng. Rồi nằm xuống đây có hơn không?

- Ờ thì hăng nằm một lát đã.

Tiếng Bân trong màn đưa ra:

- Phải đấy, đến mai hẵng về. Tôi bảo chị Lan phải làm thế nào giữ anh ấy lại thì làm...

- Không... thế nào tôi cũng phải về, anh ạ...

Những lời đối đáp ấy cứ tự nhiên buột miệng ra, tôi không để ý đến. Trước mắt tôi, mấy tờ giấy bạc một trăm gấp trong ngăn ví, hiện ra rất rõ rệt. Lấy mấy tờ, độ hai tờ - tại sao lại hai? Tôi không biết - thật dễ dàng quá. Tôi cứ việc diêm nhiên với lấy áo, mở ví rút ra hai tờ, rồi khoác áo ở trên vai, ra ý sắp sửa về. Rồi chọn lúc mọi người vô ý - mà dẫu có ý cũng không ai biết được - tôi đổi lấy áo của tôi vắt ở đầu giường Bàn... Thế là xong, và gọn. Mai dậy Bàn biết mất chắc chẳng bao giờ dám nghi ngờ cho tôi. Mà nghi ngờ thế nào được? Tôi về từ đêm cơ mà! Vả lại cái áo đựng tiền hần của đã cẩn thận mang vào giường ngay từ chập tối, vậy nếu có người lấy, thì chỉ có người nhà cô đầu mà thôi. Mà người nhà thì cũng khó lòng đến đấy lấy được, họa chăng có ngay cô nằm với Bàn. Ừ, có lẽ Bàn sẽ nghi cho nhân tình của hần lấy... Chắc thế. Tôi mỉm cười: Bàn sẽ không dám nói gì đâu; biết nhân tình lấy, hần sẽ im lặng, sợ làm cho nhân tình xấu hổ, và sợ làm tai tiếng chủ nhà. Hần vốn tính nhát, vả lại hai trăm đối với hần chắc chả là bao.

Tất cả những cách xếp đặt ấy diễn qua rất nhanh trong trí tôi. Chỉ một thoáng thôi, tôi đủ tưởng trước được các việc xảy ra như thế, êm thấm và yên lặng, và trôi chảy... dễ dàng quá, mà không còn sợ cái gì cả...

- Mời anh xơi thuốc.

Tôi giật mình đỡ lấy dọc tẩu. Cô Lan đã tiêm xong liều thuốc từ bao giờ, quay dọc sang mời. Mắt cô nhìn tôi âu yếm. Tôi đưa mắt nhìn xuống, cầm lấy dọc hút. Diều thuốc kêu vo vo, tiếng như ở đâu đưa lại. Qua làn khói trắng tỏa ra, tôi tưởng nhìn thấy tờ giấy bạc một trăm, còn mới nguyên gấp trong ngăn ví. Hắn làm gì mà có lăm tiền thế? Lại mang để trong ví làm gì? Rõ anh chàng ngốc không biết dùng đồng tiền, tiền ở trong tay hắn cũng uổng. Ngộ có đưa lấy đi thì sao? Để thế có bữa mất thật...

- Anh nghĩ gì mà thân người ra thế? Say thuốc có phải không?

Lan để tay nhẹ tay lên người tôi, lảng lơ đưa mắt hỏi. Tôi giả vờ cười không đáp, rồi xoay nằm ngửa, nhìn lên trần nhà. Trong người bứt rứt không yên... Lẳng nghe thấy tiếng Bân thì thảo và tiếng cười khúc khích của nhân tình hắn trong màn. Chiếc áo vắt ở đầu giường - chiếc áo của tôi - chắc vẫn còn y nguyên ở đấy.

Tôi tưởng tượng khi có hai trăm trong túi rồi, lên xe về diêm tỉnh đi nằm ngủ. Sớm mai mất tiền, thế nào hắn chả về qua nhà mình. Hắn gọi cửa vào, đánh thức mình dậy và bơ phờ bảo:

- Tôi mất hai trăm bạc tối hôm qua rồi, anh ạ...

Tôi thấy trước bộ mặt ngạc nhiên của tôi lúc bấy giờ - một vẻ mặt rất tự nhiên, - và tôi hỏi: "Chết chưa, mất bao giờ? Ở đâu?" - Hắn sẽ thuật lại buổi tối hôm nay,

lúc mang áo vào giường, đến lúc thấy mất: "Chỉ có con nhân tình tôi nó lấy thôi, anh ạ. Chẳng còn ai vào đấy nữa..."

- Thế giấy bạc của anh có biên số không?

Nếu hấn không biên số thì mình cứ việc tiêu tự nhiên! Vạn nhất hấn có biên số rồi, thì bảo hấn đi trình cấm. Nhưng mình sẽ tiêu ngay hôm ấy... Một người như mình cầm tờ giấy trăm vào Gô Đa mua hàng, ai dám nghi ngờ?...

Tôi nhớ lúc ấy tuy vẫn nói chuyện với mấy cô em, tôi xếp đặt đầu vào đấy rất chu đáo, phòng ngừa đủ mọi việc xảy ra. Chỉ còn việc lấy, và đổi áo nữa là xong. Rất dễ.

- Ấy kìa, anh đi đâu đấy?

- Tôi đi về đây, mai có việc bận, không thể ở lại được.

Tôi đã nhổm dậy đến bên mác, với áo, chiếc áo của Bàn. Qua lần vải tôi thấy chiếc ví kênh kệnh rần rần. Khoác áo lên một bên vai, tôi đi lại trong nhà, bốn chồn nóng ruột. Một cô đầu lê guốc ra hé cửa, nhìn ra ngoài trời:

- Tôi lắm. Phải vạ gì mà đi bây giờ anh ạ.

- Đầu xem nào...

Tôi cũng đến bên cửa nghiêng nhìn ra ngoài. Tay tôi đưa vào trong áo, luồn vào khe ví, sờ vào mấy tấm giấy bạc. Tôi rùng mình. Mấy ngón tay mân mê đầu tấm giấy, một cái, hai cái...

- Thôi, vào không gió, anh ạ. Vào nằm cho ấm...

Tôi bỏ tay ra - thong thả, không vội gì, - theo vào, cái áo vẫn dè trĩu trên vai. Tôi ngồi ghé xuống cạnh giường, cầm chén nước lên nhấp, rồi lại đặt xuống.

Tiếng Bàn trong nhà cất lên:

- Ông ấy về rồi à?

Tôi đáp:

- Không, đã về đâu. Tỷ nữa.

Bàn nói gì sau, tôi cũng không nghe thấy. Tâm hồn tôi lúc bấy giờ thế nào, tôi không biết rõ. Tôi đứng lên, ngồi xuống như một cái máy. Tôi chỉ bản khoản bút rứt, và thời giờ qua... tôi cảm thấy đi qua tâm hồn tôi từ bên này sang bên kia... như thế không biết trong bao nhiêu lâu... Tôi khẽ thở dài, đứng lên lần này thì nhất định.

- Về thôi. Không mai đi sớm lại nhọc chết.

Bàn hỏi vọng ra:

- Ô, anh về à? Máy giờ rồi đấy nhỉ?

- Gần một giờ rồi. Anh cứ ở đây. Cả mấy cô này nữa, đi ngủ đi cho béo mắt. Bận sau tôi ở lâu nhé.

Tôi đưa tay vuốt mái tóc một cô sán đến gần, hai tay để lên vai tôi, mắt nhìn ra vẻ âu yếm. Hai cô khác ngồi yên trên giường, cũng đưa mắt nhìn tôi như chờ đợi.

- Thôi đi ngủ đi.

Tôi gạt tay cô ấy ra, gấp cái áo tây trên cánh tay, rồi đi vào phía giường Bàn nằm. Tôi cúi xuống, tì vào thành giường - cổ tì vào chỗ vắt cái áo - nhìn vào trong, qua màn.

- Anh ở lại nhé - tôi mỉm cười - tri kỷ hết đêm nay
cho nó sướng...

Cô nhân tình khúc khích trong chăn. Và Bân ngửa
đầu trông lên, với tay vào tấm màn:

- Mai nhé.

- Oui, à demain⁽¹⁾.

Nhưng tôi chưa quay ra. Tôi vẫn cứ tì mình trên
thành giường, lưỡng lự, một lát bấy giờ sao lâu thế. Rồi,
không biết tại sao, bỗng nhiên:

- Áo anh đây này, đây là áo của tôi.

Và nói thêm bằng tiếng Pháp:

- Anh đem lại tiên đi. Và để cẩn thận vào trong ấy.

Bân nhòm nửa người dậy, cầm lấy áo:

- Merci, được rồi.

Tôi bước lùi ra. Thế là hết. Bây giờ thì không sao
đụng đến ví được nữa. Tôi bần thần, mặc lấy chiếc áo
của tôi, và đội mũ... Vừa gài khuy, tôi vừa nói mấy câu
bóng gió đùa vô vị với cô ả đứng ở chân giường sắp tiễn
tôi về. Tôi trùng trịch uống nước và hút thuốc, muốn
cái thời khắc này cứ kéo dài ra mãi.

Đến khi ngồi trên xe về qua những phố khuya vắng
vẻ, tâm trí tôi mới dần bình tĩnh lại. Gió lạnh thổi mát
trên vùng trán nóng, và cái cảm giác mát ấy khiến tôi
dễ chịu. Tôi nghĩ lại đến những cử chỉ và dự định của
tôi lúc nãy, thật vừa như một người khôn khéo lại như

⁽¹⁾ Ừ, mai.

một người mất hồn. Tất cả những cái đó bây giờ xa quá. Tâm trí tôi giãn ra, như một cây tre uốn cong trở lại cái thẳng thắn lúc thường. Tôi cảm thấy một cái thú khoái lạc kỳ dị, khe khẽ và thâm lặng rung động trong người, có lẽ là cái khoái lạc bị cấm dỡ. Và một mối tiếc ngấm ngầm, tôi không tự thú cho tôi biết và cũng cố ý không nghĩ đến, khiến cho cái cảm giác ấy của tâm hồn tôi thêm một vẻ rờn rợn và sâu sắc.

*
* *

Sáng hôm sau tỉnh dậy ở nhà, tôi ngẩn ngơ nghĩ lại các việc tối hôm trước, y như trong một giấc mộng, chứ không phải việc đã xảy ra... Tôi ngạc nhiên tự hỏi sao mình hãy còn là người lương thiện, không phải là kẻ ăn cắp, cái đó cũng không khiến tôi lấy làm ngạc nhiên hơn. Mà còn là người lương thiện, tôi tự thấy cũng chẳng có gì là đáng khen. Tôi nhớ rõ lúc đó không một ý nghĩ nào về danh dự, về điều phải, điều trái ngăn cản tôi, và khiến tôi đi vào con đường ngay, như người ta vẫn nói. Không, không có một chút gì như thế. Cái gì đã giữ tôi lại? Tôi không biết... Có lẽ chỉ một lời nói không đầu, một cử chỉ nào đấy, về phía này hay phía kia, đã khiến tôi có ăn cắp hay không ăn cắp. Chỉ một sợi tóc nhỏ, một chút gì đó, chia địa giới của hai bên... Tôi có tiếc đã không lấy hay không, hay bằng lòng mình vì đã

chống giữ lại cái ý xấu? Tôi cũng không tìm biết rõ hơn. Hình như ý nghĩ ham muốn hay trừ trừ tối ấy không phải là của tôi, hình như của ai ấy, của một người nào khác lạ, khác với cái người thường của tôi bây giờ...

Chúng tôi đều yên lặng. Anh Thành nói xong, với cái điệu hút một hơi thuốc lào rất kêu. Rồi anh thở ra thông thả, mắt lơ lơ nhìn dỗi theo làn khói đi.

Sợi tóc,

NXB Đời nay, 1942

II - TIỂU THUYẾT

NGÀY MỚI

Phần thứ nhất

I

Trường bước từng bước nhẹ nhàng trên hè phố, ngược mắt nghịch nhìn ngôi sao Hôm cùng theo chàng đi lấp vào sau các lá cây, các vì sao lấp lánh như cùng một điệu. Trường thấy tâm hồn mình cũng cùng một điệu vui vẻ như thế, và vòm trời ngàn sao, với những cơn gió mát thoảng đến đôi với Trường như hòa hợp, thân mật lắm.

Cái vui của Trường chỉ là một cái vui rất giản dị. Hai ngày trước, chàng vừa thi đỗ bằng thành chung một cách không ngờ. Khi nhận thấy tên mình trên bảng,

Trường hồi hộp cảm động. Tuy chàng coi sự thi đỗ là việc thường, và thấy người ta chú trọng đến cuộc thi một cách thái quá, chàng sinh ra khinh bỉ cuộc thi, vậy mà giờ Trường vẫn còn thấy người nhẹ nhõm và khoan khoái. Chàng muốn đi thật mau lên để chóng về tới nhà.

Qua một phố, Trường thấy đông đúc và ồn ào quá. Vì nóng nực, nên mọi người đều bắc ghế hay trải chiếu nằm ngổn ngang cả trên hè. Trẻ con chạy nhảy nô đùa, và các hàng quà cất tiếng rao lạnh lạnh.

Trường phải đi chậm lại, vì rìa đường người ta gánh nước rỏ ướt như tưới. Nhìn vào các căn nhà, Trường thấy tối tăm và có hơi nóng nặng nề đưa ra; thỉnh thoảng, một nhà mới có ngọn đèn còn leo lét. Chàng cảm thấy cái sống eo hẹp của những người phố ấy, cái nghèo hèn của họ.

Sự liên tưởng nhắc Trường nghĩ đến căn nhà mình ở, cũng nhỏ hẹp và nóng như thế. Nhà chàng từ quê dọn lên trên này được ba năm. Dọn được nhà lên tỉnh là nhờ hồi đó Xuân, anh cả chàng cũng đỗ bằng thành chung như chàng bây giờ, và được bổ đi làm việc nhà nước. Mẹ chàng bèn thu xếp lại ngôi hàng xén ở chợ quê, rồi đem cả gia đình lên thuê một căn nhà nhỏ ở Ngõ huyện chỗ chàng ở bây giờ.

Một lần nữa, Trường thấy rõ rệt sự thi đỗ của chàng sẽ có một kết quả tốt cho cái đời sống chung của gia đình chàng. Đó là cái hy vọng độc nhất của những nhà nghèo như nhà chàng để bước lên được một địa vị cao

hơn. Mẹ chàng đã để vào đấy bao nhiêu điều mong ước! Lúc chàng nộp giấy má để thi, mẹ chàng không ngần ngại mở cái tráp con lấy ra năm tờ giấy bạc mới nguyên đưa cho; sự tin cậy ấy Trường thấy ân cần và thấm thía, bởi vì vốn nghèo chàng đã hiểu biết giá trị của đồng tiền.

Trường bước đi, nghĩ ngợi, về đến đầu phố nhà lúc nào không biết. Bóng tối của căn nhà nhỏ bao bọc lấy chàng. Trường rảo bước mau. Gần đến nhà, chàng thấy trên hè, những người ở bên cạnh bắc ghế ngồi hóng mát. Tiếng nói chuyện vui vẻ; chàng nhận ra lẫn trong đó có tiếng nói trong trẻo và dịu dàng của một người con gái.

Đẩy cửa bước vào nhà, Trường thấy đèn thấp sáng hơn mọi ngày thường. Biết là có khách đến chơi, Trường ngập ngừng toan quay ra; nhưng em gái chàng đã vui vẻ chạy ra hỏi:

- Anh đi chơi đâu mà bây giờ mới về? Bác Hai đến đợi anh mãi.

- Bác đến tự bao giờ?

- Đến đã lâu rồi. Bác ăn cơm ở đây, giờ đang nói chuyện với mẹ trong kia.

Trường treo mũ trên mắc, theo em đi vào buồng trong. Vừa thấy con, mẹ Trường âu yếm bảo:

- Con đi đâu không về ăn cơm. Cả nhà đợi mãi, vừa mới ăn xong thôi, (và quay lại phía con gái) Lan dọn cơm cho anh con ăn đi.

Bà Hai nhìn Trường, cất tiếng nói to: “Đây, có lẽ táo

tôi mang đến mừng cậu cử mới đấy”. Một dịp cười khanh khách để lộ hai hàm răng đen của bà và làm rần cái mặt hồng hào phình phính.

- Xin cảm ơn bác, bác lại còn cho...

Trường vừa lúng túng nói vừa nhìn bà Hai một cách vui vẻ.

Chàng ngồi xuống ghế, vô tình với tay mê mê quyển sách để trên bàn; những quyển sách không bìa, góc giấy đã cong, chàng chịt những chữ và nét mực. Bao nhiêu đêm thức khó nhọc để làm việc!

Bà Hai săn sóc hỏi:

- Hết hè, cậu Trường mới xin vào học chứ.

- Thưa bác, học đâu cơ ạ?

- Vào cao đẳng chứ còn đâu nữa.

- À, vâng. Nhưng cũng còn lâu.

Trường vừa trả lời vừa mơ màng nghĩ ngợi: “Vội lại cháu cũng chưa định xin vào ban nào”.

- Tôi tưởng chỉ có một cao đẳng thôi.

Bà Hai quay về phía mẹ Trường: “Cậu Tuyết đồ tham biện cũng ở cao đẳng ra đấy bà ạ”.

Trường đáp:

- Vâng, ông ấy học trường luật. Còn nhiều trường nữa, như trường sư phạm, trường thuốc, trường lục lộ, canh nông.

Tự nhiên chàng nói thêm:

- Có lẽ cháu xin học vào canh nông. Để về làm ruộng.

Bà Hai khanh khách cười, vì bà cho cậu nói đùa

không quan hệ. Có lẽ bà, cũng không hiểu trường canh nông là gì. Đối với bà chỉ có trường học thi đỗ ra làm quan biện mà thôi.

Trường ngẫm nghĩ: chính chàng cũng chưa biết hết hệ sẽ làm gì. Xin đi làm hay lo vào cao đẳng học nữa? Trường lấy làm lạ thấy đối với một vấn đề quan hệ tới tương lai của đời chàng như thế, mà chàng không thiết tha lắm. Thật ra, từ lúc nhỏ bắt đầu đi học cho đến bây giờ, chàng chưa bao giờ thấy sự học biết là thích. Chỉ có những cái thỏa mãn con con của lòng tự ái: đứng đầu lớp, được giải thưởng, lời thầy bạn khen hay một lời cảm phục thốt ra miệng những bạn học về một bài luận. Còn ngoài ra, Trường thấy đi học cũng như làm một việc gì, chàng học bởi vì chung quanh chàng người ta cũng học. Tuy nhà chàng nghèo, và chàng vẫn nghe thấy các cha mẹ khuyên con cố học để sau đi làm lấy tiền, chàng cũng không biết cái liên lạc gì trong việc và tiền bạc cả.

Khi chàng còn nhỏ ở nhà quê, ông cậu họ ngoại của chàng thi đỗ về mở tiệc ăn khao linh đình, mời cả hàng huyện. Trường đứng dựa một bên cột nhà nghe những lời chúc tụng, nhìn vẻ mặt hân hoan sung sướng của bà cụ “cô” lấy làm lạ lùng lắm. Nhưng khi nhìn đến mẹ chàng cũng được mời sang ăn cỗ, thấy mẹ ngồi trầm ngâm có vẻ khác, Trường tuy bé cũng cảm thấy có một cái gì mà chàng không nhận biết được sự quan trọng của nó.

Thấy Trường nghĩ ngợi, bà Hai nhìn chàng có vẻ âu

yếm và kính phục. Bà quay phía mẹ Trường, khẽ nói:

- Cậu ấy bây giờ xanh và gầy nhỉ. Tôi có mấy lạng cao của bà Cữu để lại, tốt lắm. Để mai tôi cho nó mang lại cậu ấy dùng nhé.

Bà lại lộ vẻ lo lắng:

- Bà phải cho cậu ấy tắm bổ luôn mới được. Học mãi nó rạc người ra. Như cậu gì con bà huyện Thanh ấy, về sau ho lao mà chết đấy.

Trường nghe nói buồn cười. Mẹ Trường cũng cười, và hơi có vẻ kiêu, đáp:

- Cữu nó nhà tôi thì chả bao giờ ho lao vì học cả, vì có học mấy đâu! Hể tôi có khuyên bảo thì nó lại nói chẳng cần học cũng thi đỗ.

Bà cụ cười, tiếp thêm:

- Ấy bà tính con nhà rần đầu rần cổ thế đấy.

Cả hai bà lại cùng nhau cười vang giòn như tiếng nhạc. Mẹ Trường giở gói lê, táo, từ nãy vẫn để nguyên, lấy dao gọt vỏ:

- Thứ này bây giờ cũng đến năm, sáu hào một cân, nhỉ bà nhỉ?

Bà Hai trả lời dung dị, ra vẻ không quan tâm đến:

- Tôi cũng chẳng biết nữa. Ấy, cháu ở nhà nó mua đấy. (Rồi bà nhìn cân lê, táo, gọt gù cái đầu). Dễ cũng như thế. Bây giờ cuối kỳ tàu nên hoa quả đắt lắm.

Bà quay gọi Lan:

- Này chị mang ra cho anh ấy ăn, - và chọn đĩa ngon nhất đưa cho.

Trông thấy đĩa lê, táo, cắt từng miếng xinh xắn và gọn ghẽ, Trường tưởng đến những ngón tay búp măng của một thiếu nữ con nhà nề nếp xén gọt thức ăn mời khách. Chàng mỉm cười: người thiếu nữ mà chàng tưởng tượng đó chính là cô Hảo con gái bà Hai. Chàng có sẽ lấy cô Hảo không? Trường chưa bao giờ trả lời câu hỏi ấy và chàng cũng không muốn quyết định nữa.

Trường được nghe nói đến cô Hảo từ lâu lắm, hồi chàng còn nhỏ. Mẹ chàng và bà Hai là bạn thân, hai bạn lối cổ ngày xưa, nghĩa là không những hai bà chơi thân với nhau, cả đến chồng con và họ hàng cũng thành quen biết nhau nữa. Ai là người có ý và nói đến trước? Chỉ biết hai bà đã định với nhau là sẽ gả lần con. Anh Xuân thì nhiều tuổi; cho nên chàng rể của bà Hai định sẽ là Trường.

Mẹ chàng đã nhiều lần nói chuyện ấy với Trường, nhưng lần nào chàng cũng chỉ yên lặng nghe, không tỏ ý kiến gì cả. Vả lại, Trường có ý kiến gì mà tỏ bày? Chàng chẳng hiểu việc nhân duyên ra sao: chưa bao giờ chàng nghĩ đến sự này. Cũng như những người trẻ tuổi khác, nếu có ai hỏi về sự lấy vợ, có lẽ chàng sẽ không biết trả lời đấy là một việc tốt hay xấu. Tuy vậy, khi còn ở nhà quê, Trường thường được xem những đám cưới mà cô dâu chú rể hãy còn bé con. Trường thấy mọi người có vẻ trân trọng về việc ấy như một việc rất quan trọng, chàng tự nhủ rằng đấy là công việc của người lớn mà chàng không hiểu được.

Chỉ có một sự chắc chắn: là bà Hai vì thế dỗi với Trường rất ân cần. Bà săn sóc đến sức khỏe, đến sự học của chàng, giúp đỡ chàng trong việc ăn học, và giúp đỡ cả mẹ chàng tiền để buôn bán nữa.

Trường lại nhìn bà Hai, quan sát nét mặt và dáng điệu của bà. Trường biết hôm nay, bà sung sướng và mãn nguyện lắm. Một cái vui chắc chắn và giản dị, vì tâm hồn bà cũng giản dị. Bà là một người đàn bà ở hạng trưởng giả, sống và nghĩ theo một vài khuôn khổ đã định sẵn, những khuôn khổ truyền nối mãi trong gia đình. Cho nên lúc nào bà cũng bình tĩnh thản nhiên, không có lúc nào nghĩ quanh quẩn.

Trường để mặc hai bà trò chuyện với nhau, bắc ghế ra ngoài hè ngồi. Trời lại nóng và oi ả hơn lúc trước. Một thân sáu cần và khô héo đứng sừng bên kia đường, cành lá im lặng như chờ đợi. Đây là tất cả cây cỏ xanh tươi mà chàng được nhìn ngắm từ khi đến ở căn phố chật hẹp này.

Những người ở bên cạnh đã vào cả trong nhà. Mấy cái ghế với một cái bàn mây nhỏ, trên bày bữa bái khay và chén, hãy còn để ngoài. Một lát sau, Trường thấy một người thiếu nữ đi ra xếp dọn. Trong bóng tối, chàng đoán một khuôn mặt trái xoan, một thân hình nhỏ nhắn và yếu điệu. Thiếu nữ thu dọn rất nhanh chóng, rõ lẽ mẽ một mình khiêng bàn ghế vào. Trường vui mắt nhìn theo mãi.

Gió nhẹ bắt đầu hiu hắt, cùng với cái êm dịu của

ban đêm; trời trong ban này không còn nữa. Mây kéo che kín cả, và ánh mấy ngôi sao mờ mờ như sắp tắt.

Lan trong nhà bước ra, đứng tựa bên ghế anh, nghiêng đầu một tay giữ mớ tóc, một tay vuốt cho chóng khô. Tóc của Lan rất dài và đẹp, nàng chăm chú đến luôn.

Trường hỏi em:

- Hai bà đã xong chuyện chưa? Không biết bao giờ mới được đi nghỉ.

Trường nghĩ phần nản cho mình vì căn nhà chật hẹp không có buồng riêng để nằm trong khi tiếp khách.

- Còn lâu anh ạ. Lan cúi đầu khẽ nói: “Em thấy hai bà đương bàn chuyện quan trọng lắm. Đố anh biết chuyện gì?” Rồi không để Trường kịp trả lời, Lan cười, tiếp: “Chuyện cô Hảo với anh đấy. Em thấy bác Hai rủ mẹ đi xem bói ở Cầu Giấy”.

Trường cau mày nói:

- Bói với toán, chỉ vẽ nhảm. - Thực ra chàng khó chịu vì thấy bà Hai và mẹ chàng lại bàn đến chuyện ấy. Nhưng không muốn để em biết, chàng hỏi lảng:

- Anh Xuân đi đâu chưa về?

- Anh ấy bảo đi xem chớp ảnh. Em chả tin tí nào. Hôm nay thứ bảy, chắc anh ấy lại đi chơi suốt đêm chứ gì.

Hai anh em thoáng nhìn nhau, yên lặng. Đã mấy tháng nay, từ ngày chị cả giận chồng trở về quê thì Trường thấy anh hay đi chơi khuya luôn luôn. Anh

Xuân trước khỏe mạnh, bây giờ thành ra bơ phờ, mắt sâu và có quầng đen. Trường nhớ lại những câu gắt gỏng của anh cả nói với mẹ, chàng có khi thấy mẹ ngồi một mình nghĩ ngợi, mắt đỏ lên như mới khóc. Trường biết mẹ buồn, nhưng không dám hỏi rõ việc gì. Chàng cũng không muốn nghĩ hơn về chuyện ấy nữa, và bảo em:

- Em Lan, em vào xem mẹ có sai gì không đi.

Lan vâng lời nhẹ nhàng đi vào. Trường nhìn em âu yếm.

Khi bà Hai về rồi. Trường vào trong nhà thay quần áo đi nghỉ.

Ngon đèn dầu tây có chụp bằng lụa xanh mỏng đã để lên giữa bàn học, ánh đèn dịu dịu chiếu một khoảng sáng xuống mặt bàn, thân mật và êm đềm. Trường nhớ lại những đêm chàng thức khuya ngồi học, bên mẹ, anh và em Lan, cảnh gia đình đầm ấm dưới ánh đèn khuya như trong những truyện cổ của Tàu mà chàng được nghe đọc hồi còn nhỏ.

Trường muốn hưởng lại cái thú đơn sơ ấy. Chàng kéo ghế ngồi bên bàn. Mẹ chàng vừa thu dọn xong mặt giường bẽ bộn những xơ cau và vỏ gọt, đến trước tủ đứng xếp mấy quả lê, táo còn lại trên đĩa:

- Bà Hai thấy con đỡ mừng lắm đấy. Mai bà ấy lại không đi khoe hết mọi người cho mà xem.

Trường không trả lời, Lan đứng quạt màn cho anh, nói chen:

- Tính bác ấy vui chuyện mà hay nói. Nói chuyện với mẹ từ chiều đến giờ mà không biết mệt, con chịu.

Bà phán vui vẻ đến bàn ngồi trước mặt con. Trong vòng ánh sáng đèn, Trường thấy nét mặt mẹ hoan hỉ, hai con mắt long lanh vui sướng. Mẹ chàng hơi cúi mặt xuống xem quyển lịch, mái tóc điểm nhiều sợi trắng phía trên và hai bên thái dương. Những đường răn dài và đi sâu ngang trán, sát xuống lông mày, càng thêm rõ rệt.

Trường cảm động nhìn mẹ. Nét mặt lo nghĩ của mẹ, Trường đã quen lắm rồi. Đã nhiều lần, không biết bao nhiêu lần nữa, khi đi học về, thỉnh thoảng Trường thấy mẹ đang ngồi coi hàng tự nhiên yên hẩn người, mắt nhìn vào quăng không, và trán răn lại, đang suy nghĩ sự gì khó khăn và đau đớn lắm. Nỗi đau đớn mà Trường đoán trong những lúc đó làm chàng e sợ, lảng lạng vào nhà cất sách và rón rén ra sân sau, không dám động mạnh.

Bây giờ chàng cũng ngồi yên lặng, Lan buông màn xong, dịu dàng đến bên mẹ, nhập vào vùng ánh sáng của ngọn đèn. Hai má nàng tròn trịa và mái tóc dài mượt đen, trái ngược hẳn với nét mặt già nua của mẹ.

Trường cảm thấy cái đầm ấm của gia đình. Chàng muốn cái thời khắc ấy cứ lâu. Chàng nghĩ theo những con bọ xanh lá mạ bay vòng quanh đèn và nhảy trên giấy trắng, nói vu vơ:

- Ở đây cũng có những con này như ở nhà quê, Lan nhỉ.

- Không nhiều bằng, anh ạ. – Lan đưa tay tinh nghịch đuổi bắt một con.

- Ở nhà quê, khi anh với em ngồi học ngoài sân, nó bay đến bao nhiêu. Có kẻ hằng hà sa số.

Bà phán bỏ quyển lịch xuống, ngẩng lên nhìn hai con:

- Cả con muỗm này nữa. Ngày xưa, thầy không cho giết, cứ bảo có nó đến thì giầu.

Lan bật cười đáp:

- Thế mà nhà ta cũng chẳng thấy giầu đâu cả.

Bà cụ nghĩ ngợi không trả lời, rồi nói:

- Giá thầy còn thì hôm nay con thi đỗ thế nào cũng phải giết gà ăn mừng.

- Vâng!

Trường hơi lo thấy mẹ nhắc đến dĩ vãng. Chàng sợ cái vui sẽ mất. Lần nào cũng thế, hễ ngồi nói chuyện với mẹ, là Trường thấy mẹ nói đến những sự đã qua; hoặc than thở những chuyện trong gia đình. Thành ra tuy yêu mẹ, mà Trường ít khi dám nói chuyện một mình với mẹ đâu. Chàng trốn tránh những lúc đối diện ấy.

Nhưng lần này, bà phán không nói thêm nữa. Bà gấp quyển lịch, đứng dậy treo vào cái đinh trên tường, vươn vai rồi bảo con gái:

- Thôi đi ngủ đi con, - và bảo Trường: “Con cũng đi nghỉ thôi, khuya rồi”.

Lan cúi xuống dưới bàn khoa chân tìm guốc, rồi đứng dậy thắp cái đèn hoa kỳ nhỏ. Cử chỉ đã quen ấy

khiến Trường trông thấy sinh buồn ngủ.

Chàng ra phòng ngoài, buông màn rồi trèo lên giường. Không bao giờ chàng đợi giấc ngủ tin cẩn như đêm nay.

Chàng khoan khoái duỗi mình trên nan tre giường kê cốt kết, đẩy cái gối sát vào tường, rồi để tay lên ngực, nhắm mắt lại. Mơ màng chàng thấy hiện ra cái quang cảnh các thí sinh đợi xem bảng, dưới rặng xoan tây, hoa đỏ lẫn lá xanh bên đường lên Bưởi. Rồi nét mặt vui vẻ, thực thà của bà Hai, mớ tóc bạc của mẹ bên đèn, những hình ảnh ấy thoáng qua trước mắt.

Trường xoay mình cho đỡ mệt. Chàng thoáng nghe tiếng mẹ và em thì thảo trong buồng trong, mơ thấy cô Hảo, con gái bà Hai, tối nằm bên cạnh chàng. Rồi Trường đắm đuối trong giấc ngủ say sưa của tuổi trẻ.

II

Ấn cơm sáng xong, bà phán gọi Trường bảo:
- Chiều hôm nay đằng bà Hai có ky, tối con lại ăn cỗ.

Trường chưa kịp đáp, bà mẹ lại tiếp:

- Cả mẹ cũng đến. Con chỉ đến có việc ăn mà thôi.

Trường lưỡng lự. Chàng không muốn đi, nhưng cũng không dám từ chối:

- Mẹ đi cũng đủ. Con không đến có được không ạ? -

Trường vừa nói vừa nhìn mẹ.

- Ăn cỗ phiên chết thế này này.

Chàng sắp sửa nhăn mặt để tỏ vẻ khó chịu lại phải đổi nét mặt đi, vì thấy mẹ đã hơi gắt.

- Thành này rõ dở hơi. Đến ăn cỗ thôi chứ có làm việc gì mà sợ. Với lại thế nào mà cũng phải đến.

Trường lặng yên không dám trả lời. Bà phán nói chàng phải đến như là bốn phận bắt buộc tuy Trường không hiểu tại sao phải thế. Chàng rất sợ đi ăn cỗ, nhất là đi ăn cỗ ở nhà bà Hai. Đến những chỗ ấy. Trường tự thấy mình rụt rè và ngượng nghịu. Chàng phải vắn đáp với những người đạo mạo, giữ từng câu nói cho đúng phép, lễ bàn thờ trước mặt mọi người. Cái thế giới ấy không hợp với chàng, trong đó người ta giữ gìn lễ lối một cách kiêu cách và câu nệ; chàng xưa nay chỉ quen nói chuyện tự nhiên với những người quê mùa giản dị thôi. Ở nhà bà Hai ngày giỗ lại có những người cũng trẻ tuổi như chàng, nhưng chàng thấy họ khác hẳn. Họ ăn nói trong bữa cỗ và tiếp chuyện các ông già một cách rất dung dị, nói những câu thương và chẳng có ý nghĩa gì hết. Trường cũng muốn nói những câu như thế, nhưng không hiểu sao chàng trở nên lúng túng. Có những cử chỉ, những cách trả lời, những câu mời mọc trong bữa ăn, cách đón đỡ những miếng người ta gắp vào bát, mà Trường không biết. Cho nên bữa ăn cỗ nào cũng là một cái khó chịu đối với chàng và chàng muốn thoát ra cho mau.

Bà phán thấy con cau mặt nghì ngợi không khỏi băn khoăn. Nhưng bà không hiểu được những nỗi e ngại của Trường. Bà ngạc nhiên lấy làm lạ, cho là do sự muốn đi chơi chỗ khác của con. Bà dịu giọng bảo:

- Thế nào chiều con cũng lại nhé. Mẹ sẽ đi trước.

- Vâng!

Muốn cho con vui vẻ bằng lòng, bà phán còn cho biết:

- Hôm nọ, bác Hai đến đây đã có mời, hôm nay lại sai con Tuyết đến mời hai lượt nữa.

Tưởng được lòng con, bà cụ thêm:

- Với lại đến cho người ta mừng cậu Cử mới chứ. Chắc thế nào cũng có Chương ở đấy.

Chương là người có họ với bà Hai, đương học trường Bảo hộ năm thứ tư. Trường cũng không quen biết Chương lắm, nhưng không hiểu sao chàng nhận thấy giữa chàng và Chương như có một sự ganh nhau về việc học và thi cử. Nay thấy chàng thi đỗ chắc là Chương khó chịu lắm. Bà Phán coi việc chàng đỗ như một sự thắng trận đáng kiêu ngạo.

Không muốn mẹ để ý đến những chuyện ấy. Trường lại nhận lời lần nữa và hứa chắc chắn. Tuy vậy lúc ra đi, bà cụ vẫn còn áy náy và gọi Lan dặn thế nào cũng phải nhắc anh đi ăn cỗ.

Mẹ đi rồi, Trường bắt đầu hối hận đã làm mẹ phiền lòng. Đi ăn cỗ thì làm sao mà ngại? Chàng tự cười mình là vô lý, gọi em gái lên hỏi?

- Lan có đi ăn cỗ không?

- Có, các cô, các bà thì năm giờ, còn các ông ăn vào khoảng sáu giờ. Em sắp sửa phải đi làm giúp đây.

- Lan đi ăn cỗ có thích không?

Lan nhìn anh cũng cười đáp:

- Sao lại không thích? Ăn cỗ thì ai chả muốn. Anh không biết cỗ đằng bác Hai ngon lắm, cô Hảo rất khéo tay.

Lan lại cười cho đôi má núng lại:

- Em phải cố vì cô ta luôn đấy. Mẹ cứ mắng sao không bắt chước làm được như cô ấy.

Trường vui vẻ:

- Thế à? Vậy thì cô nên đi ăn cỗ lắm. Tôi cũng đi.

Chàng lại muốn đến ngay dự tiệc và nói chuyện. Lúc sắp đi, chàng ăn mặc rất tề chỉnh, thắt cái ca-vát đẹp nhất, và mở hộp đựng đồ trang điểm của Lan, nhỏ một giọt nước hoa vào khăn tay lụa. Chàng bỗng thấy mình bạo dạn và dễ chịu.

Nhà bà Hai trang hoàng và trần thiết một cách rất sang trọng, rực rỡ. Bàn thờ được chăm chút hơn hết. Các đỉnh đồng, cây nến mới đánh sáng loáng dưới ánh đèn. Hai bó sen trắng cắm trong bình tỏa ra mùi thơm mát lẫn với mùi trầm và mùi hương vòng. Cái khung ảnh ông cụ ngồi nghiêm trang trong ghế, cũng đã lau rửa sạch sẽ, như ăn sáng để dự tiệc. Một chiếc màn the đỏ che trước bàn thờ, treo từ bức hoành phi rũ xuống.

Khách đến đông, các cụ già lẫn với người trẻ, chúc vị

và tâm tính khác nhau, nhưng cùng chung một giai cấp, ngồi hõn độn trên mấy dây ghế kê sát tường, vừa uống nước chè vừa cắn hạt dưa. Trên chiếc sập gụ, sát tủ chè, mẹ Trường, bà Hai và mấy bà bề vế nữa, ngồi quanh lấy coi trâu, tráp đỏ đựng thuốc lá. Các bà nói chuyện nhỏ nhẹ, và thông thả, thỉnh thoảng với tay lấy ống phóng để nhỏ quét trâu, hay lấy điều thuốc Lào. Bà Hai mặt đỏ hồng, tiếng đồng dạc và to, đôi khi lại cười giòn như nắc nẻ, luôn tay pha nước và xếp trâu cau vào quả. Cô Tuyết chạy loanh quanh bên sập, tiếp nước và hạt dưa cho khách. Còn cô Hảo chốc chốc lại từ trong bếp đi ra, ghé tai mẹ hỏi thăm hiệu lệnh rồi vội vàng đi vào.

Ông Cửu là người huynh trưởng trong họ, ung dung ngồi xếp bằng trên ghế ngựa, trải chiếu cạp mồi, bên cạnh ông phán Bích, ông đồ Tiên và vài ông cụ nữa. Bọn trẻ hơn ngồi ở ghế quanh bàn, ông phán Ty và cậu Tiến, em ông, học ở trường Luật, cậu Hiệp đã đi làm và cậu Sơn cùng nói chuyện cười đùa và vui vẻ. Họ đều mặc quần áo tây rất lịch sự và gọn ghẽ, trừ cậu Tiến. Cậu này mặc chiếc áo xa hoa, đôi khăn lượt xếp, tóc chải mượt lật ra đằng sau. Người cậu mảnh dẻ yếu ớt như con gái, hai bàn tay trắng xinh xắn để duỗi trên đầu gối. Lăn vào bọn đó có mấy người về nhà quê, tuy kể thực bụng chú bác, nhưng vì nghèo và vay mượn tiền bà Hai luôn, nên không được kính trọng lắm. Họ ngồi yên lặng nghe người khác nói chuyện, đợi chờ bữa ăn một cách kiên tâm.

Như trong mỗi buổi hội họp xã giao khác của người

Việt Nam, câu chuyện không chung cho cả mọi người cùng dự. Có người nào khởi xướng lên vấn đề gì rất thông thường mà ai cũng có thể bàn được, thì chỉ cần vài câu rồi lại hết. Người ta lại quay ra bàn chuyện riêng trong một vài người với nhau, những người cùng một công việc hay quen biết nhau: có khi nói thì thầm như thuật một câu chuyện gì bí mật, trong khi những người khác làm như không nghe thấy gì, ngồi cắn hạt dưa đỡ buồn, và thỉnh thoảng đưa mắt nhìn lên mấy bức hoành phi câu đối treo ở tường.

Riêng có ông Cửu được mọi người kính trọng và chú ý đến nhất. Tiếng ông nói vang khắp cả nhà, át hẳn những tiếng nói rụt rè của người khác. Thỉnh thoảng, ông hất đầu ra đằng sau, đưa hai ngón tay lên quét đôi môi đỏ vì quét trầu; rồi ông vuốt ria mép cong xuống, một cách thông thả và khoan khoái.

- Theo ý tôi - lời ông Cửu nói - thì đi xin làm thông phán tòa sứ là hơn cả. Dạy học chóng hại người lắm. Chính tôi đã dạy học một đạo ở nhà quê nên tôi biết.

Ông tắc lưỡi rồi hạ giọng thấp xuống như nói một điều kinh nghiệm riêng:

- Với lại bây giờ tình thầy trò bạc bẽo lắm, không có đầm thắm như ngày trước.

Cậu Sơn, với lòng hăng hái của tuổi trẻ, vội vã:

- Thừa cụ, miễn là mình làm hết bốn phận thời thôi, chứ còn sự đó cần gì. Làm giáo học thích nhất được tự do, không ai quản thúc mình.

- Thế đi làm thông phán thì ai quản thúc? Cậu nói không đúng. Đàng nào cũng có quan trên, còn tự do mình vẫn được tự do chứ.

Ông phán Ty, cậu Hiệp cũng đều cùng với ông Cửu một ý kiến; làm thông phán các sổ sớ hơn làm giáo học. Họ hăng hái dẫn giải những cái lợi và danh giá của ông phán tòa xử, chắc hẳn được ý tán thành của các bà và các cô. Cậu Sơn thấy mình kém thế, đành ngồi yên. Mặt cậu hơi đỏ, vì chính cậu học ở trường sư phạm.

Riêng cậu Tiến ngồi yên lặng nghe, không nói: câu chuyện ấy không bận gì đến cậu vì cậu sắp ra làm tham biện, một chức mà không ai bàn tán thiệt hơn nữa.

Ông Cửu muốn đẹp lòng cậu, ân cần hỏi:

- Cậu chỉ còn một năm nữa đã thi ra đấy nhỉ?

- Thưa vâng.

- Thôi, làm ông tham vài ba năm rồi xin xuất chính thì vừa. Quan huyện trẻ tuổi lúc bấy giờ đừng quên chúng tôi nhé?

Ông Cửu ngửa đầu ra đằng sau cười. Mọi người cũng cười theo. Riêng cậu Tiến sẽ mỉm cười miệng khiêm tốn, xếp lại vạt áo xa hoa trên lòng. Máy ngón tay búp măng của cậu nâng chén chè nhỏ, khoan thai đưa lên miệng nhấp.

Còn mấy người nhà quê, suốt từ đầu không nói câu gì, chỉ lặng lẽ giương mắt nhìn các ông kia một cách kính trọng và khiếp phục.

Giữa lúc ấy thì Trường đến.

Ở trên xe xuống. Trường nhìn vào nhà bà Hai thấy đèn thấp sáng và bóng người tấp nập đang cười nói. Chàng ngần ngừ chưa bước qua ngưỡng cửa. Sự lưỡng lự ấy làm Trường lại thấy mất hết cái mạnh bạo từ lúc ở nhà đi. Chàng thành ra rụt rè như cũ.

Khi Trường vào trong nhà, mọi người đều quay lại nhìn chàng một cách chăm chú. Trường ngã mũ không biết chào ai trước, và không biết gọi những người đó thế nào; chàng chỉ lúng búng trong miệng mấy câu nói mà chính chàng cũng không hiểu là những câu gì.

May quá, bà Hai đến giúp chàng. Vừa trông thấy chàng vào, bà đứng ngay dậy, tươi cười đón đả chạy lại kéo ghế mời rồi rít: “Cậu ngồi đây! Cậu ngồi đây!” rồi bà quát người nhà pha nước và mang thuốc lá lại.

Trường ngồi xuống ghế, thu chân vào trong, cái mũ vẫn để trên đùi. Bà Hai vừa đặt chén nước xuống bàn, vừa hỏi:

- Sao cậu bây giờ mới đến?

Rồi không đợi nghe câu Trường trả lời, bà ngơ ngác nhìn quanh, ngoảnh về phía trong và lớn tiếng gọi:

- Cậu Bình đâu, không ra tiếp khách à?

Sau bàn thờ có tiếng đáp lại, rồi Bình bước ra, xúng xính trong bộ quần áo mới. Bình là con trai út bà Hai, mới có mười một tuổi. Thật là một đứa trẻ con ẻo lả, có nước da xanh của người không mấy khi ra nắng. Cậu không có một tý gì là cái vẻ nhanh nhẹn và nghịch ngợm của trẻ gần ấy tuổi. Trông cậu như một người

lớn, đạo mạo, nghiêm trang, như hiểu rõ cái địa vị quan trọng của mình là người con trưởng trong một ngày giỗ.

Trường rất lấy làm cảm phục Bình, tuy cậu này nhỏ tuổi. Bởi vì Trường thấy cậu bé con ấy làm nhiều việc khó khăn một cách rất dễ dàng, những việc mà chàng không làm được. Cậu Bình biết cúi chào và thưa bẩm rất đúng phép, ăn nói rất mềm mỏng và đáp lễ những người đến thăm một cách rất trịnh trọng. Bình sửa lại khăn đội đầu cho tề chỉnh, đến bên Trường thân mật hỏi:

- Anh đến muộn thế. Mẹ em lại vừa cho người lại mời nữa, sợ anh quên. À, còn anh Xuân đâu anh? Sao không thấy đến. Cả chị ấy nữa.

- Anh ấy phải đi làm. Chị tôi về quê đã lâu.

Bình có vẻ sững sốt: "Kìa, sao bảo chị Xuân về mua ruộng đã ra rồi kia mà!". Rồi ghé sát Trường nói nhỏ: "Còn anh Xuân thì đi làm gì bây giờ. Anh ấy đi chơi thì có". Bình nói xong nhìn Trường cười rất ranh mãnh.

Trường bắt đầu thấy khó chịu. Chị Xuân về mua ruộng? Chính chàng cũng không biết việc ấy, và lấy làm ngượng vì Bình hình như lại biết chuyện rõ hơn mình. Chàng quay người về phía trong chỗ các bà ngồi. Bà phán thấy con mình liền đưa mắt trông bàn thờ ra hiệu. Trường sực nhớ tới điều quan hệ nhất trong việc đi ăn cỗ là lễ bàn thờ. Chàng vội đứng dậy, nhưng nhìn đến bộ quần áo tây đang mặc, chàng lưỡng lự chưa biết làm thế nào. Bà phán tinh ý đón ngay:

- Con đứng vái cũng được.

Bà Hai vội đáp:

- Thôi, chả phải bày vẽ nữa. Các cậu ấy bây giờ tân thời, cụ cũng chúc cho cả.

Tuy vậy bà vẫn đứng yên không làm gì ngăn trở Trường. Chàng đành phải đứng trước bàn thờ cúi đầu vái. Không biết vái mấy cái cho đúng lệ. Trường tự thấy ngượng nghịu lạ. Chàng tưởng như mọi người ở sau lưng đều đang để ý đến mình.

Khi ngừng mặt lên, Trường thấp thỏp thoáng sau bức màn the đỏ, bóng cô Hảo đang đứng bên án thư sửa soạn cỗ cúng. Chàng hơi nghiêng mình đi: cô Hảo dưới ánh đèn, trông hồng hào và tươi tốt như đóa hoa mới nở. Mái tóc lòa xòa rũ xuống giữ ánh sáng trong sợi tơ. Cô đưa mắt ra thấy Trường nhìn, vội vàng cúi xuống rồi lẩn mặt sau cây hương có ý thẹn.

Trường vái xong ra ngồi bên bàn góp chuyện với mọi người, ông Cửu nhìn chàng tỏ ý có cảm tình, ân cần hỏi Trường bao giờ thì nộp đơn xin vào cao đẳng và định theo học ban nào. Lại những câu hỏi mà từ khi đỗ đến giờ chàng phải trả lời đã không biết bao nhiêu lượt.

Trường nhìn nét mặt tươi vui và tự túc của những người ngồi đấy, tưởng sắp được biết điều gì hay và lạ. Chàng chăm chú nghe mọi người nói, sợ mất những câu chuyện có bổ ích; mắt chàng đưa hết người nọ đến người kia, như một đứa trẻ trong căn hàng bày đồ chơi. Sau Trường lại gần bọn Sơn và Hiệp vì thấy họ bàn cãi hăng

hái lăm. Chàng lặng yên nghe, đợi chờ một dịp để tỏ ý kiến mình.

Chợt Trường giật mình dưới một cái vỗ mạnh vào vai.

Chưa kịp quay lại, chàng đã thấy một bàn tay nắm chặt lấy tay mình lay mạnh, một cái bắt tay mạnh mẽ và thân mật. Sơn và Hiệp cùng reo:

- Anh Chương! - Rồi nói đùa - Thế nào hôm nay không phải “công sinh” trong trường à.

Chương cười không trả lời, vỗ vai Trường hỏi:

- Kỳ thi năm nay có khó hay không anh? Hình như vào vấn đáp hổng nhiều lăm thì phải?

Chương ngẫm nghĩ, lại thêm:

- Tuy vậy mà năm nay số người đỗ hơn mọi năm nhiều lăm.

Trường tò mò nhìn người đối diện mình. Chàng thấy mặt Chương đỏ hơn mọi khi, mắt nhấp nháy luôn và cả cái mũi xù xì cũng hình như cử động để hợp không khí, Chương trông lúc nào cũng vui vẻ và nhanh nhẹn. Nhưng trên mặt thoáng lộ vẻ tự kiêu.

Trường nhận thấy trong giọng nói của Chương một ý ganh ghét và tức tối. Tiếng cười của anh ta gượng gạo và không thực thà, tuy lúc nào cũng vui vẻ, và vẫn nói chuyện với chàng một cách vốn vã.

Trường tự hỏi tại sao Chương lại có cái thái độ ấy. Chàng không thể hiểu sao người ta có thể ganh tị nhau về sự thi cử được, chàng xưa nay vẫn coi sự thi đỗ là

một việc rất thường trong đời người học trò. Trường muốn nói rõ cho Chương biết rằng chàng không lấy sự đã thi đỗ làm kiêu và tự cho mình là hơn Chương đâu.

Nhưng mọi người khác như không nghĩ thế. Trường nhận thấy cái giá trị của Chương đã kém hẳn trong ý họ. Không như mọi ngày giỗ trước, ông Cửu lần này không hỏi han Chương về sự học hành của anh ta nữa. Ông lảng tai nghe câu chuyện của bọn trẻ, những câu trả lời của Chương, đầu thỉnh thoảng sẽ giật gù và mỉm cười kín đáo sau bộ râu.

Các bà, nhất là bà Hai và mẹ Trường, nông nổi và bộp chộp hơn đàn ông, nên cái ý so sánh hơn kém của họ lộ ra rõ rệt trong lời nói. Trong lúc mải câu chuyện, Trường đã đứng ngay bên cạnh Chương, hai người cùng dựa vào cái tủ thấp kê sát tường. Bà Hai trông thấy vô tình nói:

- Cậu Trường đứng bên Chương trông lại càng xanh và gầy quá.

Ai nấy đều quay lại nhìn. Mẹ Trường vui vẻ cười, nói:

- Chuyện, người ta học đêm học ngày mà lại! Làm gì chẳng gầy.

Rồi bà cất tiếng cười sung sướng, cái sung sướng của người mẹ tự kiêu vì con. Bà Hai cũng híp mắt cười rất giòn giã, cái cười của bà ta tự nhiên và ngay thực, dễ lây, nên mấy bà khác ngồi cùng sập cũng cất miệng cười theo.

Bên đàn ông yên lặng không nói gì. Chương cúi xuống ngắm nghía đôi giày, mặt hơi đỏ vì thẹn. Cậu Tiến vẫn thản nhiên như không, vẫn lạnh lùng, nghiêm trang ngồi nhìn thẳng phía trước mặt như không để ý đến ai.

Chỉ Trường vừa thấy gương mặt vừa khó chịu. Lòng kiêu vì con của mẹ chàng rõ rệt quá, và cậu nói lúc này mĩa mai Chương quá. Chàng không muốn cho mẹ thôi đừng nói đến chuyện ấy, nhưng không có cách gì, chàng đành cũng yên lặng. Rồi Trường thành ra tự giận đối mình. Chàng sợ người ta tưởng là chàng cũng nghĩ như mẹ chàng và bà Hai, nghĩa là so sánh sự thi đỗ, và lấy đấy làm một cớ để kiêu ngạo.

Một vài lần, Trường đã thấy thoáng trên môi Tiến một nụ cười khinh bỉ, cái nụ cười của kẻ tự biết mình giỏi hơn. Chàng chắc Tiến hẳn có ý chế nhạo mình và cả Chương. Cái cảm giác ấy càng làm tăng sự khó chịu của Trường, khiến chàng lại tự giận mình hơn nữa.

III

Cậu Bình bước lên sập, lại gần bàn thờ thay Chương. Một lát người nhà bà Hai lễ mễ bưng mấy mâm cỗ ra, những mâm cỗ đầy, bát đĩa chồng chất lên nhau hai, ba tầng, mà người ta vẫn dọn ngày giỗ Tết trong những nhà sang trọng.

Các câu chuyện bỗng ngừng cả lại. Mọi người đều yên lặng chờ đợi. Ông Cửu vội vàng ngồi lui vào trong góc sập, thu gọn điệu và ẩm chén sang một bên, để chỗ cho đầy tổ đặt mâm xuống. Ông làm những công việc ấy với vẻ thân mật của người nhà, tự tay sửa sang lại mâm cỗ, đặt lại những món ăn, hay gọi lấy thêm các cốc chén. Vừa làm ông vừa lên tiếng gọi những ông cụ khác đến ngồi cùng mâm.

Bọn nhà quê rụt rè và lúng túng. Họ không biết ngồi vào đâu, cứ để mặc bà chủ và cậu Bình xếp đặt. Còn tôi và bọn cùng tuổi thì đã ngồi riêng ở quanh một bàn; không một người nào để ý đến mâm cỗ bày trước mặt. Sơn và Hiệp mãi cúi đọc một mẫu báo họ lượm, được trên mặt tủ; cậu Tiến dựa đầu vào thành ghế nhìn lên trần. Còn riêng Trường, hơi lo lắng vì sắp đến lúc phải nói những câu mời mọc hay vô phép các bà và các người hơn tuổi. Chàng đã tưởng chỉ có bọn trẻ ngồi ăn với nhau, dễ chịu hơn. Nhưng chàng thấy bà Hai gọi một người đứng tuổi trong bọn nhà quê đến gần ghé tai thì thầm, rồi người ấy lại bàn Trường, kéo ghế ngồi xuống:

- Tôi xin ngồi đây thừa tiếp các ông.

Bọn Chương cùng quay lại, nhưng không ai trả lời. Trên sập, ông Cửu cùng với các ông cụ khác đã bắt đầu nhấp rượu: Trường đưa mắt nhìn mọi người rồi cầm đũa.

Một lát ngượng ngịu yên lặng trên bữa tiệc, ai nấy

nhìn nhau, người nọ đợi người kia đứng dậy mời. Bà chủ đã chực sẵn gần bàn, hai tay xoa vào nhau một cách khoan khoái; và ngấm ngấm kỹ càng mâm cỗ xem có thiếu thức gì không.

Chương tỏ ra mình là người lịch thiệp nhất, thông thả đứng dậy quay lại phía các bà nói mấy câu “thất lễ” rất lúng túng, nhưng được cái cũng không ai để ý. Bà Hai đến sát bàn, xếp lại mấy cái đĩa:

- Xin mời các cậu cứ tự nhiên đi cho. Đây là bữa ăn xoàng thôi mà.

Bà vừa cười vừa nói, nhưng ai cũng biết bà chẳng tin vào lời mình một chút nào.

- Kìa, các cậu uống rượu đi!

Bà giục luôn hai, ba câu. Trường cầm cốc lên, nhưng cũng phải đặt xuống, hai ba lần đợi, mọi người mới cùng bắt đầu ăn.

Bên mâm các bà ngồi, tiếng mời mọc nhau tíu tít. Bà Hai lảng xăng chạy đi chạy lại, nhìn mâm này mâm khác. Một bà khách gọi với:

- Thôi bà chủ ngồi lại đây ăn với chúng tôi chứ. Cô Hảo đâu, bảo cô ra ngồi ăn một thể.

- Không, không, mời các bà cứ xơi đi, cháu nó sẽ ăn sau.

Nhưng bà Phán không bằng lòng:

- Lại còn về ăn sau với ăn trước, thế nào cũng bảo cô ấy ra đây.

Quay lại phía các bà khác, bà phán thêm, có ý khoe khoang hộ:

- Chính tay cô ấy làm lấy cả đấy. Vậy phải để cô ấy ngồi ăn một thể, có phải không các bà?

Các bà đều tán thành theo, từ bà phán Tý còn đỡ bận trông nom và giữ tay đưa con lên ba ngồi bên cạnh. Bà Hai ra vẻ lưỡng lự một lát lấy lệ, rồi quay vào phía trong, cất tiếng gọi âu yếm:

- Hảo đâu ra ăn một thể con.

Bà bảo Tuyết:

- Con vào gọi chị con ra đi. À mà còn cô Lan đâu? Sao con không mời cô ra xơi cơm?

Tuyết đáp:

- Thưa đề, chị con ở trong nhà. Rồi nàng nhanh nhẹn đi vào.

Một lát, cô Hảo từ buồng trong, vén màn e lệ bước ra. Lan theo sau, vừa đi vừa lau tay ướt vào vạt áo. Các bà vội vàng dẹp chỗ, thi nhau mời: "Cô ngồi đây, ngồi đây". Bà phán Tý nói đùa:

- Cô ngồi đây để chúng tôi khen cô làm khéo chứ.

Cô Hảo đưa mắt nhìn mẹ, rồi vén áo khấp nép ngồi ghé lên cạnh sập. Nàng cúi đầu quay sang mâm cỗ, hơi đỏ mặt và không dám trông ra phía ngoài. Trường lặng yên nhìn. Dáng điệu e thẹn của Hảo, chàng nhận thấy là tại vì có chàng ở đây. Sự đó khiến chàng cảm thấy khoan khoái lòng tự ái.

Khi quay mặt lại, chàng thấy Tiến cũng đang đắm

đăm nhìn Hảo một cách chăm chú, mắt để yên không chớp. Trường cho nhìn soi mói như thế là vô lễ, và lòng ghét Tiến chàng thấy càng tăng lên. Tất cả các cử chỉ của Tiến làm chàng khó chịu: vẻ lãnh đạm, dài các và nhất là nét mặt kiêu kỳ, dáng điệu ẻo lả của Tiến, Trường không ưa một chút nào. Chàng nhìn bàn tay trắng nổi gân xanh của Tiến như muốn nắm thật mạnh cho đau.

Tiếng dũa Trường để dần xuống mâm làm Tiến quay lại: bốn mắt thoáng gặp nhau; Trường thấy mắt Tiến sáng lên, như hàm một ý thử thách.

Bữa tiệc gần tàn. Người nào cũng hơi say, nên ăn uống một cách thực thà và nhanh chóng hơn. Những vẻ lễ phép giữ gìn không còn nữa. Ông Cửu cười nói luôn miệng và đang kể cho bạn ngồi cùng mâm nghe mấy bài thơ nôm mà ông đã được dân làng cử ra làm khi có các quý quan trên tỉnh về khánh thành nhà hộ sinh.

Trường ăn rất ít, nhìn mâm cỗ đầy với các món ăn kiểu cách, chàng đã thấy ngán từ trước. Chàng buông dũa, ngồi nhìn mọi người.

Bà Hai nét mặt cũng hân hoan như lúc mang lễ, tảo đến mừng chàng thi đỗ. Bà luôn luôn mời mọc và gấp đồ ăn vào bát các bà khách, thỉnh thoảng lại dứt miếng giò cho đứa bé con bà Ty. Còn cô Hảo ngồi quay lại nên Trường chỉ nhận thấy cái lưng thon, mái tóc lười trai đen nổi bật trên cái cổ trắng và xinh xắn.

Đèn nến vẫn sáng trưng trên bàn thờ, khói hương

bốc lên nghi ngút. Tiếng ồn ào, mùi hương thơm và ánh đèn sáng bỗng khiến Trường nhớ đến những ngày giỗ ở quê nhà, sau khi cha chàng mất đi. Nhà nghèo nên cỗ bàn sơ sài, để trên một cái án thư đã mục nát và xiêu vẹo làm bàn thờ. Trường không hiểu tại sao mẹ chàng lại cứ muốn mời đủ họ hàng đến ăn cỗ. Biết bao nhiêu nỗi nhục nhã mà mẹ chàng đã phải chịu! Bởi vì những người sang và giàu có trong họ làm kiêu mới mọc mãi mới chịu đến.

Trường nhớ rất rõ rệt những cử chỉ kiêu hãnh của các anh em họ hàng, con những người giàu có kia. Khi ăn cỗ bọn họ chê bai những thức ăn mà mẹ chàng và Lan đã thức suốt đêm hôm trước làm ra. Tuy bọn anh em đó toàn trẻ tuổi, chưa biết giữ gìn lời nói, và Trường cũng mới có mười ba tuổi, chàng đã cảm thấy đau xót và uất ức trước những lời chế giễu.

Khi khách khứa đã ra về hết rồi. Trường thấy mẹ và em gái trân trọng vun vén những thức ăn còn lại để dành đến ngày mai. Tất cả cái nghèo nàn khốn khổ của gia đình chàng lúc chàng còn thơ ấu, nổi lên trong trí nhớ Trường theo những kỷ niệm buồn rầu ấy.

Tiếng bà Hai mời đồ nước làm Trường trở lại hiện tại. Trước mặt chàng đã bày ra la liệt những quả tốt tươi, những bát sứ đựng chè và thạch ướp nước đá. Sự sung túc của nhà bà Hai và sự khéo léo của cô Hảo như hiển hiện trong những thức ăn sang trọng và lịch sự đó.

Trường lặng yên quan sát những người họ hàng nhà quê; chàng thấy mặt họ sáng lên trước những thức ăn trắng miệng, mà có lẽ cả một đời họ ít khi được ăn đến. Họ cầm những quả lê, táo đưa lên ngấm ngía một cách thích thú. Tuy vậy họ hình như không muốn ăn; Trường đoán họ có ý muốn dành phần đem về nhà để vợ con cùng được hưởng. Chàng bỗng thương hại và mỉm cười trong miệng. khi nhớ đến thái độ của chàng lúc còn bé ở quê nhà, được đứng ngoài nhìn trộm một bữa cỗ sang trọng bên họ ngoại. Đứa trẻ con là Trường lúc bấy giờ giương to mắt nhìn những thức ăn lạ và quý bày trên bàn, một cách thèm thuồng. Nó tưởng rằng, trong đời nó, có lẽ không bao giờ được nếm những cao lương mỹ vị như thế...

Nhưng bây giờ Trường nhìn hoa quả, bánh trái một cách dửng dưng, vì biết đó chỉ là một thức ăn, và cái giá trị miếng ăn đối với chàng không to nữa.

Chung quanh chàng, vẻ mãn nguyện đều biểu hiện trên nét mặt mọi người. Người nào cũng say và no nê; tiếng nói chuyện chỉ lâm râm, thì thảo như họ sợ làm náo động cái thời khắc nghỉ ngơi quan trọng sau bữa ăn. Trường nghe rõ tiếng chép miệng, và tiếng cọ xát của chiếc tăm ông Cửu lia trên hai hàm răng đen nhánh của ông vén môi chìa hẳn ra ngoài.

Tiến đứng dậy trước nhất, báo hiệu giờ ra về. Trường cũng vội vàng xin phép bà Hai; chàng nóng muốn xa lánh những bộ mặt đỏ gay kia để đi ra ngoài.

Chàng cũng muốn tránh khỏi phải đưa mẹ và em cùng về nhà, để khỏi phải nghe những câu chuyện về gia đình mà lúc này chàng không muốn để tâm đến.

Cơn gió mát ngoài phố làm Trường dễ chịu. Đêm đã khuya, nhưng ở phố này vẫn còn nhiều người đi lại, và trên hè người ta nằm ngồi ngổn ngang trên chõng hay trên chiếu trải đất. Nhà bà Hai ở phố Bắc Ninh, Trường qua góc phố Hàng Vôi ra đến hồ.

Một mảnh trăng mờ chiếu sáng trên các chòm cây đen. Mặt hồ, về phía xa, hơi lặn tắt ngọn sóng dưới luồng gió nhẹ; còn gần bờ, nước trong và sâu yên lặng như một tấm gương; bóng chiếc cầu và đền Ngọc Sơn trắng in lộn xuống, rõ rệt và huyền ảo như một lâu đài trong các chuyện thần tiên.

Trường nhìn những dãy nhà san sát quanh hồ, những mái xám lẫn với nền trời. Đằng xa về bên kia, chàng nhận thấy những ánh đèn lấp lánh ở một hiệu còn mở cửa. Trên đường một vài cái xe thông thả đi, và thỉnh thoảng một đứa trẻ bán quả bước rào, tiếng rao lạnh lạnh làm vang động cái yên tĩnh của ban đêm.

Trường cũng bước nhanh về nhà. Quang cảnh của phố xá khiến chàng vui vẻ. Hà Nội đối với chàng vẫn có một cảm tình thân mật. Trường thấy mình sống theo một nhịp với sự hoạt động mà chàng đoán thấy ở chung quanh.

IV

Xuân về đến nhà, lơ đãng vắt áo, mũ trên chiếc ghế và ngã mình nằm xuống giường. Cuộc vui mà chàng dự từ buổi tối đã đem đến cho chàng một nhọc và chán nản. Cảm giác ấy đêm nào chàng cũng thấy, từ khi đã ngót một năm nay. Xuân bắt đầu chơi bời. Nhất là từ khi vợ chàng giận dỗi về quê, thì chàng lại thấy buồn bực và khó chịu hơn nữa.

Hôm nay, chàng đã từ chối lời mời đến ăn cỗ của bà Hai, chắc có Trường đi thay mình. Ở sở ra, Xuân đi thẳng đến nhà mấy người bạn vẫn cũng họp mặt. Theo một lệ quen; Xuân vào bọn bạn hữu lại rủ nhau đi tìm những thú vui ở nhà hát ả đào, hay ở mấy tiệm khiêu vũ. Đến khuya lắm mới cùng nhau về, ngủ vật vờ một giấc để rồi sáng hôm sau lại vào sở làm.

Xuân tối nay về sớm hơn mọi lần. Đến nhà, chàng chưa thấy mẹ và hai em về. Ngọn đèn con leo lét vẫn để ở giữa bàn, Xuân không muốn vặn to lên nữa. Chàng quần quai trên giường cố nhắm mắt ngủ nhưng không ngủ được.

Đã lâu nay, Xuân sống trong một sự khó chịu, mình lại tự giận dỗi với mình. Tâm trạng ấy có từ ngày Xuân được đi làm ở Hà Nội. Trước kia, ở nhà quê, khi còn là một cậu học trò, chàng muốn sống một đời giản dị và

yên lặng lắm. Lúc bấy giờ, Xuân chỉ có một mục đích học thế nào để thi đỗ.

Chàng là người con cả trong gia đình, vậy bốn phận chàng là phải đi làm để lấy tiền giúp đỡ mẹ và các em đi học. Con đường chàng phải theo đã vạch sẵn. Và Xuân thấy trong tâm can mẹ bao nhiêu là hy vọng, cả ở những người thân thuộc chung quanh bao nhiêu là mong ước, khiến chàng phải hết sức để khỏi làm cho mọi người bị thất vọng vì chàng.

Xuân tự coi là thuộc hần về gia đình, chàng không có nghĩ ngợi tính toán riêng về tương lai của chàng mà chỉ tính toán những việc ích lợi chung cho cả nhà. Làm thế, Xuân thấy mình hy sinh cho bốn phận.

Thêm nữa, sự hy sinh đó đối với chàng thật là cao thượng, và sự biết mình theo đuổi một việc phải, làm cho Xuân thấy tự cao và giúp thêm can đảm cho chàng trong những lúc khó khăn chán nản.

Đến khi lên Hà Nội đi làm, Xuân bắt đầu giao thiệp với những bạn bè cùng sở, và bởi họ, bước vào một xã hội ăn chơi xa hoa khác hẳn hoàn cảnh cũ của chàng. Trong xã hội này người ta chỉ nghĩ đến những lạc thú riêng, người nào cũng chỉ nghĩ đến mình mà thôi. Lòng ích kỷ của họ to đến nỗi họ lấy làm ngạc nhiên khi thấy người ta có thể thiệt về phần mình mà làm sung sướng cho người khác được.

Mấy người mà Xuân chơi thân đều là con cái nhà giàu có. Họ không phải đi làm để nuôi nhà; nhưng

chính cha mẹ đã chạy chọt cho họ một chỗ làm để lấy danh tiếng. Họ tiêu pha chơi bởi quá cái số tiền lương mà họ kiếm được, có khi phải lấy thêm ở nhà nữa. Cũng có một hai người không phải nhà giàu có, nhưng họ không vì thế mà không phung phí. Số lương tháng vừa đủ cho họ mua vui.

Xuân bị lôi kéo vào trong vòng trụy lạc ấy. Chàng dần dần bắt đầu tự hỏi tại sao chàng lại phải đi làm khó nhọc cho người khác. Nếu không phải đem tiền về nhà, thì chàng sẽ được hưởng thú bao nhiêu! Xuân cho thế là một sự bất công mà chàng phải chịu. Chàng thường thêm thuồng so sánh đời chàng với đời của mấy người bạn cùng sở, và ân hận thấy mình kém họ đủ mọi đường.

Thỉnh thoảng chàng lại nghĩ, cho những cuộc chơi bởi vui thú riêng của mình là không phải. Nhưng, những lúc ấy, không có ai giúp đỡ và khuyến khích cả. Nếu chàng tỏ ý rụt rè về sự đóng góp tiền để đi chơi, thì các bạn chàng lại dùng lời chế giễu. Trái lại, khi chàng tỏ ý không cần gì gia đình cả, thì người ta tán thành và kính phục nữa.

Dần dần Xuân cũng theo những ý nghĩ ích kỷ ấy. Chàng cho cái thích của mình là cần hơn cả, lạc thú của mình là trụ cột của cuộc đời. Điều cốt là làm thế nào đạt được những sở thích đó; trong mắt chàng chỉ có sự thỏa thích của chàng mà thôi. Thế rồi Xuân trở nên một người khác hẳn; cậu thanh niên chăm chỉ và giàu lòng

hy sinh là Xuân lúc hai mươi tuổi, cứ mỗi ngày một xa dần, và hình ảnh ấy cứ mờ dần trong trí nhớ chàng.

Sự thay đổi ghê gớm ấy, thực ra, bắt đầu từ lúc Xuân không tự tin ở mình nữa. Bây giờ chàng chỉ tin vào người khác, chỉ nghe theo những câu chỉ bảo của người khác. Việc này chàng thấy dễ dàng hơn.

Tuy vậy, Xuân không dám công nhiên nói những ý nghĩ ấy. Một mối do dự hoài nghi vẫn còn lẩn vẩn trong tâm trí chàng. Đôi khi thoáng qua một ý nghĩ khác khiến chàng bứt rứt, nhưng chàng vẫn không ngừng những cuộc chơi bời. Chàng muốn cứ theo hần lòng ích kỷ của mình; nhưng khi về nhà thấy mẹ buồn rầu lo nghĩ, một chút hối hận lại đến ám ảnh chàng. Vì thế Xuân thành ra bản khoăn khó chịu. Sau mỗi bận đi chơi về, cùng với sự mệt nhọc, cảm giác ấy lại càng rõ rệt hơn.

Không ngủ được, Xuân nhồm dậy bắc ghế ra ngoài hè ngồi hóng mát. Chàng lấy làm lạ rằng mẹ và hai em chưa về: “Chắc ăn cỗ xong còn ở lại nói chuyện”. Xuân nói thế rồi thử tưởng tượng cảnh náo nhiệt và đông đúc ở nhà bà Hai. Trái lại, căn nhà vắng và tối tăm trong giờ này làm chàng buồn bã. Chàng muốn có người nào bên cạnh an ủi và vuốt ve chàng.

Chàng nghĩ đến vợ, thở dài. Vợ chàng về quê đã bốn, năm tháng nay rồi, mà Xuân cũng không viết thư gọi ra, như hai lần trước. Tại sao lại giận dỗi bỏ về? Xuân tự đặt câu hỏi ấy, và trong trường hợp này, chàng tìm câu trả lời dễ dàng lắm: bao nhiêu lỗi chàng đổ cả cho

vợ. Xuân trách vợ đã làm hỏng cả một đời mình, bởi cái lẽ giản dị là đã bằng lòng làm vợ chàng. Khi chàng vừa mới thi đỗ xong, mẹ chàng liền hỏi Dung, Xuân đã bằng lòng vì chàng coi sự lấy vợ là một bổn phận trong gia đình. Chàng không quen biết Dung và từ khi Dung về làm dâu, hai vợ chồng vẫn sống với nhau một cách điều hòa như những đôi vợ chồng khác, nghĩa là không có một chút tình gì cả, Xuân không yêu Dung; chàng cũng chưa hề biết yêu là gì nữa.

Bây giờ, Dung là một bó buộc mà có lẽ chàng phải chịu suốt đời. Xuân lại tức tối: giá đến bây giờ mà chàng vẫn chưa có vợ! Chàng sẽ tự do lựa chọn một thiếu nữ xinh đẹp và giàu - nhất là giàu - chàng sẽ không phải sống cái đời nghèo nàn của một người làm công xoàng, chỉ những khó khăn và thiếu thốn. Xuân thấy mấy người bạn chàng đều lấy được vợ sang trọng và giàu có, mà thèm muốn cái địa vị của họ.

So sánh, chàng lại càng chán Dung hơn nữa. Dung là cô gái con nhà nề nếp, nhưng nghèo. Nàng có lẽ cũng hết sức yêu chồng, nhưng yêu theo một cách kín đáo của một cô gái quê; nàng hiểu yêu là phải giữ gìn chồng và trông nom nhà cửa, chính cái cách yêu ấy Xuân không thích một tý nào và lấy làm khó chịu. Mỗi khi ở những cuộc hội họp về, nhìn thấy vợ ăn mặc lôi thôi và sơ sài - Dung cũng như người vợ khác, cho sự trang điểm khi đã có chồng rồi là một thói lẳng lơ - Xuân lại bực mình và nghĩ đến những thiếu nữ tươi tắn lộng lẫy

mà chàng đã gặp. Từ đấy, chàng lại càng đi chơi, không hỏi han gì đến vợ. Dung ngó lời can gián một cách vụng về: trong gia đình xảy ra luôn những cuộc cãi nhau, ngày một đào sâu thêm cái hố đã chia rẽ hai người.

Để vợ đi, Xuân nhận thấy mẹ chàng và các em một ý trách móc chàng không phải. Nhưng đã lâu, Xuân không quan tâm đến những ý nghĩ của người trong nhà nữa.

Một bóng người ở đầu phố đi lại khiến Xuân chú ý. Nhận ra Trường, Xuân yên lặng đợi em đến. Trông thấy anh, Trường hơi ngạc nhiên, vì không mấy khi thấy anh về sớm thế; nhưng Trường không để lộ ra nét mặt. Điềm nhiên, chàng vào trong nhà bắc ghế ra ngồi cạnh.

- Mẹ chưa về cơ, chú? Đàng bà Hai chắc hôm nay có cỗ sang trọng lắm.

Trường đáp:

- Vâng, rất đông người ăn. Bà ta có nhắc anh sao không đến. - Trường hỏi lại: "Mà sao anh không đến ăn cỗ?".

Xuân không trả lời, ngả đầu dựa vào thành ghế nhìn trời. Không biết bàn chuyện gì nữa. Trường vẫn vợ nói:

- Hôm nay, trời đã dễ chịu, anh nhỉ. Bớt nóng hơn mấy hôm trước.

- Ừ.

Hai anh em lại yên lặng, một sự yên lặng nặng nề và đầy ý nghĩa. Trường cảm thấy có một sự ngưng

nghe giữa hai người. Bao giờ cũng thế chàng nhận ra rằng anh em một nhà không nói chuyện với nhau được lâu và niềm nở như bạn. Có lẽ vì biết rõ nhau lắm, nên không có gì nói với nhau nữa. Trường rất dễ dàng nói chuyện với một người bạn thân, nhưng trước mặt anh, chàng tự nhiên ngượng không nói được. Thành thử Xuân và Trường chỉ nói những câu đầu đầu trong khi ở hai người đều sôi nổi những ý nghĩ và tư tưởng muốn giải bày cho nhau biết.

Trường đưa mắt nhìn anh; chàng thấy Xuân có vẻ mệt nhọc. Nét mặt cau có, hai vầng mắt thâm quầng bởi thức khuya nhiều. Đôi mắt trước kia nhanh nhẹn, bây giờ trở nên lơ dờ, và thỉnh thoảng yên hẳn lại, như đang say đắm trong một hình ảnh nào. Trường buồn rầu tưởng đến những hình ảnh không hay mà Xuân giữ trong trí nhớ.

Chàng thấy với Xuân, càng lớn lên lại càng xa cách nhau. Từ khi Xuân đi làm đến giờ, hai anh em không thân mật như trước nữa. Những lúc ngỏ nỗi lòng cho nhau càng ít đi, mà những ý nghĩ, những tư tưởng người nào giữ riêng cho người ấy càng nhiều lên.

Trường tiếc những ngày còn bé, hai người cùng đi học một trường tư nhỏ ở trong làng. Không có một điều gì, hai anh em không nói cho nhau biết. Cha mất sớm, mà nhà thì nghèo, thường bị các bạn học khác chế giễu hay khinh bỉ, nên Xuân và Trường càng nép vào nhau để tự vệ và an ủi. Sự nghèo hèn càng thắt chặt tình

thân ái giữa hai người; hai anh em không những yêu mến nhau như anh em ruột một nhà, mà còn thân mật với nhau như một đôi bạn.

Sự thay đổi của Xuân gần đây, Trường cũng nhận thấy. Nhưng chàng cố không nghĩ đến, bởi vì chàng tự xét không có quyền chỉ trích người anh. Chàng chỉ buồn rầu và đau đớn khi thấy anh mỗi ngày một đi xa gia đình. Nhiều khi nghe mẹ phàn nàn về Xuân, rồi rơm rớm nước mắt, Trường thấy ghen ngào bực tức như người khó thở trong buồng kín. Lúc ấy, Trường giận anh lắm, giận vì anh đã làm cho mẹ không được vui lòng. Rồi nổi giận mất đi, nhường chỗ cho một sự ân hận và sự lo nghĩ của cái tình đầm ấm giữa mẹ con.

Trường cũng biết rằng Xuân đã chịu nhiều nỗi thiệt thòi mất mát. Lúc còn trẻ thơ, Xuân đã phải nhường nhịn rồi. Trường còn nhớ những lúc mẹ đi đâu xa về; hai anh em sung sướng lục thúng quả của mẹ để tìm bánh trái hay đồ chơi, Trường bao giờ cũng được cái đồ chơi đẹp hơn; Xuân cố nhìn quả của em để so sánh thì mẹ lại nói: “Con nhớn, phải nhường cái đẹp cho em chứ”. Và không biết tại sao, Trường nhận thấy rằng Xuân không được mẹ yêu bằng mình và em Lan.

Rồi đến tuổi biết lo nghĩ, Xuân chỉ cắm đầu vào học, không một lúc nào dám rời bỏ quyển sách để chơi bời. Có lẽ cái trách nhiệm của Xuân nặng nề quá, nên tuy còn trẻ mà Xuân cũng đã hiểu biết bốn phận của mình. Và bây giờ anh Xuân tựa như đã già nhiều, cần cỗi hơn,

nhưng háo hức những cuộc chơi bởi như cây khô thêm nước, bởi vì trước kia anh không được sung sướng mấy.

Tất cả những ý nghĩ ấy lộn xộn trong óc Trường. Quãng đời ngây thơ lúc còn bé hiện lên trong trí nhớ, và một tình cảm thương mến đối với anh dồn đến tâm hồn chàng. Trường muốn nói cho anh biết niềm yêu mến kính trọng ấy, nhưng không tìm được câu gì, chàng đành yên lặng cũng ngẩng lên nhìn vòm trời quang trên cao: mảnh trăng đã lặn, mấy ngôi sao phía bắc lấp lánh sáng trên dãy mái nhà.

V

Mặt trời đã lên cao, Trường mới trở dậy. Ánh sáng từ khe cửa sổ thẳng vọt chiếu vào trong nhà, soi lên tấm màn trắng và chiếc gối bông. Trường bước xuống giường đi ra cửa.

Buổi sáng rực rỡ. Một cơn gió mát từ đâu đưa đến làm rung động chòm lá cây sấu trước nhà. Trời xanh và trong, khiến Trường sinh ra nhớ cây cỏ xanh tươi ở cánh đồng quê mà đã lâu lắm chàng không được nhìn. Mấy làn mây trắng mỏng mắc ngang trời nhắc Trường nhớ đến sợi tơ hồng theo chiều gió bay trên mặt cỏ những ngày khô ráo quang tháng mười. Trong tâm hồn Trường bóng thoáng qua tất cả hương vị mộc mạc của cảnh quê.

Và chàng tự nhiên có ý muốn nhìn lại các khuôn mặt quen biết nơi chàng ở lúc bé thơ.

Bỗng nhiên, Trường lắng tai, mừng rỡ. Ở căn buồng trong, chàng nghe thấy, lẫn với tiếng nói của mẹ và em Lan một tiếng nói rất quen từ thuở nhỏ. Trường chú ý: cái tiếng nói vừa dịu dàng vừa đầm ấm ấy gọi cho chàng tất cả quãng đời niên thiếu, mà chàng vừa nhớ đến. Trường mỉm cười vì sự ngẫu nhiên đó, rồi nhắc trong miệng tên người khách đến chơi: bà Nhì.

Một hình ảnh rõ rệt trước mắt chàng: hình ảnh một người đàn bà mảnh dẻ, mái tóc bạc phơ trên khuôn mặt trái xoan, và hai mắt đầy một vẻ vừa buồn rầu vừa hiền từ vô hạn, luôn luôn nhìn ra xa sau đôi kính trắng gọng đồng. Bà Nhì vốn là bạn thân vẫn đi buôn bán với mẹ Trường. Lúc còn nhỏ, Trường và em Lan rất mến bà ta. Vì như một bà tiên nhân từ trong các truyện cổ tích mà hai anh em được người u già kể cho nghe, bà Nhì cứ lại thăm mẹ Trường vào giữa lúc Lan và anh đang bị mẹ đánh mắng, vì đã phạm lỗi. Những lời khuyên can khéo léo và vui vẻ của bà ta làm mẹ Trường nguôi giận, rồi tiếng nói dịu dàng của bà an ủi và vuốt ve hai anh em như một lời ru.

Trường vội vàng rửa mặt trong thau nước lạnh rồi đi vào buồng trong. Quả nhiên chàng thấy bà Nhì đang ngồi trên sập nói chuyện với mẹ. Lan đang châu bên cạnh nghe. Vừa trông thấy chàng, bà Nhì đã nhanh nhẹn hỏi trước:

- Kia cậu Trường. Cậu còn nhớ tôi không?

Bà ta vừa nói vừa mỉm cười. Trường nhận thấy cái cười hơi buồn rầu và rất có duyên, ngày trước. Chàng đáp lễ lại rồi đứng yên, không biết nói gì. Tuy nhiên Trường thấy vui vẻ trong lòng, cái vui được gặp người mình kính mến.

Tiếng nói dịu dàng và đầm ấm lại cất lên:

- Cậu ngồi xuống xơi nước. Nghe tin cậu đỗ tôi vui quá, nên phải vội lên mừng cậu cử mới đây. Ấy thế mới là học, chứ như em nó ở nhà thì rõ chán.

Bà muốn nói đến người con mình học kém. Rồi bà lại quay lại phía mẹ Trường:

- Bà Phán bây giờ thật rõ sướng, hai con đỗ đạt cả hai, còn gì nữa.

Trường biết bà Nhì đã thất vọng vì con. Bà ta nghèo nên sự con học hành không thi đỗ là một điều đáng lo ngại cho nhà bà lắm.

Thấy trên mặt bà thoáng lộ vẻ buồn, Trường lại nhận thấy rõ một điều: cái nghèo nặng nề đè nén lên bao nhiêu gia đình. Ở quê, chung quanh chàng, Trường chỉ nghe thấy những tiếng than phiền, uất ức của các người nghèo khổ.

Bà Nhì cũng là một trong những người ấy. Bà ta phải buôn bán, cân gạo để nuôi con ăn học, nhưng cũng như nhiều bà mẹ khác ở An Lâm, không được cái may mắn thấy con đỗ đạt.

Trường để ý nhìn bà. Vẫn như những ngày Trường

còn trẻ, bà hình như không già đi chút nào. Mái tóc vẫn bạc phơ - tuy bà chỉ độ vào quãng năm mươi tuổi - và khuôn mặt vẫn trái xoan. Vết răn trên trán có lẽ nhiều hơn trước; nhưng đôi mắt sau cặp kính trắng, vẫn giữ cái vẻ nhân từ, hiền hậu khiến Trường yêu mến bà, coi bà như một người thân mật trong nhà.

Gặp bạn cũ, mẹ Trường vui vẻ nhắc lại những lúc đi buôn ngày trước, những ngày vất vả và lo sợ, những buổi trở về nhà, mệt mỏi và buồn bã vì không kiếm đủ tiền nuôi con. Bây giờ đã qua khỏi những ngày đó, đã đến một địa vị chắc chắn, bà Phán thích nhắc lại thời gian nan ấy. Nhưng bà Nhìn vẫn nghèo như trước, chuyện cũ làm cho bà thêm buồn: Trường sinh lòng ái ngại cho tình cảnh của bà.

Lúc sắp đứng dậy ra về, bà tự nhiên hỏi chàng:

- Mùa nghỉ này, cậu có về An Lâm chơi ư?
- Thưa bà có. Tôi cũng định về chơi ít lâu.
- Bà Phán có về không?

Mẹ Trường dùng tay thu xếp hơi trầu, đáp:

- Không, bà ạ. Tôi còn phải ở trên này trông nom nhà cửa. Ấy không có việc gì mà cũng bận cả ngày.

Bà Nhì quay lại phía Trường, giọng nói dịu dàng:

- Thế này thì hay quá. Cậu về quê nghỉ lại ở nhà tôi thì tiện lắm. Tôi vẫn ở nhà cũ bên cổng huyện, cái nhà ấy cậu đã biết rồi chứ gì.

Bà Phán ngắt lời, cười nói:

- Làm gì chả biết. Lúc nhỏ hai anh em vẫn cứ vào phá vườn hồng của bà thôi.

Trường mỉm cười. Chàng nhìn bà khách vui vẻ nhận lời:

- Xin vâng. Có về quê, tôi xin ở lại nhà bà.

Bấy giờ bà Nhì mới lộ vẻ vui mừng, và nói câu bà nói từ lúc nãy:

- Nhân thế tôi nhờ cậu chỉ bảo cho em nó học. Cậu giúp tôi việc ấy nhé?

Trong lời nói của bà có nhiều ý cầu khẩn thiết tha. Trường nhận lời.

Bà Nhì về rồi, mẹ Trường với cái tráp sơn lại gần mình, nhìn hai con phân bua:

- Thế là mất mười đồng. Chẳng nhẽ bà ấy nói khẩn khoản mãi lại không cho vay, mà bà ấy vay thì biết đến bao giờ trả.

Rồi bà Phán mở tráp soát lại tiền, ngẫm nghĩ.

Trường yên lặng một lát, rồi nói với mẹ:

- Bà ta nghèo khổ, mẹ cũng chả nên tiếc. Không biết bây giờ bà ấy có buôn bán gì nữa không?

Lan trả lời anh:

- Đi buôn phải có vốn, chứ anh tưởng. Mà vốn thì bà ta làm gì có.

- Thế họ hàng đâu, sao không vay mượn?

Lan không biết. Bà mẹ rời quyển sổ, ngừng lên đáp:

- Bà Nhì làm gì có họ hàng. Hay có nhưng không ai

nhìn nhận bà ta cả. Bà ta ngụ cư ở An Lâm, chứ có phải quê bà ta ở đó đâu.

Thân thế bà Nhì đối với Trường vẫn bí mật. Chàng nhớ khi còn nhỏ, một hôm chàng vô tình hỏi mẹ, cũng sau một buổi bà ta đến chơi: “Thưa mẹ, ông Nhì đâu nhỉ, sao con không thấy ông ta đâu?”. Lúc bấy giờ có vài người dân bà nữa đang ngồi nói chuyện với mẹ Trường. Thấy con hỏi, bà cụ không trả lời, trừng mắt nhìn rồi bảo:

- Trẻ con biết gì mà hỏi. Ra ngoài kia chơi đi.

Trường sợ hãi lần xuống nhà dưới. Từ đấy chàng không dám hỏi mẹ về ông Nhì nữa. Mà mỗi khi chàng đem câu ấy hỏi người lớn khác trong nhà ai cũng lắc đầu không biết, và nhìn Trường như chàng đã làm điều gì không phải.

Mãi về sau, nghe những mẩu chuyện người ta nói với nhau, chàng mới biết mập mờ rằng ông Nhì ngày xưa không biết làm gì, đã phải tội xử tử. Những lời bàn tán thì thâm và sợ hãi của người chung quanh về chuyện ấy, làm cho Trường thấy sự bí mật của cái chết đó, và coi như một việc ghê gớm không dám nói đến. Đến bây giờ chàng cũng không hiểu rõ gì hơn. Nhưng chàng không muốn hỏi mẹ nữa. Chàng đoán vì thế mà bà Nhì lúc nào cũng có vẻ buồn rầu; và nụ cười an phận của bà có vẻ gây nên bởi sự hiu quạnh mà bà phải chịu, bởi vì ngoài mẹ Trường ra, bà không còn bạn nào khác nữa. Những người ở An Lâm thì hình như không muốn giao thiệp thân thiết với bà ta lắm.

Cho nên, lúc nhỏ, hai anh em Trường đến chơi được bà rất quý mến, Trường nhớ một góc vườn đầy hồng đăng sau nhà, ven bờ sông Tiên, một nếp nhà gạch cổ năm gian yên lặng. Trường và em chơi đùa với hai con bà Nhì, một cậu bé mặt tròn phúng phính, vừa chậm chạp vừa ngờ nghệch và một cô bé nhí nhảnh, mà bây giờ chàng chỉ nhớ có hai con mắt to và đen.

VI

Trong nhà bà Hai ngày hôm ấy, trông nét mặt mọi người, ta có thể đoán được vừa mới có sự gì quan trọng xảy ra. Mà thật sự, quan trọng ấy là việc chung thân của cô Hảo, con gái cả của bà Hai.

Buổi sáng hôm đó, bà Cửu đến chơi. Bà này là một người chỉ có hai công việc ở đời: đi lễ bái hết đền kia phủ nọ, và đứng làm môi dưng vợ gả chồng cho các gia đình mà bà quen biết. Mà bà quen biết nhiều gia đình lắm, lúc nào bà cũng có sẵn một “đám” con trai hay con gái, rất môn đăng hộ đối, đủ những tính nết tốt, và bà dùng vào việc môi giới ấy, lời nói ngọt ngào và sự kiên tâm vô hạn của bà.

Lúc bà Cửu đến, Hảo đang đứng trang điểm trước cái gương lớn trong buồng, bên cạnh em gái. Thấy bà, hai chị em cảm giác mỗi người một khác. Hảo thì bỗng

tự nhiên thấy trong lòng hồi hộp, còn Tuyết thì vui mừng lộ ra nét mặt, vì nó sắp được nghe nhiều chuyện lạ của bà Cửu, những chuyện của gia đình người khác cô rất thích biết, để được đi kể lại với các chị em bạn. Khi nghe tiếng mẹ gọi đi tắm trầu và pha nước, cô nhanh nhẩu bước ra ngoài, quanh quẩn ở chỗ hai bà nói chuyện để nghe lỏm.

Bà Hai tiếp khách vui vẻ niềm nở lắm. Bà coi bà Cửu là một người quan trọng và cần thiết, có thể giúp bà trong cái công việc khó khăn là gả chồng cho con gái. Cũng như những bà mẹ khác, việc ấy là việc mà bà để tâm đến nhất. Tuy rằng bà với mẹ Trường đã giao ước gả con cho nhau, bà vẫn muốn biết cái đám mà bà Cửu sẽ nói với bà.

Còn Hảo ngồi yên lặng trong buồng, dáng suy nghĩ. Thực ra, nàng không chú ý đến một sự gì cả. Nhiều ý nghĩ cứ rối loạn trong óc nàng, và những cảm giác khác nhau cứ liên tiếp đến làm cho nàng băn khoăn. Biết bà Cửu và mẹ đang bàn đến chuyện chung thân của mình, nàng bối rối.

Nếu có ai hỏi về sự lấy chồng, nàng sẽ không biết trả lời ra làm sao. Trong hai người đàn ông, nàng có lẽ sẽ không biết nên chọn lựa người nào. Bởi vì, về việc nhân duyên, từ bé nàng không bao giờ nghĩ đến một cách kỹ càng. Nàng chỉ nhớ lại những cảm giác mới lạ mà thỉnh thoảng nàng nhận thấy trong tâm can khi được nghe những câu bóng gió về việc vợ chồng, và

những nỗi e thẹn của nàng khi có một người trẻ tuổi quen biết đến chơi hay gặp gỡ người ta ở ngoài phố.

Trường đối với nàng cũng như các người con trai khác, nhưng tuy vậy cũng được nhiều cảm tình của nàng hơn. Vì ngay từ hồi nhỏ nàng đã quen nghe người trong nhà nói đến Trường rồi. Nàng còn nhớ rõ những câu nói đùa mà mẹ nàng và mẹ Trường hay dùng đến, mỗi lần Trường ở nhà quê lên chơi.

Nhắc đến những kỷ niệm cũ, Hào tự e thẹn mỉm cười. Bởi vì, độ ấy, sau mỗi bận Trường đến, rồi về quê, nàng lại băng khuâng, nhớ nhung mất vài hôm. Có đêm nằm nghỉ, nàng mơ màng phảng phất tưởng như có Trường nằm bên mình. Nàng xếp bên cạnh đầu cái gối con, để dành cho Trường. Có khi nàng dang tay ra, như để chàng gối đầu vào đấy, và tưởng tượng rằng sau này lớn lên, nếu lấy nhau thì cũng sẽ nằm như thế.

Những ý nghĩ và các điều mong ước trẻ con ấy, Hào không biết có phải là tình yêu không. Hồi đó, nàng mới vào quãng mười một mười hai tuổi, và Trường cũng trạc độ gần ấy. Cử chỉ và lời nói của nàng đều lộ tất cả cái ngây thơ của trẻ con vô tư lự. Những cảm giác vui buồn nàng đều nhận thấy một cách rõ rệt, và làm thay đổi nét mặt nàng. Người ta thấy vậy càng trêu ghẹo và nói đùa, và việc ấy khiến nàng thấy liên lạc thân thiết với Trường hơn lên. Hễ nghe ai nói đến tên Trường là nàng thấy thẹn.

Nhưng mấy năm sau, nàng đã khôn lớn hơn, tâm

hồn nàng đổi khác. Cao lớn, Hảo càng thấy phải giữ gìn những ý nghĩ của mình hay bắt buộc phải thế, vì nàng phải ăn ở cho đúng cái khuôn phép và nề nếp của những cô thiếu nữ gia đình trưởng giả như gia đình nàng.

Hảo mất dần tính tự nhiên đi, nàng phải nhìn mọi vật xung quanh nàng và cuộc đời theo một lễ lối đã định sẵn. Nàng phải xa lánh bạn trai, vì nàng đã bắt đầu không coi họ như một người bạn hay người quen biết thường nữa, nhưng như một người có thể làm chồng nàng được.

Cũng vì thế, Hảo bớt nghĩ đến Trường. Những ý nghĩ ngây thơ về Trường thuở trước, nàng xua đuổi như những điều phạm lỗi. Mỗi lần Trường đến chơi là nàng phải lẩn tránh. Em Tuyết có ngỏ lời bông đùa, thì bị bà Hai mắng át đi ngay. Cả mẹ nàng, cả mẹ Trường, với các người xung quanh, mỗi khi có bàn về việc của nàng, đều giữ một vẻ nghiêm trang và trịnh trọng.

Từ ngày ấy, nàng bị một trở lực ngăn cấm không được nghĩ đến ái tình. Những tính tình chân thực của tâm hồn không quan trọng nữa. Cái quan trọng là cái nền nếp, cái khuôn phép mà nàng bắt buộc phải theo.

Cho đến bây giờ, Hảo là một cô thiếu nữ không tốt mà cũng không xấu và không biết chút ít về cuộc đời, như nhiều thiếu nữ khác cũng gia thế như nàng.

Nhà ngoài, bà Cửu và bà Hai vẫn nhỏ to trò chuyện thân mật. Hảo ngó đầu ở cửa buồng nhìn ra, thấy em nằm tựa vào thành sập phía sau mẹ chăm chú nghe.

Trông nét mặt của Tuyết, mắt nhìn không chớp và miệng hé mở. Hảo đoán là câu chuyện đang hay lắm. Nàng khẽ lên tiếng gọi em.

Tuyết ngoảnh mặt lại thấy chị, nhưng không vào ngay, còn cố đứng rón lại nghe nốt mẩu chuyện. Rồi cô tươi cười đi vào, đôi mắt thoáng có vẻ tinh nghịch và nhí nhảnh. Cô lại gần bên chị, cũng soi vào tấm gương để trên bàn. Hảo gơ cánh tay choàng lên vai em, âu yếm hỏi:

- Bà Cửu nói chuyện gì thế?

Tuyết trả lời thẳng ngay:

- Ấy, làm môi cho chị đấy.

Rồi không để chị nói, Tuyết vội vàng tiếp:

- Thật đấy, chốc nữa chị hỏi mẹ mà xem.

Hảo hồi hộp trong người. Nàng muốn hỏi em xem người bà Cửu định làm môi cho nàng là ai, nhưng ngập ngừng chưa dám, Tuyết đã nói thêm:

- Bà Cửu nói chuyện cậu Tiến, em bà phán Ty ấy mà. Chị có biết không? Bà ta nói cậu ấy đang học cao đẳng sắp thi ra làm tham biện.

Hảo yên lặng, nghĩ vẩn vơ. Nghe em nói, nàng tự nhiên thấy thích thú, không biết tại sao. Tiến là con một nhà danh vọng lại vừa giàu có: nhờ có bà Cửu đến làm môi mà giá trị của Hảo tăng thêm. Hảo cố nhớ lại hình dáng cậu mà thỉnh thoảng mà nàng được trông thấy: nàng chỉ nhớ có cái dáng điệu nghiêm trang và đứng đắn. Nàng lại nghĩ đến Trường, đến vẻ tươi trẻ và giản dị của chàng.

Tiếng bà Hai gọi Tuyết làm Hảo rút bỏ những ý nghĩ ấy. Nàng vội vàng nhìn vào gương, lấy lược ra chải tóc, và chăm chú rẽ đường ngôi, để không nghĩ ngợi gì nữa.

Chợt nghe tiếng dép của mẹ từ ngoài đi vào. Hảo cúi đầu sát vào gương làm như không biết, tuy nàng đoán chắc sau lưng mẹ đang nhìn mình. Bà Hai dừng lại trong khung cửa, ngắm con gái một lát, rồi bà bước lại bên Hảo. Đoán mẹ sắp nói việc gì quan trọng, nàng hồi hộp chờ đợi. Nhưng bà Hai chỉ bảo:

- Bà Cửu vừa lại đấy.

- Vâng.

Hai mẹ con lại yên lặng. Bà Hai ngập ngừng như muốn nói chuyện gì nhưng lưỡng lự, bà lại thôi.

Bà lại gần, tựa vào thành ghế đằng sau Hảo, rồi đưa tay ra vuốt mái tóc mà nàng đang chải. Hảo cảm thấy trong cái cử chỉ thường ấy bao nhiêu tình yêu mến của mẹ con, nàng ngừng lên nhìn thấy nét mặt mẹ tươi vui hơn mọi ngày.

Bà Hai vui sướng thật; bà tự kiêu có một cô con gái như Hảo, một cô gái nết na và hiền hậu, lại có tài buôn bán, nghĩa là một “đám” rất được các bà mẹ có con trai chú ý đến. Lời đánh tiếng của bà Cửu và của nhiều người khác ở làng nữa, tỏ cho bà biết cái giá trị của con gái mình; bà tự coi như có một của quý trong nhà mà bà là chủ. Bà lại thỏa mãn hơn nữa, vì đã có thể dành cho Hảo một cái lưng vốn khá to, và một lớp nhà gạch ở Hà Nội chính tay bà xây dựng lên. Bồn phận của người mẹ,

bà cho thế là đầy đủ; thực ra cũng không hiểu thế có phải là một cái bốn phần không: bà chỉ biết hể con gái bà càng giàu bao nhiêu thì bà càng lấy làm mãn nguyện và sung sướng bấy nhiêu. Có lẽ nếu phải hy sinh hạnh phúc của bà để gây dựng hạnh phúc cho con gái, chưa biết bà có làm không, nhưng cứ trong cái tình hình bây giờ, thì hạnh phúc của bà và con chỉ là một, và có lẽ cái phần của bà lại nhiều hơn.

Không bao giờ trong tâm hồn giản dị của bà có luẩn quẩn một ý hồ nghi cón con về sự ấy. Bà Hai không bao giờ tự hỏi xem, nếu lấy người này, người nọ, con mình có được sung sướng không? Bà nghĩ rằng, lấy một người con nhà gia thế, có công ăn việc làm và vài điều kiện khác, con bà không thể không sung sướng được. Bà không tưởng tượng được có thể có một hạnh phúc ngoài cái lễ lối, cái khuôn phép xã hội đã định và chung quanh bà người ta vẫn theo.

Chính bà cũng sống trong cái lễ lối ấy. Bà Hai thường nghĩ đến quãng đời đã sống của bà, từ lúc còn nhỏ tuổi. Bà đã lấy ông Hai bởi vì chồng bà lúc bấy giờ là một đám có đủ những điều kiện cần thiết cho việc cầu thân của hai nhà. Trước khi về nhà chồng, bà chưa hề biết ông Hai, mà đến khi lấy nhau, bà cũng không biết gì hơn về chồng. Hai người sống cạnh nhau như trong nhiều gia đình khác, cùng nhau đồng ý để con và buôn bán làm ăn để đạt tới cái mục đích hai bên cùng mong ước là làm giàu.

Đôi vợ chồng sống như thế trong vòng mười lăm năm, không có một chút bất hòa. Đến khi cậu Bình lên ba, thì ông Hai mất. Bà Hai cũng khóc lóc thương tiếc chồng, nhưng bà không thấy có sự thay đổi gì cả, bà lại vẫn sống như thường và vẫn làm ăn buôn bán như trước.

Các con lớn dần lên, bà Hai thấy đến lúc phải lo liệu đến tương lai của chúng. Cô gái đầu lòng, vì sự nhiều người tranh nhau hỏi, đã hết là một mối lo cho bà mà trở thành một mối vui mừng. Cô Tuyết thì hãy còn nhỏ. Chỉ còn Bình là cái hy vọng và cái cột trụ của tất cả gia đình. Bà chiều chuộng con út như những bà mẹ chỉ có một con trai; bà thấy làm sung sướng khi nhận thấy Bình được họ hàng khen ngợi là một cậu bé ngoan ngoãn dễ bảo vào rất có hiếu, nghĩa là biết chăm nom và săn sóc một cách trịnh trọng đến ban thờ những ngày có giỗ. Trước bao vẻ nghiêm trang của cậu bé ấy, những người trong họ đều đoán một cách quả quyết rằng Bình sẽ là một cậu thanh niên hoàn toàn đáng làm mẫu cho các người khác.

Buổi chiều sau bữa cơm, tất cả gia đình nhà bà Hai hội họp ở gian nhà ngoài. Chỗ đó kê bộ trường kỷ, mấy cái án thư nhỏ và cái sập gụ ở trước bàn thờ. Giờ này là giờ bàn chuyện phẫm để tiêu cơm và chờ lúc đi ngủ.

Ngoài bà Hai và các con, lại có cả bà Cửu đã đến chơi ban sáng và Chương. Chương vừa mới đưa Bình đi xin học ở một trường tư, vì tuy nghỉ hè, bà Hai vẫn

nuốn cho con mình theo học; bà yên trí rằng hễ có học nhiều là tất nhiên phải giỏi, phải thi đỗ, tuy Chương đã nói cần để Bình nghỉ, vì cậu sức yếu.

Bà Hai âu yếm nhìn con, nhưng cái vẻ xanh xao mảnh khảnh của Bình không làm bà chú ý:

- Để em ở nhà nó cũng buồn không biết làm gì. Thà cứ cho nó đi học lại còn vui chúng vui bạn hơn.

- Vâng, bác nghĩ cũng phải. - Chương lơ đãng trả lời, vì chàng còn mãi nghĩ đến chuyện khác.

Thực ra, chàng cũng không quan tâm đến sức khỏe của Bình lắm; chàng nói thế để bà Hai khỏi nhờ chàng mỗi ngày đến kèm dạy Bình như bà đã khấn khoản. Nhưng rồi thấy bà Hai quả quyết chàng đành phải theo ý vậy.

Bà Cửu lúc nào cũng muốn mọi người chú ý đến Tiến, quay lại nói với Chương:

- Có học nhiều thì mới chóng giỏi được chứ. Như cậu Tiến đằng kia ấy, năm nay mới có hai mươi ba tuổi mà đã sắp thi ra ở cao đẳng.

Bà vừa nói vừa đưa mắt nhìn về phía cô Hảo đang ngồi tèm trâu trên ghế trường kỷ:

- Lúc còn bé, cậu ta cũng nhờ có anh kèm, nên mới học chóng được như thế.

Rồi từ câu chuyện học, bà xoay sang nói về gia đình cậu Tiến, khen bà mẹ hiền lành, và rộng lượng, ông cụ rất yêu con và yêu cậu ta nhất nhà, những câu chuyện mà bà quên rằng đã nói với bà Hai lúc buổi sáng. Bà

nay cứ yên lặng ngồi nghe, thỉnh thoảng gật đầu ra dáng để ý lắm! Tuy trong lòng bà đã định từ chối lời cầu thân của bà Cửu rồi, nhưng bà vẫn thích nghe những lời ca tụng của bà Cửu đối với cậu Tiến.

Hảo ngồi trên trường kỷ, chăm chú tằm trâu xếp vào tráp: nàng lắng nghe câu chuyện, và sung sướng nghĩ rằng tất cả những lời ca tụng ấy là vì mình. Tự nhiên nàng lại nghĩ đến một người chị em bạn là cô Đông, một cô gái nhà nghèo, nhưng vì có nhan sắc nên đã được một người tham biện hỏi làm vợ. Hảo còn nhớ cách ngày cưới mấy tháng sau, hai vợ chồng cô ta đến thăm mình: hai vợ chồng ở trên một cái ô tô sang trọng bước xuống, cô Đông mọi khi buồn rầu và ủy mị vẫn để hỏi vay tiền nàng, bây giờ Hảo thấy khác hẳn, mặt tươi sáng lên, miệng cười luôn luôn, và nhất là ăn nói một cách mạnh bạo chứ không rụt rè, e lệ như ngày trước. Hảo nhớ rõ, khi tiễn bạn ra về, lòng nàng bấy giờ hơi se lại vì ganh tị với cái số phận sung sướng của Đông.

Chỉ có Tuyết là không thích nghe nói đến Tiến một tí nào. Cô vẫn ghét cái dáng điệu, kiểu cách và đạo mạo của cậu ta. Vì vậy, nên Tuyết chỉ chờ dịp là nói đến Trường cho bà Cửu biết, vì đối với Trường nàng rất có cảm tình:

- Có phải hết hè này, anh Trường cũng vào học cao đẳng phải không, anh Chương?

- Tôi cũng chẳng biết.

Chương khó chịu trả lời. Nhưng chàng lại dịu giọng ngay:

- Hình như thế thì phai. Nhưng tôi không biết anh ta định xin vào ban nào.

- Ban luật chứ còn ban nào nữa.

Chương nhìn Hào, cười ra vẻ người hiểu biết.

- Không phải chỉ có trường Luật như trường cậu Tiến học. Còn có nhiều trường khác nữa.

Ngừng một lát, Chương tiếp:

- Thường thường, những người nào học kém thì vào các ban khác. - Chàng muốn nói ý rằng Trường tuy đã đỗ nhưng sức học hãy còn non lắm.

Tuyết cũng hiểu như thế, nàng muốn cãi lại, mà không biết nói gì. Nhưng một đứa trẻ như nàng không biết giữ kín những cảm giác của mình, nàng cau mặt tỏ vẻ không bằng lòng đứng dậy đi vào trong phòng.

VII

Một tháng sau, Trường xin phép mẹ về An Lâm chơi. Đã ba, bốn năm chàng không có dịp về thăm quê nhà, thăm những người thân thuộc vẫn còn lại ở đấy. Trường muốn trở về nhìn lại những chỗ đã giữ bao kỷ niệm êm đềm trong quãng đời trẻ thơ của chàng. Với lại, chàng muốn xa cách ít lâu cái náo nhiệt trong căn phố chàng ở, và quên những bộ sách khô khan mà chàng đã nghiền ngẫm mấy tháng trước khi thi.

Trên thuyền tàu đưa chàng đi, Trường vui vẻ nhìn đồng ruộng đằng xa kéo lại, tấm thảm lúa xanh thẫm mà cơn gió làm nổi lên những làn sóng bạc. Thỉnh thoảng, một mảnh ruộng có nước, sáng như một tấm gương phẳng lặng, phản chiếu vùng trời xanh ngắt và rộng rãi.

Trường thở hít mạnh không khí trong sạch, lắng tai nghe những câu chuyện mộc mạc và tiếng cười nói của những hành khách trên tàu. Chàng cảm thấy tâm hồn mình trở nên giản dị và trong sáng như những ngày còn trẻ ở quê nhà.

Gần đến An Lâm, tàu đi trên cầu sông Tiên, và tiếng ầm ầm rung động nhắc Trường nhớ lại khi còn đi học ở trường làng, chàng thường cùng với anh em bạn ra đứng dựa vào thành cầu để nhìn xe hỏa đi qua. Chàng lại nhớ bấy giờ nhìn các người đi trên tàu một cách thèm thuồng, bởi họ đang đi tới những tỉnh thành xa lạ mà chàng hằng mơ ước được để chân đến.

Trường nghiêng người ra ngoài cửa toa tàu nhìn xuống, thấy mấy chiếc thuyền gỗ đang chen nhau đổ bên bờ; một vài đứa trẻ đang bơi lội dưới nước đều dừng lại, giương những con mắt ngạc nhiên nhìn chiếc xe qua.

Mấy dãy nhà ở đầu phố huyện, thấp thoáng sau lũy tre xanh hiện ra, rồi xe đỗ. Trường xuống ga, theo con đường trải đá đi khuất sau rặng cây. Một cơn gió mát ở cánh đồng ruộng đưa tới bay tung vạt áo Trường, đem lại cho chàng cái mùi dễ chịu của đất ải mới cày lật với

hương thơm của cỏ xanh. Buổi chiều rất yên lặng tỏa xuống cảnh quê; một cảm giác êm đềm như ở dưới đất bốc lên, bao phủ lấy mọi vật.

Qua hai dãy phố chợ, Trường men bờ sông Tiên tìm đến nhà bà Nhì. Chàng định nghỉ hè ở nhà bà và để kèm dạy người con bà như lời chàng đã hứa trước. Và chàng cũng muốn sống lại trong mấy căn nhà cổ và trong mảnh vườn hồng ven sông những ngày ngây thơ khi còn nhỏ.

Lên hết mấy bậc xếp bằng gạch cũ. Trường đẩy hai cánh cửa tre của một cái cổng nhỏ nắp sát vào rặng cây xanh tốt làm hàng rào. Bà Nhì đang ngồi trên chiếc chõng tre ở ngoài sân, nghe tiếng động ngoảnh lại nhìn. Thấy Trường, bà vội vàng đứng dậy, nét mặt vui tươi hẳn lên và nói líu cả lưỡi:

- Kia cậu Trường, cậu về bao giờ thế? Sao không gửi giấy báo tôi để cho em nó ra đón. Cậu ngồi xuống đây đã.

Bà giật cái va-li của Trường để lên thêm nhà rồi quay lại thu xếp các đồ dùng để trên chõng. Sự vui mừng thành thực và vẻ luống cuống của bà khiến Trường cảm động và buồn cười. Chàng thấy đầm ấm trong lòng, vì bà Nhì đối với chàng đã thân mật như người trong một nhà.

Trường nhìn quanh mình. Cảnh vật trước mắt chàng vẫn y nguyên, không thay đổi. Căn nhà năm gian vẫn còn rộng rãi; thêm gạch rêu phủ, cả cái bể nước con con, mấy chậu cây si dưới gốc cau cũng y nguyên như hồi còn nhỏ chàng đến chơi.

Bà Nhi vào trong nhà bưng một bộ khay chén ra để trên chõng. Trường toan hỏi, bà đã cất tiếng gọi:

- Trinh đâu ra mẹ bảo.

Thoáng có tiếng người thưa, rồi từ phía vườn đầu nhà, một thiếu nữ sau giàn cây bước ra. Thấy có người lạ, thiếu nữ đứng sững lại ngạc nhiên giương mắt nhìn.

Trường nhận ra cô gái có đôi mắt to và đen vẫn thường chơi với chàng và Lan ngày trước.

Thấy con khép nép dưới giàn hoa, bà Nhi quay lại bảo:

- Cậu Trường đấy mà, có phải ai lạ đâu? – Rồi quay lại phía Trường, bà thân mật hỏi: “Em Trinh đấy, cậu còn nhớ không?”.

Trường vừa đáp: “Thưa, có ạ” vừa đứng dậy nghiêng mình cúi chào. Trinh ngượng nghịu chào lại. Hai má nàng ửng đỏ và e thẹn, nhưng mắt nàng sáng lên như thoáng qua một sự vui mừng. Rồi nhanh nhẹn nàng bước vào trong nhà.

Bà Nhi âu yếm nhìn theo con, bảo Trường:

- Hôm nọ tôi lên chơi trên bà, em nó cứ khẩn khoản đòi theo lên để gặp cô Lan nói chuyện. Nhưng nhà vắng người nên nó không đi được.

Trường thưa biết rằng vì nghèo, nên bà Nhi không muốn đưa con gái đến nhà ai. Máy mẹ con chỉ quây quần sống với nhau trong nếp nhà cũ này; ngay đến những người ở An Lâm bà cũng không giao thiệp với.

Trường hỏi:

- Anh Bích đâu nhỉ, con không thấy.

Bích là cậu con trai thi trượt mà bà Nhì nhờ chàng dạy học.

- Tôi cho em nó sang bên sông khát nọ từ sớm. Để bây giờ em nó cũng sắp về đấy.

Trường ngồi xuống chõng uống nước chè do bà Nhì pha lấy. Chén chè thoang thoảng hương vị hoa mộc, mùi thơm mát và dịu dàng. Chàng hỏi:

- Chè này bà ướp lấy phải không ạ?

Bà Nhì mỉm cười:

- Vâng, mộc ở vườn nhà đấy. Em nó vẫn lấy ướp chè cho tôi uống.

Rót thêm vào chén của chàng bà tiếp:

- Cậu uống nữa đi. Giờ tôi chỉ còn cái thú này thôi. Nhớ ngày trước đi cân gạo với bà phán chẳng sáng nào là không dùng hết một ấm chè.

Bà đứng dậy vào nhà. Trường ngồi yên lặng, linh hồn thư thả và nhẹ nhàng. Chiều đã xuống. Da trời tím lại, và gió mát nổi lên rào rào trong mấy khóm tre gần ngõ. Qua bờ cây, về phía xa, còn thấp thoáng mấy tia nắng vàng yếu ớt. Từ dưới sông Tiên đưa lên tiếng nước róc rách đổ vào bờ, như tiếng kêu của buổi chiều rộng rãi.

Một cảm giác thấm thía và êm đềm như từ những ngày đã qua đưa lại mỗi dịu dàng. Chiều ở thôn quê đối với Trường vẫn giữ vẻ bí mật ngày xưa. Chàng nhớ lại tất cả các buổi chiều khi còn nhỏ, trong cửa hàng của

mẹ: mấy cái quả sơn đen loáng dưới ánh lò mờ của ngọn đèn dầu nhỏ, tiếng muỗi vo ve kêu bên tai, và cái yên lặng buồn nản của ngày tàn đè nén lên tâm hồn trẻ của chàng.

Bà Nhì lên tiếng gọi chàng vào ăn cơm. Bích đã về, vừa rửa chân tay xong ở bên bể cạn. Ba người ngồi chung quanh chiếc án thư cũ kê gian giữa, dưới một cái đèn treo. Trường tuy không thấy đói, nhưng chàng cũng phải gượng ăn mấy miếng trong mâm cỗ đầy mà bà Nhì và con gái đã ra công làm cho ngon lành. Mặc lời chàng từ chối, bà Nhì cứ chốc chốc lại gấp vào bát chàng những món ăn: chàng vừa ăn vừa trả lời những câu hỏi của bà Nhì về tin tức Hà Nội, về gia đình chàng. Được một lát, Trinh lặng lẽ ngồi bên mẹ. Bữa cơm trở nên vui vẻ và thân mật, trong một không khí đậm đà.

Sau bữa ăn, Trường xin phép đi nghỉ. Bà Nhì đã dành riêng cho chàng một căn buồng ở đầu nhà, chỗ có giàn hoa lý. Tuy đi đường mệt mỏi, mà Trường cũng không thấy buồn ngủ. Chàng ngồi tựa vào cửa sổ, nhìn ra vườn. Muôn tiếng khe khẽ rì rào khiến chàng nhận thấy cái hoạt động của ban đêm. Trường sung sướng nghĩ đến mấy tháng được ở đây. Phong cảnh của mảnh vườn trước mắt, với xa xa dòng sông Tiên thấp thoáng trong cánh đồng lúa xanh tươi, đối với chàng như đã quen thuộc.

Sáng sớm hôm sau, Trường đã trở dậy. Ánh nắng xuyên qua khe cửa chiếu vào các xà ngang và mái ngói

làm sáng cả gian buồng. Tiếng cánh bay vụt và tiếng kêu riu rít của đàn chim sẻ từ các kẽ ngói đưa ra làm sang sáng vang động cả buổi ban mai. Trường tự nhiên thấy vui vẻ vô cùng.

Chàng bỏ giày cho mát chân, mở cửa bước ra ngoài, len qua mấy luống hồng và gốc khế, đi xuống phía sông Tiên. Hơi mát lạnh của nước sông như bốc lên thấm thía vào cảnh vật. Trường men theo bờ ra cánh ruộng. Mùi thơm của cỏ làm chàng nhẹ nhõm và say sưa. Khoảng rộng và trời xanh khiến chàng nhẹ nhõm và khoan khoái. Trường ngồi trên thảm cỏ, tay rút, miệng nhai những cánh lá thơm; tất cả giác quan như chờ đợi những cái thú và hương vị của cánh đồng quê mà chàng sợ không hưởng được hết.

Trở về, Trường đã thấy bà Nhì ngồi pha chè trên chiếc trường kỷ, đang đợi chàng. Trường ngồi xuống ghế, đưa chén chè nóng lên miệng. Mùi thơm ngát của cánh chè đầu xuân nhắc Trường nhớ lại những buổi uống chè khi sáng sớm trời còn tối, trước khi mẹ chàng và bà Nhì ra hàng cân gạo, những buổi sớm mà cánh đồng còn mờ sương đã vang động những tiếng xì xào của các người nhà quê hàng xóm gánh gạo lên chợ bán. Trường hỏi bà Nhì xem sự hoạt động ấy có còn đến bây giờ không, nhưng bà buồn bã trả lời:

- Mấy năm nay ở đây buôn bán kém lắm, không được như trước. Bây giờ kiếm ăn mỗi ngày một khó hơn.

Bà Nhì yên lặng, có vẻ nghĩ ngợi. Nụ cười âu sầu và

an phận lại thoáng nở trên môi, và đôi mắt hiền từ của bà như nhìn đắm đắm tới những ngày nào, xa lắm. Trường thương hại: bà vẫn lặn lội với cái nghèo trong khi quanh mình bà, những người cũ đã trở nên khá giả và sang trọng. Chàng muốn tìm câu chuyện để nói, thì bà Nhì bỗng hỏi:

- Ban sáng cậu đi chơi đâu? Đã vào trong nhà chưa?

- Chưa ạ.

Bà Nhì có nhắc, Trường mới nhớ đến. Trong nhà là họ ngoại của chàng. Trước kia, khi chưa lên Hà Nội, gia đình Trường vẫn còn bên cạnh xó nhà của họ ngoại. Đó là một cái trại rộng rãi, vườn trồng đầy cây hoa lạ, mấy nếp nhà gạch dựng chung quanh một cái sân lát. Qua rặng găng tây, người đi đường có thể trông thấy mấy cái mái lợp ngói tây, với chòm lá của một cây mít lớn. Câu “nhà ngói, cây mít” ở cửa miệng các người nhà quê thật là đúng với cái dinh cơ to tát ấy, ngạo nghễ đứng giữa phố chợ, trong đám nhà tranh lụp xụp và xơ xác của bọn nghèo hèn ở chung quanh. Họ ngoại nhà Trường toàn những người giàu có, nhưng rất kiêu và hà tiện, xưa nay đối với nhà chàng nghèo túng, vẫn lãnh đạm và đứng đưng. Mẹ chàng khi xưa không chịu nhờ vả, chỉ một mình tần tảo nuôi con. Cho đến bây giờ, Xuân và Trường đã đồ ọat, mẹ chàng coi đó như một cách đáp lại những lời mai mỉa mà trước kia họ hàng đã dùng để chê bai cái cảnh nghèo nàn của gia đình chàng.

Vì có mối ác cảm ấy, nên tuy đã lâu lắm Trường

chưa về quê, mà chàng cũng không muốn vào thăm trong họ. Bà Nhi cũng biết thế, nên khi thấy chàng lưỡng lự và tỏ ý ngần ngại bà vội giục:

- Cậu vào chơi trong ấy đi rồi về ăn cơm thì vừa.

Tính giản dị hồn nhiên, bà không ghen ghét hay ganh tỵ ai bao giờ, tuy người ta lãnh đạm với bà. Đối với ai bà cũng muốn thân thiện và tử tế. Lòng hiền hậu của bà khiến Trường quên tất cả những nỗi ngần ngại. Chàng quả quyết đến thăm ông bác, và nhân thể xem căn phố chợ An Lâm mà lúc còn đi học trường làng ngày nào chàng cũng đi qua.

Vừa bước ra khỏi cổng, Trường gặp Trinh đi chợ về. Nàng cắp bên người cái rổ con đựng mấy mớ rau xanh tốt. Một con gà trống nằm ép mình trong rổ, thò đầu ra ngoài. Thấy Trường, Trường vui vẻ hỏi đùa:

- Cô đi chợ về đấy à? - Chàng buồn cười khi nghĩ đến con gà ấy lát nữa sẽ là bữa tiệc của mình. - Cô mua gì mà nhiều thế?

Trinh khép nép đứng lui vào bờ giậu. Nàng nhắc vành nón lên nhìn Trường, khẽ trả lời một câu không rõ. Một nụ cười rất duyên ở trên cặp môi đỏ và hai lúm đồng tiền in rõ trên má hồng hào. Nàng trông dịu dàng và tươi thắm. Lòng yêu mến, Trường thấy mạch máu chạy mạnh trong người và một niềm vui ham sống tự nhiên tràn ngập cả tâm hồn. Trường muốn nói một câu để tỏ rõ cái bông bột sung sướng trong lòng, nhưng ngượng ngịu lại thôi. Lặng lẽ chàng tránh sang bên

cho Trinh đi, rồi quay lại nhìn theo dáng điệu mềm mại của Trinh cho đến khi nàng khuất sau khóm cây đầu vườn.

VIII

Trường đi qua cổng huyện, rẽ về bên trái. Mấy lớp nhà đầu phố hiện ra trước mắt chàng. Vẫn mấy nếp nhà tranh xiêu vẹo của bọn người nghèo khổ các nơi trú ngụ ở An Lâm. Tuy xa cách đã lâu, mà Trường thấy những dãy nhà không có gì thay đổi, có chăng là xiêu vẹo và điêu tàn hơn một chút. Chàng đoán cuộc đời tối tăm và khốn nạn trong đó cũng vẫn như ngày trước khi chàng còn ở đây.

Trường bước nhanh để vội qua những nơi ấy. Trên các thêm nhà, chàng vẫn thấy một lũ trẻ bán thú và rách rưới đùa nghịch; chúng giương những con mắt ngạc nhiên nhìn Trường đi qua. Trong các khung cửa dưới mái tranh xơ xác, Trường nhận ra thấy một vài người đàn bà quen, những người ở phố chợ này đã lâu lắm. Đã từng trông thấy Trường chơi đùa dưới mắt họ cùng với một lũ trẻ cũng bán thú như những đứa trẻ kia.

Những người đàn bà nghèo khổ này vẫn thường đến vay mượn mẹ Trường. Chàng ngậm ngùi cho cái số phận đáng thương của họ, có lẽ suốt đời phải lâm lụy trong cảnh đói khổ như thế này mãi. Trường nghĩ đến

trước kia, gia đình chàng cũng không hơn gì gia đình những người này. Chàng đã sống chung với con cái họ. Nhưng tấm lòng hy sinh của mẹ đã khiến Trường và anh có thể theo học được, và đến bây giờ, thoát khỏi sự cùng cực, sống một cuộc đời đầy đủ hơn một chút. Trường thấy nổi lên trong lòng một tâm tình yêu mến, kính phục đối với mẹ, với tất cả những người mẹ khác đã hy sinh cho con.

Chàng đoán chắc những bà mẹ xấu số kia đang nhìn theo chàng một cách ao ước, thêm thương. Chàng thoáng nghe thấy họ nói với nhau:

- Cậu Trường đấy, Trường con bà phán đấy mà. Gớm, cậu ấy bây giờ trông nhớn quá.

Trường mỉm cười. Chàng lương lý không biết có nên dừng lại hỏi han họ không. Nhưng chàng sợ, những lời than phiền, và cảnh nghèo khổ thương tâm của họ khiến chàng muốn tránh xa, Trường lại bước nhanh đi đến nhà ông bác. Qua dãy phố chợ, đến phố huyện là chỗ những người giàu có ở. Những nhà gạch dựng sát tường nhau, liên tiếp hai bên đường. Trong dãy nhà ấy Trường lại trông thấy hai căn nhà to lớn của người Khách, mà lúc còn bé, chàng cho là vĩ đại nhất, không còn có cái nào khác có thể cao và to hơn được. Bây giờ nhà đó đối với chàng không còn gì lạ lùng nữa. Nhưng mấy người Khách béo tốt ngồi yên lặng sau quầy hàng vẫn có vẻ giàu sang vững chãi đột ngột trong những cảnh nghèo khổ chung quanh.

Đến nhà họ, Trường thấy người bác gái cùng với mấy đứa con đang ngồi ở cửa hàng, một cửa hàng trông ra phía chợ. Trường vui vẻ bước vào. Bà cả thấy cháu đến, không vẻ gì ngạc nhiên hay mừng rỡ. Bà điềm nhiên bảo Trường ngồi xuống ghế, rồi ôn tồn hỏi:

- Cậu về đây có việc gì thế? Thím độ này có mạnh giỏi không? - Rồi bà chép miệng nói thêm:

- Lâu nay hàng họ bạn quá, thành thử bao nhiêu lần bác muốn lên thăm thím và các cháu trên ấy mà không đi được. Đấy, cậu xem, luôn tay có lúc nào rỗi đâu.

Trường lễ phép đáp lại. Thực ra, chàng cũng biết bác Cả chẳng phải vì bận việc mà không lên chơi với mẹ chàng được: bà ta lên Hà Nội luôn nhưng không lần nào đến, vì bà không có lợi gì mà giao thiệp với nhà Trường. Câu nói đái bôi của bà làm cho Trường khó chịu, nhất là chàng lại nhớ đến những cử chỉ khắc nghiệt của bà ngày xưa đối với mẹ chàng. Cái kỷ niệm đau đớn và uất ức còn in sâu mãi trong óc Trường: tối đêm ba mươi tết, năm Trường lên mười tuổi, bà Cả đứng ngoài sân reo đòi nợ năm đồng bạc khiến mẹ Trường tức ngất người đi và bà chẳng phải đợi hết mưa gió đến gõ cửa nhà một người quen biết trong huyện vay tiền đem về trả.

Sự khinh bỉ cái tàn ác ấy cũng đến theo với cái kỷ niệm buồn rầu kia Trường nhìn thẳng vào bà Cả, tìm trên khuôn mặt phúng phính của bà những nét khắc nghiệt ích kỷ, cái vẻ điêu ngoa và gian ác mà thời gian

không che bớt đi. Tuy vậy chàng cố nén tâm trở lại bình tĩnh, và thông thả trả lời câu hỏi của bà:

- Thưa bác, mẹ cháu vẫn ân hận vì đã lâu chưa về thăm bác được. (Chàng vui vẻ tiếp chuyện ra vẻ ân cần lắm). Độ này bác đã được bình phục như thường rồi chứ? Năm ngoái khi nghe tin bác mệt, cháu cứ áy náy mãi không về được.

Nhưng Trường bỗng tự nhiên mỉm cười. Vì chàng cũng vừa đã giả dối như bà Cả. Sức khỏe của bà, chàng có bao giờ để ý đâu! Mà nếu bà ta ốm yếu, có lẽ chàng lại mừng nữa. Rồi chàng thấy những câu hỏi thăm mình sắp nói là vô vị và không thực thà. Chàng yên lặng.

Vừa lúc ấy, mấy người đàn bà quê vào mua hàng. Bà cả bảo Trường:

- Cậu lên chơi trên nhà. Bác ở trên ấy đấy. Trường đứng dậy vào phía trong, đi qua một cái sân gạch rộng. Mấy con chim bồ câu đang nhặt thóc thấy động vụt cánh bay lên trước mặt chàng. Trong gian phòng ngang bên tay trái, một đám người quần áo cũ kỹ và rách rưới, đang đứng chờ đợi, giữa những quang gánh và thùng mùng. Đó là những người đến vay thóc. Bên cột thóc cao đến mái nhà, Trường thấy cô Tâm, con gái bà Cả, đang coi bảo mấy tên người nhà. Tiếng cô nói gắt và the thé, che lấp cả những lời van xin se sẻ của đám người kia.

Đến nhà trên, một căn nhà lồi mới ta thường thấy ở các vùng quê, Trường nghe thấy tiếng nhiều người nói

chuyện. Chàng ghé đầu vào cửa sổ, thấy ông Cả đang ngồi cùng mấy người khác, chung quanh chiếc bàn mặt đá. Trông nét mặt và dáng điệu mọi người, Trường đoán họ đang bàn luận một việc gì quan trọng lắm. Chàng còn đang lưỡng lự không vào, thì Tín, con trai ông Cả, đã trông thấy chạy ra vồn vã:

- Kia anh Trường, về bao giờ thế? Mời anh vào chơi.

Trường tỏ vẻ ngần ngại:

- Hình như bác đang bận việc gì thì phải.

- Không, anh cứ vào.

Tín kéo tay chàng dắt vào trong nhà. Mọi người dừng lại, ngẩng lên nhìn. Trường lễ phép cúi chào. Ông bác nhìn chàng sẽ gật đầu, rồi lại quay về phía bọn khách nói chuyện. Trường theo Tín đến ngồi chiếc ghế gụ kê sát tường, một chiếc ghế kiểu lối làng, pha Tàu, pha Tây, nhưng rất đắt mà các nhà sang trọng hay bày biện. Chàng thấy chiếc ghế đầy những bụi, hình như đã lâu không có ai ngồi đến.

Tín mang đến một cái ấm tích cũ, rót vào cái chén cáu bẩn một thứ nước đen ngòm và lạnh, rồi điềm nhiên mời khách uống. Trường nhìn bàn tay to lớn của Tín, cái thân hình mập mạp của anh ta, và nét mặt thản nhiên, đôi con mắt không có một ý tứ gì. Tất cả những người ở bên họ ngoại, vẫn làm cho Trường lạ lùng và khó hiểu. Ông Cả đã suốt một đời, chàng không thấy làm việc gì: ông chỉ ngồi nhà, mặc vợ và con gái buôn bán nuôi mình. Ông lúc nào cũng thông dong nhàn nhã. Mùa hạ

ông mặc chiếc áo cánh lụa, phe phẩy cái quạt, rồi ăn cơm xong, miệng ngậm cái tằm, ông ung dung đi bách bộ trong sân nhà, hay ra phố chợ nói dăm ba câu chuyện không đâu với những người ở đấy. Lúc còn nhỏ ông làm cho Trường kính phục lắm, vì mọi người chung quanh vẫn coi ông là biểu hiện của sự sung sướng cực điểm, cái sung sướng được thư nhàn; không phải làm ăn vất vả.

Đến lượt Tín cũng thế. Trường cũng không thấy anh ta làm việc gì. Mười năm trước, Tín cũng cấp sách đi học với chàng nhưng sau khi trượt bằng sơ học, Tín bỏ trường và từ đấy không theo học nữa. Trường lấy làm lạ, sao anh ta có thể sống một cuộc đời yên lặng thế được, mà không băn khoăn. Chàng tò mò muốn biết công việc và ý nghĩ của Tín ra thế nào, chàng hỏi:

- Độ này anh làm gì?

Tín ngạc nhiên, nhìn Trường rồi mỉm cười:

- Tôi ấy à? Chẳng làm gì sất.

- Thế anh không thấy buồn à?

- Buồn? - Tín ngẩng đầu ra đằng sau, như nghĩ ngợi

- Buồn thì cũng có buồn. Anh tính ở chỗ nhà quê này thì có gì vui. Hết ăn rồi lại ngủ. - Tín chép miệng, thêm - Giá tôi được ở Hà Nội như anh thì thích.

- Anh nói có lẽ.

Trường yên lặng. Tín không hiểu câu hỏi của chàng. Trường nhìn Tín một lần nữa, tự hỏi sao anh ta không thấy cái vô dụng của đời anh ta, không áy náy mảy may

vì không làm gì trong khi chung quanh, ai nấy cũng có công việc. Nhưng Trường chợt nghĩ đến ông Cả, chẳng phải ông đã làm gương cho cậu con sao? Chàng nhận ra trong xã hội có nhiều gia đình mà người đàn ông không làm gì, bao nhiêu công việc về phần đàn bà phải gánh vác.

Câu chuyện ông Cả bàn với mấy người khách đang đến chỗ kịch liệt thì phải, vì Trường thấy ông đã to tiếng, và đã tắt cái đóm châm hút thuốc lòn đến ba lần. Để mặc Tín yên lặng ngồi bên. Trường lắng tai nghe. Họ đang bàn về việc sửa soạn rước mã cho hàng phố. Người ngồi trước mặt ông Cả, mà Trường nhận ra là ông chủ ty rượu An Lâm, thì muốn cho cuộc rước giản dị, gọi là đủ lệ thôi. Ý kiến ấy không được ông Cả và hai người nữa ngồi cạnh ông tán thành. Người đứng tuổi ở bên trái, đập cái quạt xuống giường nói:

- Ông chủ ty bàn thế thì tôi không phục chút nào cả. Đã không làm thì thôi, chứ đã làm thì rước phải cho ra rước. Luộm thuộm chả bỏ người ta cười cho.

Ông Cả thêm:

- Phải, từ khi hàng phố ta biệt lập ra chưa làm cái gì. Bây giờ phải rước thật long trọng để làng họ phải sợ.

Phố An Lâm trước vẫn nhập sát vào làng sở tại ở đó. Đầu năm nay ông Cả và vài người tài mắt trong phố, tìm cách làm cho phố biệt lập cách hẳn làng ra, và phải có một Hội đồng riêng mới trông coi được. Họ ao ước như vậy để được một chân trong Hội đồng ấy, và sẽ thu

lợi về số thuê chợ và thuê nhà trong phố, một số tiền lớn. Vì việc này, bên làng và bên phố đã kiện nhau mãi, rút cục bên hàng phố được nhờ thế lực ông Cả, vì ông này có người em vợ ở tỉnh làm thư ký riêng cho quan tuần.

Người ngồi bên phải để búi tóc, mặc chiếc áo lương mới, từ nãy vẫn im lặng, bây giờ thông thả cất tiếng:

- Ông Cả và ông Lâm bàn phải. Không những để làng họ sợ, mà còn để quan trên trông xuống biết hàng phố ta làm được việc nữa.

Giọng ông nói đồng dục và bệ vệ, tỏ ra người có chức việc hệ trọng. Trường hồi Tỉn mới biết chính là ông trưởng phố An Lâm.

Thấy chỉ có một mình riêng một ý kiến, ông chủ ty rượu hết sức biện thuyết:

- Tôi tưởng cuộc rước cứ đủ lễ voi, ngựa cũng đã long trọng chán. Từ đền ra chợ chỉ có một quãng ngắn không. Với lại...

Người trưởng phố ngắt:

- Ông này thật không nghĩ xa.

- Để yên tôi nói - ông chủ ty rượu tiếp - Với lại hàng phố ta có phải hà tiện tiền mà không làm được cái rước long trọng đâu! Ta cũng tiêu từng ấy tiền nhưng cái lễ mã thì làm giản dị, còn cái lễ thần thì làm rất trọng thể. Từ ngày phố biệt lập ta chưa cho đàn em chúng nó hưởng cái ân huệ gì.

Trường vẫn cứ lặng ngồi nghe, ngạc nhiên một cách

chán nản. Tất cả công việc và cuộc đời của bọn người này là thế ư? Chàng vẫn biết ông bác và cả gia đình họ ngoại của chàng, chỉ là những kẻ giàu có, nhờ thế lực của tiền để bóc lột dân quê. Nhưng chàng cũng không thể ngờ rằng những hành vi và tư tưởng của họ lại vô vị và trẻ con như vậy. Sự bất công rõ rệt khiến Trường tức bực đến đau đớn; trong khi các con cái những nhà này có đủ điều kiện ăn chơi hoang phí và làm những việc không đâu, thì nhà chàng, và tất cả những người nghèo khổ chung quanh vùng phải chật vật khó nhọc mới đủ nuôi con ăn học. Trường quay lại Tín; người em họ hàng của chàng đã ngựa đầu lên thành ghế mắt lim dim như muốn ngủ. Nét mặt nặng nề và cục mịch chứng tỏ một tâm trí tối tăm và đầy vật dục.

Lúc ông Lâm và người trưởng phố đứng dậy ra về, ông Cả mới để ý đến Trường.

- Cháu lại đây. Thế nào, bao giờ thì vào cao đẳng? Định học ban nào?

Trường khó chịu: lại câu hỏi đã nghe không biết bao lần! Tự nhiên chàng trả lời:

- Thưa bác, ban luật.

- Cháu nghĩ phải. Bây giờ chỉ học luật là có giá trị. Rồi quay về phía ông chủ ty, ông Cả có ý khoe khoang, giới thiệu:

- Cháu Trường đấy, ông Huy có biết không. Mới đỗ bằng thành chung kỳ vừa rồi, nay sắp vào cao đẳng.

Trước vẻ mặt ngơ ngác của ông Huy, ông Cả nói thêm:

- Trường, con thím tôi đây mà.

- À!

Ông Huy đáp xong nhìn Trường một cái rất nhanh, rồi ông lại tiếp tục câu chuyện bàn dỡ.

- Vậy thì cứ như ta đã nói, phải hai ngựa, hai voi với nhiều cò quạt mới đủ...

Trường hơi mỉm cười. Trong cái nhìn của ông Huy chàng nhận thấy rõ rệt rằng ông ta cho chàng là trẻ con, không đáng để ý đến. Ông Huy nhìn chàng như nhìn một người không có thể hiểu được câu chuyện quan trọng ông đang bàn. Trường chưa chắt nghĩ đến cái quan trọng ấy và tự hỏi sao lại có người có thể vẽ ra những chuyện vô ích và nhảm nhí như rước mã được. Trong phố An Lâm còn bao nhiêu việc đáng làm. Lập thêm trường học, đào giếng, thắp đèn cho sáng, những công việc giúp cho cuộc sống của mọi người sao không làm? Chàng thấy trong óc dỗi dào bao nhiêu ý nghĩ. Nhưng Trường hiểu rằng nếu mình đem những ý kiến ra tỏ bày, ông Huy và ông Cả sẽ cho là chuyện trẻ con. Với lại, họ sẽ cho rằng chàng còn trẻ quá, chưa có địa vị gì và chưa đến cái tuổi nói cho người khác nghe.

Trường buồn rầu đứng dậy chào ông Cả ra về. Chàng muốn rời nhanh chóng cái hoàn cảnh không hợp với ý nghĩ và tâm hồn chàng. Qua nhà ngoài, bà Cả đang bận bán hàng cho khách, cũng vội ngẩng lên mời với:

- Cậu Trường hãy ở chơi ăn cơm đã.

Trường làm như không nghe thấy, rào bước ra

không ngoảnh lại. Tiếng ồn ào của chợ đã họp đông bao bọc lấy chàng. Trường thấy chung quanh mình những người nhà quê giản dị và mộc mạc, nói chuyện một cách rất vui vẻ, thực thà; chàng thấy đối với họ gần gũi và thân mật hơn.

IX

Không muốn ở lại phố, Trường rẽ xuống cánh đồng, men theo các bờ cỏ mà đi. Gió từ quãng ruộng đưa lại, trong sạch và mát mẻ. Ruộng lúa xanh rờn trải mãi tận chân trời, đến những làng mạc thẳm xa xa. Trên các con đường nhỏ quanh co giữa cánh đồng, từng đám người đi chợ thông thả len theo bờ lúa. Gió đưa lại tai Trường tiếng cười nói của họ, vang trong không khí buổi ngày rục rờ này.

Đến sông Tiên, chàng đi ngược lên về phía huyện. Nóc nhà bà Nhì dân hiện sau lũy tre ven sông, mấy ngọn cau cao vút, yên lặng giữ trong khe lá những mảnh trời xanh. Hình ảnh Trinh lại dịu dàng trước mắt chàng. Trường thấy bao nhiêu tình cảm trong tâm rung động, như sắp gặp một hạnh phúc đẹp đẽ, nhưng chàng không rõ đấy là cái vui sống của tuổi trẻ hay là lòng yêu. Hai thứ ấy hình như cùng hòa hợp làm một.

Trường dừng lại trên mấy bậc gạch từ trong vườn bà Nhì đi xuống sông. Bên kia bờ, mấy người đánh cá

đang cắt những mảnh lưới sáng loáng dưới ánh nắng; dòng sông chảy lặng lẽ và thông thả, nên những giọt nước ở lưới rơi xuống nghe rào rào như mưa nhẹ. Trong chỗ bóng rợp của dây cây men bờ, nước trong và mát, khiến Trường lại muốn như lúc còn bé, hứng nước lên bàn tay để giữ lấy cái mát rượi ít lâu.

Trong vườn bỗng thấp thoáng bóng người đi ra phía sông. Không ngừng mắt trông lên, Trường cũng biết chắc đây là Trinh. Tâm hồn chàng yên lại như đợi chờ. Nước sông Tiên trong hơn, cỏ tươi hơn và ngày rực rỡ khác thường. Cảnh vật chung quanh chàng trở nên đẹp đẽ, đáng yêu. Nàng ở gần, ngay bên chàng. Nhìn lên chàng thấy Trinh đứng bên khóm mộc, đang nhặt trong khe lá những chùm hoa nho nhỏ, để đem về ướp chè. Trường lặng yên nhìn thân hình mềm mại của Trinh trên nền cành lá: nàng bận một chiếc áo trắng mỏng; trên vành khăn nhung, trong mái tóc đen có giắt mấy bông hoa sỏi. Những buổi vui đùa ngày trẻ với cô bé có đôi mắt to và đen thoáng qua trong trí nhớ, dậy nổi trong lòng chàng nguồn tình cảm yêu mến dằm thắm.

Say sưa và mạnh bạo Trường bước lên vườn. Trinh ngoảnh ra thấy chàng, nàng luống cuống và e lệ. Nàng muốn tránh ra chỗ khác, nhưng vẫn cứ đứng yên. Trường lại gần. Chàng ngượng nghịu vịn một cành cây xuống, hồi hộp không biết nói gì. Hai người đứng yên lặng như trong giấc mộng, hơi thở hòa nhịp với nhau, với mùi thơm kín đáo và dịu dàng của bông hoa mộc lấm tấm trắng trong cành lá.

Trường cảm động nhìn những ngón tay xinh xắn của Trinh hái hoa. Chàng cũng đưa tay lên, rồi không biết mình làm gì nữa, nhẹ nhàng giữ lấy tay Trinh hái hoa trên chím nụ. Chàng thấy Trinh rung động cả người. Nàng ngước đôi mắt đen lên đăm đỗi nhìn chàng, miệng khẽ ấp úng:

- Anh... Rồi bỗng rút tay ra, nàng vùng quay đi chạy qua vườn như con bướm trên cỏ mùa xuân.

Từ hôm ấy trở đi, sự giao thiệp giữa hai người bắt đầu thay đổi. Trường và Trinh ở vào cái trường hợp của hai người còn trẻ, cả hai cùng ngây thơ và trong sạch, thấy yêu mến nhau và muốn gần gũi nhau luôn.

Khi Trường đương ngồi nói chuyện với bà Nhì trên ghế trường kỷ ngoài hiên, mà Trinh ở trong nhà bước ra, hay có thấp thoáng bóng nàng ở trong vườn, thì tất cả mọi vật đối với chàng sáng sủa hẳn lên, cuộc đời như rực rỡ, vui tươi. Trong những lúc ấy, câu chuyện nói với bà Nhì đậm đà hơn, và tự nhiên hơn đối với bà. Trường thấy kính trọng và thân yêu như đối với người mẹ hiền. Không chỉ những lúc Trinh có mặt hay nghe tiếng nói trong trẻo của nàng, Trường mới cảm động; chỉ cái ý nghĩ nàng có ở đấy, nàng sống cạnh mình là đủ làm cho chàng thấy sung sướng, vui vẻ rồi. Và khi chàng có sự gì buồn bực chàng chỉ nghĩ đến Trinh, là nỗi buồn tiêu tán đi mất cả. Về phần Trinh, nàng cũng thấy cảm giác như thế.

Từ lúc gặp nhau trong vườn, mà lần đầu Trường

hưởng cái thú vị say sưa của tình yêu, chàng với Trinh không mấy khi gặp mặt nhau nữa. Những câu chuyện giữa chàng với nàng vẫn có bà Nhì chứng kiến, những buổi nói chuyện như thế, hai người cùng ham thích, bởi vì qua những câu nói tầm thường, họ cảm thấy cái tình yêu dịu dàng và tha thiết. Còn những lúc chỉ có hai người gặp nhau, câu chuyện đôi bên lại trở nên ngượng nghịu. Hai người cùng thấy e thẹn và muốn tránh xa nhau ngay.

Tình yêu của Trường và Trinh cứ mỗi ngày một trở nên đậm thắm, suốt thời kỳ Trường nghỉ ở An Lâm. Bà Nhì cũng biết hai người yêu nhau, nhưng bà không nói gì, bởi vì lòng nhân từ của bà cho rằng không có sự gì xấu có thể xảy ra được. Đôi với bà, một đôi trai gái yêu mến nhau là một sự tự nhiên, không có gì đáng ngại. Mà Trường yêu Trinh bằng một lòng yêu trong sạch của tuổi trẻ, không nghĩ ngợi, không suy đoán. Trường thấy mình tự nhiên yêu, cũng như tự nhiên sống.

Những ngày ở An Lâm cứ đều đặn qua. Buổi sớm, Trường đã trở dậy, men bờ sông Tiên ra cánh đồng, đi trên những bờ cỏ còn ướt sương. Những gió mát từ đằng xa đưa lại, ánh sáng rực rỡ của mặt trời lên, tiếng chim sẻ đồng hót trong bụi, cho đến những câu chuyện của người cấy ruộng hay người nhặt cỏ, Trường cũng tưởng như để ca tụng đến tình yêu chàng thấy man mác trong lòng. Trời đối với chàng xanh hơn, ruộng lúa xanh hơn, và cảnh vật cũng tươi tốt hơn; tất cả mọi sự đối với chàng cùng là sung sướng và vui vẻ.

Khi đã đi mệt mỏi, Trường lại theo bờ sông trở về nhà, không muốn đi qua phố để thấy cảnh nghèo khổ của người ở chung quanh chợ và nhất là khỏi trông thấy cái dinh cơ sang trọng của bác, khỏi nghĩ đến cuộc đời toàn những sự hà hiếp, nhỏ nhen của các người ấy. Trường thích xuống dòng sông Tiên tắm mát, rồi bước những bậc gạch lên vườn sau nhà bà Nhì, đứng lặng yên lúc lâu, để hưởng cái mùi thơm dịu dàng của hoa mộc hòa lẫn với cái mát mẻ của buổi mai. Chàng đứng đấy để thấy thấp thoáng qua các cành lá, cái dáng điệu mềm mại của Trinh trong lúc nàng làm những việc vặt hàng ngày rồi chàng đột nhiên gần bên nàng, trong lúc Trinh cho chim ăn hay hái hoa sớm, để trao đổi một cái nhìn hay một nụ cười.

Rồi sau khi uống nước chè với bà Nhì ở ngoài hiên, Trường dạy Bích học. Chàng đã kê một cái bàn nhỏ bên cạnh chiếc giá tre gần giàn hoa lý. Vừa dạy học, xem sách, Trường vừa ngắm những bông hoa hồng trong vườn, hay nhìn theo mấy con chim sâu chuyên từ cành nọ sang cành kia. Thỉnh thoảng, Trinh mang đến cho chàng một bông hoa đẹp nàng đã chọn lựa, hay một bó những hoa mộc mạc của cánh đồng Trinh hái trong khi đi thăm ruộng. Bó hoa cắm trong bình để đầu bàn học, nhắc đến sự có mặt của nàng.

Những buổi chiều tối, sau bữa cơm ăn, là những thời khắc mà Trường muốn sống mãi; bên ngọn đèn, chàng ngồi nói chuyện với bà Nhì và Bích trên trường

kỷ; mỗi khi Trường nhìn lên lại thấy đôi mắt đen của nàng long lanh nhìn mình; lúc chàng cùng bà Nhì nhắc lại những ngày chàng còn bé đến chơi đùa trong vườn và ngắt trộm hoa trong luống hồng. Trường lại thấy Trinh mơ màng nghĩ ngợi, hình như nàng đang diễn lại trong trí những hình ảnh đó. Các kỷ niệm chung ấy lại càng khiến hai người yêu mến nhau hơn. Trong những lúc ấy, Trường thấy mình như một người con thân yêu trong gia đình bà Nhì. Chàng lại nhớ đến những buổi sum họp rất hiếm ở nhà, trước khi anh Xuân chưa bắt đầu chơi bời, cả nhà quây quần chung quanh ngọn đèn, cùng chung một cái không khí đầm ấm. Chàng tưởng tượng Trinh ngồi bên cạnh Lan, hai chị em cùng nhau dịu dàng nói chuyện. Có ý nghĩ ấy làm chàng hồi hộp hy vọng.

Trường thấy bông bột trong häng hái của một người trẻ tuổi, lần đầu, tự hiểu biết tất cả cái quan trọng và vẻ đẹp của cuộc đời đầy đủ vì tình yêu. Thường khi về những đêm trăng sáng, chàng không ngủ được, bởi cảm thấy tràn ngập cả người cái vui sống trẻ trung. Chàng trở dậy ra ngoài vườn ngắm bóng trăng yên lặng chiếu trên các lá cây. Sương ướt thấm lạnh người, Trường mới trở vào nghỉ, có khi còn ngoảnh lại nhìn một lần nữa cảnh vườn đầy ánh trăng, như mền tiếc. Ái tình mỗi ngày một thấm thía trong lòng chàng. Những ngày ở An Lâm là những ngày sung sướng trong đời Trường, những ngày sau này, chàng thường nhớ đến như một cái nguồn những tính tình thanh khiết và cao quý.

X

Tháng mười đã đến. Ngày nghỉ sắp hết. Trường phải sửa soạn về Hà Nội để vào học. Buổi sớm hôm ấy, khi chàng đang ngồi uống nước với bà Nhì, người phu trạm An Lâm vào đưa bức thư của Xuân gửi báo tin chàng đã được nhận đơn xin vào học. Nghĩ đến sự sắp phải rời bỏ mảnh vườn quen thuộc này, Trường buồn rầu: thời giờ đi chóng quá, mấy tháng chàng nghỉ ở An Lâm đã thoáng qua như một giấc mộng. Thấy chàng có vẻ nghĩ ngợi, bà Nhì hỏi:

- Thư gì thế cậu?

- Thưa, giấy gọi lên học. Con phải trở về để sửa soạn vào trường.

Bà Nhì đặt chén nước xuống bàn, có vẻ ngạc nhiên:

- Ô, chóng quá nhỉ. Tôi cứ tưởng cậu về đây mới được hơn một tháng. Thế mà đã hết nghỉ hè rồi đấy.

Bà lại hỏi:

- Bao giờ thì cậu lên?

Trường đáp:

- Sáng mai ạ.

Vừa lúc ấy, Trinh ở ngoài vườn đi vào, tay cầm lấy bông hoa hồng mới ngắt ở vườn. Sáng nào nàng cũng lấy một bó hoa để cắm vào bình trên bàn học của Trường. Thấy con bà Nhì gọi:

- Trinh ơi, anh Trường ngày mai về Hà Nội đấy.

Trình đứng sững lại trên bậc cửa, bó hoa nàng cầm trong tay rung động. Một lát nàng nhìn Trường sẽ hỏi:

- Mai anh về thật ư?

Trường thấy đôi mắt trong của nàng mờ đi, và một vẻ buồn rầu trên nét mặt nàng. Chàng thông thả trả lời:

- Vâng.

Rồi không biết nói gì nữa chàng cúi mặt xuống mân mê bức thư trong tay. Ba người cùng yên lặng.

Buổi sáng rực rỡ ở ngoài vườn. Ánh nắng lấp lánh xiên ngang qua giàn hoa, chiếu lên thêm những hình bóng lung lay. Trong vẻ đẹp của cảnh vật, Trường cảm thấy cái buồn man mác của sự phân ly.

Bữa cơm chiều, mọi người cùng ăn vội vàng không nói chuyện như ngày thường. Ăn xong, Trường xếp lại sách vở và quần áo để mai đi sớm. Bích lăng quảng giúp đỡ chàng, còn bà Nhì ngồi trên ghế, lặng lẽ. Bà đã quen có Trường ở bên cạnh, nay thấy Trường đi bà cũng nhớ. Từ ngày Trường về ở An Lâm, bà Nhì đã yêu mến chàng và coi chàng như một người con yêu quý. Trong thâm tâm, bà hy vọng cái mong ước bao nhiêu năm của bà sẽ thành khi mẹ Trường còn ở An Lâm bà ao ước sẽ gả Trình cho Trường, nhưng nhiều cố khiến bà không dám nói: cái địa vị hèn kém của bà, cái nghèo nàn của gia đình bà so với nhà Trường bấy giờ. Nên sự mong ước ấy bà không dám nghĩ đến, và cũng không cho ai biết.

Đêm trong trẻo và có gió mát. Trăng đã lên cao vượt

đầu ngọn tre, chiếu xuống giường. Trường mở cửa bước ra, đứng dưới giàn hoa. Không khí ban đêm thoang thoảng mùi thơm của các bông hoa, mùi hoa mộc hòa lẫn với mùi thơm mát của hoa lý, cái mùi hắc của cỏ ướt sương. Qua hàng rào, Trường thấy dòng sông Tiên lấp lánh ánh trăng, và vẫn nghe tiếng róc rách khe khẽ của nước đập vào bờ.

Trường lắng tai để ý đến những tiếng động trong nhà. Bà Nhì và Bích đi ngủ đã lâu rồi. Chàng cũng được giục nằm nghỉ để sáng mai còn đi sớm. Nhưng Trường không buồn ngủ, và bóng trăng rọi qua khe cửa gọi chàng dậy. Chàng nghĩ đến Trinh, đến đôi mắt buồn rầu của nàng khi biết tin chàng phải đi. Trường đoán bây giờ nàng cũng còn thức. Và chàng muốn gặp, ôm nàng vào lòng để an ủi và để nói cho nàng biết tất cả tình yêu lúc này chàng thấy đầy ngập trong lòng.

Trường đi qua mấy luống hồng: những bông hồng đỏ thắm chìm trong bóng tối, còn những bông hoa trắng, dưới ánh trăng, trông trắng mát thêm. Chàng tưởng đến bó hoa sáng ngày của Trinh hái, cắm trong bình để ở đầu bàn. “Những bông hoa đó sẽ héo sau khi ta đi”, chàng nghĩ và tự nhiên Trường có cái ý trẻ con muốn đem đi một chút kỷ niệm gì của những giờ sống trong thửa vườn này. Chàng ra phía bờ sông đến bên khóm cây mộc, vịn một cành xuống ngang mình. Dưới chiếc lá ướt sương. Trường hái mấy chùm hoa nhỏ, để vào lòng bàn tay. Mùi thơm của hoa dịu dàng như dáng điệu và

kín đáo như tính tình nàng. Chàng nhớ đến lần gặp Trinh ở đây, sự cảm động của chàng khi lần đầu thấy nàng áp úng gọi tên mình. Trường lại thấy hồi hộp trong người; chàng thở dài một cái, rồi hít mạnh không khí mát lạnh của ban đêm.

Chung quanh chàng yên lặng. Mặt trăng đã lên đỉnh đầu, sáng lên trên nền trời trong vắt. Sương xuống đã thấm vào người. Trường thông thả trở về buồng. Đến dưới giàn hoa, chàng quay lại nhìn cảnh vườn, và qua dây tre thưa lá, quăng ruộng mà dòng sông đưa lên tiếng róc rách của nước chảy. Đột nhiên, chàng giật mình. Trong bóng tối của giàn hoa, chàng thoáng thấy bóng người đứng nép vào khóm cây. Chàng bước lại gần. Một tiếng nói quen thuộc khẽ gọi tên chàng, giọng dịu dàng và cảm động. Trường đứng sát bên nàng. Trong bóng tối, chàng thấy đôi mắt Trinh long lanh sáng và nghe tiếng thở không đều của người thiếu nữ. Quả tim chàng bỗng đập mạnh, và một tình cảm yêu mến dồn dập đến; Trường cầm lấy bàn tay nhỏ nhắn của Trinh và kéo lại gần mình.

Có những lúc, trong ái tình của đôi trai gái, lòng yêu tràn ngập cả, bao nhiêu những ý nghĩ, suy xét, dự vọng đều mất đi, nhường chỗ cho sự hòa hợp của hai linh hồn. Trường và Trinh cùng cảm thấy hạnh phúc ấy trong thời khắc này, họ quên hết cả mọi vật chung quanh, và không còn gì đối với họ quan hệ nữa ngoài cái tình của đôi bên.

Hồi lâu, Trinh khẽ gỡ tay Trường ra, đưa chàng cùng ngồi xuống bậc gạch bên thêm. Đêm đã khuya; tiếng nước róc rách ngoài sông Tiên khẽ đi, sương mù đã xuống phủ đầy vườn, trắng xóa như một đám mây, chỉ còn chùm lá dầy của cây lựu lấp lánh sáng. Hai người lắng nghe cái yên lặng của ban đêm. Một lúc sau Trinh sẽ nói:

- Sương xuống lạnh rồi. Thôi, anh đi nghỉ không mệt.

Trường quay tay ra sau lưng nàng âu yếm hỏi:

- Mai anh về, em có nhớ không?

Trinh không trả lời ngược mắt lên nhìn chàng. Trường thấy bao nhiêu tình yêu đắm đuối trong đôi mắt; trên cánh tay chàng thấy Trinh ngả tấm thân mềm mại của nàng. Trường cúi xuống đặt một cái hôn lên cặp môi hé nở như cánh hoa. Một cảm giác say sưa đến tâm hồn mà chàng mới thấy lần đầu.

Hôm sau, trên chuyến tàu lên Hà Nội, Trường buồn rầu nhìn phong cảnh An Lâm xa dần trong ánh áng của một buổi sớm mùa thu. Dòng sông Tiên quanh co giữa đồng ruộng lúa xanh, mấy lũy tre tươi tốt bao bọc lấy phố huyện, mấy ngọn cau cao rũ lá trên dãy nhà mái tranh, tất cả cảnh vật quen nhắc chàng những ngày thân mật vừa qua. Hình ảnh mảnh vườn nhỏ lại hiện ra trước mắt chàng, với những luống hồng và khóm cây mọc hoa trắng lấm tấm dưới kẽ lá xanh. Trường nghĩ đến Trinh, cô thiếu nữ ngây thơ và âu yếm, hiện ra dưới

giàn hoa với đôi mắt đen của ngày còn trẻ, buổi chiều lần đầu chàng bước chân vào nhà bà Nhì. Bây giờ sao chàng yêu mến thế! Trường thấy mình sung sướng và đầy đủ vì tình yêu và tên người thiếu nữ mỗi lần nhắc đến, lại làm cho chàng cảm động như một sự gì sáng láng và trong sạch vô cùng.

XI

Dung ngồi khâu bên chiếc ghế gần cửa sổ. Tay nàng đưa mũi kim một cách uể oải, thỉnh thoảng ngừng lại để trông đứa con đùa nghịch ở góc buồng. Tiếng cười nói vui vẻ của bọn học trò đi qua phố nhắc Dung nghĩ đến thì giờ. Nàng ngẩng lên nhìn đồng hồ lắc lắc.

- Hơn mười một giờ rồi. Sao chưa thấy về.

Rồi nàng lại yên lặng. Vì Dung nhận ra rằng câu ấy nói vì thói quen mà thôi: nàng không mong đợi ai. Bây giờ nàng thấy thân nhiên trong lòng khi nghĩ đến chồng, và sự đó làm cho nàng buồn rầu.

Sau bốn tháng ở quê bà phán đã về đón nàng lên. Dung mừng rỡ đem con ra Hà Nội. Nhưng khi thấy Xuân đôi với nàng vẫn lãnh đạm như trước, Dung chán nản như đã ao ước một cái gì mà thất vọng. Rồi nàng cũng khuây khỏa dần, các cuộc đời lại đi như thường,

với những cái bận rộn và lo nghĩ hằng ngày. Buổi sáng hôm ấy, gió lạnh đầu mùa đem đến cho nàng nỗi nhớ tiếc những ngày vui đã qua. Nàng gọi thằng Sinh tới, lấy chiếc áo dạ cũ mặc cho con. Nàng thấy trong lòng lạnh lẽo, ruột như thắt lại khi nghĩ đến mình không có ai yêu mến nữa. Tất cả quãng đời từ nhỏ hiện ra trong trí nhớ nàng.

Dung nhớ lại lúc còn ở nhà, nàng sống cuộc đời giản dị và bình tĩnh của một cô gái nhà nền nếp ở vùng quê. Cha nàng là một ông tú, suốt ngày chỉ xem sách. Dung nhớ rõ không bao giờ nàng được lên nhà trên, một căn nhà gạch năm gian mà không rụt rè sợ hãi. Lúc nào nàng cũng thấy cha nghiêm nghị ngồi trên sập, bên cạnh chồng sách cao. Hình như căn nhà đó là một thế giới dành riêng cho đàn ông, đàn bà con gái không được bước chân vào. Nàng không thấy ông tú tỏ vẻ âu yếm quý mến nàng bao giờ; chỉ mấy đứa em trai nàng là được ông săn sóc đến.

Nhưng mẹ nàng là một người đàn bà rất vui vẻ và hiền từ. Bao nhiêu công việc trong nhà, bà trông nom quán xuyến cả, và không thấy bà than phiền về sự khó nhọc bao giờ. Dung yêu mến mẹ và lúc nào cũng chỉ quanh quẩn bên chân mẹ như con chim còn non. Hình ảnh mẹ lúc nào cũng phảng phất trong trí nhớ Dung, như hình ảnh một sự đắm thắm, thân yêu mà nàng không được hưởng nữa.

Rồi đến năm về nhà chồng, những ngày sống bên

cạnh Xuân, một người chồng nàng không hiểu, và thấy lúc nào cũng như bản khoăn lo nghĩ về một sự gì. Nàng biết mình không có lỗi, nhưng cứ thấy mỗi ngày Xuân một lạnh nhạt với nàng. Cho đến gần đây, hai người hình như không còn liên lạc gì với nhau.

Dung buồn rầu thở dài. Nàng dừng kim, bỏ tấm vải vào thúng khâu rồi quay ra gọi con:

- Sinh, đừng nghịch nữa. Lại đây với mẹ.

Đứa bé bỏ đồ chơi trên đất, đến gần Dung áp má vào tay mẹ. Nàng xoa đầu con, nghĩ ngợi. Cuộc đời nàng chán nản quá! Những buổi thức khuya mong đợi Xuân, những hôm cãi nhau, sự khó nhọc nuôi con, trông nom chúng như người vú già. Tất cả những công việc nhỏ mọn và ngày này qua ngày khác nàng vẫn làm. Và Dung nghĩ đến bao nhiêu người vợ khác cũng như nàng, cũng buồn rầu, lo nghĩ vì những cái nhỏ mọn, vì một cuộc đời không có gì vui vẻ và sung sướng.

Tiếng người nói ngoài cửa làm Dung giật mình. Nàng xua đuổi những ý nghĩ lan man, rồi nhanh nhẹn đứng dậy. Dung chỉ còn là một người đàn bà nhàn nại và yên phận; nàng sắp sửa xuống bếp để trông nom cơm nước thì nghe tiếng xe đỗ ngoài cửa. Bà phán và Lan bước vào, mỗi người mang một bọc lớn. Người phu xe theo sau, nặng nề đặt xuống thêm một cái thúng đầy vì buồm.

Dung vội vàng chạy ra đón:

- Thưa mẹ, mẹ đã đi chợ về.

Bà phán không trả lời, đi vào để cái bọc trên bàn, rồi quay ra chỉ cái thúng:

- Chị bảo nó cất vào trong nhà, khiêng khéo kéo không giập mất cả đấy.

Rồi nhìn đồng hồ, bà cụ hỏi:

- Anh ấy bây giờ chưa về cơ à?

Dung buồn rầu đáp:

- Thưa mẹ chưa. Để thường hôm nay lại không ăn cơm nhà.

Muốn nói chuyện khác, nàng ngoảnh lại hỏi Lan:

- Mua làm gì nhiều hoa quả thế, cô?

- Chị không biết ư? Hôm nay là giỗ đấy. Với lại còn để đem biếu bà Hai nữa.

Mẹ Trường đang xếp cẩn thận những quả hồng ra đĩa, ngừng lên nhìn con dâu nói thêm:

- Vừa để biếu vừa để làm lễ sêu cho em nó một thể. Hôm nay nó cũng sắp ở trong trường ra đấy.

Dung nhìn mấy đĩa hồng, bất giác mỉm cười. Nàng nhớ lại những đĩa hồng mà bà phán đã đem lại nhà nàng trước kia, khi sắp xin cưới nàng. Bao nhiêu sêu tết, lễ nghi như thế để đi đến một cuộc nhân duyên buồn rầu như cuộc nhân duyên bây giờ! Vậy mà trước kia nàng đã để biết bao hy vọng vào đó. Dung nghĩ đến những chị em bạn nàng, khi đến chơi đã nhìn những quà biếu đó một cách ganh tị, tựa như đấy là cái biểu hiện của một sự vui mừng nhất trong đời người con gái.

Trông Lan khéo léo xếp đặt hoa quả. Dung hỏi đùa:

- Còn cô Lan nữa. Bao giờ thì có người mang quà đến biếu?

Lan e thẹn, đôi má hồng hào, đưa tay vén mấy sợi tóc trên trán, và trả lời:

- Chị chỉ hay nói đùa em thôi.

Nhưng câu hỏi của Dung đã thoáng gợi trong trí nàng một nỗi mơ màng. Lan tự nhiên thấy băng khuâng trong lòng một ước mong vô vẩn không đâu.

Hai chị em đang nói chuyện thì Trường bước vào. Chàng đã phải xin phép về, vì mẹ chàng bắt thế, tuy bà phán đã nói vì nhà có giỗ nhưng Trường cũng đoán biết vì có sự gì khác nữa. Mấy đĩa hồng bày trên bàn khiến chàng hiểu ngay. Trường khó chịu khi nghĩ đến mẹ chàng đã sắm những thức ăn mà không nói cho chàng biết. Bà phán thấy con về chỉ vui vẻ hỏi:

- Sao con về sớm thế? Buổi chiều không phải học à?

- Và bà chỉ vào mấy đĩa hồng, khoe:

- Con xem những quả hồng xinh đẹp này. Thật là nhất chợ, mẹ phải mặc cả mãi mới mua được đấy.

Lan nói chen vào:

- Giá không cần đến, thì chả phải mua đắt đến thế, mẹ nhỉ?

Trường yên lặng ngồi xuống ghế. Chàng muốn nói câu gì để tỏ ý không bằng lòng của mình nhưng lại thôi. Chàng thấy mẹ vui vẻ và như sung sướng khi nghĩ đến chuyện nhân duyên của chàng, nên chàng không dám làm cho mọi người thất vọng. Thật ra, chưa lúc nào

chàng nghĩ hẳn rằng sẽ từ chối lấy cô Hảo. Chàng không biết có nên từ chối không, nhưng chàng cũng chưa bao giờ tỏ ý bằng lòng hẳn. Cũng như mấy năm về trước, chàng không muốn nghĩ gì đến việc ấy cả.

Nhưng bây giờ Trường nhận ra rằng cứ yên lặng, tức là bằng lòng. Mẹ chàng sẽ cứ tự nhiên như lúc này tuần tự lo việc vợ chồng cho chàng. Trường nhớ lại, buổi trước khi vào học, chàng đến chơi nhà bà Hai. Sự tiếp rước niềm nở và quá kính trọng của bà, vẻ thân mật của Bình khi nói chuyện với chàng, cho đến cả sự e lệ, thẹn thò của Hảo, lúng túng và ngượng nghịu khi thấy chàng bước vào, tất cả những cử chỉ đó đều tỏ rõ cho Trường biết cái địa vị mà người ta muốn chàng nhận lấy. Cảm tưởng của chàng lúc ấy lại là một sự vui thích khi thấy gia đình bà Hai sẵn sàng, ân cần đến mình thế. Lòng tự kiêu nẩy nở trong lòng chàng. Trường thấy mình hơn người khi được một bà giàu có, có cô gái đẹp như Hảo để ý. Ý nghĩ đó khiến Trường tự nhiên giao thiệp với gia đình bà Hai như chàng sẽ sắp làm rể bà ta vậy. Nhưng Trường vẫn có cái cảm giác ràng buộc mình.

Trường lại nghĩ đến Trinh, đến căn vườn nhỏ đầy hoa cỏ bên bờ sông Tiên. Chàng thấy trong lòng rung động một môi tình mến yêu tha thiết. Ái tình của chàng đối với Trinh trong sạch và đậm thắm quá, không có một sự gì có thể ngăn trở được. Chàng tưởng nếu bây giờ chàng ngỏ ý hỏi Trinh làm vợ, thì ý muốn đó rất tự nhiên; không có gì đáng tội lỗi trong đó cả. Trường như

thấy đôi mắt hiền từ của bà Nhì nhìn mình, tấm lòng tốt vô hạn và êm dịu của bà thấm thía vào tâm. Chàng can đảm nhìn, rồi hỏi:

- Những hồng này mẹ mua để biếu bà Hai à?
- Bà phán cười, nhưng không nhìn con, đáp:
- Phải, để đem biếu với để sêu vợ cho anh một thể đây.

Trường có vẻ ngạc nhiên:

- Cho con? Mẹ hỏi ai thế?

Bà phán chưa kịp trả lời, Dung đã nhìn Trường vừa cười vừa nói:

- Chú lại còn vờ hỏi ai nữa.

Rồi nói đùa:

- Cô Hảo trông xinh đấy chứ, chú nhỉ?

Trường lặng thinh không đáp, ngẫm nghĩ. Bà phán đã xếp các thứ hoa quả lên mặt tủ, quay lại bảo:

- Thôi chị Dung sửa soạn hộ tôi những cái này. Còn về nhà làm cỗ nữa thì vừa.

- Vâng, con sẽ đi ngay.

Lan khẩn khoản nói với mẹ: “Mẹ cho con đi với nhé!”, rồi không đợi bà Phán trả lời, nàng vui vẻ như đứa trẻ được quà nắm lấy áo Dung và giục: “Vào sửa soạn đi, chị”.

Dung nhìn em, âu yếm mắng:

- Thế hãy vào dọn cơm ăn đã. Làm gì mà vội vàng thế?

Trường nhìn đồng hồ, hỏi chị:

- Gần mười hai giờ rồi. Không đợi anh Xuân về ăn một bữa, hử chị?

Bà phán quay ra gắt:

- Cứ ăn trước đi. Đợi thì biết bao giờ cậu ấy mới về.

Cậu gắt rơi vào một sự yên lặng ngượng nghịu. Không ai nói gì. Những ý nghĩ bản khoả đều ám ảnh mọi người. Dung lặng lẽ đưa mắt nhìn Trường, rồi kéo Lan đi vào trong nhà.

Khi hai chị em đã đi khuất, Trường ngẩng lên nhìn mẹ. Chàng nhận thấy trên nét mặt mẹ một vẻ buồn rầu. Một vài nét răn nổi ngay trên trán, dưới mái tóc đã sắp bạc. Trường lại nhận thấy nét mặt của mẹ chàng đã quen khi bà có sự gì lo nghĩ. Trường biết mẹ đang đau khổ lắm, vì Xuân vẫn cứ đi chơi bời như trước, không thiết gì đến nhà cửa. Nhưng không phải sự ấy làm mẹ chàng buồn; bà cụ buồn vì thấy Xuân không nghe lời mình, và mẹ con bây giờ thành không có liên lạc, quan hệ với nhau nữa. Trường cũng biết như thế.

Chàng giận anh và tự nhiên thấy trong lòng nao nao một tâm tình thương mẹ. Trường nghĩ đến những ngày xa xôi về trước, trong cái dĩ vãng nghèo nàn và thảm đạm hồi chàng và Xuân hãy còn nhỏ, ở An Lâm, đến những buổi chiều tối buồn sầu trong một căn hàng nhỏ, khi các nhà hàng xóm đã lên đèn, mà mẹ chàng còn lo nghĩ, cúi mình trên chiếc bàn tính cũ.

Bà phán bỗng dịu dàng bảo con:

- Chiều hôm nay con ra sớm về cúng nhé. Mẹ đã mời bà Hai và bà Cửu lại chơi đấy. - Một lát, bà nói thêm. “Cả cô Hảo và cậu Bình cũng đến”.

Trường cúi mặt xuống, đáp:

- Nhưng thưa mẹ... - Tiếng chàng trở nên run run, nhưng... việc cô Hảo đối với con làm gì mà cần vội thế? - Trường khê thở dài. Chàng định tỏ ý từ chối, mà lại thành một câu khác hẳn.

Bà phán ngồi xuống cái ghế trước mặt con, thông thả bảo:

- Con bảo còn vội gì nữa, bây giờ con đã ngoài hai mươi tuổi, mà mẹ cũng đã già rồi. Mẹ chỉ muốn lo liệu cho con sớm ngày nào hay ngày ấy.

Bà nhớ đến buổi nói chuyện với bà Hai trong khi Trường về quê; bà Hai đã ngỏ ý cho cưới ngay vì không có dịp nào tốt hơn nữa, với lại vì cô Hảo có một bà cô đã già lại hay ốm đau luôn, nếu để lâu sợ lại phải chờ đợi thêm. Mẹ Trường bằng lòng, và cả hai bà đều muốn việc ấy chóng xong.

Nhưng bà Phán không đem những sự ấy nói cho Trường biết. Việc cưới cô Hảo cho con là một việc bà mơ ước đã từ lâu và coi như là đã quyết định rồi. Không bao giờ bà hỏi xem Trường có bằng lòng hay không, hay thấy cần phải dò xét những tính tình của con đối với cô Hảo. Trong cuộc hôn nhân này, bà thấy có lợi, và bà tin chắc rằng Trường không có lẽ gì từ chối.

Thấy con yên lặng nghĩ ngợi. Bà phán lại hỏi:

- Con nghĩ thế nào? - Nhưng không đợi Trường đáp, bà tiếp thêm, nói sang chuyện khác:

- Bà Hai thật là người tử tế. Tuy nhà ta nghèo, nhà bà ấy giàu mà bà ta vẫn không quên lời hứa. Tháng trước đã có em bà phán Ty hỏi, nhưng bà Hai không nhận lời.

Trường toan đáp “Kể bà ấy nên nhận lời là phải. Tiến sắp làm tham biện còn gì nữa” vì chàng biết bà Hai có quý mến mình cũng bởi chàng là học sinh Cao đẳng. Nhưng chàng lại thôi, không muốn trái ý mẹ.

Trường đẩy ghế đứng dậy, đến gần bên cửa sổ trông ra ngoài. Trong óc chàng băn khoăn bao nhiêu ý nghĩ. Trường nhận thấy nếu lấy cô Hảo, chàng sẽ làm cho tất cả mọi người được vừa lòng nhất là mẹ chàng. Trường cũng nhận thấy cái tương lai rục rờ mà cuộc nhân duyên ấy sẽ đem đến cho mình, sự giàu có sang trọng mà gia đình chàng đã theo đuổi bao nhiêu lâu.

Nhưng hình ảnh Trinh hiện ra trước mắt chàng với tất cả vẻ dịu dàng âu yếm của đôi mắt đen trong. Trường thấy sôi nổi trong người lòng hăng hái và yêu đời của tuổi trẻ. Lúc bấy giờ không có gì quan hệ đến để ý nữa ngoài lòng yêu của chàng.

Trường nhớ rõ rệt cái đêm sáng trắng cuối cùng ở An Lâm. Đêm ấy, Trinh đã ngả mình trong cánh tay chàng với bao nhiêu là tình yêu tha thiết và chân thật. Lòng tin cần ngậy thơ của cô thiếu nữ chất phác đã làm chàng cảm động. Lần đầu chàng hiểu cái giá trị của

những tính tình thanh cao và tốt đẹp. Bên cạnh những cái quý báu Trường thấy rung động trong lòng, những sự ham muốn về giàu sang, danh giá, đối với Trường chỉ là những cố kiêu ngạo, nhỏ nhen.

Chàng quay lại định nói rõ những ý nghĩ ấy với mẹ, nhưng bà phán đã vào trong nhà từ lúc nào rồi. Trên mặt tủ mấy đĩa hồng ngay ngắn bày bên cạnh các hoa quả khác. Trường nhìn những quả hồng đó, tự nhiên mỉm cười. Những thứ đó như biểu hiện các lễ nghi trong xã hội. Cái hạnh phúc người ta xây dựng chỉ là cái hình bóng bề ngoài, một sự sắp xếp và cân nhắc khéo léo. Không có một chút gì thân mật. Trường nghĩ đến cuộc hôn nhân của mình, sự giao thiệp của chàng đối với bà Hai và cô Hảo từ trước đến nay.

Chàng lại đến gần cửa sổ, áp trán vào chấn song. Gió lạnh nhẹ nhẹ thổi bay mái tóc xỏa xuống trán. Trường vui vẻ ngược mắt nhìn lên. Trời cao trong xanh thẳm như phản chiếu những ý nghĩ bồn khoăn của chàng.

Phần thứ hai

I

Trường mệt nhọc đi trên hè phố, lẫn vào đám đông người. Lòng chàng cũng chán nản và buồn bã như buổi chiều mùa đông mưa bụi. Trường đã vén cổ áo lên và thu mình trong chiếc áo tơi cũ, nhưng cái lạnh vẫn thấm thía vào trong người. Chàng không biết rõ đấy là lạnh của gió mưa hay cái lạnh của lòng chàng.

Đèn điện trong thành phố đã bật. Nhưng cái ánh sáng vàng yếu hòa lẫn với bóng tối buổi chiều chỉ làm cảnh vật thêm bản thủ và âm đạm. Thỉnh thoảng, trên đường nhựa ướt, một chiếc ô tô bóng loáng vụt rẽ đám người đi, thoáng đem qua một cảnh ấm cúng và giàu sang những nét mặt sung sướng và vô tư lự. Trường không ngoảnh nhìn theo nữa; chàng lẳng lặng rảo bước đi cùng với bọn thợ thuyền, những người đi làm, cũng như chàng trở về nhà sau công việc hàng ngày.

Trường đi ra phía bờ sông rẽ vào một cái ngõ con. Lập tức chàng nghe thấy tiếng ồn ào đã quen của chỗ đông người. Căn phố chàng ở là một khu nhỏ hẹp toàn những nhà cho thuê nhiều chủ ở. Giờ này là buổi họ sửa soạn bữa cơm chiều. Trường phải đi qua những mảnh sân đầm nước, đầy những chum vại với rổ rá. Mấy

người đàn bà đang vo gạo, rửa những mớ rau xanh và các miếng đậu trắng, diêm nhiên làm việc giữa đám trẻ kêu khóc hay đùa nghịch bên rãnh nước.

Trường qua một cái cửa hẹp. Bóng tối bao bọc lấy chàng như một tấm màn lạnh lẽo; tiếng muỗi vo ve bên tai, và một mùi ẩm thấp xông lên mũi. Chập choạng chàng lần từng bậc một chiếc thang dốc ướt và lên gác. Một bóng người trên sàn ra đón chàng:

- Cậu đã về.

Trường không trả lời, mở cửa bước vào nhà, nhưng vấp ngay vào cái ghế. Chàng quay lại, gắt:

- Đèn đâu, sao bây giờ chưa thắp?

Người vú dúi tay bế đứa bé, đáp:

- Con vừa đưa em đi chơi mới về. Chiếc đèn để ở trên tủ đấy ạ.

Trường hỏi:

- Mẹ chưa về cơ, u em?

- Chưa ạ. Mẹ con dặn cậu cứ xoi cơm trước. Hình như mẹ con lại chơi đờng bà.

Trường bỏ mũ, vắt áo tơi lên ghế, rồi đánh diêm châm đèn. Ngọn lửa đèn dầu chiếu sáng căn gác nhỏ hẹp, bày biện rất sơ sài. Một cái bàn, vài chiếc ghế, cái giường ngủ, những thứ đồ đạc rẻ tiền, thông dụng trong các nhà nghèo. Không khí trong căn phòng nặng nề lạnh lẽo. Gió lọt vào khe cửa làm lay động các bóng trên tường.

Trường không buồn nhìn cái quang cảnh tiêu tụy đã

quen: chàng vội ra ngồi xuống chiếc ghế cối ở ngoài hiên, tỳ tay lên trên bao lơn gạch, nhìn ra ngoài. Từ khi vì bất buộc, chàng phải thuê những căn nhà ít tiền, Trường vẫn cố tìm kiến nhà nào có hiên trên gác. Cái hiên trên gác đem lại cho chàng một chút trời rộng và quang không mà trong thâm tâm Trường vẫn giữ cái ao ước mơ màng.

Hôm nay mảnh trời đông mây u ám và buồn rầu gợi những thương tiếc trong lòng Trường. Chàng yên lặng để những kỷ niệm dồn dập nổi lên trong trí nhớ, chàng cảm thấy một cái thú hơi buồn và chua chát sống lại những ngày đã qua.



Cái lạnh lẽo ướt át buổi chiều khiến Trường nghĩ đến những buổi mùa hạ rực rỡ ở An Lâm; một giấc mộng sáng láng và chiếu qua như ánh mặt trời trong đám sương mù. Bao nhiêu thời giờ đi mất! Trường thở dài: chàng cũng không nhớ rõ là đã bao nhiêu lần nữa. Những kỷ niệm của buổi sung sướng ấy hình như hãy còn gần gũi, và làm cảm động lòng chàng mỗi khi chàng nghĩ.

Trường nhớ lại cái ngày cuối cùng mà chàng còn có thể nhận lời. Hôm ấy, mẹ Trường đến chơi nhà bà Hai từ buổi sáng, mãi đến chiều tối mới về. Sau bữa cơm,

khi chị Dung đã đem con đi nghỉ, bà phán ngồi uống nước trên sập, gọi Trường:

- Con lại đây mẹ bảo:

Trường biết là có việc quan trọng. Chàng hiểu là có việc gì, và lần này chàng phải quyết định. Trường tần mẩn xếp lại mấy quyển sách trên bàn, để có thì giờ nghỉ ngơi. Nhưng chàng bối rối, và những mối băn khoăn trái ngược tự nhiên đến xâm chiếm lòng chàng. Trường lo lắng lại gần bà phán, ngồi xuống giường:

- Mẹ bảo gì ạ?

Mẹ Trường thông thả nói:

- Này con, hôm nay bà Hai lại nhắc tới cái việc ấy. Ý bà muốn mẹ trả lời nhất định ngay. Con đã biết việc cậu Tiến em bà phán Ty nhờ người đến hỏi rồi chứ?

- Thưa mẹ có. Bà Hai hình như đã từ chối cơ mà.

- Không phải là từ chối hẳn. Lần trước, bà ấy mới trả lời lưỡng lự. Vì thế hôm qua cậu ta lại nhờ bà Cửu đến dạm hỏi cô Hảo lần nữa.

Bà phán nghĩ nói thế khiến Trường phải nhận lời ngay. Nhưng trái lại tin ấy chỉ làm cho chàng thêm khó chịu. Trường thưa:

- Như thế bà Hai còn đợi gì mà không nhận lời. Con tưởng đám ấy đối với cô Hảo cũng xứng đáng lắm.

Bà Phán trừng mắt nhìn con, ngạc nhiên:

- Thế con không bằng lòng lấy cô Hảo à?

Trường thu hết can đảm trong người lại, trả lời:

- Thưa mẹ, không! - Và Trường bỗng thấy hết bản

khó khăn, khó chịu: cái điều quan trọng nhất chàng đã nói rồi.

- Không! Mà yên hay sao, Trường? Tại làm sao không bằng lòng? - Thấy con yên lặng, bà phán dụ dỗ tiếp: “Con nghĩ kỹ lại xem. Nhà ta nghèo mà bà Hai vẫn có ý mến con, thế là người ta tốt lắm chứ. Từ trước đến giờ hai nhà vẫn đi lại thân mật như một. Con không nhớ người ta vẫn giúp đỡ mẹ đây hay sao?”.

Bà buồn rầu, giọng nói thấp xuống:

- Bây giờ mẹ biết trả lời người ta thế nào?

Trường cúi mặt, trong lòng hồi hộp. Nỗi buồn của mẹ làm chàng cảm động. Chàng muốn nói rõ cho mẹ biết cái tình yêu đậm thắm của mình, những tính tình thanh cao và đáng quý đã nảy nở trong lòng chàng. Tên người thiếu nữ trong vườn hoa ngập ngừng đến trên môi nhưng Trường yên lặng, không nói được.

Rồi mỗi lần sau mẹ nhắc câu ấy, Trường tỏ ý chối từ, mỗi lần chàng định nói đến Trinh, nhưng rồi lại thôi. Mẹ chàng buồn rầu nhưng thấy con ương ngạnh bà cũng giận dỗi không nói đến chuyện ấy nữa.

Mấy tháng sau, cô Hảo đi lấy chồng. Đám cưới rất sang trọng và lịch sự. Trường cũng được mời nhưng chàng không đi. Rồi một buổi tối, cả nhà đương quây quần dưới bóng đèn, thì hai vợ chồng Hảo đến chơi.

Trường thấy Hảo bước qua khung cửa, rực rỡ và lộ lầy trong bộ áo nhung đen. Hai má nàng hồng hào, mắt sáng, và một vẻ sung sướng thoáng hiện trên đôi

môi tươi thắm, lúc nào cũng sắp hé một nụ cười. Tiến theo sau, dáng điệu quan trọng và mãn nguyện. Dung và Lan đứng dậy vồn vã đón chào, dắt tay Hảo vào ngồi trên sập, tiếng vui đùa ríu rít và thân mật. Trường tiếp Tiến trên bộ ghế cạnh bàn ngoài. Tự nhiên chàng thấy có ý muốn nói chuyện rất hoạt bát và linh lợi. Chàng phô hết tài học của mình. Trường còn nhớ buổi ấy, chàng nói có duyên và ý tứ nhất; Tiến chỉ lặng lẽ ngồi nghe.

Khi vợ chồng Hảo ra về, bà phán quay lại bảo con, với một ý tiếc trong giọng nói:

- Trông cô Hảo bây giờ trẻ và đẹp hơn trước.

Không ai trả lời, đều có vẻ nghĩ ngợi. Trường nhận thấy mọi người như cùng có ý tiếc cho mình.

Một năm sau, Trinh đã là vợ chàng. Trường không nhớ rõ việc ấy đã thành ra làm sao. Gia đình chàng không có ai bằng lòng, và chàng cảm thấy chung quanh một sự phản đối ngấm ngấm.

Tuy vậy, chàng đã được hưởng một thời sung sướng. Hai vợ chồng yêu nhau, và cái tình yêu ấy khiến hai người thấy đầy đủ, vui vẻ trong cuộc đời. Trường và Trinh còn trẻ cả, trong lòng còn bồng bột bao nhiêu hy vọng và ước mong tốt đẹp; hai người chưa nghĩ đến những nỗi khó khăn của sự sống sau này.

Trinh là một nàng dâu dịu dàng và dễ bảo. Nàng được hưởng cái tính tốt của mẹ, một tấm lòng nhân từ khiến cho nàng chỗ nào cũng thấy yên vui. Nhưng dần dần, Trường nhận thấy nàng không được mẹ mình quý

mến. Bà phán không tha thứ nàng đã làm cho Trường từ chối Hảo, và khiến cho hy vọng bà ao ước từ bao nhiêu lâu không thành. Bà cho Trinh là có trách nhiệm trong sự thất bại của bà.

Trường đem vợ ra ở riêng. Nhưng có một điều mà từ lúc yêu Trinh cho đến khi lấy nàng, Trường chưa bao giờ nghĩ đến: Trinh nghèo, bà Nhì buôn bán chỉ đủ tiền để gia đình sống một cuộc đời bình thường và giản dị. Sự nghèo, đối với Trường hồi ấy chỉ là một sự đáng nên thơ. Căn nhà cũ năm gian với mảnh vườn con trồng đầy hoa, chàng thấy là một cảnh rất đẹp để bao bọc tấm tình yêu của hai người. Nhưng bây giờ, Trường thấy cần phải nuôi sống cái gia đình riêng của mình. Chàng bắt buộc phải bỏ học để tìm việc làm. Những sự không may hình như cứ theo đuổi ám ảnh Trường. Chàng chỉ tìm được một việc nhỏ mọn trong một sở buôn, số lương ít ỏi chỉ đủ sống một cách khốn khổ ở Hà Nội. Bà Nhì buôn bán càng ngày càng thua lỗ, năm sau Trinh đẻ đứa con, sự túng bấn đến ràng buộc lấy cái gia đình nhỏ. Những cái thiếu thốn cón con của sự sống làm Trường khó chịu và bức mình. Cuộc đời đối với chàng bây giờ khe khát và khó nhọc quá. Thỉnh thoảng một nỗi chán nản lừa vào tâm chàng như một cơn gió mùa đông; Trường mơ màng nghĩ đến những mơ ước chàng nhận thấy ẩn hiện trong lòng; một cuộc đời giàu sang, dễ dãi, có khi đến huyền diệu trước mắt Trường, chàng đắm đuối đưa ý nghĩ theo những hình ảnh tươi đẹp ấy.

II

Ánh sáng mờ dần trong bóng tối chung quanh. Những mộng tưởng rực rỡ trong óc Trường cũng nhạt dần đến cuộc đời hiện tại nghèo nàn, Trường co mình thấy lạnh trong manh áo mỏng không đủ giữ ấm áp của người. Chàng rùng mình nhìn ngơ ngác, như vừa ra khỏi một giấc mơ.

Trời đã hắt tối. Gió lạnh làm rung động chòm lá cây ở trước nhà. Ánh đèn lấp loáng trên con đường lầy lội đầy vũng nước ở ngõ rẽ ra. Một vài người thợ làm muộn về, đi nép trên bờ hè lặng lẽ dưới mưa bay.

Tiếng guốc lên thang gác gọi Trường đứng dậy vào trong nhà. Ngọn đèn vẫn chiếu sáng mâm cơm để trên bàn. Người vú ngoài sàן gác bước vào, giục:

- Mời cậu xơi cơm kéo nguội.

Trường nhắc lồng bàn rồi lại đẩy lại, cau mày:

- Cơm có thể này thôi ư, hở vú?

- Vâng!

Tiếng trả lời của vú em khiến Trường cảm thấy câu hỏi của mình là vô ích. Chàng yên lặng ngồi, sắp ăn thì Trinh ở thang gác bước lên. Nàng nhanh nhẹn giữ những hạt mưa đọng trên áo, rồi đến bên Trường vui vẻ:

- Cậu chưa ăn cơm à? Trinh ngồi xuống chiếc ghế trước mặt Trường, để một cái gói nhỏ lên mặt bàn.

- Chưa. Tôi đợi em về ăn một bữa.

Trình nhắc lồng bàn, âu yếm nhìn chồng:

- Cậu chẳng ăn trước lại đói. Em đã bảo vú em dặn cậu đừng đợi cơm mà.

Nàng so đĩa, Trường hỏi:

- Em đi đâu bây giờ mới về?

- Tôi lại chơi đằng mẹ về đây. Đợi mãi mới được cái này.

Trình vừa nói vừa chỉ tay vào cái gói nhỏ, miệng cười.

- Cái gì thế?

- Hai đồng bạc. Tôi phải nhờ cô Lan đi vay mới được đấy.

Trường lặng yên không đáp. Trông nét mặt của Trình khi nói đến số tiền nhỏ mọn ấy, chàng buồn rầu. Đã lâu nay có lẽ nàng không dám mơ tưởng một số tiền to hơn nữa. Một đồng bạc đối với nàng rất quý, cũng như hồi nàng ở An Lâm, bên cạnh bà Nhì.

Trường tự nhiên thấy nao nao trong lòng. Một tấm tình thương mến đối với Trình thấm thía vào tâm can chàng. Cô thiếu nữ ngây thơ của mảnh vườn bên bờ sông Tiên, khi bằng lòng lấy chàng có ao ước một cuộc đời sang trọng và giàu có không? Trường thấy một mối lo khi nghĩ đến câu hỏi ấy.

Chàng đưa mắt nhìn vợ. Dưới ánh đèn, mấy sợi tóc mai buông sáng như sợi tơ. Trong bóng tối của vành khăn, ánh vàng của chiếc hoa tai chiếu một vết lấp lánh trên má. Trường buồn rầu nghĩ đây là thứ trang sức

cuối cùng mà vợ chàng không muốn bán. Chàng trông cái áo lương cũ mỏng mảnh Trinh đang mặc âu yếm hỏi:

- Em mặc thế kia có lạnh không?

Trinh nhìn chồng, sẽ cười:

- Không, em không thấy lạnh mấy. Độ còn ở An Lâm, lăm khi em đi chợ sớm mùa rét mà cũng chỉ mặc có thế này.

Nàng nói thêm: "Em chịu lạnh quen đi rồi".

Hai mắt đen của nàng nhìn thẳng vào quăng không, nét mặt thờ thẩn như thoáng nghĩ đến sự gì.

Đứa bé chợt khóc làm nàng giật mình đứng dậy. Trinh đi lại chỗ giường nằm, ẵm con vào lòng bế ra ngồi trước mặt Trường. Đứa bé chới vì ánh đèn, hai tay đưa lên dụi mắt, rồi nhận thấy người quen, cười đưa bàn tay xinh xắn vẫy. Nhìn đứa bé hồng hào mũm mĩm, Trường quên tất cả những nỗi lo nghĩ, buồn rầu. Chàng cúi xuống cười đùa với con; mái tóc chàng chạm vào mái tóc đen tơ của vợ, hai người gần nhau khiến chàng cảm thấy hơi nóng của tấm thân non. Cái kỷ niệm đêm sáng trăng ở An Lâm lại rõ rệt trong trí nhớ với lòng thương yêu đầm thắm. Một mối cảm động hòa hợp hai vợ chồng. Trường và Trinh cùng yên lặng trong nụ cười thơ ngây của đứa trẻ.

★

★ ★

Nhưng cái phút sung sướng ấy chóng qua. Trường lại trở lại những cái thực tế nhỏ mọn hàng ngày. Trinh bế xốc con ngồi dậy, quay lại gọi vú em:

- Vú đưa bát bột ra đây tôi cho em ăn nào.

Người vú đem trên mặt tủ xuống bát bột đầy cái đĩa nhỏ. Trinh đón lấy, dùng thìa xúc cho con ăn. Trường cúi nhìn hỏi vợ:

- Vẫn cho nó ăn thứ bột này đây à?

Trinh đáp:

- Vâng!

Đứa bé không chịu ăn, quay đầu đi mỗi khi Trinh đưa thìa bột đến. Nàng dỗ con:

- Ăn đi, Mai. Ăn đi chóng ngoan, mợ yêu. – Mai quay lại đớp một miếng, nhưng hình như thứ bột nhạt nhẽo không được ngon lành nên nó lại đẩy tay mẹ ra không ăn nữa.

Trường bảo:

- Tôi đã dặn mua thứ bột khác cho em nó ăn cơ mà. Sao lại không mua?

Trinh ngửng lên nhìn Trường, trả lời:

- Bột khác! Thứ bột khác nhiều tiền. Tôi mua đằng này có một hào một gói thôi.

Trường không biết nói gì nữa. Chàng thấy trong người khó chịu ngấm ngấm. Chàng đưa mắt nhìn trên mặt tủ một dãy năm, sáu hộp sắt Nestlé đã han rỉ. Đã lâu, con chàng không ăn thứ bột đắt tiền ấy nữa, từ ngày chàng bị sứt lương đến bây giờ.

Đứa bé uốn cổ ra đằng sau, định tránh cái thìa bột mà mẹ nó giơ ra trước mặt. Trinh cứ cố ép bắt nó ăn. Bột chảy cả xuống cằm đứa bé. Nàng lấy thìa gạt lên, lại đổ xuống miệng con. Trường gát:

- Nó không muốn ăn thì thôi, lại cứ ép.

- Thế cậu để nó đói sao?

Trường yên lặng. Câu trả lời của vợ làm tăng thêm nỗi khó chịu của chàng. Cách cho ăn của Trinh không được sạch sẽ. Nhưng Trường biết rằng dầu có bảo nàng cũng vô ích; Trinh sẽ không hiểu gì cả. Đã nhiều lần chàng phải phàn nàn về những cái vụng về trong cách trông nom con của vợ.

Trường đứng dậy đến bên tủ với một quyển sách xuống xem. Nhưng chàng lơ đãng giở từng trang mà đọc. Trong lòng Trường không được yên tĩnh. Chàng cố nghĩ đến cái lạc thú êm ấm của gia đình sum họp dưới bóng đèn, cố hưởng lấy cái lạc thú ấy, và nhớ đến những buổi sum họp nào, xa xăm lắm trong dĩ vãng, mà chàng còn giữ cái kỷ niệm mơ màng. Chàng chỉ thấy lạnh lẽo. Gió mùa đông lùa khe cửa làm lạnh lẽo thêm. Trường bứt rứt bỏ sách ra ngoài hiên nhìn xuống đường. Cảnh nghèo nàn, tối tăm trước mắt của xóm nhà chen chúc, khiến chàng bất ổn khoan.

III

- **Đ**ây, đây! Đi lối này. Mời chị lên chơi.
Nghe tiếng Trinh nói, Trường đang ngồi đọc sách ngẩng đầu lên. Chàng thấy vợ đứng cúi mình xuống thang gác, đợi người nào ở dưới:

- Ai đó, em?

Trường ngoảnh lại chưa kịp đáp. Một người thiếu phụ vừa bước lên đã cất tiếng vang vang:

- Gồm ở khuất khúc thế này thì ai tìm được. Tôi hỏi thăm mãi mới được đây.

Trường nhận ra cô Tâm, con bác Cả ở An Lâm. Nàng ăn bận rất sang trọng, lối những người giàu có ở nhà quê; hai cổ tay đeo đầy những vòng xuyên bằng vàng, để ra ngoài tay áo, người ta hiểu rằng nàng đã mang hết của cải của mình ở trên người. Trường mỉm cười nhớ đến cô gái quê mùa đứng gặt thóc cho vay mà chàng được thoáng trông thấy ở gian nhà ngang khi vào thăm bác Cả. Trường nhớ lại vẻ hách dịch của cô và tiếng quát tháo the thé. Tuy vậy, chàng lấy giọng nói ngọt ngào:

- Mời chị ngồi chơi.

Tâm vén áo cẩn thận rồi mới ngồi xuống ghế. Nàng đưa mắt nhìn quanh khắp gian buồng, và nhìn Trinh hỏi:

- Cái nhà đẹp nhỉ. Thím thuê bao nhiêu?

- Năm đồng thôi, chị ạ. Ở phố này nhà cho thuê giá rẻ.

Tâm lại ngắm gian phòng một lượt nữa, rất ghê sợ.

- Kể năm đồng thì cũng không đắt. Nhưng ở chỗ này bẩn chết. Sao chú thím không thuê chỗ khác mà ở có được không?

Trình đặt quả trầu mới tẽm lên mặt bàn, khẽ trả lời:

- Ấy, nhà tôi cũng đã định thuê chỗ rộng rãi hơn. Nhưng chưa tìm được nhà vừa ý. Ở Hà Nội tìm được căn nhà cao ráo khó lắm, chị ạ.

Trường biết vợ đã không nói sự thật. Chàng có định tìm nhà chỗ khác đâu, bởi cái lẽ rất đơn giản là chàng không tiền. Nhưng nói khác đi để làm gì? Trường nghĩ đến cái tính keo kiệt của Tâm tuy bây giờ nàng giàu có nhất vùng An Lâm, đến căn nhà gạch tối tăm mà nàng mới dựng. Một người như thế còn lên mặt chê chỗ của chàng? Trường mỉm cười nói mát:

- Có đâu được rộng rãi như căn nhà của chị mới làm.

Thấy nói đến nhà của mình mắt Tâm sáng lên. Nàng không hiểu ý chế giễu của Trường, nở một nụ cười sung sướng, đáp:

- Cái nhà ấy tôi làm hết hai nghìn đấy. Lúc mới đầu tưởng không hết ngân ấy thế mà về sau hết nhiều thế. Nhà tôi cứ kì kèo tôi mãi về chỗ đó.

Cô nhìn Trình, kiêu ngạo:

- Nhưng sau tôi nghĩ, mình có tiền thì nên làm cái

nhà đẹp đẽ mà ở, chứ tội gì mà ở bẩn thỉu chui rúc. Phải không chú thím?

Hai vợ chồng Trường cùng đáp:

- Vâng.

Nhưng mỗi người một ý khác nhau. Nàng yên phận không ao ước sự giàu sang của Tâm, người mà trước kia ở An Lâm nàng đã phải nhiều lần vay mượn, còn Trường thì mỉm cười khinh cái tư cách của người có tiền mà không biết thưởng thức vẻ đẹp và một ý ganh ghét ngầm ngấm đến bứt rứt lòng chàng.

Trường sức nhớ đến chồng Tâm, một anh học trò nghèo nghếch cùng học với chàng một lớp. Chàng nhớ đến vẻ ngây ngô của anh ta khi bị chúng bạn chế giễu và đùa nghịch. Vậy mà bây giờ, vì lấy Tâm và nhờ tiền của vợ, anh ta nghiễm nhiên trở nên một nhà kỹ nghệ và buôn bán to (Trường cũng không hiểu anh ta buôn gì) có danh vọng ở An Lâm. Trường lại nghĩ đến mình, hơi buồn rầu. Chàng tại sao không sang trọng và giàu có như hắn được? Tại sao?

- Anh Hiền không cùng lên với chị à?

- Có. Nhà tôi còn đến phủ thống sứ để... - Tâm rụt rè ngừng, nàng không nói rõ chồng phải ra đây làm gì. Nhưng thế là đủ rồi. Nàng cho sự ra phủ thống sứ là quan hệ và danh giá lắm. Sung sướng, Tâm được dịp khoe:

- Nhà tôi độ này bận lắm chú ạ, vì sắp xin ra làm nghị viên nên phải giao thiệp với nhiều người lắm. Trong nhà, khách khứa bận rộn suốt ngày, có mấy lúc

được rồi đâu. Hôm nọ có mấy quan tỉnh về chơi, mấy cái ô tô đỗ ở cửa. Thành thử hàng xóm ở đấy họ cứ thì thào nhau bảo: “Quái, không biết nhà ông bà Hiền làm gì mà có quan to ra vào thế?”.

Tâm nói xong, cười một tiếng cười vô vị. Trinh cũng cười theo.

Về mãi nguyện tự kiêu lộ ra khắp người tâm. Trên khuôn mặt đầy đặn khiến Trường tưởng đến bác Cả ngồi ở cửa hàng, chàng nhận thấy như thoáng một ý thương hại cho cảnh hèn kém của mình. Trường nói đùa:

- Như chị, chị sắp được làm bà nghị. Còn gì danh giá bằng.

Có tiếng người lên gác. Tâm lắng tai nghe rồi mừng rỡ:

- Có lẽ nhà tôi đến đón tôi đấy.

Trường đứng dậy. Hiền ở dưới nhà đi lên tay cầm một cái cặp da lớn. Chàng tiến lại gần Trường niềm nở bắt tay:

- Đã lâu lắm được không được gặp anh. Bây giờ ở đây à?

Rồi cũng như Tâm, Hiền đưa mắt nhìn quanh gian buồng. Trường cũng theo cái nhìn ấy. Tự nhiên chàng thấy ngượng nghịu cho căn phòng chật hẹp của mình, ngượng về những đồ đạc sơ sài và rẻ tiền. Chàng lúng túng kéo chiếc ghế chắc chắn nhất, kê mời:

- Anh ngồi chơi. - Trường yên lặng, tự thấy mình rụt rè trước người mà trước kia chàng coi thường.

Tâm nhìn chồng, có ý hỏi:

- Cậu ở phủ thống sứ về đấy chứ? Công việc đã xong cả chưa?

Hiền vỗ vào cái cặp da để trên đùi, cười một cách tự đắc:

- Xong cả rồi. Tôi làm việc gì cũng phải được mợ nghe chưa? - Ngừng một lát, Hiền nói vớt: “Với lại đối với tôi, ai cũng có lòng vị nể”.

Rồi đột nhiên hỏi Trường:

- Bây giờ chú làm gì?

- Tôi... tôi vẫn làm ở chỗ cũ.

- Ở nhà buôn ấy à? Sao chú không xin đi làm việc nhà nước có phải dễ chịu hơn không?

- Tôi cũng đã gửi đơn xin nhưng chưa có chỗ làm.

Tâm nói xen vào, có ý khoe họ hàng với chồng.

- Trước chú ấy đã học cao đẳng cơ đấy. Rồi sau mới bỏ.

Hiền đặt chén nước xuống bàn ra vẻ ái ngại:

- Có, tôi có biết. Thật đáng tiếc. Giá chú cứ học có phải bây giờ đã làm ông tham rồi không.

Quay lại phía vợ, chàng tiếp:

- Như ông tham Tấn hôm nọ đến chơi nhà ta ấy mà, mợ có nhớ không?

Rồi Hiền nhắc lại:

- Đáng tiếc thật. Bao nhiêu công phu học tập. Nhưng làm sao chú lại bỏ, tôi không hiểu?

Trường nghĩ ngợi không đáp. Tại sao chàng lại bỏ học dở dang? Tại sao? Một câu trả lời đến môi chàng, nhưng Trường dừng lại, không đi hết ý nghĩ của mình. Chàng nhớ lại ngày xin thôi học, khi xếp sách vở ở trong trường ra về, chàng có cảm tưởng từ đây sẽ đi vào một cuộc đời khác, cuộc đời chàng vẫn mơ ước bấy lâu. Lúc ấy, Trường chỉ thấy một sự cần thiết: chàng phải đi làm nuôi lấy gia đình nhỏ của mình. Chàng vui lòng rời bỏ cái mơ ước cũ, không hề nghĩ rằng sự đó một ngày kia có thể làm cho chàng phải ân hận.

Nhưng bây giờ một ý tiếc vẫn vơ và kín đáo bắt đầu nẩy nở trong lòng Trường. Chàng nghĩ đến cuộc sống hiện tại của mình, những cái thiếu thốn nhỏ nhất hàng ngày. Trường tự thấy mình đem lòng thêm muốn cái địa vị giàu sang của người khác, cái địa vị mà chàng có thể đến một cách dễ dàng nếu không có những việc đã xảy ra.

Mãi đuổi theo ý nghĩ của mình, Trường không nghe thấy tiếng vợ chồng Tâm kiều xin về...

Chàng đứng dậy tiến xuống thang gác. Ra khỏi cửa, Hiền còn quay lại nói:

- Hôm nào mời chú thím về khánh thành nhà mới với chúng tôi nhé.

IV

Hai vợ chồng Tâm đi rồi. Trường lẳng lặng trở vào ngồi xuống ghế. Những ý nghĩ không vui đến ám ảnh chàng. Trường nhớ cái vẻ mãn nguyện của Hiền, những câu khoe danh giá của Tâm; chàng thấy một mối bực tức trong người, bực tức cho mình và khinh ghét đôi vợ chồng trưởng giả quê mùa ấy. Câu mời cuối cùng của Hiền chàng nghĩ đến mỉm cười: khánh thành nhà mới! Cái nhà ấy mới đẹp đẽ làm sao! Trường đã được trông thấy nó một lần. Chàng tưởng đó không phải là cái nhà nữa, mà là một cái hòm vuông, bốn mặt có những cửa sổ nhỏ không đủ cho ánh sáng chiếu vào. Tuy chưa xem bao giờ, chàng có thể đoán biết được những đồ đạc bày biện trong đó thế nào: chắc cũng những bàn ghế cồng queo, những sập gụ và tủ chè kiểu lỗi lãng, như cái đồ đạc trong bác Cả ở An Lâm.

Nụ cười khinh bỉ thoáng trên môi chàng, khi chàng tưởng tượng cặp vợ chồng quê kệch kia ngồi bệ vệ trên sập để tiếp những người đến khúm núm vay tiền. Trường bỗng thấy ghét Hiền lạ và thương hại cho hắn có nhiều tiền như thế mà không biết ở một cái nhà đẹp, bày những đồ thanh nhã, và sống một cuộc đời sang trọng hơn.

Nhưng bỗng một mối hoài nghi đến làm Trường khó chịu, băn khoăn. Chàng tự hỏi không biết lòng khinh

ghét của mình có phải là một sự thèm ước, một sự ganh tị và không được giàu có như Hiền chăng? Trường thở dài, không trả lời câu hỏi ấy. Chàng buồn rầu nhận ra rằng họ không đáng thương, bởi họ đã sung sướng, mà người đáng thương hại chính là chàng.

Trường đưa mắt nhìn quanh mình: cái vẻ tiêu tụy và nghèo nàn của gian nhà ảm thấp, của những đồ đạc sơ sài, làm chàng đau khổ. Đã lâu, chàng sống không nghĩ ngợi gì, chàng sống với những mơ ước ở trong, bởi vì cảnh vật bên ngoài không vừa lòng chàng. Mỗi lần đi làm mệt về, chàng lặng lẽ ra ngồi ngoài hiên, nhắm mắt theo đuổi những hình ảnh đầu đầu, hay nhìn hoạt động ở đường để quên đi.

Trường tự chắc mình biết thưởng thức cái đẹp, biết lựa chọn cái gì thanh nhã. Giá chàng có nhiều tiền! Chàng sẽ ở một cái nhà sáng sủa, sẽ có những đồ đạc rất mỹ thuật; căn phòng chàng sẽ nằm rộng rãi, sạch sẽ, tất cả những thức trang hoàng đều giản dị, vừa mắt. Nhưng tưởng tượng ấy chỉ làm cho sự thực thêm chán nản. Trường ngẩng đầu lên quan sát mọi vật trong nhà, những đồ đạc tuy bao lâu nay vẫn ở cạnh mà chàng không nhìn kỹ đến bao giờ. Chàng thấy rõ rệt sự cùng túng của mình: chiếc giường gỗ tạp xiêu vẹo, màn đã cũ vàng và rách nhiều chỗ; tấm ghế ngựa một kê sát tường, chiếc tủ đứng đã nứt nẻ. Những thức đồ dùng cần thiết và tầm thường trong nhà, đều lộ cái vẻ nghèo nàn và tiêu tụy.

Trường chưa xót. Chàng ngạc nhiên thấy mình đã để ý đến những cái mà xưa nay chàng vẫn cho là nhỏ mọn. Chàng buồn rầu thấy mình đã náo nức những điều mơ ước tầm thường quá. Chàng lẩm bẩm: “Ta thật trẻ con! Làm gì phải băn khoăn về những cái vật ấy”. Nhưng cùng một lúc, chàng hiểu rằng đó chỉ là những lời để tự an ủi mình, còn trong thâm tâm chàng vẫn thèm muốn những cái tầm thường đó. Sự nhận xét chắc như thế khiến Trường tự giận đối mình và một mối bức tức không đâu đến cấu xé chàng.



Thấy chồng có vẻ băn khoăn nghĩ ngợi, Trinh đi lại khẽ rón rén, không dám động mạnh! Nàng bế con trên cánh tay hôn hít. Đứa bé đang ở lúc vui vẻ của nó: đôi mắt nó sáng lên, tươi tỉnh, hai má luôn luôn lúm xuống những đồng tiền xinh xắn. Giá lúc khác, Trinh đã gọi chồng lại để đùa nghịch với con. Nhưng thấy đôi lông mày Trường cau lại, nàng không dám thực hành ý muốn của mình.

Đã lâu nay, Trinh buồn rầu thấy chồng đổi khác. Chàng ít khi vui vẻ như trước, lúc nào cũng như khó chịu và hay gắt gỏng luôn. Thỉnh thoảng nàng thấy Trường ngồi yên lặng hàng giờ. Những lúc ấy nàng sợ hãi không dám nói to. Trinh lo ngại vấn vợ và như cảm

thấy một sự nguy hiểm gì sắp đến. Nàng không hiểu tại sao Trường nghĩ ngợi, và không biết duyên cớ những cơn giận dữ của chàng. Nàng khổ sở thấy Trường hình như không mến yêu nàng đậm thắm như trước nữa. Chàng như ngượng nghịu và bứt rứt không muốn ngồi trò chuyện với nàng lâu. Những buổi hai người nói chuyện với nhau, khi trước, là những buổi đầm ấm trong gia đình, làm nàng nhớ tới những cuộc hội họp quanh ngọn đèn ở An Lâm; trong không khí thân mật, nàng lặng lẽ ngồi nghe Trường nói chuyện với bà Nhì, nhìn nét mặt hiền từ vui vẻ của mẹ, và dáng điệu yêu mến của chàng. Có khi xong câu nói, mọi người yên lặng một lát để nghe trong cái tịch mịch của đêm khuya đưa lên tiếng nước róc rách của dòng sông Tiên chảy.

Những kỷ niệm đó làm Trinh cảm động. Nàng muốn sống lại những thời khắc sung sướng đã qua. Tất cả tâm hồn nàng khao khát sự mến yêu và rung động vì hình ảnh những ngày đẹp đẽ trong ký vãng. Nàng đưa mắt nhìn Trường rồi nựng con:

- Mai, con gọi cậu đi, con.

Nàng đưa tay đưa bé vẫy về phía Trường. Mai bập bẹ mấy tiếng trong miệng, ngửa cổ ra đằng sau cười, Trinh xốc con lên hôn vào má ầu yếm bảo: “Úi chà con tôi ngoan quá”, rồi tiến lại bên chồng, nàng để bàn tay bé nhỏ của Mai lên vai Trường:

- Nó theo anh đây này. - Những lúc ầu yếm nàng vẫn gọi chàng bằng anh.

Nhưng Trường ngẩng đầu lên nhìn con, khẽ nhấc tay đứa bé, hơi gắt:

- Mang nó ra chỗ khác đi.

Trình chùng chình chưa đi vội, nàng khẩn khoản:

- Thì cậu hãy bế nó một tí.

- Tôi đã bảo mang nó đi chỗ khác mà lại.

Trường quay mặt ra phía ngoài; sự khó chịu của chàng lại tăng thêm, vì chàng thấy cái lãnh đạm vô lý của mình trong lúc này.

Trình hơi bẽ, hai má nóng bừng. Nàng nghẹn ngào chỉ muốn òa lên khóc; nhưng cố giữ nước mắt đã long lanh dưới vành mi, nàng lấy giọng tự nhiên:

- Bảo bế nó một chút cũng gắt.

Nàng ẩm con quay đi. Mai thấy vẻ nghiêm nghị của bố cũng xịu má ra sắp hờn, ôm lấy vai mẹ. Trình với một cái hộp giấy trên mặt tủ, giơ ra trước mặt con, dỗ: “Đây mẹ cho con cái đồ chơi”. Rồi nàng buồn rầu ẩm sát con vào người như muốn giữ chặt nỗi đau đớn của lòng nàng.

Trường nhìn theo những cử chỉ của vợ; một tình thương khẽ rung động trong tâm can chàng, lẫn với một cơn giận dữ không duyên cớ. Trường muốn đứng dậy đến bên Trình nói mấy câu dịu dàng, an ủi; nhưng cơn giận bức tức làm tan cái ý định ấy, và mạnh thêm bởi Trường cảm thấy mình có lỗi.

Chàng lên tiếng gắt:

- Để nó nghịch cái hộp ấy lại hỏng bây giờ. Có cất ngay đi cho tôi không?

Cái hộp giấy đựng danh thiếp đã cũ, không có giá trị gì. Trinh dừng tay con quay lại nhìn chồng ngạc nhiên. Trường thấy trong đôi mắt mở to có ý oán trách. Nhưng chàng tiếp thêm cay nghiệt:

- Cái gì của người xếp cũng lục tung ra, không có thứ tự gì cả!

Trường bỏ ghế đứng dậy. Mắt chàng nhìn đến một dãy những chai cũ, hộp không, bản thủ bẻ bộn một góc trên mặt tủ. Chàng nhớ lại những lời khuyên hằng ngày:

- Tôi đã bảo vất những cái này đi một chỗ cơ mà. Bày ra làm gì? Chỉ thêm bẩn. – Miệng chàng cau lại một cách khinh bỉ: “Để tưởng những cái này đẹp đẽ, sang trọng lắm đấy”.

- Thì cậu để rồi tôi cất đi.

Mắt Trinh nhòa những lệ; nàng bế con cúi xuống nhặt, xếp lại những mảnh chai. Mai sợ hãi níu lấy tay mẹ, gương mặt thơ ngây nhìn lên. Trinh thấy uất trong cổ họng, nàng muốn nấc lên khóc mà không dám. Trường khoanh tay lặng yên đứng nhìn; vẻ sợ hãi của Trinh khiến chàng động lòng, nhưng chàng cảm thấy một cái thú chua chát khi làm đau đớn người chàng yêu mến.

Người vú già nghe tiếng động từ ngoài sân gác đi vào. Vú ngạc nhiên nhìn hai vợ chồng, đưa mắt qua tủ rồi kêu lên:

- Thôi vỡ hết cả rồi.

Vú đến bên cạnh Trinh cúi xuống:

- Mợ để con nhặt cho.

Thấy vú em đến, Trinh luống cuống. Nàng không muốn cho vú biết rằng nàng khóc, vội quay mặt đi.

- Không, không, u để mặc tôi. U bế em ra ngoài kia đi.

Nàng trao con cho vú em bế, rồi ngoảnh vào trong, lấy vạt áo chùi nước mắt. Một lát, nàng đứng dậy, ôm những mảnh vỡ trong lòng bước ra ngoài.

Trường nhìn theo vợ rồi chán nản gieo mình trên chiếc ghế. Cơn giận của chàng đã tan rồi. Một cảm giác buồn rầu và lạnh lẽo thấm thía vào người. Trường tựa tay trên bao lơn. Những ý tưởng trái ngược nhau và không rõ rệt lộn xộn trong óc chàng. Nhưng cũng như một người đánh bạc không nghĩ đến sự thua nguy hiểm Trường không nghĩ đến nỗi đau khổ chàng đã gây nên. Chàng nhắm mắt, và thấy nổi dậy trong lòng cái ham muốn giàu sang. Những hình ảnh rực rỡ, những ước mơ thâm kín bao nhiêu lâu nay lôi kéo trí tưởng tượng của chàng đến một cảnh đời đầy đủ xa hoa khác.

Chàng say sưa mê mải với những hình ảnh đẹp đẽ, những nụ cười hớn hở, những nét mặt mãn nguyện nở nang, không nghe thấy bên trong, tiếng thổn thức của Trinh, vợ chàng, đang úp mặt xuống bàn tay khóc.

- **D**ung đâu? Con cầm cho mẹ quyển lịch ra đây. – Bà phán ngồi trên sập, đeo đôi kính lên mắt và thông thả giở từng tờ quyển lịch Tàu. Dung đứng tựa vào chiếc ghế bên cạnh, cúi xuống hỏi:

- Mẹ xem lịch để chọn ngày tốt ngày xấu à?

Bà phán dừng tay nhìn con dâu và chép miệng trả lời:

- Ngày tốt ngày xấu mà làm gì. Mẹ xem năm nay có phải là năm sao hạn của mẹ không, mà lăm sự vất vả thế.

Bà khẽ thở dài, rồi cúi xuống xem lịch. Dung cũng lặng yên. Nàng hiểu bà phán muốn nói gì. Sự vất vả mà bà than phiền đó không phải là sự vất vả về công việc làm ăn. Đã lâu nay, từ khi lên ở Hà Nội, mẹ Trường đã thôi không buôn bán nữa. Thỉnh thoảng bà có cầm họ cầm hàng cùng với bà Hai và mấy người quen thuộc khác, nhưng công việc ấy vẫn trôi chảy. Chỉ từ ngày Trường nhất định lấy Trinh và từ chối cô Hảo là nhiều sự không vừa lòng đã xảy đến cho bà. Vì không có bà Hai bảo đảm giúp đỡ, nên sự cầm trở nên khó khăn, những mối lợi không những không thu vào được lại thêm mắc nợ nữa. Đồng tiền chi tiêu trong nhà trở nên hiếm và khó kiếm. Cả gia đình phải trông vào số lương hàng tháng của Xuân, nhưng Xuân vẫn chơi bời như trước, tiền đem về, tháng có tháng không.

Nghĩ đến Xuân, Dung lại khổ sở. Hai vợ chồng đối với nhau cũng lãnh đạm, hờ hững như trước, tuy không cãi cọ nữa. Xuân vẫn làm như không biết có nàng bên cạnh. Hai người chỉ nói với nhau những điều cần nói và không can hệ về việc nhà cửa hay đứa con. Lòng Dung thất lại khi nghĩ đến tình cảm ấy: nàng hiểu rằng sự thờ ơ đó có hại cho nàng hơn một sự giận hờn nhau, Xuân thờ ơ lãnh đạm với nàng tức là không còn một chút tình yêu mến gì đối với nàng nữa. Nàng muốn chồng để ý đến nàng hơn, dù là để ý bằng sự giận ghét cũng được. Nhiều khi Dung cố ý làm Xuân khó chịu, tưởng chàng phải sôi nổi vì mình. Nhưng Xuân vẫn dửng dưng như không; Dung hiểu rằng tình yêu đối với mình đã chết hẳn trong lòng chàng rồi.

Nàng rùng mình khi nghĩ đến những chốn mà Xuân vẫn thường lui tới chơi bời, nghĩ đến hình ảnh những người con gái đáng ghê sợ mà chồng nàng ôm ấp. Dung tuy không như các người vợ khác đi dò xét và ngăn cấm chồng, nhưng nàng cũng biết mang máng rằng Xuân mê một cô ả đào và định sắp lấy. Nàng không hiểu rõ về những hạng đàn bà ấy; Dung cho rằng cái sức mạnh quyến rũ của họ là nhờ những phép bùa yêu bí mật, không có cách gì trị nổi. Nàng không hiểu rằng sức mạnh của họ chính là ở cái nền nếp, cái đoan chính của nàng, không có cái ý vị chua cay, đột ngột của những vẻ lẳng lơ dĩ thỏa. Chính cái nền nếp và cái đoan chính ấy đã khiến Xuân chán ngán và xa nàng.

Ít lâu nay trong gia đình lại thêm nhiều sự buồn rầu nữa. Dung thấy những cuộc cãi cọ gắt gỏng thường xảy ra luôn giữa Xuân và mẹ, vì vấn đề tiền nong. Không khí trong nhà trở nên lạnh lẽo và buồn tẻ, khiến nàng có cảm giác như lúc nào cũng đứng ở đầu cơn gió làm tiêu tán hết căn cái đầm ấm của lòng.

Bà phán thấy Dung yên lặng không nói, bà để quyển lịch xuống sập, ngừng lên nhìn. Thấy vẻ mặt đăm chiêu và như ngơ ngác, bà vô tình hỏi:

- Con nghĩ gì mà ngây người ra thế?

Nghe tiếng mẹ, Dung giật mình. Nàng vội lấy lại vẻ mặt tự nhiên, chối:

- Con ấy ư? Không, con có nghĩ gì đâu.

Rồi nàng cúi xuống, sẽ mỉm cười. Nhưng cái cô đau thương của Dung cũng vừa mới thoáng qua trong trí bà phán như một cơn chớp loáng. Bà ngượng ngịu về câu hỏi ban nãy, quay mặt nhìn đi chỗ khác. Hai mẹ con cùng yên lặng, buồn rầu.

- Hôm nay bao nhiêu tây rồi con nhỉ?

Dung nhìn lên quyển lịch treo trên tường, đáp:

- Thưa mẹ, ba mươi một.

Bà phán lẩm bẩm trong miệng: "Đã hết tháng rồi". Và trông đồng hồ bà tiếp:

- Đã hơn năm giờ mà cậu ấy chưa về. Hôm nay lĩnh lương đấy, con nhỉ?

- Thưa mẹ, vâng.

Dung chợt nghĩ đến ngày lĩnh lương; chắc thế nào

Xuân cũng đi chơi với chúng bạn như mọi đầu tháng khác. Nàng nhìn mẹ chồng, rồi dịu dàng:

- Chắc nhà con lại đi chơi đến tối mới về.

Bà phán thở dài, chép miệng:

- Nhà hết cả tiền rồi. Chẳng còn một xu nào cả. Để chốc nữa cậu ấy về tôi hỏi lấy tiền tiêu mới được.

Dung cúi xuống không nói gì. Nàng nghĩ lát nữa Xuân về lại gắt gỏng với mẹ như những lần khác. Dung lo sợ và thấy nao nao trong lòng. Nàng vuốt tóc như để xua đuổi những hình ảnh không vui, nói sang chuyện khác:

- Đẳng chú thím Trường hình như dạo này cũng túng. Vừa hôm nọ, thím ấy có đến hỏi vay con. - Nàng nói thêm: "Nhưng con làm gì có mà cho vay".

Bà phán cười:

- Vợ chồng nó thì kêu túng cả đời. Đi làm được ba chục bạc lương thì sao đủ.

Hai mẹ con bỗng dừng lại. Ngoài cửa có tiếng xe đồ xuống hè. Dung quay nhìn ra ngoài, nói:

- Nhà con đã về.

Xuân đẩy cửa bước vào. Chàng không nhìn mẹ và vợ, lẳng lặng đi thẳng đến bên tủ, treo mũ trên mắc. Cửa chỉ của chàng có vẻ ẻo lả và mệt nhọc, Dung muốn sẵn đón và hỏi han chồng như mọi bận Xuân về khi hai người mới lấy, nhưng đã lâu rồi chàng quên mất thói quen ấy. Nàng ngượng nghịu đứng lên, chỉ đưa mắt nhìn theo chồng.

Bà phán với lấy âu đồng đựng trâu, rút cây vỏ ra cắt một cách chăm chỉ. Một lát bà mới nhìn Xuân ngọt ngào hỏi:

- Sao hôm nay con về sớm thế?

Xuân đang ngồi giở tờ báo trên bàn, cũng không buồn ngừng đầu lên nhìn mẹ. Chàng lơ đãng trả lời:

- Có gì sớm đâu. Cũng như mọi hôm.

Dung nói chen vào:

- Hôm nay đồng hồ nhanh hơn nửa giờ.

Nghe tiếng vợ, Xuân hơi cau mày. Chàng nhấc tờ báo lên gần mắt, chú ý đọc, nhưng chàng không biết mình đọc gì. Tiếng nói của Dung làm chàng tự nhiên khó chịu. Chàng không hiểu rõ sự khó chịu ấy nguyên cớ tại đâu. Sự thực từ xưa tới nay Xuân vẫn không yêu nàng và sẽ có tình thương nếu Dung không yên lặng chịu đau khổ một cách âm thầm. Chàng muốn Dung kêu gào, hay tỏ ý không bằng lòng của mình một cách rõ rệt hơn nữa. Chàng ưa thế hơn là sự yên lặng an phận, lòng oán tránh thâm kín của Dung làm cho chàng khó chịu vì chàng thấy rõ cái lỗi của mình.

Muốn tránh hai vợ chồng khỏi cãi nhau, bà phán thông thả bảo Dung:

- Con vào bảo nó dọn cơm đi. À, mà Lan đi đâu?

- Con cũng không biết. Hình như cô ấy lại thu họ đằng bà Hiên thì phải.

Bà phán ngạc nhiên:

- Vẫn chưa thu được cơ à?

- Vâng, bà ta cứ hẹn lần mai, năm lần bảy lượt rồi.

Khi Dung vào khuất sau cánh cửa, bà cụ chép miệng phàn nàn, có ý để Xuân nghe thấy:

- Lại bà ấy chưa đóng nữa. Lấy tiền đâu mà tiêu bây giờ...

Xuân vẫn điềm nhiên xem báo như không nghe thấy gì. Chàng biết rằng mẹ không bằng lòng mình, vì số tiền chàng đưa về mỗi tháng ít đi. Chàng cũng muốn đưa nhiều hơn để làm vui lòng mẹ, nhưng công nợ và những món chàng phải tiêu đã chiếm hết nửa số lương của chàng. Mà những món tiền ấy chàng không dám nói ra. Chàng bứt rứt nghĩ đến những lúc phải đi vay mượn khó khăn, để những lúc phải dôi trá để tìm cơ cho số tiền chàng đã tiêu. Một ý nghĩ ích kỷ xen lẩn vào tư tưởng của Xuân; cái bốn phận phải nuôi cả một gia đình đối với chàng trở nên nặng nề và bất công quá. Xuân thầm ao ước đòi sung sướng của những bạn chàng, không phải giúp đỡ ai, chỉ sẵn sóc đến có một thân mình.

Bà phán nhìn con ngập ngừng khẽ hỏi:

- Anh... anh đã lĩnh lương chưa?

Xuân bỏ tờ báo, nhìn mẹ đáp:

- Lĩnh rồi ạ. Vừa mới chiều nay.

Bà phán yên lặng, cúi xuống tằm trâu, bà đợi Xuân đứng dậy lấy tiền đưa cho bà. Nhưng Xuân còn mãi theo ý nghĩ của mình, không để ý đến sự chờ đợi của mẹ.

Bữa cơm chiều lặng lẽ và buồn tẻ. Mỗi người đều bận khoản về những tâm sự riêng. Lan đi thu họ đã về,

cố hết sức nói vui vẻ và kể những chuyện đầu đầu để mọi người cười. Nhưng nụ cười thỉnh thoảng nở trên miệng Dung và bà phán là những nụ cười ngượng nghịu và mất đi ngay.

Dung đưa mắt nhìn chồng, thấy Xuân thỉnh thoảng lại ngừng đùa: một hình ảnh gì khó chịu như đang hiện ở trước mắt chàng.

VI

Ăn cơm xong, Xuân sửa soạn sắp đi. Chàng đã mặc quần áo sẵn sàng, nhưng vẫn đi lại trong buồng như lưỡng lự. Có lẽ lần này là lần đầu chàng mới cảm thấy rõ rệt sự lạnh nhạt của mình đối với gia đình. Chàng muốn không đi chơi nữa, muốn ở lại để hưởng cái thú sum họp dưới ngọn đèn buổi tối. Xuân thấy nét mặt buồn rầu của vợ khi chàng mặc quần áo. Chàng cố tưởng tượng cái êm đềm, đầm ấm của cảnh sum họp, mà chàng vẫn thường thấy ở nhiều gia đình khác.

Vừa lúc ấy, Trường mở cửa bước vào.

Bà Phán thấy con mừng rỡ. Bà nhìn Trường ân cần hỏi:

- Con ở đằng nhà lại đấy à? Đã ăn cơm chưa?

Trường ngồi xuống ghế, đáp:

- Đã, con ăn rồi. - Và quay lại phía anh chàng hỏi:
- Anh đi chơi bây giờ?

Xuân trả lời không rõ:

- À... có lẽ.

- Hôm nay ở rạp Bờ Hồ có chiếu phim hay lắm.

Xuân quay lại, đứng dựa lưng vào tường, đáp:

- Chớp bóng thì chán chết. Tôi chả đi xem bao giờ cả.

Trường không nói gì. Chàng nghĩ muốn khuyên anh nên đi xem chớp bóng, hay đi dự những cuộc giải trí không có hại như thế, nhưng không phải lúc nói nên Trường lại thôi. Bà Phán và Dung cũng yên lặng, nghĩ ngợi.

Chỉ có Lan vui vẻ vỗ hai tay vào nhau reo mừng:

- Phải đấy. Phim ảnh tối nay hay lắm, anh Xuân đi và cho chúng tôi xem với. Chị Dung cũng đi nhớ?

Dung cũng vội vàng nói:

- Tôi chả đi đâu, tôi cũng không thích xem chớp bóng.

Nàng hiểu ý Lan muốn nói Xuân với nàng cùng đi xem, như vợ chồng những gia đình khác. Nhưng đã lâu lắm Xuân không cùng đi đâu với nàng nữa. Dung sợ bây giờ Xuân lại bằng lòng đưa nàng đi; không phải nàng không thích, nhưng tự Xuân không mời nàng, và nếu có nghe theo lời Lan, nàng cũng không muốn có những sự ép buộc như thế. Nàng đã bị đau khổ nhiều lần rồi, nên bây giờ Dung tự kiêu trong cái lãnh đạm của mình.

Bà phán nhắc nhở mọi người quay trở lại mối lo nghĩ của bà:

- Cô Lan thì cái gì cũng thích xem. Nhưng tiền đâu mới được chứ?

Lan đang vui bỗng buồn ngay nét mặt lại, cúi xuống mân mê cây vớ trong âu trầu, hai môi mím chặt. Đôi mắt trong và ngây thơ của Lan đã nghiêm nghị, và trên vàng trán sáng sủa của em, Trường nhận thấy thoáng qua một sự lo nghĩ.

Khi mẹ nói đến tiền, Trường sực nhớ đến cái mục đích của mình khi về thăm nhà. Chờ lúc mọi người không ai để ý, chàng ra hiệu cho chị rồi đứng dậy bước ra phía cửa. Dung theo ra, Trường hỏi nhỏ:

- Thế nào chị? Chị đã nói với mẹ hộ em chưa?

Dung lắc đầu đáp:

- Chưa, vì tôi biết hôm nọ mẹ cũng chả có. Tôi đã hỏi vay riêng mấy người chị em bạn cho chú, nhưng không được.

Trường lưỡng lự rồi hỏi:

- Anh ấy có tiền chưa?

- Có rồi.

- Thế bây giờ chị nói với mẹ cho em đi.

Dung quay lại gần bà phán cúi xuống nói thì thầm. Mẹ Trường gật đầu vẫy chàng lại gần:

- Con đợi một lát mẹ đưa cho.

Trường vâng lời ngồi xuống ghế, trước mặt mẹ. Xuân gấp quyển sách mà từ nãy chàng vẫn để xem trên mặt tủ, rồi như người mới quyết định, chàng đi lại bên mắc áo lấy mũ.

Bà phán nhìn theo con, ngập ngừng. Xuân ra gần đến cửa, bà mới gọi:

- Này... anh...

Xuân quay lại, hơi phật ý, đôi lông mày cau lại.

- Cái gì ạ?

- Anh đưa tiền cho tôi, còn cho em nó mượn bây giờ.

Xuân lảng lạng thò tay vào túi áo lấy tập giấy bạc. Chàng đếm riêng ra một tập, bỏ chỗ còn lại vào túi, rồi để tập bạc trên bàn, trước mặt Trường. Bà phán với tay cầm lấy, ngừng nhìn hỏi Xuân:

- Chỗ này là bao nhiêu đây?

- Hơn ba chục.

Bà phán để tập giấy bạc xuống bàn dịu dàng nói:

- Anh đưa thế này sao đủ tiêu. Tiền nhà, tiền ăn, trăm thứ tiền đều trông vào anh cả, mà chừng này thì sao đủ.

Xuân tỏ vẻ khó chịu, không nói gì. Bà phán tiếp:

- Đã mấy tháng nay, anh đều đưa thế này cả. Anh tiêu gì mà nhiều thế?

Yên lặng một lát, bà thêm: "Anh không biết nghĩ một chút nào cả".

- Không biết nghĩ! - Giọng Xuân trở nên gắt gỏng - Mẹ bảo không biết nghĩ thế nào nữa. Con cũng phải có những món cần tiêu chứ, số tiền còn lại đây vị tất đã đủ.

Không đợi Xuân nói hết, bà phán lớn tiếng:

- Anh tiêu gì, tiêu chơi bời, tiêu hát xướng ấy có phải

không? Tôi còn lạ gì những món cần tiền của anh nữa.

Xuân không đáp, đút hai tay vào túi quần, đi đi lại lại trong phòng. Bước chân của chàng mỗi lúc một gấp và nhanh thêm.

Không khí trong nhà trở nên nặng nề và khó chịu. Hai mẹ con lại sắp cãi nhau vì tiền, như nhiều lần khác đã xảy ra. Dung và Lan sợ hãi, ai nấy đều cúi mặt xuống, cùng ước mong cho cuộc đối đáp chóng xong nhưng không dám ngăn cản. Trường ngồi yên lặng, lòng đau đớn vì mẹ và anh đã mất cái tình thân thiết của mẹ con. Chàng thầm trách anh đã không biết chiều lòng mẹ. Tuy vậy, chàng muốn lòng yên tĩnh để tránh khỏi dục vào việc buồn rầu ấy. Trường thông thả cầm quần bút nguyệt ngọc trên bìa quyển sách trước mặt.

Chàng muốn xin mẹ thôi đi, nhưng bà phẫn cứ nói, như muốn trút hết cả những nỗi tăm tức trong lòng.

- Anh chỉ biết nghĩ đến mình anh thôi. Vợ con anh ở nhà anh không nhìn gì đến, con anh nó ốm anh cũng mặc, chỉ đi chơi bởi suốt ngày đêm, rồi đem tiền cung phụng cho người khác. Anh không biết mấy tháng nay tôi đâm công mắc nợ bao nhiêu. Nhưng anh cần gì.

Xuân vung tay giận dữ, bước tới mở cửa, quay lại gắt:

- Ô, bà nói tôi khó chịu lắm. Không để cho người ta yên một chút nữa! Chàng sập cửa đến rầm một cái, bước vội ra ngoài.

Ngồi bút trong tay Trường sứt mạnh trên giấy, mực bắn tung cả vào áo. Chàng cầm quần bút lên xem,

cố nói một cách bình tĩnh như không để ý đến những sự vừa xảy ra:

- Thôi xong, gãy mất ngòi bút rồi.

Lan đến gần Trường cúi xuống nhìn:

- Anh làm hỏng mất ngòi bút của em rồi còn gì. Bất đền anh đấy.

Hai anh em nói những câu vợ vắn đầu đầu. Trường không dám nhìn về phía mẹ. Bà phán ngối yên không động dậy, vẻ mặt buồn rầu. Mấy giọt nước mắt lặng lẽ chảy trên đôi má đã hóp lại vì lo nghĩ.

Trường thấy mỗi một và chán nản trong tâm hồn. Chàng khẽ đứng dậy, bước ra cửa.

Dung theo sau, giữ chàng lại ngoài hè, đưa mấy tờ giấy bạc:

- Chú không cầm về mà tiêu à?

Trường lắc đầu:

- Không cần nữa, chị ạ. - Chàng ngăn Dung bảo: "Thôi chị vào đi", rồi rào bước đi mau khuất trong bóng tối.

VII

Trường qua phố Hàng Trống ra phía bờ hồ. Chàng vừa bước vừa nghĩ ngợi, không để ý cảnh vật chung quanh. Những người đi và xe cộ mờ dần trước mặt chàng, và những hình ảnh khác nổi lên rõ rệt. Mái

tóc đã gần bạc, những vết răn sâu trên trán và vẻ lo nghĩ của mẹ chàng... Trong trí nhớ, Trường đi ngược lại về dĩ vãng, nghĩ đến những ngày còn hàn vi ở An Lâm, những ngày mẹ chàng còn phải tần tảo buôn bán để nuôi con. Trường nhớ lại cửa hàng tạp hóa nhỏ, sơ sài và đầy bụi bặm; những quả bày hàng sơn đen đặt trên xếp cánh cửa bức bàn, những ngày tháng ế, chờ đợi không có người mua.

Trường buồn rầu nhận thấy mẹ, đến bây giờ vẫn không được sung sướng. Chàng tự trách sao không nghĩ đến nhà mà chỉ nghĩ đến mình. Nếu chàng không thôi học, có phải đã có thể giúp đỡ được mẹ không? Trường lại nghĩ nếu không lấy Trinh, nếu cứ nghe theo lời bà phán mà lấy cô Hảo, chàng bây giờ đã giàu và sung sướng. Tâm can Trường nảy nở một ý ham muốn và ghen tị; Trường thêm muốn cái địa vị của Tiến và so sánh với địa vị mình. Nghĩ đến căn nhà tối tăm và nhỏ hẹp chàng sắp về, đến cái ngõ khuất khúc và bẩn thỉu chàng sắp đi. Trường thấy thấm thía cái nghèo nàn khốn khổ của mình.

Gió lạnh trên hồ đưa lại từng cơn. Trường thông thả đi trên bờ, nhìn mặt nước đen, loáng ngáp, những đường ánh sáng vàng từ trước ngọn đèn chiếu xuống. Bỗng nhiên chàng dừng lại đứng yên, từ trong một tiệm khiêu vũ đưa ra tiếng đàn trầm bổng. Chàng lắng tai nghe: người ta có lẽ đang họa một bản âm nhạc buồn; tiếng đàn êm ái và du dương bao bọc lấy Trường và làm

rung động tâm hồn chàng. Trường thấy tự nhiên nổi dậy trong lòng nỗi nhớ nhung những vùng trời xa lạ và rực rỡ mà chàng vận mơ màng trong các chuyện đã đọc. Một dãy ô tô mới nguyên và đẹp dễ đỗ ở vỉa hè; qua khe cửa kính, Trường thấy trong tiệm đầy ánh sáng, những cặp trai gái lịch sự đang bước theo nhịp đàn. Cảnh ấm cúng và giàu có ấy nhắc Trường nghĩ đến cái nghèo khốn của mình; chàng lại nghĩ đến những người cũng nghèo như chàng, ở tận những xứ đâu đâu, cũng đứng ngoài trời gió lạnh mà ngắm nhìn cảnh đầy đủ xa hoa trong những chốn ăn chơi sang trọng, Trường thấy hình như mình khổ sở thêm lên.

Đêm đã khuya chàng mới quay đi; con đường yên lặng và vắng vẻ dưới ánh đèn. Trường thấy cũng lạnh lẽo và trống không như tâm hồn chàng.

Rồi căn phố bỗng nhiên hẹp đi và tối lại. Từ này, mãi theo đuổi những hình ảnh đâu đâu, Trường không biết mình đã về tới ngõ nhà, cái ngõ khuất khúc và nhỏ hẹp mà chàng đang ở. Ngọn đèn điện lơ mờ chiếu ra một vùng ánh sáng màu vàng yếu ớt; bóng tối và sự tịch mịch bao bọc lấy Trường khiến chàng có cái cảm giác cách biệt hẳn với những chỗ rực rỡ và sang trọng ở Hà thành. Về tối tàn và tiêu tụy của những căn nhà trong ngõ hôm nay chàng chú ý đến hơn; chàng nghĩ đến những gia đình cũng nghèo nàn như gia đình chàng, những gia đình thợ thuyền hay buôn bán nhỏ mà chàng thấy sống chen chúc trong những buồng tối tăm và chật

hẹp. Qua khe những tấm cửa gỗ ghép không kỹ, thỉnh thoảng tia ánh đèn trong nhà chiếu ra một vệt đường sáng trên mặt đất, và tiếng người nói thì thầm, tiếng trẻ con khóc lọt vào tai chàng. Cuộc đời của những người ấy hiển hiện ra trước mắt Trường, với những thiếu thốn, những nỗi khó khăn và vất vả của họ. Trường tự hỏi không biết những người đó có lúc nào được sung sướng không: họ có bao giờ quên cái nghèo của họ, có lúc nào được hưởng một chút vui vẻ, một chút hạnh phúc trong suốt đời người không? Trường thấy một nỗi buồn nản nặng nề đè nén trên tâm hồn; chung quanh mình, chàng chỉ thấy cái nghèo, cái nghèo rộng rãi và mệnh mang như nước thủy triều lôi cuốn bao nhiêu cuộc đời vào cái dòng chảy mạnh mẽ. Sự sống đối với chàng bỗng mất hết ý nghĩa, thờ ơ và lạnh nhạt, tàn ác đưa số mệnh người đến những chốn tối tăm và đau khổ.

Trường nghĩ lại đến gia đình mình, đến những sự phiền muộn lo nghĩ mà chàng đã trải qua, đến những ước muốn và thèm thuồng mà chàng đã nuôi nấng trong lòng. Bây giờ chàng tiếc rằng đã bị ràng buộc bởi Trinh, đã yêu và chót lấy nàng. Nếu không Trường biết mình có thể đến một cách dễ dàng tới một địa vị sang trọng hơn. Tiến bây giờ sống một cuộc đời phong lưu nhàn nhã lắm. Anh ta đã tậu mấy cái nhà, một cái trại ở ngoài thành phố. Hảo đứng làm chủ một hiệu buôn to, cô Hảo ngày xưa lộng lẫy hơn và vui tươi hơn hôm

cười... Cuộc gặp gỡ hôm thứ bảy, một thứ bảy cách đây đã lâu, lại hiện ra rõ rệt trong trí nhớ Trường.

Buổi chiều hôm ấy chàng ở sở về, người mệt mỏi và chán nản hơn mọi hôm. Sau mấy giờ làm việc trong một căn phòng chật hẹp và đầy số sách bám bụi, cảnh tấp nập và hoạt động của một buổi chiều đầu tháng ở ngoài đường rộn rập. Chàng theo những chiếc xe lịch sự đi về các phố lớn đông đúc, có những cửa hàng rực rỡ, phô bày trong cửa kính tất cả những thứ sang trọng và xa hoa nhất. Ở đây Trường nhìn ngắm cái giàu sang bao bọc lấy chàng. Trong đám đông người nhiều tiền ấy, Trường thấy mình như lạc loài vào một nơi xa lạ.

Rồi Trường vội đứng khuất vào trong bóng tối: chàng vừa mới thoáng trông thấy hai vợ chồng Hảo từ trên một chiếc ô tô bước xuống hè. Ánh đèn điện lấp lánh trên những đồ trang sức bằng vàng ngọc Hảo đeo trên người. Chàng nhận thấy Hảo vẫn xinh đẹp và trẻ tươi như trước, đôi môi hé nở, và một vẻ sung sướng phảng phất trên mặt nàng. Bên cạnh, Tiến bộ vệ và mãn nguyện trong bộ quần áo mới rất sang trọng, đi từng bước thong thả và chắc chắn. Hai vợ chồng cùng vào một cửa hàng.

Khi họ đi qua trước mặt, Trường vội cúi đầu lẩn tránh. Chàng không muốn để cho Tiến trông thấy. Tự nhiên mà chàng cũng không ngăn giữ được mình, Trường thấy xấu hổ và e thẹn cho cái nghèo của chàng. Bộ quần áo mà chàng đang mặc bỗng trở nên tiêu tụy khác thường. Chàng lảng lạng rẽ sang phố khác.

Bây giờ nhớ lại cuộc gặp gỡ ấy, Trường vẫn thấy nửa khó chịu và nửa bức tức. Hình như cái địa vị của Tiên đáng lẽ là của chàng; chàng nghĩ đến Trinh; chính nàng đã mang sự nghèo khổ đến cho chàng. Nếu không có Trinh, có lẽ đời chàng đã thành khác hẳn. Lần đầu, Trường thấy Trinh chỉ là một cái gánh nặng trên vai, một cái trở lực cho đời sung sướng và đầy đủ mà chàng ao ước.

Máu trên thái dương chàng đập mạnh; một mối căm giận bốc lên đầu như ngọn lửa. Trường bức cho mình đã ngây thơ và mơ mộng quá... Thơ ngây! Miệng chàng tự nhiên nhếch chua chát khi nghĩ đến người thiếu niên say sưa tình ái dưới giàn hoa. Kỷ niệm của những ngày trong sáng và chân thật ở An Lâm không làm cho Trường cảm động nữa; chàng lắc đầu xua đuổi cái hình ảnh cũ, cúi mình trước gió lạnh thổi từ ngoài sông vào và dần bước mau trở về nhà.

★

★ ★

Lên khỏi bậc cầu thang, Trường trông thấy bóng Trinh đương đứng trước tấm gương treo, tay với lên đầu sửa mái tóc. Nghe tiếng chân của Trường, nàng vội quay lưng lại, rồi đến nằm ngả mình trên giường, hai tay vòng để dưới gáy, lặng yên nhìn chồng đi vào. Hai má nàng hồng hào, miệng chúm chím, và một vẻ tình nghịch, sung sướng, long lanh đôi mắt của nàng.

Nhưng Trường không trông thấy. Chàng đứng dừng

ngay lại, đưa mắt nhìn quanh gian phòng, ngạc nhiên: những đồ đạc trong nhà đều xếp đặt lại hết cả. Bộ bàn ghế giữa buồng đã kê vào một bên, cái tủ con đẽ sang phía trái, chiếc giường ngủ kê sát vào phía tường bên trong. Những đồ lặt vặt, vô giá trị và tồi tàn, cũng đều đã thay đổi chỗ hết cả. Cách xếp đặt mới, tuy vậy, không hơn gì cách bày biện cũ, lại có phần vụng về và khiến căn phòng chật chội hơn.

Trường chưa kịp cất tiếng hỏi, Trinh đã nhoẻn cười nói:

- Anh xem tôi kê lại có đẹp không?

Nàng vẫn nằm yên trên giường vì muốn khoe với chồng đôi chiếu nàng mới mua. Suốt cả buổi chiều, Trinh loay hoay trải đi trải lại chiếc chiếu cho ngay ngắn, chắc thế nào Trường về cũng tỏ ý bằng lòng. Trong trí nghĩ giản dị của nàng, đôi chiếu mới là biểu hiện của sự hòa thuận vui vẻ trong gia đình. Nàng đợi chồng, nóng ruột muốn nói cho chàng biết. Nhưng bây giờ thấy nét mặt giận dữ của Trường nàng lưỡng lự không dám hé răng. Mắt nàng đưa theo từng cử chỉ của chồng không chớp.

Trường treo mũ lên mắc rồi đi lại vài bước. Về chật hẹp của căn buồng và không khí nặng mùi đờ nẻn khiến chàng khó thở và bứt rứt. Chàng nhìn, những đồ đạc tiêu tụy lại càng làm cho Trường khó chịu. Những thứ xấu xí như thế thì xếp đặt lại làm gì? Trường tự nhiên thấy cơn giận đưa lên. Chàng hỏi xẵng:

- Ai bảo kê lại? Sao không để nguyên như cũ?

Trình ngạc nhiên nhìn chồng. Giọng giận dữ của Trường khiến nàng không hiểu:

- Tôi tưởng kê lại cho nó đẹp.

Trường nhắc lại, dần mạnh từng tiếng:

- Đẹp! Cô biết thế nào là đẹp!

Nếu Trình cứ yên lặng hay ngọt ngào đáp lại, thì hai vợ chồng có lẽ lại trên nên hòa thuận. Nhưng nàng không chịu được sự vô lý của Trường, bỏ giường vùng đứng dậy miệng lẩm bẩm phản nản:

- Hôm nào về cũng gắt với máng. Không hiểu độ này làm sao thế!

Nàng vén lại tóc, bước ra ngoài hiên. Trường nhìn theo, nhún vai. Bao nhiêu những tức tối bực dọc mà chàng cảm thấy khi trông cảnh giàu sang của người khác chàng đem quy lỗi cả cho vợ. Hình như Trình đã làm thiệt chàng thì không có quyền phản nản gì nữa. Chẳng phải vì nàng mà chàng phải chịu sống cuộc đời tối tăm ư?

Chàng lên tiếng gọi giọng ác nghiệt:

- Không vào đây cất dọn đi, còn đứng ngoài ấy làm gì nữa?

Chàng cúi mình thấy trên giường có trải chiếc chiếu mới nguyên, cặp vải đỏ, một màu đỏ rực.

- Còn cái chiếu này nữa, vứt nó ra ngoài kia!

Trường đưa mắt nhìn Trình, thấy nàng uất ức sắp khóc. Sự đó làm tăng sự khó chịu của chàng. Trường

đem hết cả những nỗi bức tức của mình ra lời nói, tiếng chàng mỗi lúc một thêm gay gắt, chàng như say sưa vì cơn giận mạnh của mình.

- Cô tưởng tôi sung sướng lắm đấy! Suốt ngày đầu tối mặt tất để làm việc, về đến nhà trông thấy cái cảnh tiêu tụy này mà buồn. Tôi chán lắm rồi, khó chịu lắm rồi, không thiết gì nữa.

Chàng nhắc đi nhắc lại:

- Chán lắm, chán lắm...

Trình tay ôm lấy mặt, nín lặng. Một lát nàng đáp qua nước mắt:

- Anh chán thì tôi cũng phải chịu. Có phải lôi ở tôi đâu...

Những tiếng nức lên ghen ngào rồi vỡ ra trong cổ họng nàng. Nước mắt nàng trào ra má:

- Nếu tôi biết nông nổi như thế này thì thà rằng chẳng lấy nhau cho xong.

- Thì ai bảo lấy! Tôi có cần đâu.

Trường không nhớ đến tấm tình yêu đắm thắm và trong sáng ngày xưa nữa. Bây giờ chàng chỉ thấy cái kết quả khổ sở của cuộc nhân duyên mà chính chàng đã muốn. Trường trách nàng đã bằng lòng nhận lời, điều mà chính chàng xưa kia đã hết sức yêu cầu nàng nhận. Chàng giận Trình vì chính sự quyết định của nàng.

Mai đang ngủ giật mình tỉnh dậy cất tiếng khóc, Trình trở vào ôm con lên lòng, ngồi xuống giường cho con bú. Nàng nắm chặt lấy tay con, thổn thức:

- Bây giờ anh muốn làm thế nào, tôi cũng xin chịu. Tôi chẳng dám kêu ca gì bởi tôi biết thân phận tôi nghèo hèn, không đủ cho anh quý...

Nàng òa lên khóc. Nước mắt rỏ xuống ướt cả má đứa bé. Trinh lấy khăn lau cho con: Mai giờ tay lên với mấy sợi tóc buông xõa, và ngây thơ không biết cơn giông tố đang chia rẽ hai người, mỉm cười nhìn mẹ. Thấy nụ cười của con, Trinh xót xa cả ruột, chỉ muốn chết ngay đi để tránh khỏi những nỗi đau đớn đang vò xé lòng nàng.

Trường đi lại, bối rối. Chàng thoáng thấy trong thâm tâm cái ác nghiệt vô lý và hèn nhát của mình nhưng chàng vội tránh không nghĩ đến. Chàng muốn đến bên vợ, an ủi và xin lỗi nàng, nhưng một ý nghĩ xấu cứ giữ chàng lại. Trường chỉ thấy đưa mình vào quầng trống rỗng buồn nản, và cảm thấy một sự mệt mỏi mệnh mang, cả người lẫn trí óc. Chàng không muốn để ý đến việc gì nữa, không muốn nghĩ đến việc gì nữa. Chàng nằm xuống giường, để tay qua ngực và lắng nghe tiếng tích tắc của đồng hồ, từng giọt, từng giọt một, rõ sự yên tĩnh trên tâm hồn chàng.

*

* *

Đêm đã khuya, Trinh khẽ đặt con ngủ, rồi buông màn xuống. Những cử chỉ của nàng thông thả và lặng lẽ, cái sự săn sóc ấy nhắc nhở Trinh nhớ lại những kỷ

niệm êm đẹp khi vợ chồng mới lấy nhau. Tủi thân nàng không cầm được nước mắt, vội bước ra ngoài hiên, gục xuống bao lơn khóc.

Tâm hồn giản dị, nàng không hiểu được cái phiền phức của lòng Trường và như thế, nàng càng đau khổ hơn: những nỗi băn khoăn của chồng, mà Trinh đoán thấy bấy lâu nay, khiến nàng phải nghi ngại, tuy nàng không biết duyên cớ bởi vì đâu. Trinh cảm thấy một mối lo sợ không rõ rệt luẩn quẩn trong tâm trí nàng, như trước một tai nạn sắp xảy ra.

Nàng chỉ âm thầm đau khổ mà không lúc nào có ý oán trách Trường. Nàng oán giận sao được? Nàng vẫn yêu Trường, như nàng yêu ngay từ lúc bắt đầu mới gặp chàng. Lòng yêu của nàng không giảm bớt chút nào; nàng không thể tưởng tượng được sẽ không yêu chàng nữa. Cái tình yêu đã làm rung động cả linh hồn Trinh trong buổi nói chuyện dưới bóng trăng bên giàn hoa thiên lý, bây giờ đổi thành một tình cảm bình tĩnh và vững bền, sâu xa đến lẫn cả với những ý nghĩ, những ham muốn tận trọng thâm tâm. Và ái tình đó đối với nàng thật ra mật thiết và tự nhiên quá, như sự sống của nàng, khiến Trinh không bao giờ nghĩ đến cách làm biểu lộ ra. Nàng không có những cử chỉ bông bột, những đáng điệu hay lời nói ái ân, nhưng mỗi khi nhìn chồng, đôi mắt của nàng lại sáng lên và đắm đuối trong tình yêu mến.

Thế mà bây giờ... Bây giờ Trinh thấy rằng hạnh

phúc của nàng đã gần lung lay sắp đổ. Tâm sự của Trường giờ đối với nàng trở nên bí mật, nàng không hiểu rõ nữa. Giữa hai vợ chồng không còn sự tin cậy ngày thơ và sáng sủa như trước kia, mỗi ý nghĩ hay tư tưởng của Trường đều có phản chiếu và vang động ở lòng nàng. Mỗi ngày Trường đối với nàng xa lạ hơn một chút, và Trinh đau khổ vì không biết làm gì trước sự đau khổ của chồng. Những nỗi buồn của nàng lắng xuống, và trong tâm hồn giản dị của Trinh bắt đầu dâng lên một chút vị chua cay và chán nản. Nàng muốn gần chồng để yêu mến bao nhiêu...

Tiếng cửa mở dưới nhà kêu lên trong tĩnh mịch của đêm khuya. Trinh cúi mình trên bao lơn nhìn xuống. Nàng thấy Trường ở trong cửa bước ra, vừa đi nhanh vừa mặc áo. Trinh toan cất tiếng gọi, nhưng tiếng nói nghẹn lại trong cổ họng. Nàng ngồi phịch xuống ghế, nhìn theo Trường đi khuất vào bóng tối.

Gió lạnh ở đâu đưa đến làm Trinh rùng mình. Nàng đứng dậy vào trong nhà. Căn phòng bỗng vắng vẻ và buồn rầu lạ, chỉ còn đây tiếng tích tách thông thả của chiếc đồng hồ. Trinh bước tới bên giường, kéo chăn lên đắp cho con. Mai đang ngủ, mím một nụ cười trên cái miệng xinh như mơ một sự gì vui vẻ. Đứa bé với tay sờ soạng rồi nắm chặt lấy tay mẹ. Trinh để yên bàn tay bé nhỏ của con trong tay nàng, rón rén ngồi rồi thấy trong lòng bỗng rung động bao nhiêu nỗi xót thương, nàng lại cúi đầu lặng lẽ để nước mắt tràn thấm áo.

VIII

Vừa bước chân vào trong nhà, Trinh đã vội vàng vút gói thuốc trên bàn, chạy đến chiếc giường con kê sát tường. Nàng đẩy vú em ra, cúi xuống vén tấm màn nhìn vào: dưới mấy lần chăn mỏng Mai đang nằm ngủ yên, tay để dưới đầu.

- Em đã đỡ chưa vú?

Người vú khẽ trả lời:

- Chưa, mợ ạ. Từ lúc mợ đi đến giờ, hình như em lại sốt thêm lên nữa.

Trinh lo sợ, để tay lên trán đưa bé: nàng thấy nóng rực và ướt đầm mồ hôi.

- Chết chưa, bây giờ làm thế nào hử vú? Hay là thôi không cho uống thuốc ông lang ấy nữa. Đã hai thang rồi mà không thấy chuyển.

Vú em mân mê tà áo. Một lát mới nói:

- Thuốc mợ lấy về để đâu? Hay cứ cho em uống thêm một bát nữa xem sao.

- Ở trên bàn kia. Vú ra lấy mà sắc.

Người vú vừa quay đi, Trinh đã gọi giật lại hỏi:

- Buổi trưa cậu có về không?

- Thưa có. Mợ đi một lát thì cậu con về ngay.

Trinh ngáp ngừng. Nàng không muốn hỏi câu nàng định hỏi, một linh khiêu như báo trước cho nàng biết

câu trả lời của người vú sẽ khiến nàng thất vọng và buồn rầu. Nhưng nàng không thể ngăn mình:

- Thế u có nói là em lại sốt thêm không?

- Có ạ. Nhưng con vừa nói thì cậu đã gắt, rồi lại mặc áo đi ngay.

- Thôi được, u đem thuốc xuống sắc cho em đi.

Nàng thở dài, ngồi xuống chiếc ghế để bên giường rồi vắt chiếc màn lên hai bên. Ánh sáng ở khe cửa chiếu vào: Trinh nhận rõ thấy con xanh xao quá. Đứa bé thờ hờn hển như một nhóc, thỉnh thoảng tay nắm chặt lấy mép chăn. Trinh cúi mình khẽ vuốt tóc Mai. Lòng mẹ cảm động và lo sợ trước vẻ ốm yếu của con.

- Khổ cho con tôi quá!

Trinh rơm rớm nước mắt khóc. Đứa bé sốt đã ba ngày hôm nay rồi, mà Trường vẫn không để ý đến. Ở sở về, chàng ăn cơm xong lại đi ngay, nét mặt lúc nào cũng như giận dữ, khiến nàng sợ không dám hỏi. Chiều hôm qua, Mai sốt quá, nàng lo lắng nhìn Trường sửa soạn đi. Khi chàng sắp bước xuống cầu thang, nàng mới rụt rè sẽ hỏi:

- Nay anh, nó sốt quá.

Trường quay lại vội vàng đáp:

- À... nó cảm đấy chứ làm sao. Mua thuốc cho nó uống.

- Nhưng... anh...

Trinh ngừng bật không nói tiếp, vì Trường đã bước xuống dưới nhà rồi. Nàng lắng nghe tiếng giày của

Trường đi ra cửa, lòng nàng se lại.

Suốt cả một đêm, nàng đã thức trông con. Trong cái tĩnh mịch của ban đêm bao nhiêu ý nghĩ bắn khoả đến ám ảnh. Trinh nhớ lại tất cả quãng đời từ khi mới lấy nhau. Những ngày sung sướng hình như đã xa xăm lắm. Trinh chỉ thấy rõ rệt những hình ảnh buồn rầu gần đây, những lúc hai vợ chồng giận nhau, những buổi nàng khóc thầm một mình bên ngọn đèn.

Tiếng Mai gọi làm nàng sực tỉnh. Nàng bế con lên ấm vào lòng. Mai ôm chặt lấy mẹ, đòi bú. Trong mấy ngày, đứa bé đã gây hấn đi. Không phải là đứa trẻ hồng hào và mũm mĩm vẫn tươi cười và đùa nghịch như mọi khi; Mai trông yếu ớt và nhỏ bé lại. Thấy con như thế, Trinh không cầm được lòng thương. Vậy mà Trường không sẵn sóc gì đến, cứ để mặc mình trông nom lấy.

Trinh bỗng thấy ao ước một sự hy sinh để con nàng được chăm chút hơn. Nàng muốn chịu khổ sở, chịu đau đớn cho Mai được sung sướng. Ý tưởng rời bỏ nhà này, trở về quê sống cái đời đơn sơ như trước, thoáng qua trong trí nàng. Trinh không muốn cho Trường phải khó chịu vì mình nữa. Nàng chỉ nghĩ đến cách làm cho chàng được vui lòng, còn về phần nàng Trường sẵn sàng chịu cái cảnh nghèo nàn. Nàng đã quen với cái nghèo rồi.

Vú em ở dưới nhà bưng lên bát thuốc để trên bàn, gọi chủ:

- Thưa thuốc đây, mợ cho em uống.

Trinh nâng con dậy, đưa bát thuốc ra trước mặt.

Thuốc đắng, Mai không chịu uống, hất tay mẹ rồi giấy giụa khóc, Trinh âu yếm dỗ:

- Uống đi con, chóng ngoan. Uống cho khỏi sốt.

Nàng nói dối:

- Con chịu khó uống đi, rồi cậu về cậu mua bánh cho con nhé...

Nhưng Trinh ngừng lại. Nàng chua xót vì đã phải nói dối con. Đã mấy hôm nay, Trường không về tới nhà nữa. Nàng thấy nước mắt tràn lên mi, vội ôm Mai vào lòng, sờ lên trán đứa bé:

- Con tôi còn sốt quá.

Ngoài kia, ngày đã về chiều, Trinh nghe thấy các gian nhà bên cạnh, tiếng cười nói của những người đi làm về, và tiếng mâm bát sửa soạn bữa cơm. Càng về tối, gió lại càng lạnh lẽo thêm.

Người vú em bỗng hỏi vu vơ:

- Không biết cậu con đi đâu mẹ nhỉ? Em ốm mà cậu cũng không chịu về.

Thấy Trinh lặng thinh không trả lời, vú em kể thêm:

- Con bác Hai ở dưới nhà cũng sốt đấy. Bác ta thương con đau đẽ; đi làm về một cái là chạy đến sờ sóc đứa bé ngay. Bác Hai gái chả phải làm gì tất cả.

Trinh chép miệng, và tự thấy mình ao ước cái cảnh tâm thường ấy:

- Vợ chồng người ta như thế mà sướng. Tuy nghèo khổ nhưng lúc nào cũng hòa hợp vui vẻ. Chẳng như nhà mình...

Trình không nói được nữa. Nàng nghẹn ngào cúi mặt xuống. Vú em thấy gọi đến việc buồn trong nhà, cũng nói lảng sang chuyện khác:

- Đã lâu nay, sao bà không lên, hỏi mợ?

- Ừ nhỉ. Tôi quên khuấy đi mất. Để phải gửi giấy về mời mẹ tôi lên đây ít lâu mới được.

- Chắc bà con bận buôn bán hẳn. Đạo này ngày mùa.

Nghĩ đến mẹ, Trình động lòng thương. Từ khi nàng đi lấy chồng Trình ít có dịp về thăm mẹ và em, mà bà Nhì cũng không mấy khi đến chơi nhà nàng. Vì mỗi khi đến thấy Trường gắt gỏng và hình như có ý không muốn tiếp, nên bà không ở lâu.

Trình thở dài, buồn cho mẹ đã già mà vẫn còn phải xuôi ngược buôn bán để nuôi Bích ăn học. Trước kia, ngày còn ở An Lâm, nàng vẫn giúp đỡ mẹ; hai mẹ con làm lụng tuy vất vả, nhưng vui sướng có nhau. Bây giờ thì không ai giúp đỡ nữa.

Nàng tưởng tượng những buổi sớm trời còn tối, sương ướt và gió rét, mẹ nàng đã phải trở dậy đi cân gạo bên kia sông. Không biết em Bích có chịu khó ra sân lấy nước mưa để pha trà cho mẹ uống không? Trình nhớ lại những buổi sáng ấy, cái cảm giác của nước lạnh cắn vào da, ngọn lửa ấm áp trong chiếc hỏa lò và tiếng reo vui của nước sôi. Bên cạnh ngọn đèn, nàng và mẹ nàng ngồi uống chè nóng, và sửa soạn để đi.

Nàng lại nhìn thán mái tóc đã bạc phơ của mẹ và

bàn tay gầy nhỏ và răn reo, rất dịu dàng mỗi khi đặt lên vai nàng.

Trong tâm trí Trinh đang bàng hoàng vì đau khổ, hình ảnh người mẹ già nua hiện từ nỗi dậy, sáng loáng bởi lòng thương rộng rãi, bao nhiêu tha thứ và mến yêu... Tự nhiên, nàng nghĩ trở về mẹ, như ngày còn bé ẩn náu dưới cánh tay tìm sự an ủi và che chở...

- Mẹ!...

Nàng tưởng có mẹ gần gũi ở đâu đây. Trinh thấy bớt cô độc trong gian phòng vắng vẻ, và những giọt nước mắt từ từ thấm ướt vạt áo nàng.

IX

Đã mấy hôm nay tâm trí Trường hỗn độn vì nhiều ý nghĩ. Nhưng không phải chàng băn khoăn về những thềm muốn giàu sang ẩn nấp trong lòng chàng nữa. Trường băn khoăn vì cảm thấy mình đã nhỏ nhen và vô lý quá trong khi đối với vợ. Cuộc cãi nhau hôm trước làm cho chàng hối hận, và Trường thấy cảm động ứa nước mắt mỗi khi nghĩ đến.

Chàng nhớ dáng điệu của Trinh, vẻ tình nghịch trong mắt khi nàng nằm trên giường đợi chàng về. Đáng thương! Trinh đã tưởng làm vui lòng chàng với đôi chiếu mới mua, nàng đã đem trải cẩn thận trên

chiếc giường hai người nằm. Trong cái cử chỉ trẻ thơ ấy, Trường nhận thấy bao nhiêu âu yếm đối với chàng; lòng chàng nao nao khi nghĩ đến điều mong ước giản dị và chân thật của Trinh, ước mong một gia đình đầm ấm trong sự thanh bần. Nàng đã quen với cái nghèo đi rồi và không thấy khó chịu vì vậy nữa. Nàng vẫn là cô gái chất phác ở An Lâm, với cái ái tình trong sạch. Chính Trường đã đem nỗi băn khoăn của chàng đến làm lay động lòng yêu của vợ, bình tĩnh như mặt nước hồ sâu. Trường thấy bao nhiêu lỗi đều về phần mình cả. Nhưng chàng mới nhận biết như thế.

Nàng không muốn tự suy xét mình hơn nữa, không muốn nghĩ lâu về tâm trạng của chàng.

Trường tìm cách quên đi, và tránh không về nhà để khỏi nhắc lại những hành vi nhỏ nhen ấy. Luôn mấy hôm nay, Trường đi chơi với các chúng bạn, song những cuộc vui chơi ấy chỉ để lại trong tâm hồn chàng một dư vị chua chát thêm.

Hôm nay ở sở ra, Trường đi lẫn vào đám người cùng đi làm về như chàng. Trời đã gần tối, buổi chiều lạnh và ảm ảm bao phủ trên thành phố. Không biết bao nhiêu buổi chiều đã buồn bã như buổi chiều này, mà chàng cũng đi làm về, lòng chán và bức tức.

Trường nhìn vào một cửa hàng xem đồng hồ. Đã hơn bảy giờ rồi, chắc bây giờ Trinh đang mong đợi chàng ở nhà. Trường nghĩ đến đứa con ốm, đến nỗi lo sợ của vợ. Bây giờ chàng chỉ thấy thương. Trường rảo bước

đi mau, muốn về ngay tới nhà để an ủi vợ, săn sóc Mai. Chàng nóng muốn san sẻ ngay lòng yêu mến mà chàng bỗng thấy tràn ngập trong người.

Nhưng đến khi rẽ vào ngõ, chàng đi chậm lại. Bước chân trở nên lưỡng lự và không quả quyết. Trường tưởng trông thấy đôi mắt đầy oán trách của Trinh, và đứa con óm yếu. Tự nhiên Trường không muốn trở về nhà nữa. Chàng tự mình thấy xấu hổ cho mình.

Trường quay ra phía bờ sông. Con đường dài dưới ánh đèn trông buồn rầu vắng lặng. Qua bên kia đê, quăng không tối đen như mực, thăm thẳm và rộng rãi. Nhưng Trường thấy hơi gió thoảng lại lạnh như đã qua chỗ khoảng rộng trên mặt sông. Và trong lòng chàng, chàng cảm thấy trên cái đêm tối của những ham muốn nhỏ nhen thoảng qua từ chỗ sâu xa tận tâm hồn đưa lại, một tình cảm mát mẻ và yêu đương, như hương thơm của những ngày tươi sáng đã lâu khi hai người mới biết nhau.

Trường cứ theo phố bờ sông rẽ sang vườn hoa Hàng Đậu. Chàng sực nhớ đến Quang, một người bạn cũ, đã dẫn chàng đến chơi ở phố này. Quang cùng học với chàng ngày ở An Lâm. Nhà cũng nghèo như nhà chàng. Quang với Trường là hai anh em bạn thân nhất trong lớp. Nhưng từ khi Trường lên Hà Nội chàng không được gặp nữa. Mãi tới tối chủ nhật trước, Trường đương đi vợ vẫn ở giữa phố, có người đến vỗ vai:

- Trường đấy à?

Chàng quay lại, thấy trước mặt mình một người thấp bé, ăn mặc sang trọng mà chàng ngỡ ngỡ quen. Chàng chưa kịp hỏi, người kia đã nói:

- Quang đây mà. Quên tôi rồi à?

Lúc bấy giờ Trường mới nhận ra người bạn cũ. Chàng yên lặng ngạc nhiên nhìn Quang từ đầu đến chân. Người bạn bây giờ đã thay đổi: không phải Quang gầy gò và ăn mặc lôi thôi ngày trước. Trường chỉ thấy một người sang trọng, vẻ mặt mãn nguyện và kiêu ngạo.

- Bây giờ anh làm gì? Mà đi lang thang thế?

Bỗng nhiên, Trường sinh ghét. Điềm đạm lại, chàng trả lời:

- Vẫn làm như thường, còn anh?

Một cái cười rộng rãi làm toét miệng. Quang đáp:

- Tôi hiện làm chủ một hãng buôn lớn ở đây.

Trường không trả lời. Chàng tự thấy ngượng nghịu, không biết nói gì thêm. Hai người đứng nhìn nhau một phút.

Rồi Quang giơ tay bắt tay Trường, lay mạnh và nói:

- Thôi, anh đi. Độ này tôi bận lắm. - Trường quay đi, Quang mới nói với: "Hôm nào anh lại chơi. nhà tôi ở số 50 Hàng Đậu".

Lúc ấy, Trường không để ý đến. Chàng không thấy chút cảm tình gì đối với Quang cả. Nhưng bây giờ, Trường bỗng nhiên có ý muốn đến thăm người bạn cũ, chàng ngẩng lên tìm số nhà.

Chàng vừa gõ cửa, vừa nhớ lại hình dáng Quang

trong buổi gặp gỡ. Cánh cửa mở ra, thân hình to béo của Quang che lấp làn ánh sáng.

- Ai đấy? À... anh Trường. Mời anh vào chơi.

Trường bước vào. Ánh đèn rực rỡ làm chàng chói mắt. Trong nhà bày biện rất sang: sập gụ, tủ chè và một bộ ghế mặt đá kiểu Tàu. Trên tường treo la liệt những câu đối, bức thêu và các tranh ảnh, còn ở dưới không có một chỗ nào là không bày cái lọ cổ hay cái đòn sứ. Trường sắp bước, Quang đã giơ tay vội ngăn.

- Ấy, anh đi phía này. Chỗ ấy khéo chạm phải cái đòn.

Rồi Quang nhe răng cười, giảng giải:

- Hôm nọ thành người nhà tôi vô ý đi lối ấy làm rơi vỡ mất cái chóc cổ. Cái chóc đời nhà Minh anh ạ, có người trả tôi trăm bạc tôi không bán.

Trường cũng cười để lấy lòng bạn, nói:

- Sao nhà anh lắm đồ cổ thế?

Quang sung sướng, đôi mắt hơi híp lại:

- Phải không, anh? Những đồ này toàn là thứ có giá trị cả, tôi mất nhiều công tìm kiếm mãi mới được. Đây, anh xem đôi lọ này, tôi mới mua lại của một quan châu trên mạn ngược đấy.

Quang cầm tay Trường dắt lại trước đôi lọ sứ rồi bắt đầu vào một sự cắt nghĩa dài về cái khéo léo của người Tàu, về nước men và nét vẽ trên những đồ sứ cổ. Trường nghe thấy rất những câu sáo cả, mà Quang có lẽ học được của những người đã bán thứ ấy cho anh. Vì Trường biết chắc rằng Quang không hiểu một chút gì về mỹ thuật.

Chàng lặng yên nghe Quang nói, trong trí bỗng hiện ra hình ảnh Quang ngày trước, khi anh ta còn là một người học trò nghèo nàn. Trường không nhận thấy người bạn cũ trong con người to béo đang nói bên cạnh chàng nữa.

Ý chừng biết mình bất khách đứng ngấm cái lọ sứ cũng đã lâu, Quang mời Trường ngồi xuống ghế:

- Anh ngồi chơi. Rồi cất tiếng đồng dục gọi thằng nhỏ pha nước.

Trường vội bảo:

- Anh đừng cho uống nước nữa, Tôi không khát.

- Ấy, phải uống chứ. Chè Tàu đấy thôi mà.

Rồi Quang xoa tay ngồi xuống ghế trước mặt Trường.

- À, thế nào... À quên, bây giờ anh làm gì?

Có lẽ là một thói quen của Quang, vì Trường đã nghe thấy hỏi câu này rồi. Một lần nữa chàng trả lời:

- Tôi vẫn đi làm như thường.

Câu trả lời không rõ rệt. Quang cũng chẳng để ý đến lắm, cúi xuống sửa soạn bộ ấm tách trên bàn, còn Trường ngược mắt nhìn lên cái hoành phi treo sát trần nhà. Chàng tự hỏi không biết mình đến đây để làm gì.

Như chợt nhớ ra, Quang nhìn Trường hỏi:

- Hình như trước anh học ở cao đẳng kia mà. Sao lại bỏ?

Trường khoát tay một cách vớ vẩn, Quang tiếp:

- Anh thật dại. Cứ học rồi ra làm quan biện có hơn

không. Đấy con ông chánh Vị ấy mà, anh còn nhớ không? Bây giờ đã lên tham tá hạng nhất rồi đấy. Hôm nọ tôi mới gặp đi với ông huyện ở An Lâm.

Tiếng An Lâm nhắc Trường nhớ lại những buổi đi học cùng với Quang ở trường làng, cái trường nhỏ nhẩn nấp dưới gốc bàng, nhớ lại ông giáo đầu tóc bạc và hiền từ, những vẻ mặt anh em bạn cũ, phần nhiều là những người quê mùa giản dị, hiện bây giờ vẫn sống một cuộc đời thường ở thôn quê. Chàng cảm động hỏi Quang:

- Anh còn nhớ trường học ở An Lâm không nhỉ? Những anh em bạn cũ không biết có ai ở trên này không?

Quang so vai đáp:

- Anh nhắc đến cái trường ấy làm gì. Trường thì giệt và thấp. Tôi ngày sau có con thì nhất định cho học trường tỉnh. Với lại để nó chung đụng với đám con người nhà quê ấy chúng nó sinh đàn ra. Có phải không anh?

- Có lẽ.

Trường hững hờ đáp lại, mơ màng. Chàng nghĩ Quang trước kia cũng là một đứa trẻ học trò nhà quê dần dần, mẹ Quang là một người hàng sáo đảm đang buôn bán nuôi con. Trường thấy rằng nếu bây giờ chàng nhắc đến cái nghề của bà cụ khi xưa, chắc Quang sẽ lấy làm xấu hổ.

Chàng hỏi:

- Bây giờ bà cụ cũng ở trên này?

- Vâng, tôi đón mẹ tôi lên trên này ở với tôi cho tiện. Mẹ tôi cứ không muốn lên; bà cụ người cổ ở đâu quen

đó, không chịu đi đâu sát cả. Tôi phải nói khẩn khoản mãi mẹ tôi mới chịu. Chết cái ở dưới ấy họ hàng với người quen thuộc, họ hay đi lại nhờ vả lôi thôi lắm, tôi không thích. Thế mà có khi họ còn lên tận trên này nhờ tôi việc kia, việc nọ, thật phiền quá.

Trường không đáp, Quang hỏi thêm:

- Ấy, vừa mới hôm nọ ông giáo cũng lên đây. Anh còn nhớ không?

- Ông giáo dạy chúng ta trước chứ gì?

- Chính thế. Ông đến khẩn khoản xin vay mượn ít tiền. Từ độ ông về hưu kể cũng túng. Nhưng tôi lấy đâu ra mà cho vay mãi được.

Nhìn chàng, Quang cười, tiếp:

- Ông ta có kể tình nghĩa thầy trò cũ, và mẹ tôi cũng bảo cho ông ấy vay, nhưng đã được cho vay hai lần rồi chứ có phải không đâu. Tình nghĩa thì cũng phải có hạn. Mình tử tế quá lại không biết cho đâu.

Trường đưa mắt nhìn qua những đồ vật sang trọng và quý giá bày ở trong phòng, tưởng tượng cái dáng điệu khẩn khoản của ông giáo già nua. Chàng sức nhớ rằng trước kia ông giáo vẫn thương Quang là con nhà nghèo và thỉnh thoảng vẫn chu cấp cho giấy bút và sách vở. Trường chắc khi ông giáo đi rồi, bà mẹ Quang tất bị con rầy rà.

Chàng nhìn mặt Quang lúc bấy giờ thấy béo quá, đầy lòng kiêu căng và ích kỷ. Hai con mắt híp, với má phính, cái cổ ngắn biểu hiện những ham muốn vật dục

được thỏa mãn. Trường thoáng nghĩ đến Quang ngày xưa, hồi còn ở An Lâm, một người trẻ tuổi cũng giàu những tính tình tốt đẹp như chàng.

Trường đứng dậy cầm lấy mũ rồi lãnh đạm bắt tay chủ nhân.

- Thôi, xin phép anh tôi về.

Quang niềm nở giữ lại:

- Ấy, anh ở chơi uống nước đã. Anh em mấy khi gặp nhau, chưa chi anh đã vội về.

Trường nghĩ những câu thân mật ấy có lẽ cũng là một thói quen của Quang, chứ không phải là những tình cảm thật thà. Trường thấy mình không cái cái gì có thể khiến cho Quang thân thiết được. Chàng trả lời lấy lệ:

- Để khi khác, lo gì. Hôm nay tôi mắc bận.

Quang tiễn chàng ra cửa.

Chàng bước xuống hè, đi không ngoảnh lại. Trong căn phòng ấm cúng ra, chàng cảm thấy lạnh thêm. Và phớt xá giờ này đã vắng vẻ để Trường một mình với những ý nghĩ của chàng. Trường không xua đuổi được hình ảnh con người ú mạp và mẫn nguyện, kiêu ngạo vì tiền của, vì mảnh khoe nhẵn tâm của mình. Sự thay đổi của người bạn cũ khiến Trường buồn rầu và khinh bỉ lòng người. Anh học trò ngây thơ ngày trước bây giờ xấu hổ vì cái nghề hèn mọn của mẹ, hãnh diện vì đã thí vài đồng cho thầy học cũ. Tiếc thương chua chát và chán nản bỗng đượm vị trong lòng Trường. Chàng nghĩ rằng

những người như Quang chỉ có một cái quý nhất là sự nghèo nàn; của quý ấy, bây giờ Quang đã đánh mất rồi. Anh ta đã trở nên giàu...

Trường khép tà áo và se lòng lại trước gió đông trên đường vắng. Mưa bụi ra rơi xuống phớt phớt như sương mù. Trường sẽ vào một cái ngõ con, ngấp mình trong bóng tối như trong một cái gì mênh mông và dày đặc.

X

Đã hai hôm bà Nhì ở nhà con rể. Nhận được thư của Trinh nói con ốm, bà tất tả lên ngay, để đến nơi thấy Trinh ngồi khóc bên cạnh giường đứa bé, Mai vẫn chưa khỏi, lại có phần ốm nặng thêm. Trinh lo sợ và thương con, suốt ngày chỉ quanh quẩn trong nhà. Nàng trông mong Trường không thấy về; trong căn phòng vắng. Trinh tự thấy trở trội và bé nhỏ quá; nàng vội nghĩ đến mẹ; và gửi thư nhắn bà Nhì lên trông nom chăm sóc đứa trẻ giúp nàng. Cả ngày hôm ấy nàng đợi mẹ như hồi còn nhỏ có sự buồn bực gì, nàng đợi mẹ đi cân gạo về để được vài lời an ủi. Bà Nhì đến vừa cất tiếng hỏi:

- Cháu nó làm sao thế, con?

Trinh chưa đáp đã chạy lại gục vào lòng bà khóc nức nở. Nàng không giữ được nước mắt nữa, cứ để cho tự nhiên chảy trên gò má. Nàng khóc như ngày bé vẫn

khóc trong lòng mẹ, và bao nhiêu nỗi uất ức đắng cay nàng phải chịu bấy lâu nay trào lên cổ họng nàng.

Bà Nhì đứng lặng nhìn Trinh khóc, bàng hoàng.

Bà đã tưởng rằng khi gả cho Trường, Trinh sẽ được sung sướng. Tiếng khóc của con bây giờ khiến bà bối rối. Bà sẽ nâng Trinh lên, dìu nàng đến cạnh giường.

- Làm sao thế, Trinh? Con đừng khóc nữa.

Trinh gạt nước mắt nhìn mẹ. Nàng thấy trên mặt bà Nhì hiện bao nhiêu vẻ xót thương. Đôi mắt hiền từ của bà đầy lệ và những vết răn trên trán giờ rõ rệt và sâu thêm. Trinh chợt nghĩ rằng mẹ mình đã quá đau đớn, đã chịu khổ nhiều quá trước kia, và bây giờ khi thấy con gái yêu của bà không được sung sướng. Trinh vội nén ngay sự thốn thức lại trước nỗi khổ đau của mẹ. Nàng không muốn mẹ phải phiền não vì mình nữa, đời của mẹ nàng đã là một bài học vô cùng nhẫn nại cho nàng. Trinh cố mỉm cười một nụ cười yếu ớt và qua nước mắt, trả lời bà Nhì:

- Cháu nó ốm, con lo quá.

Nàng không dám nói những nỗi khổ của nàng phải chịu vì thái độ của Trường. Trinh phải nói thác rằng vì Mai ốm mà nàng buồn rầu. Nàng kể tiếp cho mẹ nghe:

- Cháu nó mệt đã hơn tuần lễ nay rồi, mẹ ạ. Con cho uống bao nhiêu mà vẫn không khỏi.

Bà Nhì nhìn nàng rồi sẽ lắc đầu. Bà biết tâm sự của Trinh, không phải khóc vì con ốm. Những lần đến chơi đã lâu, bà đã đoán được sự bất hòa giữa hai vợ chồng.

Bà hiểu rằng Trường có lúc hối hận vì lấy nàng, và trách vợ đã là một trở lực trên bước đường tiến thủ của mình. Bà biết đó là một sự vô lý và không công bằng, nhưng bà không oán hận Trường bao giờ cả. Bà không hề có nghĩ phần lỗi về phần ai, bà chỉ thương Trinh vì thấy con khổ mà thôi.

Nhưng bà cũng không dả động gì đến chuyện ấy. Thấy Trinh đã nín khóc, bà chỉ hỏi:

- Cháu đâu con?

Trinh đưa mẹ đến giường Mai nằm. Đứa bé vẫn ngủ, đầu ngả trên chiếc gối bông trắng, mái tóc dài xòa xuống mặt. Mai trông ẻo lả và yếu ớt quá. Bà Nhì đặt tay lên trán đứa trẻ, lo lắng:

- Đầu nó hầy còn nóng lắm.

- Thưa mẹ, vâng. Cháu nó đến chiều là lại lên cơn sốt.

Hai mẹ con cùng ngồi xuống. Bà Nhì đưa mắt nhìn quanh gian buồng sơ sài và lạnh lẽo, ngập ngừng một lát rồi khẽ hỏi Trinh:

- Nhà con đâu mà bây giờ chưa về?

Trinh nhìn đồng hồ, trả lời:

- Mới có mười một giờ, nhà con cũng sắp về đấy.

Bà Nhì thực thà bảo:

- Cậu đi làm về trễ thế cơ à?

Trinh nói dối:

- Vâng. Có khi bận việc phải ở lại làm cả buổi trưa mới được nghỉ. Độ rày ở sở nhiều công việc lắm.

Nàng vừa nói vừa nghĩ không biết bây giờ Trường ở

đâu, và hôm nay không biết chàng có về nhà không, hay lại đi biệt như mọi hôm. Trong lúc này, nàng vừa mong lại vừa sợ Trường về. Nàng sợ khi thấy bà Nhi, Trường lại tỏ vẻ không bằng lòng như mấy lần trước.

- Nhà con vẫn cứ bảo con viết thư mời mẹ và em Bích lên chơi cho vui, nhưng con chắc mẹ bận buôn bán chẳng lên luôn được.

Nàng thở dài. Sự sẵn sóc ấy có đã lâu lắm rồi, từ lúc mới lấy nhau. Hồi ấy Trường luôn luôn hỏi thăm tin tức mẹ và em nàng. Hễ có ngày nào nghỉ là Trường lại cùng nàng trở về An Lâm. Hai vợ chồng lại cùng chơi vui vẻ ở góc vườn, vun xới khóm cây mọc bên giàn hoa lý, và cùng nhau đi ven bờ sông Tiên ra tận cánh đồng cỏ rộng.

Song những ngày sung sướng đã không trở lại. Từ lúc Trường bỏ học ra ở riêng, từ lúc nghèo nàn đến ảm đạm cái gia đình bé nhỏ, thì thái độ Trường khác hẳn. Nàng thấy chồng lo nghĩ và buồn bực cho đến gần đây, sự lãnh đạm của Trường khiến nàng bắt đầu sống những ngày đau đớn.

Nàng nhớ lại tất cả quãng đời ấy, lòng rối loạn. Trước mặt mẹ, nàng ấp úng muốn nói rõ cái ý định một hôm chán nản đã vụt đến trong trí nàng. Trình muốn thưa với mẹ cùng trở về An Lâm, để trả lại tự do cho Trường. Nàng muốn hy sinh hạnh phúc của nàng để Trường được sung sướng, sự sung sướng ấy không phải chính tay nàng được gây nên. Nhưng Trình không dám ngổ thẳng ý ấy ngay với mẹ. Nàng nói thác:

- Mẹ à, hay cho cháu nó về quê có lẽ chóng khỏi. Vì ở trên này chật hẹp và không có đủ chỗ thoáng khí. Con sợ vì thế mà cháu nó bị ốm lâu.

Bà Nhi ngẫm nghĩ một lát, rồi có vẻ lo ngại đáp:

- Con nói cũng phải. Nhưng con về thì ở trên này ai trông nom nhà cửa. Để cậu ấy ở một mình à?

Trình bất giác trả lời chua chát:

- Con tưởng không hề gì. Nhà con lại thích ở một mình hơn là ở với vợ con.

Bà Nhi nhìn Trình yên lặng. Trình thấy hình như đôi mắt hiền từ của mẹ soi thấu tâm hồn nàng. Nàng cúi đầu xuống, với tay kéo lại chăn đắp cho con.

Một lát, bà Nhi cất tiếng dịu dàng, cái tiếng nói ngọt ngào và êm như ru mà Trình hằng được nghe thấy luôn hồi còn nhỏ, khi nàng có lỗi gì mà bà sắp khuyên bảo. Nàng nhớ lại giọng nói ấy và cảm động.

- Con không nên nghĩ thế. Bây giờ con về, rồi cậu ấy nghĩ thế nào? Mẹ chắc con có điều gì giận nhau với chồng con hẳn.

Trình ngồi yên không đáp. Bà Nhi nói tiếp:

- Vợ chồng thì thế nào chả có khi bất hòa, con ạ. Con cũng không nên lấy thế làm nghĩ ngợi. Với lại con tưởng nếu về An Lâm, chồng con không nhớ thương con sao? Người ta có khi gần nhau thì giận dữ, nhưng xa nhau lại nhớ. Con nên nhẫn nại, và hết lòng thương con, thương chồng, thế nào rồi chẳng có ngày hai con lại yêu mến nhau như cũ.

Những lời khuyên giản dị ấy ở mẹ nói ra có một mãnh lực khiến Trinh nao nao trong dạ. Nàng tủi thân muốn khóc, những tiếng nức nở như sắp ở tận sâu trong lòng nàng đưa lên; nhưng cùng một lúc nàng thấy sự bình tĩnh êm dịu đến tràn vào tâm hồn. Nước mắt đầy lên khóe mắt nàng, nhưng Trinh cảm thấy là những giọt nước mắt nhẹ và trong. Nàng ngừng đầu nhìn ra ngoài; ánh sáng của mảnh trời xanh lóe qua hàng lông mi ướt những tia loáng thắm màu rực rỡ. Hình như nỗi đau khổ đã bớt đè nặng đi trên vai nàng.

Mai trở mình rồi ngồi dậy với tay gọi mẹ.

Trinh ôm con vào lòng, khẽ ru cho ngủ. Hai mẹ con không nói chuyện gì nữa. Bà Nhì mang cái thùng khâu ra gần chỗ cửa sổ sáng, giở những áo rách của Mai vá lại.

Trong căn phòng yên lặng, sự yên lặng như đứng lại của một buổi trưa. Tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ thông thả đều đều nghe rõ rệt, rồi bỗng nhiên, phím chằm cầm trong đồng hồ bắt đầu buông ra những tiếng đàn lanh lảnh như từng giọt khê rơi xuống dòng nước của một cái suối non. Trinh thôi không hát; nàng lắng nghe khúc đàn du dương, tuy nàng đã nghe nhiều lần, nhưng không lần nào vang động trong lòng nàng như lần này. Nàng ấm chặt con vào lòng, cái nóng ấm của đứa trẻ truyền sang người nàng như một cảm giác khoan khoái và dễ chịu. Trinh cúi nhìn con, lại nhớ đến Trường, vì con chàng giống chàng như đúc, cũng hàng

lông mi dài che mắt và đôi lông mày vòng cung, đã nhiều lần giận dữ nhúu lại khiến nàng lo sợ. Tự nhiên Trinh thấy nổi dậy trong lòng những tình yêu mến mà nàng tưởng đã chìm xuống tâm hồn; nàng nghĩ đến Trường không biết bây giờ chàng ở đâu? Sao chàng không về để nàng được săn sóc và an ủi chàng, để chia sẻ cho chàng cái ấm cúng nàng thấy trong lòng? Trinh tự trách mình sao đã có ý muốn bỏ Trường mà đi; nàng nhìn mẹ và thầm cảm ơn bà Nhì đã khéo ngăn cản nàng.

Trinh kéo vạt áo ủ lại cho con. Mai cửa quây nhưng vẫn nhắm mắt không tỉnh dậy. Tay đứa bé đưa lên nắm chặt tay mẹ. Trinh cúi xuống áp má vào trán con; nàng ngồi như thế với những kỷ niệm từ xa xôi dĩ vãng trở lại trong trí nàng.

Bà Nhì bỗng dừng kim chỉ, ngừng tay như đang có một ý nghĩ thoáng qua. Bà nhìn Trinh, toan nói một câu gì, nhưng lại thôi. Bà cúi xuống lục những mụn vải, vuốt kim trên mái tóc đã bạc, rồi lại cặm cùi vá những chiếc áo cũ của cháu.

XI

Chiều tối, trong nhà đã thắp đèn. Buổi chiều hơi lạnh, gió vi vút thổi trong khe lá cây như báo trước những ngày mưa gió lầm lội của mùa đông sắp tới. Bà Nhì khoác cái áo bông lên vai, bà đã nhiều tuổi

nên rét sớm, và cứ mỗi mùa đông đến bà lại thấy rét hơn lên một chút. Bà ngồi trên giường, để Trinh sửa soạn bữa cơm chiều vì đã hơn bảy giờ tối.

- Năm nay trời rét lắm, con nhỉ?

Trinh nhìn mẹ:

- Thưa mẹ vâng.

Và như sực nghĩ sự gì, nàng hỏi:

- Năm nay mẹ có đi cân gạo nữa không?

Bà Nhi chép miệng trả lời:

- Con tính mua bán mấy năm nay thì ăn gì. Nhưng mẹ cũng phải đi cân chứ. Em Bích nó học trường trên bây giờ tốn kém lắm. Tiền mua sách vở giấy bút, nó xin luôn.

Trinh buồn rầu. Nàng thương mẹ đời đã về chiều vẫn còn phải vất vả.

- Em Bích dạo này có chịu học không mẹ? Mẹ phải bảo em nó cố học lên mới được, đã chệch mất một năm rồi.

- Không, độ rầy hình như nó học cũng khá. Thầy giáo vẫn khen luôn.

Trinh vui mừng nghĩ đến em. Mẹ nàng lại nói:

- Nhưng giá nó được lên trên này ở gần cậu ấy rèn cặp cho thì chắc chóng tấn tới lắm.

Trinh không đáp, không dám nhận lời vì nàng chưa biết Trường có bằng lòng cho em nàng lên ở trên này không. Nàng nhìn đồng hồ, mong đợi.

- Đã gần tám giờ rồi. Thôi mời mẹ đi ăn cơm trước đi, nhà con không biết lúc nào mới về.

Hai mẹ con đang ngồi ăn, bỗng Trinh lắng tai nghe rồi buông đũa đứng dậy:

- Có lẽ nhà con đã về đấy.

Nàng chạy ra chỗ cầu thang, thì vừa gặp Trường mở cửa bước vào. Trinh lùi lại một bước trước mặt chồng, nép vào phía tường. Nàng hỏi:

- Sao anh về muộn thế?

Rồi nàng tiếp luôn, tiếng nói rất khẽ, gần như không nghe thấy:

- Mẹ lên chơi đấy anh ạ.

Trường không trả lời. Ngay bây giờ, Trinh nhận thấy nét mặt buồn rầu và mệt nhọc của Trường, nàng động lòng thương, với chiếc mũ trên tay chồng.

- Anh để em cất đi cho.

Bà Nhì cũng đã gác đũa đứng dậy. Bà nhìn Trường vốn vã:

- Cậu về ăn cơm. Tôi với em nó cũng vừa mới ngồi ăn thôi. - Và bảo Trinh:

- Con bảo nó lấy thêm bát đũa, đi.

Bà thân hành kéo chiếc ghế ra bảo Trường ngồi.

- Mẹ để mặc con.

- Sao cậu về muộn thế? Tôi cứ bảo đợi cậu về ăn một bữa cho vui, nhưng em nó cứ cố nài ép tôi ăn trước.

Bà nói như để tạ lỗi. Trường thấy ái ngại và tự thẹn; chàng đã đối đãi không tốt với người đàn bà mà nụ cười hiền hậu đã bao lần an ủi chàng ngày còn nhỏ. Cái việc thần tiên lại xảy ra, Trường thấy một sự dục vọng không

chùng ôm ấp tâm hồn như làn nước rất trong, và không ngăn được, giọng chàng tự nhiên trở nên kính mến và lễ phép:

- Vâng, mẹ cứ xới cơm trước chứ đợi con thì biết đến bao giờ. Có khi đến khuya con mới được về.

Bà Nhì nhìn con rể, ân cần:

- Trong sở nhiều công việc lắm phải không? Trông cậu độ này xanh và gầy đi quá.

Lòng Trường thấy êm ả và dễ chịu. Chàng thấy thân yêu với bà Nhì hơn những lần trước và Trường cảm động, vì bà thực thà muốn vui lòng chàng. Chàng hối hận đã lãnh đạm với bà trong bấy nhiêu lâu.

Bữa cơm hôm ấy thật vui vẻ. Trường ăn rất ngon miệng và trả lời thân mật những câu hỏi sắn sọc của bà Nhì. Trinh là người sung sướng nhất. Nàng không giữ được nỗi mừng lấp lánh hiện ra trong mắt. Đã lâu nay nàng không được thấy quang cảnh này. Trinh không muốn ăn cơm nữa, nàng chỉ dựng đũa nhìn hai người nói chuyện. Nàng tưởng vẫn là bữa cơm chiều trong gian nhà cổ ở An Lâm khi nàng và Trường mới gặp nhau. Thấy chồng đặt đũa, nàng khấn khoản:

- Anh ăn thêm bát nữa. Độ này anh ăn thế chả trách người gầy đi được.

Nàng nhìn mẹ:

- Có phải dạo này nhà con yếu hơn trước phải không hở mẹ? Con đã khuyên uống thuốc, nhưng nhà con cứ nhất định không chịu uống.

- Cậu phải uống thuốc mới được. Không lẽ ra mỗi mệt quá thì khốn.

Trường cười đáp:

- Nhưng con có việc gì đâu? Vẫn mạnh khỏe như thường đấy chứ.

Chàng nắm chặt tay, vén áo để lộ cánh tay dưới đèn, rồi quay tay uốn những thớ thịt. Trường thấy khỏe mạnh thật, một nguồn sinh lực mới đang chạy trong mạch máu chàng. Chàng nhìn Trinh, và lần đầu thấy vợ gầy đi nhiều quá, nước da xanh nhợt và mắt có quầng thâm, tuy một chút hồng hào và vui mừng phơn phớt trên má. Trường thương hại:

- Có em phải uống thuốc thì có. Trông em yếu lắm.

Chàng để bàn tay mình lên bàn tay Trinh để trên ghế, sẽ nắm những ngón tay nàng, nhỏ bé và thon như bút măng. Chàng nhìn rõ vào mặt vợ. Trinh bỗng đứng e lệ, chớp những sợ lông mi dài rồi cúi xuống đất.

Hồi lâu nàng rút tay ra kêu:

- Chết chưa, không biết con tôi đã dậy chưa?

Nàng đi lại gần buồng, vắt cửa màn bước lên giường. Bà Nhì trông theo con, bảo Trường:

- Cháu nó ốm làm sao mà mãi chưa khỏi. Xem chừng nó mệt lắm.

Trường sững sốt không biết trả lời thế nào. Chàng đã quên không nghĩ đến con ốm nữa.

Lo sợ, chàng đứng dậy đến bên giường thấy Trinh ngồi ẵm con trong cái chăn quấn kín chân đứa bé. Mai

đã tỉnh như có vẻ mệt nhọc, nghiêng đầu dựa vào tay mẹ. Hai mắt mở to và long lanh như đang cơn sốt. Thấy Trường, Trinh nựng con:

- Mai, cậu đã về kia kìa.

Trường để tay lên trán đứa bé. Mai rụt cổ lại rồi ngửa đầu ra đằng sau, như khó chịu trong người lắm. Hai vợ chồng nhìn nhau, lo ngại. Trinh khẽ nói:

- Em nó mệt hôm nay là bảy hôm rồi đây.

Trường đáp:

- Mai anh phải mời bác từ đến xem mới được.

Chàng ngồi xuống mép giường, buồn rầu. Mai ồm, mà chàng tự biết không thể làm gì cho con được. Và chàng nghĩ tới những ngày chàng không về tới nhà, cứ mặc Trinh một mình trông nom săn sóc đứa con. Trường hối hận vì lòng ích kỷ của chàng, chỉ bận khoản đến cái sướng khổ của mình mà không nghĩ đến vợ. Trường cúi gằm xuống nhìn con, lòng thấy rung động một tình thương sâu xa và thấm thía.

Trinh lặng lẽ trải đệm và sửa gối lại cho Mai. Nàng sẽ đặt con xuống, kéo chăn lên đắp cho đứa bé, rồi rón rén bước xuống đất, khép lại cẩn thận cửa màn. Nàng thì thầm bảo Trường:

- Khế để con ngủ, anh ạ.

Trường cũng rón rén đi lại ghế. Chàng ngồi xuống trước mặt bà Nhì, khoanh tay để trên mặt bàn nghĩ ngợi.

Bà Nhì yên lặng nhìn Trường qua đôi kính trắng, sắp muốn nói một chuyện gì nhưng còn lưỡng lự. Đôi

mắt bà thông thả chớp, và một vẻ nhân từ tỏa ra trên nét mặt già nua của bà. Rồi một nét buồn thoáng qua khiến cho vẻ hiền từ của người mẹ già thêm đậm thắm và rộng rãi. Bà khẽ thở dài như chợt nghĩ đến những kỷ niệm đâu đâu trong cái dĩ vãng nhần nại và đau khổ hồi niên thiếu. Bà thôi nhìn Trường, đưa mắt theo Trinh đang đi lại dọn dẹp trong phòng. Trinh trông còn trẻ con, còn thơ dại quá. Thân hình mảnh dẻ của nàng cũng yếu ớt và nhỏ bé như bà khi còn trẻ, nhưng trước kia bà đã chịu đau thương biết bao nhiêu! Bà Nhì nghĩ đến người chồng xấu số ngày xưa, vì quên mình mà đã chịu tử hình. Bà còn nhớ con người mảnh khảnh như một cậu học trò, lúc nào cũng hòa nhã, đáng điệu khoan thai và thư thái. Hai người lấy nhau được hơn năm năm. Rồi sau cái ngày tàn ác ấy, bà tỉnh lại thấy mình bơ vơ ở đời với hai con còn trẻ thơ, họ hàng thân thích không ai trông nom đến. Từ độ ấy, bà nhần nại và yên phận sống với một nghề nhỏ mọn để nuôi con. Gian nhà với mảnh vườn nhỏ ở An Lâm là cái di sản còn lại của chồng bà, nên tuy đã nhiều lần túng thiếu, mà bà không bao giờ chịu bán đi.

Bà cố xua đuổi những ý nghĩ buồn rầu ấy. Không biết tại sao chiều hôm nay, những hình ảnh xa xăm đã mờ trong ký vãng lại còn trở lại trong trí nhớ bà. Có lẽ những nỗi đau khổ của Trinh đã gợi đến những nỗi đau khổ của bà. Bà Nhì âu yếm nhìn con gái, như muốn trút hết cho con bao nhiêu tình thương mến.

Trình thấy mẹ có vẻ không vui, nàng lại gần sờn sóc:

- Hơn mười giờ rồi. Mời mẹ đi nghỉ không mệt.

Trường cũng nói thêm:

- Vâng, mẹ đi nghỉ thôi. Em sửa soạn giường chiếu đi.

Bà Nhì nhìn hai con, vui vẻ:

- Không, mẹ chưa buồn ngủ. Mới có mười giờ đã lấy gì làm khuya. Ở An Lâm, có khi mẹ còn thức hơn nữa. Với lại có hai mẹ con vui cũng không muốn ngủ.

Bà ngẫm nghĩ một lát, rồi nói tiếp, giọng nhẹ nhàng và êm dịu:

- Mẹ trông hai con vui vẻ, mẹ sung sướng lắm. Ước gì cứ được như thế mãi.

Trường cảm động:

- Từ rầy mẹ ở chơi trên này luôn với chúng con cho vui. Nhà con có mẹ ở chơi cũng đỡ buồn, mà cháu nó cũng thích.

Chàng quay lại nhìn vợ. Trình đứng tựa lưng vào cái tủ, nửa người phía trên khuất ánh sáng đèn vì cái chao lụa che đi. Trong bóng tối hồng, nét mặt của nàng không rõ, nhưng Trường thấy mắt nàng long lanh và đôi môi hơi hé nở như sắp sẵn một nụ cười.

Trường cũng tự nhiên thấy sung sướng và thư thái. Những bóng tối buồn rầu đã tan đi không ám ảnh nàng nữa; một bình minh mới dâng lên chiếu sáng lòng chàng. Trường mới biết được một điều giản dị là: cái vui ở tự lòng mình, chứ không phải ở những sự vật bên

ngoài. Không bao giờ như lúc này, chàng hiểu thấu thía ý nghĩa của cái chân lý ấy. Trường lấy làm lạ rằng đã bao nhiêu lâu chàng như người u mê, và cứ mơ màng đi tìm hạnh phúc ở đâu đâu.

Những vật quanh mình, Trường nhận thấy bây giờ có một hình sắc khác, mà hình sắc ấy chỉ là phản ánh của lòng chàng. Trường thấy cái cảm giác ấm cúng của mối tình yêu mến, và ánh sáng hồng của ngọn đèn trước mặt như đem tỏa về ấm cúng ấy ra khắp cả gian phòng. Một kỷ niệm vui bất giác phảng phất qua trí chàng, khiến Trường mỉm cười.

Trình lại gần nhẹ nhàng đặt tay lên vai chồng, rồi ghé sát vào vai Trường thì thầm hỏi:

- Anh Trường, anh cười gì thế?

Trường không đáp, ngửa mặt trông lên vợ, lặng cười rõ rệt hơn. Chàng nhìn ngắm cái cằm xinh xắn của Trình và vẻ tròn trĩnh của cổ nàng. Trên tấm áo, qua mấy sợi tóc thưa, cái cúc đỏ sáng lên như một ngôi sao lửa.

Bà Nhì khẽ quay mặt đi trước cảnh âu yếm của đôi vợ chồng. Một lát bà mới cất tiếng:

- Chủ nhật này hai con về An Lâm chơi với mẹ. Về mà xem vườn hồng, độ này em Bích sẵn sóc đến luôn trông đẹp lắm.

Trình chấp hai tay vào nhau, sung sướng:

- Phải đấy. Về xem cây mộc bây giờ ra làm sao. Nếu có hoa, con sẽ ướp chè cho mẹ uống như độ trước ấy mẹ nhỉ. Anh Trường, thế nào anh cũng về nhé.

Trường mỉm cười, gật đầu, bà Nhì nói tiếp với chàng:

- Con Trinh ngày bé thích hoa mộc lắm đấy. Có bao nhiêu hoa là cô ta giắt lên mái tóc cả ngày làm trụi cả khóm mộc trong vườn. Nhiều lần tôi mắng mãi mà nó cũng không chữa.

- Bây giờ, con cũng vẫn thích hoa mộc, mẹ ạ. - Trinh nhìn bà Nhì cười đáp. Nàng vừa nghĩ đến buổi gặp Trường dưới cành cây mộc, sáng sớm hôm ấy.

- Lần này về, có bao nhiêu hoa, con hái tất cho mẹ xem.

Bà Nhì trả lời vui vẻ:

- Vâng, mời co cứ hái, chỉ sợ chưa có hoa thôi.

Tiếng Mai bỗng nghe thấy ú ớ trong màn. Trinh bỏ chuyện, đi vào để dỗ con. Bà Nhì nhìn Trinh đi rồi quay lại khẽ lắc đầu bảo Trường:

- Vợ con còn trẻ con quá, chẳng biết làm gì cả.

Bà mỉm cười dịu dàng:

- Nó còn trẻ người non dạ, cứ động gặp đâu là nói đấy, chứ không suy nghĩ trước sau gì. Tôi đã dặn bảo nó nhiều lần lắm nhưng cậu cũng phải bảo ban nó thêm mới được. Và giá em nó có lầm lẫn điều gì không phải xin cậu cũng đừng chấp.

Trường cúi đầu chưa biết trả lời thế nào. Bà Nhì nói giọng thấp và ân cần hơn trước.

- Mẹ xem em nó không biết ăn ở, thành ra nhiều khi làm cho cậu không vừa lòng. Những cái đó khiến mẹ ân hận lắm...

- Nhưng thưa mẹ...

- Không, cậu đừng che chở cho em nó. Mẹ chỉ xin cậu bỏ qua những điều lầm lỗi của nó đi thôi. Vợ chồng hòa hợp với nhau là quý, cốt sao cho trong nhà lúc nào cũng vui vẻ. Ấy mẹ vẫn khuyên bảo em nó như thế luôn.

Bà khẽ thở dài: “Bây giờ mẹ đã già rồi, chỉ mong thấy các con hòa thuận là mẹ được vui mừng”.

Tiếng nấc đằng sau làm Trường quay lại. Trinh đã ra ngồi ghế từ lúc nào, đang cúi mặt xuống khóc. Hai vai nàng rung động, và vạt áo cầm lên vò nát trong tay. Trường thương mến, trong lòng hồi hộp. Chàng thưa với bà Nhi:

- Thưa mẹ dậy phải. Nhưng chỉ lỗi tại con, chứ nhà con có lỗi gì đâu.

Chàng đến bên cạnh Trinh, gỡ tay nàng ra và ngọt ngào:

- Làm sao em khóc, em? Thôi nín đi, không mẹ buồn.

Trường dìu vợ đứng dậy, đưa nàng ra ngoài hiên. Đột nhiên chàng có cảm giác hình như đổ dành một cô bé ngây thơ đương có sự gì buồn bực, mà một lời nói dịu dàng đủ an ủi được. Chàng tự thấy mình cũng như trẻ lại, rút khăn tay khẽ lau nước mắt cho Trinh và dỗ:

- Em nín đi rồi đến chủ nhật này anh đưa em về quê thăm vườn nhà... Anh sẽ hái hoa mộc cho em ướp chè chứ.

Vạt áo buông rơi, đôi mắt Trinh hãy còn ngấn lệ. Một nụ cười sắp hé nở trên miệng nàng, nhưng Trinh e thẹn, vội quay nhìn đi phía khác:

- Anh để mặc em.

Nàng ngượng nghịu chùi nước mắt. Những giọt lệ còn dễ rơi lại trong lòng nàng một nỗi buồn nhè nhẹ, và cùng một lúc nàng thấy trong tâm hồn có cái gì sẽ vang lên như tiếng hát của con chim buổi sớm.

Nàng đặt tay lên vai Trường, ngả người vào gần chàng. Trường sẽ áp cái đầu nhỏ bé lên ngực chàng, để những sợi tóc rối vương vào ngón tay. Hai người đứng lặng lẽ rất lâu.

XII

Buổi sớm chủ nhật thật rực rỡ. Nắng và lạnh hòa hợp với nhau như hai thứ rượu, khiến cho thời tiết say sưa và dễ chịu. Không khí trong sạch; những màu âm đạm mọi ngày đã qua làn mưa bụi, bây giờ đều tươi sáng và mới mẻ.

Trường đứng trên hiên trông xuống phố. Màu trắng của mấy bức tường lóe dưới ánh sáng, và vùng lá cây xanh tốt hơn mọi ngày. Chàng thấy cảnh vật vui tươi, và lòng chàng cũng có những tia nắng đang reo ấm như một nhịp đàn.

Trường quay người vào, hỏi vợ:

- Em xong chưa?

- Chưa, anh đợi em một lát.

Trình đang ngồi trang điểm trước tấm gương. Cái

bông phấn êm như nhung phớt trên má nàng, bụi phấn thơm tung lên mái tóc đen; Trinh sung sướng nhìn hình ảnh tươi đẹp của mình ở trong gương, khẽ đưa thỏi sáp đỏ lên môi. Đã lâu lắm, hôm nay nàng mới lại dùng đến các thứ trang điểm. Ban nãy lúc nàng khoác áo toan đi, Trường trông ngắm nàng rồi bảo:

- Em trang điểm vào, chứ ai lại để đầu bù tóc rối thế kia.

Nàng đáp, giản dị như mọi ngày:

- Thôi, cứ thế này cũng được. Lại chẳng mẹ chứ đi đâu mà phấn sáp.

Nhưng Trường nhất định không nghe. Chàng hơi cau đôi lông mày lại, bắt buộc một cách âu yếm:

- Không, em trang điểm đi kia. Anh muốn thế?

Nàng chiều chồng, vắt áo lên ghế, rồi lại tủm tỉm lấy hộp đựng phấn. Hộp để trong ô kéo đã lâu, nên bụi bám đầy, Trinh phải lấy khăn chùi sạch. Khi mở hộp ra, nàng vui mừng vì các thứ trang điểm vẫn còn nguyên. Trinh để hộp phấn trên bàn, mở giấy. Một mùi thơm dịu và quen bốc ra, khiến nàng nhớ lại ngày sắp cưới nàng, lần đầu nàng dùng thứ phấn này của một người chị em bạn tặng. Lúc đầu nàng tưởng cái hương thơm lạ ấy - lần đầu nàng dùng phấn - sẽ là hương thơm ngát của những ngày sung sướng từ đây. Bây giờ, hương ấy đối với nàng càng ngát thơm hơn, qua những ngày khổ đau.

Trinh sửa mái tóc rất gọn ghẽ, vuốt đi vuốt lại mấy

sợi tóc mai đen nhánh trên da trắng. Nàng muốn xinh đẹp, muốn tươi tắn, để được vừa ý Trường. Bỗng nàng mỉm cười vì thấy hình Trường sau hình nàng hiện ra trong tấm gương. Chàng đã lại gần lúc nào nàng không biết, cúi xuống sát bên vai, nàng thấy hơi thở nóng của chồng trên gáy.

- Thôi trông đẹp lắm rồi!

Thấy Trường khen, Trinh sung sướng cúi mặt xuống, hai má ửng hồng vì thẹn, nàng hỏi:

- Có cho con cùng đi không anh?

- Có chứ. Dem nó lại không bà nhớ.

- Thế để mặc áo cho con đi.

Trường đứng dậy ra hiên, Trinh nghe thấy tiếng chàng nói ở ngoài:

- Trời hôm nay mà về quê thì thích quá. Nắng như thế này...

Nàng toan muốn nhắc Trường, nhưng lại thôi.

Trong sự hòa hợp vợ chồng bây giờ nàng thấy lời nhắc ấy là thừa. Cái vui trong lòng nàng rực rỡ quá, không thể chàng không biết, và không cùng một ý muốn với nàng. Trinh chắc chàng cũng ao ước như nàng được về quê thăm vườn cũ.

Nàng gọi vú em mang con vào. Mai cũng còn xanh xao và mệt nhọc. Bệnh nặng vừa qua để lại trên khuôn mặt ngây thơ một vẻ nghiêm trang và đôi mắt mở to quá dưới hàng mi. Thấy mẹ, Mai tụt xuống chạy đến bám vào vạt áo. Hộp phấn nhiều màu khiến Mai chú ý,

với tay đòi lấy. Trinh chiều con, đưa con cái bông phấn; đứa bé bắt chước mẹ cũng đập phấn lên mặt. Người vú cười.

- Ái chà, cậu Mai cũng biết đánh phấn đấy?

Nàng gọi Trường:

- Này anh vào đây mà xem. Con nó làm dáng chưa?

Trường trở vào, sung sướng. Chàng cúi xuống ẵm thằng Mai lên hai cánh tay, rồi bế xốc con lên người, đùa nghịch. Trinh đã trang điểm xong, ngồi yên trên ghế, ngược mắt nhìn chồng và con yêu quý, mắt long lanh sáng. Rồi nàng đứng dậy rút chiếc khăn tay trong túi áo:

- Để em lau đi, phấn cả thế này.

Cái bông đã để phấn lên cả tóc Mai và trên áo Trường. Nàng lấy khăn phủi sẽ. Mai giơ tay vít lấy cổ áo mẹ kéo lại gần. Trường thấy sát mặt chàng đôi má mịn màng và phấn hồng của Mai mơn mớn như cánh hoa đào. Chàng nghiêng con lại gần vợ, tiếng nói thấp hơi run:

- Nào Mai, con hôn mẹ đi.

Đứa bé quàng tay lên cổ Trường rồi vụng về đặt môi lên má mẹ. Qua đầu con, Trường và Trinh cùng nhìn nhau âu yếm.

Hai vợ chồng xa nhau ra, e thẹn, như đôi tình nhân mới. Trường nhìn vợ mỉm cười như cùng chia sẻ một sự bí mật gì. Rồi chàng lấy giọng tự nhiên nói:

- Thôi chúng ta đi đi, không sợ mẹ đợi.

Bà Nhì đến nhà thông gia từ sáng sớm, dặn hai vợ chồng thế nào cũng đến sau. Từ hôm thấy hai con lại hòa thuận như cũ, và cháu lành mạnh, bà rất vui mừng ở luôn ngay với Trinh, không nghĩ về nữa. Mấy ngày ở trên này, bà sẵn sóc đến Trường như sẵn sóc một người con quý, thậm cảm ơn chàng đã làm hết những nỗi lo ngại của bà bấy lâu nay. Buổi chiều hôm qua, khi bà đương ngồi khâu trên giường bên cạnh cháu, Trinh lại gần, khẩn khoản:

- Mẹ ở trên này với chúng con rõ lâu nhé. Mẹ về thì chúng con buồn lắm.

Bà sẽ cười hỏi:

- Thế cô muốn tôi ở đây suốt đời à? Còn nhà cửa lấy ai trông nom.

Trinh tươi nét mặt lên, nàng đáp:

- Con chỉ cần được thế. - Và ngậm ngùi nàng tiếp:

- Bây giờ mẹ đã có tuổi rồi, chả còn sống được bao lâu nữa, tội gì mẹ còn phải vất vả. Mẹ cứ ở lại đây với chúng con; tiền em Bích ăn học chúng con sẽ gửi về, mẹ không phải lo đến nữa. - Nàng thêm:

- Hôm nọ nhà con bảo với con như thế.

Bà Nhì ngừng đầu nhìn Trinh, rồi lại cúi đầu tư lự. Lòng bà cảm động, đầy thương mến các con. Tay bà dừng kim trên mảnh vải và đôi kính của bà bỗng mờ đi như nhòa lệ. Ngoài kia chiều tối xuống. Và lần đầu tiên trong đời dằng dai đau khổ của bà, buổi chiều đến không đem lại những ý nghĩ và hình ảnh buồn rầu vẫn

thường ám ảnh bà bấy lâu nay.

Bà Nhì đang ngồi nói chuyện với bà phán thì hai vợ chồng Trường đẩy cửa bước vào. Trinh đặt Mai đến trước mẹ chồng, bảo con:

- Con chào bà đi.

- Nào lên đây với bà. Ủi chao, cháu tôi ngoan quá.

Bà phán cúi xuống ẵm Mai lên, đặt cháu vào lòng. Trong cái cử chỉ âu yếm ấy có một vẻ thân thiết vì tình máu mủ hơn. Bà Nhì thoáng buồn vì sự nhớ Mai chỉ là cháu ngoại mình. Nhưng bà lại vui vẻ ngay, nghiêng người xuống gần Mai nói dịu dàng:

- Bà trông cháu độ này có vẻ khỏe mạnh hơn trước.

Trinh đỡ lời:

- Giá không ốm thì cháu còn mập mập nữa kia đấy ạ.

Trường ngồi xuống ghế, đưa mắt nhìn chung quanh. Đã lâu, chàng không tới thăm mẹ và em. Những đồ đạc trong nhà vẫn không có gì khác, chỉ có tập sách để trong ngăn tủ lâu ngày không ai giở đến nên bụi phủ dày. Một vẻ lạnh lẽo như phảng phất trên mọi vật. Trường cho đấy có lẽ là cảm giác riêng của chàng: đã lâu nay chàng không nghĩ đến mẹ. Mái tóc nửa bạc của bà phán khiến chàng thương mẹ và ân hận trong lòng.

Trường lắng tai nghe hai bà nói chuyện. Hai tiếng nói quen khiến chàng tưởng như hồi còn nhỏ ở An Lâm, những lúc chàng dựa vào ghế nghe bà Nhì bàn chuyện buồn bán với mẹ chàng. Trường thấy mình trở lại với

bao kỷ niệm của thời xưa. Chàng nhìn vợ để tìm trên khuôn mặt xinh cái vẻ ngây thơ của cô gái có đôi mắt đen vẫn cùng chàng đùa nghịch bên khóm hồng. Trinh ngồi bên mẹ tằm trâu, dáng điệu khép nép và ngoan ngoãn như một cô thiếu nữ.

Dung và Lan đi chợ về, đem một chút huyền náo vào trong nhà. Vừa trông thấy chị Lan đã vội vàng đặt rổ thức ăn xuống đất, vồn vã chạy lại nắm lấy hai tay Trinh, hỏi han như người đã lâu lắm không gặp nhau. Rồi nàng lùi lại, ngắm nghía Trinh từ đầu đến chân:

- Ô, chị tôi dạo này xinh đẹp quá! Trông trẻ như cô gái mười tám vậy.

Trinh khẽ đập yêu vào vai Lan, đáp:

- Cô chỉ rõ khéo nịnh tôi thôi.

- Không, chị đẹp ra thực đấy, em không nói dối đâu.

Dung từ nãy vẫn diêm dăm cũng phải mỉm cười:

- Thôi, liệu mà vào làm cơm đi. Hai chị em cứ khen nhau mãi.

Lan cũng cất tiếng cười tươi tắn, rồi dặt tay Trinh giục:

- Vào đây chị, vào đây với em nói chuyện.

Dung đứng lại tần ngần, trên mặt thoáng có vẻ buồn. Trường nhìn chị, hỏi:

- Máy giờ anh về hở chị?

Dung thông thả đáp:

- Anh cũng sắp về rồi đấy. Bây giờ đã hơn mười giờ.

Dung đi xuống bếp. Trường trông theo, lòng nao nao thương. Những sự khổ đau mà vợ chàng đã phải chịu

khiến Trường hiểu biết hơn nỗi buồn mà Dung bị anh ghét bỏ. Dung có lẽ đã nhóc nhiều, tuy chàng chưa từng thấy chị thốt ra một lời than phiền hay oán trách nào. Sự âm thầm chịu đựng của Dung quá đau đớn.

Một lát, Trường nghe thấy ở nhà dưới đưa lên tiếng cười nói của ba chị em, tiếng trong sáng của Lan lẫn với tiếng dịu dàng và hòa nhã của Trinh. Trường nghĩ rằng trong ba người, Trinh là người sung sướng hơn cả, và chàng thấy cái cảm giác ám cúng là lúc này, Trinh hẳn cũng đang nghĩ đến chàng. Trường tự nhiên mỉm cười một mình rồi đứng dậy đến bên tủ giờ mấy quyển sách cũ. Đó là những sách học của chàng ngày xưa. Nhìn những nét gạch và những chữ biên của mình trên giấy, Trường tưởng nhớ lại cả quãng đời học hành chăm chỉ, với những điều ước vọng lúc bấy giờ. Hồi ấy chàng, chỉ mơ ước thi đỗ để ra đi làm kiếm tiền. Có lẽ tình cảnh nghèo khiến chàng tha thiết mong có thể. Thi đỗ rồi đi làm công sở, đó là mục đích của cả một đời. Nhưng bây giờ Trường mới rõ cái nhỏ mọn của điều mong ước ấy. Sự sống đã cho chàng bao nhiêu bài học hay. Trường không bán khoăn vì cảnh nghèo của mình nữa. Chàng không ganh ghét với những người sang trọng, giàu có hơn chàng - Trường nghĩ đến Quang, đến người bạn học ở quê nhà - và tự thấy mình giàu hơn họ nhiều, giàu những tính tình tốt đẹp, những ý nghĩ đậm thắm mà những người chỉ biết đến mình không bao giờ có được.

- Anh Trường, mời anh bỏ sách để ăn cơm thôi.

Tiếng Lan gọi bắt Trường dừng nghĩ. Chàng cúi

nhìn trang sách một lần cuối nữa, rồi từ từ gấp lại, cùng một lúc gấp trong trí nhớ một trang sách của đời mình. Trường có cảm giác những ngày cũ, những ngày bận rộn ám ảnh đã qua như một giấc mộng, chỉ một chút mơ màng ân hận còn sót lại. Một cuộc đời mới đang chờ đợi để đón chàng.

Mâm cơm bung lên để trên giường, Dung và Trinh má hây còn hồng hào vì gần lửa, tóc hây còn vương bụi tro, tranh nhau sửa soạn đĩa bát. Lan tươi tỉnh vui vẻ như con chim nhỏ, cô nhìn Trường một cách tự đắc, như để khoe với anh những món ăn ngon chính tay cô đã làm ra.

Trinh đưa mắt nhìn về phía Trường, rồi hỏi chị:

- Đợi anh Xuân về rồi mới ăn một thể chứ?

Dung nhìn bà Nhì và mẹ đáp:

- Thôi, mời mẹ và bà cứ ăn trước. Nhà con về sau ăn cũng được.

Mọi người ngồi quanh mâm. Ánh nắng buổi trưa lấp lánh ngoài khe cửa làm cho thời khắc thêm rực rỡ. Bà phán cầm đĩa ăn cần mời bà Nhì như ngày nào bà vẫn mời sau các buổi đi cần về. Sinh, con Dung và Mai ngồi quây quần lấy bà cụ. Mẹ Trường âu yếm xoa đầu Mai và gấp đồ ăn vào bát cho cháu bé. Bà nhìn khắp các con rồi đến con dâu thì ngừng lại, mắt dịu dàng. Đã lâu bà biết lòng chân thật và nét hiền hậu của Trinh và thấy nàng trẻ lại, thấy cháu kháu khỉnh đáng yêu; bà cũng đem lòng thương mến.

Ăn xong, hai bà vào buồng trong nói chuyện cũ. Trình và Lan đùa với các trẻ trên bậc cửa. Tiếng cười trong trẻo và ngây thơ của Lan át cả tiếng cười nói của Sinh và Mai. Ít khi trong nhà có quang cảnh vui vẻ thế.

Cạnh Trường, Dung ngồi im lặng, nét mặt vẫn đượm vẻ trang nghiêm. Suốt bữa cơm. Trường nhận thấy chị không vui, và nụ cười thỉnh thoảng ngập ngừng trên miệng Dung kín đáo và buồn rầu quá khiến chàng ái ngại. Trường trông đồng hồ rồi ngạc nhiên:

- Giờ mà anh Xuân chưa về hả chị?

Nhưng vừa hỏi xong, chàng hồi hận. Dung trả lời, giọng khác hẳn đi, tuy vẫn cố giữ điềm đạm:

- Hôm nay trời nắng có lẽ anh ở luôn trong sở không về.

Trường khẽ thở dài. Trong cái vui của lòng chàng. Trường muốn cho anh chị cũng được sung sướng. Chàng hiểu những nỗi đau đớn mà Dung đã phải chịu vì thái độ lãnh đạm của Xuân. Tuy vậy, giờ nghĩ đến anh, Trường không thấy bức tức như trước nữa. Sự thay đổi của Xuân gần đây, chàng đã đoán biết những duyên cớ. Có lẽ Xuân cũng đã có những hành vi và ý nghĩ như chàng. Xuân, không có can đảm trở về với cuộc đời chàng có, với những vui và những buồn của sự sống hằng ngày.

- Chúng ta xin phép mẹ về thôi chứ, anh?

Trường quay người lại, cầm lấy tay vợ Mai cũng chạy đến quán quýt bên chân. Trường đặt tay lên đầu

con, bảo Trinh:

- Em chào mẹ đi.

Và nói với Dung, tiếng chàng trở nên ngọt ngào và êm dịu vô cùng:

- Chiều mời chị với cháu lại đằng em nhớ.

Mấy hôm sau, hai vợ chồng cùng với bà Nhì trở về An Lâm. Trường và Trinh, lúc sửa soạn ra đi, sung sướng như hai đứa trẻ về thăm nhà. Vợ hỏi chồng:

- Em đổ anh biết hồng nhà đã có hoa chưa nào?

Trường ra vẻ nghĩ ngợi hồi lâu, rồi cười đáp:

- Có nụ rồi, nhưng còn đợi em về mới nở.

Bà Nhì thật thà nói chen vào:

- Năm nay rét sớm, để thường chưa có hoa đâu. Lúc mẹ lên cây mới có mầm non thì phải.

Hai người đưa mắt nhìn nhau. Trinh cúi đầu cười, rồi ngồi xuống xỏ giày cho con. Trường đứng yên nhìn nàng, lạ rằng sao bây giờ trong mỗi cử chỉ của Trinh chàng thấy có một ý ân cần và âu yếm đáng yêu. Trước kia... nhưng Trường vui vẻ, không nghĩ nữa. Chàng đi lại trong phòng miệng ca hát sẽ.

Lúc xe sắp chạy, Trường thấy một đôi vợ chồng với đứa con hấp tấp lên xe. Người thiếu phụ dắt con đến ngồi trước mặt chàng, trên ghế bên kia. Người chồng theo sau, sẵn sóc. Trường chú ý người đàn bà hãy còn trẻ, trông nét hơi quen; Trường ngỡ ngỡ hình như đã gặp ở đâu. Đột nhiên chàng nhớ ra: thiếu phụ kia chính là cô gái ngày trước ở bên cạnh nhà chàng. Tối hôm ấy

chàng đã trông thấy cô đi ra cất dọn bàn ghế ở ngoài thêm. Bất giác chàng mỉm cười vì cái kỷ niệm xa xôi ấy. Bây giờ thiếu nữ đã có chồng con, đã sống cuộc đời của cô, có lẽ với những buồn, vui lẫn lộn... Bao nhiêu thời gian đã qua, từ hôm chàng thi đỗ trở về nhà, lòng mang đầy ước vọng, sung sướng và hăng hái. Cuộc đời lúc ấy mở ra trước mắt Trường hoa lệ và sang trọng. Nếu chàng cứ theo con đường sẽ thế nào... Chàng lại sinh lòng tiếc chẵng?

Trường đặt Mai lên ghế rồi ngồi sát bên vợ. Nhẹ nhàng chàng cầm lấy tay Trinh, chàng muốn nói với vợ những điều dịu dàng và thành thực, những lời mà chàng để hết cả thân yêu, Trinh nhìn lại chồng âu yếm, và cái hạnh phúc bây giờ Trường bỗng thấy quý giá vô ngần. Chàng tự kiêu đã xứng đáng với lòng yêu của vợ và thấy những nỗi băn khoăn, bức tức của chàng trước kia nhỏ mọn không đáng kể. Trường đã mong ước sự giàu sang vì không biết đến những cái phong phú trong lòng chàng, đã tìm danh vọng và địa vị vì chưa tự đầy đủ với tâm hồn.

Mai ngắt những ý nghĩ của Trường, hé miệng xinh xắn hỏi:

- Đã sắp đến nơi chưa hở cậu?

Tháng Chạp, 1937

NXB Đời nay, 1939

III - KÝ SỰ

HÀ NỘI BĂM SÁU PHỐ PHƯỜNG

Người Pháp có Paris, người Anh có London, người Tàu có Thượng Hải... Trong sách vở, trên báo chí, họ nói đến thành phố của họ một cách tha thiết, mến yêu... Ta phải nghe người Pháp nói đến Paris, người ở Paris, mới hiểu được sự yêu quý ấy đến bậc nào.

Chúng ta cũng có Hà Nội, một thành phố có nhiều vẻ đẹp, vì Hà Nội đẹp thật (chúng ta chỉ còn tìm những vẻ đẹp ấy những ra), và cũng vì chúng ta yêu mến. Yêu mến Hà Nội với tâm hồn người Hà Nội, cũng như người Parisien chính hiệu yêu mến Paris... Trong những cuộc phiêu du, - phiêu du ngoài các phố Hà Nội - ta nên chú ý đến nét thay đổi của thành phố, nên nhận xét những

vẻ đẹp cũng như vẻ xấu của phố phường, thân mật với những thú vui chơi hay những cảnh lâm than, với những người Hà Nội cũng như ta.

Hà Nội có một sức quyến rũ đối với những người ở nơi khác... ở những hang cùng ngõ hẻm của làng xa, hay ở những nương mật thẳm trong rừng núi, ban chiều vẫn có nhiều người ngóng về một phương trời để cố trông cái ánh sáng mờ của Hà Nội chiếu nên nền mây. Để cho những người mong ước kinh kỳ ấy, và để cho những người ở Hà Nội, chúng ta khuyến khích yêu mến Hà Nội hơn, chúng ta nói đến tất cả những vẻ riêng của Hà Nội, khiến mọi sự đổi thay trong ba mươi sáu phố phường đều có tiếng vang ra khắp mọi nơi.

NHỮNG BIỂN HÀNG

Đã có nhiều người nhận ra rằng phố Hàng Đào là của... loài vật. Ở đây, có đủ để làm một gánh xiếc. Trước hết có hiệu trâu vàng, đi với hiệu chuông cũng vàng, hắc thế. Ấy là câu chuyện huyền thoại của ông Khổng Minh Không đã được hình tượng ra bằng hai cái biển. Rồi đến hiệu bò vàng, cá chép vàng (cá chép hóa long thì đúng hơn và con cá này đã trái luật chạy lên Hàng Ngang rồi), còn lạc đà không biết đến đây để làm gì?. Con gà sống kim kê hắc thôi - con hươu sao, con kỳ lân, con phượng (lại hoàng), con rùa rùa (kim quy), (con rùa rùa này về núi rồi), con vịt che ô, con voi

(con này cũng về rừng), và con tê giác. Các nhà hàng còn lâu mới dùng hết được tên các loài vật. Và chúng ta nên nhận rằng trong các con vật đã dùng, không con nào dư cả. Con tê giác thì kể là vật dư, nhưng con tê giác ở Hàng Đào thì lành lặn: nó không cắn ai bao giờ. Không có hổ vàng hay sư tử vàng chẳng hạn. Vì những con vật trên kia là vì những con vật thần linh chẳng, hay là những con vật chỉ lành, có thể gọi lòng tin của khách mua? Con trâu, con hươu, con bò... Những con vật ấy có làm hại được ai bao giờ đâu? Vào nhà con trâu, con hươu mua vải, lụa, chắc không bị hớ, chắc sẽ được nhà hàng tiếp đãi niềm nở và tử tế (như các bà bán hàng Việt Nam biết tiếp khi khách chỉ mặc cả mà không mua, hay muốn mua mà trả rẻ), và nếu họ có bị đại như một con bò thì cũng được an ủi rằng ít nhiều cũng là một con bò vàng.

Tôi chỉ không hiểu tại sao bỗng dưng lại có con lạc đà. Con vật này hình như lạc loài vào đám ấy, giữa những con vật mà nó không quen biết bao giờ. Người phương Tây khinh ai thường gọi: cách lạc đà ấy... Theo nghĩa đó thì con lạc đà ám chỉ nhà hàng hay khách mua hàng?

Chúng ta còn phải hỏi tại sao các con vật khác không được dùng, và tại sao địa phận chúng chỉ có phố Hàng Đào thôi? Lên đến Hàng Ngang, xuống đến Bờ Hồ, là đã không có loài vật rồi (con cá hóa long lên Hàng Ngang là trái với lẽ trời).

Có một người kể chuyện với tôi rằng đó là tại nhà hàng ganh tị nhau. Nguyên hồi bấy giờ phố hàng Đào còn hẹp, nhà hai bên phố không cách nhau xa mấy. Có hai ông chủ hiệu to, ngẫu nhiên một hôm cùng có một ý, là lấy con hươu làm biển hiệu. Hai con hươu cùng treo một lúc. Có nhiều sự nhầm lẫn xảy ra về sau, nhưng hai ông cùng ganh, không ông nào chịu đổi con khác. Như thế được một năm. Rồi bỗng nhiên, một ông lấy ngay con báo làm biển hiệu, và phao ngôn lên rằng chỉ ít lâu nữa là báo sẽ cắn hươu chết. Ông chủ hiệu kia tức khí lấy biển hiệu con hổ và phao ngược lại. Ông chủ hiệu này chẳng chịu kém đổi ngay con báo ra con sư tử. Ông kia cũng lập tức đổi ra con voi.

Đến con voi thì ông này tức quá: vì không có con nào khỏe hơn voi nữa. Voi đứng đầu trong giống vật rồi. Chỉ có cách làm con voi to hơn. Thế rồi ông làm con voi to hơn. Ông kia cũng chẳng chịu kém, lại làm con voi to hơn nữa. Hai con voi cứ thi nhau mà to mãi ra. Phố thì hẹp, cho nên một ngày kia hai con voi đụng vào nhau, lấp cả lối đi.

Việc đến cửa quan. Ông quan phân xử, bắt voi hai bên đều bé lại, và ra lệnh từ đấy chỉ được dùng những con vật hiền (như voi chẳng hạn) làm biển hàng mà thôi. Những con vật dữ như báo, hổ, gấu, mèo ... đều cấm tiệt.

Ấy là người ta kể cho tôi nghe câu chuyện như thế. Chuyện chả biết có thật hay bịa, nhưng giảng tại sao

người ta không dùng các thú vật dữ thì có (tuy vậy, con tê giác?), còn tại sao các vật chỉ có trong phạm vi phố Hàng Đào, không lên Hàng Ngang, không xuống Bồ Hồ, thì tuyệt nhiên không.

NGƯỜI TA VIẾT CHỮ TÂY

Cái biển hàng nào viết bằng chữ Pháp đầu tiên treo ở phố Hà Nội? Thật khó mà biết được. Nó là một điều thuộc về lịch sử cần phải tìm ra, để đánh dấu cái ngày mà một con người Việt Nam bắt đầu dùng thứ chữ phong phú nhất phương Tây.

Từ bấy đến nay, ít ra cũng ngoài sáu chục năm. Sáu chục năm người mình học chữ Pháp, tưởng đã đến lúc thâm thái được hoàn toàn. Bây giờ các biển hàng viết chữ Pháp chiếm đến chín phần mười trong các biển hàng. Nhiều hàng, tuy chỉ giao thiệp với khách hàng Việt Nam thôi, cũng để toàn chữ Pháp, cũng như ngày xưa họ toàn dùng chữ nho.

Ngày tôi còn nhỏ, ông thầy dạy vẽ của tôi bỏ nghề ra mở một xưởng vẽ ở phố Bồ Hồ. Ngoài cửa hàng treo một cái biển vẽ một cô gái rất xinh chỉ tay vào mấy dòng chữ. Vì cô gái, tôi đi học vẽ lần nào cũng đứng lại nhìn, và vì vậy mới thuộc mấy dòng chữ đó đến bây giờ. Mấy dòng chữ như thế này: *"Ici, il existe un dessinateur portraitiste, aquarelliste et architecte"*.

Đã hơn mười năm rồi, mà mỗi lần nhớ đến câu chữ Pháp ấy tôi cũng không khỏi buồn cười. Nhân thế hôm nay tôi nảy ra cái ý muốn dạo qua tất cả Ba mươi sáu phố của chốn "nghìn năm văn vật" này để đọc các biển hàng chữ Pháp, và xem người mình dùng chữ Pháp đã tiến bộ đến bậc nào.

Thì quả thực đã tiến bộ rất nhiều:

Này đây, những biển: *Salon de coiffeur, X ... bon coiffure, T.D. Coiffeur de Beauté, hay; M. librairie, mercerie, relieur, M.S. Prothèse dentaire, Beauté hygié de la bouche, M.S d'orure et d'argentine, T.T fabricant de pousse pousse, T.O vente et réperateur de machine de tout sorte, D.T. Ferronnerie, quinconnerie, H. Vanerie, O. Serée, Filets de sports*. Chữ *Élégant* hình như được nhiều người yêu chuộng nhất: vì tỏ ra *élégant* có phải không?

P.T. Coiffeur élégant (Bách Mai), *Boulangerie élégant* (Hàng Bông), *A la coupe de Paris - D.M. tailleur élégant* (Hàng Quạt), *Aux paradis des élégant* (Hàng Trống), - *Aux trousseaux des élégants...* (Lê Quý Đôn), hiệu này đầu trước là: *Au gout des élégants...* *P.T. Tailleur des élégants* (Hàng Quạt)...

Toàn những *élégancel à élégance*, thật xứng đáng với: (Hà thành hoa lệ).

Và tôi nhận thấy, nội trong các hiệu dùng nhiều chữ tây nhất, và dùng một cách đáng yêu nhất là hiệu thợ may. Có lẽ vì các ông chủ hiệu đó may quần áo cho

thiên hạ nên họ tự nghĩ như bắt buộc phải dùng chữ Tây mới hợp thời.

Một hiệu khoe các hàng: "*Dernieres nouveautés de Paris: laine Elboeuf, laine Red Star, laine Dormeuse ...*" (*qui fait bien dormir* - hẳn thế).

Hiệu kia: "*laine pieds de poule Prince de gales*".

Một hiệu khác tham bác cả Tây lẫn ta, và tạo nên một cái tiếng thần tình này: Satin súp.

Nhưng đến tên các hiệu thì sự văn hóa và câu kỳ thực đã đến cực điểm: "*Au parfait tailleur*" (Hàng Bông), "*Maitre tailleur*", "*Paris tailleur*" (Hàng Quạt). Chữ *luxe*, chắc hẳn trong trí các ông chủ hiệu thợ may, là biểu hiện của cái tuyệt đích trong sự sang trọng, nên có đến ba ông dùng: *La Mode, tailleur de luxe, D.P.T tailleur de luxe* (Hàng Gai), *Tr. tailleur de luxe* (Lê Quý Đôn), (ông này viết là *luxe* không có e, ý chừng tỏ ra *luxe* một bậc nữa). Nhiều ông khác ưa tỏ ra biết tiếng ngoại quốc hơn. *Modern tailor* (chợ Hôm), *Gentlemen's modern tailor* (hiệu chỉ có một cái máy khâu cũ và tấm vải xanh che bên ngoài) và *CH. R Gent's (?) tailor* (Hàng Trống) ...

Thế tưởng cũng đủ rồi. *Ca va, tailleur!* (Hàng Trống), *De la tenue, tailleur et de la frantaisie, tailleur* (Hàng Trống).

Rồi lại còn: *D.T. Spécialist des chemises et des pyjamas; T.L. coupe incroyable aux pyjamas dirigée par S ...*

Nếu một ngày kia chúng ta thấy đề: *X. Tailleur, prix, soigne, travail impeccable, coupe modérée*, thì cũng chẳng nên ngạc nhiên tý nào.

Nhưng hòn ngọc đẹp nhất có lẽ phải dành riêng cho hiệu này ở phố Hàng Buồm: *L.S. photographe, marchande de Chinoiserie*.

Ấy là mới dạo qua một vài phố đông đúc, chúng ta đã được đọc nhiều câu chữ Pháp lạ lùng như thế rồi. Ở các hang cùng ngõ hẻm, đối với người tò mò, hẳn còn tìm thấy nhiều cách áp dụng chữ Pháp một cách thần tình hơn nữa.

Nhưng ngẫm kỹ ra thì cũng chẳng nên lấy làm lạ, vì ở một xứ có tờ báo (nghĩa là do hạng trí thức viết), dịch *Hôtel de ville* là khách sạn của thành phố và *Stars à Hollywood* là dân tộc Star ở Mỹ châu, thì các ông chủ hiệu trên kia kể còn là giỏi nhiều.

Mà, có phải không, tờ báo *Phụ nữ tân văn* ở trong Nam đã treo biển "*Le Journal des Dames*", và tờ *Phụ nữ thời đàm* ở ngàì Bắc, "*La premiere organe de la femme Annamite*"?

Hà Nội ba mươi sáu phố phường,

Hàng Mút, hàng Đường, hàng Muối trắng tinh

Hà Nội đã thay đổi nhiều lắm. Những phố cũ, hẹp và khuất khúc, với những nhà thò ra thụt vào, những mái tường đi xuống từng bậc như cầu thang, những cửa sổ gác nhỏ bé và kín đáo, đã nhường chỗ cho những phố gạch thẳng và rộng rãi, với từng dãy nhà giống nhau

đứng xếp hàng. Thẳng và đứng hàng, đó là biểu hiện của văn minh. Khi ông cầm lái chiếc ô tô thì ông lấy làm dễ chịu vì đường rộng, vì phố thẳng lắm. Nhưng đôi với người tản bộ đi chơi, lòng thư thả và mãi tìm sự đẹp, thì phố xá mới không có thú vị gì. Không có những cái khuất khúc dành cho ta nhiều cái bất ngờ, không có một ngọn cây hoa nhô sau bức tường thấp, khiến chúng ta đoán được cả một thửa vườn nhỏ bên trong, ở đấy biết đâu lại không thướt tha một vài thiếu nữ khuê các như xưa.

Chỉ còn một vài cái ngõ con... ngõ Phất Lộc, ngõ Trung Yên... mấy ngọn cỏ trên mảnh tường cổng ô Quan Chương, gọi là dấu vết của Hà Nội cũ. Ngày ấy đường hẹp, chắc hàng xóm láng giềng ăn ở với nhau thân mật hơn. Người cùng hàng phố tự coi như có một liên lạc cùng nhau. Bên này một cửa hàng tạp hoá có đầy đủ quả sơn đen, có chồng giấy bản và ống bút nho, có cô hàng thuy mị mà hàng phố vẫn khen là gái đảm đang. Bên kia, nhà một ông cụ Tú, có tiếng trẻ học vang, có cậu học trò xinh trai đứng hầu chè thầy bên tràng kỷ. Những nhà cũ của ta có một lối kiến trúc riêng. Ở các phố Hà Nội hiện giờ, thỉnh thoảng cũng còn được một vài nhà. Giữa nhà, mảnh sân vuông lộ thiên, có bể non bộ và cá vàng, có dây chậu lan, có bể đựng nước, và trên tường có câu đối chữ nho. Đôi khi đi qua, một cánh cửa hé mở, chúng ta được thoáng nhìn vào; bóng một thiếu nữ nhẹ qua sân, hình dáng một ông cụ

già cúi mình trên cây cảnh. Tất cả cuộc đời của những kẻ bên trong, cuộc đời xưa, những ý nghĩ cũ, những hy vọng và mong ước khác bây giờ.

Không còn gì của Hà Nội ngoài năm sáu mươi năm trở về trước. Thăng Long của vua Lê, của chúa Trịnh không còn dấu vết nào: đâu còn những cung điện ngày xưa, những phụ đế của các bậc công hầu khanh tướng? Thịnh thoảng một vài tên gọi còn nhắc lại, một vài đồng đất còn ghi dấu, thế thôi. Chúng ta không biết được mấy về dĩ vãng, về cảnh phố xá kinh kỳ hồi cụ Lãn Ông, một túi thơ, một bồ thuốc, đi từ Bát Tràng đến Hồ Tây để chữa bệnh cho hoàng tử.

Trong một số trước, tôi đã nói (Hà Nội XVII è siecle) rằng cái "nghệ thuật biển hàng" ở Hà Nội đã mất. Ngày xưa, cái biển hàng còn là một cái gì hơn chỉ là một cái biển hàng mà thôi. Đó là một bộ phận liền với cơ nghiệp và số vận của người buôn, cái biển hiệu thực hiện của những cố công nhằn nại và những đức tính ngay thật của chủ hàng. Đề biển phải chọn ngày tốt, phải xin chữ của những người viết giỏi có tiếng, và người ta thận trọng giữ gìn như một thứ của gia bảo ở những cái biển cũ đã tróc sơn, mà gió mưa bao nhiêu năm đã làm lạt cả vàng son, những nét chữ mạnh mẽ và rắn rỏi vẫn còn như nguyên mới. Tôi không khỏi bao giờ đi qua không dừng bước lại ngắm nghía ba chữ đại. "Vạn Thảo Đường" trên cái biển cũ kỹ của hiệu thuốc ấy ở đầu phố Hàng Đường. Ba chữ "Đông Hưng Viên" cũng sắc nét và

còn mới hơn. Ngày trước còn mấy chữ "Cộng Hòa Đường" viết bằng son đỏ tươi, lối nửa chân nửa lẹ, chữ bay bướm, trông đến thích.

Nhưng bây giờ người ta xóa đi để thay vào bằng lối chữ "vuông tâm thời" trong các quảng cáo ở báo Tàu hay bằng những chữ điện tím hoa cà, xanh lá mạ đêm đêm sáng ngời một góc trời. Tất cả cái gì cũng thay mới: người ta không những thấy có biển hàng, người ta thấy cả bề mặt cái cửa hàng nữa. Và sự thay đổi bề ngoài ấy đem đến cho phố xá Hà Nội một vẻ mới riêng, hơi lạ lùng và đột ngột.

Trong đêm khuya, chúng ta thử dạo chơi các phố, lúc đó không bị những ánh sáng và thức hàng làm lóa mắt. Lúc đó những cửa hàng mới mở đã đóng cả, và cái phố với căn nhà đều phô bày vẻ thật. Các nhà chỉ thay đổi có phía dưới: sự thay đổi ít khi lên đến tầng trên. Và bây giờ, nếu người ta có phép gì cất bỏ các tầng dưới và đặt các tầng trên xuống đất, chúng ta sẽ có một hàng phố cũ kỹ với những hình bát quái, mảnh gương và dơi bay: một phố tựa tựa như phố của kinh kỳ xưa, chắc thế.

Có một bạn nào trông coi vẻ đẹp của thành phố Hà Nội không? Hình như có thì phải, tuy rằng bạn đó không thấy làm cho người ta nói đến mình. Nhưng cái đó không hề gì, miễn là bạn đó cứ làm việc là đủ.

Ngày trước, ở trước cửa phủ Toàn quyền, còn có một nhóm tượng mà người ta đã phá đi rồi, cách đây đâu mười năm gì đó. Nhóm tượng đó trông xa giống như

mâm xôi; ở đỉnh có những hình thù gì, tôi không nhớ, nhưng ở phía dưới, có tượng hai người đàn bà nằm choãi ra như bơi, tóc buông xõa và lặn mình vào thành bể. Hai người đàn bà đó người ta bảo là hình dung hai con sông Nhị Hà và Mêkông.

Nhóm tượng ấy, nghe đâu định dựng ở giữa hồ Hoàn Kiếm - chỗ cái tháp - và như vậy tất phải bỏ cái tháp đi.

Chúng ta tưởng tượng phong cảnh hồ Hoàn Kiếm với cái mâm xôi bằng đá lù lù ấy. May thay không biết có ai phản đối, người ta bỏ cái dự định ấy, và đem nhóm tượng dựng ở trước cửa phủ Toàn quyền, để rồi sau đó ít lâu phá đi.

Sự phản đối ích lợi ấy có lẽ là công việc của ủy ban coi về vẻ đẹp của thành phố hẳn?

Sau đó ít lâu, một dạo, ngay bên cổng của đền Ngọc Sơn, chúng ta được trông thấy đứng sừng sững và thẳng tắp một cái cột dây điện chằng chịt và cả đèn điện với những cái "bình tích" bằng sứ trắng, khiến cho cái cột sắt sơn hắc ín đó như một thứ cây già mọi rợ vụng về. Cái cây đó làm cho vẻ đẹp của cổng đền Ngọc Sơn giảm mất đến chín phần mười.

Nhưng lại may thay, cũng cách sau ít lâu, cái cột đó không còn nữa. Công việc của ủy ban kia chắc thôi.

Sau đó ít lâu nữa, cảnh đền Ngọc Sơn lại chịu phải một sự thêm thắt xấu xa khác.

Có lẽ theo lời yêu cầu của những ai trông nom cái đền đó, người ta đã cho bắc suốt từ ngoài cổng, qua đầu,

vào đến trong đèn, những vòng sắt nên, có những đường uốn lượn ngoằn ngoèo, cũng sơn hắc ín, và để mắc đèn.

Mắc đèn cho sáng, cho tiện những người đi lễ đèn. Một ý tốt, rất tốt. Nhưng sao lại phải trả bằng một cách bôi nhọ vẻ đẹp của đèn thế? Muốn sáng cổng và sáng cầu thì thiếu gì cách: mắc đèn vào những chỗ lõm khuất khúc của cổng và cầu: đèn để như thế vừa được kín đáo, vừa không làm giảm vẻ đẹp, không kể cái lối ánh sáng đập lại ấy dịu dàng và làm tôn cảnh đèn hơn lên.

Đằng này, mắc những vòng sắt với cách hoa hoét rẻ tiền kia vào cái cổng đẹp để có lối kiến trúc riêng, có vẻ cổ sơ ấy, thực là một cách đập phá mỹ thuật tai hại không gì bằng.

Cho đến cả ba chữ "Ngọc Sơn Tự" bằng sắt dán trên một tấm lưới cũng sắt, và có hoa lá cũng sắt nốt, cả cái biển ấy cũng chương mắt không kém. Những thanh sắt ấy ở đó cũng khá lâu rồi thì phải, mà chưa thấy cái ủy ban nào đó nếu ủy ban ấy có - làm việc gì cả. Việc thì rất giản dị: nghĩa là bỏ những cái đó đi là xong.

*

* *

Đạo này, người ta đã xây nhiều bốp cảnh sát phụ ở lác đác khắp Hà Nội: Yên Phụ, Cửa Nam, Bồ Hồ, Quan Thánh, v.v...

Kiểu bốp như là một cái hòm vuông bốn góc thẳng cạnh, có cửa vào (tất nhiên) và cửa sổ.

Việc xây các bóp ấy chắc là ích lợi nhiều cho việc trị an của thành phố.

Chúng tôi xin cũng nhận thế. Và chỗ đặt bóp chắc cũng đã lựa chọn rất tiện lợi nữa.

Những bóp khác, chẳng nói làm gì. Duy chỉ có cái bóp ở Quan Thánh, là làm giảm mất vẻ đẹp của ngôi đền đẹp đẽ ấy.

Tuy rằng người ta đã cẩn thận cho cái bóp ấy đại để vẫn hình vuông một hình dáng muốn giống chùa chiền bằng cái mái cong cong, bằng vài cái trang điểm theo lối cũ. Nhưng mà cái chùa giả ấy - trong đó thấy cảnh sát thay nhà sư - không đánh lừa được ai hết, nhất là người yêu mỹ thuật, yêu Hà Nội, yêu cái vẻ cổ kính của đền chùa.

Chỉ quá một tí nữa, làm xa ra một tí nữa ở phía đường bên kia, hay ở ngay vườn hoa đầu đường Quan Thánh, vườn hoa Eckert nếu tôi không nhầm, thì có phải hay biết bao không. Gia chi dĩ, những đường vạch thẳng ngay ngắn của vườn hoa ấy lại hòa hợp với cái hình thù vuông vắn của nhà bóp lắm.

QUÀ HÀ NỘI

Quà Hà Nội xưa nay vẫn có tiếng ngon lành và lịch sự. Ở các thôn quê, chút "quà Hà Nội" là của mong đợi, và tỏ được lòng quý hóa của người cho.

Con cháu ngày giỗ kỵ đưa về dâng cha mẹ, hay các bà mẹ ra tỉnh mua về cho các con, và chồng đi làm Nhà nước ngày nghỉ mua tặng cho cô vợ mới cưới... Bao nhiêu ý tốt tình hay gửi vào trong chút quà nơi đô hội, món quà đem đến cho khắp nơi các vị sành và trang nhã của băm sáu phố phường.

HÀNG QUÀ RONG

Người Hà Nội, ăn thì ngày nào cũng ăn, nhưng thường không để ý. Nếu chúng ta về ở tỉnh nhỏ ít lâu, hay ở ngay Hải Phòng, Nam Định nữa, chúng ta mới biết quà ở Hà Nội ngon chừng nào. Cũng là thứ bún chả chẳng hạn, cũng rau ấy, thế mà sao bún chả của Hà Nội ngon và đậm thế, ngon từ cái mùi thơm, từ cái nước chấm ngon đi. Trong một ngày, không lúc nào là không có hàng quà. Mỗi giờ là một thứ khác nhau; ăn quà cũng là một nghệ thuật: ăn đúng cái giờ ấy và chọn người bán hàng ấy, mới là người sành ăn.

Tang tảng sáng, tiếng bánh Tây đã rao, với tiếng chổi quét đường. Đó là quà của những người thợ đi làm sớm. Rồi, có từng độ, phố xá vang lên tiếng rao "bán bánh rán nóng, trình một, xu đôi" của một lũ trẻ con. Cái bánh rán vừa cứng và xấu, thật làm giảm thanh thế của quà Hà Nội, do một cửa hàng nào đó muốn kiếm lời, cứ muốn bắt thiên hạ ăn bánh rán lúc còn ngái ngủ.

Này đây mới là quà chính tông: bánh cuốn, ăn với

chả lợn béo, hay với đậu rán nóng. Nhưng là bánh cuốn Thanh Trì mỏng như tờ giấy và trong như lụa. Vị bánh thơm, bột mịn và dẻo. Bánh chay thì thanh đạm, bánh mặn đậm vì chút mỡ hành. Người bán bánh cuốn Thanh Trì đội mẹt và rổ trên đầu, từng tùm năm, bảy người từ phía Lò Lợn đi vào trong phố, dáng điệu uyển chuyển và nhanh nhẹn.

Rồi mùa nực thì hàng xôi cháo: cháo hoa quánh mùi gạo thơm, xôi nong mùi gạo nếp. Xôi đậu, xôi lạc, xôi vừng mỡ và dừa. Ồ, cái xôi vừng mỡ, nắm từng nắm con, ăn vừa gậy vừa bùi. Mà có đất gì đâu! Ăn một, hai xu là đủ rồi. Mùa rét thì xôi nóng, hãy còn hơi bốc lên như sương mù, ăn vừa nóng người vừa chắc dạ.

Và có ai ngẫm nghĩ kỹ cái vị hành khô chưng mỡ ở trong bát ngô nếp bung non; hành giòn và thơm phức, những hạt ngô béo rưới chút nước mỡ trong... Ngô bung (xôi lúa) thì có nhiều hàng ngon, nhưng ngon nhất và đậm nhất là ngô bung của một bà già trên Yên Phụ. Cứ mỗi sáng, bà từ ô xuống phố, theo một đường đi nhất định, đã ngoài hai mươi năm nay, để các nhà muốn ăn cứ việc sai người ra dừng chờ. Bà đội thúng ngô, tay thủ vào cái áo cánh bông, và cất lên cái tiếng rao, tựa như không phải tiếng người, một tiếng rao đặc biệt và kỳ lạ: "Eéé... éc", "Eéé... ééc...".

Đối với các bà, các cô đi chợ, cô hàng vải, cô hàng rau v.v... là những người ưa món quà gì vừa rẻ vừa ngon, lại vừa no lâu - các cô khó tính, sành ăn và hay

xét nét lắm - đã có món quà của cô hàng cơm nắm lăng lơ với hai quang thúng bỏ chùng. Món quà này sạch sẽ và tinh khiết, từ quà cho đến cả quang thúng, cả cô hàng, tóc vấn gọn, áo nâu mới, quần sồi thâm, cô hàng trông cũng ngon mắt như quà của cô vậy.

Cơm nắm từng nắm dài, to nhỏ có, nằm trên chiếc mẹt phủ tấm vải màu trắng tinh để che ruồi, muỗi. Con dao cắt, sáng như nước, và lưỡi đưa ngọt như đường phèn. Cơm cắt ra từng khoanh, cô hàng lại cẩn thận gọt bỏ lớp ngoài, rồi lại cắt ra từng miếng nhỏ, vuông cạnh và dài, để bày trên đĩa. Cô muốn xơi với thứ gì? Với chả mới nhé hay giò lụa mịn màng?

Các cô vừa ăn vừa nhai nhè nhẹ và thông thả hỏi han thân mật cô hàng: cùng bạn làm ăn cả, một gánh nuôi chồng nuôi con, đóng góp thì nhiều. Âu cũng là cái phận chứ biết làm thế nào.

Đối với các bà ăn dở và thích của lạ miếng - và độc nữa - đã có bà hàng tiết canh và lòng lợn. Một mâm đầy những bát tiết canh đỏ ôi, ngòong ngoèo sợi dưa trắng, điểm xanh mấy lá húng tươi. Thế mà họ ăn ngon lành, một lúc hai, ba bát. Rồi đánh thêm một đĩa lòng vừa dồi, cổ hũ với tràng giòn. Ăn xong quét miệng đứng dậy, bước đi thành chậm chạp.

*

* *

Sao bằng ra đầu phố ăn một bát phở của anh hàng phở áo cánh trắng, gilet đen, và tóc rẽ mượt? Nồi nước sôi sùng sục, tỏa mùi thơm ra khắp phố. Nếu là gánh phở ngon cả Hà Nội không có đâu làm nhiều - thì nước dùng trong và ngọt, bánh dẻo mà không nát, thịt mỡ gầu giòn chứ không dai, chanh ớt, với hành tây đủ cả. Chả còn gì ngon hơn bát phở như thế nữa. Ăn xong bát thứ nhất, lại muốn ăn thêm bát thứ hai. Và anh hàng phở chả phải gánh nặng đi đâu cả, chỉ việc đỗ một chỗ nhất định, cũng đủ bán một ngày hai gánh như chơi. Và người hàng phố tìm dấu hiệu để gọi tên anh cho dễ nhớ: anh phở trọc, anh phở Bê-rê, anh phở Mũ Dạ, anh phở Cao... và dân thành phố nhỏ chớ mua hàng khác về "ông không ăn mà chết đòn".

Phở là một thứ quà đặc biệt của Hà Nội, không phải chỉ riêng Hà Nội mới có, nhưng chính là vì ở Hà Nội mới ngon. Đó là quà tất cả suốt ngày của tất cả các hạng người, nhất là công chức và thợ thuyền. Người ta ăn phở sáng, ăn phở trưa, và ăn phở tối.

Phở bán gánh có một vị riêng, không giống như phở bán ở hiệu. Các gánh phở có tiếng ở Hà Nội đều được người ta đặt tên và tưởng nhớ: phố Ga, phố Hàng Cót, phố Ô Quan Chưởng, phố Cửa Bắc v.v...

Bây giờ nhiều tài năng trẻ trong nghề phở mới nhóm lên và trái lại, những danh vọng cũ trên kia không chắc còn giữ được "hương vị xứng kỳ danh" nữa. Có người nào thử chịu khó đi khảo nếm lại một lượt

xem sao? Một vòng quanh Hà Nội bằng vị phở, chắc có lắm điều mặn, chất, chua, cay đấy.

Nhưng có một nơi phở rất ngon mà không có ai nghĩ đến và biết đến: ấy là gánh phở trong nhà thương. Trong nhà thương vốn có một bà bán các thứ quà bánh ở một gian hàng dựng dưới bóng cây. Cái quyền bán hàng đó là cái quyền riêng của nhà bà, có từ khi nhà thương mới lập. Bà là người ngoan đạo nên tuy ở địa vị đặc biệt đó bà cũng không bắt bí mọi người và ăn lãi quá đáng. Thức gì bán cũng ngon lành, giá cả phải chăng. Nhưng gánh phở của bà thì tuyệt: bát phở đầy đặn và thơm tất, do hai con gái bà làm, trông thực muốn ăn. Nước thì trong và lúc nào cũng nóng bỏng, khói lên nghi ngút. Rau thơm tươi, hủ tiêu bắc, giọt chanh cốm gắt, lại điểm thêm một chút cà cuống, thoảng nhẹ như một nghi ngờ. Mà nhân tâm tùy thích, nhà hàng đã khéo chiêu: ai muốn ăn mỡ gầu, có, muốn ăn nạc, có, muốn ăn nửa mỡ, nửa nạc, cũng có sẵn sàng.

Cứ mỗi buổi sáng, từ sáu giờ cho đến bảy giờ - chỉ trong quãng ấy thôi, vì ngoài giờ gánh phở hết - chung quanh nồi nước phở, ta thấy tùm năm tùm ba, các bệnh nhân đàn ông và đàn bà, các bác gác san, các thầy y tá, và cả đến các học sinh trường Thuốc nữa. Chừng ấy người đều hợp lòng trong sự thưởng thức món quà ngon, nâng cách ăn phở lên đến một nghệ thuật đáng kính.

★

★ ★

Cùng một thứ quả nước và mận như phở, Hà Nội còn có hàng mì và mẩn thần. Hai món này chắc hẳn là món ăn của người Tàu, cho nên hễ người Tàu làm thì ngon hơn, cũng như họ làm ngon nhiều món khác.

Cái chí của người Việt Nam ta cũng khác món quả bán thì cứ muốn bán rẻ và nhiều, thích thế để xiêu lòng khách còn cái phẩm có tốt hay không, không quan tâm đến. Cho nên bát mẩn thần của người mình thì có đủ cả rau thơm, sà sủ, đôi khi mấy miếng dồi, và một phần chia tám quả trứng vịt. Mẩn thần thì làm rất to bột, nặn xuề xòa để trông càng to hơn, nhưng nhân thì hết sức kín đáo và nhỏ bé, vì được một tí thịt bằm nhac, mua rẻ của các hàng thịt lậu ôi ở ngoại ô, lúc trút hàng bán rẻ. Nước cũng rất nhiều nữa, dềnh lên như ao sau trận mưa, nhưng nhạt ví như nước bèo. Ấy hế mà tất cả chỉ bán có năm xu. Tưởng đất hàng là phải.

Thế mà không: người Hà Nội ăn quả sành, nên khó mà lấy nhiều làm hoa mắt người ta được. Có lẽ người bán nghĩ rằng quả rao là *sực tắc*, hai thanh tre gõ vào với nhau như tiếng guốc đi của một gái về đêm, mà sực tắc chính là hai tiếng Tàu *Thực đắc* mà ra. Thực đắc : là ăn được, cho nên quả chỉ cốt ăn được, không cốt gì ăn ngon.

Về thức quả này tôi lại nhớ đến một câu chuyện nhiều ý nghĩa, và có thể làm một bài học hay cho người mình. Trong lúc mọi người bán hàng Việt Nam mỗi vai lê gánh khắp phố mòn dốt tre vì tiếng gọi mà vẫn không

bán được mấy, thì bỗng nhiên một hôm ở một phố ở Hà Nội nhỏ hẹp và đông đúc, nảy ra một chú Khách bán hàng rất dỡ người. Chú ta cũng bán mì với mằn thắn, cũng với giá năm xu, nhưng mì thì chỉ có mì không và mằn thắn chỉ có mằn thắn trần, đủ mười lăm cái. Nhưng nước rất trong và rất ngọt, mì thì đậm vị và dẻo, mằn thắn thì bột mềm và mỗi cái có nhân một con tôm. Ăn mãi vẫn ngon không thấy chán.

Bán hàng không cần gánh đi đâu, và cũng không cần gì bát. Ai muốn ăn thì đến hàng mà ăn, ai muốn mua đem bát lại mà mua, và người nhà mang về, chứ một bậc thang ngắn bác cũng không chịu bước lên. Bác bán hàng cửa quyền như thế, người ta tuy tức vì cái làm bộ kiêu kỳ của bác, chê vì quà của bác đắt hơn quà của các hàng thường, nhưng người ta vẫn phải mua, vì quà của bác ngon. Người mua ngày dần đông: một bác bán không đủ, phải làm hai gánh, rồi ba, rồi bốn, rồi năm sáu. Mỗi gánh bác phải thuê người bán, mỗi tháng công năm đồng. Những người này bèn cách ăn bớt: một lượng bát mì bác bán, cứ ba bó mì thì họ lại bớt một; mười lăm cái mằn thắn thì họ bán có mười hai.

Nhưng mắc lòng, hàng bác vẫn bán chạy. Mỗi gánh ít nhất bác cũng được lãi ba đồng một ngày. Sáu gánh vị chi là mười tám, một tháng lãi năm trăm hơn. Sáu tháng sau khi bác ở Hải Phòng đặt chân lên Hà Nội, bác đã nghiễm nhiên trở nên một người giàu.

Thế mới biết nghề gì là không có lãi, mà cái nghề

mà chúng ta tưởng là hèn mọn ấy lại chóng làm người ta giàu hơn chán vạn nghề khác. Miễn là thức hàng bán xứng với đồng tiền, đừng lừa dối người mua của ngon thì người ta ăn, đắt rẻ không kỳ quẩn. Đó là một sự thực giản dị trong nghề buôn bán, mà tiếc thay, nhiều nhà buôn người mình không biết đến, hoặc người mình làm tồi bán rẻ hoặc họ đánh lừa được người mua thì lấy làm sung sướng.

Tôi quên nói nốt rằng chú Khách bán mần thắn trên kia, giá cứ giữ lối bán gánh như thế thì không sao. Có tiền, chú lại muốn làm ông chủ hiệu: chú mở hàng cao lâu to ở phố Mã Mây. Cái chí này thì không có gì đáng trách. Nhưng chú lại muốn giống các ông chủ khác ở chỗ đánh bạc: chú đánh phán thán, rồi chú thua. Ba tháng sau, chú vỡ nợ.

Nhưng đây là tại chú, chứ không phải là tại cái cửa hàng của chú, và cái phương pháp bán hàng của chú vẫn giữ nguyên giá trị khiến chúng ta nên theo.

Sau khi vỡ nợ, tay trắng trở về, chú lại ghé lưng xuống gánh lấy gánh hàng mần thắn cũ: tiếng vẫn rao vang, và cái miệng vẫn tươi cười như trước: Đó là một tấm gương mà chúng ta lại càng nên theo nữa.

VĂN QUÀ HÀ NỘI

Kể về các thứ quà mạn, thì Hà Nội còn nhiều: nào bún riêu, bún chả, thang cuốn, nem chua, nào miến lươn và bún ốc. Mỗi thứ, tất nhiên có một vị riêng, và cả đến mỗi hàng, lại cũng có cái ngon riêng nữa.

Tôi thích nhất cô hàng bún ốc, không phải vì món hàng cô tôi thích ăn, - xin thú thật rằng tôi sợ cái bác ốc lắm - nhưng tôi thích nhìn người ta ăn, vì nghe thức quà của cô là cái điểm không thể thiếu được của một cảnh bình dân hoạt động trong các ngõ con và trên các bờ hè. Người ta xúm lại ăn quà bún ốc một cách mới ngon lành làm sao! Có ai buổi trưa vắng hay buổi đêm khuya, đi qua các nhà cô đào, và các chị em thanh lâu, thấy họ ăn cái quà ấy một cách chăm chú và tha thiết đến đâu không? Nước ốc chua làm nhẵn các nét mặt tàn phấn và mệt lả, miếng ớt cay làm xoa xuyết những cặp môi héo hắt, và khiến đôi khi rõ những giọt lệ thật thà hơn cả những giọt lệ tình.

Cô hàng ốc có một cái dụng cụ, một đầu là búa, một đầu là dùi nhọn. Một cái gõ nhẹ, và một cái trở tay, là con ốc nguyên cả ruột đã gọn gàng rơi mình vào bát nước. Cô thoăn thoắt rút ốc không kịp, trông thấy người ta ăn ngon lành, chính cô cũng sinh thêm. Ấy cô có thú thực với tôi như thế.

Cùng họ nhà bún, riêu cua và thang cuốn vốn là

quà sở trường của các bà. (Mà nghiệm ra cái triết lý sâu sắc này: thứ quà nào bán cho các bà bao giờ cũng đắt hàng, vì hai lẽ: một là vì các bà nội trợ bao giờ cũng sẵn tiền, hai là các bà ăn quà đã thành tục ngữ, ca dao). Lại có một điều: nhà mình làm lấy, dù bà vợ khéo tay đến đâu, ăn cũng không thấy ngon bằng mua các hàng rong, nhất là hai thứ thang riêu. Tại sao vậy? Có ai tìm ra cái lẽ triết lý thứ ba không?

Miến lươn là thức quà ăn bổ âm, nhiều người bảo thế. Đàn ông thì không hay tin, nhưng đàn bà thì dễ tin lắm. Thế cho nên đã thấy nhiều ông chồng không thích ăn lươn, mà vẫn bị các bà vợ ép cho ăn dù tiền các bà ấy trả lấy. Tình nghĩa đầm thắm của vợ chồng đôi khi có thể lấy nhiều ít miến lươn mà đo được.

Ấy, suýt nữa đi khỏi các thứ quà cốt bún, mà tôi quên không nói đến thứ quà bún quan trọng và đặc điểm nhất của Hà Nội băm sáu phố phường: đó là thức quà bún chả.

Phải, cái thức quà tầm thường đó, sáu tỉnh đường trong, bốn tỉnh đường ngoài, chẳng có đâu ngon bằng kinh đô. Ai cũng phải công nhận như thế, hay ít ra những người sành thưởng thức. Một ông đồ cuồng chữ ở nhà quê, một hôm khăn gói, ô lên Hà Nội, đã phải ứng khẩu đặt hai câu thơ như thế này, khi ngửi thấy mùi khói chả:

Ngàn năm bửu vật đất Thăng Long

Bún chả là đây có phải không?

Mà cảm hứng thế là chí phải. Khi ngồi cuối chiều gió, đóm bùng mà đón lấy cái khói chả thơm, thì ngài dễ thành thi sĩ lắm. Khói lam cuộn như sương mờ ở sườn núi, giọt mỡ chả xèo trên than hồng như một tiếng thở dài và tiếng quạt khế đập như cành cây rung động, quả bún chả có nhiều cái quyến rũ đáng gọi là mê hồn, nếu không là mê bụng.

Những thứ rất là tầm thường, rất là giản dị mà đi gần nhau sao lại sinh ra được mùi vị riêng như thế? Ai là người đầu tiên đã nghĩ ra bún chả? Người đó đáng được chúng ta nhớ ơn và kính trọng ngang, hay là hơn với người tạo nên được tác phẩm văn chương... Có lẽ người kia còn làm ít cho nhân loại hơn là người này nữa. Tiếc thay tên người tài tử đó thất truyền, để không liệt kê vào cái sổ vàng của những danh nhân "*thực vị đạo*".

Thứ bún để ăn bún chả, sợi lại mảnh và cuộn từng lá mỏng, khác với các thứ bún thường. Chả phải thịt ba chỉ, mà phải dùng cặp tre tươi nướng mới ngon. Quái, sao cái nước chấm của các hàng bún chả ngon thế! Có lẽ là họ dùng nước mắm hạng vừa, nghĩa là không quá chua, cho nên thành ngon chẳng? Nước chấm ấy mà điểm thêm mấy giọt chanh vào thì tuyệt: có thể thấm nhuần cả bún, cả rau, cả chả mà không mặn, không gắt như nước chấm của nhà.

Nhưng bún chả Hà Nội đặc biệt có lẽ vì cái rau húng Láng. Vì chỉ có rau húng ở Láng là có mùi vị húng, đem trồng chỗ đất khác, sớm chậm cũng đổi ra

mùi bạc hà. Viết đến đây tôi lại nhớ đến bác Tú Mỡ thường mời bạn hữu ăn và thường khoe mình là ẩn dật ngay trong rừng húng. Thế cho nên bún chả thì phải là bún chả Hà Nội mới đủ vị cho người thưởng thức và phải là bà bún chả xưa vẫn ngồi trước đền Bạch Mã, Hàng Buồm, mới là bà bán hàng ngon. (Tất nhiên có nhiều các hàng khác ở phố cũng ngon chẳng kém, nhưng tiếng tăm chưa nổi đó thôi).

PHỤ THÊM VÀO PHỞ

Nói về phở, tôi còn quên không nhắc tới những sự thay đổi mới đây ở cái quà đặc biệt đó. Nghĩ rằng thay đổi là tiến bộ, có người đã bỏ phở cũ là vị phở gà. Nhưng sự cải cách ấy hình như không được hoan nghênh.

Có người khác rụt rè hơn, chỉ thay đổi một vài thứ gia vị: người thì thêm vị húng lìu (như gánh phở phố Mới hồi năm 1928), kẻ thì thêm dầu vừng và đậu phụ. Họ mệnh danh cái phở như thế là phở cải lương.

Như cái thứ phở thực cũng như bản tuồng, chèo. Để nguyên tuồng chèo cổ thì hay, chứ đã pha cải lương vào thì hỏng bét. Có chăng muốn cải cách thì để nguyên vị, mà cách làm tinh vi hơn lên. Cái nội dung và thể tài vẫn cũ, mà tinh thần thì ngày một sắc sảo thêm vào.

Kể viết bài này vẫn trung thành với lối phở cổ điển cũng như ưa nghe tuồng chèo giữ đúng điệu xưa.

BỔ KHUYẾT

Tôi đã toan chấm hết cái bài nói về quà bún, thì một bà hản cũng là một người sành ăn đến trách rằng: Anh nói đến quà bún mà không quên nói đến quà bún bung thì hản ra là một sự bất công. Vì bún bung là một thứ quà ngon lắm, mà lại là một món quà rất Việt Nam.

Tôi biểu đồng tình, và vội vàng bổ vào chỗ khuyết điểm ấy, để khỏi phụ lòng những bà sành ăn bún, và khỏi phụ công những cô hàng sớm gánh nồi bún nóng đi rao khắp phố phường. Tôi còn nhớ rõ trên đầu lưới, tề như một lượt rừng mình nhẹ, cái vị đậm ngọt và hơi ngứa ngứa của những miếng dọc sơn hà. Cái thứ rau này, sao mà đi với bún hay thế! Tựa như trời sinh ra để nấu bún, và cái hòa hợp dịu dàng không ở đâu là không có, trong một tác phẩm văn chương cũng giống như trong một nồi bung nấu khéo.

Cây sơn hà (cây mùng) vốn là những giống tựa như cây khoai mà lá to, củ thì nhỏ và tròn như quả trứng, luộc lên ăn cũng ngon. Dọc cây, người ta tước vỏ và chẻ nhỏ, nấu kỹ cho rõ nhừ. Một vài miếng đầu mẩu sườn để lấy nước ngọt, một ít nghệ để nhuộm thức ăn ấy một màu vàng đậm ấm như màu vàng của ráng chiều những ngày mùa hạ. Thêm dăm quả cà chua đỏ, một vài miếng đu đủ xắt vuông, màu trong mỡ như ngọc

quý. Chừng thứ ấy mà có sợi bún trắng vắt qua, như một cái dây liên lạc những thức thực xa nhau, mà vì sự sành ăn của loài người bỗng chốc nên gần gũi. Thế là bát bún bung không biết bao nhiêu vị điểm lấn cho nhau như các tiếng của một bản đàn. Nếu ngài lại thích ăn cay nữa, thì mấy nhất quả ớt chỉ thiên, đủ khiến chỉ vị quà thêm cái nóng rực rỡ và thắm màu của những gia vị lạ nơi Ấn Độ.

BÚN SƯỜN VÀ CANH BÚN

Lại một vị khác hẳn, ấy là hai thứ bún sườn và canh bún. Bún sườn thì hiền lành thôi, về sắc sảo chẳng có gì. Cứ quý hồ nước cho ngọt, bún cho dẻo là được rồi. Người ta ăn bún sườn như đọc những tiểu thuyết ngon ngọt, thích thôi chứ không dám mê. Không có người ghét nhưng cũng không có người tha thiết quá. Cái gì cũng ở nửa chừng.

Canh bún thì cao hơn một bậc vì có rau cần, sánh và gấc, và nhất là có cá rô con, lạng từng miếng một, cũng có nơi nấu với cải, nhưng không ngon bằng. Thịt rô ấy đem lại cho thức ăn một vị đậm ngọt khác thường, không hiền lành, bởi vì chỉ ngon trong một độ nào đó, khiến người ăn có cái cảm tưởng đi gần một vị ghê lợm ở đầu này và ở đầu kia, và bởi thế, càng khiến cho thức quà ngon hơn, có cái ngon của sự chênh vênh và lo sợ... Thực vậy, canh bún để nguội thì tanh mà đun già nóng

quá thì nông ruộng. Ấy chỉ lúc nóng vừa đổ miệng, ăn phải xuyết xoa. Và người ta cho hồ tiêu vào, để thêm cái cay nóng có mục thuốc.

“MÌN PÁO” VÀ “GIẤY GIỜ”

Bánh tây chả là một thứ quà rất thường và cũng chẳng lấy gì làm ngon lắm. Ấy thế mà có một người đã khiến cho nó thành một thức quà rất chạy, nhờ vì nó mà bà ta người ấy là một người đàn bà trở nên giàu có, tậu nhà gạch để ở và cho thuê.

Cứ quăng từ chín mười giờ, có khi khuya hơn nữa, trong lúc các sòng bạc, các người đánh đã thua cay: lúc trong các tiệm hút, cái diện tẩu đã có khi nóng xái là giờ bà hàng ấy đội thúng đi rao. Những khách ăn quen đã có ý chờ đợi: họ dõi, nghe cái tiếng rao kỳ lạ của bà, một tiếng rao đặc biệt, nếu không là người tò mò chơi khuya thì không ai hiểu. Câu rao nguyên là một tràng tiếng Tàu (Quảng Đông) bà nói với một cái giọng riêng: Lầu sường, lầu hạ, dầu sực mìn páo mẩu?” (Gác trên gác dưới có ăn bánh tây không?).

Bánh tây của bà chỉ là bánh tây hạng thường, hồi rẻ chỉ có mười hai xu một chục, nhưng bà mới lấy ở lò ra, và ủ khéo khiến bao giờ cũng nóng.

Chả có hai thứ: chả lợn và chả bò, thứ sau này điểm thêm cái vị thìa là. Bà cũng bỏ lò cho mỡ cháy, và cũng giữ nóng như bánh tây. Cái nóng nọ cặp lấy cái nóng

kia, rắc thêm chút muối tiêu để sẵn trong một cái lọ, thành một thứ quà vừa rẻ, vừa chắc bụng, vừa ngon. Ba cái lợi mà những người nghiện biết thưởng thức lắm.

Bà hàng đã trở nên giàu. Nhưng mỗi buổi tối, ăn vận vẫn xuềnh xoàng như cũ, bà vẫn đội cái thúng quà đi bán, và vẫn cất tiếng rao lạ lùng kia.

★
★ ★

Đêm khuya nữa... ở các con đường vắng, một bóng người lủi thủi đi, một chấm lửa nhỏ lung lay theo từng bước. Chậm chạp và thông thả, bác hàng quà, đi nhẹ như chân ma, thỉnh thoảng cất lên một tiếng rao khe khẽ, ngân và chóng chìm vào quăng tối: “Giày giò... giày giò...”.

Tiếng rao buồn thảm, yếu ớt và uể oải như hàm một thất vọng không cùng. Cái đời tối tăm ấy, ở những các đường phố xa, hẻo lánh, như không còn mong mỗi chút gì. Cả cái thức quà của bác ta cũng vậy: mấy khoanh giò nguội, mấy chiếc bánh giò chua, ăn lạnh như sương trên mồ người chết. Cho nên bác cứ đi như thế lẩn lút ở các ngõ tối đêm khuya, chả mong bán được mà cũng chả mong ế, lạng lẽ và chán nản như một linh hồn có tội...

CÒN QUÀ HÀ NỘI

Trong một bài trước, tôi đã nói đến thứ bánh cuốn Thanh Trì, là thứ quà Hà Nội. Nhưng đây là thứ bánh không nhân, tuy cũng gọi là bánh cuốn, mà không cuốn gì hết. Hà Nội còn thứ bánh cuốn khác nữa, mấy lần bánh mỏng lấy nhiều vị làm nhân mà gần đây được người hàng phố hoan nghênh đặc biệt.

Chắc nhiều người còn nhớ hương vị của những chiếc bánh cuốn "hai mươi bốn gian". Thuở ấy, hai mươi bốn gian còn là một xóm thịnh vượng của cô đầu, mà sự hoạt động vui vẻ còn kéo dài mãi đến đêm khuya. Trước cửa những nhà hát ấy, về phía bên này đường xe điện, có một chiếc nhà lá bé con, ẩn núp dưới bóng cây xoan xanh tốt. Trong cái nhà nghèo nàn ấy tự mười hai giờ đêm cho tới sáng, một bà già và hai cháu nhỏ cúi mình trên một cái nồi con bí mật làm ra những chiếc bánh cuốn nóng sốt và ngon lành. Khách chơi đêm khi lách nhìn qua cửa liếp vào, đã ngửi thấy mùi hành thơm phi mỡ, và trông thấy làn khói trắng bốc lên ở chiếc nồi.

Của đáng tội, bánh cuốn của bà cụ, cứ kể về giá trị riêng thì cũng không lấy gì làm ngon lắm. Nhưng người ta ăn thấy ngon, vì phải tìm tòi đến mà ăn, phải chờ đợi từng chiếc một. Vì đêm khuya, sau những cuộc hành lạc còn để lại dư vị đắng trên đầu lưỡi, người ta thèm được nếm cái vị cay chua của nước chấm, quất mạnh như chiếc roi vào cái chán nản của sự chơi bời.

Sau đó, khi xóm cô đầu dọn đi chỗ khác, thì bà cụ cùng hai đứa cháu cũng không bán hàng nữa, có lẽ không biết bán cho ai. Và cái món bánh cuốn cũng hình như không được ưa chuộng nữa.

Cho đến gần đây, các hiệu bánh cuốn mới lại thi nhau mở. Hiệu bánh cuốn Hàng Đồng, hiệu bánh cuốn phố Nhà Thờ, hiệu bánh cuốn phố Mã Mây. (Hồi đó là hồi thang cuốn khởi đầu được hoan nghênh, cùng với hiệu phở Bình Dân). Người ta bán khắp cả đủ các hạng từ một xu cho đến một hào một chiếc, không kể những hàng bánh cuốn rong, mỗi tối lại làm vang phố phường Hà Nội với cái tiếng rao lanh lảnh và kéo dài.

Không kể mấy anh hàng bánh cuốn lập dị và có vẻ đôi chút thượng lưu, đáng lẽ đội thúng thì họ gánh một gánh như gánh phở: một bên đựng thùng bánh cuốn lúc nào cũng bốc hơi. Rồi họ đặt ra một thứ tiếng rao kỳ lạ: lốc bếu. Nghĩa là gì? Tôi chịu không biết hai nguồn gốc của hai tiếng đó ra sao?

Nhưng cái đó không cần lắm: điều cần là thức hàng của họ ăn ngon. Tiếc thay, lại ít khi được như thế lắm. Bọt bánh của họ phần nhiều thô không được mịn, còn nhân cũng không phải là thứ thịt ngon.

Bánh cuốn muốn ngon thì phải nhà làm lấy. Cách làm như thế này, và tôi trình bày ở đây các phương pháp bí truyền làm bánh cuốn, đã nẩy ra trong óc tôi một ngày đáng ghi nhớ ở trên bờ hồ Tây. (Tại sao lại hồ Tây, xin xem qua xuống dưới sẽ biết).

Cốt bánh để bọc thì dùng bánh cuốn Thanh Trì, là thứ mà bột dẻo và thơm hơn hết. Như vậy, đã được công xay bột và tráng bánh, và vị tất làm đã ngon bằng. Còn nhân thì một ít thịt vai nửa nạc nửa mỡ thật tốt, mấy cái nấm hương, vài lá mộc nhĩ và một ít tôm tươi hồ Tây, bóc vỏ và thái miếng. Tôm hồ Tây, của những thuyền siết mang lên bán vào khoảng mười hai, một giờ trưa, là thứ tôm ăn ngay và ngọt vị.

Chừng ấy thứ, thêm mấy nhát hành, chút nước mắm ngon, hồ tiêu bắc xào qua với mỡ trên chảo nóng. Rồi lấy bánh cuốn nhân vào; công việc này nên để tay mềm mại và khéo léo của các bà làm, để nâng niu cái màng bột mỏng cho khỏi rách. Xong, bỏ vào nồi hấp.

Lúc ăn chấm nước mắm Phú Quốc, chanh, ớt và cà cuống nguyên chất hồ Tây; tùy thích có thể kèm thêm đậu rán nóng; một miếng ăn là một sự khoái lạc cho khứu quan và đầu lưỡi, và chúng ta cảm ơn Thượng Đế đã dành riêng cho loài người những thứ vị ngọt.

*

* *

Tôm là cái nhân cốt cần cho nhiều thứ bánh: bánh cuốn, bún cuốn, chả rán, thang... Cho nên một thứ bánh bột cũng ngon là thứ bánh ít nhân tôm (nhưng mà nhiều).

Sáng sớm, thường có một vài bà hàng đội cái thúng

trên đầu đi bán; họ bán một thứ gọi là bánh tôm và một thứ kêu là bánh ít. Bánh trên là những cái chén bằng bột trắng nho nhỏ, thứ bột ăn giòn. Khi bán họ múc vào cái thứ chén ấy, một ít tôm khô tơi vụn, tẩm vào một ít mỡ rất trong. Thứ quả trông tựa như một thứ hoa lạp, dài trắng và nhị hồng.

Còn bánh ít thì lăn bột chín trong để cho người ta đoán thấy cái màu đỏ của lưng tôm, và màu đen của mộc nhĩ. Họ trình bày chiếc bánh như bánh bao, bánh bẻ của những nhà sang trọng ngày giỗ Tết. Trong cách mềm mại của các cô thiếu nữ; cái tìm tòi nghệ thuật ấy giúp cho bánh ngọt thêm nhiều lắm. Không cứ phải có của ngon, còn cần phải nâng niu kính trọng nữa.

Hết mận, lại đến ngọt... Có lẽ một độc giả nào đó không thích cái mục *Hà Nội... phố phường*, sẽ nói thế khi bắt đầu đọc bài này. Nhưng tôi không thể bỏ qua những quả rong Hà Nội, mà lại không nói đến các thứ quả ngọt. Vì quả ngọt ở Hà Nội, cũng nhiều bằng quả mận, và nếu người ta ưa mận lắm, thì người ta ưa ăn ngọt cũng không phải không nhiều.

Nhưng mà tôi cũng chỉ nói sơ qua mà thôi. Vì các thứ quả ngọt ở Hà Nội cũng không có gì là đặc sắc, nhất là quả nước.

Đêm đêm các phố vẫn vang động tiếng rao của người bán hàng lục tàu xá và người bán chè sen. Quả trên là một thứ chè đậu xanh, ngọt đậm từ thứ nấu cả vỏ đến thứ bỏ vỏ, từ thứ đặc sệt như bột của phần nhiều

người bán Việt Nam, đến thứ loãng hơn và sặc mùi vỏ quýt của chú Khách vẫn bán kèm với "chí mã phù" ở các ngõ Quăng Lạc và Hàng Buồm. Còn chè sen thì chỉ người ta bán, mà bao giờ người bán hàng cũng là một đàn ông đứng tuổi, mặc áo cánh nâu và quần nâu. Nhưng cái thứ chè của bác ta ngọt quá, và đắt nữa. Một xu thường chỉ được bốn, năm nhân hạt sen. Thứ quà của bác người ta không ăn luôn, chỉ để mời mấy ông cụ nhà quê ra chơi tỉnh, hoặc để cho bà trưởng giả nuông chiều mấy cậu non yếu dạ dày.

Cùng một thứ quà nước ngọt và nóng ấy, thỉnh thoảng ở Hà Nội, tôi còn nghe thấy cái tiếng rao là là "Sa cốc mạy". Lâu lâu nghe, tôi tưởng là một thứ quà ngon lắm, ít ra cũng có một vị lạ như cái tên gọi nửa Tàu, nửa Mán kia. Tôi gọi mua ăn. Nhưng hộp được vài hộp, thì miếng quà trở nên khó nuốt và ngán như lúc phải nói hết một câu hài mình thấy là nhạt rồi. Nó có gì đâu: chẳng qua là một thứ bột viên nhỏ và tròn, nấu với nước đường.

Sao bằng mát ruột và lạnh hơn lúc đương nực, ăn một xu chè đậu đen của cô hàng đòn gánh cong ở sau phố Sinh Từ? Trong buổi đêm mùa hạ, khi các hè phố ngổn ngang những người nằm ngồi hóng mát, từ viên công chức cho đến bác thợ thuyền, thì các cô qua lại luôn luôn bật ra cái tiếng rao: "Ai cháo đậu xanh, chè đậu đen ra", lạnh lạnh và kéo dài như một luồng gió mát.

Giờ tôi nói đến mấy thứ quà nước ngọt có lẽ chỉ riêng Hà Nội mới có. Mà cũng không phải là phố nào các hàng quà ấy cũng đi qua. Các thứ ấy chỉ bán quanh quần trong mấy đường lồi gần Hàng Buồm và phố Mã Mây, phần nhiều trong các ngõ tối tăm. Bán cho ai? Cho những người hút thuốc phiện - nghiện hay không là những người vừa thích ăn của ngọt, lại của ngọt mát để nó nhuận tràng, và đủ cầu kỳ để ưa những món quà phiền phức ấy.

Khi ngái say thuốc rồi, muốn ăn thứ quà ngọt để hâm dư vị của Phù Dung, nóng để khỏi già cái say sữa, và rẻ để đủ no với vài xu nữa, thì xin gọi mua một bát "Súi ỉn" (hay duẩn, súi đin, hoặc tương tự) của chú Khách trọ đầu ngói bán ngoài cửa tiệm. (Tiện đây nói rằng chú ưa ngồi đấy, một là để bán hàng, mà hai nữa cũng là để hít lấy mùi hương khói). Đó là thứ bánh trôi nước, bột bọ nhân vừng, dừa và đường, thả lênh bênh trong một thứ nước cũng đường. Thứ quà rất nóng hổi, vô ý cắn vào thì buốt chết răng. Quà ấy có ngon không? Tôi chịu không biết được. Và theo như lời một đồ đệ lão luyện của Phù Dung Tiên Tử, muốn thưởng thức được hoàn toàn cái hương vị của cái quà ấy, thì phải ăn lúc bụng đói và sau khi đã say sữa. Nhưng có một điều chắc là thức quà đó hẳn khó tiêu.

Hút thuốc hay ráo cổ. Thì có khó gì. Đã có thứ mía ngọt, nhưng mà hâm nóng, luộc trong một thứ nước riêng, có những vị gì tôi không biết, vì mấy lần hỏi, chú

bán hàng cứ giữ bí mật của nhà nghề. Khẩu mía và chén nước ấy, người ta rao bốn tiếng lạ lùng là: "Mao cán chè, sủi!".

Nếu ông lại muốn vừa đỡ khát, vừa bổ âm, bổ tì hay bổ vị nữa, thì gọi mua một chén nước nóng "Bát bảo lương xà". Bát bảo là tám của quý, tám vị thảo mộc trong thuốc bắc, chú Khách bán hàng đã cẩn thận phơi bã ở trên rìa mép cái bình, để tỏ ý muốn hàng chân thật. Cái thứ nước ngon ngọt lờ lợ ấy đã suýt làm tôi buồn nôn. Nhưng nhiều người uống ngon lành lắm, hứng từng giọt cho đến cạn.

Giờ ông muốn được tiêu và nhuận tràng thì lại xin ăn một bát chè khoai. Khoai là khoai thường, cách nấu cũng rất thường, nhưng người ta gọi bằng ba tiếng nghe rất có vẻ Tàu: "Phán sủi Thoòng".

Tất cả những tiếng rao Tàu ấy, đêm khuya vắng vắng trong những gõ tối quanh co hòa với tiếng reo của nhĩ tẩu, với khói thơm của Phù Dung, đã tạo nên một không khí riêng cho Hà Nội, có lẽ không đâu có.

NHỮNG THỨ "CHUYÊN MÔN"

Những thứ quà đặc biệt riêng của từng vùng, ngày trước ta có nhiều, Ninh Giang có bánh gai, Yên Viên có bánh giò, Lim có bánh lam. Ghềnh có bánh dài và chả nướng, Quán Gánh có bánh giầy tròn,

Nam Định có bánh bèo, Hải Dương có bánh đậu v.v... Những thứ quà ấy nơi thì còn giữ được vị ngon như cũ, nơi thì chỉ có cái tiếng không. Người sành ăn bây giờ mỗi ngày một ít, người ưa chuộng của tốt cũng không còn có nhiều. Người ta bây giờ chỉ ham cái sự rẻ, và chỉ cần có cái màu mỡ bên ngoài. Sự giả dối, điêu ngoa, và luộm thuộm, thay thế cho sự thật thà, cẩn thận. Không cứ gì trong các thức ăn, cả đến những sản phẩm khác cũng vậy.

Nhà đạo đức thì lấy thế làm lo riêng cho cái tình thần của nước nhà, nhưng người sành ăn thì lo riêng cho cái vị ngon của những thức quà đáng quý. Cái nọ không phải là không có liên lạc đến cái kia: *biết ăn*, tức đã là một điều tiến bộ lớn trong các điều tiến bộ, nếu không phải là trong hàng những điều quan trọng nhất.

Những ý nghĩ về thế đạo trên này không khỏi lôi kéo chúng ta đi xa quá.

Vậy thì, nếu nơi nào có thức "chuyên môn" riêng của nơi ấy thì Hà Nội cũng có thức chuyên môn riêng của ba mươi sáu phố phường.

Một người Hà Nội về thăm quê, muốn đem ít quà thật là đặc biệt, thì người ấy lựa chọn những thức gì?

*

* *

Bánh cốm hàng Than... Một thứ bánh ngon mà cũng không đắt, một thứ bánh gợi cho ta những kỷ niệm rất nhiều màu. Bánh cốm chính là thứ bánh cưới, trao đi

đổi lại trong những ngày mùa thu, để chúng nhận cho cái sung sướng của cặp vợ chồng mới, và cái vui mừng của họ hàng. Vuông vắn như quyển sách vàng, bọc lá chuối xanh buộc lạt đỏ; cái dây lạt đỏ như sợi dây tơ hồng buộc chặt lấy những ái ân... Nhân đậu xanh giã nhuyễn, vương mấy sợi dừa, và đường thì ngọt đậm. Có lẽ chúng ta có quyền phàn nàn rằng cái thứ bánh ấy - và nhiều thứ bánh khác của ta nữa, phần nhiều ngọt quá, ăn hay chóng chán. Nhưng bánh mừng đám cưới lại nhạt ư? Cho nên họ làm ngọt, hết sức ngọt, để tận hình dung cái đầm thắm của cặp vợ chồng (cũng vì thế mà tình yêu chóng chán).

Bánh cốm thường đi đôi với bánh xu xê. Cái tên kỳ khôi này ở đâu mà ra? Thứ bột vàng và trong như hổ phách ấy, dẻo và quánh dưới hàm răng, là một thứ bánh rất ngon. Dù sao, cũng là một thứ bột trắng thán, vì nó dễ cho ta đoán thấy trước - để mà thêm thưởng những cái ngon ngọt hơn ẩn náu bên trong. Qua cái màu vàng óng ánh ấy, màu trắng của sợi dừa và màu vàng nhạt của đậu thêm một sắc nóng ấm và thân mật. Tôi bao giờ cũng ưa thức ăn nào có một hình sắc đẹp đẽ: cái đẹp lúc trông ngắm giúp nhiều cho cái thưởng thức lúc ăn lắm.

Hai thứ bánh cốm và bánh xu xê của Hàng Than Hà Nội, có thể nói là đã là nổi tiếng khắp Bắc Kỳ, từ kẻ chợ cho đến thôn quê. Ở Hàng Than, chỉ có hai nhà là chính hiệu. Ngày xưa, tên người làm bánh cũng bắt tử liên

theo với thứ bánh họ làm ra. Cái danh tiếng của cả một gia đình ghi trên nền lá chuối và tôi tưởng cô con gái của gia đình ấy chắc hẳn là đất chồng. Bây giờ, cái tên hiệu được ghi nhớ hơn. Nhà bánh cốm "Nguyễn Ninh" tôi tưởng là một nhà làm bánh cốm cũng đã lâu đời, cùng với nhiều nhà khác. Họ biết giữ cho cái vị bánh được ngon đều, và điều này cần nhất, biết thay đổi trong cách trình bày và trang điểm cho thứ quà được lịch sự và trang trọng thêm lên.

Một nồi cốm thắng đường, lúc lấy ra, thế nào cũng còn lại ít nhiều chỗ cháy. Cái thứ cháy cốm ấy, ngọt sắc và dẻo (cũng như "mè xúng", người ta bán năm xu một miếng cho những người ít tiền dùng, nhất là những người nghèo mà lại đánh bạn với ả Phù Dung, là những người tìm được cái ngon bất cứ ở thứ quà gì). Một nhà khác ở phố Hàng Giấy - mà tôi không còn nhớ số nhà hiện giờ làm những bánh cốm cũng khá ngon. Đó là một thứ bánh vuông và nhỏ, bột xanh thẫm như là mảnh cốm, tất nhiên, ăn mềm và thơm. Tôi không rõ họ có làm bánh gác nữa không: hai thứ bánh ấy vốn đi đôi với nhau, một thứ xanh, một thứ đỏ. Người ta vẫn ăn, nhưng chỉ ăn thỉnh thoảng. Vì các thứ bánh bột của ta đều phải một tạt là chất bột nặng quá. Nếu làm cách nào làm cho thứ bột "nhẹ" hơn, thì những thứ bánh ấy mới có thể bán nhiều được nhiều.

BÁNH ĐẬU

Chắc nhiều bạn đọc còn nhớ cái thứ bánh đậu Hải Dương, đã nổi tiếng, mà ngày bé, chúng ta thường nhận được do tay bà mẹ đã đi đâu một chuyến xa về? Cái thứ bánh đậu khô, bột nhỏ như phấn, đóng hình vuông, có in dấu một hai chữ triện. Thuở nhỏ, chúng ta thích ăn thức quà ấy lắm, nhưng nếu chúng ta mắc bệnh ho, thì đã không khỏi lắm lúc bực mình. Miếng bánh vừa bỏ mồm chưa kịp nuốt, một cơn ho đã làm bật ra ngoài như làn khói ... Mất chỉ còn tiếc ngẩn ngơ nhìn.

Bây giờ là thứ bánh đậu Hải Dương ấy không còn nữa. Có lẽ người ta thấy cái bất tiện của bột khô cho các trẻ bé và cho các ông cụ già. Ở Hà Nội, người ta làm một thứ bánh đậu ngon hơn, đó là một thứ bánh đậu ướt, thứ bánh đậu có mỡ. Một thứ bánh để ăn trong khi uống chè tàu, cái vị béo ngọt của bánh rất ăn với cái vị đắng của nước chè.

Đó là thức bánh rất hợp dùng trong lúc thưởng thức ẩm chè ngon và tôi lấy làm tiếc rằng sao người ta lại không nghĩ chế thêm ra một vài thứ bánh tương tự như thế nữa; để có đủ bánh mà đặt ra cái lệ "chè bánh" vào quãng năm giờ chiều, như thói tục người Anh. Một tục lệ đáng quý, khiến một ngày đầy đủ hơn, và sau cùng sự làm bánh trái cũng khéo léo và tinh khiến hơn. Cũng

là một công việc đáng làm, như sự khuyến khích các mỹ thuật khác trong nước.

Bánh đậu ướt ngon nhất là bánh đậu của Hàng Bạc và Hàng Gai. Bây giờ hai phố vẫn cạnh tranh nhau để lấy tiếng, và thêm vào cuộc tranh giành, còn có phố Hàng Đào và phố Hàng Đường nữa. Nào hiệu “Ích Nguyên” Hàng Gai, hiệu “Giụ Nguyên” “Thanh Quang” Hàng Bạc, hiệu “Cự Hương” và “Việt Hương” Hàng Đào, hiệu “Ngọc Ánh” và “Thanh Hiền” Hàng Đường v.v... mỗi hiệu đều trình bày một thứ bánh với một hương vị riêng. Ai chiếm giải quán quân bánh đậu? Thật là khó giải quyết. Tôi lần lượt dùng hết chừng ấy thứ, đã ngẫm nghĩ và suy xét nhiều về cái vị ngọt trước một chén chè Tàu bốc khói. Tôi không có cái kiêu vọng bắt buộc người khác phải theo cái quyết định của mình. Nhưng tôi không khỏi có cái sở thích riêng trong việc đó.

Bánh đậu của Ích Nguyên thì thẳng thắn và thực thà, mịn vì đậu ngon nguyên chất. Bánh của Thanh Quang nhiều hương thơm vani, nhưng đường dùng hay loạn soạn, của Giụ Nguyên thì ướt vì nhiều mỡ quá; của Cự Hương thì nhạt vị, của Việt Hương thì dẻo quá; tựa như đậu trắng, của Ngọc Ánh thì hơi khô khan, của Thanh Hiền thì hơi cứng mình... Kể về vị ngon, thì mỗi thứ của một hiệu đều có một đặc sắc riêng, đủ để cho người ta chuộng. Nhưng tôi thì ưa thích thứ bánh đậu của Hàng Gai hơn, vì giản dị và mộc mạc. Đậu thì nguyên chất đậu, và hương thơm cũng chỉ là hương

riêng của bột đậu xanh. Cho nên bỏ vào mồm thì tan đều, ăn ngấm ngấm rồi mới thấy béo, suy xét rồi mới thấy thơm. Cái ông cụ già làm bánh ở hiệu đó có nói chuyện rằng: trước kia, vì theo thời, ông cũng cho thêm hương vani vào bánh. Nhưng các khách hàng ăn quen, trong số đó có vài ông khách hàng già ở ngoại ô, đều yêu cầu nên giữ nguyên hương vị đậu xanh như xưa, và nhà hàng từ đó cứ theo như thế. Đấy thật là một ý kiến hay.

BÁNH KHẢO, KẸO LẠC

Đi với bánh đậu, còn có các thứ bánh khảo, và các thứ kẹo lạc, kẹo vừng.

Về bánh khảo, hoặc nhân hạt sen, đậu sen hay đậu xanh, thì hiệu Cự Hương là nhất. Ngày trước, hiệu Ngọc Anh có tiếng khắp kẻ chợ thôn quê; như từ ngày Cự Hương ở tỉnh Đông đồn lên, thì ngôi bá chủ đã thay người. Trong khi Cự Hương mỗi ngày một tiến bộ trong cách tìm tòi khiến cho bột bánh được mềm dẻo, nhân đậu được nhuyễn trong, và cách trình bày được sạch sẽ tinh tươm, thì Ngọc Anh nằm ngủ trên cái danh vọng cũ của mình, uể oải bán hàng cho khách. Hiệu đó hình như giàu rồi mà lại... Mà người Việt Nam mình phần nhiều giàu có rồi thì không hay cố nữa. (Đó là cái tật chung của người mình, khiến cho không có một công cuộc nào được phát đạt lâu dài, cả từ trong cách buôn bán cho đến những công nghệ khác). Thế mà Ngọc Anh còn thứ

kẹo lạc ngon, ngon vì mùi vani cho vừa phải, vì cái rải vừng vừa chín không hăng sống và cũng không khét cháy, và nhất là đường của kẹo không dính răng... Cái ngon đó tôi cho cũng là một sự tình cờ, ngay chính nhà hàng bán có lẽ cũng không biết rằng hàng của mình ngon hơn hàng khác. Vì ta thử vào mua ở hiệu đó mà xem; chẳng có ai sẵn đón mời chào khách, nhà hàng thân nhiên và đứng đưng như không cần bán, mua hay không, đều tỏ ý không cần. Nếu ta giục lắm, bấy giờ mới có hai cậu nhỏ quần vải, áo nâu, quệt tay vào tà áo, rồi thò vào lọ bốc kẹo, gói vào mảnh nhật trình cũ, nếu ta mua có năm xu hay một hào. Ấy là hồi giấy còn rẻ, chứ bây giờ...

Thật là đáng tiếc. Ô, sao sự cố gắng ở nước này không được lâu bền nhỉ? Hiệu Cự Hương phát đạt một độ, giờ xem ra hình như cũng đã có những triệu chứng - tuy chưa rõ rệt - của một sự mệt mỏi, chểnh mảng rồi.

Mà tài làm bánh của người mình không phải là kém cỏi. Cái thứ bánh dẻo Trung thu của Cự Hương không kém gì bánh của Tàu, và các thứ bánh kem của Việt Hương không thua gì bánh của Tây. Ta chỉ còn thua cái chí, cái cố gắng nữa mà thôi: nghĩa là còn thua nhiều, nhiều lắm.

Cho đến ngày tết Trung thu, thấy người Việt Nam xô nhau đến mua bánh nướng của Đông Hưng Viên, chen đẩy nhau như họp chợ, và chịu khó chờ đợi hàng giờ, nghe những câu vô lễ và nhìn cái vẻ không cần của

mấy chú bán hàng, chúng ta chớ nên lấy làm lạ vội. Người Việt Nam mình - nghĩa là ông với tôi - nhân nhục và kiên nhẫn cũng nhiều lắm.

MỘT THỨ QUÀ CỦA LÚA NON: CỐM

Cơn gió mùa hạ lướt qua vùng sen trên hồ, nhuần thấm cái hương thơm của lá, như báo trước mùa về của một thứ bánh thanh nhā và tinh khiết. Các bạn nghĩ thấy, khi đi qua những cánh đồng xanh, mà hạt thóc nếp đầu tiên làm trĩu thân lúa còn tươi, nghĩ thấy cái mùi thơm mát của bông lúa non không? Trong cái vỏ xanh kia, có một giọt sữa trắng thơm, phảng phất hương vị ngàn hoa cỏ. Dưới ánh nắng, giọt sữa dần dần đông lại, bông lúa càng ngày càng cong xuống, nặng vì cái chất quý trong sạch của Trời.

Đợi đến lúc vừa nhất, mà chỉ riêng những người chuyên môn mới định được, người ta gặt mang về. Rồi đến một loạt cách chế biến, những cách thức làm truyền tự đời này sang đời khác, một sự bí mật trân trọng và khe khắt giữ gìn, các cô gái Vòng làm ra thứ cốm dẻo và thơm ấy. Tất nhiên là nhiều nơi cũng biết cách thức làm cốm, nhưng không có đâu làm được cốm dẻo, thơm và ngon được bằng ở làng Vòng, gần Hà Nội. Tiếng cốm Vòng đã lan khắp tất cả ba kỳ, và đến mùa cốm, các người của Hà Nội 36 phố phường vẫn thường ngóng trông các cô hàng cốm xinh xinh, áo quần gọn ghẽ, với

cái dấu hiệu đặc biệt là cái đòn gánh hơ
lên như chiếc thuyền rồng...

Cốm là thức quà đặc biệt riêng của đất nước, là thức
dâng của những cánh đồng lúa bát ngát xanh, mang
trong hương vị tất cả cái mộc mạc, giản dị và thanh
khiết của đồng quê nội cỏ Việt Nam. Ai đã nghĩ đầu tiên
dùng cốm để làm quà siêu tết? Không còn gì hợp hơn với
sự vương vít của tơ hồng, thức quà trong - sạch, trung
thành như các việc nghi lễ. Hồng cốm tốt đôi... Và
không bao giờ có hai màu lại hòa hợp hơn được nữa:
màu xanh tươi của cốm như ngọc thạch quý, màu đỏ
thắm của hồng như ngọc lựu già. Một thứ thanh đạm,
một thứ ngọt sắc, hai vị nâng đỡ nhau để hạnh phúc
được lâu bền. (Thật đáng tiếc khi chúng ta thấy những
tục lệ tốt đẹp ấy mất dần, và những thức quý của đất
mình thay dần bằng những thức bóng bẩy hào nháng và
thô kệch bắt chước nước ngoài: những kẻ mới giàu vô
học có biết đâu thưởng thức được những vẻ cao quý kín
đáo và nhũn nhặn?).

★

★ ★

Cốm không phải là thức quà của người vội: ăn cốm
phải ăn từng chút ít, thong thả và ngẫm nghĩ. Lúc bấy
giờ ta mới thấy thu lại cả trong hương vị ấy, cái mùi
thơm phức của lúa mới, của hoa cỏ dại ven bờ: trong

màu xanh của cốm, cái tươi mát của lá non, và trong chất ngọt của cốm, cái dịu dàng thanh đạm của loài thảo mộc. Thêm vào cái mùi hơi ngát của lá sen già, ướp lấy từng hạt cốm một, còn giữ lại cái ấm áp của những ngày mùa hạ trên hồ. Chúng ta có thể nói rằng trời sinh lá sen để bao bọc cốm, cũng như trời sinh ra cốm nằm ủ trong lá sen. Khi các cô gái Vòng đỡ gánh, gỡ từng lớp lá sen, chúng ta thấy hiện ra từng lá cốm, sạch sẽ và tinh khiết, không có mảy may chút bụi nào. Hỡi các bà mua hàng! Chớ có thọc tay mân mê thức quà thần tiên ấy, hãy nhẹ nhàng mà nâng đỡ, chút chiu mà vuốt ve... Phải nên kính trọng cái lộc của Trời, cái khéo léo của người, và sự cố tiềm tàng và nhẫn nại của Thần lúa. Sự thưởng thức của các bà sẽ được trang nhã và đẹp đẽ hơn và cái vui cũng sẽ tươi sáng hơn nhiều lắm.

Cốm để nguyên chất ăn bao giờ cũng ngon và nhiều vị. Tất cả những cách thức đem nấu khác chỉ làm cho thức quà ấy bớt mùi thơm và chất dẻo đi thôi. Tuy vậy, nhiều người ưa cái thứ cốm xào, thắng đường rất quánh. Thành ra một thứ quà ngọt sắc và dính răng. Như vậy tưởng mua bánh cốm mà ăn lại còn thú vị hơn. Ở Hà Nội, người ta còn làm một thứ chả cốm, nhưng cái thanh đạm của vị lúa không dễ ăn với cái béo tục của thịt, mỡ.

Tôi thích hơn thứ chè cốm, nấu vừa đường và không đặc. Ít ra ở đây cốm cũng còn giữ được chút ít vị thơm và chất dẻo, và chè cốm ăn cũng mát và lành. Nhưng

cũng chẳng kém gì hơn là một lá cốm Vòng tươi sạch trong một chiếc lá sen mới hái về.

QUÀ... TỨC LÀ NGƯỜI

Chúng ta đã lần lượt điếm qua các thức quà rong ở Hà Nội, cả quà ngọt như đường mía lẫn quà mặn như muối Trương Lắm. Tất cả những thứ quà đó chúng tỏ cái thay đổi lấm màu của sự thưởng thức của người Hà Nội, cái phong phú và cái tế nhị vô cùng. Có cả một chút ưa thích cái quá đáng, cái rờn rợn, thế nào nhỉ? Cả một chút tà hiếu nữa. Ớt thì thích ớt rất cay, cà cưỡng thì rất hăng, chanh thì ưa thứ chanh ron cốm. Trong cái chua dấm dứt của nước bún ốc, trong cái béo ngậy ngọt của thịt lươn, trong cái vị khai nồng của sứa non đỏ, biết đón hưởng cái thú mình làm mê mình, như ăn mơ chua với gừng, khế dấm với nước mắm, chứ không thẳng thắn, không thật thà như quà mộc mạc và giản dị các nơi làm bằng gạo, đỗ nành - những món quà *lương thiện* không đánh lừa vị miệng và dạ dày. Những người của Hà Nội 36 phố phường phức tạp hơn, và đáng yêu hơn cùng vì chỗ ấy.

Ngày trước, ngày tôi còn nhỏ, đã được thưởng thức một thứ quà rong đặc biệt gọi là bánh bột cười. Gói quà phong giấy tựa như phong thuốc Lào, nhưng phồng hơn. Giá cũng rẻ; có một xu hai phong. Kẻ bán hàng là một

người có tuổi, mắt sắc và miệng tươi, don đả mời chào các cậu bé ở trường về hay thơ thần chơi ở vệ hè. Ấy hình dung người đàn bà ấy tôi chỉ có nhớ được có thế, vì không ai được trông thấy người ấy hai lần. Xin mãi mới được đồng xu mới, tôi vội vàng và hí hửng ra mua thứ bánh lạ lùng ấy. Dem về mở ra khoe với mẹ, thì chỉ thấy bay ra... hai con ruồi. Nó bay đi mất. Tôi ôm mặt khóc, còn cả nhà thì nổi lên cười. Nhưng tưởng mất một xu mua được một trận cười (tuy cười mình) tưởng cũng là không đắt và con mụ kia thật đáng thưởng tiền vì đã biết đánh trúng vào các lòng ham lạ của trẻ con Hà Nội.

Nhưng cái tục lệ đẹp đẽ ấy nay mất dần đi... Sự sành ăn và cái thưởng thức của người nơi văn vật đã kém sắc sảo, ý nhị rồi chăng? Có thể mới ra đời được những thứ phục linh cấu xanh đỏ và nhây nhót, những thứ kem "Việt Nam" và "Hải Phòng" và "Thượng Hải" và trăm thứ bà dằn vừa nhạt vừa tanh, cái thứ ghê gớm "chè trân châu (!) glacé"; còn có thứ kẹo rắn như đá núi Cai Kinh của chú Khách đập hai thỏi sắt vào nhau làm hiệu, cái thứ thịt bò khô với củ cải (hay đu đủ) dầm đậm, chế thêm ít phẩm đỏ, một thứ quà bẩn' thủi và độc vô cùng mà các học trò Hà Nội hay ưa thích ... Tôi còn tha thứ hơn cái thứ "kẹo vừng, kẹo bột" ngày xưa tuy nó không ngon, nhưng ít ra cũng đem lại cho phố phường Hà Nội cái tiếng rao kéo dài và hơi buồn của lũ trẻ bán hàng.

VÀI THỨ CHUYÊN MÔN NỮA

C hút nữa thì tôi đi hết những thứ quà đặc biệt của Hà Nội mà không nói đến cái thứ bánh tôm nóng, đã là sở ước và thú vị của suốt một đời học sinh. Lúc bấy giờ đương là mùa rét. Gió bắc lạnh thổi vì vu qua khe cửa nhà trường, làm thâm tím môi và cồng tay vài chục cậu học trò trong lớp. Càng sung sướng biết bao khi ra ngoài cổng trường, ngồi xúm quanh cái chảo mỡ nóng của bác hàng bánh tôm bốc hơi trên ngọn lửa... Rồi hồi hộp chờ đợi bác đóng cái đĩa bột trắng, để lên trên hai ba con tôm khô, điểm thêm mấy nhát khoai thái nhỏ, và dúng vào mỡ sèo sèo... Ruột hơi se lại trước, chúng tôi nhìn cái bánh bột vàng dần, vàng dần con tôm co lại, nhát khoai nổ ra, và cái bánh hơi cong lên như nóng nảy muốn nằm ra đĩa. Một mùi thơm ngậy tỏa nhẹ lên không khí, mà chúng tôi hít một cách khoan khoái cùng với cơn gió lạnh phía Bắc về... Chiếc kéo của bà bán hàng thoăn thoắt cắt nhỏ ra từng miếng. Chúng tôi không kịp so đĩa, đã hỏi bác rót nước chấm có dấm chua và ớt bột thật cay. Và chúng tôi ăn trong lúc bánh còn nóng hổi hổi, bỏng cả miệng, cả môi, cả lưỡi - chảy nước mắt vì ớt xông vào cổ họng, xuyết xoa cho vị bánh được lâu. Ngon biết chừng nào!

Cái hăng hái, ngốn ngấu ấy, bây giờ không còn nữa, và dẫu ta có muốn cũng không trở lại nào. Mỗi tuổi có

một cái thích khác nhau (và không ích gì lấy ở đây ra những điều triết lý).

Cái vị bánh tôm mạnh mẽ bao nhiêu thì cái thứ bánh sau đây lại dịu dàng bấy nhiêu. Tôi muốn nói thứ "bánh bò chê" trắng như sữa và nhẹ như bông... Không phải là thứ bánh của bất kỳ người bán hàng nào, nhất là không phải của các người bán hàng Việt Nam, chỉ đem ra những cái bánh vừa nặng bột vừa chua (Một lần nữa tôi nhận thấy cái kém của người mình). Như là thứ bánh bò của một chú Khách người tâm thước, nếu không hơi lùn; chú chỉ quanh quẩn trong mấy phố gần trung tâm Hà Nội: Hàng Bè, Gia Ngư, Hàng Bạc, Hàng Buồm... với một thứ tiếng rao riêng. Bánh chú bán hai xu một chiếc: đó là bánh hình tròn, to bằng cái đĩa chén chè, và phồng hai bên tựa như chiếc bánh đúc nhà quê.

Hình như người khách mới biết cái thuật cho bột được nhẹ, và sộp, bằng cách men. Cho nên chiếc bánh bò chê của chú Khách trên kia ăn rất nhẹ nhàng, với một cảm tưởng rất dễ tiêu, vì bánh hơi ngon ngọt, thơm ngon, bột dẻo và bông như sợi tơ. Có thể cắn một miếng to, nhưng rút lại vẫn vừa miệng, và đủ nóng bốc hơi để tỏa ra cái mùi gạo mới. Kể là một thứ quà điểm tâm buổi sáng thì rất hợp, rất thanh.

Tiền đây, tôi nhắc đến thứ cháo hoa buổi sớm cũng có người Khách bán. Thứ cháo tên là "bác chúc", gạo nhỏ biến và mịn như nhung, thỉnh thoảng lại điểm cái vị thơm mát của ý dĩ, và cái vị bùi của thảo quả. Hoặc

ăn cháo không, hoặc ăn cháo với "dầu chặc quây", một thứ bánh bột mì rán vàng và phồng, mà cái béo ngậy và sự ròn tan ra hòa hợp rất kín đáo và rất mỹ thuật với cháo loãng. Trong thức quà buổi sớm đó, có một cái nhỏ nhắn, tế nhị, và thanh tao; chỉ những người nào sau một đêm mệt nhọc, đương háo nước, mới thưởng thức được hết.

★

★ ★

Cũng một hàng bánh làm bằng bột có men ấy, còn có một thứ đặc biệt nữa, mà người Khách rao là "chê cà cô", và người mình gọi nôm na là "bánh bò Tàu" (lại Tàu". Phải, nó là thứ bánh bò Tàu chứ không phải bò Tây, hay bò ta. Và thế nó ngon hơn nhiều lắm).

Cái thứ bánh ấy, lúc hấp gần chín, thì chất men bốc hơi. Những bong bóng rất nhỏ, và rất nhiều, từ dưới đáy đi vút lên, rồi vỡ ra ở trên mảng bột. Thành thử cái mặt bánh ấy có một hình thù kỳ lạ, lỗ chỗ như rỗ hoa; và thân bánh rất xốp, từng sợi ghép vào nhau, óng ánh như nhũ thạch trong một cái động đá hoa. Bánh vừa dẻo vừa ròn, trong cái ngọt lại thoảng cái hương vị chua, nên ăn một miếng lại muốn ăn miếng nữa.

Tuy là thứ bánh của người Tàu, nhưng chừng không phải bất cứ người Tàu nào cũng làm được. Thứ bánh đó, nghe đâu ở Hà Nội chỉ có một nhà chuyên môn làm, và

bán cất cho những người đi bán hàng rong. Tôi ước ao rằng, ở nhà đó, thứ bánh ấy sẽ do tay một thiếu nữ Tàu xinh đẹp nấu. Bởi vì người đẹp mà lại làm bánh ngon, thì đến Trời cũng không nhịn ăn được.

Thế là gần hết các thứ quà của Hà Nội.

Tôi nói gần hết bởi vì cũng còn nhiều thứ hàng ngày chúng ta vẫn nghe rao, mà ở đây không nói đến. Phần thường, tôi chỉ chú ý đến những thức quà vĩnh viễn, mà có chút gì đặc biệt, đáng yêu. Vì có nhiều thức quà, tựa như sao băng vút qua bầu trời mùa hạ, hiện ra rồi lại mất đi, không còn dấu vết gì để lại. Cái đời ngắn ngủi ấy, duyên cớ ở chỗ các thức đó chỉ hợp với cái thị hiếu một thời: không phải chỉ ở trong y phục, trong trang sức hay trong văn chương, mới có những cái "mốt", những cái đua đòi mà thôi, cả đến trong việc ăn uống cũng vậy. Người ta theo nhau ăn thức quà này, cũng như người ta theo nhau mặc kiểu áo kia. Và chỉ có những thức quà nào có những hương vị chắc chắn và phong phú, mới có thể bền lâu được. Cũng như một cuốn tiểu thuyết, nếu không có cái hay tiềm tàng, mà mỗi ngày một tỏ ra mới lạ, thì chỉ được hoan nghênh nhất thời, hoặc dài hay ngắn. Sự bất tử ở văn chương và ở thực phẩm thật có giống nhau.

Xét những thức quà của ta, thực có nhiều thứ quà ngon, mùi vị rất dồi dào. Phần nhiều là thức quà đã có từ xưa, đã có nề nếp, có quy củ hẳn hoi, và mang trong hương vị cái mùi ngon đậm thấm của đất nước nhà. Sản

phẩm của đồng ruộng, của núi sông, những thứ quà ấy là dấu hiệu sự thưởng thức của người mình, vừa tao nhã lại vừa chân thật. Từ ông cụ đồ nho khề nhấp rượu để ngẫm nghĩ về cái vị ngon, đến bậc mệnh phụ nhà gia thế, từ trong buồng the kín đáo và nghiêm cẩn, truyền bảo cho cô gái tơ những bí mật của cách đồ bột, pha đường.

Đó là những vật quý mà sự mất đi, nếu xảy đến, sẽ khiến người sành ăn phải ngậm ngùi. Người mình ham thanh chuộng lạ, đã bắt đầu khinh rẻ những thứ đáng yêu ấy, có cái ngon mà họ đã quên mùi vị. Một đẳng khác, không ai chịu để ý và hết sức làm cho mỗi ngày một hoàn hảo hơn lên, cải cách cho hợp với thời mới. Những cái gia truyền dần dần mất đi, những cái khéo léo không còn giữ được. Chúng ta đã khinh bỉ cái ăn, cái uống quá, tuy không tự thú rằng những cái đó là cần, rằng tự mình vẫn thích. Giờ đến lúc phải nên thẳng thắn, và thành thực: trọng cái mình yêu và công nhận cái mình thích.

NHỮNG CHỖN ĂN CHƠI

Muốn biết rõ một thành phố, không cần phải biết những lâu đài mỹ thuật, những nhà bảo tàng, những tờ báo hay những nhà văn, nhưng cần phải biết những chốn mà dân thành phố ấy ăn chơi. Ăn và chơi, đó là hai điều hành động mà trong người ta tỏ rõ

cái tâm tình, cái linh hồn mình một cách chân thực nhất.

Với lại đó không phải là hai cái hành động cốt yếu của đời ư? Trong sự ăn chơi, có cả dấu hiệu của dân thành thị, cả những tật xấu hay nét hay, những cái yếu hèn cũng như những cái kiêu ngạo.

Biết ăn và biết chơi, không phải là dễ dàng như người ta tưởng. Và chính bởi từ xưa đến nay, sự ăn chơi ở nước ta bị khinh miệt, bị dè bủ, nhưng người ta vẫn cứ phải chịu theo luật lệ chặt chẽ, nên cách ăn chơi của người mình mới luộm thuộm, và cầu thả, và tục tằn, rồi ngược lại, có một ảnh hưởng xấu xa đến tất cả cuộc đời, cả xã hội.

Ồ, nhưng mà từ này đến giờ tôi đã nói những gì nhỉ? Thôi, vứt bỏ quách những lời bàn phẩm, những tư tưởng khó khăn ấy đi. Chúng ta hãy để ý quan sát bọn người ngồi ăn trong hiệu kia, nhận xét những cử chỉ, những nét mặt, và những tiếng cười của họ. Một cách cầm đũa, một cách đưa lên húp canh, bảo cho ta biết nhiều về một hạng người hơn là trăm pho sách. Và nhất là những thức mà họ ăn... Bảo cho tôi biết anh ăn gì, tôi sẽ nói anh là người thế nào.

*Hà Nội là động tiên nga,
Sáu giờ tắt hết đèn xi đèn gần,
Vui nhất là chợ Đông Xuân.*

Trước khi nói đến những nơi ăn chơi của Hà Nội, tưởng cũng nên dạo qua chợ Đông Xuân - cái "bụng" của

thành phố, là cái nơi mà những vật liệu cần cho các cao lầu từ các vùng quê và ngoại ô dồn đến. Ở đây, chúng ta được thấy các thực phẩm còn giữ nguyên hình trước khi biến thành những món xào nấu ngon lành dưới tay các đầu bếp nổi danh hay các bà nội trợ. Tất cả của ngon vật lạ các nơi đều đem đến đây, để hiến cho sự thưởng thức sành sỏi của người Hà Nội.

Có lẽ tìm được nhiều cái hay, nếu chịu khó tính xem dân Hà Nội một ngày tiêu thụ bao nhiêu thứ, bao nhiêu thịt. Nhưng ở đây không phải là cuộc điều tra, cũng không phải là một bài phóng sự. Cho nên, nói đến chợ Đồng Xuân, tôi muốn trình bày cái hình thức khác, cái vẻ riêng tấp nập, cái không khí ồn ào, cái màu sắc đặc biệt, hơn là tính cách cùng xấu tốt của các thức ăn kia. Chợ Đồng Xuân là chợ của người Hà Nội, không giống các chợ nhà quê, mà cũng không giống các chợ Bến Thành Sài Gòn, hay Chợ Mới ở Chợ Lớn. Bạn hãy vào chợ một ngày phiên, và để mắt ngắm nhìn cùng nhận xét; từ người buôn kẻ bán, cho đến những người mua; từ bác bồi bếp, cậu nhỏ, cô sen, cho đến các bà sành sỏi hay các cô thiếu nữ rụt rè sợ hớ, tất cả chừng ấy người hoạt động trước mắt ta, hình dáng phức tạp và thu nhỏ lại của cái xã hội người phương phố. Không có bức tranh nào linh hoạt và thấm màu hơn.

CHỢ MÁT BAN ĐÊM

Ngày phiên chính thì chợ bắt đầu họp từ ba giờ khuya.

Không phải là họp ở trong, nhưng là họp ở ngoài cổng, ngay giữa đường, do những người, tuy có thức hàng bán, mà có lẽ không bước chân vào chợ ngày nào.

Hai ba giờ đêm, khi các đường phố của Hà Nội đã trở lại yên tĩnh và vắng lặng, sau cái hoạt động cuối cùng của những người đi xem hát hay đi coi chớp ảnh về, thì từ phía các ngoại ô, từng tốp một, các người trông hay bán "la gim" bắt đầu đem hàng của họ vào. Những gánh hàng nặng trĩu và kéo kẹt trên vai theo cái đưa đẩy có nhịp của bước đi, những người ấy vội vàng và yên lặng, không nói một lời nào. Họ không có thì giờ. Có khi từ nơi cách xa Hà Nội bốn, năm cây số, họ phải rảo bước đến kịp; và cứ trông cái thân người uốn cong dưới gánh nặng, chúng ta biết ngay là những người cần lao và chịu khó, quen đi với những cơn việc nhọc nhằn, và nhẫn nại, ít nói trên mẩu đất. Thỉnh thoảng, vài nhà khá giả hơn - tương đối - mang hàng đi trên những chiếc xe tay bánh gỗ ngày xưa, cũ kỹ và tối tả, lộc cộc lạch cạch theo bước chân của một anh nhỏ kéo, gầy gò và áo rách vai. Những mớ rau tươi mới hái, còn ướt sũng sương đêm hay là nước mát, rỏ từng giọt xuống đường thành một vệt dài. Đủ các thứ rau và quả của

những mảnh vườn phì nhiêu được chăm bón ở chung quanh Hà Nội; những củ xu hào tròn lớn màu như ngọc thạch, những củ cải đỏ thắm như máu, tươi, những củ cà rốt vàng thắm như màu da cam, nằm cạnh những quả cà giải bông và tím như men tàu, những quả xu xu xanh ngắt, những củ radis phớt hồng và xinh xắn, mà người ta đoán sẽ ròn tan dưới hàm răng và những thức rau, mà cái vẻ mặt tươi xanh tốt trông dịu mát và đỡ khát cho thân thể; những mớ tỏi tây xếp thành chồng cao, những bắp "xà lách" chắc chắn và quăn quýt, những bông "cải hoa" mềm mại và ngon lành, bên các mớ cần hay muống mướt tươi, khiến ta nghĩ đến những ao xanh rờn như tấm thảm ở thôn quê.

Họ gánh hàng đến và bày ra trước chợ, ngay trên đường nhựa để đợi các người đến mua buôn. Dưới ánh sáng đèn điện, và trong luồng gió thoảng đêm khuya, đây là một phiên chợ của cái mát mẻ, non tươi, "phiên chợ xanh" của cả Hà Nội họp mà người Hà Nội không biết. Những thức hàng mỏng manh ấy không thể đợi ánh sáng gay gắt của ban ngày để mà héo úa nên trước khi trời sáng, trước khi phiên chợ chính thức bắt đầu họp dưới mái tôn, thì phiên chợ xanh đã tàn. Những người bán lại quang gánh không, đi trở ra các ngoại ô, và những chiếc xe gỗ cũ kỹ lại lộc cộc dắt về các đường đất quanh thành phố.

BÀ CỤ BÁN XÔI

Trong khi chợ xanh đang họp, tuy đêm khuya, mà quang cảnh cũng không thiếu phần tấp nập. Những người bán gọi thêm một số người mua, cả người bán lẫn người mua lại gọi thêm một số hàng quà. Gánh hành phở nóng trước chợ Đông Xuân lúc ba giờ đêm cũng là gánh phở ngon, có lẽ là trong không khí mát và lạnh ban đêm, mùi phở thơm quyến rũ người ta hơn. Rồi hàng xôi, hàng bánh cuốn nóng, hàng bánh tây chả, vân vân, cũng tụ họp nhau để lập thành cho đầy đủ một dãy quà ngon, nhiều hương vị.

Nhưng các hàng quà đó chỉ có bán những buổi phiên chợ mà thôi. Ngoài ra, có một hai hàng quà bánh quanh đêm, dù phiên chợ xanh có họp hay không. Vì trước chợ Đông Xuân bao giờ cũng lâm vào cảnh vắng lặng và tịch mịch. Bao giờ cũng có người: một vài thầy đội khăn xếp đến "tua" đi tuần đêm, một vài người đi bán vé, một số đông các bác kéo xe... và một vài người thích chơi khuya, hoặc ở các rạp hát hay nhà chớp bóng về, còn vui chân lang thang mãi trên các vỉa hè Hà Nội để nghe tiếng gót giày của mình vang động; hoặc ở cao lâu ra, muốn đi hóng mát cho tiêu, hoặc ở các tiệm thuốc phiện ra - cái này thì phần nhiều - đã có một vài điệu chênh choáng trong chân, muốn đi đây, đó, không mục đích,

không cần nghĩ trở về, và thấy đời lúc ấy dung dị dễ chịu và tàm tạm sống được...

Muốn thức quà no, thì lại hàng xôi, cơm của bà cụ phố Hàng Khoai. Bà dọn hàng trước cửa chợ đã từ lâu lắm, không biết đã mấy năm rồi, và chỉ dọn từ lúc chín, mười giờ tối trở đi cho đến sáng. Bà bán đủ các thứ xôi, xôi vò, ăn bùi và béo, xôi đỗ ăn đậm vị, xôi lạc ăn vừa miệng, đôi khi cả xôi gấc đỏ tươi, lúc xôi ra, khói bốc thơm phức... Ăn với những miếng đậu thái vuông to, rán phồng (tuy rất ít mỡ) và mắm muối sẵn sàng; hay những miếng chả trâu không ngon lành lắm - người nghèo có kỳ quần đâu! Đã lâu, bà có làm một thứ giò sỏ, mỡ ròn và mộc nhĩ, ăn cũng thú vị.

Khi nào đồ chừng khách hàng đã ngấy rồi, thì bà bán cả cơm, với cá diếc rán, với trứng gà "ôm lét" (mà tôi ngờ là trứng vịt!) với vó bò hay giò lợn, và cả một nồi mọc đông quánh như keo sơn, béo ngậy như thịt đông.

Ở đây, không có gì đáng quyến rũ một người sành thưởng thức, quả vậy. Nhưng phải trông các bác xe, các người phu ngồi ăn, mới hiểu cái ngon lành có thể đến được bậc nào!

Nhấp một vài chén rượu, thông thả gặm một mảnh vó bò may có dính nhiều thịt, vo tròn nắm xôi trong tay trước khi đưa lên miệng, họ có cái sung sướng của nhà nghệ sĩ thưởng thức áng văn hay, (có lẽ họ là những nghệ sĩ không biết). Mà nếu hôm ấy buổi xe lại có lãi, thừa được vài hào, thì cái thú của họ thực là vô cùng tận.

Cho nên quanh mẹt hàng của bà cụ phố Hàng Khoai, bao giờ cũng vây một hai vòng người. Thỉnh thoảng chúng ta được thấy một vài nhân vật lạ; một vài người không biết ở đâu, và sống bằng cách gì, gầy gò và rách rưới. Nhưng quần áo rách là những thứ sang trọng trước kia. Nhìn kỹ thì biết là những người nghiện; phải, mà chỉ có những người nghiện mới biết đưa tha nhường ấy, mới biết khà hớp rượu một cách ngon lành như vậy, mới biết đưa miếng giò lợn lên ngấm ghĩa một cách âu yếm và thiết tha nhường ấy, mới biết đưa tay có móng đen véo đĩa xôi một cách chắt chiu thế kia; họ tính từng xu, thêm bớt từng tí mỡ, và mặc cả từng khoanh giò; nhưng cái nhấm nhía, cái lơ dờ mắt ngẫm nghĩ đến vị miệng ăn, đủ tỏ một tâm hồn cảm giác không thường, cùng với một sự từng trải đã qua nhiều đau đớn.

Cái ngon ấy cũng dễ lây lắm. Cả đến chính bà hàng cũng theo được cái nên thưởng thức. Những lúc vắng khách, bà cũng rót một chén rượu to để cạnh, và thông thả tự nhấm những thức ăn chính tay mình làm ra... Có lẽ bà tự lấy làm bằng lòng: vì mắt bà lâu dần mờ say đi, tay bà dính thêm nhiều mỡ, và bên thúng thêm một đồng xương con... Ít ra ở đâu mà được người bán cùng với mua cùng là tri kỷ, hiểu các vị một cách thấu đáo như thế, và cùng bàn chuyện về xôi, giò chả với cái dễ dàng thân mật của những người kính phục lẫn nhau. Ở đâu, nếu không ở chốn Hà Nội 36 phố phường.

Giờ ăn đã no rồi, rượu đã làm cháy khô cuống họng.

Còn gì bằng một chén nước chè nóng, một lá trâu tươi, một liều thuốc Lào ở cái liều rở kều? Vậy xin mời các ông sang bên "Hàng nước cô Dân".

HÀNG NƯỚC CÔ DÂN

Cô Dân là một thiếu nữ hãy còn trẻ, cứ nghe tên cô thì đủ biết (cái lỗi đặt tên của cổ nhân ta nghĩ cũng thẳng thắn và thực thà mang cái tuổi trong tên mình, không cần giấu giếm). Tuy vậy cô là một thiếu nữ đảm đang lắm. Tất cả các cô hàng nước đều đảm đang. Một mình cô trông nom cái cửa hàng nước ở trước chợ Đông Xuân, bên cạnh bà cô bán hàng xôi, và cũng như bà, cô bán hàng từ chín giờ tối, suốt đêm tới sáng.

Cửa hàng của cô cũng không có gì: một vài miếng trâu, một vài phong thuốc Lào, một bao thuốc lẻ, vài cái bát uống nước, như cái bát uống nước ở tất cả các hàng nước Việt Nam, đặt úp xuống mặt chõng. Nhưng hàng cô Dân có một chút đặc biệt hơn: cô không bán nước sôi hay nước chè tươi. Cô bán nước chè, tôi cũng không biết chè mạn hay chè hột, chỉ biết là một thứ chè cũng dễ uống. Và có lẽ bán cho người ở đất "văn minh", nên cô bán nước chè uống với đường. Và ấm chè của hàng cô bao giờ cũng nóng sôi, dù trời rét hay trời nóng, mùa đông hay mùa hạ. Ấm chè bọc cái áo gai rất cẩn thận, dựng bên một cái hỏa lò than cũng hồng, mang một ấm nước bao giờ cũng reo sôi.

Ai uống nước đường thì có cốc thủy tinh, một xu một cốc. Cô múc vào cốc một thìa đường - tuy đường đắt mà xem ra cô cũng múc nới tay lắm - nghiêng bình chè rót đầy cốc, vừa đưa lên cho khách với cái nhìn của đôi mắt nhỏ, lanh lẹ, hai con ngươi đen bóng loáng, như hai con mắt của một con vật non nào.

Ăn cơm, uống rượu xong mà được một cốc nước chè đường rất nóng thì ai chả thích. Nên hàng cô Dần đông khách lắm, có khi cô trở tay bán không kịp. Kẻ đứng, người ngồi xúm vòng quanh - nhưng ngồi xồm mà thôi, vì hàng nước ấy lại còn có cái đặc biệt khác nữa là không có ghế ngồi, thầy đội xếp uống chè từng ngụm nhỏ trên xe đạp gác ở hè với vài khác hàng áo ngắn, còn trẻ tuổi, hay điểm thêm vào vị nước một vài câu bông đùa nhẹ nhõm đối với cô hàng. Thành thạo, một bác phu già, rụt rè thâm khế bên tai cô hàng nước, hoặc trả tạm một vài xu ở món nợ còn lại, hoặc nằn nì xin chịu nữa. Cô hàng dúi đôi lông mày nhỏ lại một chút, nhưng cô dễ tính, rồi cũng bằng lòng.



Một hàng nước đắt hàng vì các thứ quà bán đã đành, nhưng đôi khi cũng đắt khách vì cả cô hàng. Cô hàng nước Việt Nam là nhân vật biểu hiện nhất của sự sinh hoạt Việt Nam - dù ở dưới bóng đa, bên ruộng lúa,

hay ở dưới mái hiên của thành phố, ở đâu cũng vậy, miệng cười tươi của cô hàng là dây liên lạc khắp cả mọi người. Cô hàng nước Việt Nam, từ xưa đến nay đã chiếm một địa vị quan hệ trong lịch sử, và trong văn chương: đã có nhiều tiểu thuyết bắt đầu ở một hàng nước và kết cục cũng ở đấy.

Ồ, nhưng mà chúng ta hãy trở lại cô hàng nước của 36 phố phường. Cô nhũn nhếch lắm: cô mặc cái áo tứ thân nâu cũ, giản dị và đảm đang như các cô gái Việt Nam. Trong mấy ngày Tết, người ta mới thấy cô khoác cái áo mới hơn một chút, vẫn vành khăn tròn trặn và chật chẽ hơn. Và dưới mái tóc đen, lúc đó mới lấp lánh mặt đá của đôi bông hoa vàng, bà cụ đánh cho cô năm vàng còn rẻ, làm cái vốn riêng, chắc thế.

Cô không đẹp, chỉ xinh thôi. Và tính cô, cũng như tuổi cô, còn trẻ con lắm. Thấy khách hàng nói một câu bông đùa, cô đã tưởng người đó chòng ghẹo mình, dúi đôi lông mày lại, và ngoe nguẩy cái mình. Khách trông thấy chỉ cười. Nhưng cô cũng không giận ai lâu: chỉ một lát cô lại vui tính ngay.

Một hai năm nữa, lớn lên đi lấy chồng, ai là người thay cô trông nom ngôi hàng nước của "Hà Nội là động tiên sa"? Cô bé em cô, hẳn vậy, sẽ ngồi bán hàng thay chị, lại que diêm, điều thuốc, miếng trầu, để kéo dài mãi mãi cái phong vị bình dân và mộc mạc của các cô hàng nước cùng với cô hàng xén kiu kịt đi chợ Đông, chợ Đoài, là cái tình hoa thuần túy Việt Nam từ xưa xưa đến giờ.

NHỮNG CHỖN ĂN CHƠI CÁC HIỆU CAO LÂU KHÁCH

Những chốn ăn chơi của Hà Nội là nhất Bắc Kỳ, nhất của Đông Dương nữa, cái đó đã rành rành, không ai chôi cãi. Nhưng chúng ta phải buồn phiền mà nhận ra rằng những hiệu cao lâu có danh và bền vững đều là của người Tàu. Về cách tổ chức một chốn ăn, về danh vọng của một ngôi hàng cơm, thật quả chúng ta không có nề nếp, tục lệ và quy củ. Hồi Hà Nội còn là kinh đô của vua Lê, chúa Trịnh, chắc cũng có nhiều quán rượu thơm tất do người mình chủ trương. Nhưng giờ vết tích còn đâu? Cái quán rượu mà cụ Nguyễn Du, lúc còn trẻ tuổi đã dắt ba, bốn người bạn vào uống rượu và bàn chuyện về lũ kiêu binh, cái quán rượu ấy chẳng hạn mà còn đến bây giờ, còn cả bộ trưởng kỷ mà Nguyễn Du đã ngồi thì hẳn là một chốn đáng cho ta trọng vọng dường nào.

Nhưng không có cái chúng ta muốn thì đành yêu mến cái mà chúng ta có. Mà những cái chúng ta - người của 36 phố phường đang có thì cũng chẳng phải là không đáng yêu. Bạn chắc đã nhiều lần thưởng thức cái món cánh gà rán, da giòn, thịt mềm vị thơm, của Đông Hưng Viên, - hoặc một buổi chiều buồn bã, mượn cái men say của rượu Mai Quế Lộ sánh trong chén để nhắm nhía cái mùi béo của những miếng phì tản trong

như thạch đen, lẫn với cái vị cay ướt của nhất gừng muối hoặc rót một chút Thanh Mai còn nồng cái hương chua của những quả mơ ngàn, lên trên chiếc bánh dừa quánh nước; hoặc gọi một bát cơm lá sen để ngửi thấy mùi thơm ngát của mùa hạ trên hồ... Bạn chắc đã thưởng thức cái mềm béo - ô, tất cả cái thú vị của thớ thịt và của xương ròn của món chim quay hiệu Quảng Sinh Long⁽¹⁾; hoặc màu vàng óng ánh của đĩa "ga xi dầu"; bạn đã thưởng thức cái món thịt bò của hiệu "nhà khách cháy" Tự Lạc Hiên, cô chủ bếp béo quay và cô hàng nhí nhanh; tất cả các món bằng thịt bò, sào cải làn, áp chảo, mì bò nước hay khô, mà bao giờ thịt cũng mềm, cháy sém ngoài mà trong vẫn sùng nước ngọt. Ấy là hồi năm ngoài năm kia, chứ bây giờ thì chủ với tớ ở hiệu đã chia rẽ nhau rồi. Ông chủ Tự Lạc vẫn ngồi gật gật cái đầu sau quầy hàng, mà chủ bếp béo thì nghiêm nhiên trở nên một ông chủ khác của hiệu Nam Viên,

(1) Các chim quay của hiệu này bao giờ cũng mềm, cũng béo và cũng ngon như thế, bất cứ lúc nào và mùa nào. Ăn chim quay hôm nay mà tưởng như vẫn ăn con chim quay hôm qua. Cái "đểu hàng" ấy là một trong những món đắt hàng của hiệu và cũng là bí quyết riêng của đầu bếp Tầu. Cái bí quyết "quay chim" đó tôi vì các bà nội trợ Việt Nam muốn chiêu chồng mà bày tỏ ra đây: một cái chảo to, sâu lòng, mỡ đầy đến miệng, (họ nói là mỡ nhưng tôi chắc cũng có một phần dầu), đun cho rõ nóng sôi; con chim sữa soạn đầu đầy, - một ít húng liru cho thơm chẳng? - chỉ còn việc đem nhúng ngập vào chảo mỡ, liêu vừa được, vàng da chín thịt, thì vớt ra. Cái lối này, nếu làm một, hai con thì tốn mỡ, nhưng mỡ đó có lẽ vẫn dùng được. Chim tất nhiên phải chim non, nếu chim đã có cháu chắt, thì bí quyết gởii cũng chẳng làm cho ngon được.

còn cô khách nhí nhảnh ngày trước thì đã đi lấy chồng... Ở Hàng Buồm còn hiệu Mỹ Kinh, nhưng cái ngon về món ăn thì hình như không trứ chân ở đó; Hàng Trống có hiệu cao lâu Tứ Xuyên, Hàng Bông có Vân Nam tửu gia, tự Hưng Lâu và Đại Á Tế Á, hiệu sang nhất Hà Thành; đó là những hiệu cao lâu, cũng như các phòng ngủ, thi nhau mọc lên như nấm sau cái hồi dân Trung Quốc chạy loạn sang ta. Không có gì đáng kể, người Asia mà cái sang trọng lịch sự cũng được người ta coi trọng ngang với cái vị ngon, và chúng ta sẽ có dịp trở lại sau này. Trở lên, đây là tất cả những cao lâu của người Tàu ở Hà Nội, của một giống người có lẽ hơn ai hết đã nâng việc ẩm thực lên mức nghệ thuật hết sức phiến toái, tử mĩ và cầu kỳ. Ngủ giường phương Tây, lấy vợ Nhật Bản, ăn thức ăn Tàu... có dân rào vừa thanh cao trong chén rượu hâm nóng trên tuyết, hay trong chén trà núi Vũ Di pha vào chén sứ men như ngọc thạch, lại vừa bẽ bộn thừa mứa trong những bữa tiệc đầy hàng chục món, cầu kỳ đến bắt một giống nhái ở Hồ Nam, gảy bụng lấy nguyên miếng mỡ để nấu với nước dùng? Thật đi từ đầu nọ đến đầu kia dùng hết cả giác quan và tìm hết cả cảm giác của linh hồn và của thân thể.

*

* *

Muốn thiết bạn xa, hay đãi một người khách quý, hoặc trong một dịp long trọng hay đặc biệt nào đó, người của Hà Nội chỉ biết đưa nhau đến một trong những hiệu cao lâu ấy. Nhưng cũng chỉ ở những trường hợp ấy thôi; có lẽ vì ăn luôn những thức cầu kỳ và nhiều vị ấy chóng chán, hay cũng vì giá tiền có đôi chút hơi cao. Còn trong những lúc thường, lúc đi chơi mát vắn vơ hay ở những rạp tuồng, rạp chiếu bóng đi ra, người Hà Nội ưa đến những chốn khác hơn; những hiệu nem, hiệu phở, hiệu cháo lòng, nhỏ nhỏ rải rác khắp các phố, phần nhiều của người ta trông nom; ở đây, với một vài hào, họ có thể có dăm ba món để ăn, một chút rượu Văn Điển hay cút rượu Con Hươu, vài lá rau thơm quen thuộc, để khề khà nhắm nhía các thú đi ăn hiệu. Ở đây, mới hội họp tất cả Hà Nội, sang cũng như hèn đủ các hạng người, từ ông trưởng giả giàu có đến nhà văn sĩ nghèo nàn, trong cái hoạt động vui vẻ của cái không khí của Hà Nội.

NXB Đời nay, 1933

IV - TIỂU LUẬN PHÊ BÌNH

THEO DÒNG

LỜI CHÚ THÍCH CỦA LẦN XUẤT BẢN
THỨ NHẤT (1941)

Những bài về văn chương trong quyển này đều đã đăng rải rác trong hai tờ báo "Ngày nay" và "Chủ nhật" từ 1939 đến 1940. Bây giờ gom lại in thành sách, chúng tôi tưởng tốt hơn hết là cứ xếp theo thứ tự trước sau, để các bạn có thể theo biết cái dòng tư tưởng của tác giả.

NXB Đời nay

NHỮNG Ý NGHĨ NHỎ...

A i nói rằng: "Sáng tác khó, phê bình dễ"? Không, phê bình cũng khó như sáng tác. Một nhà phê bình giỏi cũng hiếm như một nhà viết tiểu thuyết giỏi.

Nhà phê bình còn cần đến những đức tính không phải là có nhiều trong lòng người; nhà phê bình trước hết phải công bình và hiểu được người khác.

*
* *
*

Có nhiều nhà phê bình chỉ phê bình vì có dịp nói tới mình. Họ có cần gì đến tác phẩm mà họ phê bình đâu. Như F.Céline đã nói trong cuốn *Bagatelles pour un massacre*, họ không thể nói tới cái gì khác được cái: “bản ngã kiêu ngạo” của họ. Thật là đáng chán khi thấy họ giày vò một tác phẩm, dùng nó làm một cái bực để nhảy đi xa.

Nhiệm vụ của nhà phê bình có lẽ không phải là tìm tòi những tài năng mới. Nhưng trong công việc, nhà phê bình phải lưu ý hơn đến những tác phẩm đầu tiên của một nhà văn. Phải cúi mình xuống những tác phẩm có biểu lộ một tâm hồn rung động, một ý chí sốt sắng. Tác phẩm có thể vụng về, có thể non nớt như tiếng chim mới biết kêu. Nhưng cốt nhất là thấy ở đấy một vẻ sắc riêng, một âm điệu đặc biệt; cái già dặn của nét bút, cách xếp đặt của cuốn truyện rồi về sau sẽ có. Không thể nhầm được, và nhà phê bình cũng không có quyền nhầm, trong đó thể nào cũng có cái gì cho ta đoán biết được tài năng về sau này.

Không có gì cảm động hơn những bước chân hãy còn

chập chững của những người mới mẻ, bắt đầu đi vào các đường lối trí thức và của tâm hồn.

*
* *

Bên ta, có bao nhiêu người viết văn, tưởng mình là văn sĩ, là thi sĩ một cách quá dễ dàng. Họ làm thơ để có một bài thơ, viết truyện để có một quyển truyện. Họ không muốn có một tỵ cố công nào, họ viết thế nào xong thôi, thế nào cũng được.

Làm thơ, đi buôn còn phải khó nhọc, còn phải học nghề; tại làm sao viết văn lại không muốn học, không muốn cố?

*
* *

Những người đó cái gì cũng viết, chỗ nào cũng đăng, làm cho ta chán nản. André Gide thật nói phải khi đã nói: “Nếu họ ít viết đi, ta sẽ thấy thích viết hơn”.

*
* *

Nhà văn ấy còn nói câu này nữa: “Có hai mươi cách diễn đạt ý tưởng, nhưng chỉ có một cách là đúng”.

Trước khi đến được cách đúng ấy còn phải bao nhiêu ngày giờ, bao nhiêu khó nhọc, bao nhiêu công tìm. Mà cũng có khi chỉ cần đến chỗ đúng mà thôi. Những nhà văn giá trị ít khi mình lại tự bằng lòng mình. Mỗi câu văn viết ra thường là một dịp cho họ ân hận, băn khoăn.

Phân biệt sự rung động thật với sự “văn chương” rất dễ dàng; một ý nghĩ, một hình ảnh, một cảm giác thêm vào - vì nhà văn tưởng là thâm thúy, là đẹp đẽ - không đánh lừa được ai. Cái gì nhà văn không cảm thấy mà bịa ra, nó vẫn có vẻ một vật thừa, một vật vô ích. Không bao giờ tự cảm thấy lông mày cô thiếu nữ giống như nét xuân sơn, mà cứ viết tưởng là hay, nhà văn đó suốt đời chỉ là một người đi vay mượn, một tâm hồn nghèo nàn đem của người khác đi cầm để mua chút danh hão cho mình.

★

★ ★

Trong mục “Tin thơ” của báo “Tin văn” (Nouvelles littéraires), ông Robert Honer đã viết:

“Càng nghĩ tôi càng tự hỏi xem lời khuyên nhủ mà tôi phải bảo, lời khuyên cần nhất, có phải là lời khuyên về một phương tiện tinh thần không: trước hết mình phải thành thực với mình, không bao giờ nên chịu viết về một đề bởi thấy người khác được hoan nghênh vì nó,

nếu chính mình không thấy một cái liên lạc tối cần với đề ấy: không bao giờ nên bắt một hình ảnh nếu mắt mình không trông thấy. Chính những đồ trang sức mượn làm hại nhất cho các nhà thi sĩ”.

Tôi nói cả các nhà văn nữa.

*

* *

Sự thành thực chưa đủ cho nghệ thuật.

Có thể, nhưng một nhà văn không thành thực, không bao giờ trở nên một nhà văn giá trị. Không phải cứ thành thực là trở nên một nghệ sĩ... Nhưng một nghệ sĩ không thành thực chỉ là một người thợ khéo tay thôi.

Không nên cãi rằng mình thành thực, nếu mình không thành thực. Một đôi khi người khác có thể nhầm được, nhưng chính ta, ta không bao giờ nhầm cả. Và không có gì đáng bĩ cho một nhà văn hơn là mình tự dối mình

*

* *

SỰ BỀN VỮNG CỦA MỘT TÁC PHẨM

(Nhân cuốn "*Tố Tâm*" tục bản)

Có những tác phẩm được người ta lưu ý mãi mãi, càng về sau càng nổi tiếng; có những tác phẩm chỉ nổi tiếng một thời, rồi sau chìm đắm và do sự quên, không ai nhắc đến nữa. Tác phẩm trên là tác phẩm, ngoài cái phần cấu tạo vì thời thế, còn có những cái gì bất diệt, đời đời, trong các nhân vật; tác phẩm dưới là tác phẩm chỉ có những cái sôi nổi một thời mà không có gì lâu bền, sâu sắc.

Cuộc lựa chọn của thời gian thực rất nghiêm khắc và công bằng. Đó là sự đắc thắng của những tác phẩm giá trị, có khi mới ra đời không được hoan nghênh. Trong thế kỷ XVII của văn chương Pháp, cuốn *Astrée* được thiên hạ hoan nghênh nhiệt liệt, mà bây giờ còn được ai nói đến nữa đâu? Còn bao nhiêu văn sĩ, bao nhiêu tác phẩm nữa nổi tiếng một thời mà bây giờ cũng mất tăm yên lặng.

Quyển *Tố Tâm* của ông Hoàng Ngọc Phách mới tục bản gần đây là một tác phẩm vào hạng đó. Khi mới ra đời *Tố Tâm* được người ta hoan nghênh vô cùng. Từ Bắc đến Nam không ai không biết đến *Tố Tâm*; có nhiều bạn gái học thuộc lòng cả quyển sách nữa; nhưng cũng như tác phẩm của Từ Trâm Á, *Tố Tâm* bây giờ không còn ai nhắc đến. Cuộc kén chọn của thời gian đã loại

tiểu thuyết đó như nhiều tiểu thuyết của các văn sĩ khác. *Tố Tâm* bị số phận đó vì cái nghệ thuật không vững bền; cuốn tâm lý tiểu thuyết ấy chỉ phân tích có cái tâm lý hời hợt bề ngoài, một cái thái độ của tâm hồn mà thôi (vì không những chỉ có các “mốt” về quần áo nhà cửa; có cả những “mốt” về tình cảm nữa).

Cái “mốt” thời *Tố Tâm* là phong trào lãng mạn, một thứ lãng mạn cuối mùa lấy ở phong trào lãng mạn thế kỷ XIX trong văn chương Pháp ra, nhưng nông nổi và yếu ớt nên không tạo ra được tác phẩm nào có giá trị. Hay lúc ấy không có nhà văn nào có đủ tài để nhìn qua cái nhất thời, đi đến cái sâu sắc của tâm hồn người, vật.

Cũng như bây giờ, các nhà văn đua nhau viết truyện xã hội. Nhưng trong những tác phẩm có tiếng bây giờ, mấy quyển tránh khỏi được sự thải bỏ của thời gian? Chỉ có những tác phẩm nào có nghệ thuật chắc chắn, trong đó nhà văn biết đi qua những phong trào nhất thời, để suy xét đến những tính tình bất diệt của loài người, chỉ những tác phẩm đó mới vững bền mãi mãi.

Những nhà văn nào ồ ạt theo thời chỉ tạo ra được những tác phẩm số phận mỏng manh. Bởi họ chỉ nghe theo tiếng gọi của sự háo hức, lòng háms danh, sự chiều lòng công chúng.

Nhưng cũng không phải là nhà văn đi tìm sự bất tử, vì định đi tìm thì không bao giờ thấy. Một nhà văn Pháp, Drieu la Rochelle có nói: “Tác phẩm nào cho ta một bức họa xã hội của thời đại đúng nhất là tác phẩm

tỏ ra ít chú ý đến thời đại nhất. Nói thế, không phải là bảo nhà văn không nên bàn đến những vấn đề hiện thời nhưng viết văn về vấn đề gì thì viết, nhà văn cốt nhất phải đi sâu vào trong tâm hồn mình, tìm những tính tình và cảm giác thành thực: tức là tìm thấy tâm hồn mọi người qua tâm hồn của chính mình, đi đến chỗ bắt tử mà không tự biết”.

VÀI Ý KIẾN VỀ TIỂU THUYẾT

Mấy năm gần đây⁽¹⁾, các tiểu thuyết xuất bản rất nhiều và số người đọc tiểu thuyết mỗi ngày một tăng.

Trong các nguyên cơ khiến cho tiểu thuyết được hoan nghênh tôi có thể chỉ cái cơ này: sự nẩy nở của đời sống trong tâm hồn riêng của từng người. Khi người ta bắt đầu có một cuộc sống bên trong, hay tìm xét những trạng thái của tâm hồn mình, người ta thích đọc tiểu thuyết. Trái lại, tiểu thuyết lại giúp cho đời sống bên trong được dồi dào, sâu sắc thêm. Một quyển tiểu thuyết là để xem, chứ không phải là để đọc cho nhau nghe như các nhà văn khác; người đọc tiểu thuyết là một người đọc yên lặng, hay nghĩ ngợi, suy xét và tìm trong tâm lý các nhân vật của truyện những tư tưởng và ý nghĩ của chính mình.

⁽¹⁾ Bài này viết năm 1938.

Tiểu thuyết là thể văn từ xưa tới nay được người ta yêu chuộng nhất. Ngày trước, ta có rất ít tiểu thuyết, chỉ phỏng theo hay dịch của Tàu. Rồi chúng ta bắt chước viết tiểu thuyết, từ quyển *Cảnh lê điếm tuyết* của Đặng Trần Phát đến quyển *Tố Tâm* của Hoàng Ngọc Phách, qua những tiểu thuyết dịch của Tử Trầm Á như *Tuyết Hồng Lệ Sử* và *Ngọc Lê hồn*; đó là thời điểm tiểu thuyết bắt đầu nảy nở trong văn chương ta.

Quan niệm tiểu thuyết của chúng ta hồi trước là cái quan niệm vai chính hoàn toàn, “anh hùng hay liệt nữ”. Tiểu thuyết nào đại khái cũng có một đôi trai tài, gái sắc. Trai thì trung hiếu, gái thì tiết trinh, đều là những người hoàn toàn tốt cả. Nhưng muốn tỏ cái tốt của họ ra thì phải làm thế nào? Tất phải đặt họ vào một hoàn cảnh khó khăn, khiến họ gặp những điều trở ngại; và họ vẫn thắng được những điều khó khăn đó, trai vẫn giữ được toàn trung hiếu, gái vẫn giữ được tuyết sạch giá trong. Rốt cuộc, hai bên lấy nhau, lập gia đình sung sướng và đời đời con cháu hiển vinh; tác giả không dám để cho họ phải thất bại và tiểu thuyết không thể có một kết cục xấu: cái đạo đức bao giờ cũng phải thắng.

Tiểu thuyết bây giờ chỉ có giá trị luân lý. Một quyển tiểu thuyết là một tấm gương luân lý gọt giũa khéo hay vụng để cho mọi người chung. Thời kỳ tiểu thuyết luân lý rất dài trong văn chương ta.

Nhưng tiểu thuyết luân lý phải cái là nhạt nhẽo, vô vị. Cứ nhắc đi nhắc lại một cái đề, tác giả làm cho người

đọc buồn ngủ và chán nản. Các nhà văn biết rằng phải tìm một cái gì khác hơn.

Sự phản động đến rất nhanh chóng, đó là thời kỳ tiểu thuyết có kết cục xấu: trai tài gái sắc không lấy được nhau nữa, trái lại bị chia rẽ và đau đớn. Người ta muốn nhìn nhận cuộc đời đúng hơn, và một ý chua chát lẫn vào cái luân lý của truyện. Người ta muốn bị quan vì muốn tỏ ra người thức thời. Đa sầu đa cảm thành ra một điểm hay của tâm hồn. Người ta muốn nhìn thấy sự thanh nhã và cao quý trên vầng trán xanh xao của nhà văn sĩ. Những tiểu thuyết sâu thẳm: *Bể oan*, *Bể khổ*, *Thuyền tình bể ái*, *Kiếp trầm luân*, mà báo “Phong hóa” đã giấu một cách ý vị, thì nhau xuất bản. Đó là thời kỳ các văn sĩ tự cáo mình là ho lao, lúc nào cũng có vẻ đau xót cho thân thể.

Lâu dần, về sau, người ta bắt đầu thấy rằng thái độ đó, cái lạc quan dễ dàng của tiểu thuyết luân lý và cái bị quan quá đáng của tiểu thuyết sâu đều không đúng với cuộc đời. Sự sống không phải cái này cũng không phải cái kia. Sự sống nhiều phiền phức hơn và các nhà văn muốn diễn tả cái phức tạp ấy. Nhưng họ chưa đến được ngay.

Vào quãng này có sự phản động gây nên bởi “Phong hóa”, trong hình thức và tinh thần. Về phần hình thức, “Phong hóa” hết sức phá bỏ sách báo cũ trong cách viết văn. Một câu văn sáo là một câu văn của những ý đôi chọi nhau cho kêu, và những ý nghĩ, những hình ảnh

sẵn sàng, chỉ việc chấp nối với nhau. “Phong hóa” phá bỏ lề lối và gây nên một lối văn giản dị, dễ hiểu, bình dân hơn và hết sức tranh dùng chữ Hán. Chính lối văn ấy, mỗi ngày một mềm dẻo hơn, giàu thêm vì những cách hành văn của chữ Pháp, là lối văn thịnh hành đến bây giờ.

Về tinh thần, “Phong hóa” phấn đấu với sự thất bại cam chịu của con người, bày tỏ rằng đa sầu là cái hại, buồn thảm là một cách trốn tránh trước những bốn phận phải làm. Sự vui vẻ không phải là thô tục và đáng khinh nữa.

Cái cười lấy lại giá trị của nó, trở nên sâu sắc và thanh nhã.

Sự phản động trên đây vừa hợp lúc, đánh tan cái văn chương sâu thẳm đi, và gây nên một nền văn mới. Từ năm 1938 trở đi, văn chương ta đến thời kỳ loạn lạc, không quy củ nhất định, nhưng mang ở trong nhiều mầm giống mới, cuộc tranh luận “Nghệ thuật vị nghệ thuật” và “Nghệ thuật vị nhân sinh” của vài nhà văn trên các báo là chứng cứ.

Nhưng phong trào ở nước ta, bất cứ phong trào gì, đều có một tính chung: là nông nổi, chỉ hời hợt bề ngoài. Cái mà chúng ta thiếu nhất là sâu sắc. Bởi chúng ta không chịu phân tích và suy xét kỹ, nên bất cứ một vấn đề gì, chúng ta không thể biết dễ dàng chu đáo, biết một cách thấu suốt. Mà tâm hồn người ta lại là một vật khó biết nhất. Những trạng thái tâm lý trong lòng người rất

là phiền phức, kín đáo và uyển chuyển. Biết mình, xưa nay vẫn là câu châm ngôn của các nhà hiền triết. Nhưng không một ai dám tự phụ là thực hành được câu ấy cả.

Trong văn chương ta, từ năm 1935 trở đi, có hai phong trào: phong trào bình dân và phong trào xã hội. Nhưng ở đây cũng như ở trường học chính trị, những người hiểu biết và thành thực rất hiếm, phần nhiều chỉ là a dua. Nhiều nhà văn xưa nay không hề chú ý đến tình cảnh sinh hoạt của dân quê, bỗng một sáng tỉnh dậy thấy mình là một văn sĩ bình dân. Rồi họ viết những tác phẩm tả những nỗi đau khổ của các người nhà quê và thợ thuyền. Nhưng người đọc chịu suy xét không bao giờ bị mắc lừa. Những cảnh mà nhà văn ấy bày ra trước mắt ta không làm cho ta rung động: và những hành vi tâm lý của các nhân vật trong truyện, bởi không nhận xét đúng, nên để cho ta thấy rằng những nhân vật đó không có thật. Sự khéo léo, cái nghệ thuật vững chắc, có khi làm cho chúng ta phục. Nhưng chỉ có lòng tin tưởng, sự thành thực sâu xa của tác giả mới khiến chúng ta cảm động được.

Văn chương bình dân chỉ nảy nở khi nào có những nhà văn ở đám bình dân mà ra, hay có những liên lạc mật thiết và chặt chẽ với đám người đau khổ đó. Cách sinh hoạt của những người nhà quê An Nam, cũng như cách sinh hoạt của hạng người khác trong xã hội, cần phải nhận xét đúng lắm mới diễn tả được. Tôi lấy làm lạ

rằng trong các tiểu thuyết của ta, chưa có quyển nào viết về dân quê nếu không phải chỉ là phô bày những hình ảnh sáo, những tâm lý nông nổi và bịa đặt. Chưa có nhà văn nào làm hoạt động những người dân quê thực, bày tỏ những hành vi và tâm trạng của bác nhiều, bác xã An Nam, không nhìn lũy tre qua cái lãng mạn mơ màng, hay cái khuôn sáo đẹp đẽ văn chương. Phong trào thứ hai ở đây, cùng những điều thiếu thốn lạ ta thấy trong phong trào bình dân. Những tiểu thuyết có luận đề thi nhau xuất bản. Một chứng cứ đầy đủ tỏ sự nghèo trí tưởng tượng của các nhà văn ta: sau quyển *Đoạn tuyệt*, có đến hai quyển tiểu thuyết nữa, cũng dùng buổi xử hòa ở tòa án để kết cục truyện. Không có gì thực và nhân tạo bằng. Những lời kết tội nghiêm khắc của ông chủơng lý đại diện cho lễ lối phong tục cũ và những lời cãi hùng hồn của trạng sư, khiến chúng ta buồn cười.

Trong phong trào xã hội, có vấn đề được các nhà văn ta theo nhau nói đến, là vấn đề thanh niên truy lạc. Nhưng với một đầu đề như thế tôi lấy làm lạ chưa có một nhà văn nào diễn tả được đúng đắn tâm trạng và nổi bần khoản của thanh niên (Mà các nhà văn đều là thanh niên). Bọn thanh niên chúng ta không thấy mình ở trong những tác phẩm đó; chúng ta chỉ thấy những ý nghĩ và tâm lý của tác giả, một tác giả không biết người, cũng không tự biết mình, quyết đoán một cách sai lầm; bởi thế chúng ta đứng dưng và lãnh đạm với tất cả những hành vi của các nhân vật trong truyện.



Đến đây, lại thấy cái cần đối với các nhà văn, phải biết suy xét tâm hồn mình. Qua tâm hồn ta, chúng ta có thể đoán biết được tâm hồn mọi người. Và chỉ khi nào chúng ta hiểu biết được những trạng thái tâm lý của mình một cách sâu sắc, chúng ta mới hiểu biết được trạng thái tâm lý người ngoài.

Tôi còn nhớ, trong một số báo “Nouvelle Revue Indochinoise”, bà Christine Fournier có viết đại ý như thế này: “Các nhà văn Pháp, các nhà văn trong hoàn cầu, đã viết tất cả những vấn đề mà một nhà văn có thể viết được. Vậy chúng ta - các văn sĩ An Nam - còn viết về cái gì nữa? Còn cần viết gì nữa” Bà Ch. Fournier trả lời: “Các anh còn tâm hồn của anh. Đó là sự phong phú dồi dào của các anh, các anh không cần tìm đâu nữa”.

Chúng ta không cần bắt chước ai (mà công việc bắt chước không phải là công việc sáng tác). Chúng ta chỉ có thể bằng các nhà văn ngoại quốc, khi chúng ta đi sâu vào tâm hồn của chúng ta mà thôi.

Tôi đã có dịp đọc nhiều tác phẩm chưa xuất bản của các nhà văn. Tôi phải buồn rầu khi nhận thấy, trong vài chục văn phẩm đó, một sự nghèo nàn không ai ngờ. Các nhà văn đó hình như không biết cái gì, nên chùng ảỵ nghệ sĩ chỉ quanh quẩn trong vài cái đầu đề giống nhau. Vẫn biết cái đề không phải là cái quan hệ, trái lại

nữa: nhưng tôi muốn nói rằng những tư tưởng và tâm lý của các nhà văn trên kia cũng gần giống nhau trong vài khuôn sáo sẵn. Họ đi nhăm đường. Họ mang trong người một cái quý vô hạn mà cứ đi tìm đâu đâu tựa như vác gói bạc trên vai mà không biết, lại ngửa tay đi ăn xin. Của quý ấy là tâm hồn của họ. Đáng lẽ đi theo những khuôn sáo sẵn, họ trở về trong lòng, suy nghĩ và phân tách những thay đổi của tâm hồn mình, thì hay biết bao nhiêu.

Do đấy, sự bất thành thực mới là cái then chốt của nhà nghệ sĩ. Muốn viết một tác phẩm bất hủ, một tác phẩm mà giá trị không theo thời đại, ta phải để hết nổi rung động trong tác phẩm đó. Jacques Chardonue nói có hai tiểu thuyết gia. Một hạng chú ý làm cho người đọc giải trí bằng sự diễn tả các phong tục trong xã hội, bằng cốt truyện ly kỳ hay ngoắt ngoáy. Một hạng viết tiểu thuyết để bày tỏ ý tưởng, những cảm động của mình bằng hành vi của nhân vật truyện. Hai hạng có những độc giả khác nhau. Theo ý tôi, một tác phẩm nào của nhà văn cũng có một chút ít nhà văn trong ấy. Muốn dùng danh từ gì mặc lòng, tả chân, khách quan, hay chủ quan, cái bản ngã của tác giả, cũng lộ ra trong những câu văn tác giả viết. Ta thấy rõ cái địa vị quan trọng của tâm hồn tác giả. Bởi vì tài năng không phải ở chỗ xếp đặt các câu văn, xếp đặt cốt truyện cho cổ mạch lạc; cái thực tài của nhà văn nguồn gốc chính tâm hồn nhà văn; một nghệ sĩ phải có tâm hồn phong phú,

những tình cảm dồi dào. Nếu không, nghệ sĩ đó chỉ là thợ văn khéo mà thôi.

Chịu theo tâm hồn mình lại còn bao hàm cả cái can đảm mình dám làm mình. Máy người có cái can đảm ấy. Tuy nghệ sĩ đã phải là một người khác thường, không chịu bắt chước ai, không chịu ép mình vào khuôn sáo nào. Ngày xưa mình bắt chước văn Tàu, bây giờ lại bắt chước văn Tây. Ta thấy nhiều nhà văn cóp cả một cuốn truyện Pháp làm của mình, hoặc cóp một vài đoạn cho vào tác phẩm viết ra. Cũng như khi học bắt chước cái cốt truyện và cách diễn tả của một nhà văn có tiếng. Họ không có cái tự kiêu của người độc lập và tâm hồn thanh cao. Những văn phẩm của họ chỉ là những công trình vô giá trị.

QUAN NIỆM TRONG TIỂU THUYẾT

Cái khuynh hướng của tiểu thuyết bây giờ là hết sức gần sự sống, để được linh hoạt và thật như cuộc đời. Những tiểu thuyết luân lý xưa, người ta thấy chân chính bởi những tiểu thuyết đó chỉ là một cách xếp đặt khô khan, không giống sự thực. Phải, tiểu thuyết bao giờ cũng là một sáng tác của trí tưởng tượng một câu chuyện xếp đặt, nhưng với đời sống bên trong ngày một mạnh mẽ hơn, người đọc muốn rằng câu chuyện xếp đặt đó phải hợp với lẽ phải và xúc động đến tình cảm của mình.

Thật là ý nghĩa, khi ta thấy những tiếng dùng trong các bài phê bình đăng trên báo Pháp và các nước khác. Khi chê một tác phẩm, người ta có những tiếng: không tự nhiên, không chân thật, vân vân; và trái lại, khi khen ngợi những tiếng: thật, linh động, giống người.

Nhưng một cuốn tiểu thuyết thế nào là linh động như cuộc đời? Trước hết, cái quan niệm “vai chính hoàn toàn” của tiểu thuyết là sai lầm. Cái hoàn toàn tốt hay cái hoàn toàn xấu không có trên đời, đó là một điều mà ai cũng biết: Người ta là một động vật phiền phức. Tâm hồn người ta không giản dị như một biểu hiện và bao giờ cũng có một phần bí mật. Một người rất tốt có thể có những lúc giận dữ, tàn ác, như một người rất tàn ác có thể có những lúc hiền hậu, nhân từ. Người ta là người với những sự cao quý và hèn hạ của người. Những hành vi của người ta không phải chỉ do lẽ phải và trí thức, và phần nhiều định đoạt bởi những nguyên cơ sâu xa khác: tính di truyền, tạng người, tính chất v.v... Nhà tâm lý học Freud, khi giảng rõ cái quan trọng của phần “vô giác” trong sự sống của người đã ở một cách gián tiếp, một cái bờ cõi không ngờ cho văn chương. Nhà nghệ sĩ giỏi là nghệ sĩ tạo ra những nhân vật thật và hoạt động, ngoài những tính cách và đặc điểm của cái địa vị xã hội, tìm đến được cái bí mật không tả được ở trong mỗi con người.

Nếu muốn tìm một câu định nghĩa ngắn (và bao giờ cũng thiếu thớt) để nói thế nào là một tiểu thuyết hay,

tôi ưa câu này của Maurice Barrès: “Một cuốn tiểu thuyết hay là một cuốn tiểu thuyết đã làm cho ta rung động”. Câu ấy không được hoàn toàn. Nhưng một văn phẩm làm cho ta rung động, chẳng phải là vì đã tìm được đường đến thẳng tâm hồn ta rồi sao?

*

* *

Nhà nghệ sĩ chỉ có thể diễn tả đúng tâm lý một người khi quan sát đến cả hoạt cảnh xung quanh. Người ta không sống một mình, và có liên lạc mật thiết với những người khác, với xã hội. Phải làm sống lại trong tiểu thuyết cái không khí bao bọc lấy vai chính. Phải bày tỏ bằng những hành động cái tâm lý của các nhân vật. Sự quan sát, bởi thế, rất cần: quan sát đúng, tìm những hành vi chính, đó là cái tài nghệ sĩ. Những điều nhỏ nhỏ, một nét mặt, một cử chỉ, một giọng nói, cho chúng ta biết rõ tâm lý một người hơn những công việc và quyết định hệ trọng, trong lúc ấy, người ta tìm xét lại mình. Những cái mà ta thường coi là nhỏ nhất, vụn vặt hay tỉ mỉ chính lại là những cốt yếu của tiểu thuyết hay.

Các tác giả người Anh hay Nga rất khéo làm linh động cái không khí bằng những việc nhỏ nhỏ như thế. Bởi vậy tiểu thuyết của Anh bao giờ cũng hay hơn Pháp. Tiểu thuyết Anh hay Nga gần chúng ta hơn, và

làm chúng ta cảm động hơn. Tiểu thuyết của Pháp, bởi cách xếp đặt và bố trí khéo léo và chặt chẽ khiến chúng ta phục, nhưng không thích, vì không đi sâu vào trong tâm hồn ta. Văn chương Pháp là một văn chương trí thức, mà đặc điểm là sáng sủa, sự đẹp đẽ, và cũng bởi thế, theo lời André Gide trong bài diễn văn đọc ở buổi hội họp các nhà văn quốc tế, lúc nào cũng đi gần cái vực sâu của sự giả dối. Nhưng, chịu ảnh hưởng của văn chương nước ngoài, các tác giả Pháp bây giờ đã biết chú trọng hơn về cách làm hoạt động tiểu thuyết bằng những cái chi tiết nho nhỏ.

★

★ ★

Theo quan niệm trên kia, chúng ta thấy rằng những tiểu thuyết luận đề mà trong đó tác giả cố ý bắt buộc các việc xảy ra và tâm lý các nhân vật theo ý định của mình, những tiểu thuyết đó đều ít giá trị, bởi không thật. Tác giả phải lấy một bài học ở các việc trong đời chứ không được bắt buộc cuộc đời phải theo luận đề mình định tỏ bày. Sự theo phục cuộc đời đó không bắt buộc tác giả phải ca tụng cái xấu, bởi vì trong người ta, cái xấu và tốt lẫn lộn, mà cái thiên chức của nhà văn, cũng như những chức vụ cao quý khác, là phải nâng đỡ những cái tốt, để trong đời có nhiều công bằng, nhiều thương yêu hơn.

Nhưng muốn bày tỏ gì mặc lòng, nhà nghệ sĩ trước hết phải làm thật đã. Sự thật bao giờ cũng giản dị và sâu sắc (giản dị đây có nghĩa là không huênh hoang); những hành vi có vẻ tuồng của các nhân vật trong phần nhiều các tiểu thuyết của ta tỏ ra rằng nhà văn ta hãy còn bị những trống rỗng và hào nhoáng làm lóa mắt. Một vai chính sẽ cho là xấu hổ nếu không làm những việc cao thượng - cái cao thượng sáo - quá người thường nếu không đa sầu đa cảm hơn người thường, như khóc con môi chết hay đi chôn cành hoa rơi (Anh chàng Giả Bảo Ngọc trong *Hồng Lâu Mộng* và Từ Trâm Á. Chúng ta còn chưa biết cái tình cảm thật với cái “đa cảm văn vơ”.

Bỏ hết những cái sáo, những cái kêu to mà trống rỗng, những cái giả dối đẹp đẽ, tìm cái giản dị, sâu sắc và cái chân thật, bằng cách quan sát và rung động đúng, đó là công việc các nghệ sĩ phải làm. Chúng ta cứ là chúng ta, với cái tâm hồn và bản ngã thật của chúng ta.

NHỮNG NGƯỜI ĐỌC TIỂU THUYẾT

Người ta có thể nói bao nhiêu thứ tiểu thuyết thì có bấy nhiêu hạng độc giả. Nhưng lấy tính cách chung và rõ rệt giống nhau, ta có thể xếp những người đọc sách vào hai hạng: hạng độc giả chỉ cốt xem

truyện và hạng độc giả chỉ thích suy nghĩ, thích tìm trong sách những trạng thái tâm lý giống tâm hồn mình.

Hai hạng độc giả cùng đọc sách để giải trí. Từ cách giải trí thông thường để mua vui, đến cách giải trí lý thú của những người coi sự hoạt động của trí óc là một công việc ham mê.

Hai hạng độc giả trên nhiều hơn. Họ đọc tiểu thuyết gì cũng được, bất cứ loại gì, và chỉ cần xem cốt truyện: họ vội vàng đọc để giở đến trang cuối sách xem “về sau ra làm sao”. Cần gì câu văn, hay tư tưởng của tác giả: nhiều khi câu văn hay, tư tưởng sâu sắc của tác giả lại là điều trở ngại trong việc đọc của họ. Hạng này chỉ cần có cái cốt truyện rắc rối sẽ được họ yêu thích. Một quyển tiểu thuyết hay, nhưng nếu không có cốt truyện ly kỳ sẽ làm họ thất vọng và phê bình “truyện chẳng có gì cả”.

Ở trong nước ta, hạng này phần nhiều là các bà; không thể nhận được câu văn hay, hoặc một tư tưởng thâm thúy, họ say mê về cốt truyện và ưa thích các nhân vật có những hành động cao thượng hay bí mật. Nhưng tôi cũng biết nhiều người đàn ông, có học thức hẳn hoi, mà không thể phân biệt được một quyển tiểu thuyết hay với quyển tiểu thuyết dở. Sự thiếu suy xét đó thành ra không phải là vật sở hữu riêng gì của phái yếu.

Hạng độc giả này ngón tiểu thuyết như người ta ăn cơm lấy no, và khi đọc xong họ không có cảm tưởng gì cả. Họ còn bận đọc quyển khác. Chính hạng độc giả này

khiến cho nhiều nhà văn - đáng lẽ bắt buộc độc giả phải theo mình, thì lại đi theo chiều độc giả - sản xuất ra những tiểu thuyết câu kỳ và theo thời.

Các sinh hoạt khó khăn hiện nay, cuộc đời mỗi ngày thêm gay go, đã làm nảy nở trong lòng người Tây phương cái ham muốn lãng quên; một thứ văn chương ra đời mà người ta gọi là “văn chương thoát ly”, những tiểu thuyết trinh thám được lòng ưa chuộng của công chúng. Các loại tiểu thuyết này kích thích rất mạnh mẽ trí tưởng tượng của người đọc và khiến họ quên trong chốc lát cuộc đời buồn nản hàng ngày. Những tác phẩm của Pierre Benoit, của Maurice Dekobra, những du ký của các “nhà văn du lịch” bán chạy như tôm tươi. Và những tiểu thuyết trinh thám của Anh - người Anh có biệt tài về cách viết loại tiểu thuyết này, đem tương đối cái khôn khéo của trộm cướp giết người với cái xét đoán chặt chẽ của sở mật thám, khiến cho người đọc mê man không biết chán.

Chỉ mới có ít tiểu thuyết trinh thám sản xuất ở nước ta. Đó là một điều đáng tiếc. Vì ở đây, những loại tiểu thuyết đó lại thay bằng những tiểu thuyết kiếm tiền và võ hiệp. Mà đọc tiểu thuyết kiếm hiệp là người ở khắp các hạng trong xã hội ta, từ người lớn đến trẻ con. Sự bán chạy của loại tiểu thuyết này có thể giảng được ở chỗ đã làm mãn nguyện những cái ưa thích hèn yếu trong người ta. Trước hết, một nguyên cố về tâm lý: tiểu thuyết kiếm hiệp làm thỏa một cái nhu cầu tâm lý

những người bị một sự hèn kém đè nén, như người ta với người Tàu. Chúng ta không còn tin ở sức mạnh có thể có của tâm hồn chúng ta, mà cũng không tin - vì không biết - ở sức mạnh vô cùng của khoa học. Bởi thế chúng ta đi tìm an ủi trong những cái tưởng tượng huyền diệu, dù rằng vô lý. Những trẻ con Anh hay Pháp chẳng hạn, chúng cần gì đọc phép luyện phi kiếm hảo, khi chúng tin rằng khoa học có thể làm hơn thế và chắc chắn hơn.

Tiểu thuyết kiếm hiệp phát triển rất mạnh vì được một vài nhà văn tham lam cốt chỉ chiều theo ý công chúng để kiếm lời, tìm hết cách sản xuất ra. Nhưng may thay cái dịch kiếm hiệp hình như cũng bắt đầu bớt rồi. Tôi mong ước sẽ có những tiểu thuyết phiêu lưu hay trinh thám đến thay vào, làm nảy nở trong lòng người đọc lòng ham thích du lịch và sự thực (Cái bí mật của trinh thám tiểu thuyết bao giờ cũng dựa vào khoa học hay vào những lý luận chắc chắn). Những tiểu thuyết du ký sẽ khiến người đọc ước mong những cảnh trời xa lạ bên ngoài.

Bây giờ tôi mới nói đến hạng độc giả thứ hai, thật đáng tiếc lại rất hiếm. Hạng này là những người không lười trí, họ ưa suy nghĩ, tư tưởng và tìm tòi. Họ thờ phụng và theo đuổi cái đẹp, cái hoàn toàn. Họ biết thưởng thức một câu văn hay, một ý tưởng sâu sắc và cảm thấy một cái thú vị vô song khi sắp bước vào tâm hồn của một nhân vật nào.

Những người này không bao giờ cần biết cốt truyện “về sau ra làm sao”. Tiểu thuyết có cốt truyện ly kỳ và rắc rối chỉ khiến họ bực mình vì không được biết rõ tâm hồn các nhân vật.

Họ cũng đọc tiểu thuyết để giải trí, nhưng cách giải trí thanh nhã và cao quý đem đến cho họ những điều lợi ích và tâm hồn họ trở nên dồi dào. Họ coi đọc sách là cái thú thân tiên nhất và có lẽ những cái đẹp đẽ và sâu sắc nhất của họ là nhờ tiểu thuyết mà có. Những tiểu thuyết bắt buộc họ phải suy nghĩ là những tiểu thuyết họ ham thích. Đọc sách đối với họ là một cách luyện mình để cho tâm hồn phong phú hơn lên.

Bởi thế họ không cần chú ý đến cách xếp đặt và bố trí câu chuyện trong tiểu thuyết. Họ cần gì vai chính này về sau có lấy hay không lấy cô thiếu nữ xinh đẹp kia? Họ cốt chú ý đến cách diễn tả tâm lý của tác giả, có đúng hay không, hời hợt hay sâu sắc. Vì vậy họ dừng dưng với cái tốt, xấu của người trong truyện: cái tâm lý của một bậc thánh hiền.

Hạng độc giả này là mực thước đo trình độ văn chương. Họ có nhiều tức là văn chương phong phú và giá trị. Họ là tri kỷ thân yêu của các nhà văn chân chính và khiến những tác phẩm xuất sắc không phải mai một trong quên lãng.

MỘT VÀI Ý NGHĨ...

"Văn chương" trong câu văn và trong ý tưởng

Có những nhà văn lúc nào cũng nói đến các thứ hoa, đến các màu sắc, đến các cây cỏ có vẻ "nên thơ". Với họ, hoa nở trong sương sớm, màu sắc rực rỡ dưới ánh dương, cây liễu rủ bên hồ là những hình ảnh tươi đẹp và thanh cao làm cảm động lòng văn sĩ. Nói đến những cái đó là một bổn phận, một sự cần phải có, để tỏ rõ cái "thị vị" của tâm hồn. Họ không bỏ lỡ mất dịp nào và ấn đầy hoa, đầy màu lạ, đầy câu tả cảnh đẹp để nhắc đi nhắc lại đã nghìn lần trở nên những hình ảnh sáo cũ mòn và vô vị.

Tôi còn nhớ đã đọc một thiên truyện ngắn, trong đó tác giả tả cảnh bến đò Tân Đệ một đêm trăng: "Bên bờ ngàn liễu rủ mình trong sương lạnh". Nhưng bến đò Tân Đệ không có liễu bao giờ cả, chỉ có những kè đá với những biển gỗ sơn đen. (Có lẽ tác giả trong một cơn cao hứng đã trông nhầm cái cột dây thép ra cây liễu chăng?).

Thật hoa là đẹp, liễu có vẻ nên thơ, không ai chối cãi điều đó. Nhưng cái đẹp chỉ cứ ở hoa, ở liễu thôi đâu? Cái đẹp man mác khắp vũ trụ, len lỏi khắp hang cùng ngõ hẻm, tiềm tàng ở mọi vật tầm thường. Công việc của nhà văn là phát hiện cái đẹp chính ở chỗ mà không ai ngờ tới, tìm cái đẹp kín đáo và che lấp của sự vật, cho người khác một bài học trông nhìn và thưởng thức.

Những năm đầu của tôi trong văn chương, ngày còn nhỏ, tôi cũng sinh tâm hồn “thi sĩ” như họ. Trong cuốn sổ tay tôi biên chép những câu văn sáo về hoa nở trắng lên: tôi yêu mến các thứ hoa đẹp dễ và đã có lần bắt chước Giả Bảo Ngọc trong *Hồng Lâu Mộng*, lần lần nhặt cánh hoa rơi đem chôn ở vườn. Tôi dần dần được thấy cái dáng tức cười hồi ấy của tôi. Tôi không ca tụng hoa và liễu nữa, ít ra cũng không ca tụng như người ta thường vẫn làm. Tôi thấy trong cái mầm đầy nhựa của một cây rất tầm thường, trong những túp lá non, nhiều ý nghĩa: Sự sống mạnh mẽ, tràn trề của mọi vật, cái vui sướng của mầm cây từ dưới đất nhô lên đón ánh mặt trời, cái rung động của ngàn lá trong cơn gió. Tất cả những cái ấy đối với tôi đều tuyệt đẹp. Tôi không cần nhắc lại những câu văn sáo về hoa lá, về những cảnh thơ mộng có liễu rủ bên hồ; với tôi sự đẹp có muôn hình vạn trạng phong phú và đầy đủ, có những giá trị khác xưa.

★

★ ★

Ở văn chương cũng như ở mỹ thuật, ở cách y phục và cách điểm trang, cũng có những “mode” thay đổi theo từng thời. Trước hết là “mode” của những thiếu nữ đa sầu, đa mộng: vẻ xanh xao lúc bấy giờ là biểu hiện tâm hồn cao thượng. Sức khỏe hồng hào và cái cười vui sướng là triệu chứng của sự tầm thường. Rồi đến lượt

các thanh niên yêu nước và chính trị: người ta ganh nhau bí mật tư lự và dăm dăm. Rồi đến thanh niên bình dân và xã hội, bỗng nhiên tự thấy mình có cảm tình với các người nghèo khổ xung quanh. Trong lúc ấy thì người thiếu nữ ít thay đổi hơn; các nhà văn gán cho họ những tâm tình mà họ chưa có chút nào.

Gần đây một nhóm văn sĩ lại nêu ra nhiều nhân vật mới: trong các tác phẩm của họ, bất cứ loại nào, con gái thì phải ngồi cửa sổ đan áo len (mùa nực cũng như mùa rét), để mong đợi người tình; người tình này là một thanh niên xông pha gió bụi, về chiều hay thơ thẩn trên các bến dò. Sao lại các bến dò? Bí mật! Với cái đầu đề "thương nhớ và phiêu lưu" ấy họ viết thành truyện, thành thơ, thành thiên tình sử, không một mối và không ngừng. Ta có thể chắc chắn rằng một ngày kia, theo chiều gió, khi thấy độc giả bắt đầu chán những thứ ấy, họ lại quay ra ngâm vịnh những đầu đề khác hợp thời hơn. Để có khi mình trái ngược với mình. Nhưng cái đó họ không cần.

★

★ ★

Cái "hoàn toàn" lạnh lẽo

Chúng ta thường nghe nói: chỉ có thánh nhân mới hoàn toàn. Người bao giờ cũng có cái dở, cái khuyết

điểm, bên cạnh cái hay. Nhưng chính vì những khuyết điểm, hèn yếu ấy mà người trở nên dễ thương, dễ mến. Cái hoàn toàn lạnh lẽo lắm.

Trong một tiểu thuyết, các nhân vật hoàn toàn không lấy được cảm tình của độc giả. Chúng ta có lẽ phục, nhưng mà chúng ta không yêu. Chính vì một nhân vật hoàn toàn là một nhân vật không thực, một nhân vật bịa đặt bởi tác giả và vì thế không linh động chút nào.

Còn ai hoàn toàn hơn những thần và những thánh? Vậy mà người ta thấy cái cần phải “nhân hóa” những đấng thiêng liêng ấy. Để khiến các vị cũng cùng một mực thước như người. Các bà đồng bóng, các con công đệ tử của chúa, đều trước hết đã hiểu cái cần cốt yếu đó. Ông Hoàng bà Chúa đều được tưởng theo hình ảnh của người phàm. Mỗi ông Hoàng bà Chúa đều có tật xấu và nét dở, đều có những nhược điểm như người: để mà có thể nịnh hót, có thể phỉnh phờ, để mà nâng niu, yêu dấu, để cảm thấy thần thánh cũng gần mình.

(Nếu không, chẳng còn ai thiết mê thần, mê thánh nữa).

Những tiểu thuyết luân lý ngày xưa khiến chúng ta lãnh đạm và không làm chúng ta cảm động, chính vì các nhân vật trong chuyện hoàn toàn quá. Những nhân vật ấy hình như ở một thế giới riêng, không có những hèn yếu và băn khoăn của người đời và chúng ta không thấy hình ảnh mình ở những nhân vật ấy. Sự bịa đặt,

đủ hoàn toàn, không bao giờ bằng sự thật. Và tôi xin nhắc lại câu này của André Bellesort: “Không gì bằng sự thực; sự sống là cái chuẩn đích, là mực trước của mọi vật”.

Mà nói đến sự sống, tức là nói đến sự đổi thay. Cuộc sống không đứng yên một chỗ, lúc nào cũng hoạt động, cũng lưu chuyển như dòng sông chảy mãi chẳng ngừng. Tìm xét sự sống ở trong ta và ở xã hội quanh ta, tức là biết nhận được những cái gì đang thay đổi, những mầm giống gì sắp nảy nở; ở mặt tâm lý, thì quan sát được tâm lý sau này của người, ở mặt xã hội thì phác họa được trước cái xã hội khác sắp đến thay. Cho nên những nhà văn thực tài đều là những nhà tiên tri: họ đoán biết và vì thế giúp đỡ vào cái gì sẽ gây dựng sau này.

TIỂU THUYẾT ĐỂ LÀM GÌ?

Tôi đã nghe thấy nhiều lần câu hỏi sau đây. mua sách để làm gì, và đọc sách, nhất là đọc tiểu thuyết, có những lợi ích gì?

Đó là một câu hỏi nhiều người đã đặt, và cũng nhiều người đã trả lời. Nhưng đó là một vấn đề mà sự bàn cãi chỉ đem những ý kiến thêm, và bởi còn có người tự hỏi đọc sách để làm gì thì cũng cần có người tìm cách trả lời.

Đọc tiểu thuyết để làm gì? Câu trả lời đến ngay trên

miệng ta là: đọc để giải trí. Nhưng có nhiều cách giải trí, cũng như có nhiều cách chơi. Người ta nói rằng đọc tiểu thuyết để thỏa mãn cái cần thoát ly mà người nào chúng ta cũng mang ở trong lòng: thoát ly cuộc đời tầm thường và tẻ mọn hàng ngày, thoát ly cái hoàn cảnh ta đang sống, để tưởng tượng đưa theo hành vi của nhân vật trong truyện, dựa vào những trường hợp kỳ lạ xảy đến cho các nhân vật ấy. Người ta ai ai cũng khát khao những cuộc phiêu lưu của đời sống bên trong hay bên ngoài, và dựa vào những cuộc phiêu lưu nguy hiểm hay không ấy, trong khi mình ngồi yên lành trên chiếc ghế ở nhà, lại đem đến cho người đọc một cái thú vị gấp đôi.

Nhưng nếu chỉ cần giải trí và thoát ly thôi, thì đọc tiểu thuyết trình thám, hay một chuyện nào đó, là đủ rồi. Không, tiểu thuyết còn đem đến cho ta những thỏa nguyện khác, và giới hạn cái lợi ích của tiểu thuyết ở giải trí và thoát ly là làm hẹp đi cái ảnh hưởng của tiểu thuyết nhiều lắm. Tiểu thuyết có một ích lợi khác rất lớn, và theo ý tôi, quan trọng nhất: tiểu thuyết dạy ta biết sống, nghĩa là dạy ta biết sung sướng. Sống! Nhiều người không đọc tiểu thuyết bao giờ mà vẫn sống như thường, và chẳng đợi bài học của tiểu thuyết họ mới sung sướng. Đã đành thế, nhưng biết sung sướng cũng không phải là không khó khăn.

Có những người sống như cỏ cây cỏ, một đời sống tẻ ngắt và khó khăn, phẳng lặng như mặt nước ao tù. Tôi phải buồn rầu mà nhận rằng đấy là đời sống của phần

nhiều người An Nam chúng ta. Nếu chỉ ăn với ngủ, với chơi, thì đời sống đó chẳng có gì đáng quý: cái đời sống cần là cái đời sống bên trong, cái đời sống của tâm hồn. Chúng ta có cái đời sống bên trong rất nghèo nàn và rất bạc nhược. Những tính tình phong phú, dồi dào hay mãnh liệt, chúng ta ít có. Chẳng dám yêu cái gì tha thiết mà cũng chẳng dám ghét cái gì tha thiết, lòng yêu, lòng ghét của chúng ta nhạt nhẽo lắm. Chúng ta đổi lòng tin ngưỡng rất sâu xa ra một tin ngưỡng thiên cận và nông nổi, giữ cái vờn cao về đạo giáo của tâm hồn xuống mục thước sự sẵn sóc nhỏ bé về ẩm no.

Ấy chính tiểu thuyết sẽ đem sự phong phú dồi dào đến cho tâm hồn chúng ta. Ta sẽ được biết nhiều trạng thái và thay đổi của các tâm hồn mà nhà văn diễn tả, nhận xét được những màu sắc mong manh của tâm lý, chúng ta sẽ tập cảm xúc sâu xa và mãnh liệt, biết rung động hơn, trước những vẻ đẹp của trời đất, trước những hành vi cao quý của người trong truyện. Và khi biết phân tích và suy xét ngay chính tâm hồn của mình: chúng ta sẽ sống đầy đủ hơn.

Như vậy có phải một bài học về cách sống mà tiểu thuyết đã đem lại cho chúng ta không? Khi tâm hồn ta đã rèn luyện thành một sợi dây đàn sẵn sàng rung động trước mọi vẻ đẹp của vũ trụ, trước mọi cái cao quý của cuộc đời, chúng ta là người một cách hoàn toàn hơn. Những tính tình tốt đẹp nhất của người, tình yêu và tình thương - hai cái thường lẫn làm một - cùng sẽ nhờ

tiểu thuyết mà nảy nở rộng rãi thêm. Ai có biết một quyển tiểu thuyết nào đã cảm động ta mà không gợi yêu, thương, không gợi lòng nhân từ bằng cách bày tỏ những điều bất công ác nghiệt của cuộc đời?

Biết sống, rút lại, là biết cách sung sướng. Nếu chính ta đã nhận là sung sướng rồi, tiểu thuyết đối với ta vẫn không phải là vô ích, tiểu thuyết sẽ làm cho ta sung sướng nữa lên. Trước khi đọc tiểu thuyết, ta vẫn thích nghe đàn hát vẫn thích ngắm cảnh đẹp, vẫn thích ăn ngon. Tiểu thuyết sẽ khiến ta thích đàn hát hơn nữa, và hưởng các thú ăn ngon một cách đầy đủ hơn nữa.

Và tôi tưởng quyển tiểu thuyết hay nhất - hay công dụng nhất - là quyển tiểu thuyết sẽ làm cho người ta yêu, ham muốn yêu, không phải là yêu một người, nhưng yêu mọi người; không phải một vật, nhưng yêu mọi vật. Hiểu biết tình yêu, thưởng thức những thú vị phức tạp và nhiều màu sắc của tình yêu, còn gì sung sướng hơn nữa! Mỗi cử chỉ, mỗi hành vi của ta đều rộng rãi, đẹp đẽ, và mỗi việc ở đời đối với ta đều có một ý nghĩa riêng. Chính nhà tiểu thuyết gia có biệt tài là nhà văn đã diễn tả đúng và thấu đáo cái tâm lý uên chuyển của người, nhà văn chính mình có một tâm hồn rất phức tạp và giàu có.

NGƯỜI NHÀ QUÊ TRONG VĂN CHƯƠNG

Ít lâu nay những tiểu thuyết về dân quê sản xuất cũng khá nhiều. Một số các nhà văn vì theo thời, hay vì cái sở thích văn chương đột ngột, đã bỏ những nhân vật phi thường hay lãng mạn để quay đầu về nhìn người nhà quê chân lấm tay bùn trên thửa ruộng. Người này trở nên nhân vật chính trong tác phẩm của họ.

Nhưng chúng ta thấy còn gì ở người dân quê ấy sau khi đã trông và sửa chữa qua con mắt của nhà tri thức? Hình ảnh người dân quê mà các nhà văn đó trình bày thật khác hẳn người dân quê thực. Người dân quê trong tiểu thuyết có những đức tính và tật xấu mà người dân quê thực không có.

Thật là một sự rất nhiều ý nghĩa khi ta nhận ra rằng trong văn chương, cả văn chương Pháp nữa, những nhà viết tiểu thuyết đã nhận xét khác hẳn nhau. Người dân quê của Zola không giống người dân quê của Georges Sand chẳng hạn, và gần đây người dân quê của Maurice Martin du Gard cũng khác hẳn người dân quê của Giono.

Ở bên ta số nhà văn tả dân quê hầy còn ít. Mới có vài cuốn tiểu thuyết có nhân vật chính ấy. Điều đáng phân nân là các nghệ sĩ kia tưởng đã đến gần người dân quê trong lúc chính họ xa người ấy.

Chúng ta thấy gì? Mới đầu các nhà văn trình bày một hình ảnh rất nên thơ và thú vị của cảnh quê. Cô thôn nữ được coi như một cô gái ngây thơ và chất phác, yêu một cách chân thực, trong một khung cảnh mà các nhà văn tả cái đẹp và cái êm đềm. Những công việc ở nhà quê được trình bày như là các công việc thanh thoát và giản dị.

Một vài nhà văn khác có khuynh hướng xã hội hơn, lại trình bày trái ngược hẳn: thôn quê từ một phong cảnh thiên đường đã trở nên ngay một địa ngục. Người dân quê phải chịu bao nhiêu nỗi đè nén áp bức và các nhà văn thấy cái thích đối lên đầu họ bao nhiêu nỗi khổ sở và điều đứng mà họ tưởng càng nhiều thì tác phẩm càng có giá trị.

*

* *

Đã đành rằng có đôi phần sự thực ở trong ấy. Nhưng sự thực quan sát không phải lúc nào cũng dễ dàng. Trong các tiểu thuyết kia, người dân quê hãy còn là một nhân vật tượng tượng của nghệ sĩ, chỉ có những liên lạc rất xa xôi với bác nhiều, bác xã sau lũy tre làng. Điều mà chúng ta cần phân biệt, là nên làm hoạt động những nhân vật tượng tượng, hay làm sống lại những người dân quê thực? Nên tác tạo một cuốn tiểu thuyết với những nhân vật của cuộc đời; hay nên tác tạo những nhân vật cho một quyển tiểu thuyết?

Trong văn chương - văn chương Pháp mà chúng ta bị ảnh hưởng - bao giờ cũng có những tục lệ mà chúng ta chưa dễ vượt qua được. Người ta đã nói đến lòng yêu đất của người nhà quê. Sự thực, người nhà quê chỉ yêu quý ruộng đất chừng nào mà họ là chủ ruộng đất ấy thôi. Và khi người nhà quê từ chối không chịu bỏ làng ra tỉnh hay đi nơi khác kiếm ăn, ấy là vì sự ràng buộc của những thói quen sinh hoạt, những thói quen vật chất hay tinh thần, hơn là vì lòng tha thiết với đồng ruộng. Hay là tấm lòng tha thiết ấy có những nguyên do khác như các nhà văn văn tưởng.

Một cái tục lệ khác là vẽ nên thơ của công việc đồng áng. Nên thơ với nhà văn đúng xem, phải. Nhưng sự thực không có công việc nào vất vả và nặng nhọc bằng. Bình minh tươi đẹp chỉ là còi hiệu để bắt đầu làm việc. Và thời tiết bất ngờ cầm vận mệnh người dân quê ở trong tay. Sự cố sức của người không thấm đâu với sức mạnh của trời. Người nhà quê thấy mình phải lụy những sức mạnh ở đâu đâu, những sức mạnh mà họ biết không có cách gì thay đổi được.

Tôi phải thất vọng mà nhận rằng hiện giờ người dân quê An Nam chưa xuất hiện trong các tác phẩm đã ra đời gần đây. Chúng ta phải đợi có một nhà văn nguồn gốc ở đồng ruộng tự cây bừa lấy trang sách nói về người nhà quê, vạch một luồng thẳng thắn và mạnh bạo trên đất màu, và không chịu để cho những ý tưởng bên ngoài ảnh hưởng. Người ấy sẽ đủ can đảm để trình bày cho

chúng ta thấy người dân quê An Nam thực, như lúc họ sinh hoạt trong lũy tre xanh. Không phải cứ sống với dân quê mà có thể am hiểu được họ: một trí xét đoán không sâu sắc chỉ nhận được thấy những giá bề ngoài. Phải biết quan sát bề trong và biết đi sâu vào cái bí mật của những tâm hồn ấy.

CUỘC ĐỜI CỦA NGHỆ SĨ

Nhà thi sĩ Tản Đà mất đi đã được gần ba tháng⁽¹⁾. Cái việc đáng chú ý nhất là dấu hiệu cảm tình của khắp người trong nước đối với gia quyến nghèo của thi sĩ. Hưởng ứng tiếng gọi của báo trí, tất cả những người yêu chuộng văn ông - mà họ rất nhiều, từ Bắc đến Nam - đã gom góp gửi tiền về giúp đỡ. Trong cái tang bất ngờ đau đớn, người quả phụ cũng đòi chút tự an ủi vì những cảm tình chân thật mà bà thấy ở chung quanh. Có lẽ sự đó đã khiến bà can đảm nổi chí của chồng xưa: chúng ta được tin rằng Tản Đà thư cục lại mới thành lập để sưu tầm và xuất bản toàn văn thơ của thi sĩ. Đây là một tin đáng mừng và chúng ta mong mỏi cho Tản Đà Thành công trong cái việc thiêng liêng đó.

Tuy vậy, khi nhìn lại làn sóng cảm tình của mọi người đối với thi sĩ, chúng ta cũng không khỏi có đôi chút ngậm ngùi. Giá những cảm tình ấy cũng biểu lộ rõ

⁽¹⁾ Bài này viết tháng 8 năm 1939.

rệt như thế ngay hồi thi sĩ còn ở đời... Có lẽ sự sống của thi sĩ và gia quyến được dễ chịu và rộng rãi hơn, có lẽ thi sĩ khỏi phải bận tâm vì những cái thiếu thốn nhỏ mọn hàng ngày, đã sản xuất được nhiều tác phẩm quý báu hơn. Ai đã nói rằng sự sung túc giết chết nghệ thuật, rằng sự nghèo nàn thiếu thốn cần cho nghệ sĩ như một sự kích thích tài năng sản xuất được nhiều hơn? Có lẽ sự sản xuất dồi dào của nhà văn Honoré de Balzac một phần có thể giải nghĩa ở món nợ to ông mắc mà chưa trả được, nhưng có gì chứng tỏ rằng không công nợ ông sẽ sản xuất ít hơn? Cái nghèo như một bệnh ung thư cần nhấm dần tài năng người nghệ sĩ. Người này không cần gì phải giàu có, không cần phải sống một cuộc đời sang trọng: họ chỉ cần một cuộc đời chắc chắn, đủ ăn đủ tiêu, không phải lo nghĩ đến ngày mai.

Thế là đủ cho họ chuyên chú hết tinh thần và nghị lực vào nghệ thuật.

Những điều ước muốn nhỏ mọn ấy, ở các nước khác mà văn chương rất phong phú, như Pháp, Anh, hay Mỹ, rất dễ dàng được thực hiện. Mà được thế, nhà nghệ sĩ không cần phải nhờ đến lòng thương, hay cảm tình của mọi người, dù thế nào, cũng vẫn đưa lại, chút e thẹn và ngượng ngùng mà tâm hồn kiêu hãnh của nghệ sĩ không đành chịu nhận. Chỉ một quyển sách xuất bản - ở người có thực tài cũng như người không có tài lắm - là đủ đem đến cho tác giả một món tiền có thể sống dễ chịu vài năm.

Đối với một nhà văn nổi tiếng, một tiểu thuyết thường xuất bản tới mười vạn hay hai mươi vạn bản, không kể những cuộc bán chạy bất thường. Số độc giả ở các nước đó rất nhiều, và họ coi sự mua sách đọc là một công việc rất cần cho cuộc đời của họ; đọc sách là một cách giải trí và tìm thú tinh thần mà họ không thiếu được. Người ta có thể nói chính họ đã xây dựng nền văn chương của nước họ, và đã khiến có thể nảy nở mỗi ngày một nhiều những tài năng mới.

Trở lại nước nhà, những con số không khỏi đối với chúng ta thành ra giễu cợt. Phong trào báo chí và sách vở mới bùng bột mạnh mẽ từ quãng 1933 trở về đây. Số người đọc vẫn còn rất ít, đối với một nước hơn hai mươi triệu người. Hay là số độc giả chân chính thật ít, tôi muốn nói hạng người đọc chịu bỏ tiền ra mua, (vì rằng số người đọc mượn và thuê nhiều lắm). Một cuốn sách bình thường chỉ bán trong vòng bốn, năm nghìn bản. Số tiền lãi của nhà văn được hưởng thật là bé, không đáng kể. Phần nhiều tiền lợi đều vào tay các nhà in hay nhà xuất bản khôn khéo. Tôi không nói nhiều ở đây về những con số nữa. Chỉ có một điều nhận xét chắc chắn: nhà văn bên ta không kiếm nổi nuôi mình.

Làm thế nào thay đổi được tình thế đó cho tốt đẹp hơn? Chúng ta phải mong mỏi số người đọc nhiều lên và tất nhiên, tác phẩm sẽ được một ảnh hưởng rộng rãi hơn. Hai cái lợi đều đáng quý cả. Chúng ta còn thiếu một sự a dua đáng yêu về nghệ thuật, và đây có lẽ là lúc

người ta nên tặng bốc những kẻ a dua. Kẻ a dua không phải thích mua sách về đọc, nhưng họ thích mua sách vì có một tủ sách trong nhà là biểu hiệu một sự sang trọng và thức thời. Khi một kẻ giàu có tự coi như thiếu kém nếu không biết tên tác phẩm sau cùng mới xuất bản của một văn sĩ có danh, khi các khách thỉnh của các nhà trường giả bắt buộc phải trang hoàng bằng những tầng sách ở nước này mới đến thời kỳ thịnh đạt được.

Hiện giờ, những nghệ sĩ vẫn không sống được với nghề. Một thi sĩ được yêu chuộng như Tản Đà mà suốt đời phải nay đây mai đó để theo đuổi cái việc lập thư cục. Những tác phẩm của ông dễ không có quyển nào xuất bản tới ba lần, và tan tác mỗi nơi một ít; bây giờ muốn tìm được toàn bộ có lẽ cũng là một việc khó. Ông lại mất trong sự nghèo nàn và túng bấn. Cảnh buồn ấy đã gợi bao nhiêu cảm tình chân thật của các người đọc văn ông. Những cảnh tình đó giá biểu lộ sớm hơn, và luôn luôn không ngừng. Tản Đà có lẽ thêm được một an ủi trong đời và những tác phẩm văn chương trong nước có lẽ sản xuất được nhiều hơn. Mua sách, quý sách, đó là cách công hiệu nhất để nâng đỡ những tài năng thất vọng, và khiến cho nền văn chương của nước nhà đến chỗ thịnh vượng và phong phú.

MỘT VÀI Ý KIẾN

Một nhà văn phải biết quan sát, tất nhiên. Người ta thường hiểu sự quan sát bề ngoài là cái tài chụp hình và ghi nhớ các sự vật. Sự quan sát ấy không đủ và chỉ khiến cho tác phẩm trở nên khô khan hay có vị khô hời. Cần hơn là sự quan sát bề trong, khiến nghệ sĩ có thể hiểu được cái ý nghĩa giấu kín của sự vật, cái trạng thái tâm lý của một cử chỉ hay một lời nói.

★

★ ★

Có một quan niệm nhiều nhà văn của ta hiện giờ đang tin theo: là nghệ sĩ phải chơi bởi phóng túng, phải truy lạc trong các chốn bán vui, để khi xác thịt thật mệt mỏi, thì tâm trí càng được sáng suốt. Sự chơi bởi có lẽ là một giải trí của nghệ sĩ, nhưng tất không phải là một cái cần cho nghệ thuật chút nào.

Có lẽ, một nghệ sĩ có tài năng khác người, thường hay chơi bởi phóng túng, không chịu buộc mình trong các lễ lối thông thường. Nhưng sự phóng túng ấy là một trạng thái của tâm hồn nghệ sĩ, chứ không phải là một trạng thái của tài năng, và nghệ sĩ không bao giờ nghĩ rằng sự ấy có ích lợi gì cho công việc của mình.

Còn những kẻ không có tài, dẫu có bắt chước chơi bởi truy lục đến mức nào nữa, cũng không thể vì thế mà nảy nở ra tài được.

*

* *

Cũng theo một quan niệm như thế, họ tưởng rằng nhà văn phải là người đã nghe rộng, đi nhiều, đã lăn lộn khắp đây đó, để có nhiều kinh nghiệm trong cuộc đời. Nhưng đối với một người không có tài năng thì đi nhiều cũng không đem lại được ích lợi gì. Còn đối với những người biết trông và suy xét, họ không cần đi đâu cả: cuộc đời hàng ngày bao bọc chung quanh cũng đã cho họ thừa tài liệu. Nhiều tác phẩm chứng rằng tác giả biết rất nhiều, nhưng mà vẫn sống rất ít.

*

* *

Ta quen nhìn đồng hồ đến nỗi tưởng rằng thời gian ở trong ấy. Bao nhiêu người vì thói quen, vì tập quán, đã lấy cái bề ngoài làm sự thật, cử chỉ làm tính tình, khuôn sáo làm tâm lý.

*

* *

Thật rất khó khăn mà phân biệt được giả với thật, cái mầu mè với sự rung động, cái nghề khéo léo với sự sống sâu xa. Có những cách bày đặt đẹp đẽ đến nỗi người ta bị lóa mắt. Có bao nhiêu tác phẩm trong đó cảm hứng của tác giả thay bằng một vài khuôn sáo hợp thời, tâm lý nhân vật thay bằng ý muốn xinh đẹp, sự thuần tay thay cho nghệ thuật!

Nên gọi cái trốn tránh đó là gì? Là cái “sợ sự thật”. Có nhiều nhà văn không dám nhìn thẳng vào sự thực bao giờ. Trong tác phẩm của họ, những cảnh tả đều là bịa đặt, không có thật; các nhân vật đều có những khuôn sáo tâm lý sẵn có trong các sách trước. Thành thử ở một tiểu thuyết An Nam, chúng ta không thấy đất nước An Nam và cũng không thấy người An Nam. Có phải làm như thế dễ dàng hơn? Vì không có cái chuẩn đích để so sánh, họ tưởng giấu được không cho ai biết những điều sai lầm của họ. Họ thỏa ý trong những con đường người trước đã vạch rồi. Họ có mắt mà không dám trông, có trí mà không dám xét, dù trước sự thật và cuộc đời. Cả đến tâm hồn họ mang trong người, họ cũng tránh không nhìn thấy.

*

* *

Văn chương xã hội và bình dân! Đối với họ là thế nào? Một người thợ đi làm khổ sở, lương không đủ sống,

mà chủ thì giàu sang; một người dân quê nghèo phải bán ruộng nương cho ông điền chủ giàu và cho vay nặng lãi. Khổ nhiều hay ít sẽ làm cho quyển tiểu thuyết mỏng hay dày. Còn những ý nghĩ, tư tưởng của người thợ, của người dân quê đâu? Họ không nói đến - và cũng không thể nói đến được. Thật ra, số phận của những người kia chỉ khiến họ là các nhà văn tân tiến đã làm tròn “sứ mệnh” của mình.

CẢM HỨNG VÀ LÀM VIỆC

Người ta thường nói đến việc Lý Bạch uống một trăm chén rượu, làm một trăm bài thơ, như một việc lạ lùng đáng phục. Tôi tưởng đó chỉ là một câu chuyện huyền, đẹp dễ và thú vị. Có lẽ trong một lúc cảm hứng đột ngột, Lý Bạch đã làm được một, hai bài thơ hoàn toàn, nhưng chắc rằng những bài thơ khác mà thi sĩ ấy đã trau dồi, sửa mất nhiều ngày giờ. Người sau không muốn nhận cái cảnh nhà thi sĩ đắm đắm cố sức trên mảnh giấy là thanh nhã, nên muốn tìm một sự dung dị linh hoạt, thần tiên hơn.

Cái ý muốn một lúc hứng viết xong bài thơ, và ý kiến chỉ thơ làm như thế mới hay, và người làm mới đáng phục, cái ý đó đã khiến nhiều nhà văn ta hiểu lầm. Họ sinh ra khinh bỉ sự cố công, sự làm việc khó nhọc và cố theo đuổi cái tài đặt bút viết một lúc hàng

trăm bài. Có lẽ, một bài thơ ngắn, dăm bốn câu, có thể hoàn toàn ngay lúc cao hứng được, nhưng còn nói sao về một thiên tiểu thuyết chẳng hạn, mà sự kết cấu phải cần bao nhiêu công việc và ngày giờ?

Trong lúc này, người ta thấy ra đời nhiều tác phẩm vội vàng, cẩu thả quá. Người đọc đã thấy rằng tác giả đã không chịu cố sức như có thể cố sức được, đã không chịu gọt giũa và sửa chữa tác phẩm cho được đẹp đẽ hơn. Họ đưa ra những ác phẩm mà họ đã không chịu nghiên ngẫm, mang trong trí não từ trước, và lúc viết không chịu tìm tòi cách diễn tả đúng nhất ý tưởng mình. (Tuy thật rằng phần nhiều không có ý tưởng gì, và không như người giàu ý tưởng chỉ còn tìm cách giải bày thôi, họ lại tìm cách làm thế nào để tỏ ra rằng có ý tưởng)

Cái gương của những văn sĩ phương Tây đáng để cho chúng ta soi và bắt chước. Tất cả các văn sĩ có thiên tài mà chúng ta quý mến đều đã phải làm việc ghê gớm, đã trải bao nhiêu đêm trắng để gọt giũa và sửa chữa lại những vần thơ, những câu văn mà trong lúc hứng họ đã viết ra trên mặt giấy.

Tôi chỉ cần dẫn ra một vài thí dụ.

Flaubert đã viết đi viết lại một quyển *Madame Bovary*. Maupassant có khi viết lại đến năm lần một quyển truyện ngắn. Balzac cũng viết nhiều lần, mà đến khi sửa bản giáp nhà in, ông còn chữa chỉ chút đến nỗi có khi bản sau khác hẳn bản trước. Ấy là Balzac viết vội để chóng có tiền trả nợ đấy. Chautaubriand chẳng đã

viết tất cả, mười bảy lần bài tả cảnh *Một đêm ở Mỹ châu* đó ư?

Henri Duvernois bao giờ viết cũng có ba màu giấy khác nhau ở trước mặt. Thế nghĩa là ít nhất ông cũng viết lại ba lần bất cứ tác phẩm nào của ông, không kể nhiều khi viết hơn nữa. Một hôm có người bạn xin bản thảo quyển tiểu thuyết ông vừa xuất bản. Duvernois dẫn bản đến một cái hòm đựng hơn một trăm hai mươi bảy tập giấy và bảo: “Đây, bản thảo của tôi”.

Tolstoi, nhà văn Nga nổi tiếng khắp hoàn cầu, có khi chữa lại bảy lần bản thảo của ông... Ta thử tưởng tượng công việc ông đã làm khi chữa quyển tiểu thuyết “trường giang đại hải” và bất hủ *Chiến tranh và hòa bình*. Gogol, một danh sĩ khác người Nga, sau bảy năm nghiền ngẫm và viết tập thứ nhì của quyển *Những linh hồn chết* đã đốt cháy bản thảo trước khi từ trần. Lòng bất mãn của nghệ sĩ đối với công việc của mình, hay có gì khác? Không ai được biết.

Giờ tôi nói đến Dostoievsky, nhà tiểu thuyết, cũng người Nga, có lẽ nhà viết tiểu thuyết có giá trị nhất của thế kỷ và trên hoàn cầu.

Lúc năm mươi tuổi, ông ta viết: “Cái tiểu thuyết tôi sắp viết - (ấy là quyển *Anh em Karamazov*, mà chín năm sau nữa ông mới bắt đầu viết) - đã làm tôi bận khoản từ ba năm nay nhưng tôi chưa muốn viết vội vì tôi muốn viết thông thả, như Tolstoi, Tourgueniev, Gontcharow đã viết: “Nhưng mặc dầu ông đã nói: “Tôi không hiểu

sao người ta có thể viết vội vì tiền được", cái vấn đề tiền ấy đã can thiệp vào công việc của ông nhiều lần: "Tôi sẽ không viết kịp; tôi không muốn làm hỏng cả vì vội vàng. Tuy rằng cách bố trí đã xếp đặt kỹ càng, người ta vẫn có thể làm hỏng hết vì vội quá".

Bởi thế ông đã phải làm việc ghê gớm, vì nếu ông giữ danh dự không sai hẹn với các nhà xuất bản, ông đành thà chết vì công việc còn hơn giao một tác phẩm không hoàn toàn. Thế mà suốt đời ông, ông vẫn giữ cái ý chắc chắn và đau đớn rằng, nếu có nhiều thời giờ hơn, được tự do hơn ông còn có thể thực hành ý tưởng ông một cách hay hơn nữa. "Điều khiến tôi băn khoăn lắm, là tôi viết truyện ấy hẳn một năm trước, rồi được hai ba tháng chép lại và sửa chữa, thì chắc hẳn là khác, tôi quyết thế". Huyền tưởng chăng? Ai biết được? Nếu nhiều thì giờ hơn ông sẽ thêm được cái gì? Ông tìm gì nữa? Một sự giản dị hơn, chắc thế, một sự liên lạc chặt chẽ hơn trong các tiểu tiết, tuy những tác phẩm hay của ông trong nhiều đoạn, đã đến một trình độ tinh vi và rõ ràng tưởng khó vượt hơn nữa.

Nhưng được thế, bao nhiêu công trình! Chỉ có những cảm hứng là đến đột ngột, hẳn một lúc, còn ngoài ra là công việc nhọc nhằn cả". Ông biên thư cho người anh, nói: "Anh chắc hẳn cái cảm hứng, nghĩa là sự sáng tác đầu tiên, thoát ngay, của toàn cảnh hay cái hoạt động của linh hồn, với công việc. Đây, ví dụ tôi biên chép một cảnh y như lúc hiện ra cho tôi, và tôi lấy

làm thích lắm; rồi sau, hàng tháng, hàng năm, tôi viết đi viết lại, và cái kết quả sẽ hay hơn, anh nên tin thế. Cảm hứng đến là được rồi. Tất nhiên không có cảm hứng, không có thể làm gì được ⁽¹⁾.

Và như thế khi viết những thiên tiểu thuyết kiệt tác ấy, ông xóa đi, chép lại, chữa, sửa, thêm bớt, và làm việc như một người tù bị khổ sai. Chúng ta ai đã chịu khó như thế, không nói đến có tài như Dostoievsky? Mà, đúng lẽ ra, đã không có tài như nhà văn ấy, chúng ta đáng lẽ phải chịu khó và công phu hơn ông ta mới phải. Nhưng đáng buồn! Tôi biết có nhiều nhà văn sẽ lấy làm xấu hổ nếu phải thú rằng mình viết khó nhọc và công trình. Họ muốn uống một trăm chén rượu, làm một trăm bài thơ, dung dị và thao thao bất tuyệt như nhà thi sĩ Tàu cơ! (Rượu một trăm chén có lẽ - mà cũng đã vị tất! - còn thơ hay trăm bài thì cho phép tôi ngờ lắm).

Đành rằng sự cố sức không đủ, vẫn cần phải có tài năng, có thiên bẩm. Nhưng sự cầu thả, mình dễ dàng với mình, chẳng bao giờ đưa đến một tác phẩm hay. Nếu câu của Buffon "Thiên tài chỉ là một sự kiên nhẫn lâu" có đôi phần đúng thì chỉ ở trường hợp này, nhất là đối với các nhà viết tiểu thuyết, bởi tác phẩm của họ không phải một ngày làm xong được. Và cả câu này nữa của Flaubert, nhà nghệ sĩ trau dồi và yêu mến hình sắc đẹp tha thiết nhất trong làng văn Pháp: "Cảm hứng tức là ngồi vào bàn làm việc đúng giờ đã định". Tôi đưa câu này để các nhà văn nước ta ngẫm nghĩ.

⁽¹⁾ Dostoievsky, của André Gide.

THEO DÒNG...

... “**N**ếu họ viết ít đi, ta sẽ thấy thích viết hơn”, trong câu nói của André Gide có lẫn một ý vị hơi chua chát. Tôi có ý nhắc lại lời nói đó lúc này. Chưa bao giờ sách xuất bản nhiều như bây giờ, những tác phẩm thì nhau ra đời như bướm nở ngày mùa, như chuồn chuồn vỡ tổ. Đáng phàn nàn về sự nhiều chăng? Không, văn chương nước ta còn cần nhiều hơn nữa, hàng nghìn hàng vạn quyển để đủ bày trong thư viện, trong các tủ sách gia đình. Không, điều đáng phàn nàn, là cái giá trị của những văn phẩm đó, viết ra một cách vội vàng, một cách cầu thả một cách khinh rẻ vô cùng.

Có lẽ thời thế khiến người ta ham đọc sách, nhà xuất bản thấy lợi muốn xuất bản thật nhiều, và nhà văn cũng vội vàng viết mau cho có tác phẩm, để được tiếng, được tiền. Những tác phẩm ra đời mỏng mảnh về cả hình thức lẫn tinh thần. Một trăm trang sách viết cho dày không phải là công việc khó. Tìm một cái tên sách cho kêu, cho khiêu khích, cũng dễ dàng. Thế là đủ.

Một tác phẩm dẫu không hay, nghệ thuật kém, nhưng tác giả công phu, đã cố sức, đã tha thiết viết ra, chúng ta vẫn kính trọng (Nhưng nếu đã đủ các điều kiện ấy, thì quyển sách thường hay). Lòng kính trọng là cái mà các nhà văn ấy thiếu nhất: kính trọng mình,

kính trọng tác phẩm của mình, không đức tính ấy, không bao giờ có công cuộc giá trị và lâu bền.



Người ta bắt đầu để ý đến sự đọc sách của các trẻ em. Đã lâu chúng ta phàn nàn về sự thiếu sách cho các con trẻ đọc, mà không ai làm gì để bồi đắp cho vào chỗ khuyết điểm ấy⁽¹⁾. Năm, tháng vẫn để các con em đọc nhảm những tiểu thuyết kiếm hiệp ba xu.

Bởi vì viết sách cho các trẻ em xem không phải là việc dễ, người ta chớ tưởng lầm là viết cho trẻ con thì viết thế nào cũng được. Chúng ta chớ quên là trẻ con có lý luận, và trí quan sát riêng của nó, nhiều khi xác đáng và tinh tường hơn của người nhớn. Các trẻ con nhìn đời bằng con mắt mới, và trí xét đoán trong sạch chưa bị những tập quán làm mờ.

Hơn những nhà văn khác, các nhà văn chuyên viết cho trẻ cần phải yêu mến câu chuyện mình viết và kính trọng người đọc giả ít tuổi của mình. Nếu cứ muốn giữ địa vị mình, giữa địa vị “người lớn” để dẫn trẻ đi tìm hiểu cuộc đời, để gây dựng trí xét đoán, làm nảy nở tình cảm và trí tưởng tượng của trẻ, thì nhà văn ít khi được thành công.

⁽¹⁾ Bây giờ đã có “Sách hồng” của nhà xuất bản Đời nay.

Viết cho trẻ đọc, trước hết là đúng thay vào chỗ trẻ, là tự mình trẻ lại, tìm lại được cái tò mò tởm mĩ, cái lý luận thẳng thắn, và nhất là cái độc lập tự do lạ lùng của trí não trẻ con.

Những nhà văn có viết cho trẻ em đều là những nhà văn có giá trị: Perrault, Grimm, Swift, Daniel de Foe, Kipling, Stevenson, Anderson v.v... Những tác phẩm của họ còn mãi đến bây giờ và sẽ còn mãi mãi. Và, sự thần diệu lạ lùng của nghệ thuật, những văn phẩm đó vừa thích cho trẻ con lại vừa thích cho cả người lớn.

*
* *

Một điều tôi phân nản là trong văn chương ta hiện giờ, không có một tác phẩm nào của phái nữ lưu. Không có ai nâng quân bút đặt xuống của Thị Diễm, của Xuân Hương chẳng? Tuy hai người này đã có đấy để chứng tỏ rằng nữ lưu không phải là thiếu tài.

Phái nữ lưu gần đây hình như thiếu sức, thiếu hơi để viết được một tác phẩm vững chãi. Đó đây, chỉ một vài tình cảm bé nhỏ, e lệ, một vài sự bày tỏ rụt rè. *Giọt lệ thu* của bà Tương Phố chỉ là một giọt lệ con. Cuốn tiểu thuyết của bà Đoàn Tâm Tan (mà tôi xin lỗi không nhớ tên) cũng chỉ là một tác phẩm bắt đầu. Những văn phẩm của các nữ sĩ khác cũng chỉ là một vài câu thơ khóc mây khóc gió mà thôi. Khiến cho mấy văn sĩ phải

mượn tên đàn bà xuất bản vài quyển sách không có chút giá trị về tâm lý, cũng không có chút giá trị về văn chương.

Thật đáng tiếc, vì còn ai hiểu đàn bà hơn đàn bà? Có ai trình bày cho chúng ta biết cái đời hy sinh hèn mọn và yên lặng của các bà mẹ, bà vợ ngày xưa? Nói cho chúng ta hay cái tâm sự kín đáo và uyển chuyển của các thiếu phụ bây giờ, và những ý nghĩ gì đã qua trên vầng trán phẳng của các thiếu nữ kiều diễm và trang nhã mà hàng ngày chúng ta gặp cười nói ở ngoài đường.



“Những ý nghĩ của một người đàn bà!”. Tôi bằng lòng đánh đổi tất cả một đời để được biết, vì tôi bắt đầu nghi ngờ những điều mà tôi đã tự tìm hiểu một mình.

SỰ SỐNG TRONG TIỂU THUYẾT

Ngay đến định nghĩa hai tiếng “tiểu thuyết”, mỗi nhà văn, mỗi văn phái cũng đã trình bày những điểm khác nhau rồi, có khi trái ngược nhau nữa. Thế nào là tiểu thuyết? Câu giải nghĩa cố nhiên là chịu theo ảnh hưởng và quan niệm về tiểu thuyết giống cuộc

đời, nghĩa là giống sự thực; nhiều người khác lại cho rằng tiểu thuyết phải tạo ra những cái gì không có thực (như vậy thì không biết lấy gì làm đích mà bàn luận được). Có văn phái cho rằng tiểu thuyết trước hết phải là một câu chuyện tưởng tượng có đầu, có đuôi hẳn hoi (tất nhiên phải có cả khúc giữa). Văn phái khác lại không câu nệ trong lề lối như thế: với họ, đã đành tiểu thuyết phải là một câu chuyện tưởng tượng xếp đặt rồi, nhưng cần phải linh hoạt và phức tạp như cuộc đời, như sự sống mà sự sống thì không có khuôn phép gì nhất định cả.

Tò mò, chúng ta thử xem tự vị Larousse định nghĩa tiểu thuyết như thế nào? "Một công trình tưởng tượng, một câu chuyện văn xuôi thuật những việc tưởng tượng xảy ra, sáng tác và sắp đặt để người đọc ham thích" (Như vậy một tiểu thuyết mà khiến người đọc chán nản tất không phải là tiểu thuyết nữa...). Câu chuyện nghĩa ấy có lẽ đúng ở cái mục đích sơ nguyên của tiểu thuyết: giải trí người đọc. Nhưng giải trí cũng có nhiều cách: khiến vui, khiến cảm động, khiến nghĩ ngợi cũng là giải trí. Thứ bậc ở chỗ có khiến được lâu bền rộng rãi và sâu sắc hay không.

Phần nhiều các nhà văn Pháp, Ý, đều theo cái định nghĩa chặt chẽ trên kia: tiểu thuyết là một câu chuyện có đầu, có đuôi hẳn hoi... Về phương diện này những tác phẩm của Alexandre Dumas, của Pierre Benoit, hay Maurice Dekobra thật là những tiểu thuyết. Vừa khiến

người đọc ham thích, lại vừa không thiếu một mảnh đầu đuôi nào. Do cái định nghĩa và cái quan niệm ấy sẽ khuôn theo cách dàn xếp, bố cục một tiểu thuyết và cũng do đấy mới nên nêu một đặc tính của tiểu thuyết, là sự duy nhất. Người ta phê bình tiểu thuyết này duy nhất, tiểu thuyết kia không được duy nhất. Duy nhất nghĩa là bao nhiêu tình tiết, bao nhiêu tư tưởng, và bao nhiêu cái hay của tiểu thuyết đều quy cả về một mối. Không có đoạn nào đối với tâm lý của truyện có thể là thừa, hay là không có liên lạc trực tiếp và mật thiết với cốt truyện. Vì vậy, nên các nhà văn đó mới có cái khuynh hướng thu tất cả về một hay hai nhân vật chính, cốt ý để cái hứng thú của truyện khỏi bị rải rác. Về mặt tâm lý lại thu về một tình cảm gọn nhẹ phân tách riêng ra, như ái tình, lòng ghen ghét, kiêu ngạo, v.v... mà tình cảm ấy cũng lấy ở cái độ mãnh liệt nhất của nó mà thôi. Ngoài ra, những cái gì mà theo quan niệm trên, người ta cho là phụ thuộc, đều vứt bỏ đi cả. Bởi thế, thường thường trong các tiểu thuyết của văn phái ấy, chúng ta không biết gì về nhà cửa, thân thế của nhân vật chính ra sao, không biết họ giàu hay nghèo, ở vào giai cấp nào trong xã hội. Những chi tiết đó, coi là vô dụng, đều bị gạt ra ngoài. Bởi cái công việc thu gọn ấy, các nhà văn kia định có kiêu vọng đạt tới cái gì bất di bất dịch trong lòng người, cái gì cốt yếu trong tính tình của người và ở bất cứ người trong hạng nào, ở dân tộc nào cũng đều giống nhau.

Nhưng cái cốt yếu của người đó, họ rất ít khi tới được bằng cách ấy. Theo những lề lối, những phép tắc trật tự đặt ra, phần nhiều họ thường chỉ đi đến cái giả dối, đến những khuôn sáo mà thôi. Cái tinh túy của sự sống mà họ tưởng bắt giam và giữ được trong cái lồng nan lề lối ấy đã thoát ra lúc nào họ không biết, và chỉ còn để lại có cái bầy trơ.

Vấn phải có quan niệm tiểu thuyết là sự sống - những nhà văn Anh và Nga - dàn xếp tiểu thuyết của họ một cách khác. Định tìm hiểu cuộc đời trước hết, chứ không phải định làm một công việc văn chương, họ hiểu biết sự liên lạc gì và rất xa cách nhau. Theo ý họ, không thể làm cái công việc giả dối là phân tách riêng ra một trạng thái nào của tâm hồn người ta cả. Người ta bao giờ cũng chịu rất sâu xa ảnh hưởng của hoàn cảnh, và người, trước hết, là được tạo nên để sống với hoàn cảnh. Một người giàu có không yêu, hay hẳn yêu giống một người nghèo, một người bình dân không yêu như một người quyền quý, và với ai biết cái ảnh hưởng mạnh mẽ của nghề nghiệp, chúng ta có thể nói một người thợ chẳng hạn, không yêu như một công chức. Mỗi tình yêu ấy có bao nhiêu là màu sắc, bao nhiêu là biến đổi khác nhau, và chính những cái đó làm thành sự phức tạp, sự phong phú của cuộc sống.

Cho nên trong những tiểu thuyết Anh hay Nga, chúng ta không thấy một hay hai nhân vật chính mà thôi, hoặc thấy nhân vật chính đứng át tất cả những

nhân vật khác. Chúng ta thấy có rất nhiều nhân vật, mà có khi nhân vật nào tác giả cũng coi trọng cả: mỗi nhân vật hiện ra sống cái đời riêng của mình, thoạt xem tưởng như không có liên lạc gì - mà không có liên lạc trực tiếp thật - với các vai chính trong truyện. Nhưng suy xét kỹ, người đọc mới thấy rằng tất cả các nhân vật ấy, bởi sự hoạt động của họ, khiến cho ta thấy rõ cái hoàn cảnh xã hội, cái không khí sống của các vai chính. Thật như có một vùng ánh sáng soi tỏ tất cả những trạng thái tâm lý của các người ấy, và đưa đường cho chúng ta tìm hiểu được. Vì thế, những tiểu thuyết Anh, Nga ta thấy linh động như cuộc đời, cả về bề rộng lẫn bề sâu. Đáng lẽ là một sự xếp đặt không thật, hay là những mảnh khoe lẽ lỗi khô khan, chúng ta tưởng nhìn thấy như là mặt nước hồ mung lung phản chiếu tất cả màu sắc của cuộc sống, lỏng lẻo giải ra và lắng xuống, khiến chúng ta hiểu thấy được rộng rãi và sâu sắc hơn.

Theo cái quan niệm chật hẹp về sự duy nhất như trên kia, thì những tiểu thuyết hay nhất của Anh, của Nga - và ngay nhiều tiểu thuyết giá trị của Pháp nữa - đều mang tiếng là lộn xộn, không thú vị và không toàn khối. *David Copperfield* của Dickens; *Lidiot*, *Les Possédés* của Dostoievsky, cho đến cả *Guerre et Paix*, *Anna Karesnine* của Tolstoi, (chỉ mới kể qua một vài tác phẩm nhiều người biết), những tác phẩm bất hủ ấy có cái tính cách duy nhất uyển chuyển và rộng của ngay sự sống. Cho nên văn chương Anh, Nga chúng ta thấy

gần sự thực, gần cuộc đời hơn các nền văn chương khác. Văn chương Mỹ, vì cái bông bột mạnh mẽ và tràn đầy của nhựa sống, vì sự chú ý ân cần đến tất cả những cảnh tượng, dù nhỏ nhất của cuộc đời cũng mang nhiều mầm giống tốt và giá trị. Những tác phẩm vừa kể trên, có lẽ kèm một sự chắc tay lề lối, một cách xếp đặt mục thước vừa khuôn khổ, nhưng trái lại có bao nhiêu là phong phú, bao nhiêu là dồi dào. Sự sống không bao giờ xuất hiện mà không có xô đẩy dồn dập, với một cái trật tự hình như là rối loạn, chẳng khác gì một nguồn nước reo đương vượt tràn ra ngoài.

Nghệ thật và văn chương, muốn tiến thoái mãi mãi, lúc nào cũng tươi thắm và mạnh mẽ, không sợ khô héo hay cần cỗi, bao giờ cũng phải đi theo, bao quát và cố vượt lên trên cái sống tiềm tàng và ngấm ngấm trong tâm hồn người cũng như trong vũ trụ.

CÂU CHUYỆN BÊN GỐC LIỄU HAY "TÂM HỒN NGHỆ SĨ"

Lúc ấy là một đêm về đầu mùa thu. Thời tiết không lạnh lắm, và gió hiu hắt đưa lại từng cơn nhẹ. Trời cao trong thẳm, các vì sao lấp lánh sáng những màu sắc khác thường.

Chúng tôi đứng bên một cây liễu; trước mặt là Tây Hồ mà sóng đến vỗ róc rách ngay dưới chân. Bên trái chúng tôi là một bụi tre nhỏ, cành hơi ngả nghiêng theo

chiều gió, khe khẽ ca cái bài ca xao xác của những lá vàng khô.

- Cảnh lá tre này cũng như những cảnh lá tre khác, không có gì đặc biệt. Nhưng tôi không bao giờ nhìn ngắm một cảnh tre, mà không thấy nổi lên trong lòng những ý nghĩ và cảm giác lúc nào cũng giống nhau. Khi thấy các lá tre gió thổi vút một chiều, tôi cảm thấy một vang động âm thầm và kín đáo trong tâm hồn. Hình như một cảm giác gì thanh thoát và lạnh lẽo, một cái gì vừa cứng cỏi lại vừa chua xót, vừa tha thiết lại vừa lạnh đậm, như tâm hồn của một nhà ẩn dật thời xưa, chán những điều thế tục, đem giấu cái tài năng không được ai biết trong rừng núi... Vài lá tre dài nhọn vắt qua giăng sáng, trông thật giống một bức tranh phóng bút của Tàu. Nhưng bức tranh ấy không những chỉ phô bày một cảnh mà thôi, nó còn hàm ý nghĩa biểu hiện nữa, mà chúng ta không ra thoát. Tre cũng như thông, được người xưa lấy làm biểu hiện của người thanh cao, danh lợi không phạm, và trong ngọn gió đầu sương vẫn giữ được tâm hồn ngay thẳng. Trong tiếng xào xạc của lá tre, hay tiếng vi vu của ngàn thông, chúng ta được nghe lời nói của tâm hồn ấy, một lời nói không phải ở ngoài vào mà chính tự trong lòng chúng ta từ đời kiếp nào lên. Tôi chẳng bao giờ chỉ nhìn ngắm cái cảnh không thôi cả; cùng một lúc, và không tự ngăn giữ được, còn đi vào những ý nghĩ và những cảm giác quen thuộc ấy.

- Anh nói đúng. Không phải ở trong văn chương Pháp - thứ văn chương đã cám dỗ chúng ta ngay từ nhỏ

- chúng ta mới tìm thấy Thiên Nhiên. Rousseau tìm thấy Thiên Nhiên ở thế kỷ thứ XIX. Nhưng chúng ta, chúng ta yêu mến cảnh vật và cảm thông với Thiên Nhiên đã từ lâu lắm rồi. Giữa chúng ta với cảnh vật, với cây cỏ, với núi non, có một sự quen thuộc, một sự thân mật đầm thắm và sâu sắc lạ lùng. Một cây đối với chúng ta không phải chỉ là một cái cây; đó là một linh hồn đương sống, cũng mừng vui và cũng đau khổ như chúng ta. Hoa mai nở trong làn sương, cỏ non nghiêng trước gió xuân, chúng ta cảm thấy linh hồn của hoa cỏ ấy một cách đầy đủ và gần gũi hơn chúng ta cảm thông linh hồn một người bạn.

- Tôi còn nhớ một buổi đi chơi Xuân ở vùng Lim. Tôi trèo từng bậc đá một con đường dốc khuất khúc để lên chùa Bách Môn. Bỗng nhiên khỏi hàng rào cây, tôi đứng sững lại trước một cảnh tượng thật phi phàm: trước cổng chùa, một cây đào lớn trổ hết các bông hoa, làm hồng tươi cả một phương trời. Ở cái nở tung của những cánh hoa mơn mớn ấy, có một triều nhụy lên mạnh mẽ, một nguồn sống ngấm ngấm tôi tưởng nghe thấy được. Đây là hơn sự đầy đủ của một thân cây, đây hình như là sự nảy nở của cả vũ trụ, cả mạch đất trong tiết xuân, một bài ca hát xốn xang và tươi thắm của những cái rực rỡ tự mấy kiếp đời nào dồn lại. Nét huyền bí, mừng lung của Phật Quan Âm, của bà Vương Mẫu, vẻ thân mật và suồng sã trong dáng áo cô giai nhân của Bồ Tùng Linh và mầu da hồng của các tiên nữ trên thượng

giới, tất cả những cái ảo ảnh ấy đều linh động trước mắt tôi khi đứng ngắm cây hoa đào nở trước cửa chùa. Không bao giờ tôi quên được những cảm giác của tôi lúc đó. Ở đâu mà có nguồn cảm giác ấy? Tôi chưa tìm tôi phân tích để hiểu biết đạo Phật, coi hòn đá, cỏ cây, con vật như những thứ bậc khác nhau của cái kiếp vắn luân hồi, những bước của cái vòng đau khổ ấy mà người ta phải trải qua để đi đến chỗ giải thoát. Có phải vì thế mà chúng ta có cảm tình thân thiết và đầm ấm với linh hồn của cây cỏ, chim muông cũng đang đau khổ như chúng ta chẳng. Hay những cảm giác kia nguồn gốc ở cái ý muốn chìm đắm mình trong vũ trụ, cái huyền ảo thần tiên của Đạo Lão? Tôi chỉ biết rằng chúng ta mang ở trong tâm hồn nhiều mầm giống, và nhiều tình cảm tự buổi nào.

- Thật thế. Chúng ta đến bây giờ, và còn mãi mãi, vẫn vui mừng những cái gì đã làm vui mừng ông cha ta, đau khổ những cái gì ông cha chúng ta đã xót xa, đau khổ. Trong môi tình yêu đột khởi và mạnh mẽ với người con gái mà chúng ta gặp lần đầu, có phải chúng ta nổi cái tình yêu dang dở của người khác, yêu với tất cả cái hăng hái say mê, cái đau đớn bất nguyện của cặp tình nhân nào tự nghìn năm trước đã yêu nhau? Cũng một duyên cớ thế trong những cảm tình khác của tâm hồn ta. Cuộc đi trải chùa Hương năm nào đã đem lại cho tôi một sự bày tỏ lạ lùng. Vốn sinh trưởng ở chốn bùn lầy nước đọng, tôi chưa từng trông thấy rừng núi bao giờ.

Vỡ mà đến Hương Tích lần đầu, tôi thấy không phải lần đầu trông thấy núi, mà lại có cảm giác như được nhìn lại cảnh cũ, một cảnh quen thuộc từ lâu. Hình như có lần tôi đã lê gậy trúc của nhà ẩn dật trên những sườn núi đá kia, ngày ngày ngắm những đám mây trắng bay qua trước mặt; hay đã là một kẻ chán công danh, lui về chèo chiếc thuyền câu len trong bờ lau sậy trên dòng suối. Hình như những cảnh của vùng non sông ấy, các màu sắc đổi thay của mây trời, vẻ lạnh lẽo của sương chiều rải rác ở chân núi, cho đến tiếng thì thầm của hốc đá, rừng cây, tất cả đều đã ghi trong trí tôi tự bao giờ và không bao giờ phai nhạt được.

- Đây là về cảnh và tình. Cho đến những đau khổ, vui sướng khác của người, chúng ta cũng cảm giác như thế. Lòng ghét giận của người bị tình phụ, tình yêu tha thiết của cha đối với con, cái chán nản của người tuyệt vọng, chúng ta không cần trải qua cũng hiểu thấu được, có khi hơn ngay người đương chủ động. Trong tâm hồn chúng ta, bao nhiêu là mầm giống của các tình cảm phức tạp của loài người, của những người cùng giống với chúng ta. Tất cả những cái hương hỏa bí mật và tiềm tàng đó là gì nếu không phải là cái mà người ta gọi là thiên năng, là thiên tài riêng của một nước mà người nghệ sĩ được hưởng? Tâm hồn người nghệ sĩ là sự chung đúc bao nhiêu tâm hồn người trước, đúc bằng bao nhiêu nước mắt, nụ cười đã rõ và nở từ mấy nghìn năm trước trở về đây. Tâm hồn nghệ sĩ, bởi vậy, là một tâm hồn

rất phức tạp, rất phong phú, vì đủ hết các màu sắc và mầm non của tất cả những tình cảm của người lành, người ác, tâm hồn của người quân tử và kẻ tiểu nhân, tâm hồn ông Thánh cho đến tâm hồn của kẻ trộm cắp, giết người... không có cái nào mạnh đến thắng đoạt cả cái khác, nhưng tất cả các tâm hồn khác nhau ấy hòa hợp, sôi sáo lấy nhau để tạo nên lòng say sưa cái Tuyệt Mỹ, Tuyệt Thiện, lòng ham mê sự sáng tác khiến người nghệ sĩ ngang hàng với trời. Phần đông chúng ta thường có quan niệm sai lầm về tâm hồn người nghệ sĩ: tưởng rằng nghệ sĩ phải là một người có tâm hồn trong sạch và cao thượng và chỉ có thể thôi. Nếu chỉ có hai tính cách đó, có lẽ người ấy sẽ trở nên một người hiền lành, hay một người quân tử, nhưng không bao giờ một nghệ sĩ. Mà người quân tử thì chúng ta biết, hoặc giảng giải luân lý, hoặc đem mình ra làm gương; không bao giờ sản xuất được tác phẩm nghệ thuật cả.

Người ta sinh ra là nghệ sĩ hay không, chứ không có thể học tập mà thành được. Muốn cố sức tìm hiểu thế nào cũng không bằng cái "trực giác" nhiệm mầu của tâm hồn nghệ sĩ. Tả cảnh tre trước gió cũng ngần ấy nét, ngần ấy chữ, nhưng sự cảm giác rộng rãi trong không gian và thời gian của người nghệ sĩ chân chính khiến nét họa có linh hồn, có vang động ra xa, khác hẳn với người chỉ biết diễn tả cái gì mắt nhìn trông thấy mà thôi. Một cử chỉ gạt thềm giọt lệ của người đau khổ, kẻ quan sát thường chỉ biết đấy là một cử chỉ đơn sơ,

nhưng nghệ sĩ, vì cũng đau đớn của người trước mắt, khiến cử chỉ ấy có một ý nghĩa sâu sắc và đầy đủ hoàn toàn, và làm chúng ta cảm được sự đau đớn ấy.

- Có hai lối quan sát: một lối quan sát bề ngoài, và một lối quan sát bề trong. Trông bề ngoài thì chỉ thấy được cái trạng thái sự thật của một cảnh tượng; một hành vi, chứ không có các ánh sáng bên trong đem ra soi tỏ, giảng giải và làm thành rộng rãi. Phải tả chân cái xa vọng đạt tới nghệ thuật bằng cách chỉ diễn tả cái gì trông thấy. Nhưng nếu họ đạt được mục đích ấy, bằng cách ngăn cấm sự thông hiểu trực giác, thì họ chỉ tạo nên được những nhân vật máy, cử chỉ từng khớp mà thôi. Họ sẽ tạo nên những tác phẩm khô cứng, chứ không cảm động. Người ta có thể tập nghe cho tinh tường, tập trông cho chu đáo, nhưng không có con mắt của linh hồn thì không bao giờ soi thấu được cái bí mật của tâm lý. Các nghệ sĩ là những người không có một cái khoa học nhân tạo nào có thể gây thành được. Họ vẫn là những sản xuất của bao nhiêu thế hệ, theo một cách thức chung đúc huyền bí và không có luật lệ; họ là những cái sinh sản bất ngờ, những cái đột nhiên kỳ dị và ghê gớm, của vũ trụ. Nhân vật ra ngoài khuôn khổ thường, các nghệ sĩ chân chính bao giờ cũng rất hiếm. Tìm được đích đáng, và tìm được nhiều đó là danh dự của cả một thời, cả một dân tộc.

NXB Đời nay, 1941

MỤC LỤC

* <i>Sơ lược tiểu sử</i>	5
--------------------------	---

I. TRUYỆN NGẮN

• Đứa con đầu lòng	7
• Nhà mẹ Lê	14
• Trở về	23
• Một cơn giận	32
• Tiếng chim kêu	41
• Người bạn trẻ	47
• Cái chân què	55
• Đói	61
• Một đời người	73
• Người lính cũ	80
• Người bạn cũ	86
• Hai lần chết	92
• Gió lạnh đầu mùa	102
• Những ngày mới	110
• Duyên số	118

• Cô áo lụa hồng	124
• Bắt đầu	132
• Người dầm	145
• Hai đứa trẻ	151
• Đứa con	162
• Trong bóng tối buổi chiều	171
• Cuốn sách bỏ quên	177
• Dưới bóng hoàng lan	186
• Tôi ba mươi	195
• Cô hàng xén	203
• Tình xưa	222
• Sợi tóc	239

II. TIỂU THUYẾT

• Ngày mới	250
------------	-----

III. KÝ SỰ

• Hà Nội băm sáu phố phường	438
-----------------------------	-----

IV. TIỂU LUẬN PHÊ BÌNH

• Theo dòng	506
-------------	-----

NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI
B15 – Lô 2 – Mỹ Đình – Hà Nội
ĐT: 844.62872617
Fax: 844.82871730

THẠCH LAM

TUYỂN TẬP

Chịu trách nhiệm xuất bản:
BÙI VIỆT BẮC

Biên tập: **NGUYỄN THẾ VINH**

Vẽ bìa: **VĂN SÁNG**

Sửa bản in: **THANH THANH**

In 800 cuốn, khổ 14,5 x 20,5cm tại Công ty in và Thương mại Á Phi.
Giấy phép số 1133-2010/CXB/55-49/TĐ.
In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2011.

THẠCH LÂM TUYỂN TẬP



NHÀ SÁCH
30 HÀN THUYỀN
QUẬN HAI BÀ TRUNG – HÀ NỘI
ĐT: 043 8 246 272
FAX: 043 9 333 658

GIÁ 99 000 Đ